Tư Tưởng Tịnh Độ Tông (HT Thích Như Điển biên soạn)

Tịnh Độ — sách & giảng giải

Hòa Thượng THÍCH NHƯ đIỂN biên soạn

Bắt ñầu viết sách nầy vào ngày 1 tháng 11 năm 2011 tại Tu Viện đa Bảo vùng Blue Mountains, Úc đại Lợi, nhân lần tịnh tu, nhập thất lần thứ 9.

Viết xong 418 trang khổ A4 vào ngày 1 tháng 12 năm 2011 tại Tu Viện đa Bảo

Mục Lục

l.- Lời nói ñầu . . . . . 5 I.- đức Phật Thích Ca Mâu Ni là một đức Phật lịch sử . . . 13 A.- Tư tưởng của kinh A Di đà . . . . . 20 B.- Tư tưởng kinh Vô Lượng Thọ . . . . . 31 C.- Tư tưởng kinh Quán Vô Lượng Thọ 77

II.- Tịnh độ Tông của Ấn độ . . . . . 107 A.- Ngài Long Thọ và tư tưởng Tịnh độ . . . . . 116 B.- Ngài Thế Thân và tư tưởng Tịnh độ 126

III.- Tịnh độ Tông của Trung Hoa . . . . . 135 A.- Ngài đàm Loan và tư tưởng Tịnh độ . . . . . 141 B.- Ngài đạo Xước và tư tưởng Tịnh độ . . . . . 151 C.- Ngài Thiện đạo và tư tưởng Tịnh độ 160

IV.- Tịnh độ Tông của Nhật Bản . . . . . 169 A.- Ngài Nguyên Tín và tư tưởng Tịnh độ . . . . . 187 B.- Ngài Nguyên Không và tư tưởng Tịnh độ 196

C.- Ngài Thân Loan và tư tưởng Tịnh độ 204

V.- Tịnh độ Tông của Tây Tạng . . . . . 235 Tư tưởng Tịnh độ của phái Cổ Mật 269

VI.- Phật Giáo thời kỳ ñầu của người Âu-Mỹ . . . . . 309 Tư tưởng đại Thừa và Tịnh độ Tông 342

VII.- Tịnh độ Tông của Việt Nam . . . . . 373 A.- Ngài đàm Hoằng và tư tưởng Tịnh độ . . . . . 379 B.- Ngài Thiền Tâm và tư tưởng Tịnh độ . . . . . 415 C.- Tư tưởng Tịnh độ thời hiện ñại 443

VIII.- Con ñường Tịnh độ . . . . . 471 Rút tỉa những kinh nghiệm và quán triệt . . . . . 504 tư tưởng Tịnh độ ñối với Phật Tử Việt Nam

IX.- Cùng một tác giả 519

X.- Phương danh cúng dường 521

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 5

Lời nói ñầu

Nước Úc là một lục ñịa hay nói ñúng hơn là một ñảo quốc to lớn rộng rãi, ít ai có thể hình dung ra ñược. Ngay cả những người ở ñây lâu năm họ vẫn chưa ñi hết ñảo quốc nầy. Nói là ñảo quốc, bởi vì ñất ñai ở ñây bị ngăn cách bởi Ấn độ Dương và phía Nam

ñảo quốc nầy là khoảng trời nước mênh mông giáp giới với Nam Cực. Phía Tây cũng như phía đông cách xa các quốc gia nằm lân cận mình. Nếu hỏi ñộ lớn của quốc gia nầy là bao nhiêu thì xin thưa: Hãy nhìn vào bản ñồ thế giới ñể thấy rằng cả lục ñịa Âu Châu ñem bỏ vào nước Úc vẫn chưa lớn bằng. Nước nầy ngang tầm to lớn như Hoa Kỳ và Canada; nhưng dân cư tại ñây chỉ trên dưới 30 triệu người, nghĩa là chỉ bằng dân số một phần mười của nước Mỹ. Nước là một yếu tố ñể quyết ñịnh cho sự sống của con người nơi ñây; nên chính phủ giới hạn tối ña việc nhập cư vào quốc gia nầy. Tài nguyên thiên nhiên, ñất ñai, thổ sản tại nước nầy còn nhiều lắm, chưa khai thác hết. Có lẽ chính phủ họ ñể dự bị cho một tương lai lâu dài. Vì lục ñịa nầy cũng chỉ mới phát triển trên 200 năm trở lại ñây mà thôi.

6 Lời nói ñầu

Ở ñây ña phần là rừng núi và cây bạch ñàn cũng như Kanguru; ñi ñâu cũng thấy và ở ñâu cũng gặp. Xứ Nam Phương nầy có rất nhiều cái hay cái lạ của nó, mà ai phải ñến ñây rồi mới tiếp nhận ñược những tia nắng mặt trời rọi chiếu như thế nào ở vùng Nam Bán Cầu nầy; dĩ nhiên là nó khác Phi Châu, Mỹ Châu, Âu Châu và ngay cả Á Châu nữa. Tôi ñã có nhân duyên ñến nước nầy từ năm 1979; nếu tính ñến nay (2011) cũng ñã là 32 năm rồi. Trong 32 năm ấy hầu như năm nào tôi cũng có một cho ñến 2 lần ñến thăm nước nầy. Lý do vì vấn ñề Phật Pháp cũng như khí hậu. Con người khi xa quê hương, hay nghĩ nhớ ñến quê hương rất nhiều; nhất là lúc về già. Do vậy người ta phải ñi tìm một quê hương khác, nơi ấy có cái gì ñó có thể bổ sung hay thay thế cho quê hương mình, nên tôi ñã ñến ñây nhiều lần là vậy. Tại ñây có ổi, mít, chôm chôm, măng cụt, xoài, sầu riêng, bưởi, chuối, rau muống, rau mồng tơi v.v... và tại ñây cũng có một Cộng ñồng người Việt Nam tỵ nạn Cộng Sản từ 1975 ñến nay cũng ñã lên ñến 200.000 người. Từ năm 2003 ñến nay ñã 9 lần tôi ñến Úc ñể tịnh tu, nhập thất, viết lách, hành trì tu niệm mỗi năm trên dưới 2 tháng. Tám lần trước ở tại thất đa Bảo vùng Capelltown cách Sydney chừng 40 cây số. Nơi ấy tôi cũng ñã hoàn thành một số tác phẩm và dịch phẩm ñã ñược xuất bản tại ngoại quốc trong những năm qua. Năm nay 2011, Hòa Thượng Phương Trượng chùa Pháp Bảo Thích Bảo Lạc lại ñã cho di dời Tu viện đa Bảo về vùng Blue Mountains nầy; nơi có nhiều núi ñồi và phong cảnh thiên nhiên thật tuyệt ñẹp. Từ Sydney ñến ñây bằng xe hơi, lái ñộ 2 giờ ñồng hồ, mặc dầu ñoạn ñường chỉ 135 cây số.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 7

Vì là ñường ñèo quanh co uốn khúc, khó chạy nhanh hơn ñược. địa ñiểm mới nầy có hai căn nhà, một cũ và một mới. Căn nhà mới, chủ cũ xây ñể làm chỗ nghỉ dưỡng sức cho những người lớn tuổi; nên rất ñầy ñủ tiện nghi; không khác gì Âu-Mỹ mấy, mặc dầu ñây là vùng ñồi núi, nằm cách mặt biển ñộ 1.000 mét. Vì vậy về ñêm nhiệt ñộ xuống thấp và ban ngày có khí hậu mát mẻ như vùng đà Lạt của Việt Nam. Căn nhà thứ 2 nằm trên ñồi, ñã cũ; nhưng nhìn xuống phía dưới ñồi thì quá tuyệt vời, cả một vùng trời mênh mông vô tận với cảnh trí thiên nhiên thật tuyệt hảo. Có nhiều buổi chiều khi sương xuống hay buổi sáng lúc sương chưa tan, từ ngôi nhà nầy, cảm thấy như mình ñang ở trên mây và hòa cùng với thiên nhiên như là một cảnh Tiên không khác. Nhà ở ñây xây theo lối Âu Châu nên có cả 2 hệ thống sưởi; một bằng gas và hai

bằng củi. Tôi thích nhất là ñốt củi ñể nhìn lửa tí tách thay nhau cháy trong lò, mình cảm thấy ấm lòng, khi bên ngoài trời màn ñêm ñã buông xuống. Cũng chính từ ñồi nầy, năm nay tôi biên soạn tác phẩm thứ 59 nầy. Năm 2010 tôi và Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng dịch chung với nhau quyển sách bằng tiếng Anh nhan ñề là „Chết An Lạc, Tái Sanh Hoan Hỷ“. Chính quyển sách nầy là ñộng cơ ñể tôi ñi tiếp 3 tác phẩm theo sau. Tôi không ngờ, chỉ dịch sách trong sự tình cờ, mà khám phá ra ñược Tịnh độ Tông của Tây Tạng. đây là nguồn cảm hứng ñể tôi ñi sâu vào Tịnh độ. Trước ñó mấy năm, tôi ñã dịch „Tịnh độ Tông Nhật Bản“ từ tiếng Nhật sang

tiếng Việt; nhưng dường như cũng chưa ñầy ñủ cho sự nghiên cứu của mình; cho nên năm nay (2011) tôi có bảo Thầy Hạnh Giả là ñệ tử, tìm cho Thầy một quyển sách nào bằng tiếng đức có liên quan với Tịnh độ ñể Thầy dịch ra tiếng Việt. Thầy ấy ñưa cho tôi 2 quyển. Một quyển của tác giả Schumann; ông nầy là một học giả Phật Giáo người đức rất giỏi về tiếng Pali và Sanskrit; sau khi ñọc tác phẩm về Phật Giáo của ông ta, tôi thấy tiếng Sanskrit nhiều quá, không hiểu hết; nên ñã biên thư nhờ Giáo sư Lê Mạnh Thát giúp ñỡ. Thầy ấy trả lời thuận; nhưng sau ñó tôi cảm thấy nhiêu khê quá, vì 2 ngôn ngữ nầy vốn không phải là phần chuyên môn của mình; nên tôi lại không tiếp tục và không dám làm phiền Thầy ấy nữa. Quyển thứ 2 nhan ñề tiếng đức là: „Những bản kinh căn bản của Tịnh độ Tông (A Di đà) Nhật Bản“ của Christian Steineck. đây là một luận án Tiến sĩ có nghiên cứu, chú thích kỹ càng. Phần cuối sách có giải thích chữ Hán, Nhật ngữ ra đức ngữ, rất tiện lợi. Do vậy tôi ñã chấp nhận dịch tác phẩm thứ 58 từ trong mùa An Cư Kiết Hạ năm nay ñể khi sang Úc thì dịch phẩm ấy ñã hoàn thành, chỉ cần giảo chánh lại và ñánh máy nữa mà thôi. Một bản dịch ñặc biệt khác có liên quan ñến Tịnh độ và Phật Giáo Việt Nam; ñó là luận án Tiến sĩ của Thầy Hạnh Giả, là ñệ tử xuất gia của tôi và cũng ñang dạy về Phân khoa Tôn Giáo Học tại đại Học Hannover cho những sinh viên người đức với nhan ñề là „Tang Lễ của Phật Giáo Việt Nam tại đức - Sự duy trì và thích nghi tại Hải Ngoại. Dĩ nhiên là chính Thầy ấy dịch ra tiếng Việt có sự trợ lực giảo chánh của tôi ñể câu văn tiếng Việt nhuần nhuyễn hơn và ñây không phải chỉ nói thuần về vấn ñề

chết chóc, tang ma, mà qua những lễ nghi ấy, người Phật Tử Việt Nam ñã gìn giữ phong tục nầy theo truyền thống Tịnh độ, vốn ñã hội nhập và thích nghi với xã hội người Việt ở trong nước cũng như ở tại xứ đức. Như vậy tác phẩm nầy là tác phẩm thứ 59 hoàn toàn bằng tiếng Việt; nhưng có tham cứu nhiều ở Phật Quang đại Từ điển, quyển nầy do Hòa Thượng Thích Quảng độ dịch và Hội Văn Hóa Giáo Dục Linh Sơn đài Bắc xuất bản. đây là một quyển Từ điển ñầy ñủ nhất trong những loại từ ñiển Phật Học khác. Ước vọng của tôi trong quyển „Tư Tưởng Tịnh độ Tông“ nầy là mong muốn hệ thống hóa về cách truyền thừa của các vị Tổ Sư Trung Hoa, Nhật Bản, Tây Tạng và Việt Nam ñể người Phật Tử có một cái nhìn toàn diện hơn. Dĩ nhiên là sẽ còn nhiều sự phát hiện rõ ràng và tỉ mỉ hơn nữa về sau nầy; nhưng tôi mong mỏi thiết lập sơ khởi như vậy, ñể gọi là viên gạch lót ñường ñầu tiên cho vấn ñề nầy. Tư Tưởng Tịnh độ lấy 3 kinh Tịnh

độ làm chính. đó là kinh Vô Lượng Thọ (đại Bản A Di đà); kinh Quán Vô Lượng Thọ và kinh A Di đà (Tiểu Bản A Di đà) và triển khai những sáng tác, bình luận, soạn thuật của các vị Tổ của những nước trên về quán niệm của sự vãng sanh trong thời mạt pháp nầy, ñể từ ñó, tôi ñưa ra một ñề nghị (xin xem Chương thứ VIII – Con đường Tịnh độ) cho những người tu theo Tịnh độ Tông Việt Nam có một lập luận vững vàng khi thực hành pháp môn nầy. Xưa nay ña phần chúng ta lệ thuộc văn hóa Trung Hoa không ít, trong ñó kể cả văn hóa Phật Giáo. Cho nên với tác phẩm nầy,tôi ñã hệ thống hóa tư tưởng Tịnh độ trực tiếp từ Ấn độ qua Tổ Sư Long Thọ và Tổ Sư Thế Thân, kế tục là Ngài đàm Hoằng, Sơ Tổ Tịnh độ Tông

Việt Nam; chứ không qua ngã Trung Hoa như Thiền Tông vốn dĩ ñã có lâu nay mà Việt Nam chúng ta ñã thừa kế. Tôi cũng không có một ý nghĩ hoang tưởng nào khi biên tập tác phẩm nầy. Vì lẽ: nếu không có bắt ñầu thì sẽ không có cái cuối cùng. đó là tục ngữ đức (Ohne Anfang Ohne Ende). Do vậy những gì muốn nói, tôi ñã nói hết trong tác phẩm nầy và những gì muốn viết, tôi cũng ñã viết hết rồi. Chỉ mong rằng người ñọc, kể cả các bậc cao minh, xin chỉ cho những chỗ thừa hay thiếu, ñể từ ñó tác giả sửa ñổi lại khi có lần tái bản sắp tới. Dịch, viết, sáng tác từ ngôn ngữ cho ñến thơ văn v.v... nó là một niềm vui và là sự sáng tạo của mỗi cá nhân. Do ñó quan ñiểm nào ñó ñược nhiều người hưởng ứng, quả là ñiều hân hạnh cho tác giả; nếu ngược lại chẳng có ai theo và không tán thành, thì ñó chỉ là ý kiến của cá nhân người sinh ra tác phẩm ấy mà thôi. Thành kính cảm niệm công ñức những vị nào ñã ñể mắt ghé vào ñọc tác phẩm nầy. Nếu có những lỗi nông nổi bất cập nào ñó, thì tác giả xin nhận trách nhiệm về mình. Năm 2012 sẽ xuất bản 3 tác phẩm liên quan về Tịnh độ như ñã thưa trên. Tất cả ñều ñược in ấn tống với sự tùy hỷ ñóng góp cúng dường của quý đạo Hữu Phật Tử xa gần, từ châu Úc ñến châu Âu và châu Mỹ. Quyển „Tư Tưởng Tịnh độ Tông“ nầy dự ñịnh in 5.000 cuốn và mong rằng sau khi ñọc, gấp sách lại, quý Ngài và quý Vị còn lưu lại một vài vấn ñề gì ñó quan trọng nơi tâm thức của mình; quả là hân hạnh cho người viết biết bao.

Xin cảm ân quý Thầy, quý Cô, quý đạo Hữu, quý Phật Tử ñã chịu khó bỏ công ñánh máy, xem xét lại bài vở, layout, trang trí hình bìa sách, chuyên chở, phân phát ñến từng ñịa phương trên các châu lục. Nếu không có quý vị thì bản cảo của sách nầy cũng vẫn còn nằm nguyên vẹn trên bàn viết mà thôi. Tất cả mọi công ñức xin ñược khắc ghi vào lòng và xin niệm ân tất cả chư vị.

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát

Núi ñồi đa Bảo vùng Blue Mountains ngày 5 tháng 12 năm 2011

I./ ĐỨC PHẬT THÍCH CA MÂU NI là một đức Phật lịch sử

Sử có nghĩa là sự biên chép, ghi lại những việc ñã xảy ra trong một thời ñại. đây gọi là lịch sử hay quốc sử. Lịch sử nghĩa là trải qua một thời gian có một nhân vật như thế ra ñời và nếu là Vua thì vị ñó trị vì trong khoảng thời gian nào ñó; nên gọi là sử nhà Nguyên, sử nhà Minh v.v... Lịch sử ña phần là những chuyện có thật và những việc xảy ra từng ngày, từng giờ, năm, tháng do các vị sử gia biên lại theo từng triều ñại như thế. Tuy vậy sử cũng có nhiều loại như: Huyền sử, giả sử, chánh sử, ngụy sử và lịch sử. Huyền sử là những bài viết thêu dệt về một thời cổ ñại xa xưa, nhằm tôn vinh Ông bà, Tổ tiên của một dân tộc. Huyền nghĩa là ñen. điều ấy có nghĩa là việc ghi chép vẫn còn mù mờ, chưa rõ ràng; nhưng ñời xưa không có chữ viết; nên người ñời nay muốn viết lại sử ñời xưa cũng phải dựa theo những mẩu chuyện thần thoại ñược kể ñi kể lại nhiều lần và ở một lúc nào ñó ñã trở thành huyền sử. Giả sử nghĩa là các sử gia biên chép lại những việc không có thật; chỉ là những câu chuyện cổ tích có tính

14 đức Phật Thích Ca Mâu Ni

cách hoang ñường; nhưng dân tộc ấy có thể chấp nhận ñược và người ta nghe ñi nghe lại nhiều lần, cảm thấy quen thuộc; nên ñôi khi giả sử cũng có thể biến thành chánh sử hay lịch sử cũng là chuyện ñã xảy ra trong lịch sử thế giới nhiều lần. Chánh sử là những gì mà sử gia ghi lại những việc ñúng ñắn của một triều ñại; có ngày tháng và dữ kiện v.v... nhưng chính sử nầy cũng chỉ có thể ñúng với triều ñại ñó, chứ không hoàn toàn ñúng với những triều ñại trước hoặc sau ñó. Nếu những sử gia ñương thời, viết sai những gì chế ñộ quân chủ hay chế ñộ ñộc tài mong muốn thì sử gia ấy khó tồn tại. Do vậy, chánh sử cũng chỉ có tính cách thời gian, chứ không là miên viễn. Riêng lịch sử thì có thể ñáng tin hơn là ngụy sử. Vì ngụy sử chỉ tô son trét phấn vào mỗi nhân vật huyền thoại ñể ñánh bóng cho nhân vật ñó, mà lịch sử ñời sau thì không muốn ghi lại những nhân vật của ngụy sử nầy. đã là ngụy thì không chân mà chẳng lịch. Vì sự hiện hữu của nhân vật ấy và thời ñại ấy so với sự kiện lịch sử của một dân tộc nó không phù hợp. Như vậy đức Phật Thích Ca Mâu Ni là một nhân vật lịch sử, chứ không là một huyền thoại. Vì Ngài có cha là vua Tịnh Phạn, có mẹ là Hoàng hậu Ma Ya. Sinh ra 7 ngày thì mẹ mất, ñược dì là bà Ma Ha Ba Xà Ba ðề nuôi nấng Ngài ñến lúc trưởng thành. Ngài ñã lập gia ñình với Công chúa Da Du đà La con vua Thiện Giác và hạ sanh một người con, ñặt tên là La Hầu La. đến năm 19 tuổi (theo thuyết của đại Thừa) và năm 29 tuổi (theo thuyết của Tiểu Thừa) Ngài ñã rời khỏi cung thành Ca Tỳ La Vệ,

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 15

băng rừng vượt suối ñi vào dãy núi Hy Mã Lạp Sơn ñể xuất gia học ñạo. Cho ñến năm nay (2011) tất cả các nước theo Phật Giáo trên thế giới và kể cả Liên Hiệp Quốc cũng ñều gọi là năm của Phật lịch 2555. Nghĩa là từ khi nhập Niết Bàn của đức Phật cho ñến nay là 2.555 năm.Nếu tính năm sinh của Ngài thì phải cộng thêm 80 năm nữa. Nghĩa là đức Phật Thích Ca Mâu Ni ñã ñản sanh tại Ấn độ cách ñây 2.635 năm (2.555 + 80 = 2.635 năm). Nếu trừ ñi 2.011 năm thì đức Phật Thích Ca Mâu Ni sinh ra trước Tây lịch là 624 năm; nghĩa là thế kỷ thứ 7 trước khi lịch Tây phương thành hình. Thế nhưng những nhà sử học ngày nay vẫn còn nghi vấn là đức Phật sinh ra không phải ở thế kỷ thứ 7 trước Tây lịch mà là thế kỷ thứ 6 và có nhiều người còn cho rằng ngài sinh ra tại Ấn độ

vào thế kỷ thứ 5 trước Tây lịch. Vì sao có những sự việc nầy ? Vì lịch của Ấn độ không rõ ràng bằng lịch âm dương của Trung Hoa. Do vậy những sử gia về sau nầy có quyền nghi ngờ về những dữ kiện lịch sử ấy. Tuy nhiêu dẫu cho niên ñại sinh ra, xuất gia và sự thành ñạo của đức Phật có chưa ñược thống nhất, thì đức Phật Thích Ca Mâu Ni vẫn là một đức Phật lịch sử, không phải là một nhân vật tượng trưng hay một đức Phật siêu việt, không có lịch sử hiện hữu trong thế gian nầy như đức Phật A Di đà, đức Phật Dược Sư v.v... Trong 49 năm thuyết pháp (theo đại Thừa) hay 45 năm (theo Tiểu Thừa) kể từ sau khi thành ñạo, đức Phật ñã thuyết pháp giáo hóa khắp nơi tại Ấn độ và sau nầy các nhà nghiên cứu đại Thừa chia ra làm 12 loại kinh

16 đức Phật Thích Ca Mâu Ni

ñiển mà đức Phật ñã thuyết giảng gồm những loại như sau: Một là Khế Kinh (tiếng Phạn là Sùtra; Hán dịch là Tu đa La) cũng còn gọi là Trường hàng. Tức là thể văn xuôi, trực tiếp ghi lại những lời giảng dạy của đức Phật. Hai là Ứng Tụng (tiếng Phạn là Geya; Hán dịch âm là Kỳ Dạ) cũng gọi là Trùng tụng. Tức là phần kệ tụng giải thích lại cho rõ những giáo thuyết mà khế kinh ñã nói ra. Ba là Ký biệt (tiếng Phạn là Vyàkarana; Hán dịch âm là Hòa già la na) cũng gọi là Thọ Ký. Vốn là thể loại giải thích về giáo nghĩa, ñời sau ñặc biệt chỉ cho những lời ấn chứng trước của Phật về các việc làm trong vị lai của các ñệ tử. Bốn là Phúng tụng (tiếng Phạn là Gàtha; Hán dịch âm là Già đà), cũng gọi là Cô Khởi. Tức là thể loại tụng ñộc lập, trực tiếp ghi chép giáo thuyết của Phật, chứ không lặp lại ý nghĩa trong phần văn Trường Hàng ñã nói trước ñó như vai trò của Trùng Tụng. Năm là Tự thuyết (tiếng Phạn là Udanà; Hán dịch âm là Ưu đà Na). Nghĩa là đức Phật không ñợi người khác thưa hỏi, mà Ngài tự khai thị chỉ bày. Sáu là Nhân Duyên (tiếng Phạn là Nidàna; Hán dịch âm là Ni đà Na). Ghi chép nhân duyên (nguyên do) thuyết pháp giáo hóa của Phật, như phẩm Tựa của các kinh. Bảy là Thí Dụ (tiếng Phạn là Avadàna; Hán dịch âm là A Ba đà Na). Dùng thí dụ ñể nói pháp nghĩa.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 17

Tám là Bản Sự (tiếng Phạn là Itivrttaka; Hán dịch âm là Y đế Viết đa Già). Thể loại ghi chép về hành trạng của Phật và các ñệ tử ở ñời quá khứ, ngoài bản sinh ñàm. Hoặc những kinh mở ñầu bằng câu "Phật nói như vậy" cũng thuộc thể loại nầy. Chín là Bản Sanh (tiếng Phạn là Jàtaka; Hán dịch âm là Xà đà Già). Thể loại ghi chép hạnh ñại bi mà đức Phật tu hành trong các ñời quá khứ. Mười là Phương Quảng (tiếng Phạn là Vaipulya; Hán dịch âm là Tỳ Phật lược). Các kinh giảng nói giáo nghĩa sâu xa rộng lớn. Mười một là Hy Pháp (tiếng Phạn là Adbhutadharma; Hán dịch âm là A Phù đà đạt Ma) cũng gọi là Vị Tằng Hữu Pháp. Tức thể loại hình ghi chép những việc hiếm có của Phật và các ñệ tử. Mười hai là Luận Nghị (tiếng Phạn là Upadesa; Hán dịch âm là Ưu Ba đề Xá). Thể loại kinh ghi chép việc đức Phật nghị luận về thể tính các pháp, phân biệt rõ ràng ý nghĩa. Mười hai thể loại trên ñây, đại Thừa, Tiểu Thừa ñều có. Nhưng có chỗ cho rằng Phương Quảng là các kinh mà chỉ đại Thừa mới có; lại có thuyết chủ trương ngoài ký biệt, tự thuyết và Phương Quảng ra, 9 thể loại còn lại ñều thuộc kinh Tiểu Thừa. Hoặc có thuyết cho rằng ngoài Nhân Duyên, Thí Dụ và Nghị Luận ra, 9 thể loại kia ñều thuộc kinh đại Thừa. Hoặc có thuyết cho rằng 9 thể loại trừ Thí Dụ, Bản Sanh và Nghị

Luận, là 9 bộ kinh; hoặc trừ Tự Thuyết, Thí Dụ và Nghị Luận là 9 bộ kinh (Trích Phật Quang đại Từ điển của Hòa Thượng Thích Quảng độ dịch trang 5.506).

18 đức Phật Thích Ca Mâu Ni

Kể từ khi đức Phật thuyết pháp cho ñến năm 85 trước Tây lịch, Ba Tạng kinh Luật Luận bằng tiếng Pali mới hình thành bằng chữ viết ñã trả qua hơn 500 năm như thế bằng cách khẩu truyền qua 4 kỳ đại Kết tập bởi các vị A La Hán. Dĩ nhiên là chúng ta có quyền tin tưởng trọn vẹn nơi chư vị Thánh Giả nầy; nhưng vấn ñề tư tưởng và bộ phái ñã phân chia rõ ràng sau thời kỳ kết tập thứ 2 dưới triều vua A Dục (trước Tây lịch) tại thành Tỳ Xá Ly. Kỳ kết tập lần ñầu tại ñộng Thất Diệp sau khi đức Phật nhập diệt 100 ngày do Ngài Ca Diếp chủ tọa. Kỳ kết tập nầy chỉ tuyên ñọc lại kinh, luật và những gì đức Phật ñã dạy. Thời kỳ kết tập thứ hai sau 100 năm tại thành Hoa Thị (Patna ngày nay) ñã có sự phân biệt trong giáo ñoàn Tỳ Kheo về vấn ñề giới luật và kỳ kết tập lần thứ 3 thì ñã phân chia rõ tính cách bộ phái của Thượng Tọa Bộ và đại chúng bộ. đến kỳ kết tập lần thứ 4 trước Tây lịch gần 100 năm là thời kỳ phân chia tư tưởng đại Thừa, Tiểu Thừa một cách rõ ràng nhất. Các nhà nghiên cứu Phật Giáo bộ phái hay Nguyên Thủy và Tiểu Thừa thì cho rằng Phật Giáo đại Thừa ñã ñi quá xa tư tưởng Nguyên Thủy thời đức Phật dạy.; nhưng các vị đại Luận Sư nổi tiếng của Tiểu Thừa như Ngài Vô Trước, Thế Thân, Mã Minh và Long Thọ của Ấn độ vẫn căn cứ vào tư tưởng và những lời dạy của đức Phật trong các kinh ñiển Tiểu Thừa ñể xiển dương đại Thừa, như vậy cũng không thể gọi là sai. Vì lẽ tư tưởng cần phải phát triển và khế hợp với từng thời ñại cũng như hoàn cảnh của ñất nước mà Phật Giáo du nhập vào ñó. Ví dụ như những nước phương Bắc Á Châu hay Âu Mỹ ngày nay thì thích hợp với tinh thần đại Thừa duy tân, cởi mở, sửa ñổi nhiều hơn là tư tưởng của Tiểu Thừa.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 19

Trong khi ñó các nước Phật Giáo Nam Á Châu thì khế hợp với tinh thần Nam Tông hơn là Bắc Tông. Do vậy chúng ta không thể nói là cái nào ñúng, cái nào sai, mà ở ñây chỉ nói về tinh thần khế hợp cũng như phát triển giáo lý ấy mà thôi. Vậy ở ñây xin xác nhận lại một lần nữa là đức Phật Thích Ca Mâu Ni là một đức Phật lịch sử chứ không phải là đức Phật tượng trưng và giáo lý của Ngài ñã thuyết giảng là giáo lý chơn thật, bao gồm cả đại Thừa và Tiểu Thừa như 12 bộ kinh tiêu biểu bên trên ñã trình bày. Như vậy Kinh A Di đà, Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Quán Vô Lượng Thọ thuộc về loại không hỏi mà nói. Những kinh nầy chính do kim khẩu của đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói ra và chúng ta, qua trí tuệ cũng như sự chứng thật của Ngài, tin rằng lời Phật không bao giờ hư dối, nên phát huy pháp môn Tịnh độ cũng là cách ñể làm rõ nét về lời dạy của đức Phật qua một phương pháp tu trong nhiều pháp tu khác ñể ñược thoát ly sanh tử luân hồi.

20 đức Phật Thích Ca Mâu Ni

A. Tư tưởng của Kinh A DI đÀ

Trong 49 mùa an cư kiết hạ (theo đại Thừa) và 45 mùa (theo Tiểu Thừa) thì đức Phật Thích Ca Mâu Ni ñã an cư tại nước Xá Vệ, nơi vườn cây của Trưởng Giả Cấp Cô độc và

Thái Tử Kỳ đà ñã hơn 25 mùa như thế. Mỗi năm 3 tháng và Kinh A Di đà đức Phật ñã nói tại ñây cho Ngài Xá Lợi Phất nghe trực tiếp. Kinh nầy ñược gọi là Kinh Tiểu Phẩm A Di đà và kinh nầy vẫn còn chữ Phạn cũng như chữ Hán. đây là bản kinh có sau kinh Vô Lượng Thọ cũng như Quán Vô Lượng Thọ; nhưng xin nêu danh kinh nầy lên ñầu, vì kinh nầy các nước Phật Giáo theo Tông Tịnh độ ñều trì tụng hằng ngày tại chùa hay tại tư gia như ở Trung Hoa, đại Hàn, Việt Nam, Nhật Bản v.v... đây là một kinh ngắn, dễ ñọc tụng và thâm hiểu nghĩa lý cho mọi tầng lớp của những người tin theo pháp môn nầy. Mở ñầu kinh văn ñược cho biết là: “Tôi nghe như vầy: Một thời đức Phật ở nước Xá Vệ, Tịnh Xá Kỳ Hoàn, trong khu vườn của Thái Tử Kỳ đà và Cấp Cô độc. Ngài cùng với số ñông một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ Kheo câu hội lại một chỗ. Chư Tỳ Kheo nầy ñều là những vị đại A La Hán, ñược nhiều người biết ñến...”. Tôi ở ñây là Ngài A Nan. Ngài A Nan làm Thị giả cho đức Phật trong 25 năm sau cùng, trước khi Phật thị tịch

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 21

Niết Bàn. Ở ñây muốn xác ñịnh là ai nghe cùng với ai và tại nơi chốn nào ñã rõ ràng; nhưng ñứng về phương diện thời gian thì kinh văn chỉ cho biết rằng: Một thời đức Phật... một thời ấy chính là lúc đức Phật còn tại thế và là lúc mà đức Phật ñang an cư tại xứ Xá Vệ. Ngày xưa ñối với lịch sử của Ấn độ không nói rõ như lịch Trung Hoa hay lịch Âu Mỹ. Các nhà nghiên cứu cũng có thể tìm hiểu tất cả những bộ kinh và ghi chú vào ñó những niên ñại, mà chắc rằng trong phạm vi kinh ñiển của Tiểu Thừa thì không có ghi những bộ kinh “vô vấn tự thuyết” như thế nầy. Ở ñây không muốn phân biệt Nam, Bắc – đại, Tiểu; nhưng nêu ra như vậy ñể thấy rằng cái nào chấp nhận ñược thì chấp nhận. Ai không chấp nhận thì quyền của người ñó. Vì người xưa ñã không nêu rõ ràng, thì người ñời nay chỉ nên y theo pháp môn truyền thừa ñể tu học, không nên y theo lối lập luận nhị nguyên ñể bị kẹt vào chỗ ñối xử, tính toán v.v... đức Phật ñầu tiên giải thích về cõi Cực Lạc cho chúng ñệ tử biết. Cực Lạc chỉ có một mà Tịnh độ thì có nhiều. Tiếng Phạn gọi Cực Lạc là Sukkhavati; còn Tịnh độ là cõi Thanh Tịnh, ngược lại với uế ñộ là nơi mà chúng sanh còn ñang sinh sống tu học. Tịnh độ theo các nhà nghiên cứu thì có 4 loại. đó là: Thường tịch quang Tịnh độ Thật báo trang nghiêm Tịnh độ Phương Tiện Hữu Dư Tịnh độ Phàm Thánh đồng Cư Tịnh độ Cõi Cực Lạc hay cõi Tịnh độ mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni muốn giới thiệu cho chúng sanh ở thế giới Ta Bà nầy là cõi: Phàm Thánh đồng Cư Tịnh độ. Vì sao vậy? Vì chúng sanh ñang ở trong cõi Ta Bà, ngũ trược ác thế nầy

22 đức Phật Thích Ca Mâu Ni

ñầy phiền não, khổ ñau; cho nên đức Phật giới thiệu cho chúng sanh ở ñây một cõi giới khác, chỉ thuần có vui và không bị khổ sanh tử chi phối ñể biết mà thác sanh về ñó. Tiếp ñến đức Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu phong cảnh của thế giới Cực Lạc. Tất cả toàn bằng bốn hay bảy chất báu. Nào là ñất cát, cây cối, ao hồ, hoa sen v.v... tất cả ñều ñẹp ñẽ khác xa với thế giới Ta Bà nơi chúng ta ñang sinh sống. đức Phật xác ñịnh với Ngài Xá Lợi Phất rằng: đó là do những công ñức mà thành tựu ñược ñể trang nghiêm thế giới Cực Lạc như vậy. Nào là thiên nhạc, mưa hoa; nào là chim chóc khác lạ. Những

chim nầy biết nói pháp, khiến cho người nghe ñều nghĩ ñến Phật, Pháp, Tăng. đức Phật cũng tự giải thích cho Ngài Xá Lợi Phất nghe rằng: Những con chim ấy ñều do đức Phật A Di đà hóa hiện ra cả. Ngay cả gió ở cõi nầy cũng làm cho cây cối tại ñó vang lên những thứ nhạc nhiệm mầu, khiến cho người nghe tự nhiên nhớ nghĩ ñến ba ngôi báu. Bây giờ đức Phật Thích Ca Mâu Ni muốn giải thích cho Ngài Xá Lợi Phất và chúng hội ñang ngồi nghe Ngài giảng pháp vì sao gọi đức Phật nầy là A Di đà ? – Do vì ánh sáng của Ngài không có hạn lượng và tuổi thọ của Ngài dài, lâu ñến vô số lượng, vô biên A Tăng kỳ kiếp; nên gọi là A Di đà và vị Phật ấy ñã thành Phật, cho ñến nay là 10 ñại kiếp rồi (mỗi kiếp như vậy tương ñương với một ngày ở cõi trời đại Phạm; hoặc 1.000 thời (Phạn: Yuga); tức là 243.000.000 năm ở nhân gian). đây là con số thời gian không thể tính ñếm ñược theo chủ trương của Ấn độ giáo. Ngài có vô số ñệ tử toàn là những bậc A La Hán.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 23

Những chúng sanh nào sanh về ñây rồi ñều không bị thối chuyển và toàn là những vị Bồ Tát nhứt sanh bổ xứ. Khi nghe ñược như vậy, nên phát tâm sanh về ñây. Vì sao vậy ? – Vì ñể gần gũi với các bậc Thánh ở ñấy. Rõ ràng là cõi ấy không còn luân hồi sanh tử và sanh, già, bệnh, chết như cõi của chúng ta nữa. Ở cõi người nếu không biết tu còn phải bị trầm luân trong sanh tử và vào ra các cõi khổ ñau như: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh hay khá hơn như chư thiên hay Thiên Thần; nhưng tất cả ñều phải bị chi phối bởi nghiệp lực của mỗi người. đức Phật Thích Ca cũng nhấn mạnh rằng: Chẳng phải dùng một nhân duyên, phước ñức, căn lành nhỏ ít mà ñược sanh về nước ấy. Nếu người nào khi nghe danh hiệu của đức Phật A Di đà rồi, liền trong 1 cho ñến 7 ngày phải một lòng chẳng loạn ñộng trì niệm danh hiệu cho ñến lúc sắp lâm chung thì đức A Di đà và các vị Thánh Chúng sẽ hiện ra trước mặt người ấy và nếu kẻ mất ấy lòng chẳng ñiên ñảo, liền ñược sanh về cõi nước Cực Lạc của đức Phật A Di đà. Tư tưởng nầy không phải là tư tưởng cứu rỗi như những Tôn giáo hữu thần khác, mà ñây là do bổn nguyện của đức Phật A Di đà ñã phát ra 48 lời nguyện khi còn là một Pháp Tạng Tỳ Kheo ở thời đức Thế Tự Tại Vương Như Lai. Việc trì niệm danh hiệu nhứt tâm chỉ là cái nhân và nhờ ñó, qua tha lực của Ngài cũng như công ñức của người sắp lâm chung mà ñược sanh về ở thế giới Cực Lạc tùy theo từng nơi chốn và phẩm vị khác nhau. đây chính là do phước ñức nhơn duyên vậy. Sau khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng những lời như thế rồi, liền bảo Ngài Xá Lợi Phất rằng: Nếu có

24 đức Phật Thích Ca Mâu Ni

chúng sanh nào nghe ñược lời nói nầy, thì nên phát nguyện sanh về cõi ấy. đây là một công ñức thật là khó nghĩ bàn. Sau ñó đức Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu cho Ngài Xá Lợi Phất và hội chúng về các cõi Phật ở phía đông của Ngài A Súc Bê; phía Nam của Ngài Nhật Nguyệt đăng; phía Tây của Phật Vô Lượng Thọ; phía Bắc của Phật Diệm Kiên; phía dưới có Phật Sư Tử; phía trên có Phật Phạm Âm và hằng hà sa số các vị Phật khác nữa và vị Phật nào cũng ở cõi nước của mình và ñưa tướng lưỡi rộng dài che khắp toàn cõi ñại thiên ñể nói lên lời thành thật rằng: Hỡi các chúng sanh! Nên tin công ñức chẳng thể nghĩ bàn của lời khen ngợi về bản kinh mà tất cả chư Phật ñều cùng hộ

niệm. Như vậy có nhiều cõi Tịnh độ khác nhau; mỗi cõi như vậy có một vị Phật ñang giáo hóa chúng sanh và thuyết pháp tại ñó. Cõi Tịnh độ ấy toàn là ánh sáng, không chen lẫn những màu sắc khác, không có ngày ñêm, không có sự khổ không có nam nữ giao hội với nhau, không có sanh tử luân hồi; nên cõi ấy cũng còn gọi là cõi thanh tịnh của đức Tỳ Lô Giá Na Phật nữa. Những cõi ấy là y báo và chánh báo ñều trang nghiêm; cho nên gọi là báo ñộ chơn thật. Ngoài ra cũng còn có những cõi Tịnh độ do chư Phật vì Phương Tiện mà hiện ra. Riêng chỉ có cõi Tây Phương Cực Lạc là cõi Phàm Thánh ñồng cư Tịnh độ thật dễ ñể tái sanh; cho nên đức Phật Thích Ca Mâu Ni ñã giới thiệu cho chúng sanh ở cõi Ta Bà nầy nên thác sanh về ñó. Khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni tán thán xưng dương những vị Phật ở các cõi khác như thế, thì các vị Phật nầy cũng nói rằng: đức Phật Thích Ca Mâu Ni làm việc khó

làm. Vì chúng sanh trong cõi Ta Bà ở ñời năm trược nầy, sau khi chứng ñạo ñã vì chúng sanh mà nói ra pháp môn nầy thật là khó tin tưởng và chính đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng ñã xác nhận ñiều nầy lại một lần nữa như vậy. Vì sao thế ? – Vì lẽ chúng sanh trong ñời ác năm trược không dùng trí tuệ ñể tin sâu, nguyện thiết mà dùng sự ngu si, ñộn căn ñể phán ñoán việc làm của chư Phật. Do vậy nói ra giáo pháp như thế là ñiều rất khó. Sau khi đức Phật nói kinh Tiểu Phẩm A Di đà nầy xong rồi thì Ngài Xá Lợi Phất và các vị Tỳ Kheo và tất cả thế gian, Trời, người, A Tu La nghe lời Phật dạy, mọi người ñều vui mừng tin nhận lời Phật, làm lễ rồi lui ra. đức Phật A Di đà (theo kinh Vô Lượng Thọ, trang 63) cho biết Ngài có tất cả 12 danh hiệu. đó là: 1.- Vô Lượng Quang 2.- Vô Biên Quang 3.- Vô Ngại Quang 4.- Vô đối Quang 5.- Diệm Vương Quang 6.- Thanh Tịnh Quang 7.- Hoan Hỷ Quang 8.- Trí Tuệ Quang 9.- Nan Tư Quang 10.- Bất đoạn Quang 11.- Vô Xưng Quang

12.- Siêu Nhật Nguyệt Quang. Chữ Amitabha có nghĩa là Vô Lượng Quang. Nghĩa là đức Phật có hào quang vô lượng. Chữ Amitayus có nghĩa là Vô Lượng Thọ. đức Phật ấy có tuổi thọ không lường ñược. Chữ hào quang hay ánh sáng ấy ñi kèm với tên của Ngài ở phía trước trong 12 danh hiệu trên nhằm nhấn mạnh cho chúng sanh biết rõ về cuộc ñời và bổn nguyện của Ngài. Ánh sáng ấy như thế nào ? – Dĩ nhiên không phải là ánh sáng bình thường của mặt trời, mặt trăng ở thế gian nầy. Ánh sáng ấy vô lượng, có thể chiếu tỏa khắp mười phương vô biên thế giới; chiếu suốt qua tất cả chúng sanh nào có nhân duyên ñể ñược Ngài và chư vị Thánh Chúng ñón nhận về cõi Cực Lạc của Ngài. Một cây trồng trong bóng tối, khi lớn lên cây ấy vươn ra phía có ánh sáng mặt trời ñể tiếp nhận ánh sáng bình thường ấy, tạo nên diệp lục tố, nuôi sống cho thân cây. đây là một sự tình cờ, một sự ngẫu nhiên. Cây cỏ tự tìm ñến ánh sáng ấy. Trong khi ñó một chúng sanh ở cõi Ta Bà nầy khởi lên tâm niệm nhớ ñến đức Phật A Di đà và niệm danh hiệu của Ngài thì tự ñộng với tha lực của đức Phật A Di đà sẽ chiếu rọi, bao bọc, cứu vớt chúng sanh ấy về với cõi của Ngài. Sự sanh về ñó là do tha lực và bổn nguyện lực của Ngài mà thành tựu. Lực ấy to lớn như chiếc thuyền chở tảng ñá lớn qua bên kia sông. đến ñược bờ rồi thì tảng ñá vẫn là tảng ñá, hòn sỏi vẫn là hòn sỏi; chứ tảng ñá không

thể biến thành hòn sỏi và hòn sỏi không biến thành hạt cát ñược; nếu chúng sanh ấy không tự tu niệm. đức Phật không tha thứ tội lỗi cho chúng sanh, chỉ dùng lòng từ bi và trí tuệ ñể hướng dẫn cho chúng sanh mà thôi. Do vậy tinh thần và tư tưởng

của kinh A Di đà hay của đức Phật A Di đà khác với những Tôn giáo hữu thần khác nằm ở ñiểm căn bản nầy. Tư tưởng cứu ñộ ấy vượt qua khỏi tâm nguyện bình thường của chúng sanh; nhưng không có nghĩa là tha thứ cho chúng sanh. Tư tưởng ấy khiến cho chúng sanh bước lên thêm một nấc thang cao hơn nữa ñể nhập vào quả vị Thánh, qua sự dìu dắt, chỉ bảo của đức Phật A Di đà và các vị Thánh Chúng Quan Thế Âm và đại Thế Chí tại ñó. Nếu một hạt cát (ví dụ cho tội nhẹ) mà bỏ vào sông biển, thì cát ấy vẫn chìm sâu vào ñáy sông, ñáy biển; nhưng nếu hạt cát ấy hay lớn hơn như hòn ñá (ví dụ cho ngũ nghịch trọng tội) mà ñược chở trên chiếc thuyền lớn thì ñá kia sẽ nổi. đây là tư tưởng cứu ñộ, là lời thệ nguyện, là bổn nguyện lực của đức Phật A Di đà vậy. Ở vào thời ñiểm của đức Phật Thích Ca Mâu Ni khi mà khoa học chưa phát triển cách ñây hơn 2.500 năm về trước, nhân loại ña phần còn ăn lông, ở lỗ; sống ñời sống du mục rày ñây mai ñó, cơm không có ăn, phải săn thú rừng ñể xẻ thịt, phải lấy ñá làm lửa v.v... mà nói ñến cảnh giới nầy hay cảnh giới kia, quả là một ñiều quá xa vời, khó tưởng tượng nổi và ngay cả thời nay, nhiều người trí thức, có thành tựu bằng cấp đại Học, nhưng vẫn khó tin như thường, mặc dầu khoa học ñã chứng minh cho thấy rằng: Ngoài hành tinh chúng ta ñang ở, còn vô số hành tinh khác nữa; nơi ấy có sự sống của nhiều chúng sanh. Khoa học ngày nay ñã ñặt chân lên cung trăng và các vì sao khác, nhưng khoa học vẫn chưa tìm ra ñược ñiểm khởi ñầu và ñiểm cuối cùng của vũ trụ nầy; nhưng đức Phật Thích Ca Mâu Ni ñã nói rõ trong những lời dạy rằng: “Vũ trụ và con người có từ vô thủy

và kết cuộc bằng vô chung”. Nghĩa là không có cái ban ñầu và chẳng có cái cuối cùng. Tất cả ñều do nhân duyên sanh và tất cả ñều do nhân duyên diệt. Cái nầy sanh thì cái kia diệt. Cái nầy tồn tại thì choán chỗ của cái kia và cái kia phải tự ñộng di dời ñi chỗ khác. đây chính là pháp nhân duyên sanh của đạo Phật vậy. Có nhiều người ñòi thấy ñược mới tin, còn chưa thấy thì không tin; nhưng niềm tin của Tôn giáo là ñể tin, chứ không phải ñể thấy ñược hay chứng minh như toán học. Chúng ta tin rằng có một thế giới Cực Lạc như vậy qua kinh A Di đà là do đức Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu. Chúng ta tin rằng có một cảnh giới như thế. Vì đức Phật nói toàn là những lời chơn thật; chưa bao giờ các Ngài dối trá với chúng sanh làm gì. điều ấy liệu có lợi gì trong phương pháp ñộ sanh của các Ngài chăng ? Có những vật chúng ta không thấy như không khí mà chúng ta vẫn tin rằng: Nếu không có không khí thì chúng ta sẽ chết. Không ai chối cãi ñiều nầy. Không khí sờ sờ trước mắt, trong hơi thở, trong từng thớ thịt, làn da của chúng ta nhưng ai có thấy ñược bao giờ ñâu, mà ñòi thấy mới tin. Một ví dụ khác ñể chứng minh cho việc không thấy mà vẫn tin như thường. đó là sự hiện hữu của chúng ta ngày hôm nay trong cõi ñời nầy. Có ai trong chúng ta thấy ñược mặt mũi của ông Tằng, ông Tổ thuộc tộc họ của mình ñâu, mà ai trong chúng ta cũng phải

tin chắc một ñiều là: Nếu không có họ thì làm sao có chúng ta ngày hôm nay ñược! Chỉ hai ví dụ ñiển hình ấy ñể chứng minh cho những người muốn thấy rồi mới tin. đa phần những người tin thì không cần thấy. Ví dụ như chúng ta tin rằng: Ăn cơm lâu ngày thì cơm sẽ nuôi thân thể nầy lớn.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 29

Có khi nào ngồi vào bàn ăn chúng ta hỏi rằng: Cơm là gì chăng ? Thế mà chúng ta ñã lớn lên, rồi già ñi và chết chóc. Nếu không có cơm thì ai nuôi sống thân nầy ? Những việc chứng minh ñược, tiếp xúc ñược, sờ mó ñược, mà chúng ta vẫn không tin thì làm sao dễ tin ñược ở một cảnh giới xa xôi cách ñây hằng trăm, hằng ngàn thế giới ? Chỉ có trí tuệ của chư Phật mới cảm nhận ñược việc nầy rồi ñem giới thiệu cho chúng ta. Còn với trí tuệ giới hạn bởi những con số và sự tính toán của loài người thì làm sao có thể hiểu ñược. đến thế kỷ thứ 20, có nhà Bác học Albert Einstein người đức gốc Do Thái sinh ra tại Neu Ulm thuộc miền Nam nước đức. Ông ta sau đệ nhị thế chiến (1945) ñã sang Hoa Kỳ tỵ nạn và ông ñược lãnh giải thưởng Nobel thế giới về Vật Lý và Toán Học. Ông ta là cha ñẻ của thuyết tương ñối và mới ñây Liên Hiệp Quốc bình chọn ông ta là người của thế kỷ thứ 20, ñại diện cho 6 tỷ người khác ñang hiện diện trên quả ñịa cầu nầy. Ông ta ñã phát biểu nhiều ñiều; nhưng có một ñiều rất quan trọng ñối với Phật Tử chúng ta là: “Phật Giáo không cần phải chứng minh những lời dạy của đức Phật hợp với khoa học. Vì tất cả những lời dạy của đức Phật ñã vượt ra khỏi và lên trên cả khoa học nữa”. đây là một tư tưởng của siêu nhân ñược chứng minh qua vai trò, chỗ ñứng của ông trong xã hội loài người. Vậy thì tư tưởng của kinh A Di đà do đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói ra cách ñây hơn 2.500 năm về trước tại nước Xá Vệ cho Ngài Xá Lợi Phất và chúng hội nghe, không có ñiều gì ñể cho chúng ta nghi vấn nữa, mà nên tin những lời dạy của đức Phật là ñứng ñắn và có thật.

30 đức Phật Thích Ca Mâu Ni

Từ trước ñến nay chúng ta ñã thấy về nội dung của kinh cũng như mục ñích của đức Phật ñã giới thiệu, chúng ta vững tin vào pháp môn Tịnh độ ñể ñược vãng sanh khi lâm chung qua lời giới thiệu của đức Bổn Sư. Chúng ta hoan hỷ ñón nhận pháp môn nầy là một pháp môn thù thắng, bất khả tư nghì. Chính đức Phật Thích Ca cũng ñã xác nhận ñiều nầy vào cuối bản kinh văn A Di đà. Ai tin tưởng và nguyện sanh về thì người ấy sẽ ñược vãng sanh, lợi lạc cho ñời sau và mãi mãi ở những kiếp về sau nữa. Ai không tin mà còn nghi ngờ thì ñó là quyền của người ấy, chúng ta không có quyền ép buộc và ñiều nầy cho thấy rằng: Những người ấy thiếu nhơn duyên với Tịnh độ mà thôi. Ngay cả ñối với đức Phật Thích Ca và đức Phật A Di đà cũng chỉ có thể ñộ ñược cho những người hữu duyên; còn những người thiếu nhân duyên với chư Phật và nhất là nhân duyên Tịnh độ thì các Ngài cũng chẳng có cách gì hơn. Hy vọng rằng chúng ta không phải là những người thiếu phước như vậy.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 31

B.- Tư Tưởng Kinh VÔ LƯỢNG THỌ

Kinh Vô Lượng Thọ là một trong ba kinh quan trọng của những người tu theo pháp môn Tịnh độ do chính đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói ra. Kinh nầy trong hiện tại vẫn còn nguyên bản tiếng Phạn và Hán văn; nhờ ñó các vị dịch kinh và các vị luận sư có cơ hội tìm hiểu, ñối chiếu ñể phiên dịch và chú giải, diễn giảng v.v... Kinh nầy gồm 2 quyển Thượng và Hạ. Quyển Thượng nội dung nói về: Vào một thuở xa xưa có một vị Vua sau khi nghe đức Phật Thế Tự Tại Vương thuyết pháp, thâm nhập ñầy sự vui ñẹp, liền bỏ ngôi, xuất gia làm Sa Môn hiệu là Pháp Tạng, từ ñó Ngài phát tâm Vô Thượng Bồ đề và phát ra 48 lời đại Nguyện (Kinh Vô Lượng Thọ trang 42 ñến trang 54). Từ ñó Ngài Pháp Tạng Tỳ Kheo thỉnh đức Như Lai mở bày và diễn giải về hạnh tu Tịnh độ của các đức Phật, theo ñó mà tu hành ñể hoàn thành sở nguyện (kinh Vô Lượng Thọ trang 35). Quyển Hạ, đức Phật ñã dạy cho Ngài A Nan và Ngài Di Lặc cũng như những vị Bồ Tát khác về việc vãng sanh ở cửu phẩm liên hoa nơi các bậc thượng, trung, hạ và ñặc biệt nói về ñời ác năm trược, chúng sanh lành ít dữ nhiều. Nếu ai có tâm hướng ñến danh hiệu của đức Phật A Di đà và thực hiện các lời ñại nguyện, nhất là các lời nguyện thứ 18, 19, 20 thì sẽ ñược vãng sanh về thế giới Cực Lạc sau khi lâm chung.

32 đức Phật Thích Ca Mâu Ni

Kinh nầy cũng thuộc loại kinh xếp hàng thứ 5 trong 12 bộ kinh. đó là “vô vấn tự thuyết”. Một hôm nhìn thấy đức Phật Thích Ca dung mạo khác lạ, vô cùng hoan hỷ, Ngài A Nan mới hỏi Phật: “Hôm nay tại sao dung mạo của đức Phật lại khác hơn ngày thường?”. Phật dạy rằng: “Ngài cảm nhớ đức Phật A Di đà, muốn nhắc ñến nhân ñịa của vị Phật ấy, ñể chỉ dạy cho chúng sanh pháp môn Tịnh độ. Vì đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni nhớ nghĩ ñến đức Phật A Di đà; nên ñã nói ra kinh nầy cho Ngài A Nan và Ngài Di Lặc nghe về quá khứ cũng như những hạnh nguyện của vị Phật nầy, nhằm giúp cho chúng sanh thấy rõ 48 lời nguyện cũng như những nhân lành và quả xấu và làm thế nào ñể ñược vãng sanh về ñó, sau khi lâm chung. “Tôi nghe như vầy: Một thời đức Phật ở tại núi Kỳ Xà Quật thuộc thành Vương Xá, cùng với số ñông các vị đại Tỳ Kheo 12.000 người, toàn là những bậc A La Hán ñủ các thần thông...”. Tôi ñây chính là Ngài A Nan, làm Thị giả theo hầu đức Phật vào những năm đức Phật từ 55 ñến 80 tuổi. Vì khi Ngài A Nan sinh ra thì đức Phật ñã thành ñạo (35 tuổi theo Tiểu Thừa và 30 tuổi theo đại Thừa). đến năm 20 tuổi Ngài A Nan mới xuất gia. Do vậy Ngài A Nan chỉ làm Thị giả cho đức Phật trong 25 năm sau cùng. được một ñiều là trước khi làm Thị giả, Ngài A Nan ñã ñưa ra một số yêu cầu nơi đức Phật; nếu ñược thì Ngài mới theo hầu. đó là: - Ngài A Nan không dùng thức ăn thừa cũng như y, áo cũ của đức Phật ñể lại. Vì lẽ tránh sự ganh tị trong

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 33

Tăng đoàn cũng như không muốn bị tai tiếng về sau là đức Phật chỉ ưu ñãi Ngài A Nan chứ không ưu ñãi những vị Tỳ Kheo lão bệnh khác. - Kế tiếp là Ngài A Nan yêu cầu đức Thế Tôn tuyên thuyết lại tất cả những kinh ñiển đức Phật ñã nói mà Ngài A Nan lúc chưa xuất gia chưa ñược nghe ñến; hoặc giả đức Phật nói ở cung rồng hay Thiên cung, Ngài A Nan chưa chứng A La Hán, không có thần thông; nên không thể theo hầu Phật ở những nơi ấy. Kính mong đức Thế Tôn tuyên bày lại tất cả diệu nghĩa của những kinh

ñiển nầy. - Bên Hương Thất trên núi Linh Thứu là những ñộng ñá; nơi nhập Thiền của Ngài Xá Lợi Phất và Ngài A Nan. Bất cứ, vua, quan, thứ dân, ñại thần... nếu ai muốn gặp đức Phật phải gặp Ngài trước; nếu Ngài thấy chưa ñúng thời thì không cho vào. Mới nghe những ñiều nầy thấy hơi lạ; nhưng suy nghĩ cho cùng, tất cả ñều ñứng ñắn với tư cách của một Thị giả; cho nên đức Phật ñã chọn Ngài A Nan. Khi đức Phật cao tuổi, nhiều vị đệ Tử lớn của đức Phật như Ngài Ca Diếp cũng muốn hầu cận bên Ngài; nhưng ý đức Phật muốn chọn Ngài A Nan; nên sau khi Ngài Mục Kiền Liên dùng thần thông thấy ñược ý muốn của Phật; nên chúnng hội ñã thuận theo ý của đức Phật. Như vậy tất cả kinh ñiển có chữ bắt ñầu bằng câu: Tôi nghe như vầy. đó là lời của Ngài A Nan vậy. đức Phật ở tại núi Kỳ Xá Quật thuộc thành Vương Xá. Nhiều học giả chú thích núi Kỳ Xà Quật là núi Linh Thứu: Nhưng trên thực tế 2 núi nầy nằm riêng lẻ, cách một con ñường gọi là con ñường Tần Bà Xa La. Hai núi nầy bao

bọc thành Vương Xá của xứ Ma Kiệt đà. Lần ñầu tiên khi Thái Tử trên ñường tìm ñạo cũng ñã ñến nơi nầy, gặp vua Tần Bà Xa La. Sau khi nhà vua biết Thái Tử là đông Cung của xứ Ca Tỳ La Vệ; nên muốn nhường ngôi vua và nhà vua thì làm thần dân của nước ấy; nhưng Thái Tử ñã thưa rằng: “Chỉ có con ñường giải thoát mới là mục ñích; chứ Ngai vàng không phải là ñiều Ngài mong ước”. Cuối cùng vua Tần Bà Xa La ñã ñể cho Thái Tử ra ñi và bảo rằng: “Nếu sau khi Ngài thành ñạo, hãy về lại ñây trước ñể ñộ cho Trẫm”. Giữ lời hứa ấy, sau khi thành ñạo dưới cội Bồ đề nơi thành Già Da, đức Phật ñã ñi bộ về xứ Ma Kiệt đà, nơi thành Vương Xá nầy ñể thăm vua Tần Bà Xa La. Do vậy nơi núi Linh Thứu và núi Kỳ Xà Quật là hai nơi quan trọng ñối với đức Phật cũng như vua Tần Bà Xa La vào lúc ban ñầu cũng như trước khi đức Phật thị tịch Niết Bàn. Núi Kỳ Xà Quật có hình thể như con rắn, nhiều cây cối, nằm thoai thoải phía bên trái con ñường Tần Bà Xa La. Từ trên núi nầy đề Bà đạt đa ñã lăn ñá hại Phật, mãi cho ñến ngày nay trên ñường ñi nầy chúng ta vẫn còn thấy ñược những dấu tích ấy. Rồi một nơi khác ñánh dấu vua Tần Bà Xa La xuống ngựa, ñuổi ñoàn tùy tùng ñi trở về và một mình ñi qua một chiếc cầu nhỏ ñể lên núi Linh Thứu ñảnh lễ đức Thế Tôn. Núi Linh Thứu ở bên dưới có hai ñộng ñá của Ngài Xá Lợi Phất và Ngài A Nan. Bên trên là khu Tự viện và trên chót ñỉnh là hương thất của đức Phật. Chính từ hương thất nầy, đức Phật ñã giảng nhiều bộ kinh quan trọng như Pháp Hoa, Niết Bàn, Bát Nhã v.v... Riêng kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật nói tại núi Kỳ Xà Quật; ngày nay có lẽ nằm nơi bảo tháp hòa bình của

Phật Giáo Nhật Bản. Vì lẽ đức Phật bao giờ cũng chọn vị trí thoáng mát, cao ñẹp ñể thiền ñịnh và dễ bề quán sát nhân sinh cũng như tiếp xúc với các vị Trời cùng các vị Bồ Tát trong khoảng hư không rộng rãi ấy. Tuy đức Phật và Tăng chúng ở những nơi hoang vắng như thế ñể dễ bề thiền ñịnh; nhưng ña phần không xa những nơi dân chúng cư ngụ. Vì lẽ mỗI buổi sáng đức Phật và chư Tăng vẫn hay vào thành khất thực. Nếu không có dân cư ở ñó thì cũng là việc khó khăn cho chuyện ăn uống; nên thành Vương Xá nằm cách dưới chân núi cũng không xa lắm, ñộ chừng 2 ñến 3 cây số. Tư tưởng của 48 lời nguyện là tư tưởng vượt qua khỏi thời gian vô cùng và không gian vô

tận. Vì theo nội dung của 48 lời nguyện ấy khi nào chúng sanh không còn khổ sanh tử nữa thì đức Phật A Di đà và chư vị Thánh chúng ở cõi Tây phương Cực Lạc mới hoàn nguyện. Do vậy lời thệ nguyện thì vô cùng mà năng lực tự tại của chúng sanh quá giới hạn; nếu không nương vào tha lực của đức Phật A Di đà thì khó bề mà vãng sanh ñược. Khi còn là một Pháp Tạng Tỳ Kheo, Ngài ñã ñứng trước đức Phật Thế Tự Tại Vương Như Lai phát ra 48 lời nguyện như vầy: Nguyện thứ nhất - Giả sử khi thành Phật, trong cõi nước tôi còn có ñịa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. đây là 3 ñường khổ trong luân hồi sanh tử. Những chúng sanh nầy phải bị trầm luân, vì không giữ gìn giới luật và không tin vào tội phước báo ứng; nhưng ở cõi Cực Lạc sẽ không hoàn toàn có những cõi nầy.

36 đức Phật Thích Ca Mâu Ni

Nguyện thứ hai - Giả sử khi thành Phật, các hàng trời người trong cõi nước tôi, sau khi mạng chung mà còn sa ñọa vào ñường ác, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. Nghĩa là ñã sanh về Cực Lạc rồi thì không còn trở lại luân hồi trong 6 cõi nữa. Ở ñấy tiếp tục tu hành ñể ñạt ñược vô thượng bồ ñề. Nguyện thứ ba - Giả sử khi thành Phật, nếu hàng trời người trong cõi nước tôi, thân thể ñều chẳng thuần là sắc vàng, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. Cõi Cực Lạc cũng còn gọi là Tịnh độ và cõi ấy cũng có thể gọi là thường tịch quang Tịnh độ. Vì các vị Bồ Tát ở ñó thân thể giống như vàng ròng, sáng chói; chiếu ñi trong 10 phương vô biên cõi nước. Nguyện thứ tư - Giả sử khi thành Phật, nếu hàng trời người trong cõi nước tôi hình sắc chẳng ñồng, còn có kẻ tốt và người xấu xí, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. Phật và chư vị Bồ Tát ñều có 32 tướng tốt và 80 vẻ ñẹp. Ai sanh về Tây Phương Tịnh độ rồi thì sẽ có hình thể ñoan chánh, trang nghiêm không còn có kẻ thân hình xấu xa ở ñó nữa. Nguyện thứ năm - Giả sử khi thành Phật, nếu hàng trời người trong cõi nước tôi chẳng biết kiếp trước, ít nữa là biết những việc xảy ra trong trăm ngàn ức na do tha kiếp, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. Nhớ lại kiếp xưa là do thần lực của chư Phật gia trì ñể biết mình trong quá khứ làm những gì và ñã ở chốn nào sanh về ñây. Biết một kiếp ñã là khó, mà ở cõi Tây

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 37

Phương Cực Lạc còn biết ñược trăm ngàn ức na do tha kiếp nữa. Như vậy nhờ tha lực của đức Phật A Di đà mà chúng sanh ở tại Cực Lạc có khả năng nhớ biết dài lâu như vậy. Nguyện thứ sáu - Giả sử khi thành Phật, nếu hàng trời người trong cõi nước tôi chẳng ñược thiên nhãn, ít nữa là thấy hàng trăm ngàn ức vô số thế giới của các đức Phật, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. Thiên nhãn thông là một trong sáu loại thần thông diệu dụng của chư Phật. Ở cõi Cực Lạc không phải chỉ thấy ñược một cõi, mà còn có thể thấy ñược vô lượng thế giới khác nữa. Những thế giới ấy ñối với các bậc giác ngộ giống như nằm trong lòng bàn tay của mình vậy. Nguyện thứ bảy - Giả sử khi thành Phật, nếu hàng trời người trong cõi nước tôi chẳng ñược thiên nhĩ, ít nữa là nghe và hay thọ trì những lời nói pháp của trăm ngàn ức vô số đức Phật, tôi sẽ không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. Chúng sanh sanh về ñó rồi sẽ tự tại vô ngại của lục căn. Lục căn khi còn phàm phu chỉ có thể nghe, thấy giới hạn; nhưng nếu ñã sanh về

cõi Cực Lạc của đức Phật A Di đà rồi thì khả năng nghe thấy nhiều vô lượng vô số ñiều lành từ chư vị Phật ở các cõi khác nữa. Nguyện thứ tám - Giả sử khi thành Phật, nếu hàng trời người trong cõi nước tôi chẳng ñược tha tâm trí, ít nữa là biết tâm niệm chúng sanh trong trăm ngàn ức vô số thế giới của các đức Phật, tôi sẽ không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác.

38 đức Phật Thích Ca Mâu Ni

Tha tâm trí hay tha tâm thông chỉ có nơi chư vị Phật và Bồ Tát. Còn ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, nếu hàng trời người ñã ñược sanh về ñó cũng ñược tha tâm trí ñể hiểu ñược tâm niệm của trăm ngàn ức vô số thế giới của các đức Phật. Tất cả ñều do tha lực của đức Phật A Di đà mà các chúng sanh tại ñó ñược thành tựu. Nếu không nhờ năng lực bổn nguyện vốn phát ra từ lời nguyện rộng lớn ấy thì các chúng sanh kia ở cõi Cực Lạc cũng không thể thành tựu ñược những khả năng như vậy. Nguyện thứ chín - Giả sử khi thành Phật, nếu hàng trời người trong cõi nước tôi chẳng ñược sức thần túc, trong khoảng một niệm, ít nữa chẳng thể lướt qua hàng trăm ngàn ức na do tha thế giới của các đức Phật, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. Thần túc thông nghĩa là ñi như bay. Bình thường con người ở cõi nầy không có ñược. Ví dụ như Vô Não gặp Phật. đức Phật chỉ ñi; nhưng Vô Não chạy theo không kịp. Hiện tượng nầy chỉ có ñược nơi những vị chứng ñạo. Chỉ trong một niệm thôi, mà các chúng sanh nơi cõi Cực Lạc có thể lướt qua hằng trăm ức na do tha thế giới như thế; thật là bất khả tư nghì, bất khả thuyết. Nguyện thứ mười - Giả sử khi thành Phật, nếu hàng trời người trong cõi nước tôi còn có ý tưởng tham chấp bản thân, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. Tự kỷ cá nhân, tự kỷ chủ nghĩa chỉ có nơi thế giới tham lam, vị kỷ ở cõi Ta Bà nầy. Nếu ñã ñược sanh về thế giới Cực Lạc rồi thì ai cũng vì tha nhân, vì Bồ Tát

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 39

hạnh, chứ không thể vì mình mà phải quên mình; nơi cõi ấy quyết không tồn tại những chúng sanh như thế. Nguyện thứ mười một - Giả sử khi thành Phật các hàng trời người trong cõi nước tôi, nếu chẳng trụ vào hàng chánh ñịnh tụ, mãi cho ñến lúc vào quả Niết Bàn, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. Chánh định Tụ nghĩa là những bậc Bồ Tát ñã dứt hết "Kiến Hoặc" ñược quả Ly Hệ, rốt ráo chẳng lui, ñịnh trong chính tính Niết Bàn trạch diệt. Cho nên gọi là Chánh định. Cũng có những vị Bồ Tát từ ngôi vị Thập Tín trở lên, cũng gọi là Chánh định. đây dùng ñể chỉ cho những người chắc chắn ñược chứng ngộ trong số chúng sanh tại cõi Cực Lạc ấy. Nghĩa là ña phần chúng sanh ở cõi nầy ñều là những vị Bồ Tát. Những vị nầy ñều do tha lực của đức Phật A Di đà tạo nên. Nguyện thứ mười hai - Giả sử khi thành Phật, quang minh thân tôi nếu có hạn lượng, ít nữa chẳng soi hàng trăm ngàn ức vô số cõi Phật, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. Vô lượng quang có nghĩa là ánh sáng vô lượng, không bị ngăn cản bởi một vật gì. Ánh sáng nầy sẽ chiếu khắp hàng trăm ngàn ức vô số cõi Phật ñể tiếp dẫn về Tây Phương Cực Lạc. Do vậy Ngài mới có danh hiệu là A Di đà. Nghĩa là một vị Phật có ánh sáng quang minh vô lượng. Nguyện thứ mười ba - Giả sử khi thành Phật, thọ mạng của tôi nếu có hạn lượng, ít nữa chẳng ñến hàng trăm ngàn ức na do tha kiếp, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác.

40 đức Phật Thích Ca Mâu Ni

Chữ Amitayus có nghĩa là Vô Lượng Thọ. đức Phật ấy có tuổi thọ không lường, hiệu Ngài là A Di đà Phật, ít nhất sự sống lâu ấy cũng kéo dài ñến hàng trăm ngàn ức na do tha kiếp số. Sống ở Ta Bà nầy 100 năm ñã là lâu so với các cõi trời ở Dục Giới như Dạ Ma, đẩu Suất, đao Lợi, Tứ Thiên Vương v.v... còn so với đức Phật A Di đà hay cõi Tây Phương Cực Lạc thì không thể dùng con số tính ñếm mà nói ñược. Nguyện thứ mười bốn - Giả sử khi thành Phật, số chúng Thanh Văn trong cõi nước tôi không một người nào có thể tính lường, ñến như chúng sanh trong toàn một cõi ñại thiên thế giới, giả sử ñều là Thanh Văn, Duyên Giác, cùng nhau tính ñếm trong trăm ngàn kiếp, mà tính biết ñược số Thanh Văn ấy, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. Như vậy cư dân ở cõi Cực Lạc nầy toàn là những bậc Thánh; các Ngài ñã chứng quả Tiểu Thừa hoặc đại Thừa. So ra như vậy với 7 tỷ người trên quả ñịa cầu nầy của năm 2011 chẳng là bao. Chúng sanh ở cõi Ta Bà còn thiếu thức ăn, vì quá nhiều nhân khẩu; nhưng chúng Thanh Văn, Duyên Giác ở cõi Cực Lạc nếu muốn ăn, chỉ cần tưởng nhớ ñến món ăn là thức ăn hiện ra trước mắt liền. Nguyên thủy chúng sanh ở cõi Ta Bà nầy cũng không cần làm lụng ñể có cái ăn cái mặc; nhưng vì chúng sanh tại ñây hưởng dục nhiều quá; nên những phép mầu ấy tiêu hủy dần mòn; nên ngày nay chúng sanh tại ñây chịu khổ là vì lý do không biết ñủ ấy. Nguyện thứ mười lăm - Giả sử khi thành Phật, các hàng trời người trong cõi nước tôi tuổi thọ lâu dài, không ai có thể tính lường rõ biết, trừ những người nào có bản nguyện riêng, tự do tu hành rút ngắn thọ mạng.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 41

Nếu chẳng như thế, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. Ngôi chánh ñẳng chánh giác là ngôi vị Phật, Thế Tôn. Nếu không là vậy thì Ngài sẽ không làm Phật. Làm Phật ở cõi có tuổi thọ dài lâu, không bị sanh tử và khổ ñau chi phối và tuổi thọ ấy không thể ñếm tính ñược; chỉ trừ những người nào có những lời nguyện căn bản thì có thể rút ngắn tuổi thọ của mình lại. đoạn nầy có thể giải thích về “hoàn tướng” của những chúng sanh nầy. Hoàn tướng có nghĩa là sau khi ñã sanh về thế giới Cực Lạc rồi, không muốn trụ ở ñó dài lâu, mà muốn quay về ở Ta Bà ñể sanh thì ở ñây có thể rút ngắn tuổi thọ lại ñể thực hiện hoài bão của mình khi phát nguyện sanh về ñây. Nguyện thứ mười sáu - Giả sử khi thành Phật, các hàng trời người trong cõi nước tôi, nếu còn nghe ñến danh từ bất thiện; tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. Ở cõi ấy tiếng khổ còn không nghe thấy, huống hồ nói ñến những việc không lành. Những việc ấy chỉ xảy ra nơi cõi Ta Bà và các cõi Dục khác; còn nơi ñây, ở cõi Cực Lạc nầy hoàn toàn không có danh từ chẳng lành ấy. Nguyện thứ mười bảy - Giả sử khi thành Phật, Vô Lượng đức Phật mười phương thế giới, chẳng cùng tấm tắc khen ngợi, ñồn ñãi danh hiệu của tôi, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. Tán thán, ngợi khen là một công ñức rất lớn ñối với chúng sanh khi ñứng trước ba ngôi báu. Ở ñây các đức Phật ở trong mười phương thế giới khác khi nghe, thấy ñược những lời thệ nguyện và danh hiệu của đức Phật A Di đà mà không tán thưởng thì quả là ñiều ít có. Vì lẽ ít

42 đức Phật Thích Ca Mâu Ni

có vị Bồ Tát nào từ khi sơ phát tâm cho ñến khi thành Phật mà có ñược những hạnh nguyện cao cả như đức Phật A Di đà. Nguyện thứ mười tám - Giả sử khi thành Phật, chúng sanh mười phương hết lòng tin ưa, mong muốn sanh về cõi nước tôi, xưng danh hiệu tôi cho ñến mười niệm mà chẳng ñược sanh, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác, chỉ trừ những kẻ tạo tội ngũ nghịch, chê bai chánh pháp. Lời nguyện thứ 18 nầy rất quan trọng ñối với tất cả những chúng sanh trong thế giới Ta Bà nầy. Ngài Thiện đạo người Trung Hoa; Ngài Thân Loan người Nhật Bản xem ñây là mấu chốt, là rường cột của việc sanh về Cực Lạc do bổn nguyện lực của đức Phật A Di đà. Nếu niệm Phật do tự lực mà thành thì tự lực ấy không ñủ khả năng ñể làm cho chúng sanh sanh về ñó. điều quan trọng là tin ưa ñể sanh về; nếu không tin sâu, nguyện thiết thì các vị Thánh chẳng sẽ không ñến nghinh tiếp khi lâm chung và niệm danh hiệu đức Phật A Di đà từ một cho ñến mười niệm nhất tâm, mà chẳng ñược sanh thì Ngài sẽ không thành Phật. Niệm niệm sanh rồi diệt, diệt rồi sanh. Như vậy niệm vào có thể chánh niệm và liên tục ñược. Nếu không nhờ vào thần lực và bổn nguyện của đức Phật A Di đà thì làm sao chúng sanh trong cõi Ta Bà nầy có thể làm chủ mình ñược trong những niệm ấy. Do vậy sự ñược sanh kia là do đức Phật A Di đà. Nơi lời nguyện thứ 18 nầy đức Phật A Di đà ngoại trừ những kẻ phạm tội ngũ nghịch và những kẻ nhất xiển ñề thì không ñược sanh; nhưng trong kinh Quán Vô Lượng Thọ phần quán thứ 16 và trong kinh đại Bát Niết Bàn quyển 2, phẩm Phạm

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 43

Hạnh thì khác. Những phẩm nầy đức Phật Thích Ca Mâu Ni cho rằng: Những người phạm tội như thế vẫn ñược sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc với những ñiều kiện biết xấu hổ những tội lỗi ñã gây ra trong nhiều ñời, cũng như cần phải có thiện hữu trí thức giúp ñỡ nhắc nhở niệm Phật lúc lâm chung. Tất cả các pháp ñều bất ñịnh; nên nhất xiển ñề cũng bất ñịnh. Ngày hôm qua nhất xiển ñề không tin Phật Pháp; nhưng rồi ngày mai, ngày mốt nhất xiển ñề phát tâm tin hiểu. Những kẻ như vậy cũng sẽ có khả năng sanh về chốn Lạc Bang. Nguyện thứ mười chín - Giả sử khi thành Phật, chúng sanh mười phương nhất tâm Bồ đề, tu công ñức, dốc lòng phát nguyện muốn sanh nước tôi, ñến lúc lâm chung, nếu tôi chẳng cùng ñại chúng vây quanh hiện trước người ñó, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. Nếu một chúng sanh ở cõi Ta Bà nầy khi lâm chung mà đức Phật A Di đà và các vị Thánh chúng ñến tiếp dẫn, thì phải nói rằng người ấy có cái nhân vị đại Thừa, tin tưởng tuyệt ñối 12 bộ kinh, hành trì giới luật nghiêm minh cũng như tu tạo phước ñức, phát bồ ñề tâm dõng mãnh thì mới ñược gặp Phật và nghe Phật thuyết pháp. đức Phật A Di đà ñã phát nguyện như vậy là một chuyện thật; nhưng chúng sanh có ñược tiếp dẫn về phẩm vị cao tột ấy hay không là do sự phát nguyện thọ trì kinh ñiển và giới luật của đại Thừa. đây là cái nhân chính ñể ñược cái quả vị như vậy. Nguyện thứ hai mươi - Giả sử khi thành Phật, chúng sanh mười phương nghe danh hiệu tôi, tưởng cõi nước tôi, trồng các cội ñức, dốc lòng hồi hướng muốn

44 đức Phật Thích Ca Mâu Ni

sanh nước tôi, nếu như kết quả không ñược toại nguyện, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. Khi nghe danh hiệu của Ngài, nhớ tưởng ñến cảnh giới Tây Phương Cực Lạc và trồng các cội phước ñức rồi hồi hướng tất cả phước ñức ấy ñể ñược sanh về cõi ấy. Theo kinh Quán Vô Lượng Thọ (trang 160) muốn ñược vãng sanh phải tu tạo những phước ñức như sau: Một là hiếu dưỡng với cha mẹ, vâng lời Thầy dạy, từ tâm chẳng giết hại, tu 10 thiện nghiệp. Hai là thọ giữ ba pháp quy y Tam Bảo, ñủ các giới cấm, không phạm oai nghi. Ba là phát tâm Bồ đề, tin sâu nhân quả, ñọc tụng kinh ñiển Phương ñẳng đại Thừa, khuyên người khác cùng tu học. Nếu phân tách thật kỹ thì lời nguyện thứ 20 nầy cũng gần giống như lời nguyện thứ 18. Vì vậy cũng ñã có những vị Tổ đức như Ngài Thân Loan của Nhật Bản ở thế kỷ thứ 13, ñầu tiên Ngài cũng theo lời nguyện thứ 20 nầy ñể phát nguyện vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc; nhưng sau ñó thì Ngài phát nguyện nương theo lời nguyện thứ 18 ñể nương nhờ bổn nguyện lực của đức Phật A Di đà ñể ñược vãng sanh. Nguyện thứ hai mươi mốt - Giả sử khi thành Phật, các hàng trời người trong cõi nước tôi, nếu tất cả ñều chẳng có ñầy ñủ 32 tướng của bậc ñại nhân, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. Sở dĩ chư Phật, chư vị Bồ Tát có 32 tướng tốt và 80 vẻ ñẹp vì lẽ các Ngài giữ giới thanh tịnh và tu tạo những phước ñức viên mãn. Các chúng sanh ở cõi Cực Lạc cũng

như tu tạo các phước ñức và giữ giới thanh tịnh; nên mới ñược như vậy. Nguyện thứ hai mươi hai - Giả sử khi thành Phật, số ñông Bồ Tát ở cõi Phật khác sanh ñến nước tôi, rốt ráo ñến bậc Nhứt Sanh Bổ Xứ, trừ những vị nào có bản nguyện riêng ứng hóa tự tại, vì công ñức, ñộ thoát tất cả, dạo qua cõi nước của các đức Phật, tu Bồ Tát hạnh, cúng dường chư Phật trong khắp mười phương, khai hóa hằng sa vô lượng chúng sanh, làm cho tất cả ñứng vững nơi ñạo vô thượng chánh giác, vượt lên công hạnh các bậc thông thường, hiện tiền tu tập công ñức rộng lớn của hạnh Phổ Hiền. Nếu chẳng như thế, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. Bồ Tát Nhứt Sanh Bổ Xứ là Bồ Tát chỉ còn một ñời nữa sẽ thị hiện làm Phật ở một cõi nào ñó. Ví dụ như Bồ Tát Di Lặc hiện bây giờ ñang ở trong Nội Cung đẩu Suất chờ ñó cho ñến khi nào giáo pháp của đức Phật Thích Ca Mâu Ni không còn tồn tại nơi cõi Ta Bà nầy nữa thì Ngài sẽ hạ sanh vào ñây. Hình thức nầy cũng còn gọi là hình thức hoàn tướng của các vị Bồ Tát. Vì các vị ấy không muốn trụ yên nơi thế giới Cực Lạc mà theo lời nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền trở lại Ta Bà ñể hóa ñộ chúng sanh. đây là một ñại nguyện. Nguyện thứ hai mươi ba - Giả sử khi thành Phật, Bồ Tát trong nước nương thần lực Phật, nếu muốn cúng dường các đức Phật khác, trong khoảng bữa ăn mà chẳng thể ñến khắp vô lượng ức na do tha cõi của các đức Phật, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. Các vị Bồ Tát ñược sanh về cõi Cực Lạc còn phải nương vào thần lực của chư Phật. Vì thần lực của chư

Phật là tha lực tối cao, ñể giúp cho các vị Bồ Tát chỉ trong khoảng bữa ăn có thể bay ñến mười phương vô biên quốc ñộ ñể ñảnh lễ cúng dường các vị Phật ở ñó. Nếu chỉ riêng năng lực của các vị Bồ Tát thì không thể thành tựu việc cúng dường nầy. Nguyện thứ hai mươi bốn - Giả sử khi thành Phật, Bồ Tát nước tôi ở trước chư Phật, biểu hiện

cội ñức của mình, muốn có các vật dùng ñể cúng dường mà không thể ñược ñúng theo ý muốn, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. đức Phật A Di đà sẽ dùng tha lực của Ngài hóa hiện mọi vật cần dùng ñể cho các vị Bồ Tát ñi ñến các vị Phật ở những cõi khác ñể cúng dường. Nguyện thứ hai mươi lăm - Giả sử khi thành Phật, các hàng Bồ Tát trong cõi nước tôi, nếu chẳng có thể diễn nói về Nhất Thiết Trí, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. Nhất Thiết Trí theo kinh Nhân Vương Hộ Quốc, Ba La Mật đa quyển hạ (đại 8, 843 thượng) nói rằng: “đầy khắp cõi vô lậu, thân giải thoát thanh tịnh, vắng lặng chẳng nghĩ bàn, gọi là Nhất Thiết Trí”. Bồ Tát Nhất Thiết Trí là những vị Bồ Tát giải thoát, thanh tịnh, vắng lặng không còn suy nghĩ gì nữa. Ở cõi Cực Lạc ñầy dẫy những vị như vậy. Nguyện thứ hai mươi sáu - Giả sử khi thành Phật, các hàng Bồ Tát trong cõi nước tôi, nếu chẳng ñược thân Kim Cang Na La Diên, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 47

Thân Kim Cang Na La Diên là thân thù thắng của Phật, Bồ Tát. Vì thân của Phật, Bồ Tát cứng chắc, giống như kim cương, không một vật gì khác làm hư hoại ñược. Còn sức mạnh của các Ngài cũng giống như sức mạnh của Trời Na La Diên; cho nên gọi thân của các Ngài là thân Kim Cương Na La Diên. Nguyện thứ hai mươi bảy - Giả sử khi thành Phật, từ hàng trời người trong khắp cõi nước, cho ñến vạn vật thảy ñều nghiêm sạch, hình dạng màu sắc sáng rỡ lạ lùng, sự khéo rất mực, không ai có thể tính lường biết hết. Nếu chúng sanh nào dầu có thiên nhãn mà có thể hiện rõ biết danh số, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. Cõi Cực Lạc còn gọi là cõi Tịnh độ trong sạch từ trời người cho ñến muôn vật. đây là do tha lực của đức A Di đà biến hiện. Hình dáng và màu sắc của những chúng sanh ở ñó sáng rực như hào quang, ñẹp ñẽ lạ thường. Những vị Bồ Tát và những chúng sanh ấy nhiều vô số, không thể kể hết ñược. Nguyện thứ hai mươi tám - Giả sử khi thành Phật, Bồ Tát nước tôi, người nào mặc dầu công ñức ít nhất, mà chẳng có thể thấy biết về cây Bồ đề đạo Tràng với vô lượng ánh sáng, vô lượng màu sắc, cao bốn trăm muôn dặm. Nếu chẳng ñược thế, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. Mỗi một đức Phật khi còn thực hành hạnh Bồ Tát ñều ngồi thiền ñịnh dưới gốc cây Bồ đề. Nơi ấy sau khi đức Phật thành ñạo rồi, gọi là đạo Tràng. Từ cây Bồ đề ấy tỏa sáng vô lượng màu sắc và vươn cao lên không trung hằng bốn trăm muôn dặm. đây chính là hình ảnh

48 đức Phật Thích Ca Mâu Ni

biểu thị của sự giác ngộ, mà dẫu cho một vị Bồ Tát ít phước ñức nhất cũng có thể thấy ñược nơi cõi Tây Phương Cực Lạc. Nguyện thứ hai mươi chín - Giả sử khi thành Phật, Bồ Tát nước tôi, hoặc thọ ñọc kinh, phúng tụng diễn nói, mà chẳng có ñược biện tài trí tuệ, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. Các vị Bồ Tát ở cõi Cực Lạc thường hay thọ trì, ñọc tụng kinh ñiển và diễn nói những phép mầu từ kinh ñiển mà chư Phật ñã tuyên thuyết. Khi thọ trì, ñọc tụng như vậy ñều có những biện tài vô ngại, thế trí biện thông; khiến cho chúng sanh ở ñó nghe pháp phải phát lòng tin tưởng nơi giáo lý cao thâm vi diệu ấy. Nguyện thứ ba mươi - Giả sử khi thành Phật, các vị Bồ Tát trong cõi nước tôi, về chỗ trí tuệ và tài biện luận nếu còn có hạn, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng

chánh giác. Nhờ vào tha lực của đức Phật A Di đà mà tất cả những vị Bồ Tát ở cảnh giới Cực Lạc ñều có trí tuệ siêu việt và biện tài vô ngại. Trí tuệ là thành quả tu chứng của chư Phật và các vị Thánh Chúng. Tài biện luận là sự nhiếp phục chúng sanh bởi lòng từ bi và trí tuệ sẽ nhiếp hóa chúng sanh một cách dễ dàng. Nguyện thứ ba mươi mốt - Giả sử khi thành Phật, nước tôi thanh tịnh, ñâu ñâu cũng ñều soi thấy hết thảy vô lượng vô số bất khả tư nghì thế giới của các đức Phật trong khắp mười phương, dường như gương sáng soi rõ khuôn mặt. Nếu chẳng như thế, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 49

Một thế giới như vậy, gọi là một thế giới trong sạch, thanh tịnh, trong suốt. Do vậy tiếng Anh gọi là: Pure Land, tiếng đức gọi là: Reines Land. Cả hai ngôn ngữ ấy ñều diễn tả sự trong suốt, sạch sẽ của cõi giới nầy. Tịnh độ ở ñây ñối nghĩa lại với uế ñộ giống như cõi Ta Bà nầy; nơi chúng sanh ñang ở vậy. Cõi Cực Lạc trong suốt như pha lê, ñược cấu tạo toàn bằng ánh sáng, không phải bằng nghiệp lực. Do vậy có thể soi thấy hết tất cả các cõi Phật khác. đây cũng là một tấm gương phản chiếu tâm thức của những chúng sanh tại ñó. Vì lẽ tâm thức của các vị Bồ Tát tại ñó trong suốt; cho nên thế giới cũng trong suốt như pha lê vậy. Nguyện thứ ba mươi hai - Giả sử khi thành Phật, cõi nước của tôi từ nơi mặt ñất lên ñến hư không, nào những cung ñiện, lầu quán, hồ nước, cây hoa v.v... Tất cả vạn vật ñều bởi vô lượng châu báu phức tạp, trăm ngàn thứ hương chung hợp tạo thành, tô ñiểm kỳ lạ; vượt hơn tất cả trời người. Mùi hương xông khắp mười phương thế giới. Bồ Tát cảm nhận ñều tu hạnh Phật. Nếu chẳng như thế, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. Một cõi nước như vậy chỉ có thể có ñược qua lời phát nguyện của đức Phật A Di đà và chính do bổn nguyện cũng như từ lực của Ngài mà thành tựu một cõi giới như thế. Mỗi đức Phật ngự trị một cõi Tịnh độ; nhưng Cực Lạc thì chỉ có một, nơi ñây nằm dưới quyền cai quản, dạy dỗ của đức Phật A Di đà. Từ nhà cửa, cây báu và những loại vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, xích châu, mã não, san hô, hổ phách v.v... tô ñiểm cảnh giới nầy, làm cho cõi Cực Lạc xinh ñẹp hơn những cõi Tịnh độ khác.

50 đức Phật Thích Ca Mâu Ni

Nơi ấy hương thơm ngào ngạt, xông ñến khắp mười phương vô biên thế giới. Nguyện thứ ba mươi ba - Giả sử khi thành Phật, các hạng chúng sanh trong khắp mười phương vô lượng bất khả tư nghì thế giới của các đức Phật, bất cứ ai ñược quang minh tôi xúc chạm ñến thân, thì thân tâm người ñó trở nên dịu dàng, hơn hàng trời người. Nếu chẳng như thế, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. đấy là những người có nhân duyên với Phật Pháp và riêng với đức A Di đà. Nếu người, trời và chúng sanh trong các cõi tiếp xúc ñược với ánh sáng vô lượng ấy, chắc chắn khi lâm chung sẽ ñược sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc. Nguyện thứ ba mươi bốn - Giả sử khi thành Phật, những chúng sanh trong vô lượng bất khả tư nghì thế giới của các đức Phật ở khắp mười phương, nghe danh hiệu tôi mà chẳng chứng ñược vô sanh pháp nhẫn, các môn tổng trì sâu xa của Bồ Tát, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. Vô Sanh Pháp Nhẫn là ñối với lý thực tướng các pháp không sanh diệt, tin nhận thông suốt, không ngần ngại,

không lùi bước; nên gọi là Vô Sanh Pháp Nhẫn. Trên thực tế ở cõi nầy hay cõi khác, các pháp ñều không ñến, không ñi, không còn, không mất, không sanh không diệt. Bồ Tát nhận thấy rõ tướng ấy nên ñược vào các môn Tổng Trì sâu xa. Khi nghe ñến tên của đức Phật A Di đà mà các Bồ Tát trong mười phương vô biên thế giới ñã thâu nhập ñược Phật trí như vậy; quả là tha lực của đức Phật A Di đà có một công năng thật là diệu dụng.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 51

Nguyện thứ ba mươi lăm - Giả sử khi thành Phật, vô lượng bất khả tư nghì thế giới của các đức Phật ở khắp mười phương, bất cứ nơi nào có hàng nữ nhân, nghe danh hiệu tôi mà vui mừng tin ưa, phát tâm bồ ñề, nhàm chán thân nữ, sau khi mạng chung, nếu còn làm thân phụ nữ trở lại, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. Ở các cõi Dục, chúng sanh còn ngu si mê muội; nên còn có thân nam và thân nữ ñể giao hội với nhau và sinh con ñẻ cái; nhưng thế giới chư Phật không cần thân nữ nữa. Ở ñây tất cả ñều do thần lực biến hóa sanh và ngay cả chư Thiên ở cõi trời Sắc giới và Vô Sắc giới cũng vậy. Họ không vì lục dục, thất tình mà bị chìm nổi. Họ dùng thần thông và tâm thức ñể trao ñổi với nhau và từ ñó sanh ra luyến ái; nhưng vẫn còn khổ sở của sinh tử chi phối, nhất là khi họ hưởng phước ñức ở những cõi trời ấy mãn; họ cũng có thể bị ñọa xuống làm người hay những loài thấp hơn. Do vậy là nữ nhân, khi nghe ñược danh hiệu của đức Phật A Di đà mà vui tin cũng như nhàm chán thân nữ, rồi phát tâm Bồ đề ñể sanh về cõi Cực Lạc thì chính nơi ấy sẽ vĩnh viễn thoát ly ñược cảnh sanh tử luân hồi. Nguyện thứ ba mươi sáu - Giả sử khi thành Phật, chúng Bồ Tát trong vô lượng bất khả tư nghì thế giới của các đức Phật ở khắp mười phương nghe danh hiệu tôi, sau khi mạng chung vẫn cứ luôn luôn tu hành phạm hạnh cho ñến thành Phật. Nếu chẳng như thế, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. Danh hiệu của đức Phật A Di đà rất quan trọng. Trong ấy chứa ñủ cả vô lượng quang và vô lượng thọ.

52 đức Phật Thích Ca Mâu Ni

Nếu có các vị Bồ Tát nào khi nghe danh hiệu xong, cho ñến lúc lâm chung vẫn luôn luôn tu hành những phạm hạnh và nhớ nghĩ ñến danh hiệu Phật A Di đà thì vị Bồ Tát ấy sẽ ñạt ñược quả vị Phật. Nguyện thứ ba mươi bảy - Giả sử khi thành Phật, các hàng trời người trong vô lượng bất khả tư nghì thế giới của các đức Phật ở khắp mười phương, nghe danh hiệu tôi mà gieo năm vóc, cúi ñầu lễ lạy, mừng rỡ tin ưa, tu hành Bồ Tát, thì kẻ ấy ñược chư thiên, người ñời rất mực kính trọng. Nếu chẳng như thế, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. Danh hiệu A Di đà Phật, nếu có chúng sanh nào nghe ñược rồi, lại ñem năm vóc gieo xuống ñất ñể lễ bái, tán thán, cúng dường và vui mừng tu theo lục ñộ Ba La Mật của các vị Bồ Tát thì chính người ấy sẽ ñược chư Thiên, loài người trong ñời nầy rất mực cung kính. Vì lẽ chúng sanh ấy biết kính Phật, khi nghe ñến danh hiệu mà còn lễ lạy ñể tỏ lòng tôn kính, thì chư Thiên và loài người ñối với kẻ lễ bái kia cũng thực hành như vậy. Nguyện thứ ba mươi tám - Giả sử khi thành Phật, các hàng trời người trong cõi nước tôi muốn ñược y phục, thì tùy niệm liền ñến tự nhiên nơi thân, ñược Phật khen ngợi pháp phục thích ứng, nếu như còn phải tìm tòi may cắt, ñập nhuộm, giặt giũ, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. Cõi Phật A Di

đà là cõi Tịnh độ biến hóa. Chỉ cần chúng sanh tại ñó khởi lên tâm niệm gì, thì đức A Di đà liền hóa hiện ra thứ ñó. Ví dụ như muốn ăn có ăn, muốn mặc có mặc. Tất cả những pháp phục này không cần may sắm; chỉ cần ước muốn, nhớ nghĩ trong tâm niệm là

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 53

các pháp phục tự nhiên ñến mặc vào thân mình mà còn ñược chư Phật mgợi khen ñẹp ñẽ nữa. Nguyện thứ ba mươi chín - Giả sử khi thành Phật, các hàng trời người trong cõi nước tôi cảm thọ sự vui, chẳng như Tỳ Kheo ñã hết lậu hoặc, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. Các vị Tỳ Kheo sanh về cõi nầy mà còn phiền não thì không hiện hữu ở cõi nầy. Tất cả lậu hoặc ñã hết và chỉ cảm thọ toàn là niềm vui ở cõi giới Tây Phương Cực Lạc nầy. Nguyện thứ bốn mươi - Giả sử khi thành Phật, Bồ Tát nước tôi, ý muốn ñược thấy vô lượng Phật ñộ trang nghiêm thanh tịnh trong khắp mười phương, liền ñược như nguyện, ở nơi cây báu ñều soi thấy rõ, như gương trong sáng soi rõ khuôn mặt. Nếu chẳng như thế, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. Tất cả các cõi Phật trong mười phương vô biên thế giới ñều thanh tịnh, trong suốt. Nếu có những vị Bồ Tát nơi cõi Tây Phương Cực Lạc muốn trông thấy những Phật ñộ thanh tịnh ấy thì chỉ cần nơi cây báu tại cảnh giới Tây Phương có thể soi thấy rõ những vị Phật quốc ñộ kia, giống như gương sáng soi rõ gương mặt của mỗi người vậy. đây chính là do từ lực của đức Phật A Di đà mà thành tựu vậy. Nguyện thứ bốn mươi mốt - Giả sử khi thành Phật, các chúng Bồ Tát ở quốc ñộ khác nghe danh hiệu tôi, mãi ñến thành Phật mà các giác quan còn bị hư khuyết hoặc bị lùn xấu, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác.

54 đức Phật Thích Ca Mâu Ni

Từ ñịa vị phàm phu chứng thành Bồ Tát phải trải qua vô lượng A Tăng kỳ kiếp mới thành tựu. Từ Bồ Tát ñến quả vị Phật phải trải qua ba A Tăng kỳ kiếp nữa mới ñạt thành ngôi vị chánh ñẳng chánh giác. Nếu trong khoảng thời gian ấy có các vị Bồ Tát ở những quốc ñộ khác nghe ñược danh hiệu của đức Phật A Di đà giáo chủ cõi Tây Phương Cực Lạc mà các giác quan bị hư khuyết hoặc lùn xấu là ñiều không thể có. Vì lẽ với oai lực của câu Phật hiệu và tha lực của đức Phật A Di đà sẽ làm cho các vị Bồ Tát ở những cõi nước kia nghe rõ ràng danh hiệu và tướng hảo trang nghiêm ñể xứng danh là Bồ Tát. Nguyện thứ bốn mươi hai - Giả sử khi thành Phật, các chúng Bồ Tát ở quốc ñộ khác nghe danh hiệu tôi, thì tất cả ñều ñược sự thanh tịnh và chứng các môn Tam Muội giải thoát. Trụ Tam Muội ñó trong khoảng móng niệm, có thể cúng dường vô lượng bất khả tư nghì các đức Thế Tôn mà vẫn không mất các ñịnh ý. Nếu chẳng như thế, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. Danh hiệu A Di đà Phật là một danh hiệu bất khả tư nghì; khiến cho ai nghe qua cũng ñều ñược thanh tịnh, giải thoát và chứng tất cả những môn Tam Muội. Như vậy tự danh hiệu ấy ñã có một năng lực khó nghĩ bàn như thế, ñều là nhờ vào nguyện lực và tha lực của đức Phật A Di đà ñã phát ra lời thệ nguyện, khi Ngài còn là một Pháp Tạng Tỳ Kheo trước khi thành Phật. Ở nơi Tam Muội ấy trong khoảng một sát na mà có thể dùng thần lực ñể ñi cúng dường vô lượng vô biên các đức Thế Tôn ở những cõi Phật ấy mà tâm ñịnh tĩnh vẫn

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 55

không xao lãng, phân biệt. Quả thật danh hiệu nầy có một năng lực khó thể nói hết ñược. Nguyện thứ bốn mươi ba - Giả sử khi thành Phật, các chúng Bồ Tát ở các quốc ñộ khác nghe danh hiệu tôi, khi thọ mạng dứt, ñược sanh vào nhà tôn quý oai ñức. Nếu chẳng như thế, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. đây là những vị Bồ Tát muốn trở lại chốn phàm tình ñể ñộ sanh. Nhờ nghe danh hiệu của đức Phật A Di đà khi phát nguyện gá thai sẽ ñược sanh vào nơi quyền quý, oai ñức; chứ không phải là chốn bình thường, ñể dễ ñộ sanh ñối với các chúng sanh trong ñời ác năm trược nầy. Nguyện thứ bốn mươi bốn - Giả sử khi thành Phật, các chúng Bồ Tát ở quốc ñộ khác nghe danh hiệu tôi, vui mừng khấp khởi tu hạnh Bồ Tát, thì cội công ñức ñều ñược tròn ñủ. Nếu chẳng như thế, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. Bồ Tát thực hành lục ñộ vạn hạnh như: Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền ñịnh và trí tuệ. Tất cả ñều phải Ba La Mật, rốt ráo, qua bên kia bờ giải thoát. Khi những Bồ Tát nầy thực hành Ba La Mật như vậy mà nghe ñến danh hiệu của đức Phật A Di đà vui mừng khấp khởi, thì chính công ñức nghe danh hiệu ấy sẽ làm cho các vị Bồ Tát ñược tròn ñủ những hạnh nguyện lợi tha qua sự trợ lực của đức Phật A Di đà. Nguyện thứ bốn mươi lăm - Giả sử khi thành Phật, các chúng Bồ Tát ở quốc ñộ khác nghe danh hiệu tôi, thì tất cả ñều ñược môn Tam Muội Phổ ñẳng, trụ tam muội ñó cho ñến thành Phật, thường thấy vô lượng

56 đức Phật Thích Ca Mâu Ni

bất khả tư nghì tất cả các Phật. Nếu chẳng như thế, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. Phổ ñẳng Tam Muội là Tam Muội mà trong ñó hành giả ñồng thời ñược thấy tất cả chư Phật. đây là nhờ công ñức nghe danh hiệu của đức Phật A Di đà. Khi ở trong tam muội ấy thường ñược gặp tất cả chư Phật trong mười phương vô biên quốc ñộ. Nguyện thứ bốn mươi sáu - Giả sử khi thành Phật, các vị Bồ Tát trong cõi nước tôi, tùy nguyện mỗi người, muốn nghe pháp gì, tự nhiên ñược nghe pháp ấy. Nếu chẳng như thế, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. Những vị Bồ Tát ñược sanh về nơi thế giới Tây Phương Cực Lạc ñược gặp đức Phật A Di đà, Quan Thế Âm và đại Thế Chí Bồ Tát, ñược gần Phật nghe pháp; nhưng cũng tùy theo hạnh nguyện của mỗi vị. Nếu muốn nghe pháp gì khác nữa thì các pháp ấy tự nhiên ứng hiện. đây cũng chính do tha lực của đức Phật A Di đà tạo nên và ñây chính là bổn nguyện lực của đức Phật A Di đà vậy. Nguyện thứ bốn mươi bảy - Giả sử khi thành Phật, các chúng Bồ Tát ở quốc ñộ khác nghe danh hiệu tôi, ngay ñó nếu chẳng ñến bậc bất thoái, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. Quả thật danh hiệu của đức Phật A Di đà có một năng lực vô lượng vô biên. Từ cõi người cho ñến cõi trời hay những cõi Phật khác, nếu có chúng sanh nào hay các vị Bồ Tát nào có nhân duyên nghe ñến danh hiệu của Ngài thì kết quả thật bất khả tư nghì, ngay cả việc chứng ngôi bất thối chuyển nữa.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 57

Nguyện thứ bốn mươi tám - Giả sử khi thành Phật, các chúng Bồ Tát ở quốc ñộ khác nghe danh hiệu tôi, nếu như chẳng ñược ñệ nhất, ñệ nhị, ñệ tam pháp nhẫn. đối với pháp môn của các đức Phật, ngay ñó chẳng thể ñược bất thoái chuyển, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác. An trụ trong thực tướng của các pháp gọi là Nhẫn. Hàng Bồ Tát đại Thừa ở giai vị Kiến đạo của Sơ địa, tin chịu lý vô sinh, thì gọi là Vô sinh Pháp

nhẫn. Pháp nhẫn là ñối với những phương pháp nghĩa sâu xa, mầu nhiệm ñược nói trong các kinh, chẳng những không sợ hãi mà còn siêng năng học tập, ñọc tụng nữa. Khi những Bồ Tát ở các quốc ñộ khác nghe ñược danh hiệu của đức Phật A Di đà liền sinh tín tâm tu học, hành trì ñể chứng ñược thực tướng của vạn pháp. Tất cả 48 lời nguyện bên trên là 48 hạnh nguyện của một vị Bồ Tát trước khi thành Phật. Nếu quốc ñộ của Ngài không ñược như vậy thì Ngài sẽ chẳng thành Phật. Nay thì cõi Phật ấy ñã thành trong vô lượng kiếp và ñã có rất nhiều chúng sanh ñược sanh về ñó do công ñức niệm danh hiệu Ngài. Từ những chúng sanh ở cõi Ta Bà hay những vị Bồ Tát ở những cõi Phật khác, ai nghe ñến danh hiệu của Ngài mà phát tâm trì tụng chí thành và nguyện sanh về thế giới ấy ñể thoát ly sinh tử luân hồi thì tất cả do năng lực của Ngài cũng như nhờ bổn nguyện lực của Ngài có thể hướng người ấy về cảnh giải thoát không có một ñiều kiện nào ñi kèm theo. Nghe danh, trì danh, niệm danh, quán tưởng danh, thực hành danh v.v... tất cả ñều nằm trong 4 chữ : A Di đà Phật. Do vậy A Di đà Phật có một năng lực vô cùng tận, không một vị Phật nào trong 3 ñời và nhiều cõi khác có thể

sánh bằng. Cho nên khi tán thán, chiêm ngưỡng Ngài, có bài kệ rằng:
Chúng ñức trang nghiêm phi số lượng
Quang minh biến chiếu quá thập phương
Tam thế Như Lai vô dữ ñẳng
Hàng thí chúng sanh ñại từ hàng.
Nghĩa:
đức tướng trang nghiệm không kể xiết
Ánh sáng chiếu soi quá mười phương
Ba ñời chư Phật chẳng sánh bằng
Hay cho chúng sanh thuyền từ lớn.
Thân tướng của đức Phật A Di đà quá trang nghiêm vi diệu; chung quanh Ngài ánh sáng phát ra chiếu tỏa khắp mười phương vô biên thế giới. Ánh sáng nầy không bị ngăn ngại, trên chiếu sáng ñến cõi Trời Hữu đảnh, dưới chiếu sáng ñến ñịa ngục A Tỳ; nhưng chỉ với những kẻ có nhân duyên, tin ưa câu Phật hiệu thì ánh sáng ấy mới lân mẫn gần kề ñể tiếp dẫn về cõi Tây Phương Cực Lạc. Còn nếu chúng sanh nào còn kém phước ñức và không tin ưa nơi câu Phật hiệu A Di đà thì sự vãng sanh ấy vẫn còn xa. Ánh sáng ấy ba ñời chư Phật trong quá khứ, hiện tại và vị lai chưa có vị nào sánh kịp; cho nên gọi là : A Di đà bậc nhất. Ngài với lòng từ bi to lớn, rộng khắp ñã

phát ra 48 lời nguyện, nhằm cứu vớt chúng sanh về tận nơi thế giới của Ngài ñể tiếp tục tu hành và một ngày nào ñó có thể chứng ñược quả vị Phật rồi trở lại Ta Bà ñể hóa ñộ chúng sanh; hoặc ở lại cõi Cực Lạc ñể gần gũi đức Phật A Di đà và các vị Thánh Chúng ñể nghe pháp và hóa ñộ chúng sanh tại ñó. đây là một thượng thiện duyên, không phải ai nghe rồi cũng có thể tin liền và sau ñó thực hành việc niệm Phật một cách miên mật

ñược. Tất cả ñều do nhân duyên mà thành tựu. Cho nên có người tu theo pháp nầy mà cũng có lắm người tu theo pháp môn khác là vậy. Như vậy tư tưởng của Kinh Vô Lượng Thọ phần quyển thượng là giới thiệu 48 lời nguyện của Pháp Tạng Tỳ Kheo và theo những lời nguyện ấy, quốc ñộ của Ngài mới ñược trang nghiêm thanh tịnh như vậy. điều quan trọng là tin ưa và nhớ nghĩ cũng như trì niệm danh hiệu của Ngài một cách chân thực thì mới ñược thành tựu những sở nguyện và sau khi mạng chung sẽ ñược thác sanh về Thế Giới Cực Lạc kia.

60 đức Phật Thích Ca Mâu Ni

Kế tiếp là phần nội dung tư tưởng của Kinh Vô Lượng Thọ quyển hạ.

Quyển hạ diễn tả về việc những chúng sanh ñược sanh về nơi hoa sen chín phẩm và đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng nói cho Ngài A Nan cũng như Ngài Di Lặc nghe về những tội báo của những chúng sanh trong ñời ác năm trược nầy. Hoa sen ở thế giới Ta Bà nầy nhỏ thó và chỉ có vài ba màu; nhưng hoa sen ở thế giới Cực Lạc to lớn và có nhiều màu sắc khác nhau. Ví dụ như hoa sen xanh phát ra ánh sáng xanh, hoa sen vàng phát ra ánh sáng vàng, hoa sen ñỏ phát ra ánh sáng ñỏ v.v... Hoa sen ở cõi tục nầy mọc ra từ bùn nhơ nước ñọng; nhưng hoa ấy có ñược những ñặc tính như sau: đặc tính thứ nhứt - gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn, Hoa sen xuất thân từ chốn bùn dơ nước ñọng; nhưng khi hoa ñã vươn lên khỏi mặt nước rồi thì hoa ấy tỏa ra hương thơm thanh thoát nhẹ nhàng. điều nầy cũng giống như con người ñang sống trong cuộc ñời ngũ trược ác thế, tội lỗi dẫy ñầy; nhưng nếu biết hướng thượng và tự chủ thì cũng có thể vượt qua mọi khổ ñau trần lụy ñể trở thành một bậc quân tử chánh nhân; hoặc giả một người Phật Tử biết tỏ ngộ chân lý.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 61

đặc tính thứ hai – Nhân quả dị thời. Nghĩa là không có một loài hoa nào khi ra hoa mà hoa ấy không từ lá, cành ñâm chồi ñể trở thành nụ cả. Chỉ riêng hoa sen, hoa ấy mọc thẳng từ gốc sen, không trực tiếp từ cành sen, giữa lá và hoa riêng biệt. điều nầy tượng trưng cho nhân và quả khác nhau, không cùng lúc. đặc tính thứ ba – Nhân quả ñồng thời. Không một loài hoa nào vừa ra hoa vừa ra quả; chỉ có hoa sen. Trong khi sen trổ bông, gương sen ñã phơi bày ñài sen và hạt sen. đây là ñặc tính ñặc biệt chỉ có hoa sen mới có. đặc tính thứ tư – Là loài hoa tinh khiết. Loài hoa nầy chỉ ñể cúng Phật; ngoài ra không dùng làm những việc tầm thường; tuy rằng hoa ấy từ bùn nhơ nước ñọng phát sinh ra. đặc tính thứ năm cũng là ñặc tính cuối cùng – Hoa sen không là loài hoa ong bướm. Ong và bướm hay tìm cách hút mật các nhụy hoa khác; nhưng ñặc biệt ở hoa sen, không là nơi lả lơi ñể cho ong bướm dễ dàng ñến hút mật nơi nhụy hoa. đức Phật Thích Ca Mâu Ni bảo với Ngài A Nan rằng: Những chúng sanh nào nghe danh hiệu của đức Phật A Di đà mà vui mừng tin tưởng, dầu cho là một niệm dốc lòng hồi hướng, nguyện sanh về nước ấy, tức ñược vãng sanh và ở vào bậc không còn thoái chuyển, trừ những người nào tạo tội ngũ nghịch và bác bỏ chánh pháp. đức Phật bảo rằng có ba hạng ñể các chúng sanh ñược sanh về ñó. - Hạng sanh ở bực Thượng.

62 đức Phật Thích Ca Mâu Ni

“Gồm những người xuất gia dứt hẳn ái dục, làm hạnh Sa Môn, phát tâm Bồ đề, một mực chuyên niệm Phật Vô Lượng Thọ, kiêm tu các hạnh, nguyện sanh lạc quốc, thì những người nầy lúc sắp lâm chung, Phật Vô Lượng Thọ và các Thánh Chúng hiện ra trước người ấy; ngay ñó hành giả theo sau đức Phật sanh về nước ấy. Từ hoa sen bảy báu tự nhiên hóa sanh, ở vào bậc không thoái chuyển, trí huệ dõng mãnh, thần thông tự tại. Thế nên A Nan! Ngay trong ñời nầy, người nào muốn thấy Phật Vô Lượng Thọ, hãy nên phát tâm vô thượng Bồ đề, tu các công ñức và nguyện sanh về cõi nước An Lạc”. Những chúng sanh ñược sanh ở bậc Thượng nầy là những người có căn tánh đại Thừa, tin sâu nhân quả tội phước, giữ giới luật tinh nghiêm, kể cả tu sĩ lẫn cư sĩ. Khi những người nầy sắp lâm chung thì lập tức ñược đức Phật A Di đà và các vị Thánh Chúng ñến ñón về Tây Phương Cực Lạc và hóa sanh từ hoa sen báu. Bậc nầy dành riêng cho những người thượng căn, thượng trí. Nghĩa là sau khi nghe giáo lý của đức Phật rồi liền thực hành và hiểu biết một cách rõ ràng, chính xác; nên ñã ngộ rõ ñường mê và tu tạo những phước ñức ñể hồi hướng về cõi Tịnh độ với một niệm nhất tâm, không có gì ñể hoài nghi nữa. - Hạng sanh bực Trung: “Các chúng trời, người trong các thế giới ở khắp mười phương, những ai hết lòng nguyện sanh về nước ấy, mặc dầu chẳng thể làm hạnh Sa Môn, tu công ñức lớn; nhưng nên phát tâm Vô Thượng Bồ đề, một mực chuyên niệm Phật Vô Lượng Thọ, theo khả năng mình làm các việc phước ñức từ thiện, vâng giữ trai giới, xây tháp cất chùa, in kinh, tạo tượng, cúng dường Sa Môn,

treo phan thắp ñèn, dâng hoa, ñốt hương cúng dường Tam Bảo, dùng những phước ấy hồi hướng phát nguyện, nguyện sanh lạc quốc. đến lúc lâm chung, người ấy sẽ thấy hóa thân của Phật, tướng tốt sáng ngời, không khác chơn thân Phật Vô Lượng Thọ và thấy Thánh Chúng hiện ra trước mắt, liền ñó hành giả theo sau hóa Phật vãng sanh Cực Lạc Quốc, ở bậc bất thối, sau ñó công ñức, trí tuệ người ấy sẽ như bực Thượng”. Bực trung nầy dùng cho những kẻ trung căn trung trí. Nghĩa là nghe giáo pháp của Phật thuyết rồi thì hiểu; nhưng phải qua nhiều lần mới rõ nghĩa và không chứng nhập liền ở phẩm vị cao. Ở ñây ám chỉ cho những người có căn tánh Tiểu Thừa. Tuy có giữ gìn giới luật; nhưng trọng việc tu tạo phước ñức. Do vậy khi lâm chung chỉ có hóa thân của đức Phật A Di đà ñến nghinh tiếp cùng với các vị Bồ Tát Quan Thế Âm và đại Thế Chí, ñưa về cảnh giới Cực Lạc, ở ngôi bất thối và từ ñó tu tiếp ñể ñược lên bực Thượng. Những ai lạy Phật một lạy, cúng Phật một cành hoa, ñốt hương ñèn ñể dâng lên cúng Phật; hay nhẫn ñến mang tiền tài, của cải ñem dâng hiến vào chùa ñể làm những việc phước ñức như in ấn kinh sách, xây chùa, ñúc tượng hay nhẫn ñến làm những việc như xây dựng cầu cống, ñường sá, làm những việc từ thiện, cứu người v.v... tất cả ñều giống như những giọt nước mưa rơi xuống từ hư không, rồi chảy ra ao hồ. Những giọt nước ấy tiếp tục chảy ra sông, rạch, suối v.v... rồi từ ñó tiếp tục chảy vào biển cả. Chỉ khi nào biển cả mênh mông vô tận kia không còn nước nữa thì giọt nước ban ñầu kia mới không có ý nghĩa. Công ñức cũng như vậy. Tất cả những gì chúng ta ñã hành trì, gìn giữ, tu tạo

v.v... không bao giờ mất. Chính ở ngôi bất thối ấy vẫn luôn chứa ñựng những phước ñức mà chúng sanh ñã tu tạo trong bao ñời nay và bây giờ mới ñược tích tụ lại như vậy. - Hạng sanh bực Hạ: “Các chúng trời người ở trong những thế giới ở khắp mười phương, những ai thành khẩn muốn sanh về nước ấy, giả như chẳng thể làm nổi những việc công ñức phước thiện, hãy nên phát tâm Vô Thượng Bồ đề, thường bữa chuyên ý niệm danh Phật Vô Lượng Thọ cho ñến mười niệm, mong ñược sanh về cõi nước của Ngài. Nếu ñược nghe những giáo pháp sâu xa, nên mừng tin theo, chẳng sanh nghi ngờ, thì dầu một niệm, niệm danh Phật ấy, nhờ lòng chí thành, muốn sanh lạc quốc, ñến lúc lâm chung, người ñó mộng thấy đức Phật cũng ñược vãng sanh; công ñức trí tuệ người nầy kế ñó như người bậc Trung”. Những ai sanh về bậc Hạ nầy ñều thuộc về những kẻ hạ căn hạ trí. Nghĩa là có nghe giáo pháp của Phật ñó; nhưng nghe rồi không hiểu và nếu có hiểu cũng hiểu sai. Nếu có những thiện hữu tri thức cận kề nhắc bảo cho và nhớ lại lỗi lầm, tin theo chánh pháp, thì đức Phật sẽ hiện ra trong giấc mộng của người ấy trước khi lâm chung và ñưa thần thức của ngườI ấy về cảnh giới Tây Phương Cực Lạc. Những chúng sanh nầy có thể gọi là những người xuất gia hoặc cư sĩ không thực hành ñứng ñắn giới luật và làm phước ñức không nhiều; nhưng nếu có tâm nhớ nghĩ ñến danh hiệu của đức Phật A Di đà, một lòng niệm Phật, cầu vãng sanh về Tây Phương và có tâm hối cải,

xấu hổ những việc làm xưa; ñồng thời những thiện hữu tri thức ở gần ñó nhắc nhở niệm Phật và người ấy niệm theo. Nhờ vậy mà ñược mộng thấy Phật A Di đà trước khi lâm chung và sau ñó ñược vãng sanh. Từ cõi Hạ nầy dần dần tu hành tinh tấn trong nhiều tiểu kiếp ñể ñược sanh lên phẩm vị cao hơn ở bậc Trung cũng như bậc Thượng. Những chúng sanh nào ñược sanh về cảnh giới Tây Phương Cực Lạc rồi ñều không bị lưu chuyển trong vòng sanh tử luân hồi nữa và ñược phước báu ở gần đức Phật A Di đà cũng như các vị Thánh Chúng ở cõi ñó ñể nghe pháp. Ở cõi nầy như trong kinh A Di đà và kinh Vô Lượng Thọ diễn tả từ con người cho ñến cảnh vật, thực vật v.v... không có loại nào là không trân quý, ñặc biệt. Nếu nói trong muôn ngàn kiếp cũng không thể kể hết ñược năng lực tự tại của đức Phật A Di đà và do thần lực ấy biến hóa ra, tạo nên những công ñức như thế ñể trang nghiêm thế giới Tây Phương Cực Lạc. đức Phật Thích Ca Mâu Ni tiếp ñến nói cho Ngài A Nan và Ngài Di Lặc nghe về những việc ở cõi Ta Bà nầy mà con người thường hay gặp phải như: “Người ñời quen thói tục nông nỗi, chỉ cùng tranh chấp những việc không ñâu. Sống giữa cảnh ác, sự khổ kịch liệt, con người lại siêng ñem thân lo liệu ñể tự chu cấp. Không luận kẻ trên, người dưới, kẻ nghèo người giàu, từ nhỏ ñến lớn, từ gái ñến trai, cùng nhau chỉ biết lo kiếm tiền của. Dầu có hay không, cũng ñồng một niềm ưu tư sầu khổ, chất chứa lo nghĩ mãi miết lâu ngày, bị tâm sai sử không lúc nào yên. Có ruộng lo ruộng, có nhà lo nhà, trâu ngựa gia súc, của tiền tôi tớ, y phục, uống ăn, vật nầy món nọ... lại cũng cùng nhau khổ tâm lo

lắng, tư lự chất chồng, nghĩ ngợi bông lung, sầu ưu sợ sệt... (Kinh Vô Lượng Thọ, quyển hạ, trang 96-97). Mặc dầu đức Phật nói không sai một ñiều nào, không dư không thiếu một việc gì. Nhưng chúng sanh ở ñời ác năm trược nầy ña phần chỉ biết sợ quả chứ không biết lo cho nhân nên mới ra nông nỗi ấy. Còn Bồ Tát thì ngược lại, nhân nào cũng phải lo tính toán trước khi thực hiện. Nếu thấy rằng quả sẽ không thánh thiện thì Bồ Tát dừng lại từ cái nhân lúc ban ñầu. Trong khi ñó chúng sanh vì ngu si, mộng tưởng, ñiên ñảo... nên cứ mãi bị trôi lăn trong sanh tử luân hồi. Cứ thế chết ñi, sống lại nhiều kiếp ñể gây ân và trả oán với nhau. Nếu không nhờ lòng từ của chư Phật như đức Giáo Chủ cõi Ta Bà nầy hay đức Giáo Chủ cõi Tây Phương Cực Lạc, mà các Ngài ñã dùng tự lực và tha lực ñể cứu ñộ cho; nhưng nhiều chúng sanh vẫn còn cang cường chưa chịu tin sâu nguyện thiết ñể sanh về thế giới Cực Lạc ấy. đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng tiếp về năm mối ñại ác như sau: “Thế nào gọi là năm mối ñại ác, năm nỗi ñớn ñau, năm sự thiêu ñốt? Và sao gọi là tiêu hóa năm ác, gìn giữ năm lành, ñược sanh phước ñức, qua khỏi dòng ñời và vào Niết Bàn trường thọ vĩnh viễn. Mối ác thứ nhất: Loài trời, loài người cho ñến các giống côn trùng bé nhỏ, không một loài nào chẳng tạo ra ác nghiệp. Lớn lấn cướp nhỏ, mạnh ñè bẹp yếu, cùng nhau sanh giặc, tàn hại giết chóc, ăn nuốt lẫn nhau, không ñạo không ñức, chẳng biết tu thiện, về sau chịu các tai ương hình phạt, thần minh ghi chép không sót mảy may, chẳng hề ân xá kẻ phạm tội ác, do ñó mà có

ñủ các hạng người: Nghèo nàn, hèn hạ, ăn xin, ăn mày, cô ñơn côi cút, mù, ñiếc, câm, ngọng, ngu si, tệ ác, cho ñến những người khập khễnh què quặt. Còn người sang giàu, tài cao học sáng, là do ñời trước nhơn từ, trung hiếu, chứa ñức làm lành, nên ñược như vậy...” đức Phật Thích Ca Mâu Ni sau khi giới thiệu 48 lời đại Nguyện của đức Phật A Di đà rồi, Ngài lại nói về các bậc tu chứng và ở quyển hạ của kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật không ngần ngại chỉ rõ cho chúng sanh thấy vì sao ở cõi Ta Bà nầy lại lắm ñiều bất tịnh như vậy ? Thật là tương phản với thế giới Tây Phương Cực Lạc. Tư tưởng nầy chẳng phải là tư tưởng yếm thế, nông nổi hay hù dọa chúng sanh. đây là nhân, ñây là quả, ñây là duyên khởi, ñây là sự biến ñổi của vô thường sanh diệt v.v... Tất cả những ñiều nầy khi còn sống thì các vị thần minh ghi chép rõ ràng, khi chết thì nghiệp cảnh ñài tiền sẽ hiện ra trước mắt như ban ngày ñể con người theo ñó chọn nghiệp ñi ñầu thai. Nghiệp cảnh ñài tiền ấy giống như chiếc máy ñiện tử ngày hôm nay; hình ảnh, âm thanh thâu vào và phát ra nhờ dòng ñiện cũng như sự tạo tác bấm nút của con người. Dầu cho các dữ kiện có bị xóa ñi; nhưng vết tích vẫn còn ñó. Trừ phi cá nhân ấy biết hối lỗi và phải tin tưởng nơi lời thệ nguyện của đức Phật A Di đà thì mới ñược về nơi cảnh giới An Dưỡng, không còn bị luân hồi khổ ñau chi phối nữa. Mối ác thứ hai: Người trên thế gian, giữa ñạo cha con, anh em, vợ chồng, phần nhiều chẳng có ân tình, nhân nghĩa, trái với lễ nghi. Hầu hết chỉ quen xa hoa dâm dục, kiêu mạn dọc ngang, mặc tình phóng túng lừa dối lẫn nhau, tâm miệng trái ngược. Lời nói, ý nghĩ ñều

sai tình thực. Hoặc siểm nịnh bất trung, hoặc a dua hồ mị, ganh ghét người hiền, chê bai ñiều thiện, hãm hại người lành một cách oan uổng. Làm Vua làm Chúa thì chẳng công minh, xử dụng tôi gian ñể họ làm quấy, hạng tôi bất chánh cơ mưu xảo ngụy. Lợi dụng thế lực, chà ñạp người tài. Làm vua không chánh bị dân khi dễ, bỏ rơi người hiền chẳng xứng nhân tâm. Tôi khi dễ vua, con lừa dối cha, anh em, vợ chồng, bạn bè quen biết khi dối lẫn nhau, người người ôm lòng ham muốn dục lạc, giận giỗi, si mê, muốn mình nồng hậu, muốn có thật nhiều, kẻ trên người dưới tâm ai cũng vậy, ñến ñỗi tan nhà mất mạng cũng chẳng ngó trước nhìn sau, lụy ñến bà con, bỗng dưng mà bị diệt cả họ hàng… Người xưa dạy rằng:

Ân tình tợ ñiểu ñồng lâm túc đại hạn lai thời các tự phi.
Nghĩa:
Ân tình, như chim chung một rừng
Hạng lớn ñến rồi, mỗi tự bay.
Tình ñời cũng giống như thế thôi! Tuy rằng nói chồng vợ, cha con, anh em hiếu nghĩa v.v… nhưng mỗi người ñều xây dựng riêng cho tự ngã của mình. Nếu tự ngã ấy không ñược củng cố, vuốt ve, che ñậy … thì mọi tình cảm xưa nay xem như bị tan vỡ. điều chính yếu ñể thỏa mãn lòng ham muốn sắc dục, danh vọng, ñịa vị mà thôi. Ngay như cả làm vua ñược rồi cũng chưa cho là ñủ; còn phải thâu tóm quyền hành, xử dụng tôi gian, làm hại cả quê hương, họ hàng, ñất nước, nào có nương tay.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 69

đức Phật ñã nói ra việc nầy cách nay (2011) ñã hơn 2.500 năm lịch sử rồi; nhưng mới ñây vào tháng 10 năm 2011 nầy lịch sử cũng ñã lặp lại giống như những gì ñã nói tự ngàn xưa, không sai một mảy may nào. Nguyên là ông Gaddhafi thủ lãnh của xứ Libya thuộc miền Bắc Phi Châu. Từ lúc 27 tuổi ñã bước lên ñịa vị vinh quang, nắm quyền sinh sát cả nước dưới tay mình qua 42 năm cai trị; nhưng cũng không chịu nhường quyền cai trị ñất nước cho người khác. Nên những tiếng nói tự do dân chủ bắt ñầu phản kháng mạnh và ñòi hỏi ông phải tỵ nạn lưu vong ñể cứu dân tộc mình; nhưng ông một mực vẫn từ chối, cả cha con dòng họ ñều muốn tử thủ nơi quê hương mình và kết quả là ông ñã bị lực lượng kháng cự giết chết cả hai cha con vào hạ tuần tháng 10 năm 2011 vừa qua. đây là một bài học lịch sử cho những ai muốn học những ñiều tốt và tránh những ñiều xấu. Trước khi bị lôi ra từ ống cống (tương phản lại với ngai vàng nơi ông ñã cầm quyền sinh sát suốt 42 năm qua); ông ta ñã van nài người lính là “ñừng giết tôi và tôi có rất nhiều tiền”. đến giờ phút cuối ñời mới van xin thì quá trễ. Vì quyền lực và tiền bạc ñâu có ñổi ñược mạng sống của mình. Phải chi trước ñây chừng vài năm ông tha tội cho những người bị ông hãm hại, thì cái quả ngày nay ông ta ñâu có bị hưởng như vậy. Có lẽ ông ta nghĩ rằng: quyền lực sẽ suốt ñời ở bên ông và ông tin rằng: Cha truyền con nối, nên mới không buông bỏ những quyền thế như vậy. Nào ngờ ñâu danh vọng, tiền tài, ñịa vị… bỗng chốc cũng tan ra mây khói. Nghe ñâu ông còn ñể tiền trong các ngân hàng ở ngoại quốc ñến 200 tỷ ñô la. Nếu tiền ấy ñem chia cho dân nghèo thì dân thương ông biết mấy. Bây giờ tiền ấy

của thiên trả ñịa mà thôi. Do vậy tiền bạc cũng chẳng mua ñược mạng sống của con người. Ngày nay chế ñộ dân chủ ñã ngự trị hầu hết quả ñịa cầu nầy rồi. Cho nên những người lãnh ñạo một quốc gia nên ý thức việc lâm nguy của sơn hà xã tắc quan trọng hơn là bản thân và ñịa vị của mình mới ñược. Ngày xưa các chế ñộ quân chủ thường hay chủ trương: Dân Vi Quý, Xã Tắc Thứ Chi, Quân Vi Khinh. Nghĩa là: Dân là quý, ñất nước hàng thứ hai, Vua là nhẹ. Thế mà ngày nay ai lên làm vua ñược rồi ñều cai trị ngược lại. Do vậy mà lòng dân oán than cũng phải. đức Phật dạy tiếp: Mối ñại ác thứ ba: Người trên thế gian cùng nhau sống gởi; trong vòng trời ñất mênh mông vô tận, mạng sống con người thật là ngắn ngủi. Trên từ những người hiền tài thông minh, những người lớn tuổi, quý phái khá giàu; dưới ñến những kẻ nghèo nàn hèn hạ, hoặc là những kẻ bại liệt ngu ngơ, giữa nữa là những người tạo những nghiệp dữ, hầu hết ôm ấp những ñiều xằng bậy, nhớ tưởng dâm dật, phiền não ngập lòng, giao hợp ân ái, ñứng ngồi chẳng yên. Ý tham tiếc giữ, chỉ muốn vớ ñược, liếc ngó sắc ñẹp theo thói tà ngoại, chán ghét vợ nhà ñi lại tư thông, hao tốn gia tài, làm ñiều trái phép... Tổ Quy Sơn trong văn Cảnh Sách ñã cảnh báo về sự vô thường về mạng sống của con người rằng: “Ngạn thọ tỉnh ñằng, khởi năng trường cửu”. Nghĩa là “cây bên bờ miệng giếng, há có thể lâu dài chăng?”. Quả thật là như vậy. Nếu cây bám rễ bên miệng giếng thì ñâu có gì là chắc chắn! Thế nhưng con người vì sống trong cuộc ñời ngũ dục về tài, sắc, danh, thực, thùy nầy

nên quên ñi tất cả những sự khổ ñau xảy ñến trước mắt rất nhanh. Sống chỉ ham vui dâm dật, ân ái, giao hợp, chán ghét vợ nhà rồi ñi tư thông với những người khác, làm cho gia ñình mất hạnh phúc. Thế nhưng con người không biết dừng tại ñó, lại còn tạo ra không biết bao nhiêu nỗi oan khiên chồng chất thêm nữa; khiến cho nhiều người bị bức bách khổ não, có trường hợp phải dẫn ñến sự tử vong. Nếu con người biết dừng, thì người ấy sẽ là người hạnh phúc muôn ñời. Biết dừng lại trước những thử thách là biết mình. Nếu không tự biết mình thì mọi sự thành công cũng chỉ là giả tạm mà thôi. Sự ham muốn về xác thịt, về sắc ñẹp nó cũng giống như những cơn ngứa. Càng gãi thì càng ngứa. Nói như Ngài Long Thọ, Tổ Sư của Trung Quán Luận là “ước gì ñừng ngứa”. Nhưng quan trọng là hãy ñừng gãi. đừng ngứa là cái nhân, ñừng gãi là cái quả. Nhân và quả luôn ñi bên nhau như bóng theo hình vậy. đa phần ai cũng muốn vớ ñược vợ ñẹp, tiền nhiều... nhưng rồi tất cả những loại nầy nó cũng chỉ là những sự vô thường, tạm bợ, chẳng có gì vĩnh cửu trên thế gian nầy cả. Người nào có cả hàng trăm vợ rồi cũng chết một mình. Người nào giàu cả hàng trăm tỷ ñô la, khi nhắm mắt xuôi tay nào có ai mang theo ñược ñồng nào! Tất cả chỉ là ảo ảnh của cuộc ñời. Mối ác thứ tư: “Người trên thế gian chẳng nhớ mấy việc ăn hiền ở lành, lại dạy bảo nhau càng gây ác nghiệp. Nói lời hai lưỡi, nói năng nguy hiểm, nói sai sự thật, nói lời thêu dệt, gièm pha tranh ñấu, ganh ghét người lành, phá hoại hiền sĩ ñể rồi ñắc ý. Chẳng hiếu với cha mẹ, khinh lờn bậc Thầy dạy, thất tín với bạn bè, không mấy khi thành thật. Cho mình là sang, nghĩ mình

là lớn, nói mình có ñạo, hành ñộng ngang tàng, cậy thế cậy oai xâm lấn kẻ khác, chẳng hay nghĩ xét, làm ác không thẹn, ỷ mình mạnh khỏe, muốn người cung kính, chẳng sợ ñất trời, chẳng sợ thần minh, chẳng khứng làm lành, tự do ngạo nghễ. Tưởng mình sống lâu, không lo không sợ, thường cứ ôm lòng ngã mạn kiêu căng... những ác nghiệp ấy trời thần ghi biết...". Việc làm phước, tích tụ ñức cho mình và cho ñời sau thì ít người làm; nhưng tích chứa tài sản của cải thì nhiều. Tuy vậy chẳng biết làm việc từ thiện. Muốn có nhiều tiền của thì phải tạo ra mưu nầy chước nọ, nói dối, nói gạt và mối lợi muốn thâu vào mình, khiến cho người khác phải khổ ñau mà mình ñâu ngờ ñến. Cứ cho mình là giàu có, ăn trên ngồi trước, nói năng hung hãn, vì nghĩ mình là người có quyền có thế v.v... Rồi nghĩ mình mạnh khỏe suốt ñời, sống lâu chẳng sợ... nhưng ngờ ñâu cơn vô thường lại ập ñến, khiến cho tất cả từ có ñã biến thành không và những cái không lại biến thành có. đó là tiền tài, của cải, gái ñẹp, rượu ngon và những tội lỗi tuy chẳng thấy nhưng ñã trở thành hiện thực. đạo Phật là ñạo vô thần, vì không chấp một vị Thần nào tạo ra vũ trụ nầy và có quyền ban ơn giáng họa cho mọi người, nhưng cũng có thể gọi đạo Phật là đạo Siêu Thần. Vì đạo Phật chấp nhận những vị Thần khác hiện hữu trong thế gian nầy, như trong Kinh Pháp Hoa hay nhiều kinh khác đức Phật ñã dạy. Mỗi vị Thần hay các vị Trời có nhiệm vụ ghi lại những phước ñức và lỗi lầm của mỗi chúng sanh ñể theo ñó, sau khi mạng chung sẽ trả nghiệp. Vì không có nghiệp nào vay mà chẳng trả. Vì lẽ khi có nhân, ắt phải sanh ra quả, dầu cho quả ấy ñến nhanh hay chậm.

đức Phật dạy tiếp: Mối ác thứ năm: Người trên thế gian biếng lười dật dựa, chẳng chịu làm lành, sửa mình tu ñức, bỏ bê cửa nhà, vợ con ñói rách, khốn khổ quanh năm, cha mẹ răn dạy trở lại giận dữ, trợn mắt trả treo, nói năng bất hòa, chống trái phản nghịch, chẳng khác oan gia, chẳng bằng tuyệt tự. Lấy, cho vô phép, mọi người chán ngán, phụ ơn bội nghĩa, không lòng báo bổ ñáp ñền. Nghèo nàn túng thiếu phục hồi chẳng ñược, ñua chen giành giựt, phóng túng chơi bời. Tiền gian xoay xở, tiêu pha lãng phí, say ñắm rượu thịt, ăn uống vô chừng, luông tuồng phóng ñãng, bướng bỉnh ngang ngạnh, chẳng biết phải quấy, chẳng kể tình người, cưỡng bức dục tình, ức hiếp kẻ yếu, thấy người làm lành ganh ghét phá hoại, không lễ không nghĩa, chẳng ngó ngàng ai, tưởng mình hiểu biết, can dạy chẳng nghe. Sáu dòng bà con, kẻ có người không chẳng cần ñể ý. Chẳng nghĩ công ơn cha mẹ, chẳng còn tình bạn nghĩa Thầy. Tâm thường nghĩ ác, miệng thường nói ác, thân thường làm ác, chưa từng có một ñiều lành. Chẳng tin Thánh hiền, chẳng tin Phật Pháp, chẳng tin tu hành có thể chứng ñạo, chẳng tin chết rồi thần thức tái sanh, chẳng tin làm lành gặp lành, làm dữ gặp dữ. Muốn giết Thánh hiền quấy rối Tăng Chúng, muốn hại cha mẹ, anh em quyến thuộc, ñến ñỗi bà con ghê tởm oán ghét, mong chết cho khuất... Khi sinh ra cuộc ñời nầy, bất cứ ai trong chúng ta ñã chẳng mang theo một ñiều gì, ngoại trừ nghiệp lực với hai bàn tay trắng. Rồi lớn lên thành danh, thành tài, thành người và ñã tạo ra không biết bao nhiêu là khổ nạn như bất hiếu với mẹ cha, không trung thành nghĩa chồng vợ, không tạo chữ tín cho bạn bè,

thân hữu,

74 đức Phật Thích Ca Mâu Ni

không làm lành lánh dữ, không có tâm thương chúng sanh. Nhưng nếu có, hầu như là có những ñiều tệ hại. Ví dụ như bất hiếu với cha mẹ, Thầy Tổ, ngỗ nghịch trái ý với anh chị em; tạo ra sự nghi ngờ giữa vợ chồng và người thân, làm cho nghi kỵ chống báng nhau... Lại còn chẳng tin tội phước nhân quả báo ứng. Chỉ biết ñời nầy và không tin sự tái sinh ở ñời sau; nên tha hồ dối trá và tạo ra tội ác. Lại tìm cách giết chết những bậc Thánh hiền và Tăng Chúng, những người ñã cắt ái ly gia sống ñời tỉnh thức. đôi khi còn muốn giết hại cả cha mẹ, anh em, vợ chồng, bà con quen thuộc nữa... như vậy cái ái của thế gian chỉ là cái ái có ñiều kiện và cái ái mang ñến sự khổ ñau. đức Phật cũng thường dạy rằng: Người lành làm việc lành, ñi từ niềm vui nầy ñến niềm vui khác; giống như ñi từ sáng vào sáng. Còn kẻ dữ làm dữ như từ khổ nầy ñến khổ kia, từ bóng tối bước vào bóng tối. Những việc như vậy có ai biết chăng ? đức Phật dạy tiếp: “Thế gian như vậy, thật ñáng thương xót! Phật dùng thần lực diệt ác, khuyến thiện, làm cho chúng sanh bỏ lìa nghĩ quấy mà vâng giữ giới, chăm lo hành ñạo. Y lời Như Lai chỉ dạy, sau sẽ qua khỏi dòng ñời và chứng Niết Bàn. Chư Thiên, nhân dân ñời nầy, ñời sau ñược nghe những lời trong kinh Phật nói, hãy nên suy nghĩ và gắng siêng năng, theo lời kinh dạy, chỉnh ñốn thân tâm, người trên làm lành, ñốc xuất kẻ dưới, răn nhắc lẫn nhau. Mỗi người phải tự giữ vững tâm ý, tôn trọng bực Thánh, quý kính người hiền, từ bi nhân ái, cứu nhơn ñộ thế. đối với những ñiều Như Lai răn nhắc, chớ có xem thường phụ bỏ, hãy cầu thoát khỏi dòng mê, nhổ gốc tội ác của sự sống chết, ñể ra khỏi cảnh khổ ñau vô lượng,

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 75

và mối lo sợ ñọa ba ñường ác. đời nầy các ngươi cần nên gieo trồng rộng rãi cội ñức, ban bố ân huệ, giữ gìn cấm giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền ñịnh sáng suốt, giáo hóa lẫn nhau. Tự mình tu ñức và gây thiện nghiệp, giữ tâm giữ ý ñúng ñắn chân thật. Dầu một ngày ñêm ở tại nơi nầy trai giới thanh tịnh, công ñức còn hơn ở cõi an lạc làm lành ñến một trăm năm. Tại sao vậy ? Vì cõi Phật kia vô tri tự nhiên, tất cả ñều cùng chứa nhóm thiện nghiệp. Một ñiều ác nhỏ giống như tơ tóc cũng không hề có. Chơn thật tu mười ngày ñêm ở tại cõi nầy, công ñức trội hơn ở Phật quốc khác tu thiện ngàn năm! Lý do là vì cõi nước Phật khác ña số làm lành, hiếm có người tạo ác, phước ñức chiêu cảm một cách tự nhiên, không có nguyên do ñể gây ác nghiệp. Chỉ có nơi nầy ñầy dẫy ñiều ác, chẳng ñược tự nhiên, toàn những gian khổ tìm cầu ham muốn và lừa dối nhau, khiến nỗi con người thân tâm lao nhọc, uống ñắng ăn ñộc, rồi cứ như thế mà chăm làm ác, chưa từng nghỉ ngơi... đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở cõi thế gian nầy, chịu kham nhẫn với chúng sanh tại ñây, không biết dường bao khó nhọc. Ngài ñã nói ra những ñiều lành, vạch ra những nẻo ác; mục ñích là làm cho chúng sanh bỏ ác làm lành, cải tà quy chánh. Do vậy Phật ñã vì chúng sanh mà dùng thần lực ñể diệt ác, khuyên làm việc lành, giữ giới ăn chay, siêng năng hành ñạo; nên mới khuyên nhắc, tu ít nhất một ngày một ñêm Bát Quan Trai giới thanh tịnh nơi cõi Ta Bà nầy thì công ñức còn nhiều hơn ở cõi Tây Phương Cực Lạc. Vì sao vậy ? Vì ở cõi ấy việc thiện dễ làm và hầu như không có

việc ác. Còn ở cõi nầy việc lành khó làm, việc ác lại ñầy dẫy; nếu có ai ñó phát nguyện tu thanh tịnh một ngày một ñêm quả là ñiều hy

76 đức Phật Thích Ca Mâu Ni

hữu. Nếu có người con trai lành, người con gái tốt nào chơn thật tu trong 10 ngày ñêm ở cõi nầy thì công ñức còn nhiều hơn gấp ngàn lần tại các nước Phật khác. Vì lẽ nhân dân của các cõi Phật khác chỉ thuần làm việc lành, chẳng có ai tạo ra ác nghiệp. Do vậy họ có nhiều phước ñức, là chuyện bình thường. Còn ở nơi cõi nầy ai cũng chăm làm ác, quên việc lành mà còn có người thiện lương tu trong 10 ngày ñêm như thế, không phải là việc dễ dàng. Do vậy đức Phật mới tán thán những người tạo ra thiện nghiệp ở ngay tại cõi nầy là vậy. Sau khi nghe những lời thiện lương và hậu quả của những việc ác như thế, Ngài A Nan có ý mong chờ đức Phật Vô Lượng Thọ phóng quang soi sáng chúng sanh trong mười phương cõi nước. đức Phật A Di đà tùy nguyện của Ngài A Nan, Ngài Di Lặc ñã phóng quang. Tất cả đại chúng ñều hoan hỷ. Các vị Trời, các vị Chuyển Luân Thánh Vương ñều chứng quả A Na Hàm, các vị Tỳ Kheo hết sạch mê lầm, tâm ý sáng tỏ. Các vị Bồ Tát chứng quả bất thoái…

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 77

C.- Tư Tưởng Kinh QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ

Chữ quán ở ñây có nghĩa là Thiền định, suy tư, nhớ nghĩ về… Vô Lượng Thọ tức là danh hiệu của đức Phật A Di đà. đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói kinh nầy tại núi Linh Thứu nơi thành Vương Xá thuộc xứ Ma Kiệt đà, trực tiếp cho Hoàng Hậu Vy đề Hy và Ngài A Nan cũng như 1.250 vị đệ Tử Tỳ Kheo nghe. Nguyên nhân đức Phật nói kinh nầy là vì lẽ A Xà Thế con mình ñã nghe lời dụ dỗ của đề Bà đạt đa giam cha mình là Tần Bà Xa La vào ngục thất ñể cướp ngôi. Khi ñức Vua ở trong tù, ñược đức Phật chỉ dạy cho phép tu Bát Quan Trai; nên giờ phút lâm chung, Vua ñược sanh Thiên. Trong thời gian nhà vua ở trong lao ngục, không ai ñược phép ñến thăm, ngoại trừ Hoàng Hậu Vy đề Hy. Cứ mỗi lần thăm nuôi, Bà tắm gội sạch sẽ và thoa bột lên tóc mình, khi vào ngục, bà ñánh lừa quân canh dễ dàng, vì không biết bà có mang theo thức ăn cho chồng mình. Thời gian trôi qua lâu; nhưng ñức vua vẫn chưa có dấu hiệu nào suy yếu, vì không cho cung cấp thức ăn hằng ngày. A Xà Thế hỏi quân canh ngục và ñược tâu lại tất cả sự tình như trên; nên A Xà Thế rất giận dữ và muốn giết hoặc giam giữ cả mẹ mình nữa; nhưng nhờ những vị đại Thần can ngăn rằng: “Xưa nay có nhiều người con cướp ngôi vua ñể xưng vương, chứ ít

78 đức Phật Thích Ca Mâu Ni

ai giết hay giam mẹ mình ñể thỏa mãn lòng mong ước”. Do vậy A Xà Thế ñã tha cho mẹ mình. Một hôm Hoàng Hậu Vy đề Hy kể lại chuyện xưa cho A Xà Thế nghe rằng: “Ngày xưa vua cha Tần Bà Xa La cũng thương A Xà Thế lắm. Ví như có lần A Xà Thế bị bịnh ung nhọt ñầy người. Vua cha Tần Bà Xa La sợ con mình bị ñau nên ñã dùng chính miệng mình ñể hút tất cả những chất máu mủ ấy vào miệng, khiến A Xà Thế chóng lành bịnh”. Khi nghe chưa dứt câu chuyện, A Xà Thế ñã ñộng lòng trắc ẩn, sám hối lỗi lầm và cho quân lính mở cửa ngục thả cha mình ra; nhưng than ôi! Lúc ấy vua Tần Bà

Xa La ñã băng hà và nhờ tu giới Bát Quan Trai theo lời Phật dạy; nên ông ñã thác hóa sanh thiên và chứng quả Dự Lưu. Hoàng Hậu Vy đề Hy thấy cuộc ñời nầy quá khổ ñau, sống ñể chứng kiến những ñiều như vậy; nên bà có ý khi lâm chung muốn sanh về một thế giới khác; không muốn trở lại thế giới nầy ñể chứng kiến những khổ ñau sầu lụy như thế nữa. đức Phật từ ñỉnh núi Linh Thứu biết ñược tâm ý của bà; nên ñã dùng hào quang chiếu soi tất cả các cảnh giới. Cuối cùng bà chọn thế giới Tây Phương Cực Lạc của đức Phật A Di đà ñể vãng sanh. đây là một câu chuyện có thật, một câu chuyện lịch sử, có thật một triều ñại như thế, một ông vua như thế cùng thời với đức Phật Thích Ca Mâu Ni; nhưng kinh nầy chỉ còn bản văn chữ Hán chứ bản tiếng Phạn lại không còn; cho nên nhiều nhà chú giải kinh ñiển sinh tâm nghi ngờ; nhưng riêng với tôi, tác giả quyển "Tư Tưởng Tịnh độ Tông" nầy không nghi ngờ gì cả. Có lẽ vì nguyên bản chữ Phạn ñược hình thành trước và sau Tây lịch khi ñem sang Trung Hoa dịch Hán văn rồi, bản chính bị thất lạc.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 79

Còn ở tại quê hương Ấn độ sau nầy bị Hồi Giáo thiêu hủy tất cả những kinh ñiển của Phật Giáo; nên nguyên bản không còn tìm lại ñược nữa. đây là lý do có thể khả tin chăng? Riêng Phật Giáo Tịnh độ do Ngài Thân Loan chủ trương vào thế kỷ thứ 13 tại Nhật thì quan niệm rằng: Những người ác như A Xà Thế, Vô Não, Da Xá v.v... nếu họ ñã quyết tâm phản tỉnh, thì chính sự sám hối biết tàm quý ấy mau chứng ñạo hơn là những người bình thường và Thân Loan có một lối nhìn khác là: "Phật ñể tâm ñộ cho những người ác trước cả người hiền". Qua câu chuyện một người mẹ có 3 người con; trong khi 2 người con ñầu phát triển bình thường thì người mẹ ít lưu tâm; người con thứ 3 bịnh hoạn, ñau yếu thì người mẹ thương hơn. đây là một kết luận ñộc ñáo của Ngài Thân Loan so với tư tưởng của những Tông Phái khác. Ngài nhắm vào tư tưởng cứu ñộ chúng sanh, như đức Phật ñã cứu đề Bà đạt đa trong kinh Pháp Hoa hay A Xà Thế trong kinh Vô Lượng Thọ. Tư tưởng kế tiếp là tư tưởng nhờ thần lực của đức Phật Thích Ca mà bà Vy đề Hy thấy ñược cảnh giới Tây Phương Cực Lạc; nếu riêng chỉ tự lực của bà, bà chỉ thấy cảnh khổ chung quanh vây bủa mình mà thôi. Lại chính nhờ câu Phật hiệu A Di đà mà 16 pháp quán bà ñã tâm ñắc ñể sau nầy khi lâm chung sẽ ñược sanh về ñó. đức Thế Tôn bảo bà Vy đề Hy rằng: "Nay ngươi biết chăng? Phật A Di đà cách ñây không xa, ngươi hãy buộc niệm xem kỹ nước ấy, là tịnh nghiệp thành. Nay ta vì ngươi nói rộng các dụ, cũng ñể tất cả phàm phu ñời sau, những ai muốn tu tịnh nghiệp, ñược sanh về cõi Cực Lạc Tây Phương".

80 đức Phật Thích Ca Mâu Ni

Trong kinh A Di đà, đức Phật Thích Ca Mâu Ni cho Ngài Xá Lợi Phất biết rằng: "Cõi ấy cách thế giới Ta Bà nầy cả 10 vạn ức cõi Phật, nơi ñó có đức Phật A Di đà hiện ñang thuyết pháp. Còn nơi kinh Quán Vô Lượng Thọ nầy là: Cách ñây không xa; nghĩa là chỉ trong một niệm nhớ nghĩ và xem xét. Do vậy kinh nầy người Âu Mỹ gọi là kinh Thiền định về đức A Di đà. "Muốn sanh nước ấy, phải tu 3 phước: - Phước thứ nhất là: Hiếu dưỡng cha mẹ, vâng thờ Thầy dạy, từ tâm chẳng giết, tu mười thiện nghiệp. - Phước thứ hai là: Thọ giữ ba pháp quy y Tam Bảo, ñủ các giới cấm, không phạm oai nghi. - Phước

thứ ba là: Phát tâm Bồ đề, tin sâu nhân quả, ñọc tụng kinh ñiển Phương đẳng đại Thừa, khuyên người khác tu. Ba ñiều như vậy gọi là Tịnh Nghiệp". (Kinh Quán Vô Lượng Thọ, trang 160). Cái phước của người con hiếu hạnh là phụng dưỡng cha mẹ khi còn sống cũng như khi về già. đức Phật ñã chẳng từng dạy rằng: Ai biết kính thờ cha mẹ là kính thờ Phật. Cha mẹ là hiện thân của vị Phật từ bi, nếu hai ñấng sanh thành ấy mà ta bất hiếu, thì ai sẽ là người có hiếu với bản thân mình về sau nầy. Vì gieo nhân nào sẽ gặp quả nấy; không ở ñời nầy thì ñời khác, không lúc nầy thì lúc khác phải gặp quả báo ấy. Thầy dạy ta là những người mang ñến cho ta sự hiểu biết và trí tuệ mà ta không biết vâng lời ñể thực hành theo thì trên thế gian nầy còn gì cao xa hơn nữa ? Là một con người dầu xuất gia hay tại gia, ai ai cũng có Thầy dạy ở trong ñạo và Thầy dạy ngoài ñời. Họ

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 81

là những người mô phạm, giúp ta rõ ñường ñi nước bước. Tục ngữ Việt Nam có câu: "Không Thầy ñố mầy làm nên" là vậy. Là con người, ña phần lòng từ lại ít; trái lại tâm ưa sát hại chúng sanh lại nhiều. Do vậy cần phải thể hiện lòng từ bi ñối với tất cả chúng sanh cũng như tu mười nghiệp lành như: Không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói lưỡi ñôi chiều, không nói lời thêu dệt, không nói lời hung ác, không nói dối, không tham, không sân và không si. Có như vậy mới xứng ñáng là một hành giả biết tu nhơn. Là một chúng sanh bình thường biết làm việc thiện không chưa ñủ, mà cần phải quy y Tam Bảo Phật, Pháp, Tăng và giữ gìn những giới cấm do Phật chế. Giới như hàng rào ngăn ngừa những tội lỗi và từ ñó bất cứ làm vấn ñề gì, chúng ta cũng suy tính kỹ càng trước khi thực hiện. Là người xuất gia có cả 3.000 oai nghi tế hạnh. Riêng Phật Tử tại gia cũng gìn giữ những oai nghi căn bản khi ñi, ñứng, nằm, ngồi. Khi ñã quy y thọ giới rồi liền khởi tâm làm việc thiện lương, tạo ra những phước ñức cho mình và cho người, ở ñời nầy cũng như ñời sau. điều quan trọng là những việc làm ấy phải thuận với nhân quả và trì tụng cũng như tin sâu những kinh ñiển đại Thừa. Nếu một người tin nhân quả mà không tin những lời dạy của Phật hoặc chư Tổ; như vậy cũng chưa phải là có lòng tin sâu rộng. Từ ñó mới khuyến khích những người khác cùng phát tâm tu học. đức Phật Thích Ca Mâu Ni ñã bảo Ngài A Nan và Hoàng Hậu Vy đề Hy rằng:

82 đức Phật Thích Ca Mâu Ni

"Hãy lóng nghe! Lóng nghe! Và khéo nghĩ nhớ. Như Lai ngày nay vì các chúng sanh thời ñại sau nầy bị giặc phiền não bủa vây làm hại, mà giảng nói về pháp tu tịnh nghiệp. Lành thay Vy đề Hy, hỏi việc rất hay! Thị giả A Nan ông hãy ghi nhớ, rộng vì mọi người tuyên nói lời Phật. Như Lai ngày nay dạy Vy đề Hy và các chúng sanh trong ñời sau nầy quán tưởng thế giới Cực Lạc Tây Phương. Nhờ lực của Phật, sẽ ñược nhìn thấy cõi thanh tịnh ấy, như cầm gương sáng, tự thấy mặt mình, thấy cõi nước ấy cực vui, mầu nhiệm, tâm sanh hoan hỷ, ngay ñó liền chứng vô sanh pháp nhẫn...". Con người ngày xưa chưa tiến bộ, khi còn ăn lông ở lỗ thì tập hợp nơi núi rừng, săn thú, ñào củ ăn ñể sống. Di chuyển từ gần ñến xa, sau ñó trở thành dân du mục. đến thế kỷ thứ 15, 16 con người văn minh hơn, ñã biết ñi thuyền trên biển; rồi vượt ñại dương ñể ñến

thăm những lục ñịa khác trên quả ñịa cầu nầy. Cho ñến thế kỷ thứ 21, con người hầu như ñã hoàn toàn chinh phục ñược thiên nhiên. Ngọn núi Everet ở dãy Hy Mã Lạp Sơn tại Ấn độ cao 8.848 mét cũng ñã có người leo ñến ñỉnh. Những ñộ sâu nhất của biển cũng ñã có máy móc dò tìm. Rồi lạnh buốt như Nam, Bắc Cực; nơi ñá ñông quanh năm suốt tháng mà cũng ñã có nhiều người mạo hiểm ñến ñó. Không những thế, ngày nay người ta còn dùng những chiếc máy bay khổng lồ chở 500 ñến 700 người bay trên không trung và hạ cánh an toàn tại các phi ñạo. Những việc như thế, nếu cách ñây 3, 4 trăm năm về trước mà thành tựu thì chắc loài người còn ngạc nhiên hơn nữa và loài người thuở ấy chắc rằng không bao giờ nghĩ ñến việc của bốn năm trăm năm về sau nầy như vậy.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 83

Ngay ở thời ñiểm nầy (2011) người ta ñã ñặt chân lên cung trăng và các vì tinh tú khác. Tất cả những nơi ấy ñều có sự sống và ñều có những sinh vật tồn tại ở những nơi kia. Tất cả ñều là nhờ khoa học và những nhà Bác Học khám phá ra. Thần thông của họ là nhiên liệu dầu hỏa, khí ñốt. Năng lực bảo hộ cho họ khỏi rơi ra ngoài không khí là vỏ máy bay hay phi thuyền làm bằng thiếc, hay chất uranium v.v... Như vậy chúng ta có thể tin ñược rằng năng lực của đức Phật Thích Ca có thể thâu tóm thế giới Tây Phương Cực Lạc nhỏ lại và sáng như tấm gương ñể Ngài A Nan và Hoàng Hậu Vy đề Hy trông thấy ñược. đồng thời với tha lực của đức Phật A Di đà, Ngài có thể mang những chúng sanh có lòng tin tưởng về cõi nước của Ngài sau khi lâm chung muốn sanh về ñó. đây là bổn nguyện lực của đức A Di đà và oai lực của đức Phật Thích Ca Mâu Ni vậy. đức Thế Tôn bảo bà Vy đề Hy rằng: “Ngươi và chúng sanh phải nên chuyên tâm, buộc niệm một chỗ, tưởng nơi Phương Tây. Tưởng như thế nào ? Cách tưởng ấy là: - Bất cứ người nào, nếu chẳng phải kẻ sanh ra ñã mù, hay người mắt sáng, ñều thấy hình ảnh mặt trời sắp lặn. Nên khởi tưởng về mặt trời lặn. Ngoài xoay hướng Tây, xem cho kỹ chỗ mặt trời sắp lặn, giữ tâm ñứng vững, chẳng cho di ñộng, thấy mặt trời lặn như cái trống treo. Thấy mặt trời rồi nhắm mắt, mở mắt ñều thấy rõ ràng.

84 đức Phật Thích Ca Mâu Ni

Trên ñây gọi là: Pháp quán thứ nhất Quán Tưởng Mặt Trời”. Mặt trời mang ánh sáng tạo ra năng lượng ñể chiếu rọi xuống quả ñất nầy. Không biết bao nhiêu sinh linh ñược ñón nhận từ trường vô giá nầy. Nếu không có mặt trời sưởi ấm, cây cối sẽ không ñâm chồi, nảy lộc nở hoa, mang hương sắc ñến cho ñời. Mặt trời không mọc thì quả ñất sẽ lạnh dần. Cho nên mọi sinh linh ở chỉ trong một vũ trụ nầy ñã, ñương và sẽ cần sự hiện hữu của mặt trời. Trong kinh Phật dạy: Có những thế giới có một mặt trời, có thế giới có hai mặt trời, có thế giới có ba mặt trời và ngay cả có những thế giới có ñến bảy mặt trời. Như vậy ở ñó nóng lắm. Những chúng sanh nào sống ở ñó chắc phải chịu ñựng ñộ nóng chết người ñi ñược. Có lẽ họ là những người có da thịt bằng ñồng hay bằng sắt thép mới chịu ñựng ñược nơi ấy. Trong mấy thế kỷ qua, người ta ñã ñào sâu vào lòng ñất và biển cả ñể tìm nhiên liệu và cung phụng tiện nghi cho con người. Bây giờ thì dầu hỏa sắp cạn kiệt ñến nơi rồi; nên người ta bắt ñầu hứng hơi gió ñể tạo ra năng lượng và nhiều nước văn minh ngày nay trên thế giới ñang tạo ra ñiện năng bằng cách thâu ánh

sáng mặt trời vào tấm cách nhiệt và từ ñó năng lượng nầy sẽ giúp cho con người những tiện nghi cần thiết trong ñời sống hằng ngày. Riêng việc quán niệm và buộc chặt tư tưởng khi mặt trời lặn và giữ nguyên hình ảnh ấy trong tâm mà đức Phật ñã dạy cho bà Vy đề Hy nhằm ñể làm chủ tâm mình, không cho một vật gì xen vào và tư tưởng ấy là tư

tưởng chánh ñịnh. Khi tư tưởng ñã ñịnh thì có thể làm chủ chính mình và thế giới. “Kế quán tưởng nước, thấy nước lóng trong, cũng phải rõ ràng không nghĩ gì khác. đã thấy nước rồi, nên tưởng băng giá, thấy băng chói suốt tưởng như lưu ly. Tưởng nầy thành rồi thấy ñất lưu ly, trong ngoài chói suốt, dưới có tràng vàng, kim cang bảy báu ñỡ ñất lưu ly, tràng này tám phương, có ñủ tám góc, mỗi mỗi phương diện trăm báu tạo thành, mỗi mỗi châu báu hàng ngàn ánh sáng, mỗi tia sáng có tám muôn bốn ngàn màu sắc khác nhau chói ñất lưu ly, như hàng trăm triệu mặt trời chói lọi, nhìn không thể xiết. Trên ñất lưu ly, lằn mức hoàng kim xen kẽ lẫn lộn bởi khu bảy báu, phân ranh hẳn hòi. Trong mỗi châu báu có những tia sáng năm trăm màu sắc, tia sáng như hoa, lại như trăng sao lơ lững hư không thành ñài sáng chói, lầu các vô vàn bởi hàng trăm thứ ngọc báu hợp thành. Hai bên lâu ñài, mặt nào cũng có trăm ức tràng hoa, vô lượng nhạc khí dùng ñể trang nghiêm. Tám thứ gió mát từ ánh sáng ra khua những nhạc khí, diễn nói những tiếng khổ, không, vô thường, vô ngã v.v... Trên ñây là pháp quán tưởng băng giá, là quán thứ hai”. Từ nước ñóng thành băng, từ băng tạo thành lưu ly và trăm ngàn báu vật... chỉ là qua cách quán chiếu của tự thân. Khi nước ñông thành băng cũng giống như mặt ñất chứa ñựng nhiều của quý và những châu báu ấy ñược chiếu sáng bằng nhiều màu sắc khác nhau, giống như mặt trời chiếu vào ñó.

Từ mặt lưu ly ấy phát sinh hàng trăm ngàn loại hoa và trăng sao. Gió mát thổi ñến tạo thành những âm thanh vi diệu hòa lên những âm thanh của tứ pháp ấn v.v... Những ñiều nầy thường nhật bà Hoàng Hậu Vy đề Hy không thấy ñược trong cung ñiện của bà. Mặc dầu cung ñiện ở thành Vương Xá ấy là một cung ñiện nổi bật so với các cung ñiện khác ñương thời; nhưng bà thấy nước vẫn là nước, chứ chẳng có gì lạ. Bây giờ đức Phật tạo cho bà có cơ hội ñể quán tưởng về băng giá một cách tỉ mỉ như vậy có lẽ ñể bà quên ñi những nỗi sầu khổ bi ai về chồng, về con và chỉ chú tâm vào một vật, một nơi, ñể bà chỉ còn lại việc quán tưởng mục ñích tạo sự thành tựu cho niềm tin và khả năng có thể ñạt ñược của bà trong hiện thế. “Tưởng nầy thành rồi, quán từ hình bóng cho thật tỏ rõ, nhắm mắt, mở mắt không cho tan mất, trừ khi ăn ngủ, ngoài ra luôn luôn nhớ những sự trên. Người tưởng ñược vậy gọi là thô sơ thấy ñất của cõi Cực Lạc. Nếu chứng Tam Muội, thấy ñất cõi ấy tỏ rõ hẳn hòi, không sao nói ñủ. Trên ñây là pháp quán tưởng mặt ñất, là quán thứ ba”. Khi quán nước và băng ñá trở thành lưu ly như ở cõi Cực Lạc rồi thì ngày ñêm không dừng nghỉ, lúc nào cũng tâm tâm niệm niệm như thế, chỉ trừ khi ñi ăn và ñi ngủ. Như vậy niệm niệm liên tục cho ñến khi chứng ñược Tam Muội hiện tiền nghĩa là chuyên tâm chú ý ở một chỗ, không ñể tan loạn mà phải giữ cho tâm an tĩnh, trạng thái nầy gọi là Tam Muội. Khi ñạt ñến trạng thái Tam Muội

thì liền phát khởi trí tuệ mà khai ngộ chân lý, vì thế khi dùng Tam Muội nầy tu hành mà ñược cảnh giới

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 87

Phật thì gọi là Tam Muội phát ñắc hoặc phát ñịnh. Khi quán như vậy về ñất như thế lâu ngày trở nên thuần thục thì tưởng trên dưới ñất lưu ly ấy là thấy ñất thô sơ ở cõi Tây Phương Cực Lạc. “Phật bảo A Nan: Ông nhận lời Phật, vì các chúng sanh muốn ñược thoát khổ trong ñời sau nầy, mà nói về pháp Quán đất trên ñây. Nếu quán tưởng ñược pháp quán ñất nầy là sẽ trừ những tội khổ sống chết, tám mươi ức kiếp, sau khi bỏ thân quyết sanh cõi Tịnh, tâm ñược không nghi. Khởi quán như thế gọi là quán ñúng, nếu như quán khác, là quán sai lạc”. Phật bảo A Nan và Vy đề Hy về pháp quán cây báu. Pháp quán nầy diễn tả cây cối có nhiều cành lá ñẹp ñẽ, màu sắc như pha lê tỏa ra ánh sáng hồng, xanh và có nhiều lớp lưới bao phủ. Trên lưới ấy có cung ñiện của các Phạm Vương. Những ánh sáng trên cây ấy chiếu ra như hàng ngàn mặt trời, mặt trăng ñang hiện hữu. Trên cây ấy lại có những quả báu như những chiếc bình của Trời đế Thích và những ánh sáng ấy hóa thành phan phướn và những lọng báu. Trong ánh sáng ấy chói hiện những Phật sự của toàn cõi đại Thiên và mười phương cõi nước của các đức Phật cũng hiện trong ấy. Khi quán tưởng về cây báu nầy, phải quán từ thân cây, nhánh cây, lá, hoa ñều phải rõ ràng. đây là pháp quán thứ tư. Ánh sáng ở cõi giới Ta Bà nầy luôn giới hạn và có phân chia ra ngày và ñêm; nhưng ánh sáng ở cõi Tây Phương Cực Lạc thì luôn luôn tươi mát, chiếu sáng dịu dàng không ngăn ngại và chẳng phân biệt ngày ñêm;

88 đức Phật Thích Ca Mâu Ni

nên những chúng sanh ñược sanh về ñó có cảm giác hoàn toàn an lạc ñể ñược sống trong cảnh giới thanh tịnh giải thoát ấy với vô lượng Bồ Tát và các thiện hữu trí thức ở cõi ấy. “Kế nên tưởng nước, muốn tưởng nước thì: Quốc ñộ Cực Lạc có tám ao nước. Mỗi mỗi ao nước bảy báu tạo thành, ngọc ấy rất nhuần nhuyễn, từ những châu chúa Như Ý sanh ra, chia làm 14 chi nhánh, mỗi nhánh có màu bảy báu tuyệt ñẹp. Thành ao vàng ròng, dưới thành có chất kim cương nhiều màu làm cát trải ñáy. Trong mỗi dòng nước có sáu mươi ức hoa sen bảy báu, mỗi mỗi hoa sen tròn trịa cân ñối, mười hai do tuần, nước Ma Ni ấy chảy rót giữa hoa, theo cọng lên xuống, tiếng nước tuyệt vời, diễn nói những nghĩa khổ, vô thường, vô ngã, các Ba La Mật, lại khen thưởng tốt của các đức Phật. Châu chúa Như Ý vọt ra sắc vàng, ánh sáng vi diệu, ánh sáng hóa thành chim báu trăm màu hót tiếng lảnh lót, thường khen niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. đó là pháp tưởng Nước Tám Công đức và là pháp quán thứ năm”. Nước tám công ñức tức là nước có ñủ tám thứ công ñức thù thắng. Bên cõi Tịnh độ của đức Phật A Di đà có ao tám công ñức, chứa ñầy nước tám công ñức ở trong. Tám công ñức thù thắng của nước trong ao là: Lặng trong, sạch mát, ngọt ngào, mềm nhẹ, thấm nhuần, an hòa, trừ ñói khát, nuôi lớn các căn… (Phật Quang đại Từ điển trang 438). Trong mỗi dòng nước chảy như thế có cả hằng ức ức hoa sen bảy báu và mặt nước Ma Ni chảy rót vào hoa

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 89

lớn ñẹp kia và tiếng nước ấy cũng diễn nói ñược tam pháp ấn về khổ, vô thường, vô ngã và ngay cả nghĩa của Bát Nhã Ba La Mật nữa. Các đức Phật ñều ngợi khen, ñồng thời ánh sáng tại ñó cũng hóa thành chim báu ñể ca ngợi, tán thưởng người hay nhớ ñến ba ngôi báu. “Cõi nước Cực Lạc toàn sự quý lạ. Trên mỗi khu vực có năm trăm ức lầu gác châu ngọc. Trong lầu gác ấy, vô lượng chư thiên trỗi những nhạc trời. Lại có những nhạc cụ lơ lửng trên không như cờ phướn trời, không ai trỗi khúc mà vẫn âm vang, trong những ñiệu nhạc ñều nói về việc niệm Phật, niệm Pháp và niệm Tỳ Kheo Tăng… Trên ñây là pháp quán tưởng Tổng Quát, là quán thứ sáu”. Quán Tổng Quát nầy gồm có ñất, cây, ao, lầu báu v.v… đây chính là cảnh giới Tây Phương Cực Lạc nơi đức Phật A Di đà ñang làm giáo chủ. Nhạc trời tự nhiên ngân vang và những âm ñiệu ấy cũng biết nhớ nghĩ ñến ba ngôi Tam Bảo. đây chính là do năng lực của đức Phật A Di đà hóa hiện vậy. Khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni chỉ bày cho Hoàng Hậu Vy đề Hy quán ñến ñó thì thấy đức Phật Vô Lượng Thọ ñứng giữa hư không, Ngài Quan Thế Âm và đức đại Thế Chí, hai vị đại Sĩ ñứng hầu hai bên, ánh sáng rực rỡ, không sao nhìn rõ, hàng trăm ngàn sắc vàng Diêm Phù đàn cũng không thể sánh. Bà Vy đề Hy ñược thấy đức Phật Vô Lượng Thọ rồi, lạy xuống sát ñất và bà thưa rằng: “Kính bạch đức Thế Tôn! Nay con vì nhờ thần lực của Phật mà ñược nhìn thấy Phật Vô Lượng Thọ và hai vị

Bồ Tát, chúng sanh ñời sau làm thế nào quán Phật Vô Lượng Thọ và hai vị đại Sĩ “. đức Phật chỉ bảo bà Vy đề Hy về việc quán tưởng tòa sen báu của đức Phật A Di đà. đài sen nầy có vô lượng cánh sen và mỗi cánh sen tỏa ra vô lượng ánh sáng và những ánh sáng ấy tạo ra những màu sắc vàng ròng và mỗi tia ánh sáng như vậy ñều tỏa ra những ánh sáng lạ. đây là pháp tưởng Tòa Sen báu, gọi là pháp quán thứ bảy. “… Muốn quán tưởng Phật Vô Lượng Thọ thì: Trước phải tưởng tượng. Nhắm mắt mở mắt thấy một tượng báu, màu tượng như màu vàng Diêm Phù đàn, ngồi trên hoa kia. Thấy tượng ngồi rồi thì mắt huệ sẽ mở tỏ rõ ràng. Thấy cõi Cực Lạc bảy báu trang nghiêm: đất báu, ao báu, hàng lối cây báu, mành báu, các trời bao phủ lên trên cây, các mành lưới báu ñầy trong không gian. Thật sự như thế rất rõ ràng, như thấy làn chỉ nơi lòng bàn tay…”. Tiếp ñến quán hoa sen lớn bên trái của Phật A Di đà; nơi đức Quan Thế Âm Bồ Tát ngồi ñó và một hoa sen lớn bên phải đức Phật, có đức đại Thế Chí ngồi. Khi tưởng nầy thành, tượng Phật và Bồ Tát ñều phóng quang minh, quang minh màu vàng soi những cây báu. Dưới mỗi cây báu ñều có ba hoa sen. Trên các hoa sen, ñâu ñâu cũng có một đức Phật, hai vị Bồ Tát khắp cõi nước ấy. Nếu tưởng ñược như vậy sẽ thấy ñược Vô Lượng đức Phật A Di đà và vô lượng Quan Thế Âm cùng đại Thế Chí Bồ Tát. Khi tưởng ñược như vậy rồi thì hành giả sẽ nghe ñược nước chảy, ánh sáng, tất cả cây báu, chim

chóc ñều diễn phép mầu. Khi nhập ñịnh hay xuất ñịnh ñều nghe ñược diệu pháp. Trên ñây là pháp quán tưởng hình tượng, là quán thứ tám. “Phật bảo A Nan và bà Vy đề Hy: . . . A Nan nên biết, Phật Vô Lượng Thọ, thân như trăm ngàn muôn ức màu sắc vàng Diêm Phù đàn cõi trời Dạ Ma, thân Phật cao vời, sáu mươi muôn ức số na do tha hằng hà sa do tuần, tướng sáng bạch hào giữa ñôi lông mày xoáy tròn uốn lượn về phía bên

phải như năm Tu Di. Mắt Phật ví như nước bốn biển lớn, xanh trắng rõ ràng. Các lỗ chơn lông tuôn ra ánh sáng như núi Tu Di. Vòng ánh sáng tròn nơi thân Phật, lớn như trăm ức ñại thiên thế giới. Giữa vòng ánh sáng có trăm vạn ức na do tha số cát sông Hằng các vị hóa Phật, mỗi mỗi hóa Phật có ñông vô số Bồ Tát hóa hiện theo làm thị giả. Phật Vô Lượng Thọ có tám muôn bốn ngàn tướng tốt, trong mỗi tướng tốt, tướng nào cũng có tám muôn bốn ngàn vẻ ñẹp tùy hình, trong mỗi vẻ ñẹp lại có tám muôn bốn ngàn tia sáng, mỗi mỗi tia sáng soi khắp mười phương vô lượng thế giới, nhiếp lấy không bỏ những ai niệm Phật. Quang minh, tướng tốt và những hóa thân của đức Phật ấy không thể nói ñủ, chỉ nên nhớ tưởng, khiến cho "mắt tâm" sáng suốt tự thấy. Thấy những sự trên, tức thấy tất cả chư Phật mười phương, do thấy chư Phật nên mệnh danh là Niệm Phật Tam Muội. Người vận dụng ñược pháp quán tưởng nầy, gọi là quán tưởng tất cả thân Phật. Bởi quán thân Phật, cho nên cũng sẽ nhận ra tâm Phật. Tâm Phật chính là tâm đại Từ Bi, dùng vô duyên (vô duyên từ: Nghĩa là

lòng từ bình ñẳng vô ñiều kiện ñối với tất cả) nhiếp khắp chúng sanh. Tu pháp quán nầy sau khi bỏ thân, hành giả ñược sanh ở trước chư Phật, chứng Vô Sanh Nhẫn. Bởi vậy người trí hãy nên buộc tâm, quán kỹ đức Phật Vô Lượng Thọ... Trên ñây là nói quán khắp tướng toàn sắc thân của Phật, là quán thứ chín". đức Phật A Di đà là vị giáo chủ ở cõi Tây Phương Cực Lạc, qua 48 lời thệ nguyện của Ngài khi còn là một Pháp Tạng Tỳ Kheo, thì lời nguyện nào cũng có câu: "Giả sử khi tôi thành Phật... nếu không ñược vậy, thì tôi sẽ chẳng ở ngôi chánh ñẳng chánh giác". Vì cái nhân vô lậu; nên phát sinh cái quả vô lậu. Từ thân tướng của Ngài trang nghiêm ñẹp ñẽ có vô lượng ánh sáng, vô lượng sắc ñẹp, vô lượng trí tuệ, vô lượng phước ñức... Tất cả ñều do công năng trì giới, tu các phép lành trong vô lượng kiếp mà ñược thành tựu như vậy. "Phật bảo A Nan và Vy đề Hy: Sau khi quán thấy Phật Vô Lượng Thọ tỏ rõ hẳn hòi, tiếp ñến cũng nên quán tưởng Bồ Tát Quán Thế Âm. Vị Bồ Tát nầy thân cao lớn ñến tám mươi muôn ức na do tha do tuần, thân màu vàng tía, ñảnh có nhục kế, ót có vòng sáng, bề nào cũng rộng trăm ngàn do tuần; trong vòng sáng có 500 hóa Phật, như Phật Thích Ca Mâu Ni, mỗi mỗi hóa Phật lại có 500 vị hóa Bồ Tát, vô lượng chư thiên ñể làm thị giả. Quang minh nơi thân khi ñộng khi dừng, bao nhiêu sắc tướng chúng sanh năm ñường ñều hiện bóng vào. Trên ñầu Bồ Tát có ñội thiên quan bằng ngọc Ma Ni Tỳ Lăng Già, trong thiên quan ấy có hóa Phật ñứng, hóa Phật cao hai mươi lăm do tuần.

Bồ Tát Quan Thế Âm sắc mặt dường như vàng Diêm Phù đàn, tướng bạch hào ñủ màu sắc bảy báu, tuôn ra tám muôn bốn ngàn ánh sáng, mỗi ánh sáng có vô lượng, vô số trăm ngàn hóa Phật, mỗi vị hóa Phật lại có vô số những hóa Bồ Tát theo làm thị giả, biến hiện tự tại khắp mười phương cõi... Trên ñây là pháp quán tưởng sắc thân chơn thật của Bồ Tát Quan Thế Âm, là quán thứ mười". đức Quán Thế Âm là vị Bồ Tát thường theo hầu đức Phật A Di đà ở thế giới Tây Phương Cực Lạc và tiếp dẫn chúng sanh khi sắp lâm chung về thế giới kia. Trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa phẩm thứ 25, Ngài là vị Bồ Tát hóa hiện 32 thân khác nhau ñể cứu ñời. Công hạnh của Ngài thật là vô lượng vô

biên không thể nói hết. Người Á Châu thường thờ Ngài như là một vị Bồ Tát cứu khổ, cứu nạn. Trong nhiều bài kệ tán thán công hạnh của Ngài có bài: Bảo Quang ñảnh Phật nhơn ñới quả Quá khứ chánh pháp minh Như Lai Bi nguyện vận vi Thiên Thủ Nhãn Chiếu hộ quần sanh bất thất thời. Nghĩa: Bảo Quang là Phật ở ñời trước Thời quá khứ hộ đức Như Lai Lòng từ vận khắp, ngàn tay mắt Cứu ñộ chúng sanh, chẳng kể giờ.

94 đức Phật Thích Ca Mâu Ni

Chúng ta thường hay thấy đức Quán Thế Âm Bồ Tát ăn vận giống như người nữ; nhưng thật ra Ngài là nam nhân. Vốn ñã thành Phật hiệu là Bảo Quang từ trong quá khứ xa xôi và với lòng từ bi hiện ra thân hình có ngàn tay, ngàn mắt ñể kịp thời cứu hộ chúng sanh trong mười phương vô biên thế giới trong cùng một lúc, chẳng nệ hà khó nhọc. đức Phật dạy tiếp: Kế nữa Bồ Tát đại Thế Chí. Thân Bồ Tát nầy, mức ñộ lớn nhỏ cũng như Bồ Tát Quan Thế Âm. Vòng sáng trên ñầu, mặt nào cũng là một trăm hai mươi lăm do tuần, chiếu ra hai trăm năm mươi do tuần. Mỗi khi ñộng thân, quang minh chiếu suốt cõi nước mười phương, tỏa màu vàng tía, người có phước duyên thảy ñều ñược thấy. Hễ thấy quang minh một lỗ chơn lông của Bồ Tát ñây, là thấy ánh sáng thanh tịnh nhiệm mầu của Vô Lượng đức Phật ở khắp mười phương, do ñó tôn hiệu của vị Bồ Tát nầy là Vô Biên Quang, dùng ánh tuệ quang soi khắp tất cả, làm cho chúng sanh lìa khỏi tam ñồ, ñược lực cao tột. Bởi vậy Bồ Tát ñược mệnh danh là đấng đại Thế Chí. Thiên quang trên ñảnh của Bồ Tát có 500 hoa báu, mỗi hoa báu có 500 ñài báu, trong mỗi ñài báu, những tướng rộng dài, các cõi màu sạch của những đức Phật, ở khắp mười phương ñều hiện trong ñó. Nhục kế trên ñảnh như hoa sen vàng, trên chót nhục kế có một bình báu ñầy những quang minh hiện khắp Phật sự. Ngoài ra những tướng lớn nhỏ trên thân như Quan Thế Âm, không mấy sai khác. Bồ Tát nầy ñi, thì mười phương cõi ñều bị chấn ñộng, ngay chỗ ñất ñộng có 500 hoa báu, mỗi mỗi hoa báu trang nghiêm, cao sáng như những hoa báu ở cõi

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 95

Cực Lạc. Khi Bồ Tát ngồi, cõi nước bảy báu lay ñộng một lúc. Từ quốc ñộ của đức Phật Kim Quang ở tận phương dưới, cho ñến quốc ñộ Phật Quang Minh Vương ở tột phương trên, trong khoảng giữa ấy, vô lượng trần số phân thân của đức Phật Vô Lượng Thọ, vô số phân thân của Quan Thế Âm và đại Thế Chí thảy ñều vân tập về cõi nước Cực Lạc, chật ních hư không, ñều ngồi tòa sen diễn nói pháp mầu ñộ chúng sanh khổ. Quán ñược như trên gọi là quán ñúng, ñúng tướng sắc thân của đại Thế Chí. đây gọi là pháp quán thứ mười một". đức đại Thế Chí luôn luôn ñi hầu cận bên đức Phật A Di đà, là Bồ Tát trợ thủ với đức Quan Thế Âm, sẽ tiếp dẫn chúng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc khi ñược vãng sanh. Có nhiều bài tán ca ngợi tán thán Ngài như sau: đảnh thượng bảo bình hiện Phật sự Nhứt mao khổng trung biến thập phương Cử túc chấn kình chư quốc ñộ Phổ tiếp tịnh nhơn quy Lạc Bang. Nghĩa: Trên ñầu bình báu hiện Phật sự Mỗi lỗ chân lông, sáng mười phương Cất chân chấn ñộng các nước Phật Nhằm tiếp người sanh chốn Tây Phương.

96 đức Phật Thích Ca Mâu Ni

Vị Bồ Tát nầy tượng trưng cho năng lực mạnh mẽ, thể hiện cho trí tuệ. Còn đức Quan Thế Âm Bồ Tát thì thể hiện cho lòng từ bi. Khi ñứng chung với đức Phật A Di đà, gọi ñây là Tây Phương Tam Thánh.

“Sau khi quán thành các sự nầy rồi, nên khởi tự tâm sanh nơi thế giới Cực Lạc phương Tây. Ở hoa sen kiết già ngồi vững. Tưởng hoa xếp lại, tưởng hoa nở ra. Khi hoa nở ra, tưởng có 500 ánh sáng ñủ màu chiếu rọi ñến thân. Khi mở mắt ra, thấy Phật, Bồ Tát ñầy khắp hư không. Nước, chim, rừng cây cùng với chư Phật phát ra tiếng nói, ñều diễn phép mầu, hoàn toàn hợp với 12 phần kinh; nếu khi xuất ñịnh, ghi nhớ không mất. Thấy sự nầy rồi, gọi là ñược thấy Phật Vô Lượng Thọ và cõi Cực Lạc. Trên ñây là pháp quán tưởng cùng khắp, là môn quán tưởng thuộc thứ mười hai”. Sau khi ñã quán tưởng thành thục về đức Phật A Di đà và hai vị Bồ Tát Quán Thế Âm và đại Thế Chí rồi, liền tự quán mình là người sẽ ñược sanh về thế giới Cực Lạc, ngồi trên ñài sen báu và tưởng ñến lúc hoa xếp lại cũng như hoa nở ra. Mỗi hoa như vậy chiếu rọi rất nhiều ánh sáng ñủ màu. Khi mở mắt cũng như khi nhắm mắt ñều thấy Phật và các vị Bồ Tát ñầy dẫy trong hư không. Các cảnh mầu nhiệm như chim, nước, cây rừng cũng ñều tạo nên những âm thanh nói Pháp; những pháp ấy ñúng với nội dụng của 12 bộ kinh Phương đẳng đại Thừa. đây là cảnh giới có thật ở cõi Tây Phương ñối với những người tin chắc và sâu xa về nhân quả cũng như 12 bộ kinh mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni ñã tuyên thuyết khi Ngài còn tại thế.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 97

“Phật bảo A Nan và Vy đề Hy: “. . . Phật A Di đà thần thông như ý, biến hiện tự tại nơi mười phương cõi. Hoặc hiện thân lớn ñầy cả hư không; hoặc hiện thân nhỏ cao một trượng sáu. Ảnh tượng hiện ra ñều sắc vàng ròng, vầng sáng nơi thân,các vị hóa Phật cùng hoa sen báu... như trước ñã nói. Bồ Tát Quan Thế Âm, Bồ Tát đại Thế Chí ở tất cả nơi, thân ñồng chúng sanh. Chỉ cần quan sát tướng trên ñỉnh ñầu là có thể biết đức Quan Thế Âm hay đại Thế Chí. Hai Bồ Tát nầy luôn luôn hỗ trợ Phật A Di đà hóa ñộ tất cả. Trên ñây là pháp quán tướng tạp, là pháp quán tướng thứ mười ba”. Tạp tưởng quán là quán chung tất cả ba vị Tây Phương Tam Thánh. Từ đức Phật A Di đà cho ñến hai vị Bồ Tát. Những người tu theo Pháp Môn Tịnh độ khi quán tưởng về tướng của ba vị nầy, không thể thiếu việc quán về thân tướng, ánh sáng, màu sắc v.v... ñể thâm nhập vào tâm thức của mình. Vì ñây là cái nhân ñể ñược tiếp dẫn về Tây Phương Tịnh độ. Phật bảo A Nan và Vy đề Hy: - Thượng phẩm Thượng sanh là hạng người nào ? Nếu có chúng sanh nguyện sanh về nước ấy, phát ba thứ tâm bèn ñược vãng sanh. Những gì là ba? Tâm thứ nhất là chí thành tha thiết. Tâm thứ hai là mong muốn sâu nặng. Tâm thứ ba là phát nguyện hồi hướng. đủ ba tâm quyết sanh nước ấy.

98 đức Phật Thích Ca Mâu Ni

Lại có ba hạng chúng sanh tu hành, sẽ ñược vãng sanh. Những gì là ba? Hạng thứ nhất là: Tâm từ chẳng giết, ñủ các giới hạnh. Hạng thứ hai là: đọc tụng kinh ñiển Phương đẳng đại Thừa. Hạng thứ ba là: Tu sáu pháp niệm (niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm thí, niệm giới, niệm các thiền ñịnh) hồi hướng phát nguyện, nguyện sanh nước

ấy... đó là những người Thượng Phẩm Thượng Sanh. - Thượng phẩm Trung sanh là hạng người nào ? đây là hạng người không hẳn ñọc tụng kinh ñiển đại Phương đẳng; nhưng khéo hiểu nghĩa, với ñệ nhất nghĩa tâm không kinh ñộng, tin sâu nhân quả, không chê đại Thừa, dùng công ñức nầy hồi hướng nguyện cầu sanh nước Cực Lạc. Người tu hành nầy khi sắp mạng chung, Phật A Di đà với Quan Thế Âm và đại Thế Chí, Vô lượng đại chúng, quyến thuộc bao quanh cầm ñài vàng tía ñến trước hành giả khen rằng: "Hỡi này Pháp tử! Ngươi tu đại Thừa, hiểu ñệ nhất nghĩa, vì thế nay ta ñến ñón tiếp ngươi...". đó gọi là Thượng phẩm Trung sanh. - Thế nào là hạng Thượng phẩm Hạ sanh ? đây là những người cũng tin nhân quả, không chê đại Thừa; nhưng chỉ phát tâm Vô thượng Bồ đề, dùng công ñức ấy hồi hướng nguyện cầu sanh nước Cực Lạc. Khi hành giả nầy sắp sửa mệnh chung, Phật A Di đà, Quan Âm, Thế Chí cùng chư Bồ Tát cầm hoa sen vàng, hóa ra 500 đức Phật ñến ñón người nầy. Năm trăm hóa Phật cùng lúc trao tay khen rằng: "Pháp tử!" Nay ngươi thanh tịnh phát tâm Vô Thượng, ta ñến ñón ngươi...

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 99

Ba hạng trên ñây thuộc tưởng vãng sanh của hạng người bậc thượng, là quán thứ mười bốn". Tất cả những ai ñược sanh về Thượng Phẩm ñều thuộc loại thượng căn, thượng trí, tin sâu đại Thừa và nhân quả cũng như phát tâm Vô Thượng Bồ đề, cầu giải thoát sanh tử sau khi lâm chung ở thế giới Ta Bà nầy thì sẽ ñược chính đức Phật A Di đà và hai vị Bồ Tát Quán Thế Âm cùng Bồ Tát đại Thế Chí ñến nghinh tiếp. Khi về ñó rồi gặp Phật liền (bực Thượng) hay sau một ngày ñêm (bậc Trung) và sau bảy ngày ñêm (bậc hạ); kế tiếp nghe Phật thuyết pháp. "Phật bảo A Nan và Vy đề Hy: Trung Phẩm Thượng Sanh là hạng thế nào ? - Nếu có chúng sanh thọ trì 5 giới, Bát Quan Trai giới, thực hành các giới, không tạo ngũ nghịch, tránh các lỗi lầm. đem cái lành nầy hồi hướng nguyện cầu sanh về thế giới Cực Lạc Phương Tây. Lúc sắp mệnh chung Phật A Di đà và các Tỳ Kheo, quyến thuộc vây quanh, phóng quang màu vàng, ñến chỗ người ấy, diễn nói những nghĩa: Khổ, không, vô thường, vô ngã, khen ngợi xuất gia ñược lìa cái khổ. Hành giả thấy rồi tâm rất vui mừng, tự thấy thân mình ngồi trên ñài hoa sen, quỳ thẳng chắp tay ñảnh lễ đức Phật chưa kịp ngẩng ñầu liền ñược vãng sanh về thế giới Cực Lạc, hoa cũng vừa nở, ngay lúc hoa nở, nghe các âm thanh khen pháp Tứ đế, lúc ấy liền chứng quả A La Hán, ñầy ñủ ba mươi sáu sức thần thông và tám giải thoát. đó là hạng người Trung Phẩm Thượng Sanh. Trung Phẩm Trung Sanh là những hạng nào ?

100 đức Phật Thích Ca Mâu Ni

- Nếu có những người, một ngày một ñêm giữ Bát Quan Trai, hoặc một ngày một ñêm giữ giới Sa Di; hoặc một ngày một ñêm giữ giới Cụ Túc, oai nghi không khuyết. đem công ñức nầy hồi hướng cầu nguyện sanh nước Cực Lạc, thường hay huân tu giới hương giải thoát. Hành giả như thế khi sắp mệnh chung, thấy Phật A Di đà và các quyến thuộc phóng quang sắc vàng, cầm hoa sen báu ñến trước hành giả, khi ấy hành giả tự nghe trong không trung có tiếng ca ngợi: Hỡi thiện nam tử! Người lành như con, vì biết thuận theo lời dạy của các đức Phật ba ñời, cho nên nay ta ñến ñón tiếp con !"... Trung Phẩm Hạ Sanh lại như thế nào ? - Nếu kẻ thiện nam, người thiện nữ nào hiếu

thảo với cha mẹ, hay làm các việc từ thiện giúp ñời, người nầy ñến lúc vừa sắp mệnh chung, gặp thiện tri thức vì họ nói rộng sự vui ở cõi nước Phật A Di đà, cũng nói rõ về 48 lời nguyện của Ngài Pháp Tạng, nghe xong ñiều ấy, người nầy mệnh chung, nhanh như thời gian một người lực sĩ co duỗi cánh tay, người ấy liền sanh về thế giới Cực Lạc, qua khỏi bảy ngày liền thấy Quan Thế Âm và đại Thế Chí, nghe pháp hoan hỷ chứng Tu đà Hoàn, một tiểu kiếp sau thành A La Hán. đó là hạng người Trung Phẩm Hạ Sanh. Ba bực vừa rồi gọi là tưởng sanh của hạng Trung Phẩm, là quán thứ mười lăm. Hạng Trung Phẩm là hạng dành cho những người Trung căn trung trí. Họ giữ gìn giới luật suốt ñời, cho ñến một ngày một ñêm, hay tu tạo những công ñức phước ñiền và ñem những căn lành nầy hồi hướng nguyện cầu sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc thì khi mạng chung

có đức Phật A Di đà và các vị Tỳ Kheo quyến thuộc phóng quang ñến chỗ người ấy tiếp dẫn sanh về Tây Phương, hoa sen liền nở hay qua bảy ngày sau hoa sen mới nở và bảy ngày sau mới thấy ñược đức Quan Thế Âm Bồ Tát và đức đại Thế Chí Bồ Tát nghe pháp tu hành và chứng liền quả A La Hán, hay Tu đà Hoàn và qua nửa kiếp mới thành A La Hán; hoặc một tiểu kiếp sau mới thành A La Hán. Những người sanh về Trung Phẩm không gặp ñược trực tiếp đức Phật A Di đà, mà chỉ gặp các vị Bồ Tát thuyết pháp cho nghe. Từ ñó chứng ñắc ñược những quả vị rốt ráo của Tiểu Thừa. “Phật dạy A Nan và Vy đề Hy: Hạ Phẩm Thượng Sanh là những người nào ? Hoặc có chúng sanh tạo các nghiệp ác, tuy không chê bai kinh ñiển đại Thừa. Hạng ngu như thế tạo nhiều ñiều dữ không biết hổ thẹn. Khi sắp mạng chung, may mắn ñược gặp bực thiện tri thức, vì họ giảng nói tên gọi ñầu ñề 12 phần kinh. Nhờ nghe thể tài các kinh như thế, trừ khỏi nghiệp ác cực nặng trong một ngàn kiếp, bực thiện trí thức lại dạy chắp tay xưng niệm Nam Mô A Di đà Phật. Bởi xưng danh hiệu Phật; nên trừ tội lỗi trong ñường sống chết 50 ức kiếp. Khi ấy Phật kia liền khiến hóa Phật, hóa Quan Thế Âm Bồ Tát, hóa đại Thế Chí ñến trước hành giả khen rằng: Hỡi thiện nam tử! Bởi con xưng niệm danh hiệu của Phật nên tội ñược tiêu diệt, ta ñến ñón con…”. Trên ñây ñược gọi là Hạ Phẩm Thượng Sanh. Phật dạy A Nan và Vy đề Hy:

Hạ Phẩm Trung Sanh là hạng người nào ? Hoặc có chúng sanh hủy phạm 5 giới, hủy phạm tám giới và Cụ Túc giới, người ngu như thế ăm trộm những vật thuộc của thường trụ, ăn cắp những vật của hiện tiền tăng, bất tịnh nói pháp không hổ thẹn, dùng các nghiệp xấu ñể tự tô ñiểm. Tội nhân như vậy, bởi nghiệp ác nên ñáng ñọa ñịa ngục. Khi sắp mệnh chung, những lửa ñịa ngục cùng lúc hiện ñến, may sao ñược gặp bực thiện tri thức, ñem lòng từ bi, vì họ khen nói 10 lực, oai ñức của Phật A Di đà, rộng khen quang minh thần lực Phật ấy, ñồng thời khen ngợi về giới, ñịnh, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Người nầy nghe rồi trừ tội sống chết tám mươi ức kiếp, tướng lửa ñịa ngục hóa thành gió mát, thổi những hoa trời, trên hoa ñều có hóa Phật, Bồ Tát ñón tiếp người nầy, trong khoảng một niệm liền ñược vãng sanh, ở trong hoa sen nơi ao bảy báu, trải qua sáu kiếp hoa sen mới nở, ñược Quan Thế Âm và đại Thế Chí với giọng

thanh tao an ủi người ấy và nói cho nghe kinh ñiển thẳm sâu, người ấy nghe pháp, ngay ñó phát tâm Vô Thượng Bồ đề. đây gọi là bực Hạ Phẩm Trung Sanh. Phật bảo A Nan và Vy đề Hy: Hạ Phẩm Hạ Sanh là những người nào ? Hoặc có chúng sanh gây nghiệp bất thiện: năm tội ñại nghịch, mười ñiều ñộc ác. Tóm lại ñủ các ñiều chẳng lành. Kẻ ngu như thế do nghiệp xấu nên ñáng ñọa ñường dữ, trải qua nhiều kiếp chịu khổ vô cùng. Kẻ ngu si nầy lúc sắp lâm chung, may mắn ñược gặp bực thiện tri thức an ủi ñủ ñiều, nói những pháp mầu và dạy tưởng Phật, người nọ quằn quại tưởng niệm không nổi. Tri thức lại bảo: Nếu ngươi không thể niệm tưởng Phật kia, thì

nên xưng danh Phật Vô Lượng Thọ. Người nọ hết lòng niệm chẳng dứt tiếng ñể ñủ mười niệm “Nam Mô A Di đà Phật”. Nhờ xưng danh Phật nên trong mỗi niệm trừ tội sanh tử 80 ức kiếp, khi vừa tắt hơi thấy hoa sen vàng như vầng mặt trời ở trước người ấy, trong khoảng phút chốc liền ñược vãng sanh thế giới Cực Lạc, ở trong hoa sen mãn mười hai kiếp hoa sen mới nở, Bồ Tát Quan Âm, Bồ Tát Thế Chí với tiếng đại Bi, nói rộng cho nghe thật tướng của các pháp và cách diệt tội, kẻ ấy nghe rồi vô cùng hoan hỷ, ngay ñó phát tâm Vô Thượng Bồ đề. đây thuộc về hạng Hạ Phẩm Hạ Sanh, gọi là tướng sanh của bực Hạ Phẩm, là quán thứ mười sáu. Ba bực Hạ nầy ñều thuộc về loại Hạ căn Hạ trí, hủy giới, phá trai, phạm vào những ñiều ngũ nghịch trọng tội; nhưng nhờ biết tàm quý và các Thiện Hữu Tri Thức ñến lúc lâm chung nhắc nhở cho việc niệm danh hiệu Phật; nên các tội chướng mới ñược tiêu trừ và liền ñược vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc. Bậc trên ñược hóa Bồ Tát ñến trước hành giả khen tặng. Bậc trung ñược gặp thiện hữu tri thức và bực hạ hạ cũng thế. Khi ñược sanh về thế giới Cực Lạc rồi, trải qua 49 ngày ở thế giới ấy hoa sen mới nở và trải qua 10 tiểu kiếp mới ñược vào Sơ địa. Bực kế tiếp (bậc hạ phẩm trung sanh) trải qua 6 kiếp hoa sen mới nở và ñược nghe giọng nói của đức Quan Thế Âm và đại Thế Chí, liền ñó phát tâm Vô Thượng Bồ đề. Hạng cuối cùng (hạ phẩm hạ sanh) phải ở trong hoa sen 12 tiểu kiếp hoa sen mới nở và nghe tiếng đại Bi của đức Quán Thế Âm cũng như đức đại Thế Chí thì ngay ñó phát tâm Vô Thượng Bồ đề.

Tất cả những ai ñược sanh vào bực Hạ Phẩm ñều ñược gọi là “Thai sanh” hay “Thai cung biên ñịa” của thế giới Cực Lạc. Vì lẽ khi thai sanh về ñó ñều phải nằm trong hoa sen từ 49 ngày ñến 12 tiểu kiếp mới nghe ñược tiếng thuyết pháp của các vị Bồ Tát. Chỉ có một ñiều lợi lạc là không bị sanh tử luân hồi chi phối. Từ những phẩm sen nầy có thể có thể phát tâm tu hành tiếp tục, ñể chứng ngôi vô thượng chánh ñẳng chánh giác. Trong kinh “Vô Lượng Thọ” phẩm quyển thượng nơi lời nguyện thứ 18, Ngài Pháp Tạng Tỳ Kheo thệ nguyện rằng: . . . ngoại trừ những kẻ phạm tội ngũ nghịch và những kẻ không tin chánh pháp; nhưng ở kinh “Quán Vô Lượng Thọ” phần Hạ Phẩm nầy từ Thượng, Trung, Hạ ñều là những người phạm tội; nhưng may nhờ có những Thiện Hữu Tri Thức trợ niệm lúc sắp lâm chung và ít ra cũng niệm ñược 10 câu Phật hiệu Nam Mô A Di đà Phật mới ñược sanh về chốn “Thai cung biên ñịa” nầy. Ngoài ra trong kinh “đại Bát Niết Bàn” phẩm Phạm Hạnh trong quyển thứ hai. đức Phật cũng có dạy rằng: Nhứt

Xiển đề cũng có khả năng thành Phật. Vì lẽ các pháp ñều bất ñịnh; nên Nhứt Xiển đề cũng bất ñịnh. Ngày trước tuy không tin nơi chánh pháp; nhưng trải qua vô lượng kiếp ñã phát khởi lòng tin tưởng. Chính niềm tin nầy sẽ dẫn hành giả kia dần ñến chỗ cao cả hơn. “Phật nói ñến ñây, Vy đề Hy và 500 thị nữ nghe những lời Phật, ngay ñó liền thấy cả tướng rộng dài thế giới Cực Lạc, ñược thấy thân Phật và hai Bồ Tát, tâm sanh mừng rỡ khen chưa từng có, bừng sáng tỏ ngộ, chứng vô sanh nhẫn, 500 thị nữ phát tâm Bồ đề, nguyện sanh Lạc Quốc. đức Phật thọ ký tất cả số ấy ñều sẽ vãng sanh, sanh nước ấy rồi chứng ñược Tam Muội “Chư Phật

hiện tiền” Vô lượng chư Thiên ñều phát ñạo tâm cao tột... (Tất cả những trích dẫn nằm trong ngoặc kép " " của những ñoạn kinh văn trên ñều nằm trong “Ba Kinh Tịnh độ” do cố Thượng Tọa Thích Thiện Thông dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt năm 1991 và ñã ñược Chùa Viên Giác Hannover - đức Quốc, tái ấn tống năm 2008 - Phật lịch 2552).

II/- TỊNH ĐỘ TÔNG CỦA ẤN ĐỘ .

Những người tu theo đại Thừa không còn thắc mắc gì nữa là ba bộ kinh căn bản bên trên do ai nói và nói ra lúc nào, nói cho ai nghe v.v... Nhưng những giáo phái khác của Phật Giáo như Thiền Tông, Mật Tông v.v... cũng có thể ñặt ra câu hỏi như vậy. đó là chưa kể giáo pháp căn bản của Tiểu Thừa, ngay từ ñầu ñã không chấp nhận những kinh ñiển có vào thời sau khi đức Phật nhập diệt; hoặc giả những kinh ñiển nào do các vị Tổ Sư nương theo giáo lý ñể san ñịnh thành. đây là những ñiểm chính yếu khi nghiên cứu về tư tưởng Phật Giáo đại Thừa và Tiểu Thừa cần phải lưu tâm.

Dĩ nhiên là không ai có thể nói kinh và luật; ngoại trừ đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Tuy thế, có những bộ kinh xuất hiện tại Trung Quốc về những thế kỷ sau nầy, không phải do đức Phật nói ra, nhưng chư Tổ vẫn gọi là Kinh. Ví dụ như Kinh: Lương Hoàng Sám, Kinh Thủy Sám, Kinh Vu Lan Bồn v.v... Sở dĩ các nhà nghiên cứu đại Thừa vẫn ñồng ý như vậy; nhưng nội dung của những kinh ñiển nầy không ñi ngược lại những gì mà đức Phật ñã dạy cho hàng đệ Tử tại gia cũng như xuất gia; nên họ ñã chấp nhận một cách tự nhiên không cần biện hộ hay lý giải gì nữa. Bởi vì những loại kinh ñiển như vậy không

ñi ngược lại luân lý, ñạo ñức xã hội của con người; nên phái đại Chúng bộ có thể chấp nhận ñược.

Sau khi đức Phật nhập diệt, có tất cả 4 kỳ kết tập kinh ñiển quan trọng, kể từ sau 100 ngày, cho ñến sau 500 năm. Tiếp theo những kỳ kết tập thứ 5 và thứ 6 là những lần kết tập ở vào những thế kỷ gần ñây sẽ ñược ñề cập sau.

Chúng ta biết rằng thời cổ ñại xa xưa ấy vấn ñề chữ viết không ñược thịnh hành như ngày nay, cũng như nền văn minh của khoa học chưa tiến bộ; cho nên tất cả ñều phải

qua việc truyền miệng. Lời Phật dạy cũng ñược các vị Thánh đệ Tử của đức Phật tập hợp lại trong thanh tịnh ñể làm nhiệm vụ trùng tuyên nầy. Chúng ta cũng không nghi ngờ gì về khả năng ghi nhớ lời dạy của đức Phật từ các Ngài. Vì lẽ ña phần những vị tham dự 4 kỳ kết tập ñầu, ñều là những vị chứng quả A La Hán, có trí tuệ siêu việt, thần thông diệu vợi; không như chúng ta ngày nay, mặc dầu có khoa học trợ giúp mọi phương tiện, nhưng sự hiểu biết của chúng ta cũng chỉ nằm trong giới hạn của việc nhận thức, không là trí tuệ.

“Chữ Kết Tập hay Kiết Tập tiếng Phạn và Pali gọi là: Samgiti. Cũng gọi là Tập Pháp, Tập Pháp Tạng, Kết Kinh, Kết điển Kết Tập, Hợp Tụng. Tức là các vị Tỳ Kheo cùng tụ họp ở một nơi ñể ñọc tụng, chỉnh lý và biên tập những lời dạy của đức Phật sau khi Ngài nhập diệt, nhằm xác ñịnh giáo quyền và phòng ngừa giáo pháp lâu ngày bị tán thất; nên gọi là Kết Tập.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 109

Nội dung các cuộc kết tập như sau: I.- Kết tập lần thứ nhất. Cũng gọi là ngũ bá kết tập (500 vị kết tập). Ngũ bách tập pháp, Ngũ bách xuất. Vào năm đức Phật nhập diệt (624 trước Tây lịch) dưới sự bảo trợ của vua A Xà Thế, 500 vị A La Hán tập hợp trong hang Thất Diệp ở vùng ngoại ô thành Vương Xá nước Ma Kiệt đà, tôn Ngài Ma Ha Ca Diếp làm Thượng Thủ, cử hành kết tập kinh ñiển lần thứ nhất. Cứ theo luật ngũ phần quyển 30 và Luật Ma Ha Tăng Kỳ quyển 32, thì trong lần kết tập nầy Ngài A Nan tụng kinh (Tu đa La hay Pháp Tạng), Ngài Ưu Ba Ly tụng luật (Tì Ni Tạng), sau ñó, các bậc Trưởng Lão xem xét chỉnh lý rồi biên tập thành các kinh, luật. Thuyết nầy ñược các nhà sử học cho là tương ñối ñáng tin. Ngoài ra còn có các thuyết như sau: 1.- Kết tập 3 tạng: Kinh, Luật, Luận. Theo luật Tứ Phần quyển thứ 54, luật Thập Tụng quyển 60 và luận đại Trí độ quyển 2, thì Ngài A Nan tụng Kinh, Luận (A Tỳ đàm tạng), Ngài Ưu Ba Ly tụng Luật. Còn Phó Pháp Tạng nhân duyên truyện quyển 1 thì cho rằng: Ngài A Nan tụng Kinh, Ngài Ưu Bà Ly tụng Luật, Ngài Ca Diếp tụng Luận. Nhưng theo các bộ Ca Diếp đế Kinh, Soạn Tập Tam Tạng và Tập Tạng Truyện v.v... thì nói 3 Tạng ñều do Ngài A Nan tụng ra. 2.- Kết tập 5 Tạng: Kinh, Luật, Luận, Tạp Tập và Cấm Chú. Cứ theo đại đường Tây Vức Ký quyển 9 và bộ Chấp Di Luận Sớ thì khi Ngài Ca Diếp triệu tập 500 vị A La Hán

110 Tịnh độ Tông của Ấn độ

cử hành kết tập lần thứ nhất, còn có vài trăm ngàn người suy tôn Ngài Bà Sư Ba làm Thượng Thủ, cử hành kết tập thành 5 Tạng, gọi là Quật ngoại kết tập (kết tập bên ngoài hang ñộng), đại chúng bộ kết tập ñể phân biệt với Quật nội kết tập (kết tập bên trong ñộng). Thượng Tọa bộ kết tập của Ngài Ca Diếp. Nhưng ñối với thuyết nầy, ý kiến giữa các học giả không giống nhau. Có người cho rằng thuyết nầy có lẽ ña do chúng Tăng Thượng Tọa bộ hư cấu ra sau khi các bộ phái phân hóa; cho nên không thừa nhận. 3.- Kết tập Kinh đại Thừa. Theo phẩm xuất kinh trong Kinh Bồ Tát xứ thai quyển 7, thì Tôn Giả Ca Diếp sai Ngài A Nan tụng các tạng Bồ Tát, Thanh Văn, Giới Luật v.v... gồm tất cả 8 tạng là: Thai hóa tạng, Trung ấm tạng, Ma Ha diễn phương ñẳng tạng, Giới luật tạng, Thập trụ Bồ Tát tạng, Tạp tạng, Kim cương tạng và Phật tạng. Ngoài ra, theo luận đại

Trí độ quyển 100 và luận Kim cương tiên quyển 1, thì ñồng thời với Ngài Ca Diếp kết tập 3 tạng Tiểu Thừa ở núi Kỳ Xà Quật, các Ngài Văn Thù, Di Lặc và A Nan cũng cùng nhau kết tập kinh ñiển đại Thừa ở núi Thiết Vi, gọi là Thiết Vi Sơn đại Thừa Kết Tập; nhưng ñây có lẽ là truyền thuyết sau khi Phật Giáo đại Thừa hưng khởi. II.- Kết tập lần thứ hai. Cũng gọi là thất bách kết tập (700 vị kết tập), Thất bách tập pháp, đệ nhị tập pháp tạng, đệ nhị tập. Lần kết tập nầy lấy luật tạng làm chính, xác ñịnh 10 việc mà các Tỳ Kheo thuộc chủng tộc Bạt Kỳ thực hành là trái phép. (Sau Phật nhập diệt ñộ 100 năm).

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 111

III.- Kết tập lần thứ ba. Sau khi đức Phật nhập diệt ñộ 236 năm, dưới sự hộ trì của Vua A Dục, 1.000 vị Tỳ Kheo nhóm họp ở thành Hoa Thị nước Ma Kiệt đà, tôn Ngài Mục Kiền Liên Tử đế Tu làm Thượng Thủ, cử hành kết tập lần thứ ba. Lần kết tập nầy lấy 3 tạng kinh, luật, luận làm chính. Ngài Mục Kiền Liên Tử đế Tu tự soạn bộ "Luận Sư" ñể phê bình và bác bỏ những dị nghị tà thuyết của ngoại ñạo ñương thời. Sau khi kết tập, một số vị Tỳ Kheo ñã ñược đại Hội lựa chọn và phái ñến những ñịa khu ngoài lưu vực sông Hằng và ngoài biên thùy Ấn độ ñể truyền bá Phật Pháp. Cuộc kết tập lần thứ nhất và thứ hai ñều ñược lưu truyền ở các Phương Bắc và Phương Nam; nhưng cuộc kết tập lần thứ ba nầy chỉ ñược lưu truyền ở Phương Nam mà thôi. IV.- Kết tập lần thứ tư. Có hai thuyết: Bắc truyền và Nam truyền. 1.- Phật Giáo Bắc truyền: Có 2 thuyết: a) Cứ theo Bà Tẩu Bàn đậu pháp sư truyện chép, thì sau khi đức Phật nhập diệt 500 năm, Ngài Ca Chiên Diên thuộc Thuyết Nhứt Thiết Hữu Bộ ñến nước Kế Tân ở Tây Bắc Ấn độ triệu tập 500 vị A La Hán và 500 vị Bồ Tát tiến hành kết tập, Bồ Tát Mã Minh ghi chép và soạn thành Thuyết Nhất Thiết hữu bộ A Tỳ đạt Ma Tỳ Bà Sa (tức luận đại Tỳ Bà Sa) gồm 100 vạn bài tụng. b) Theo đại đường Tây Vức Ký quyển 3, thì sau khi đức Phật nhập diệt 400 năm dưới sự hộ trì của Vua Ca Nị Sắc Tra (Kaniska), 500 vị Tỳ Kheo nhóm họp ở nước Ca Thấp Di La (Kasmir = Kế đàn) suy tôn các Ngài Hiếp Tôn

112 Tịnh độ Tông của Ấn độ

Giả (Parsva) và Thế Hữu (Vasumitra) làm Thượng Thủ, tạo luận giải thích 3 tạng. Trước hết tạp luận Ô Ba đệ Thước 10 vạn bài tụng, giải thích tạng Tố đát Lấm (Tạng Kinh); kế ñến, tạo luận Tỳ Nại Da Tỳ Bà Sa 10 vạn bài tụng giải thích Tỳ Nại Da (Tạng Luật), sau cùng tạo luận A Tỳ đạt Ma Tỳ Bà Sa 10 vạn bài tụng, giải thích A Tỳ đạt Ma (Tạng Luận). Tất cả gồm 30 vạn bài tụng, 960 vạn lời, Vua Ca Nị Sắc Ca cho ñàn mỏng ñồng ñỏ thành từng lá ñể khắc các bộ luận nói trên, rồi cất trong hòm ñá và xây tháp ñể thờ. Trong hai thuyết trên ñây, thuyết của đại đường Tây Vức Ký ñáng tin hơn; tuy nhiên Phật Giáo Nam Truyền thì hoài nghi. 2.- Phật Giáo Thượng Tọa Bộ Nam Truyền. Theo đại Sử, v.v... thì cuộc kết tập lần thứ 4 ñược cử hành trong ñộng A Lô Ca ở thôn Mạc đặc Liệt tại nước Tích Lan vào thời vua Bà Tha Già Mã Ni (Vattagamani) do đại Thượng Tọa La Hi đa chủ trì có 500 vị Tỳ Kheo tham dự. Trong hội ñã tụng 3 tạng của Phật Giáo Thượng Tọa Bộ, sửa chữa các sách chú thích về 3 tạng, sắp ñặt lại thứ tự các kinh ñiển, viết thành bộ Tam Tạng ñầu tiên bằng tiếng Pali và các bản chú thích bằng tiếng Tăng Già La (Singhalese = tiếng Tích Lan). V.- Kết tập lần thứ năm. Theo chương thứ 6 trong giáo

sử tiếng Pali và lịch sử Miến điện... thì vào năm 1871, vua nước Miến điện là Mẫn đông (Mindon, ở ngôi 1853-1878) ñã triệu tập 2.400 vị Cao Tăng, cử hành kết tập 3 tạng lần thứ 5 ở thủ ñô Mạn đức Lặc (Mandalay). Lần kết tập nầy lấy tạng Luật làm chủ yếu, hiệu ñính ñối chiếu chỗ ñồng dị, trong

nguyên văn Thánh điển, cùng nhau hợp tụng suốt 5 tháng mới hoàn thành. Rồi ñem toàn bộ văn tự của ba tạng ñã kết tập khắc trên 729 phiến ñá hoa ñại lý hình vuông, dựng trong chùa tháp Câu Thu đà (Kuthodaw) ở chân núi Mạn đức Lặc; phía ngoài có 45 ngôi tháp Phật vây quanh, hiện nay vẫn còn ở cố ñô Mạn đức Lặc. VI.- Kết tập lần thứ sáu. Vào ngày 17 tháng 5 năm 1954, tức ngày Phật đản (Vesak Day, ngày Phật Giáo Thế Giới) dưới sự giúp ñỡ của nhà nước, Phật Giáo Miến điện cử hành kết tập lần thứ sáu. Ý nghĩa của kỳ kết tập lần nầy là ñoàn kết Phật Giáo ñồ, ñẩy mạnh sự phát triển Phật Giáo Thượng Tọa bộ, ñề cao ñịa vị của nước Miến điện ñộc lập. địa ñiểm kết tập là trên sườn núi Nghệ Cố thuộc vùng ngoại ô phía Bắc thủ ñô Ngưỡng Quang (Rangoon) của Miến điện, ñược kiến trúc phỏng theo hang Thất Diệp nơi cử hành kết tập lần thứ nhất tại Ấn độ. Lần kết tập nầy lấy văn bản ñược khắc trên 729 phiến ñá hoa ñại lý của lần kết tập thứ năm làm chỗ y cứ; ñồng thời xử dụng tất cả các loại bản in tiếng Pali của “Hiệp Hội Thánh điển Pali” ở Tích Lan, Thái Lan, Cao Miên, Luân đôn và Miến điện ñể khảo ñích một cách rõ ràng tỉ mỉ. Sau khi kết tập hoàn thành, toàn bộ văn bản ñược ấn hành ñể lưu thông. Lần kết tập nầy, ngoài các vị Tỳ Kheo thuộc các nước Phật Giáo Nam Truyền, các vị Tỳ Kheo của các nước Phật Giáo Bắc Truyền cũng ñược mời tham dự, ròng rã hơn 2 năm, ñến ngày lễ Vesak năm 1956 (Phật lịch 2.500) mới hoàn thành. (Xem. Kinh Phật Ban Mê Hoàn quyển hạ; kinh Phúc Cái chánh hạnh sở tập quyển 3; Cao tăng Pháp Hiển truyện; đại Thừa Pháp Uyển nghĩa lâm chương quyển 2

phần ñầu; Tứ phần luật hành sự sao tư trì ký quyển trung phần 1 ñoạn 2; Nguyên Thủy Phật Giáo Thánh điển chi tập thành (Ấn Thuận). A Tỳ đạt Ma luận nghiên cứu). (Xem tiếp Thập Sự Phi Pháp). (Trích Phật Quang đại Từ điển do Hòa Thượng Thích Quảng độ dịch từ trang 2409 ñến 2411). Như vậy 4 kỳ kết tập ñầu, sau khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni nhập diệt trong thời gian từ 400 ñến 500 năm là quan trọng nhất. Vì lẽ lúc ấy chưa có chữ viết rõ ràng. Mãi cho ñến kỳ kết tập lần thứ 4 thì văn hệ Pali ñã rõ nét cũng như Phạn văn. Kỳ kết tập thứ tư có hai thuyết chúng ta cũng có thể chấp nhận ñược. đó là Phật Giáo Bắc Truyền cho rằng kỳ kết tập nầy ñược tổ chức tại xứ Kasmir, thuộc miền Bắc Ấn độ ngày nay. Còn Phật Giáo Nam Truyền thì cho rằng kỳ kết tập lần thứ tư nầy xảy ra vào năm 85 trước Tây Lịch, văn tự tiếng Pali ñã hình thành và nơi kết tập là xứ Tích Lan. Cả hai truyền phái ñều có lý cả. Vì lẽ tinh thần đại Thừa ñược chuyển hướng qua phương Bắc Ấn độ và từ ñó mới tiếp tục ñược truyền sang Trung Hoa, Mông Cổ, Việt Nam, đại Hàn và Nhật Bản. Thuở ấy vào thế kỷ thứ 1 và thứ 2 Tây Lịch ñã có các đại Luận Sư nổi tiếng của đại Thừa như Ngài Vô Trước, Thế Thân, Mã Minh, Long Thọ v.v... và tinh thần Duy Thức cũng như Trung Quán Luận, Bát Nhã, Tánh Không ñã ñược phát triển một cách mạnh mẽ. Do vậy kỳ kết tập lần thứ 4 nầy cũng có thể nằm ở ngoài

xứ Ấn độ; chứ không nhất thiết là nằm trong xứ Ấn độ. Sau khi Vua A Dục quy ngưỡng Phật Pháp, Ngài ñã cho 2 người con là Công Chúa Sanghamitta và Hoàng Tử Mahinda xuất gia và chính hai vị nầy ñã mang cây Bồ đề

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 115

cũng như giáo lý Nam Truyền ñến ñảo quốc Tích Lan vào thế kỷ thứ 3 trước Tây Lịch và đảo Sử cũng như đại Sử vẫn còn ghi rõ sự truyền bá nầy. Sau kỳ kết tập kinh ñiển lần thứ 3, chư Tăng theo sự yêu cầu của Vua A Dục, ñã ñược gởi ra ngoài nước Ấn độ 1000 vị ñi về Trung đông và Bắc Ấn cũng như các xứ Nam Phương khác ñể truyền ñạo. Cho nên kỳ kết tập lần thứ tư theo sử bộ Nam Truyền cho rằng ñược hình thành tại Tích Lan, cũng là ñiều có thể xảy ra. Vì Phật Giáo ñã truyền vào Tích Lan lúc ấy ñã hơn 100 năm rồi. Hoặc giả có 2 lần thứ tư ñược kết tập. Những vị nào thuộc đại Chúng bộ thì ñi về hướng Kasmir và những vị nào thuộc Thượng Tọa bộ thì ñi về hướng Tích Lan. đây là một giả thuyết mà tác giả sách nầy trộm nghĩ như vậy, ñúng sai xin các bậc cao minh chỉ giáo.

116 Tịnh độ Tông của Ấn độ

A.- Ngài Long Thọ và Tư Tưởng Tịnh độ

Các nhà sử học Phật Giáo Âu Mỹ, sau khi nghiên cứu kỹ càng về sự phát triển Phật Giáo thời Vua A Dục (trước Tây Lịch vào thế kỷ thứ 3) thì cho rằng: Thuở ấy Phật Giáo ñã truyền ñến cả Trung Âu như Iran (Ba Tư); xứ ngàn lẻ một ñêm; xứ Irak và ngay cả các xứ Bắc Phi như Ai Cập, Alexandria v.v... Gần ñây có nhà học giả đức Holger Kersten, thuộc đại Học Freiburg có viết quyển bằng tiếng đức nhan ñề là “Jesus lebte 6 Jahre in Indien” (Jesus ñã sống 6 năm tại Ấn độ). đây là một quyển sách có hình ảnh rõ ràng và ñược nhiều học giả cũng như khảo cổ học người đức tin tưởng qua chứng cứ hình ảnh và sử liệu mà ông ta ñã nêu ra. Cuộc ñời của Chúa có 12 năm không ghi rõ ràng trong Thánh Kinh. Theo ông Holger Kersten đức Chúa thuở ñó từ Israel ñi sang xứ Alexandria ñể tỵ nạn và thuở ấy ñoàn truyền giáo của Vua A Dục ñã phát triển Phật Giáo tại ñây; nên chư Tăng ñã mang đức Chúa về Ấn độ và đức Chúa Jesus ñã học ñạo tại Vanarasi 6 năm. đây có thể cũng là một giả thuyết, mà cũng có thể là một sự thật mà người Thiên Chúa chưa sẵn sàng chấp nhận. Ông ta còn phân tích những câu chuyện như: Bà già và 2 quan tiền trong Thánh Kinh ñược sao chép lại từ Kinh Pháp Cú v.v... Chiếc áo mà đức Chúa ñang mặc cũng có liên hệ với Phật Giáo. Quả thật là một phát hiện mới lạ.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 117

Hãy cứ chờ xem từ nhiều phản ứng và nghiên cứu ñể chúng ta có ñược những sử liệu cần thiết về sau nầy. Ba Tư là xứ theo Bái Hỏa Giáo (đạo thờ Thần Lửa); cho nên khi đạo Phật ñược truyền vào ñây vào thế kỷ thứ 3, thứ 2 trước Tây Lịch cũng phải chấp nhận Tôn Giáo vốn ñã có sẵn tại bản ñịa nầy. đây là tinh thần tôn trọng các tư tưởng khác; ngoài giáo ñiều của Tôn Giáo mình. Theo Pháp Sư Ấn Thuận (người Trung Hoa) thì Phật Giáo Tịnh độ bị ảnh hưởng bởi đạo Bái Hỏa Giáo nầy. Mới ñây (2011) khi chúng tôi dịch tác phẩm bằng tiếng đức nhan ñề là: Quellentexte des Japanischen

Amida Buddhismus" (Những bản văn căn bản của Phật Giáo Di đà (Tịnh độ) Nhật Bản) của học giả Christian Steineck cũng quan niệm giống như Ngài Ấn Thuận vậy. Nghĩa là ông ta cho rằng: "Quan niệm về một cõi Phương Tây và một vị giáo chủ có thần lực như vậy là có sự ảnh hưởng của Bái Hỏa Giáo của Ba Tư". đây có thể là những quan niệm về cũ, mới, đông, Tây ñã ñược hình thành qua các hệ tư tưởng khác nhau, cũng như qua tam tạng Thánh điển. Vì thế cho nên chúng ta thấy vòng hào quang của đức Phật A Di đà giống như là những vòng lửa bao bọc chung quanh Ngài. Từ Ba Tư di chuyển trở lại Ấn độ và mấy trăm năm sau, Ngài Long Thọ mới ra ñời ñể chủ trương về Trung Quán Luận; nhưng theo Phật Giáo Tịnh độ Tông Nhật Bản căn cứ vào "Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận" của Ngài Long Thọ; nên cho rằng Ngài là vị Sơ Tổ Tịnh độ Tông của Nhật Bản và cả Trung Hoa nữa.

118 Tịnh độ Tông của Ấn độ

Long Thọ hay Long Thụ tiếng Phạn gọi là Nagarjuna. Hán âm: Na Già Ứ Lạt Thụi Na, Na Già A Chu đà Na. Cũng gọi là Long Mãnh hay Long Thắng. Tổ khai sáng của học phái Trung Quán thuộc Phật Giáo đại Thừa ở Ấn độ, sanh vào khoảng thế kỷ thứ 2, thứ 3, thuộc dòng dõi Bà La Môn, Nam Ấn độ. Từ nhỏ Ngài ñã thông minh ñĩnh ngộ, học 4 Phệ đà, thiên văn, ñịa lý, sấm vĩ, bí tạng và các ñạo thuật ñều thông suốt. Ngài từng cùng với 3 người bạn thân học phép tàng hình, lén vào cung vua chơi bời. Việc bại lộ, 3 người bạn bị vua chém ñầu, riêng Ngài thoát khỏi. Do việc nầy, Ngài cảm ngộ, ái dục là gốc của sự ñau khổ, liền vào núi ñến trước tháp Phật xuất gia thọ giới. Sau khi xuất gia, Ngài nghiên cứu tam tạng; nhưng thấy chưa ñủ, lại ñến núi Hy Mã Lạp Sơn, gặp một lão Tỳ Kheo trao cho Kinh điển đại Thừa, mặc dầu biết thực nghĩa nhưng chưa thông suốt. Lại vì Ngài từng phá giáo nghĩa của luận sư ngoại ñạo; nên sinh tâm tà mạng, tự ñặt ra giáo mới, mặc áo mới, ở riêng trong căn phòng thủy tinh tĩnh mịch. Bấy giờ có Bồ Tát đại Long, thấy vậy thương xót, bèn dẫn Ngài vào long cung trao cho vô lượng kinh ñiển đại Thừa, Ngài thấu hiểu hết giáo lý. Bấy giờ, vua Nam Thiên Trúc tin theo Bà La Môn giáo, công kích Phật Giáo, Ngài ñến ñó giáo hóa, khiến vua bỏ tín ngưỡng Bà La Môn giáo mà quy y Phật Giáo. Từ ñó về sau, Ngài tận lực hoằng pháp, soạn các sách ñể chú thích kinh ñiển đại Thừa, thiết lập hệ thống giáo ñiển đại Thừa, khiến cho học thuyết "Bát Nhã tánh không" ñược truyền bá rộng khắp trên toàn cõi Ấn độ.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 119

Về già, Ngài trụ ở núi Hắc Phong thuộc miền Nam Ấn độ, Ngài có người ñệ tử tên đề Bà. Sự tích về Ngài Long Thọ theo Tây Tạng truyền có nhiều chỗ khác nhau với những ñiều ñược trình bày ở trên. Chẳng hạn như trong quyển "Thất Cao Tăng" (7 vị Cao Tăng) tiếng Tây Tạng, tác giả đa La Na Tha nói rằng: Ngài Long Thọ từng tu tập các loại Thành Tựu (Tất địa) như: Vô Lượng Thọ đà La Ni, Thành Tựu đại Không Tước Nữ, Cửu Dạ Xoa v.v... khiến cho con gái của Long Vương đức Xoa Ca và quyến thuộc xây dựng chùa, tháp... Về sau, Ngài và các Nữ Dạ Xoa ở núi Cát Tường cùng tu đát đặc La v.v... Còn có thuyết cho rằng Ngài từng dùng 7 hạt cải trắng mở tháp sắt ở Nam Ấn độ, lấy ñược Kinh Kim Cương đính. đại khái những truyện trên ñây ñều là truyền thuyết của ñời sau mang nặng sắc thái Mật Giáo. Về niên ñại xuất thế của Ngài cũng có các thuyết

khác nhau: 1.- Theo bài tựa của Luận đại Trí độ của Ngài Tăng Duệ và các bài tựa đại Trí Luận sao của Ngài Lô Sơn Tuệ Viễn (chép trong Xuất Tam Tạng ký tập quyển 10) thì Ngài ra ñời khoảng 900 năm sau khi đức Phật nhập diệt (khoảng năm 276 sau Tây lịch). 2.- Theo Bách Luận Sớ quyển thượng, Ngài sinh vào khoảng 530 năm sau khi đức Phật nhập diệt (năm 94 trước Tây lịch). 3.- Theo Tam Luận Du ý nghĩa, Nhị Giáo luận của Ngài đạo An, Long Thọ Bồ Tát truyện v.v... thì Ngài ra ñời vào khoảng 880 năm (256 sau Tây lịch) sau khi đức Phật nhập diệt, tức là vào giữa thế kỷ thứ 3 Tây lịch. Các

học giả hiện ñại như Pháp Sư Ấn Thuận, v.v... phần nhiều theo giả thuyết thứ 3. Còn về việc nhập diệt của Ngài, theo Long Thọ Bồ Tát truyện, có một Pháp Sư Tiểu Thừa, vì ganh ghét, không muốn thấy Ngài sống lâu, Ngài biết ñược ñiều ấy liền vào tịnh thất thoát xác mà ñi. Theo ñiều Kiều Tát La Quốc trong đại đường Tây Vức Ký quyển 10, thì vua nước nầy là Sa đa Bà Ha quy y với Ngài, Ngài ñem diệu dược tặng cho, 2 người cùng sống lâu không suy yếu. Con vua muốn lên ngôi sớm; nên thỉnh Ngài tự tận, Ngài dùng lá cỏ tranh khô tự cắt cổ chết, vua quá buồn rầu thương tiếc, nên không bao lâu cũng chết theo. Về tuổi thọ của Ngài, theo Thập Nhị Môn Luận Tông Trí Nghĩa Ký quyển thượng và Pháp Uyển Châu Lâm quyển 53, thì Ngài thọ ñến 100 tuổi, thuyết nầy khó tin. Tuy nhiên, nếu căn cứ vào ñiều Triêu Trước Xỉ Mộc trong Nam Hải Ký quy nội pháp truyện quyển 1 và các sách khác nói về việc Ngài chuyên về thuật trường sinh mà suy ñoán, thì tuổi thọ của Ngài cũng có thể ở mức 100 tuổi trở lên. Về tên tiếng Phạn và tên dịch của Ngài, theo Long Thọ Bồ Tát truyện, đại đường Tây Vức Ký quyển 8, Thập Nhị Môn Luận Tông Trí Nghĩa Ký quyển thượng, kinh Bồ đề Hạnh, Trung Luận thích của Ngài Nguyệt Xứng, Bát Nhã thích của Ngài Sư Tử Hiền, v.v... ñều ghi tên Phạn của Ngài là Nagarjuna. Nhưng kinh Nhập Lăng Già bằng tiếng Phạn thì ghi tên Phạn của Ngài là Nagahvaya, phải dịch là Long Khiếu, Long Mãnh, Long Danh. Nhưng trong chương 17 trong Ấn độ Phật Giáo sử của đa La Na Tha

thì cho rằng Long Thọ và Long Khiếu là hai người khác. Long Khiếu và đề Bà (đệ tử của Ngài Long Thọ) là người ñồng thời ñại, trụ ở chùa Na Lan đà. Trong tác phẩm "Không Chí Thám Cứu" chương 4, phần 1, Pháp Sư Ấn Thuận căn cứ vào thuyết trên, cho rằng Long Khiếu (hoặc Long Mãnh) không phải là Long Thọ; niên ñại muộn hơn so với niên ñại Ngài Long Thọ, có thể vào thời ñại vua Chiên đà La Cấp đa (từ 320 sau Tây Lịch). Ngoài ra, Ngài còn là Tổ Phó Pháp Tạng thứ 13 của Thiền Tông Ấn độ, ñồng thời, tại Trung Quốc và Nhật Bản xưa nay Ngài cũng ñược suy tôn làm Tổ của 8 Tông (Chú thích: trong ñó có Tịnh độ Tông, theo chủ trương Tông Tịnh độ của Nhật). Ngài có các tác phẩm: Trung Luận tụng, Thập Nhị Môn luận, Không Thất Thập luận, Lục Thập tụng như lý luận, đại Thừa phó hữu luận, đại Trí độ luận, Thập Trụ Tỳ Bà Sa luận, đại Thừa Nhị Thập tụng luận; Bồ đề Tư Lương luận (Chú thích: Tác phẩm nầy tác giả ñã dịch ra Việt Ngữ), Bảo Hành Vương chánh luận, Nhân Duyên Tâm luận tụng, Bồ đề Tâm Ly Tướng luận (ñã dịch ra Việt ngữ), Phước Cái Chánh Hạnh Sở Tập kinh (ñã dịch ra Việt ngữ), Tán Pháp giới tụng, Quảng đại Phát Nguyện tụng (Chú thích của tác giả: đa phần

những luận nầy nằm trong đại Chánh Tân Tu đại Tạng Kinh quyển thứ 32, ñã ñược chính tác giả dịch từ Hán văn và Việt ngữ có ñăng trên Website của viengiac.de phần dịch thuật). (Xem kinh Nhập Lăng Già quyển 9; đại Thừa huyền luận quyển 5; Hoa Nghiêm kinh truyện ký quyển 5; Phó Pháp Tạng nhân duyên truyện quyển 5; Truyền Pháp

122 Tịnh độ Tông của Ấn độ

Chánh Tông ký quyển 3; Phật Tổ thống ký quyển 5; Pháp Uyển châu lâm quyển 38; The life of Nagajuna from Tibetan and Chinese Sources (M. Walleser). (Trích từ Phật Quang đại Tự điển trang 2837 ñến trang 2839). Xem qua tiểu sử của Ngài Long Thọ, mặc dầu niên ñại vãng sanh của Ngài có ñôi ñiều sai khác về năm sanh; nhưng Ngài là một vị Tổ Sư của đại Thừa gồm 8 Tông Phái khác nhau. Từ Mật Tông cho ñến Thiền Tông, Trung Quán, Hoa Nghiêm và cho ñến Tịnh độ nữa. Quả Ngài là bậc xuất trần thượng sĩ, ra ñời nhằm cứu ñộ chúng sanh và giúp cho chúng sanh tỏ ngộ; ñồng thời Ngài cũng ñã tuyên dương giáo nghĩa đại Thừa ñể bát bỏ những giáo nghĩa khác của Bà La Môn giáo và những tà thuật khác. Như vậy kể từ thời kỳ sau đức Phật nhập diệt gần 800 năm ấy (624 trước Tây lịch + 256 hoặc 276 năm sau Tây lịch thành 800 năm) không có một vị Tổ Sư nào chấn hưng pháp môn Tịnh độ; trong khi ñó Thiền Tông thì ñược truyền liên tục từ Sơ Tổ Ca Diếp ñến Ngài Long Thọ là 13 ñời. Trong 800 năm ấy biết bao nhiêu là phế hưng của lịch sử và bộ phái chia cắt trong nội bộ của Tăng đoàn, từ Ấn độ ñến Kasmir và Ba Tư. Có lẽ trong thời gian nầy phải nói là thời gian tranh chấp của Bộ Phái. Cho ñến sau thời của Ngài Long Thọ vào thế kỷ thứ 3 thì tính cách bộ phái mới ñược rõ rệt và Tịnh độ Tông của Nhật Bản, bắt ñầu từ thế kỷ thứ 13 cũng ñã căn cứ vào Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận của Ngài Long Thọ trước tác mà tôn vinh Ngài là Sơ Tổ của Tịnh độ Tông Nhật Bản. Ở ñây cũng xin mở dấu ngoặc ñể cho các Phật Tử Việt Nam chúng ta ñược tường rằng: Nếu Nhật Bản chấp nhận như

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 123

vậy ñược thì Việt Nam chúng ta cũng có thể chấp nhận Ngài là Sơ Tổ Tịnh độ Tông của Việt Nam một cách dễ dàng. Từ ñó chúng ta sẽ nối kết việc truyền thừa về sau nầy ở quê hương đại Việt cũng không khó mấy. “Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận tiếng Phạn gọi là Dasabhamika–Vibhàsa–sastra. Gọi tắt là: Thập Trụ Luận. Luận nầy có 17 quyển, do Bồ Tát Long Thọ soạn, Ngài Cưu Ma La Thập dịch vào ñời Hậu Tần, ñược thu vào đại Chánh tạng tập 26. Nội dung luận nầy giải thích ñại ý phẩm Thập địa (Kinh Thập địa) trong Kinh Hoa Nghiêm. Trong bản Hán dịch, Ngài La Thập gọi Thập địa là Thập Trụ. Thập địa là chỉ cho 19 giai ñoạn tu ñạo của hàng Bồ Tát đại Thừa. Nhưng Ngài Long Thọ chưa chú thích hoàn chỉnh kinh Thập địa, mà chỉ mới chú thích Sơ địa (Hoan Hỷ địa) và một nửa ñịa thứ 2 (Ly cấu ñịa), ñây vì nguyên ñiển không ñủ, hay vì phiên dịch chưa hoàn thành? “Phẩm tựa của luận nầy trước nói về Bồ Tát, sau ñó trình bày ý nghĩa của Thập địa và phân biệt Tam Thừa. Toàn văn chia làm 35 chương (phẩm); từ chương 1 ñến chương 27 lược hành là chú thích Sơ địa; từ chương 28 trở ñi mới nói về địa thứ 2. Phần Sơ địa thì trước thuyết minh về nội dung Hoan Hỷ địa, kế ñó nói về lý tưởng (nguyện), thực tiễn (hành) và quả báo (quả) của Bồ Tát. đến địa thứ hai thì tận

lực trình bày về tính chất quan trọng của 10 tâm phương tiện, ñồng thời nói rõ về Thập Thiện nghiệp ñạo của Bồ Tát đại Thừa, Phẩm dị hành trong thiên thứ 9 thuộc 35 chương của luận nầy là phần trọng yếu của pháp môn Tịnh độ". (Trích Phật Quang đại Từ điển trang 5573).

124 Tịnh độ Tông của Ấn độ

đây là một ñại tác phẩm của Ngài Long Thọ mà tiếc rằng ngày nay chúng ta chỉ mới tham cứu ñược có 2 địa trong 10 địa trong kinh Hoa Nghiêm. Tuy nhiên ñến nửa địa thứ 2, Ngài Long Thọ ñã giúp cho hành giả tu theo pháp môn Tịnh độ về việc dị hành (dễ thực hiện) và nan hành (khó thực hiện); ñể từ ñó hành giả tu theo Pháp Môn Tịnh độ có cơ sở mà thực hành. "Dị hành nghĩa là dễ làm; ñối lại với nan hành (khó làm). Nghĩa là trong 2 pháp tu Nan hành và Dị hành ñể ñạt ñến giai vị không trở lui, thì Dị hành là pháp tu mau ñược mà dễ thực hiện. Ngài Long Thọ cho rằng pháp tu xưng niệm danh hiệu Phật là không trở lui, mau thành mà dễ làm; nhưng tu pháp nầy, ñiều kiện tiên quyết là phải có lòng tin vững mạnh. Vãng Sanh luận chú quyển thượng của đàm Loan (đại 40, 826 trung) nói: Dị hành ñạo, nghĩa là chỉ có nhân duyên tin Phật, phát nguyện vãng sanh, nương nhờ nguyện lực của Phật, ñược sanh về cõi thanh tịnh". Tông Tịnh độ nhật Bản cho rằng xưng niệm danh hiệu Phật với ñầy ñủ 3 tâm (trực tâm, thâm tâm và hồi hướng phát nguyện tâm) là Dị hành; Chân Ngôn Tông thì không những cho niệm danh hiệu Phật là Dị hành mà còn cho niệm danh hiệu với niềm tin sâu xa vào tha lực hồi hướng của Phật A Di đà cũng là Dị hành". (Xem Luận Thập Trụ Tỳ Bà Sa quyển 5 phẩm Dị hành). (Trích Phật Quang đại Từ điển trang 1247). Như vậy, chúng ta thấy rằng: Pháp môn xưng danh hiệu Nam Mô A Di đà Phật ñã có sẵn trong 48 lời nguyện của đức Phật A Di đà và nhờ chính bổn nguyện lực của

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 125

Ngài mà chúng sanh có thể vãng sanh về thế giới Cực Lạc một cách ñương nhiên và dễ hơn các pháp môn khác. Nơi ñây trong Thập Trụ Tỳ Bà Sa luận, Ngài Long Thọ muốn nhắc nhở lại cho chúng sanh ñời sau y cứ vào kinh Hoa Nghiêm cũng như 48 lời nguyện của đức Phật A Di đà ñể ñược dễ dàng vãng sanh về thế giới Tịnh độ. Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm Phổ Hiền thứ 81 qua 10 đại Nguyện của Ngài Phổ Hiền, chúng ta cũng thấy rằng ở đại Nguyện thứ 10 sau khi Ngài hồi hướng ñến tất cả pháp giới chúng sanh thì Ngài cũng ñã phát ñại nguyện rằng: Nguyện ngã lâm dục mạng chung thời, tận trừ nhứt thiết chư chướng ngại, diện kiến bỉ Phật A Di đà; tức ñắc vãng sanh an lạc sát (Nghĩa: Nguyện con khi ñến lúc lâm chung, dứt sạch tất cả những chướng ngại, ñối mặt đức Phật A Di đà; liền ñược vãng sanh cõi Cực Lạc).

126 Tịnh độ Tông của Ấn độ

B.- Ngài Thế Thân và Tư Tưởng Tịnh độ . Trong lịch sử Phật Giáo Ấn độ có hai Ngài Thế Thân. Một vị là Tổ Thiền Tông thứ 21 ñược Phó Pháp Tạng, người ở thành La Duyệt, họ Tỳ Xá Khư, cha tên là Quang Cái, mẹ tên là Nghiêm Nhất. Vị thứ hai cũng còn gọi là Thiện Thân (Vasubardhu) em ruột Ngài Vô Trước. Ở ñây muốn ñề cập ñến Ngài Thế Thân nầy. Vì Ngài có liên quan ñến Tịnh độ. "Ngài là đại Luận Sư người Ấn độ, sống

vào thế kỷ thứ 4, 5; người ở thành Phú Lâu Sa Phú La, nước Kiền đà La, Bắc Ấn độ, là con thứ 2 của Quốc Sư Bà La Môn Kiều Thi Ca. Mới ñầu, Sư cùng với anh là Vô Trước (Asanga) xuất gia theo Tát Bà đa Bộ (Hữu Bộ). Sau, Ngài Vô Trước chuyển sang đại Thừa; còn Sư thì theo Kinh Lượng Bộ, lập chí cải thiện giáo nghĩa Hữu Bộ; nên Sư ñến nước Ca Thấp Di La nghiên cứu luận đại Tỳ Bà Sa. Bốn năm sau, Sư trở về nước, giảng dạy luận đại Tỳ Bà Sa cho đại Chúng; ñồng thời, soạn luận A Tỳ đạt Ma Câu Xá. Ban ñầu, Sư công kích Phật Giáo đại Thừa, cho rằng đại Thừa chẳng phải là do Phật nói. Sau, ñược Ngài Vô Trước mở bày, Sư mới ngộ lý đại Thừa và chuyển sang tin thờ và hoằng dương giáo pháp đại Thừa. Sư soạn rất nhiều luận và sách chú thích, ñặt nền tảng vững chắc cho Phái Du Già trong Phật Giáo đại Thừa.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 127

Tác phẩm quan trọng của Sư gồm hơn 40 loại như: - Luận Câu Xá, 30 quyển - Nhiếp đại Thừa luận thích, 15 quyển - Thập địa kinh luận, 12 quyển - Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật đa kinh luận - Quảng Bách luận - Bồ đề Tâm luận - Tam Thập Duy Thức luận tụng - Luận đại Thừa bách pháp minh môn - Vô Lượng Thọ kinh Ưu Bà đề Xá. Theo sự khảo chứng của các học giả hiện ñại thì Thế Thân tác giả luận Câu Xá và Thế Thân em Ngài Vô Trước là 2 người cùng tên. Ngài Thế Thân tác giả luận Câu Xá là Luận Sư (Thế Thân mới) của Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ; còn Ngài Thế Thân em Ngài Vô Trước là Luận Sư (Thế Thân cũ) của Du Già Hành phái. Nguyên nhân chính khiến xưa nay xem 2 người là một là vì bộ "Bà Tẩu Bàn đậu Pháp Sư truyện" do Ngài Chân đế dịch; sách nầy cho rằng hai người là một; phần chủ yếu ở giữa sách là tư liệu về Ngài Thế Thân mới, còn phần trước và sau là tư liệu về Ngài Thế Thân cũ. Thế Thân cũ là con của Quốc Sư Kiều Thi Ca, em Ngài Vô Trước ở thành Phú Lâu Sa Phú La, sau khi xuất gia học giáo nghĩa của Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ, về sau, chuyển sang học giáo pháp đại Thừa; niên ñại của Sư khoảng từ 320-380.

128 Tịnh độ Tông của Ấn độ

Còn Thế Thân mới thì thờ Ngài Phật đà Mật đa La làm Thầy, thuộc Hữu Bộ; nhưng lại có khuynh hướng Kinh Lượng Bộ. Theo truyền thuyết, Sư rất ñược vua Chính Cần Nhật và Thái Tử Bà La Dật ể Dã (Baladitya) kính trọng. Sư sống và hoạt ñộng vào khoảng 400-480. Luận Câu Xá, luận Thất Thập chân thực ... ñều là những tác phẩm của Ngài Thế Thân mới nầy. (Trích Phật Quang đại Tự điển trang 5664-5665). (Xem đại đường Tây Vức Ký quyển 4; Lịch đại Tam Bảo ký quyển 9; đại Từ Ân tự tam tạng Pháp sư truyện quyển 2: Khai Nguyên Thích Giáo lục quyển 7; Thích Ca phương chí quyển thượng; On the Data of the Buddhist Master of Law Vasubandha, Series Orientale Roma III 1951, by E. Frauwallner). Ngài Long Thọ, ñệ nhất Tổ của Tịnh độ Tông Ấn độ, cũng là ñệ nhất Tổ Tịnh độ Tông của Trung Hoa, Nhật Bản, đại Hàn, Việt Nam. Ngài sinh khoảng năm 256-276 sau Tây lịch. Nghĩa là vào giữa thế kỷ thứ 3, sau khi đức Phật nhập diệt ñộ 800 năm. Còn Ngài Thế Thân tác giả Vãng Sanh luận hay còn gọi là Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà đề Xá thì sinh vào năm 320-380 là hữu lý. Vì Ngài ñã tham học luận đại Tỳ Bà Sa của Ngài Long Thọ trước ñó. Còn Ngài Thế Thân là luận chủ của Luận Câu Xá sanh vào năm 400-480 chắc chắn không phải là Ngài Thế Thân em ruột của

Ngài Vô Trước. Hai anh em cùng ñi xuất gia, Ngài Vô Trước xiển dương giáo lý đại Thừa; còn Ngài Thế Thân thì phỉ báng đại Thừa. Sau khi Ngài Vô Trước chỉ bảo, khuyến tấn thì Ngài Thế Thân cũng dùng miệng lưỡi ấy ñể tuyên dương giáo pháp đại Thừa. Sau khi Ngài viên tịch, tương truyền rằng chiếc lưỡi ấy vẫn còn nguyên vẹn sau khi hỏa táng.

điều ấy ñể chứng minh cho thấy rằng: Việc Ngài tuyên dương giáo pháp của đức Như Lai là chơn thật. Như trên chúng ta thấy, Ngài Thế Thân em của Ngài Vô Trước trứ tác hơn 40 loại; mỗi loại như thế gồm nhiều quyển. Quả thật là một bộ óc vĩ ñại của một vị Tổ Sư. Ở ñây chỉ riêng muốn tìm hiểu những gì liên quan về Tịnh độ. Do vậy chúng ta có thể tham cứu về "Vãng Sanh luận" hay "Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà đề Xá" do Ngài trước tác. "Tiếng Phạn gọi là Suhhavati-Vyahopadesa. Gọi ñủ là Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Ba đề Xá nguyện sinh kệ. Cũng còn gọi là: Tịnh độ Luận, Vãng Sinh Tịnh độ luận, Vô Lượng Thọ Kinh luận, Vô Lượng Thọ Ưu Bà đề Xá kinh luận, Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà đề Xá, Nguyện Sinh kệ. Luận, 1 quyển, do Ngài Thế Thân (Vasubandha) soạn, do Ngài Bồ đề Lưu Chi dịch vào ñời Bắc Ngụy, ñược thu vào đại Chánh Tân Tu Tạng tập 26. Nội dung luận nầy nương theo kinh Vô Lượng Thọ mà soạn các bài kệ phát nguyện vãng sanh, khen ngợi sự trang nghiêm của Tịnh độ Cực Lạc, nói rõ về 5 niệm môn: Tu tập lễ bái, khen ngợi, phát nguyện, quán xét, hồi hướng... ñồng thời khuyên mọi người sanh về Tây Phương. Nghĩa là tu tập 5 niệm môn có thể, theo thứ tự, thành tựu ñược 5 thứ công ñức; Cận môn, đại Hội chúng môn, Trạch môn, Ốc môn và Viên Lâm Du Hý địa Môn. Bốn thứ công ñức trước thuộc về Nhập công ñức, có khả năng vào thế giới Liên Hoa tạng, tự thọ hưởng niềm vui pháp; còn Viên Lâm Du Hý địa Môn sau cùng thì thuộc về Xuất công ñức, tức trở lại sanh tử phiền não, dùng thần thông du hý giáo hóa, cứ như thế làm lợi mình, lợi

người sẽ mau chóng thành tựu Bồ đề. đây là bộ luận duy nhất do người Ấn độ soạn, ñặc biệt ñược Tông Tịnh độ rất xem trọng, cùng với 3 bộ kinh: Vô Lượng Thọ, Quán Vô Lượng Thọ và Kinh A Di đà; ñược gọi chung là Tam kinh nhất luận (Ba kinh một luận), là những kinh luận y cứ chính yếu của Tông Tịnh độ. Ý nghĩa ñược trình bày trong luận nầy rất sâu xa vi diệu, ñại khái phù hợp với thuyết Thập bát viên tịch trong luận Nhiếp đại Thừa của Ngài Vô Trước. Về sách chú thích luận nầy thì có "Vãng sanh luận chú" 2 quyển do Ngài đàm Loan soạn vào ñầu ñời Bắc Ngụy. Trong Tạng Thánh hộ ở Viện Chính Thương tại Nhật Bản có cất giữ bản chép tay xưa của luận nầy; nhưng hơi khác với bản hiện hành". (Trích Phật Quang đại Từ điển trang 7055-7056). (Xem lịch ñại Tam Bảo ký quyển 9. đại đường nội ñiển lục quyển 4; khai nguyên Thích giáo lục quyển 6). Pháp môn tu tập của Ngài Thế Thân dạy cho người ñời sau trong "Vãng sanh luận" nầy căn cứ theo kinh Vô Lượng Thọ ñể hành giả trải qua 5 niệm môn là: Tu tập lễ bái, khen ngợi, phát nguyện, quán xét và hồi hướng. Lễ bái là một pháp môn rất quan trọng tự ngàn xưa. Người Tăng, kẻ tục dùng 5 vóc của mình gồm: Trán, 2 cùi chỏ của tay, 2 ñầu gối của chân và trán cùng một lúc thành kính gieo xuống ñất nhiều lần như

thế ñể biểu tỏ thái ñộ cung kính; hoặc giả sám hối tội lỗi trong nhiều ñời nhiều kiếp mà hành giả ñã gây ra dầu tuy cố ý hay vô tình. Ở ñây mỗi câu Phật hiệu "Nam Mô A Da đà Phật khi ñược xướng lên, hành giả lại gieo 5 vóc xuống ñảnh lễ Ngài một lạy; công ñức thật là bất khả tư nghì. Do vậy chư vị Tổ Trung Hoa mới dạy rằng: Lễ Phật giả kỉnh Phật chi ñức (lạy Phật nghĩa là cung kính cái ñức của Phật).

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 131

đức Phật A Di đà và chư vị Bồ Tát có một công ñức, một năng lực cao cả, vô lượng vô biên; nên chúng ta lễ bái là lạy cái ñức cao cả sâu dày ấy.
Kế tiếp là khen ngợi hay tán thán, là hình thức cung kính qua lời nói hay cử chỉ. Ví dụ như dưới ñây là một bài kệ khen ngợi Phật A Di đà của chư Tổ Trung Hoa:
"Phật A Di đà thân kim sắc
Tướng tốt chói sáng tự trang nghiêm
Năm Tu Di uyển chuyển bạch hào
Bốn biển lớn trong ngần mắt biếc
Trong hào quang hóa vô số Phật
Vô số Bồ Tát hiện ở trong
Bốn mươi tám nguyện ñộ chúng sanh
Chín phẩm sen vàng lên giải thoát
Quy mạng lễ A Di đà Phật
Ở phương Tây thế giới an lành
Nay con xin phát nguyện vãng sanh
Cúi mong đức Từ Bi tiếp ñộ"
Dĩ nhiên là chẳng phải chỉ có một bài nầy, mà còn nhiều bài kệ khác nữa, nhằm diễn tả hạnh nguyện và những công ñức của đức Phật A Di đà. Tán thán, ngợi khen cũng sẽ tạo ra những công ñức bất khả tư nghì, không diễn tả hết bằng lời ñược.

132 Tịnh độ Tông của Ấn độ

Tiếp theo là phát nguyện. Sự phát nguyện ấy tự tâm của hành giả tu theo pháp môn Tịnh độ. Ai tu theo pháp môn nầy cũng phát nguyện là sau khi lâm chung muốn sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, nương theo tha lực của đức Phật A Di đà ñể ñược vãng sanh về thế giới: Phàm Thánh ñồng cư Tịnh độ ấy. Có nhiều người không muốn sanh về Cực Lạc thì nguyện sanh về Tịnh độ đông Phương hay Tịnh độ Nam Phương; hoặc giả có nhiều người muốn thành tựu nhân gian Tịnh độ thì mãi ở nơi cõi Ta Bà nầy. Không nhất thiết phải về Tịnh độ Tây Phương nếu hành giả ấy chẳng muốn phát nguyện. Phần tiếp là quán xét. Phần nầy hành giả vừa niệm Phật, vừa quán tưởng thế giới Tây Phương Cực Lạc giống như trong kinh A Di đà, mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni ñã diễn tả. Niệm Phật không phải chỉ ñể niệm không, mà còn tập trung tư tưởng lại ñể quán sát nữa. Tưởng nầy cũng gần giống như các cách quán tưởng trong kinh Quán Vô Lượng Thọ. Mục ñích ñể cho tâm hành giả không bị chi phối, giao ñộng, mà chỉ một lòng nhớ nghĩ ñến đức Phật A Di đà và cảnh giới Tây Phương mà thôi. Hồi hướng phát nguyện là phần không thiếu của bất cứ một pháp môn tu nào. Hồi hướng có nghĩa là ñem hết sức

mình có ñược, muốn phổ cập, trang trải ñến tất cả pháp giới chúng sanh và cầu nguyện cho các loài hữu tình cũng như vô tình, sớm trọn thành Phật ñạo. Nếu tu tập ñược 5 niệm môn nầy sẽ sinh ra 5 loại công ñức mà theo Ngài Thế Thân thì cho rằng: Bốn loại công ñức trước thuộc về nhập Hoa Tạng. Có nghĩa là tướng ấy tịch diệt, chơn như. Ai sanh về ñó, ở mãi nơi

cảnh giới Cực Lạc ñể thọ hưởng sự an vui nơi Niết Bàn. Còn phần sau cùng, công ñức ấy sẽ trở lại Ta Bà ñể hóa ñộ chúng sanh. Phần nầy chúng ta có thể so sánh với tướng hoàn lại thế giới phiền não nầy của một hành giả ñã vãng sanh, tiếp tục thực hiện những hạnh nguyện cao cả của mình ở thế giới Ta Bà nầy. Bộ luận nầy y cứ theo kinh Vô Lượng Thọ. Do vậy chúng ta không còn ngần ngại gì nữa ñể chấp nhận Ngài Thế Thân một cách tự nhiên là ðệ Nhị Tổ Tịnh độ Tông của Việt Nam, như người Nhật họ ñã chấp nhận cho Tịnh độ Tông của họ. đức Phật Thích Ca Mâu Ni là một đức Phật lịch sử. Ngài ñã sáng lập ra nền ñạo; còn các vị Tổ Sư cứ thế mà Tổ Tổ tương Truyền ñể nối tiếp con ñường của các bậc Tổ ñức ñã ñi qua. Xưa nay ñọc sách vở rất nhiều, chúng tôi thấy người Hoa, người Nhật, người Tây Tạng lập Tông rất rõ ràng. Riêng người Việt Nam chúng ta khi hỏi về Tông Phái thì hay mù mờ, không trả lời rõ ràng ñược. Ngay như Thiền Tông, tuy không lập thành văn tự; nhưng có cách truyền thừa thật rõ nét, mà riêng chỉ với Trung Hoa và Nhật Bản; còn Việt Nam chúng ta thì không phải vậy. Có lẽ vì quê hương chúng ta bị chiến chinh, loạn lạc nên chẳng ai muốn lưu giữ dấu tích làm gì, nhất là những vị Thiền Sư. Do vậy mà ñàn hậu học về sau khi nghiên cứu ñến những thế hệ trước; thật là vô cùng khốn ñốn. ể tránh tình trạng không biết vị Tổ ấy sinh năm nào, viên tịch năm nào và vị ấy thuộc về phái gì v.v... khi còn sống, chính quý vị ấy nên ghi lại lai lịch của mình thật rõ ràng thì ñời sau không thể làm khác ñi ñược. Nhiều người Việt Nam tu theo pháp môn Tịnh độ; nhưng khi hỏi 3 kinh căn bản của pháp môn nầy cũng

còn lớ ngớ, huống gì là tư tưởng và cách truyền thừa của các vị Tổ ñức của Tịnh độ Tông. Tục ngữ Việt Nam có câu: “Con nhà Tông, không giống lông cũng giống cánh”; nhưng ta thuộc về Tông nào ñây? Tổ của chúng ta là ai ? v.v... Nếu ta ñã hiểu rõ rồi thì con ñường tu niệm, truyền thừa của chúng ta sẽ chắc chắn rõ ràng hơn. Từ ñó chúng ta an tâm ñi vào nề nếp ñể tu học và hành trì.

III.- TỊNH ðỘ TÔNG CỦA TRUNG HOA .

Nếu hỏi rằng: Trên thế giới nầy nước nào có lịch sử lâu ñời nhất, thì ắt hẳn người ta sẽ nói: Ấn độ và Trung Hoa và nếu hỏi tiếp rằng: đạo nào có mặt lâu ñời nhất trên hành tinh nầy, thì cũng sẽ ñược trả lời là: Ấn độ giáo của Ấn độ và Khổng giáo, Lão giáo của Trung Hoa. Nhưng khi ñược hỏi rằng: đạo nào có ñông số tín ñồ nhất, thì không phải là những ñạo vừa nêu trên, mà là Thiên Chúa giáo; một Tôn giáo xuất hiện sau Phật giáo cả hơn 6 thế kỷ, mà ngày nay số lượng tín ñồ của Tôn giáo nầy là một tỷ rưỡi người

theo ñạo trong số 7 tỷ người hiện có mặt trên quả ñịa cầu nầy. Nếu hỏi rằng: Tôn giáo nào xuất hiện lâu ñời và theo thứ tự thời gian ở trên quả ñất nầy thì xin trả lời rằng: Ấn độ giáo, Khổng giáo, Lão giáo, Phật giáo, Thiên Chúa giáo (gồm có cả Do Thái giáo, Thiên Chúa giáo, Chính Thống giáo, Tin Lành giáo) và Hồi giáo. Có những Tôn giáo xuất hiện ñã 5.000 năm trên quả ñịa cầu nầy như Ấn độ giáo; nhưng cũng có Tôn giáo chỉ mới xuất hiện hơn 1.500 năm nay, như Hồi giáo. Nhưng nếu sắp theo thứ tự người theo thì phải kể rằng: Thiên Chúa giáo, Ấn độ giáo, Hồi giáo, Phật giáo, Khổng giáo và Lão giáo.

136 Tịnh độ Tông của Trung Hoa

Trong những Tôn giáo nầy có nhiều Tôn giáo ñã vượt ra khỏi ranh giới của quốc gia mà vị Giáo chủ ấy ñược sinh ra ñể mang lời dạy ra truyền bá ở nước ngoài như: Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Hồi giáo. Trong khi ñó cũng có những Tôn giáo không thể vượt khỏi biên giới quê hương của mình ñể ñi sâu vào sinh hoạt của các nước Âu Mỹ như: Ấn độ giáo, Khổng giáo và Lão giáo. Câu hỏi ñược ñặt ra tại sao thì có nhiều cách trả lời khác nhau; nhưng vấn ñề quan trọng ở ñây là lời dạy của các vị giáo chủ ấy có còn có giá trị qua thời gian và không gian hay không? Nếu có, thì đạo ấy sẽ phát triển vững mạnh, không luận thời gian, năm tháng hay biên ải quốc gia. Một Tôn giáo phải hội ñủ 3 ñiều kiện. đó là: Giáo chủ, giáo lý và giáo hội. Giáo chủ và giáo lý chúng ta ñã rõ; nhưng giáo hội gồm Tăng Ni, Tín đồ ñóng một vai trò vô cùng quan trọng trong vấn ñề giữ gìn và phát triển mạng mạch của Tôn giáo ñó. Nếu không có những người nầy, quả thật Tôn giáo ñó sẽ hiu quạnh, không như thời ñiểm vàng son, lúc còn vị giáo chủ nữa. Ngày xưa vấn ñề giao thông không tiện lợi như ngày nay; nên một văn thư, một tin tức ñánh ñi từ một nơi, ñến một nơi khác nhận ñược, ñôi khi phải trải qua hằng tháng, hằng năm; chứ không phải từng phút, giây như giai ñoạn trong hiện tại (năm 2011) mà chúng ta ñang có ñược. Bởi vậy những gì mà người xưa làm ñược, quả là ñáng quý biết dường bao! Khi Thái Tử Tất đạt đa sinh ra tại Ấn độ, Khổng Tử ở Trung Hoa, ông ta ñã nói với học trò của mình rằng: “Ông cảm như quả ñất ñang chuyển ñộng”, mà thật thế! một vĩ nhân, một bậc giác ngộ ra ñời thì có không biết

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 137

bao nhiêu là ñiềm lạ xuất hiện trong thế gian nầy. Vì các Ngài không phải là những người thường. Thế mà ñã hơn 600 năm trôi qua, ñến năm Hán Minh đế (58-75) vào thế kỷ thứ nhất sau Tây lịch; người mới nằm mộng thấy Phật vàng và từ ñó mới cho người qua Ấn độ ñể thỉnh kinh. đây là thời kỳ ñầu của Phật Giáo mới hình thành và ñã nhập vào Trung Quốc. “Theo sách Hán Pháp” bản nội truyện là một tác phẩm gồm 5 quyển, ñược soạn vào thời nào và tên soạn giả là ai ñều không rõ; nhưng sách nầy nói về việc Phật Giáo lúc mới du nhập Trung Quốc khoảng năm Vĩnh Bình (58-75) ñời Minh đế nhà Hậu Hán và về tình hình Phật Giáo chống ñỡ sự phê phán của đạo Giáo. Nội dung sách ấy gồm 5 phẩm như sau: - Minh đế ñắc mộng cầu pháp - Thỉnh Pháp Sư lập tự công ñức - Dữ Chư ñạo sĩ tỉ giảo ñộ thoát - Minh đế đại Thần ñẳng xưng dương - Quảng thông lưu bố.

đến nay bản hoàn chỉnh của sách nầy vẫn không thấy lưu truyền, chỉ thấy rải rác trong Quảng Hoàng Minh tập quyển 1, tập cổ kim Phật đạo luận hành quyển 1, Pháp Uyển Châu Lâm quyển 18, Tục tập cổ kim Phật đạo luận hành v.v... Các Ngài đạo Tuyên và Trí Thăng cho rằng sách nầy là tác phẩm ñời Hán Ngụy; nhưng trong các văn hiến từ ñời Tùy trở về trước không thấy ñược ñề cập tới. Nếu

căn cứ vào nội dung mà phán ñoán thì có thể sách nầy là tác phẩm từ khoảng năm Thiên Giám (502-519) ñời nhà Lương thuộc Nam Triều trở về sau. (Trích Phật Quang đại Từ điển trang 2054). (Xem Luận Phá Tà quyển thượng; truyện đàn Vô Tối trong Tục Cao Tăng truyện quyển 23; Thiền Tông phiên dịch chủ trong Phiên dịch danh nghĩa tập quyển 1). Vào ñầu thế kỷ thứ nhất sau Tây lịch Hán Minh đế thuộc nhà Hậu Hán là người ñầu tiên thấy ñược ñiềm lành; cho nên mới cho người sang Thiên Trúc ñể thỉnh kinh. Thuở ấy từ Kinh ñô Lạc Dương ñi qua Ấn độ chỉ có con ñường biển là bình an hơn; nhưng ít nhất cũng 3 tháng ñến 1 năm mới tới nơi; nhưng ñến rồi; nào ngôn ngữ, phong tục, ăn uống ở tại xứ Ấn độ thuở bấy giờ chẳng phải là việc ñơn thuần. Thế nhưng các nhà ngoại giao thuở ấy cũng ñã mang về cho Triều ñình nhà Hậu Hán hai vị đại Pháp Sư và đại dịch giả về sau nầy. đó là hai Ngài Ma đằng Ca Diếp và Ngài Trúc Pháp Lan. Bản kinh ñầu tiên ñược truyền vào ñất Trung Quốc năm 68 sau Tây lịch là kinh Tứ Thập Nhị chương ñã ñược hai vị nầy dịch ra chữ Hán. Ngày nay nếu có ai ñó ñi sang Trung Quốc, ñến Kinh ñô Lạc Dương, ghé thăm chùa Bạch Mã sẽ gặp ñược mộ tháp của hai Ngài vẫn còn chôn cất tại nơi ñây và bản kinh nầy vẫn ñược Phật Giáo Trung Quốc cho khắc vào ñá hoa cương cho công chúng chiêm ngưỡng và ñảnh lễ. Trong sách trên có nói về việc thứ hai là nhà Vua và Triều ñình ñã thỉnh Pháp Sư lập tự công ñức. Nghĩa là nhà vua muốn xây chùa ñể thờ Phật. Có lẽ hai vị Pháp Sư nầy ñã chỉ cho nhà vua làm chùa như thế nào cũng như ñặt hiệu chùa ra sao. Nên Bạch Mã là tên chùa ñã ñược

chọn. Vì ñi thỉnh kinh cũng như ñón rước kinh ñến Kinh ñô Lạc Dương ñều do những con ngựa trắng quý hiếm ñến ñón về; nên lấy tên là Bạch Mã. Chùa ngày xưa có lối kiến trúc theo Ấn độ; nghĩa là bên trên nóc là vòm, trông như những ngôi tháp tại Ấn độ; chứ không lợp mái như kiểu của Trung Hoa. Vào cuối năm 2000 vừa qua giữa chính quyền Trung Hoa và Ấn độ ñã ký một văn bản quan trọng, nhằm tài trợ ñể xây một ngôi chùa to lớn tại ñây theo kiểu cách của Ấn độ ñể nhớ về cội nguồn cũng như lịch sử khởi nguyên Phật Giáo tại xứ nầy. điểm thứ ba là nhà Vua thích các vị Pháp Sư cùng với các vị đạo Sĩ giảng thuyết ñể so sánh. Thuở ấy Nho gia tại Trung Quốc không thích Phật Giáo. Lão Giáo tuy chấp nhận Phật Giáo; nhưng muốn biết cao thấp, nên nhà Vua ñã cho quý Sư và đạo Sĩ luận bàn với nhau. Nếu thuở ấy các vị Pháp Sư không thắng thì có lẽ Phật Giáo không ñược lưu hành và phát triển tại Trung Quốc suốt 2.000 năm qua. điểm thứ tư là Vua Hán Minh đế cùng với các đại Thần xưng dương, tán thán. điều ấy có nghĩa là nhà Vua ñã hài lòng và việc nằm mộng thấy Phật vàng, việc cho người ñi Ấn độ thỉnh kinh và rước Pháp Sư về là việc tốt cho quê hương ñất nước Trung Quốc; nên

nhà Vua và triều thần mới chấp nhận Phật Giáo một cách công khai như thế; trong khi tại Trung Hoa trước ñó ñã có đạo Khổng và đạo Lão rồi. Việc cuối cùng là cho giáo lý từ bi, trí tuệ ấy tiếp tục truyền bá khắp nhân gian. Vì lẽ chính nhà Vua và các vị đại Thần tai mình ñã nghe, mắt mình ñã thấy sự luận nghị và tư cách giữa các vị Pháp Sư Phật Giáo và các vị

đạo Sĩ của Lão Giáo. Kể từ ñó trở ñi Phật Giáo tại Trung Quốc ñã trải qua bao ñời với những phế hưng của lịch sử. Ví dụ như các vị Vua và Hoàng Hậu nào thích giáo lý của đạo Phật thì ủng hộ hết mình; nên những chùa viện và chư Tăng ñều có mặt khắp nơi tại quê hương rộng lớn nầy. Ví dụ như Triều đường chẳng hạn. Nhưng cũng có nhiều lúc các vị quân vương nghe lời xiểm nịnh của triều Thần; hoặc giả chư Tăng Ni của Phật Giáo không còn gìn giữ ñược những phẩm hạnh thanh cao như lúc xa xưa nữa, thì lúc ấy các vua chúa sẽ phế Phật và chọn những đạo khác, ví dụ như "Tam Vũ nhất Tông pháp nạn"; nghĩa là pháp nạn nầy do 3 ông vua họ tên Vũ và một ông tên Tông gây ra (tức là Thái Vũ ñế nhà Bắc Ngụy, Vũ đế nhà Bắc Chu; Vũ Tông nhà đường và Thế Tông nhà Hậu Chu).

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 141

A.- Ngài đàm Loan và Tư Tưởng Tịnh độ.

Theo Liên Tông (tức là Tịnh độ Tông) của Trung
Hoa lập Ngài Huệ Viễn làm Sơ Tổ Tịnh độ tại ñó và kế thừa Tông nầy cho ñến ñời nhà Thanh gồm 9 vị như sau:

- Sơ Tổ đông Lâm Huệ Viễn ở Lô Sơn
- Nhị Tổ Quang Minh Thiện đạo ở Trường An
- Tam Tổ Bất Chu Thừa Viễn ở Hoành Sơn
- Tứ Tổ Vân Phong Pháp Chiếu ở Hàng Châu
- Ngũ Tổ Ô Long Thiếu Khang ở Tân định
- Lục Tổ Vĩnh Minh Diên Thọ ở Hàng Châu
- Thất Tổ Chiêu Khánh Tỉnh Thường ở Vũ Tam
- Bát Tổ Vân Thê Châu Hoành ở Cổ Hàng
- Cửu Tổ Phạm Thiên Tỉnh An ở Phương Sơn

(Xem Liên Tông Cửu Tổ truyện lược)

"Tuệ (Huệ) Viễn sinh năm 334 và tịch năm 416 là Cao Tăng Trung Quốc, sống vào ñời đông Tấn, người

Lâu Phiền, Nhạn môn (huyện Quách, tỉnh Sơn Tây, họ Giả, là Sơ Tổ Tông Tịnh độ Trung Quốc. Năm 13 tuổi, Sư ñi học ở các nơi như Hứa Xương, Lạc Dương v.v... Sư thông hiểu sâu rộng 6 kinh (Thi, Thư, Dịch, Lễ, Nhạc và Xuân Thu) và Lão Trang. Năm 21 tuổi Sư cùng em là Huệ Trì nghe Ngài đạo An giảng kinh Bát Nhã ở Hằng Sơn, Thái Hàng (phía Tây Bắc ở Khúc Dương, tỉnh Hà Bắc), có chỗ lãnh ngộ, cảm ñộng than rằng: "Nho, đạo 9

phái ñều là trấu cám" (chỉ chung cho 9 học phái thời chiến quốc như Nho gia, đạo gia, Âm Dương gia...) liền cùng em lễ Ngài đạo An xin xuất gia làm đệ Tử. Sư giỏi về học thuyết Tính Không của Bát Nhã năm 24 tuổi lên tòa giảng, thường dẫn sách Trang Tử ñể thuyết minh nghĩa thật tướng của Phật Giáo, khiến người có tâm nghi ngờ ñược hiểu rõ, Ngài đạo An cho phép Sư tiếp tục bàn về sách ngoài ñời. Năm Thái Nguyên thứ 6 (381) Sư ñến Lô Sơn ở miền Nam truyền pháp, ñệ tử rất ñông. Sư tận lực nghiên cứu kinh ñiển, thường than thở ở Giang đông kinh ñiển chưa ñược ñầy ñủ, Thiền Pháp chưa ñược nghe, Luật tạng thì thiếu sót, cho nên Sư sai các ñệ tử Pháp Tịnh, Pháp Lãnh ñi tìm cầu kinh ñiển về truyền dịch. Mỗi khi Sư gặp các vị Tam Tạng Tây Vực thì bùi ngùi thăm hỏi. Năm Thái Nguyên thứ 16 (391), Sư thỉnh Ngài Tăng Già ñề Bà người nước Kế Tân phiên dịch luận A Tỳ đàm tâm, luận Tam Pháp ñộ. Khi nghe tin Ngài Cưu Ma La Thập ñến Quan Trung, Sư liền cho các vị ñệ tử đạo Sinh, Tuệ Quán, đạo Ôn, đàm, Dực... về Trường An xin theo

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 143

học đại Thừa Không Quán thuộc hệ thống Ngài Long Thọ; Sư cũng thường hay viết thư qua lại với Ngài Cưu Ma La Thập ñể thỉnh vấn và thảo luận về giáo lý. Khi Ngài đàm Ma Lưu Chi ñến Trung Quốc, Sư sai ñệ tử đàm Ung tham dự việc dịch luật Thập Tụng; ñồng thời thỉnh Ngài Phật đà Bạt đà La từ Trường An ñến Lô Sơn dịch kinh đạt Ma đa La Thiền. Cùng lúc với việc hoằng dương Bát Nhã học đại Thừa, Sư cũng ñề xướng Thiền Học Tiểu Thừa và có kiến giải rất sâu xa ñối với vấn ñề cải cách Phật Giáo Trung Quốc. Niên hiệu Nguyên Hưng năm ñầu (402) Sư cùng với hơn 100 ñồng ñạo như Cư sĩ Lưu Di Dân sáng lập Bạch Liên Xã, chuyên dùng Tịnh độ niệm Phật làm Pháp môn tu hành, cùng nguyện vãng sanh Tịnh độ Tây Phương, hơn 30 năm không một lần rời núi. Năm Nguyên Hưng thứ 2 (403), phản thần Hoán Huyền, sau khi cướp ngôi vua An đế nhà đông Tấn và tự lập làm Vua, ra lệnh sa thải Sa Môn, buộc các Sa Môn phải hết lòng tôn kính nhà Vua, Sư liền soạn luận: "Sa Môn bất kính Vương giả" ñể phản ñối, nói rõ việc người xuất gia không bị buộc phải khuất phục vương quyền. Sư vừa thông hiểu Phật học, lại giỏi ngoại ñiển nên rất ñược người ñương thời tôn trọng và chư Tăng nước ngoài kính nể. Chùa đông Lâm ở Lô Sơn là trung tâm của Phật Giáo miền Nam lúc bấy giờ, giống như đạo Tràng dịch kinh của Ngài Cưu Ma La Thập ở Trường An là trung tâm Phật Giáo miền Bắc vậy. Năm Nghĩa Hưng thứ 12 (416) Sư thị tịch, thọ 83 tuổi.

144 Tịnh độ Tông của Trung Hoa

Về sau các vua đường, Tống ban tặng Sư các thụy hiệu: Biên Giáo đại Sư, Chính Giác đại Sư, Viên Ngộ đại Sư, đẳng Biếu Chính Giác Viên Ngộ đại Sư. Và ñể phân biệt với Ngài Huệ Viễn chùa Tịnh Anh ñời Tùy, người ñời sau thường gọi Ngài là Lô Sơ Huệ Viễn. Sư có các tác phẩm: Lô Sơn tập 10 quyển, Vấn đại Thừa trung thâm nghĩa thập bát khoa (đại Thừa ñại nghĩa chương) 3 quyển, luận Minh báo ứng, luận Thích Tam Bảo, luận Biện Tâm thức, luận Sa Môn ñản phục và đại Trí độ luận sao tự. (Trích Phật Quang đại Từ điển trang 6545-6546) (Xem Lương Cao Tăng truyện quyển 6; Xuất Tam Tạng ký quyển 7; đại đường nội ñiển lục quyển 3; Quảng Hoằng Minh tập quyển 15, 17, 30; Pháp Uyển châu lâm quyển 100; đông Lâm thập bát cao hiền truyện). đọc Tiểu Sử của

Ngài Lô Sơn Huệ Viễn chúng ta có thể liên tưởng ñến Ngài Long Thọ của Ấn độ. Ngài Huệ Viễn chuyên về Bát Nhã và Trung Quán và cuối ñời lập nên Bạch Liên Xã ñể hành trì theo pháp môn Tịnh độ và phát nguyện vãng sanh về Tây Phương. đối với Phật Giáo Trung Hoa và Tịnh độ Tông tại ñây hầu như ñều công nhận Ngài là Sơ Tổ; nhưng có ñiều lạ lùng là Tịnh độ Tông Nhật Bản do Ngài Pháp Nhiên và Ngài Thân Loan sáng lập vào thế kỷ thứ 13 thì chỉ công nhận Ngài đàm Loan là đệ tam Tổ Tịnh độ Tông (kể từ Ngài Long Thọ và Thế Thân), Ngài đạo Xước, Ngài Thiện đạo mới là đệ nhị Tổ và đệ tam Tổ của Tịnh độ Tông Trung Quốc (đệ tứ và đệ ngũ Tổ thuộc về Tịnh độ của Nhật Bản). Trong 9 vị Tổ của Liên Tông, chúng ta chỉ thấy có Ngài Thiện đạo thành đệ nhị Tổ sau Ngài Huệ Viễn. Có lẽ có

một lý do gì quan trọng hơn; cho nên Phật Giáo Nhật Bản mới chọn như vậy chăng? Ngay như học giả Christian Steineck người đức, tác giả quyển “Những bản văn căn bản của Phật Giáo Di đà Nhật Bản” cũng không công nhận Ngài Huệ Viễn là Sơ Tổ Tịnh độ Tông Trung Hoa, mà trong sách nầy (bằng tiếng đức) chỉ nêu lên 3 vị Tổ là Ngài đàm Loan, đạo Xước và Thiện đạo. Tiếp theo chúng ta nên tìm hiểu về Ngài đàm Loan. “Ngài sanh năm 476 và thị tịch lúc nào không rõ. Là vị Cao Tăng của Tịnh độ Tông ở thời Nam Bắc triều, người Nhạn Môn (huyện đại, tỉnh Sơn Tây) có thuyết nói Sư là người Vấn Thủy Tinh Châu (Thái Nguyên, Sơn Tây) không rõ họ gì. Nhật Bản tôn Sư là Sơ Tổ trong 5 vị Tổ của Tông Tịnh độ (gồm: đàm Loan, đạo Xước, Thiện đạo - Trung Hoa - và Nguyên Tín, Nguyên Không (Pháp Nhiên) - Nhật Bản), là Tổ thứ 3 trong 7 vị Tổ của Chân Tông. Nhà Sư ở gần núi Ngũ đài, Sư thường ñược nghe những chuyện thần tích kinh dị, nên lúc 10 tuổi Sư lên núi xin xuất gia. Sư rất chăm học, thông suốt các kinh. Sư ñọc và chú giải kinh đại Tập, công việc chưa xong, Sư bỗng lâm bệnh, chữa mãi không khỏi. Một hôm Sư chợt thấy cửa trời mở rộng, tự nhiên hết bịnh, liền phát tâm ñi tìm cầu pháp trường sinh bất tử. Nghe ñồn học phép tiên có thể sống lâu, Sư bèn ñến Giang Nam thăm đạo Sĩ đào Hoằng Cảnh ở núi Cú Dung ñược họ đào trao cho một bộ kinh Tiên 10 quyển. Trên ñường về Sư ghé qua Lạc Dương ra mắt Ngài Bồ đề Lưu Chi, ñược Ngài trao cho bộ Quán Vô Lượng

Thọ, Sư liền bỏ hết kinh Tiên, mà chuyên tu Tịnh độ. Vua Hiếu Tĩnh nhà đông Ngục tôn Sư là “Thần Loan” và ban Sắc chỉ cho Sư trụ trì chùa đại Nham ở Tỉnh Châu. Về sau, Sư trụ trì chùa Huyền Trung tại Phần Châu, Sư thường ñến phía Bắc núi Giới Sơn giảng kinh, hoằng dương pháp môn niệm Phật. Sư tinh thông nội ngoại ñiển, Tăng Ni và Phật Tử rất kính phục, họ gọi đạo Tràng giảng kinh của Sư là “Loan Công Nham”. Sư là người ñặt nền tảng cho sự kiện toàn Tịnh độ giáo ở ñời đường sau nầy. Ngoài ra, Sư còn là học giả nổi tiếng thời bấy giờ về Tứ Luận (Trung Luận, Bách Luận, Thập Nhị Môn Luận, đại Trí độ Luận). đời sau tôn Sư là Tổ của Tông Tứ Luận. Sư cũng là người kết hợp hai trào lưu tư tưởng lớn của Phật Giáo Ấn độ nơi Tổ Long Thọ và Ngài Thế Thân, ñem tư tưởng Không Tông dung hợp vào giáo nghĩa Tịnh độ; ñược ñời sau rất coi trọng. Về năm Sư tịch thì có mấy thuyết; nhưng có thể ñoán ñịnh là Sư tịch từ năm Thiên Bảo

thứ 5 (554) trở về sau. Sư có các trứ tác: Vãng Sanh luận chú 2 quyển, Tán A Di đà Phật kệ, Lễ Tịnh độ thập nhị kệ, Lược luận Tịnh độ an lạc nghĩa". (Trích Phật Quang đại Từ điển trang 1.589) Ngài đàm Loan sinh ra và thị tịch sau Ngài Huệ Viễn cả 142 năm (476-334=142). Do vậy giáo nghĩa của Tịnh độ ñã rất rõ ràng qua các thời ñại và Ngài ñã dựa theo tư tưởng Trung Luận của Ngài Long Thọ và tư tưởng Vãng Sanh Luận của Ngài Thế Thân. Có lẽ vì thế mà Tịnh độ Tông của Nhật Bản ñã chấp nhận Ngài là ðệ

tam Tổ của Tịnh độ Nhật Bản kể từ khi Tịnh độ ñược truyền vào ñây và là Sơ Tổ Tịnh độ Tông của Trung Quốc. Tịnh độ Việt Nam chúng ta sẽ ñược ñề cập ñến ở một chương ñặc biệt phía sau; nhưng chúng ta cũng có thể chọn Ngài đàm Hoằng (? – 455) người cùng thời với Ngài đàm Loan, ñể làm Sơ Tổ của Tịnh độ Tông Việt Nam và là ðệ tam Tổ kể từ Ấn độ (sau Ngài Long Thọ và Thế Thân). Sau ñây chúng ta có thể tiếp tục tìm hiểu tư tưởng Tịnh độ của Ngài đàm Loan qua "Vãng Sanh luận chú" và những tư tưởng tiếp theo trong những bài kệ tán thán đức Phật A Di đà của Ngài. "Vãng Sanh luận chú gọi ñủ là: Vô Lượng Thọ kinh Ưu Ba đề Xá nguyện sanh kệ - Bà Tẩu Bàn đậu (Vasabandhu) Bồ Tát tạo tinh chú. Cũng gọi là: Tịnh độ luận chú, Vô Lượng Thọ Kinh luận chú, Vô Lượng Thọ kinh Ba đề Xá nguyện sinh kệ chú. Gọi tắt là Luận chú, Chú luận. Luận chú gồm 2 quyển, do Ngài đàm Loan soạn vào ñời Bắc Ngụy ñược thu vào đại Chánh tạng tập 40. Quyển thượng của sách nầy trước nêu phẩm Dị Hành trong luận Thập Trụ Tỳ Bà Thi của Ngài Long Thọ, nói rõ về Nan Hành ñạo (ñạo khó thực hành) và Dị hành ñạo (ñạo dễ thực hành). Luận nầy thuộc về Dị hành ñạo, chỉ rõ pháp môn tha lực (nương nhờ vào sức của đức Phật A Di đà) cho rằng cái nhân chủ yếu ñược sanh về Tịnh độ là hoàn toàn trông cậy vào năng lực bản nguyện của đức Phật A Di đà, kế là phần nói chung, lần lượt giải

thích văn kệ phát nguyện vãng sanh, ñồng thời lập ra 8 mục hỏi ñáp, nói rõ căn cơ nguyện sanh Tịnh độ và tất cả tướng phàm phu thiện ác. Quyển hạ thì giải thích phần nghĩa bằng văn trường hàng (văn xuôi), lập ra 10 khoa giải thích văn nghĩa: nguyện kệ ñại ý, khởi quán sanh tín, Quán hành thế tướng, Tịnh nhập nguyện tâm, Thiện xảo nhiếp hóa, Ly Bồ đề chương, Thuận Bồ đề môn, Danh nghĩa nhiếp ñối, Nguyện sự thành tựu và Lợi hành mãn túc; ñồng thời ở cuối khoa Lợi hành mãn túc, nên rõ ý nghĩa quan trọng của việc lợi mình lợi người, trích dẫn các nguyện thứ 11, 18 và 22 trong 48 lời nguyện của Kinh Vô Lượng Thọ ñể chứng minh cho Tăng Thượng Duyên của tha lực". (Trích Phật Quang đại Từ điển trang 7.056-7.057). (Xem Lịch đại Tam Bảo ký quyển 4, Pháp linh lục quyển 6; đông Vực truyền ñăng lục quyển hạ). Xem ra như vậy các học giả người Nhật và người Tây Phương hữu lý hơn, khi chọn Ngài đàm Loan làm Sơ Tổ Tịnh độ của Trung Hoa mà họ hoàn toàn không nhắc ñến Ngài Huệ Viễn. Vì lẽ họ nhận chân ra ñược rằng: Những gì mà Ngài đàm Loan thực hiện pháp môn Niệm Phật là thuộc về phần Dị Hành như trong Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận của Ngài Long Thọ chủ trương và Vãng Sanh Luận Chú nầy là Ngài chú thích lại luận ñã có sẵn của Ngài Thế Thân. Hai vị nầy ñược xem như là ðệ nhất và ðệ nhị Tổ Tịnh độ Tông của Ấn độ,

Trung Hoa, Nhật Bản và Việt Nam. Ở ñây có lối truyền thừa trực tiếp. Tuy thời gian giữa các vị Tổ Tịnh độ của Ấn độ và Trung Hoa có cách xa hằng trăm năm ñi nữa, thì vẫn không quan trọng so với vấn ñề thời gian, mà vấn ñề quan trọng là tư tưởng của Tịnh độ và việc tiếp nhận tư tưởng ấy.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 149

Thiền Tông truyền thừa từ Ấn độ (gồm 28 vị Tổ) qua Trung Hoa (6 vị Tổ) có tính cách "lấy tâm truyền tâm"; nghĩa là trực tiếp từ Thầy qua trò và vì thế có ñược tính cách liên tục theo thời gian. Nhưng Tông Thiền nầy cũng chia làm hai Tông chính. đó là Thiền Tào động và Thiền Lâm Tế. Mỗi một môn phong truyền thừa của Thiền có tánh cách riêng. Ở ñây, riêng Tịnh độ Tông, các vị Tổ hầu như không lập Tông Phái riêng, mà chỉ căn cứ vào 3 kinh căn bản của Tịnh độ ñể tu học. đó là Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Quán Vô Lượng Thọ và Kinh A Di đà. (Xin xem ở phần I bên trên). đây là 3 bộ kinh quan trọng ñược truyền từ thời đức Phật Thích Ca Mâu Ni cách ñây 2555 năm về trước, cho ñến thời hiện tại (2011) hầu như không có thay ñổi gì nhiều qua vấn ñề nương vào tha lực ñể vãng sanh. Tuy ở Nhật, quan ñiểm giữa Ngài Pháp Nhiên và Ngài Thân Loan có một ít sự khác nhau về việc vãng sanh; nhưng tựu chung vẫn là sự vãng sanh về thế giới Cực Lạc sau khi lâm chung và nương vào câu Phật hiệu "Nam Mô A Di đà Phật". Quyển "Vãng Sanh Luận Chú" của Ngài đàm Loan có hai phần. Phần ñầu như ñã ñược giải thích bên trên. Phần thứ hai, Ngài đàm Loan dùng văn xuôi ñể giải thích rõ ràng về 10 việc khác nhau như: - đại ý của những bài kệ phát nguyện sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc. - Khi quán tưởng cảnh giới Tây Phương Cực Lạc thì sanh ra tín tâm. - Quán sát về việc thực hành câu Phật hiệu và thể tướng của việc vãng sanh.

150 Tịnh độ Tông của Trung Hoa

- Khi lời thệ nguyện ñã ñược thâm nhập vào tâm của hành giả rồi, sẽ ñược thanh tịnh chuyển hóa. - đức Phật A Di đà dùng các phương tiện ñể nhiếp hóa chúng sanh, sanh về thế giới của Ngài qua những lời nguyện. - Nhằm lìa xa những chướng ngại nếu có, phát tâm Bồ đề dõng mãnh ñể ñược sanh về Tây Phương. - điều quan trọng là sự phát tâm Bồ đề ấy phải ñược thuận theo con ñường giải thoát sanh tử luân hồi ñể ñược vãng sanh về Tây Phương Tịnh độ. - Cách niệm danh hiệu Phật phải nhiếp thủ trực tiếp ñể cầu sanh Tây Phương. - Cầu nguyện cho việc phát tâm niệm Phật của mỗi chúng sanh nơi thế giới Ta Bà nầy ñược thành tựu viên mãn. - điều thứ 10 cũng là ñiều cuối cùng là việc niệm Phật ấy phải làm sao cho ñược lợi mình và lợi lạc cho người khác nữa; thì pháp môn Dị Hành ấy mới xứng ñáng là pháp môn dễ thực hiện.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 151

B.- Ngài đạo Xước và Tư Tưởng Tịnh độ.

đức Phật Thích Ca Mâu Ni khi còn tại thế, Ngài chia giáo pháp của Ngài ra làm 3 thời kỳ. đó là thời Chánh Pháp gồm 500 năm; thời Tượng Pháp gồm 1.000 năm và thời kỳ Mạt Pháp gồm 10.000 năm. Thời Chánh Pháp có nghĩa là: Các hành giả có tu, có hành và có chứng. Thời kỳ nầy là thời kỳ của đức Phật, các vị Bồ Tát và các vị A La Hán xuất thế. Khi nghe giáo pháp từ bi, trí tuệ của Phật dạy ñều hoan hỷ tín thọ và thành tựu

quả vị Bồ đề. Ngay cả ñộc ác sinh tâm hại Phật như: đề Bà đạt đa, Vô Não hay bất hiếu như A Xà Thế, ác ñộc như bạo chúa A Dục trước khi quy y Tam Bảo v.v... nhưng khi những vị nầy nghe, hiểu và thực hành giáo lý giải thoát ấy thành tựu; tức là ñiểm ñến của tâm có kết quả. Thời nầy gọi là thời kỳ có tu, có hành và có chứng; nhưng tiếc thay chỉ có 500 năm ngắn ngủi. Thời kỳ Tượng Pháp 1.000 năm, sau thời Chánh Pháp là thời kỳ: Có tu, có hành nhưng không chứng. Thời kỳ nầy giáo pháp của đức Phật vẫn còn tại quê hương Ấn độ và lần ñầu tiên di chuyển về phía Tích Lan cũng như Trung Âu, châu Phi và miền Bắc Ấn độ, ñể từ ñó tư tưởng đại Thừa ñược phát triển qua sự xiển dương lý Vô

152 Tịnh độ Tông của Trung Hoa

Ngã, tánh không, trung ñạo của các vị đại Luận Sư như Vô Trước, Thế Thân, Mã Minh và Long Thọ. Nếu kể thời của Ngài Long Thọ là thời gian 300 năm ñầu của Tượng Pháp (Ngài sinh ra sau khi đức Phật nhập Niết Bàn ñộ 800 năm). Thế mà Ngài ñã biết rằng: Trong tương lai việc tu chứng không phải dễ dàng. Do vậy mà Ngài ñã xiển dương pháp môn Tịnh độ qua việc Niệm Phật và cầu vào tha lực của đức Phật A Di đà và qua bổn nguyện lực ấy, các chúng sanh ở thế giới Ta Bà sanh về Tây Phương một cách dễ dàng hơn. Rồi từ ñó Ngài Thế Thân (người Ấn độ) bắt cầu qua Ngài đàm Loan (người Trung Hoa) cho tha lực ấy có cơ hội phát triển tại lục ñịa Á Châu rộng lớn nầy. Nếu bảo rằng thời kỳ Mạt Pháp là thời kỳ mà chúng sanh chỉ có tu, không hành và không chứng thì thời gian nầy chính thức bắt ñầu vào cuối thế kỷ thứ 9 và ñầu thế kỷ thứ 10 sau Tây lịch. Hay nói ñúng hơn là cuối thời thịnh đường của Trung Quốc. Thời nầy có các vị Tổ Thiền nhưng vẫn tu Tịnh độ như Ngài Vĩnh Minh Diên Thọ chẳng hạn. đây là dấu mốc của lịch sử truyền thừa của Phật Giáo và là tư tưởng tối thượng thừa của những ai muốn nương vào câu Phật hiệu ñể giải thoát sanh tử luân hồi. “Ngài đạo Xước sinh năm 562 và tịch năm 645, là vị Tăng thuộc Tông Tịnh độ ñời nhà đường, người Vấn Thủy, Tinh Châu (huyện Thái Nguyên, tỉnh Sơn Tây) có thuyết nói Ngài là người Tấn Dương, Tinh Châu, họ Vệ. Cũng gọi là Tây Hà Thiền Sư. Là Tổ thứ 2 của Tông Tịnh độ, vị thứ 4 trong 7 vị Cao Tăng của Chân Ngôn Tông Nhật Bản.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 153

Năm 14 tuổi, Sư xuất gia, học khắp các kinh luận, ñặc biệt tinh thông kinh Niết Bàn và từng giảng dạy kinh nầy tất cả 24 lần. Sau, Sư ở tại chùa Huyền Trung do Ngài đàm Loan sáng lập, nhân ñọc Văn bia của Ngài đàm Loan mà chuyển sang tín ngưỡng Tịnh độ. Lúc ấy Sư ñược 48 tuổi, từ ñó mỗi ngày Sư ñều niệm Phật 7 vạn biến. Suốt một ñời, Sư giảng kinh Quán Vô Lượng Thọ tới hơn 200 lần; chủ trương bất luận là người xuất gia hay tại gia ñều nên lấy việc niệm Phật làm cốt yếu. Trong lúc niệm Phật phải ñếm những hạt ñậu nhỏ gọi là “Tiểu ñậu niệm Phật”, ñây là khởi ñầu của việc lần tràng hạt niệm Phật ở Trung Quốc. Năm Trinh Quán thứ 3 (629), Sư biết trước ngày tịch; nên họp chúng lại ñể từ biệt. Khi bốn chúng ñông ñủ, bỗng thấy Ngài đàm Loan hiện thân bảo cho biết là dư báo chưa hết, nên Sư lại tiếp tục sinh hoạt như thường. Vua Thái Tông từng ñến Thái Nguyên thăm Sư và ban cho nhiều báu vật. đến năm 80 tuổi, sắc diện Sư vẫn hồng hào, thần khí sảng khoái, giảng giải về Tịnh nghiệp, lý nghĩa thông suốt.

Tháng tư năm Trinh Quán thứ 19 (645) Sư tịch, thọ 84 tuổi. Sư có các vị đệ tử như: Thiện đạo, đạo Phủ, Tăng Diễn, đạo Ngân. Trứ tác: Luận Tịnh độ 2 quyển, An Lạc tập 2 quyển". (Trích Phật Quang đại Từ điển trang 16752-1653). (Xem Tịnh độ Vãng Sanh truyện quyển Trung; Phật Tổ thống kỷ quyển 28; Tục Cao Tăng truyện quyển 20, Luận Tịnh độ quyển hạ).

Nếu niệm thong thả một tràng hạt 108 câu Phật hiệu ñầy ñủ sáu chữ Hồng Danh "Nam Mô A Di đà Phật" thì phải cần ít nhất là 5 phút. Một giờ ñồng hồ có 60 phút. Trung bình có 1.296 câu ñược niệm. Nếu niệm liên tục trong 24 giờ ñồng hồ thì tổng số là 31.064 lần; nhưng nếu chỉ niệm A Di đà Phật hoặc giả Di đà Phật; nghĩa là không cần dùng chữ Nam Mô và chữ A phía trước niệm lướt nhanh trong ñầu thì số lượng 70.000 lần có thể niệm trong một ngày một ñêm ñược. điều ấy có nghĩa là lúc ñi, ñứng, nằm, ngồi, ăn, uống, ñại, tiểu tiện, lúc làm việc, giảng kinh, ngủ nghỉ v.v... lúc nào trong ñầu cũng phải có câu Phật hiệu, thì mới ñược như vậy. Ở ñây nói Ngài đạo Xước mỗi ngày niệm 7 vạn câu Phật hiệu; tức là 70.000 lần. Quả là một công phu tu tập quá miên mật. Ngày xưa chưa có tràng hạt, mà phải dùng hạt ñậu ñể tính số; cứ mỗi một câu Phật hiệu ñã ñược niệm thì bỏ vào hay bỏ ra khỏi rổ một hạt ñậu. Công phu hành trì của các vị Tổ Sư ngày xưa, bây giờ hầu như chẳng có ai theo chân nổi. Lại trong Tiểu Sử của Ngài ñược cho biết rằng: Ngài ñã giảng kinh đại Bát Niết Bàn 24 lần. điều nầy cũng thật là hy hữu. Bộ kinh nầy đức Phật nói tại núi Linh Thứu, trước lúc thị tịch Niết Bàn cho các vị Bồ Tát, A La Hán, chư Thiên và loài người nghe. Kinh nầy ñã ñược dịch ra tiếng Việt; có 2 quyển. Mỗi quyển ñộ 700 trang. Riêng bản thân chúng tôi và Tăng, Ni chúng chùa Viên Giác Hannover, đức Quốc, phát nguyện lạy kinh mỗi chữ mỗi lạy trong mỗi mùa An Cư Kiết Hạ từ sau rằm tháng tư ñến rằm tháng bảy. Thường thường mỗi ñêm lạy từ 250 ñến 350 lạy như thế. Lạy ròng rã trong gần 10 năm qua; nhưng mới qua gần một nửa quyển thứ 2. Có lẽ còn

ñến 5 hay 6 mùa hạ nữa sau năm 2011 mới lạy xong bộ kinh nầy. Ở vào thời ñiểm năm 2011 mới lạy ñến phẩm "Sư Tử Hống". Lạy xong bộ kinh nầy có lẽ trên dưới 500.000 lạy. Thế mà Ngài đạo Xước ñã lặp ñi lặp lại 24 lần bộ kinh quan trọng nầy. Vậy trong kim ngôn, ngọc ngữ của Ngài không biết bao nhiêu là triệu chữ kinh văn. Quả thật ngôn ngữ, lời văn, sự linh hoạt của các vị Pháp Sư Phật Giáo không biết dùng bao nhiêu lời mới có thể tán dương hết ñược công ñức này! Năm Trinh Quán thứ 3 (629) lúc ấy Ngài muốn thị tịch Niết Bàn; nhưng vẫn còn ở lại với ñời ñể ñộ sanh, vì thấy hình ảnh của đệ Nhất Tổ Tịnh độ Tông là Ngài đàm Loan hiện ra, có ý muốn Ngài đạo Xước ở lại với ñời thêm nhiều năm nữa ñể Phật đạo ñược nhờ. Thế là Ngài ñã kéo dài mạng sống của mình thêm 16 năm nữa. Mãi cho ñến năm 645 thì Ngài ñã vãng sanh Tịnh độ. Năm 629 cũng là năm Ngài Huyền Trang ñúng 30 tuổi. Năm ấy Ngài Huyền Trang sang Ấn độ ñể thỉnh kinh và suốt 17 năm trường ñi về như vậy, Ngài Huyền Trang ñã về lại Trung Quốc vào năm 646. Lúc ấy Ngài đạo Xước ñã viên tịch trước ñó một năm rồi. đây là thời thịnh đường, Phật Giáo phát triển thật mạnh và Tịnh độ lúc ấy cũng ñã ñơm hoa

kết trái tại xứ sở Trung Quốc nầy. “Ngài đạo Xước (562-645) có trứ tác quyển An Lạc Tập gồm 2 quyển. Vào ñời nhà đường và ñã thu vào đại Chánh tạng tập 47. Cứ theo luận Tịnh độ của Ngài Ca Tài nói, thì Ngài đạo Xước tin theo Tịnh độ giáo vào năm đại Nghiệp thứ 5 (608) ñời Tùy; lúc ấy ñã 48 tuổi. Như vậy bộ kinh nầy có thể ñã ñược viết vào khoảng năm 609 ñến năm 645 Tây lịch. Về mục ñích của bộ sách, có nhiều thuyết khác nhau, có thuyết bảo sách nầy là từ

trong toàn bộ giáo nghĩa Phật Giáo mà rút tỉa ra những nghĩa chủ yếu của Tịnh độ giáo, chứ không liên quan ñến bộ kinh ñiển ñặc biệt nào; có thuyết bảo sách nầy là trình bày ý nghĩa chủ yếu của ba bộ kinh Tịnh độ, là sách khuyên người vãng sanh; cũng có thuyết bảo là giải thích yếu nghĩa của kinh “Quán Vô Lượng Thọ”, nhằm tuyên dương thực nghĩa của việc vãng sanh Tịnh độ. Nội dung bộ sách do 12 môn lớn cấu thành. Trong sách, giáo pháp một ñời của đức Phật ñược chia làm 2 môn Thánh đạo và Tịnh độ và cho rằng môn Tịnh độ thích hợp với chúng sanh ñộn căn ở ñời mạt pháp; cho nên ñề xướng pháp môn niệm Phật, khuyên người ta niệm Phật cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc. đời sau, Nhật Bản chia Phật Giáo thành Thánh độ Môn và Tịnh độ Môn, chính ñã bắt nguồn từ sách nầy. Thời ñại Ngài đạo Xước ñang chứng kiến sự kiện Vũ đế nhà Bắc Chu bài xích Phật Giáo, tư tưởng Mạt Pháp trong Phật Giáo Trung Quốc lúc ñó rất là phổ biến. Vấn ñề tồn tại của Phật Giáo bị ñe dọa thật sự. Lúc bấy giờ lại có các nhà thuộc tông Tam Luận cho rằng thuyết vãng sanh Tịnh độ là kiến chấp hữu tướng, các nhà chú thích Luận Nhiếp đại Thừa thì cho rằng Niệm Phật là “biệt thời ý”, rồi phần nhiều bài bác pháp môn Tịnh độ. Bởi thế, trong sách nầy, Ngài đạo Xước cũng ñã biện luận rất nhiều về ý kiến ñó. Sách nầy còn căn cứ vào thuyết năm cái năm trăm năm nói trong kinh đại Tập, mà chủ trương Phật Giáo Trung Quốc lúc bấy giờ ñang ở vào năm trăm năm thứ tư, chúng sanh cần phải nương tựa vào Pháp Môn Niệm Phật mới có thể ñược cứu vớt, do ñó mới cực lực ñề xướng Pháp môn niệm Phật. Tư tưởng nầy, sau ñược học

trò của Ngài là Sư Thiện đạo tập ñại thành. Tư tưởng nầy, sau khi ñược truyền vào Nhật Bản, ở thời ñại Liêm Thương (Kamakura), ñã trở thành cốt tủy trong Tịnh độ giáo của các vị Pháp Nhiên và Thân Loan. (Trích Phật Quang đại Từ điển trang 130). Giáo lý chính của đạo Phật là pháp duyên khởi; nghĩa là cái nầy sanh, nên cái kia sanh. Cái nầy có nên cái kia có; cái nầy diệt nên cái kia cũng diệt theo. Không có một vật nào ñộc lập cả, mà phải duyên vào nhau ñể tồn tại. Từ ñó phải trải qua 4 giai ñoạn là: thành, trụ, hoại, diệt (không) và tất cả mọi hiện tượng trên thế gian nầy xảy ra phải ñược nhìn nhận dưới sự nhận thức của Tứ Pháp Ấn. đó là: Vô thường, khổ, không và vô ngã. Chỉ có Niết Bàn mới là tịch tịnh, an vui giải thoát. Do vậy An Lạc tập của Ngài đạo Xước hình thành cũng không qua khỏi nhận ñịnh nầy. Ngoài ra, Ngài còn căn cứ theo Kinh Vô Lượng Thọ ñể giải thích, cũng như nhìn hình ảnh văn bia của Thầy mình (đàm Loan) mà tỏ ngộ lý mầu, thì quả Phật Pháp môn trì danh niệm Phật ñối với Ngài có một công năng vô tận. Sau khi Phật Giáo ñược du nhập vào Trung Quốc thời Hậu Hán Minh

đế, Phật Giáo ñã phát triển cực thịnh cho ñến ñời Vua Lương Vũ đế (464-549). Thời kỳ nầy phải nói là thời của Thành và Trụ. đến ñời Vũ đế nhà Bắc Chu, chính Ngài đạo Xước ñã chứng kiến, nhà Vua và triều thần phế Phật. đây là thời kỳ hoại cũng như sắp ñi ñến chỗ diệt vong. Nếu không có Ngài Huyền Trang xuất hiện vào ñầu nhà đường thì Phật Giáo cũng sẽ bị lãng quên với lịch sử mấy ngàn năm của Trung Quốc. Do vậy thịnh rồi suy, suy rồi thịnh. đó là chuyện bình thường của vũ trụ và vạn vật.

158 Tịnh độ Tông của Trung Hoa

Trong "Luận A Tỳ đàm về việc thành lập thế giới" đức Phật không bảo rằng: Quả ñất nầy tồn tại ñến bao giờ, mà đức Phật ñã quy kết vào những ñiều sau ñây: - Nếu con người còn kính tin Tam Bảo - Nếu con người còn tôn kính cha mẹ - Nếu con người còn hòa hảo với anh chị em - Nếu con người còn có tâm thương xót chúng sanh thì lúc ấy quả ñất nầy vẫn còn tồn tại. Bằng ngược lại, thì tuổi thọ của quả ñất nầy sẽ mau giảm và lúc ấy sự hủy diệt con người cũng như muôn vật ñang sinh sống trên hành tinh nầy sẽ có cơ nguy. Tuy nhiên mất rồi còn; còn rồi mất. đó là ñịnh luật thiên thu của vũ trụ nầy. Thật sự ra thì pháp không mạt, chỉ do con người làm cho pháp không phát triển mà thôi. Thời chánh pháp, tượng pháp và mạt pháp vẫn nội dung của giáo lý ấy, không có gì thay ñổi; nhưng có thời có người tu chứng và có thời con người tu không chứng. Ấy là do con người, chứ không phải do pháp. Do vậy cho nên tùy theo từng thời gian và hoàn cảnh khác nhau của mỗi một thời mà các vị Tổ Sư ra ñời ñể dẫn dắt quần sanh ñi về nẻo thiện. Có như thế Phật Pháp mới mãi mãi ñược truyền lưu. Qua lịch sử mấy ngàn năm ñã chứng minh ñược ñiều ấy. đã có biết bao nhiêu triều ñại vẻ vang cũng ñã bước ngang qua lịch sử. đâu có triều ñại nào vững chãi mãi mãi với năm tháng trên ngai vàng? và hung ác, tàn bạo, trù dập Phật Giáo v.v... rồi các triều ñại ấy cũng ñâu có luôn vững bền với nhân tâm và thế ñạo. Chỉ có đạo giáo mới là con ñường ñạo ñức chính thống ñể mọi người

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 159

có thể nương theo; nhằm củng cố ñời sống tâm linh của mình. Từ ñó vựt dậy một niềm tin và ñứng vững một thời với ñất trời và vạn vật; rồi lại biến ñổi thăng hoa, rồi lại trầm luân khốn khổ; nhưng dầu cho bất cứ thời ñiểm nào, Phật Giáo vẫn có ñược những bậc Thiền gia Thạch Trụ, làm chỗ tựa vững chắc cho người Phật Tử nương tựa. Từ ñó, Phật Giáo ñược mọi tầng lớp của thế gian nầy chấp nhận một cách dễ dàng như hơi thở của con người một cách tự nhiên hay như khí trời cùng vạn vật.

160 Tịnh độ Tông của Trung Hoa

C.- Ngài Thiện đạo và Tư Tưởng Tịnh độ

Ngài Thiện đạo sinh năm 613 và viên tịch năm 681, là Cao Tăng Trung Quốc, sống vào ñời nhà đường, người huyện Lâm Chung, tỉnh Sơn đông (có thuyết nói người ở Hu Di, tỉnh An Huy), họ Chu, hiệu Chung Nam đại Sư. Sư là Tổ thứ 3 của Tông Tịnh độ; cũng chính là người tập ñại thành phái đàm Loan, đạo Xước thuộc Tông Tịnh độ. Lúc tuổi nhỏ, Sư theo Ngài Minh Thắng ở Mật Châu xuất gia, tụng các kinh Pháp Hoa, Duy Ma... Sau Sư ñược ñọc kinh Quán Vô Lượng Thọ, vui buồn lẫn lộn; Sư liền tu tập 16 pháp

quán nói trong kinh nầy. Năm Trinh Quán thứ 15 (641) ñời vua Thái Tông nhà đường, Sư ñến chùa Huyền Trang ở Hà Tây yết kiến Ngài đạo Xước, tu học Phương đẳng sám pháp và nghe giảng kinh Quán Vô Lượng Thọ. Từ ñó về sau, Sư chuyên việc niệm Phật, dốc lòng tinh tấn, khổ hạnh, chứng ñược Niệm Phật Tam Muội; ở trong ñịnh thấy ñược cảnh trang nghiêm của Tịnh độ. Về sau, Sư vào Trường An trụ ở chùa Quang Minh, truyền bá pháp môn Tịnh độ. Sư hành trì tinh nghiêm, hằng ngày chắp tay ngồi theo kiểu của người Hồ (người các nước Tây Vực), nhất tâm niệm Phật ñến khi mỏi mệt mới thôi.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 161

Trong hơn 30 năm, Sư không có chỗ ngủ nhất ñịnh nào khác, không nhận sự lễ bái của Sa Di. Sư dùng của cúng dường vào việc viết chép 10 vạn quyển kinh A Di đà và vẽ 300 bức tranh Tịnh độ biến tướng, sửa chùa, làm lại các tháp miếu, già lam ñã hư hoại. Sư ñi hóa ñộ ở các châu, mọi người ñều ngưỡng mộ ñức của Sư; hoặc có người tụng kinh A Di đà 10 vạn ñến 30 vạn biến; hoặc có người trong thời khóa hàng ngày xưng danh hiệu Phật A Di đà từ 1 vạn ñến 10 vạn biến; hoặc có người chứng ñược Niệm Phật Tam Muội và vãng sanh Tịnh độ. Ngày 14 tháng 3 năm Vĩnh Long thứ 2 (681) Sư thị tịch, thọ 69 tuổi; đệ tử có các vị Hoài Cảm, Hoài Huy, Tịnh Nghiệp... Sư có các tác phẩm: Quán Vô Lượng Thọ Phật kinh sớ 4 quyển; Tịnh độ pháp sự tán 2 quyển; Quán Niệm Pháp Môn 1 quyển; Vãng Sanh lễ tán kệ 1 quyển; Bát Chu tán 1 quyển; Ngũ Chủng tăng thượng duyên nghĩa 1 quyển. (Trích Phật Quang đại Từ điển trang 5826-5827). (Xem Tục Cao Tăng truyện quyển 27; Vãng Sanh Tịnh độ thụy ý san truyện; Niệm Phật kinh; Phật Tổ thắng ký quyển 26, 27; Tịnh độ Vãng Sanh truyện quyển trung; Long Thư tăng quảng Tịnh độ văn quyển 5; Lạc Bang văn loại quyển 2; Thần tăng truyện quyển 5; Vãng Sanh tập quyển thượng; Thích Thi kệ cổ lược quyển 3; Tịnh độ Thánh Hiền lục quyển 2; Loại tụ Tịnh độ Ngũ Tổ truyện; Kim Thạch tụng biên 73, 86). Thời nhà đường là thời văn hóa Phật Giáo ñược phát triển mạnh. Các loại kinh ñiển ñược phiên dịch chú giải ra tiếng Trung Hoa rất nhiều; nhất là cuộc ñời của Ngài Thiện đạo lại sinh ra cùng thời với Ngài Huyền

162 Tịnh độ Tông của Trung Hoa

Trang. Sau khi Ngài Huyền Trang ñi thỉnh kinh về (645) và chú dịch tại Trường An, Ngài Thiện đạo vẫn còn tại thế và ñang hành trì Pháp môn niệm Phật; bằng cách mỗi ngày niệm Phật nhiều lần cũng như viết kinh, dịch sách. Kinh A Di đà không dài; tuy nhiên chép tay 10 vạn quyển (tức là 100.000 bản) thời ấy phải cần rất nhiều thời gian. Vì ngày ấy không có máy in, ấn, sang chụp như ngày nay. Như vậy so ra ý chí của người xưa và người nay khác nhau một trời một vực. Trong Tiểu Sử của Ngài cũng ñược cho biết rằng: Nếu Ngài có ñược của cúng dường thì thường ñem ñi sửa chùa, vẽ tranh, chép kinh ñể tán phát cho mọi người theo tu pháp môn Tịnh độ. đồng thời trong 30 năm hành ñạo không có chỗ nghỉ ngơi nhất ñịnh và không nhận sự lễ bái của Sa Di. Quả là một công hạnh cao tột; do vậy sau nầy Tịnh độ Tông Nhật Bản mới sắp ñặt và cung thỉnh Ngài ở vào vị Tổ Sư Tịnh độ thứ 5 (kể từ Ấn độ) và ñặc biệt chuyên tâm hành trì lễ bái lời nguyện thứ 18 của đức Phật A Di đà. Sau nầy, vào thế kỷ thứ 13 ở tại

Nhật và ngay cả ngày nay tại Việt Nam, ña phần những người tu theo Pháp môn Tịnh độ ñều thực hành các lời nguyện quan trọng 18, 19, 20 nầy. Tư tưởng là những gì ñược cấu thành bởi sự hành trì tu tập một pháp môn mà mình ñã trải qua. Do vậy những trứ tác tiêu biểu của một vị Tổ Sư, một vị đại Sư chính là tư tưởng tiêu biểu của vị ấy. Sau ñây chúng ta thử tìm hiểu một vài tác phẩm của Ngài Thiện đạo viết về Tịnh độ. “Vãng sanh lễ tán kệ gọi cho ñủ là Khuyến nhứt thiết chúng sanh nguyện sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di đà Phật quốc lục thời lễ tán kệ”.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 163

Cũng gọi là: Lục thời lễ tán kệ, Vãng sanh lễ tán, Lễ tán. Tác phẩm nầy gồm một quyển, do Ngài Thiện đạo soạn vào ñời đường, ñược thu vào đại Chánh tạng tập 47. Soạn giả dùng kệ lễ tán của các Ngài Long Thọ, Thế Thân làm nền tảng mà ñịnh ra pháp 6 thời lễ tán, tức vào 6 thời: Lúc mặt trời lặn, ñầu hôm, nửa ñêm, cuối ñêm, sáng sớm và giữa trưa... thực hành lễ tán khác nhau. Như vào lúc nửa ñêm tụng bài kệ 12 lễ, thực hành 16 lạc của Ngài Long Thọ; vào lúc cuối ñêm thì tụng kệ Vãng Sanh luận thực hành 21 lạy của Ngài Thế Thân. đây là pháp tu của hành giả niệm Phật”. (Trích Phật Quang đại Từ điển trang 7055). (Xem Khai nguyên thích giáo lục quyển 13) Trú dạ lục thời. Nghĩa là ngày ñêm 6 thời, lúc nào cũng có lễ tán, tụng niệm,, sám lạy v.v... đây là sáng kiến của Ngài Thiện đạo thuộc ñời nhà đường vào thế kỷ thứ 7. Mãi cho ñến 700 năm sau tại Việt Nam cũng có một vị Vua bỏ ngôi ñi xuất gia lấy hiệu là điều Ngự Giác Hoàng (Vua Trần Nhân Tông) vào ñầu thế kỷ thứ 14 cũng ñã lập nên Kinh lục thời khóa tụng như Ngài Thiện đạo bên Trung Quốc; nhưng lục thời khóa tụng của Vua Trần Nhân Tông Việt Nam chuyên về Thiền học; còn lục thời khóa tụng của Ngài Thiện đạo của Trung Hoa chuyên thực hành Pháp môn niệm Phật. Tiếp ñến chúng ta có thể nghiên cứu về tư tưởng của Ngài Thiện đạo qua tác phẩm “Ngũ chủng tăng thượng duyên”. Cũng gọi là ngũ tăng thượng duyên, ngũ duyên.

164 Tịnh độ Tông của Trung Hoa

Năm thứ duyên tăng thượng của người niệm Phật cầu vãng sanh gồm: 1. Diệt tội tăng thượng duyên, cũng gọi là hiện sinh diệt tội tăng thượng duyên. Niệm danh hiệu đức Phật A Di đà làm duyên tăng thượng ñể tiêu trừ tất cả các nghiệp chướng. 2. Hộ niệm ñắc trường mệnh tăng thượng duyên; cũng gọi là hộ niệm tăng thượng duyên. Hiện sinh hộ niệm tăng thượng duyên. Tức ñược đức Phật A Di đà, Bồ Tát Quan Thế Âm và Bồ Tát đại Thế Chí giữ gìn, che chở. 3. Kiến Phật tăng thượng duyên, cũng gọi là kiến Phật tam muội tăng thượng duyên. Hành giả niệm Phật, nhờ sức bản nguyện của đức Phật A Di đà mà ñược thấy Phật. 4. Nhiếp sinh tăng thượng duyên: chúng sinh nhờ nguyện lực của Phật A Di đà mà ñược vãng sanh. 5. Chứng sanh tăng thượng duyên: Người niệm Phật, nhờ nguyện lực của Phật, sau khi mệnh chung nhất ñịnh ñược vãng sanh. (Trích Phật Quang đại Từ điển trang 3373). (Xem Quán niệm Pháp Môn; Quán niệm Pháp môn tư ký quyển hạ; Luận Thích Tịnh độ quần nghi quyển 7; Quán kinh Huyền nghĩa phần truyền thông ký quyển 3). Theo như 5 loại tăng thượng duyên trên, loại nào cũng quan trọng cả. Vì ñây chính là những trợ lực thuộc về tha lực của đức Phật A Di đà ñể chúng sanh niệm Phật, sau khi lâm chung sẽ ñược tiếp dẫn về Tây

quan trọng hơn cả. Vì lẽ sự vãng sanh của chúng sanh có ñược là nhờ vào bản nguyện của đức Phật A Di đà chứ không phải là tự lực của chúng sanh niệm mà ñược vãng sanh. Bản nguyện tiếng đức gọi là Ursprüngliches Gelobnis. Nghĩa là lời thệ nguyện căn bản, gốc rễ. Chính từ ñó phát sinh ra tha lực ñể giúp ñỡ cho các chúng sanh ở mười phương vô biên thế giới siêu sanh về ñược Lạc Bang. Do lý do nầy mà tư tưởng của Ngài Thân Loan khác với Ngài Pháp Nhiên vốn là Sư phụ của mình; nhưng Ngài Thân Loan thì hoàn toàn giống với Ngài Thiện đạo. Một người sinh ra ở Nhật Bản vào thế kỷ thứ 13, chưa biết Trung Quốc là gì; nhưng tư tưởng của Ngài Thiện đạo cách hơn 600 năm sau ñã có người truyền thừa một cách trực tiếp và vững vàng tại Nhật Bản; không những chỉ có từ thế kỷ thứ 13 ấy, mà mãi cho ñến tận ngày nay, cho những ai thực hành theo Pháp Môn Tịnh độ nầy. Lịch sử Phật Giáo Trung Quốc là một lịch sử có thật; ít thêu dệt. Thỉnh thoảng vẫn có những câu chuyện thần thoại về một vị Tổ nào ñó. Ví dụ như Ngài Bồ đề đạt Ma chẳng hạn; khi ñến và khi ñi ñều không ñể lại dấu tích, hoặc như Ngài Long Thọ (Ấn độ) xuống Long Cung; Ngài Liên Hoa Sanh (Tây Tạng, Bhutan) bay từ Ấn độ qua truyền giáo. Hoặc giả như Ngài Nhật Liên (Nhật Bản) hay Ngài Không Lộ (Việt Nam) v.v... Tất cả ñều muốn nhân cách hóa lên nhiều lần hơn ñể trở thành những việc làm thánh thiện hơn người thường. Có như vậy Phật Pháp mới linh thiêng. Có thể ñiều ấy hợp với thị hiếu của những người bình dân ít học; nhưng ñối với những người có nghiên cứu thì họ rất dè dặt với những sự kiện như vậy.

166 Tịnh độ Tông của Trung Hoa

Nếu kể từ thời Vua Hán Minh đế thời Hậu Hán vào năm 68 sau Tây lịch, kinh Tứ Thập Nhị Chương ñã ñược dịch ra tiếng Trung Hoa và ñến thời Ngài Huệ Viễn (334- 416) là gần 400 năm; theo sử Trung Hoa thì Tịnh độ Tông ñã chính thức ñược thành lập. Nếu tính theo Phật Giáo Tịnh độ Nhật Bản và các nhà nghiên cứu phương Tây (Christian Steineck) thì cho rằng Tịnh độ Tông Nhật Bản bắt ñầu ở Trung Hoa từ thời Ngài đàm Loan (476 - ?). Ngài đàm Loan có thể thị tịch vào năm 554. đó mới chỉ là nghi vấn; chứ chưa có những xác tín ñáng tin cậy. Nhưng nếu chỉ tính từ năm 48 ñến năm 500 sau Tây lịch, dẫu cho Tông Tịnh độ ở Trung Hoa vị nào là đệ nhất Tổ ñi nữa thì Tông nầy vẫn chưa ñược dân chúng và triều ñình Trung Hoa biết ñến trước tiên và rõ ràng hơn cả Thiền Tông tại ñó nữa. Vì lẽ Thiền Tông tại Trung Quốc chính thức do Ngài Bồ đề đạt Ma từ Ấn độ truyền sang năm 520 ñời vua Lương Võ đế (464-549). đạt Ma Tổ Sư là vị Tổ thứ 28 của Thiền Tông Ấn độ và là Sơ Tổ của Thiền Tông Trung Hoa. Như vậy Thiền Tông ñược chính thức có mặt tại Trung Hoa vẫn sau Tịnh độ 20 năm (nếu kể từ thời Ngài đàm Loan) và sau 120 năm (sau Ngài Huệ Viễn). Từ giữa thế kỷ thứ nhất ñến cuối thế kỷ thứ 5 các nhà Sư Trung Hoa ñang tiếp cận một nền Phật Giáo sơ khai do các vị Tăng từ Ấn độ sang truyền giáo tại ñây như các Ngài: Ca Diếp Ma đằng, Trúc Pháp Lan không rõ năm sinh và năm mất; nhưng các Ngài ñã ñến Kinh ñô Lạc Dương từ giữa thế kỷ thứ nhất sau Tây lịch. Rồi Ngài An Thế Cao (148-170 ?) – Ngài cũng là người ñầu tiên mang Thiền Quán vào Trung Quốc; nhưng không có sự truyền

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 167

thừa. Tiếp ñến là Ngài Cưu Ma La Thập (344-413). Các Ngài là những vị đại Luận Sư, đại Học giả, đại Dịch giả, đại Hành giả v.v... Hầu như là người ngoại quốc ñến Trung Hoa; ñầu tiên các Ngài phải học chữ Hán từ cách viết cho ñến cách nói ñể xử dụng trao ñổi hằng ngày, sau ñó mới ñem những bản kinh nguyên văn bằng chữ Phạn dịch sang tiếng Trung Quốc. Từ ñó mới có người Trung Quốc tu học theo. đây là thời kỳ ñầu, Phật Giáo chưa bắt rễ tại ñây; có lẽ vì vậy mà các Ngài chưa vội gì tạo ra tông phái. đến khi Phật Giáo phát triển mạnh sau thời nhà Lương ñến thời nhà đường thì các Tông Phái mới phân chia rõ ràng. Ở ñây chúng tôi muốn làm sáng tỏ vấn ñề là lâu nay nhiều người tu thiền chấp vào cách truyền thừa liên tục, cho rằng Thiền Tông mới có tính cách nhất quán; còn Tịnh độ thì không có ñầu ñuôi và không có sự truyền thừa rõ rệt. Xem qua lịch sử truyền thừa của Tịnh độ Tông Trung Hoa và Nhật Bản bên trên quá rõ nét, ñể cho Phật Tử Việt Nam chúng ta cũng sẽ hãnh diện lây là việc truyền thừa Tịnh độ ñến Việt Nam qua kinh ñiển và sử liệu cũng sẽ minh bạch rõ ràng, ñể người ñời sau khi học Phật có nơi y cứ vào ñó mà phát triển. Dầu là Hoa Nghiêm, Pháp Tướng, Pháp Hoa, Chân Ngôn, Thiền hay Tịnh độ v.v... tất cả chúng ta chỉ có chung một cái gốc. đó là cái gốc căn bản của sự giác ngộ và giải thoát sanh tử luân hồi. Còn sự lập Tông, chia Phái... chỉ là phương pháp của các vị Tổ Sư muốn giúp cho những hành giả thuận theo pháp môn nào thì hành trì theo pháp môn ñó, ñể ñược lợi mình, lợi người; chứ không phải chỗ cao thấp trong giáo lý. Ví như có người bảo rằng: Thiền dành ñể cho những người căn cơ cao;

168 Tịnh độ Tông của Trung Hoa

còn Tịnh độ ñể cho ñàn bà, con trẻ và những người có căn cơ yếu kém. điều ấy hẳn sai. Vì trong kinh A Di đà, đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói rằng: “Cõi Tịnh độ không phải ñể cho người ít có căn lành ñược sanh về ñó”. Vậy cao hay thấp, ñúng hay sai, chánh hay tà là do con người; chứ không phải do ở nơi pháp. Chúng tôi chỉ muốn dùng hình thức nghiên cứu nầy ñể chứng minh rõ ràng về lai lịch cũng như cách truyền thừa của Tịnh độ Tông ñể người ñời sau ñỡ mặc cảm và bỡ ngỡ rằng: Tông phái mình theo không có lai lịch, xuất xứ và không có những sự truyền thừa rõ ràng. Một câu Phật hiệu “Nam Mô A Di đà Phật” nó không chỉ ñơn thuần trong 6 chữ Hồng Danh, mà câu ấy là một câu Thần Chú ñể trợ duyên cho hằng hà sa số chúng sanh ở cõi phàm tục nầy ñược siêu sanh về cõi Tịnh độ qua bổn nguyện của đức Từ Phụ A Di đà. Mỗi vị Bồ Tát, mỗi một vị Phật xuất hiện nơi ñời nầy ñều có những lời đại nguyện khác nhau. Ví dụ như đức Phật A Di đà khi còn là vị Tỳ Kheo Pháp Tạng ñã phát ra 48 lời đại nguyện; đức Phổ Hiền Bồ Tát có 10 đại nguyện; đức Phật Dược Sư có 12 lời nguyện; đức Quán Thế Âm Bồ Tát cũng có 12 lời nguyện và 32 hóa thân. Ngoài ra đức địa Tạng Bồ Tát, Ngài Di Lặc v.v... tất cả các Ngài ñều vì sự giải thoát sanh tử của chúng sanh mà vào ñời ác ngũ trước nầy ñể lập nguyện cứu khổ quần mê, quay về bờ giác.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 169

IV.- TỊNH ĐỘ TÔNG NHẬT BẢN

Trung Hoa là một lục ñịa lớn và ngày xưa gọi là Trung Quốc. Người Trung Hoa hay tự hào về nền văn hóa 5.000 năm của họ; nên thường hay cho các dân tộc lân bang là rợ Hồ hay Hung Nô. Ý ñể ám chỉ cho những dân tộc thua kém mình. Vì thế chữ Trung Quốc cũng có nghĩa là nước ở giữa; nước trung tâm; nước nằm lên trên những nước khác v.v... Ý nghĩ ấy dường như ñến thế kỷ thứ 21 nầy người Trung Hoa vẫn còn dùng ñến. Vì những nước có ñịa lý nằm sát với Trung Quốc như Việt Nam, đại Hàn và Nhật Bản; nên có một sự giao thương, một sự liên ñới cận kề bắt buộc phải trao ñổi ñể tự tồn; nếu không sẽ bị cô lập hoặc bị chiếm làm thuộc ñịa như Việt Nam (3 lần Bắc thuộc) và bị xâm chiếm thời Mông Cổ ở thế kỷ thứ 13 (như đại Hàn, Nhật Bản, Việt Nam). Riêng các dân tộc khác cũng nằm gần biên giới Trung Hoa như: Lào, Ấn độ, Pakistan, Mông Cổ, Tây Tạng, Nga Sô v.v... nhưng những quốc gia nầy nhờ dãy núi Hy Mã Lạp Sơn ngăn cách cũng như thuộc nền văn hóa khác; cho nên người Trung Hoa thời xưa không dễ dàng gì vượt qua núi rừng, ñèo ải ñể chiếm những nước nầy làm thuộc ñịa. đây có thể là cái vinh dự của những dân tộc kia chăng?

170 Tịnh độ Tông Nhật Bản

Riêng Việt Nam, đại Hàn, Nhật Bản mãi cho ñến thế kỷ thứ 20, 21; nhưng chữ Hán vẫn là ngôn ngữ thường dùng trong các chùa tại các nước trên. Tuy tiếng đại Hàn; tiếng Nhật ñã có cách riêng phát âm và cách viết theo văn tự của mình; nhưng chữ Hán vẫn còn giữ phần quan trọng trong 50% cách viết và cách nói. Việt Nam cho ñến thế kỷ thứ 17 ñã dùng chữ La Mã thay thế hoặc phiên âm chữ Hán ñể ñọc; nhưng mãi cho ñến ñầu thế kỷ thứ 20, triều ñình nhà Nguyễn; vẫn còn dùng Hán văn ñể ra ñề thi cho các thí sinh thi Hương (Tú Tài) và thi Hội (Cử Nhân) và thi đình (Tiến Sĩ). Việc học ngoại ngữ ngày nay, vào thế kỷ thứ 21 nầy ở từng quốc gia trên 5 châu lục là chuyện bình thường. Lý do duy nhất là ñể ngoại giao, tìm hiểu, nghiên cứu. Còn ở những thế kỷ trước, chủ nghĩa thực dân của những nước lớn ñi xâm chiếm các nước nhỏ ñể làm thuộc ñịa lại có ý nghĩa khác. đầu tiên họ muốn khai hóa dân tộc ấy, phải cho dân tộc bị trị kia học ngôn ngữ tiếng “mẫu quốc” của họ trước. Ví dụ như thuộc ñịa của Trung Hoa thì cho học chữ Hán; thuộc ñịa của Pháp cho học tiếng Pháp; thuộc ñịa của Anh cho học tiếng Anh; thuộc ñịa của Hòa Lan cho học tiếng Hòa Lan v.v... Chữ thực dân viết bằng chữ Hán có nghĩa là một dân tộc bị xâm lược. Chữ thực nầy gồm 2 bộ. đó là bộ mộc và bộ trực. Bộ mộc có nghĩa là cây, mà ñã là cây thì phải có rễ, rễ ấy mọc thẳng vào ñất; nên trở thành chữ thực. Vậy, những nước lớn ñi chiếm những nước nhỏ ñều có những ý ñồ mong cho cấy ñược rễ ngôn ngữ và văn hóa vào ñó thì họ mới cai trị ñược. đây là một cái ách bị

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 171

khống chế trong bao ñời mà nhiều dân tộc trên thế giới ñã bị trải qua. Riêng Nhật Bản là một quốc gia ñảo quốc gồm 4 ñảo lớn và vô số ñảo nhỏ sắp dài từ Bắc chí Nam là: Bắc Hải đạo (Hokkaido); Bổn Châu (Kyushu). Viết bằng chữ Hán; nhưng phát âm theo lối Nhật. điều ấy cũng dễ hiểu. Vì viết và nói cho người Nhật nghe; chứ không phải cho người Trung Quốc nghe. Việt Nam chúng ta có chữ Nôm và Hán Việt; đại Hàn có chữ Hán Hàn và chữ đại Hàn. đây là sự nỗ lực của các dân tộc bị nền văn hóa Hán tộc chi

phối; nhưng họ ñã vươn lên ñể thoát ra sự bị trị và tạo thế ñứng cho dân tộc của mình. Người Nhật Bản trong thời gian ðệ nhất và ðệ nhị thế chiến (1914-1918) và (1939-1945) họ ñã chiếm ðài Loan và ðại Hàn làm thuộc ñịa; nên những nhà viết sử Nhật Bản ña phần né tránh ít hoặc không ñề cập ñến ðại Hàn, vốn là nơi Phật Giáo ñã trực tiếp truyền vào Nhật Bản. Sau nầy vào ñời nhà ðường mới có những nhà Sư Trung Hoa trực tiếp sang Nhật Bản truyền giáo như Ngài Giám Chân Hòa Thượng (Kanlin) và vào thế kỷ thứ 13 cũng có một số chư Tăng Nhật Bản sang Trung Quốc du học như Ngài ðạo Nguyên (Dogen); nhưng thuở ban ñầu sự giao thương giữa ðại Hàn và Nhật Bản bằng ñường biển qua các thương thuyền và Phật Giáo ñã ñược truyền vào ñây từ thế kỷ thứ 4, thứ 5; ñể ñến thế kỷ thứ 6 là một thế kỷ thật ñặc biệt. Vì Phật Giáo ñược chính nhà Vua, là Thánh ðức Thái Tử (Sotoku Taisi) chủ trương mang Phật Giáo vào nhân gian và mỗi ngày trước khi lâm triều, nhà Vua ñều hướng về xứ Ấn ðộ ñể lễ bái chư Phật và các vị Tổ Sư Truyền Thừa.

172 Tịnh ðộ Tông Nhật Bản

Nara (Nại Lương) là kinh ñô cũ của Thánh ðức Thái Tử trị vì. Sau ñó mới dời về Kyoto (Kinh ðô) và ñến thời Minh Trị Thiên Hoàng (Meiji Tenno) vào năm 1868 Thủ ðô ñã ñược dời về Tokyo (ðông Kinh) cho ñến ngày hôm nay. Khi Phật Giáo ñược du nhập vào nước Nhật, bất kể là từ Trung Hoa, ðại Hàn hay Ấn ðộ, là Phật Giáo của người Nhật, chứ không còn nguyên chất là Phật Giáo của các xứ ñược truyền ñến nữa. Ví dụ như khi người ta nghe Chado (Trà ðạo); Kendo (Kiếm ðạo); Judo (Nhu ðạo); Karate (Không Thủ); Ikebana (Trì hoa); Shodo (Thơ ðạo); Zen (Thiền) v.v... người ta hiểu ngay là của người Nhật; mặc dầu tất cả những ngành nghề, nghệ thuật ấy ñều từ Trung Quốc ñược truyền sang. Bất kể là do các vị Sư ðại Hàn, Trung Quốc mang ñến hay chính họ sang Trung Hoa, ðại Hàn ñể học tập, tu niệm và sau ñó mang về lại quê hương của họ; nó ña biến thái một cách tài tình, thích nghi với nền văn hóa tại ñây, ñể người dân cùng an hưởng thọ nhận, vui ñạo mà tu, ñể ñược lợi lạc cho mình và cho người. Ví dụ như nhìn thấy kiến trúc tự viện của Nhật Bản thì chúng ta biết ngay không phải là của ðại Hàn hay của Trung Quốc. Vì lẽ kiến trúc của Nhật ít màu sắc hơn Trung Quốc và thanh nhã hơn ðại Hàn. Nhìn mái cong bằng ñồng của một ngôi chùa Nhật Bản, bất cứ thuộc Tông Phái nào, chúng ta sẽ liên tưởng ngay ñến sự ñộc lập dân tộc, cao vút lên tận hư không. Các chéo góc vươn cao như những cánh Phượng hoàng tung bay vào gió nhẹ, giống như tinh thần Võ Sĩ ðạo của quốc gia nầy, mà ñiều ấy ngay cả quê hương gốc của nó xuất phát từ

Tư Tưởng Tịnh ðộ Tông 173

Trung Hoa vẫn không ñào ra ñược tinh thần dân tộc cao cả như vậy. Nhật Bản là xứ ñộng ñất quanh năm; nên chùa chiền ñược xây dựng bằng những loại gỗ quý ñặc biệt, không giống như cách xây dựng của Trung Quốc và Việt Nam. Bây giờ nếu có ai ñó ñến chùa Pháp Long (Horyu) hay chùa ñông ðại (Todaiji) tại Nara (Nại Lương) thì sẽ vô cùng kinh ngạc. Vì không hiểu rằng ngày xưa người ta chưa phát triển về kiến trúc, tại sao họ ña xây dựng ñược những ngôi chùa vĩ ñại như vậy? ðến ñây ñể chỉ cúi ñầu thán phục cho ý chí và tâm nguyện của người xưa; ngoài ra không thể phẩm bình gì khác

hơn nữa. Những ngôi tháp bằng gỗ xây 3 từng, 5 từng, 7 từng hay 9 từng v.v... cũng là cách kiến trúc rất ñặc biệt. Nó không là những Stupa của Ấn độ; không giống những đại Tháp của Trung Hoa hay những Phù đồ của Việt Nam. Tất cả ñều làm bằng gỗ; lớp nầy chồng lên lớp khác; mối nầy ăn khớp với mối kia và hầu như không có một cây ñinh nào ñược xử dụng vào ñó cả. Rồi những tượng Phật bằng gỗ hay bằng ñồng ñược ñiêu khắc và chạm trổ cách hơn 1.500 năm về trước vẫn còn tồn tại cho ñến ngày nay. Quả là những tuyệt tác nghệ thuật của Phật Giáo tại quê hương xứ mặt trời nầy vậy. Trước khi ñi vào Tịnh độ Tông của Nhật Bản chúng ta nên tìm hiểu về cuộc ñời và tư tưởng của Thánh đức Thái Tử, ñể từ ñó, chúng ta có một cái nhìn tổng quát và khách quan hơn về Phật Giáo tại ñảo quốc nầy. “Thánh đức Thái Tử - Sotoku Taishi (572-621). Cũng gọi là Cứu độ Hoàng Tử, Phong Thông Nhĩ Mệnh, Thượng Cung Thái Tử, Thánh Vương.

174 Tịnh độ Tông Nhật Bản

Vị Hoàng Tử thứ hai của Thiên Hoàng Dụng Minh, Nhật Bản. Ông bẩm sinh thông minh, là nhiếp chính của Thiên Hoàng Suy Cổ. Ngoài Nho học, Phật học, ông còn thông suốt cả Lịch học, thiên văn, ñịa lý... Ông từng phái học sinh ñến du học tại Trung Quốc vào thời Tùy, tận lực du nhập văn hóa Trung Quốc vào Nhật Bản. Ông ñặt ra 12 bậc quan (603) và 17 ñiều Hiến Pháp (604) làm nồng cốt cho nền nhân chính ở Nhật Bản. điều thứ 2 trong Hiến Pháp nầy quy ñịnh lòng tin chân thành ñối với Tam Bảo. Bình sinh, ông tin thờ Phật Pháp, tận lực phát huy tinh thần đại Thừa. Ông thường giảng 3 bộ kinh Pháp Hoa, Duy Ma và Thắng Man, kiến lập các viện Bi điền, Kính điền, phát triển sự nghiệp cứu tế toàn dân. Ông xây dựng 4 ngôi chùa lớn là chùa Tứ Thiên Vương, chùa Pháp Long, chùa Quảng Long và chùa Pháp Hưng, ñặt vững nền tảng cho sự truyền bá Phật Giáo tại Nhật Bản ñể ñiều hòa văn hóa Trung Quốc và văn hóa Nhật Bản. Ông mất năm 612 (có thuyết nói 622), hưởng dương 49 tuổi, ñược an táng tại Ki Trường, đại Phản (Osaka), Nhật Bản. Truyện ký của ông ñược ghi trong “Thượng Cung Thánh đức Pháp Vương đế Thuyết” và trong “Nhật Bản thư kỷ”. Vào thời Bình An (Heian) và Liêm Thương (Kamakura) rất thịnh hành truyện tranh về Thái Tử Thánh đức. Trong dân gian và các chùa miếu cũng phổ biến việc thờ chân dung hoặc tượng khác của Thái Tử”. (Trích Phật Quang đại Từ điển trang 5291). Xem Thánh đức Thái Tử truyện lịch quyển hạ, Nhật Bản thư kỷ quyển 21; Nguyên hanh thích thư). Qua Tiểu Sử ñơn giản của Thánh đức Thái Tử như trên, chúng ta thấy ñược những ñiểm chính như sau:

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 175

Ông là một vị Vua, một Phật Tử; không phải là một Tăng sĩ; nhưng ñã có công giúp cho Phật Giáo ñương thời ñược hưng thịnh qua việc giảng kinh, xây chùa và lấy giáo lý Phật Giáo san ñịnh thành Hiến Pháp ñể cai trị nhân dân, trong ñó ñiều thứ 2 của Hiến Pháp 17 ñiều gần giống như là những biểu ngôn ñược khắc trên các trụ ñá của Vua A Dục khi ông ta còn tại vị tại Ấn độ. đây là cái trí của một bậc minh chúa, muốn ñem cái hay cái ñẹp của đạo giáo ứng dụng vào lòng người. Có như vậy dân mới ñược an cư và lạc nghiệp. Từ ñó sự cai trị của ông càng dễ dàng hơn. Kinh Pháp Hoa vốn ñược xiển

dương mạnh mẽ tại Trung Hoa và Việt Nam, đại Hàn qua nhiều thời ñại khác nhau và ở Nhật kinh Pháp Hoa ñã ñược Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn (Nichiren Shonin) tạo thành một Tông Phái riêng biệt gọi là Nhật Liên Tông vào thế kỷ thứ 13; nhưng ở vào thế kỷ thứ 6; nghĩa là trước 700 năm Thánh đức Thái Tử ñã giảng kinh nầy tại chùa Horyu (Pháp Long) tại Nara rồi. Kế tiếp là giảng kinh Duy Ma Cật tượng trưng cho tinh thần Bồ Tát hiện thân qua một Cư sĩ nam và giảng kinh Thắng Man hiện thân qua một Cư sĩ nữ. Tất cả xuất gia và tại gia ñều hòa quyện lại với nhau ñể hộ trì và phát triển Phật Pháp. điều ñặc biệt khác là nhà Vua ñã ñiều hòa văn hóa Trung Quốc và văn hóa Nhật Bản ñể người Nhật Bản tiêu thụ nền văn hóa Khổng Mạnh nầy chứ không phải bị ñồng hóa như tại Việt Nam - thuở ấy là bị Bắc thuộc lần thứ 2 (năm 44 trước Tây lịch ñến năn 938 sau Tây lịch). đây là tấm gương sáng cho Vua Minh Trị sau nầy. Ông Thiên Hoàng nầy duy tân cải cách ñất nước của ông vào năm 1868 theo lối học thuật của Tây phương; nhưng

hoàn toàn không bị văn hóa Tây phương áp ñảo. Trong khi ñó Việt Nam cũng vào năm nầy những tiếng ñại bác của người Pháp ñã nã vào đà Nẵng và bắt buộc triều ñình nhà Nguyễn lúc ấy phải ký kết những hiệp ñịnh ñầu hàng ñể trở thành thuộc ñịa của Pháp cho ñến năm 1945. Ông cho những người dân học giỏi sang Anh quốc học về thương mại, qua Pháp học về ngoại giao, qua đức học về giáo dục v.v... Sau khi tốt nghiệp các trường tại các xứ Tây phương nầy, Vua Minh Trị ñón họ về nước ñể phục vụ cho quê hương Nhật Bản và kể từ ñó họ ñã ñứng ngang hàng với những cường quốc như Hoa Kỳ, Nga Sô, đức quốc vào những năm tháng ở cuối thế kỷ thứ 20, ñầu thế kỷ thứ 21 nầy. Tại Trung Hoa, Phật Giáo ñã có chia Tông Phái tương ñối rõ ràng rồi; nhưng ở Nhật ñến thế kỷ thứ 13 mới là thế kỷ hoàn chỉnh nhất. Riêng về Phật Giáo tổng quan thì chúng ta có thể ñiểm qua thời kỳ ñầu ñến thời kỳ phân chia bộ phái tại Nhật (từ thế kỷ thứ 6 ñến thế kỷ thứ 13, ñể chúng ta có ñược một cái nhìn cụ thể hơn. “Todaiji – Chùa đông đại cũng gọi là Hoa Nghiêm tự, Hằng Thuyết Hoa Nghiêm tự,Thành đại tự, Tổng Quốc Phần tự, Kim Cang Minh Tứ Thiên Vương Hộ Quốc tự. Chùa nằm ở thành phố Nara (Nại Lương) Nhật Bản, là Tổng Bổn Sơn của Tông Hoa Nghiêm. Muốn thế giới Liên Hoa Tạng ñược thực hiện ngay ở cõi ñời nầy và muốn Phật Pháp ñược hưng thịnh, vào năm Thiên Bình thứ 10 (738) Thiên Hoàng Thánh Vũ ban lệnh kiến tạo chùa đông đại, ñúc tượng Phật Tỳ Lô Giá

Na bằng ñồng, ñược hoàn thành vào năm Thái Bình Thiên Bảo thứ 4 (752), là một trong bảy ngôi chùa lớn ở Nam đô. Năm Trị Thừa thứ 4 (1180) Chùa bị quân lính của Bình Trọng Hoành thiêu hủy trong chiến tranh. Về sau Ngài Tuấn Thừa kiến thiết lại với sự giúp ñỡ của Nguyên Lai Triều. Năm Vĩnh Lộc thứ 10 (1567) chùa lại bị binh hỏa Tam Hảo, Tùng Vĩnh ñốt cháy. đến thời ñại Nguyên Lộc (1688-1703) Ngài Công Khánh lại trùng tu; tức là ñiện đại Phật thờ tượng Bổn Tôn hiện nay. điện đại Phật là kiến trúc bằng gỗ lớn nhất thế giới, làm theo kiểu 2 tầng 4 mái và một dãy hành lang bao quanh. Những cánh sen trên tòa cao của đức Phật Bổn Tôn Lô Xá Na ñược làm vào thời kỳ sáng

lập chùa nầy, là thế giới Liên Hoa Tạng ñược chạm trổ rất nhỏ, bộ phận ñầu ñược tu bổ vào thời ñại Giang Hộ (Edo). Các cánh cửa của chiếc lồng ñèn bằng ñồng hình tám góc ở trước đại điện là nghệ thuật thuộc thời Thiên Bình, trên có những bức chạm nổi rất tinh vi. Cổng lớn ở hướng chính Nam của chùa là kiến trúc thuộc thời kỳ Liêm Thương (Kamakura), tiêu biểu cho kiểu kiến trúc Ấn độ. Tượng lực sĩ Kim Cương ở hai bên đại điện là kiệt tác bằng gỗ lớn nhất do Vận Khánh và Khoái Khánh chạm trổ. Tam Nguyệt đường (Pháp Hoa đường) ở chân núi phía đông ñiện đại Phật có niên hiệu xưa hơn chùa đông đại, gọi là chùa Kim Chung, Viện Quyên Sách. Nhìn từ ngoài thì Bổn đường (Chánh điện) của thời kỳ Thiên Bình và Lễ ñường thuộc thời ñại Liêm Thương hài hòa với nhau thành một thể. Tượng đức Bổn Tôn Nguyên Sách Quan Âm (bằng sơn khô), tượng Nhật Quang, Nguyệt Quang (tượng ñắp) và Tứ Thiên Vương,

ñều là những tượng ñược tạo vào thời Thiên Bình. Ngoài ra còn nhiều tượng Phật khác nữa. Phiá sau nhà bếp có thờ tượng Bí Phật chấp kim cương thần. Ở khoảng giữa nhị nguyệt ñường và Phật ñiện là Khai Sơn ñường (Lương Biện đường), lầu chuông, Tam Muội đường (Tứ Nguyệt đường) v.v... ñều là những kiến trúc nổi tiếng của thời ñại Liêm Thương. Viện giới ñàn ở phía Tây ñiện đại Phật là một trong ba giới ñàn. Tượng Tứ Thiên Vương (tượng ñắp) là tác phẩm tiêu biểu cho nghệ thuật ñiêu khắc của thời ñại Thiên Bình. Bát Cước môn ở góc Tây Bắc của Chuyển Hại Môn là kiến trúc ở thời Thiên Bình. Viện Chính Thương ở phía Bắc cũng nằm trong phạm vi của chùa đông đại. Về phương diện chạm trổ thì có 8 lá phướn hình vị Tăng, tượng Phật Thích Ca đản Sanh bằng ñồng; về chân dung thì có tranh của Lương Biện và Thừa Tuấn. Ngoài ra, Thư Viện chùa đông đại còn cất giữ nhiều thứ nhạc cụ, Câu Xa Mạn đồ La, 55 cuộn tranh về kinh Hoa Nghiêm, đông đại tự yếu lục 10, văn thư xưa, kinh chép tay thời cổ, v.v...". (Trích Phật Quang đại Từ điển trang 1818 - 1819). Cứ theo lịch sử chùa đông đại ở Nara như trên thì năm Thái Bình Thiên Bảo thứ 4 (752) là năm khánh thành chùa nầy. đặc biệt trong lễ khánh thành nầy nhà Vua cũng như Triều ñình ñã thỉnh Ngài Bồ đề Tiên Na (704-760) ñến Nara ñể làm lễ khai nhãn cúng dường. Như vậy cho ta thấy rằng Vua Chúa và chư Tăng Nhật Bản lúc bấy giờ rất trọng vọng vị nầy. Vì Ngài là người Ấn độ, ñã ñến Lâm Ấp (Việt Nam) và cùng với ñệ tử là Ngài Phật Triết (người Việt) cùng ñến Trung Quốc và sau ñó

ñến Nhật Bản. Trong lễ khánh thành nầy có tấu những vũ nhạc như Truyền Bồ Tát Vũ, Bạt đầu Vũ, Lâm Ấp Vũ v.v... những ñiệu múa nầy có liên quan ñến Phật Giáo Lâm Ấp (Việt Nam) thuở ấy và hiện nay mỗi năm chùa đông đại nhân lễ Vu Lan vẫn còn cho múa những ñiệu múa xưa ñược truyền qua từ Lâm Ấp và trong lịch sử chùa đông đại bên trên cũng cho ta thấy rằng hiện nay (2011) Chùa vẫn còn gìn giữ những thứ nhạc cụ cổ xưa. Vì lẽ ñây là chùa của Vua quan xây dựng và những lễ lớn như lễ khánh thành năm 752, chắc chắn phải có những Hoàng Hậu, Hoàng Phi, Công Chúa, Thái Tử ñi cùng. Ngoài việc dự lễ Khai Quang ra, những vị nầy còn ñược xem những vị Tăng từ xa mang ñến Nhật Bản những ñiệu vũ lạ mắt nữa và các Ngài ñã tập cho người Nhật

múa, ñể cho những người tham dự thưởng lãm. Sau ñây chúng ta tìm hiểu thêm về Ngài Bồ đề Tiên Na và Ngài Phật Triết cũng như vị trí nước Lâm Ấp ngày xưa cũng như sự ñóng góp của Phật Giáo Lâm Ấp (Việt Nam) cho Phật Giáo Nhật Bản từ thế kỷ thứ 8 ñến nay, trải qua hơn 1.300 năm như thế. ể từ ñó chúng ta có một cái nhìn có tính cách liên tục về lịch sử Phật Giáo Việt Nam sau nầy. “Ngài Bồ đề Tiên Na tên tiếng Phạn là Bodhisena. Dịch ý là Giác Quân. Ngài là người Nam Thiên Trúc, dòng Bà La Môn, họ Bà La Trì, tinh thần sáng suốt, tính tình ñiềm ñạm. Do lòng ngưỡng mộ sự linh ứng của Bồ Tát Văn Thù ở núi Ngũ đài mà ñến Trung Quốc. Năm Khai Nguyên 23 (735, có thuyết nói năm Khai Nguyên 18) Bồ đề Tiên Na lại cùng với các Ngài đạo Truyền và Phật Triết người nước Lâm Ấp vượt biển đông sang Nhật Bản. Năm Thiên Bình Thắng Bảo thứ 3 (751,

có thuyết nói năm thứ 2), Ngài nhậm chức Tăng Chính. Tháng tư năm Thăng Bình Thắng Bảo thứ 4 (752), tượng đại Phật của chùa đông đại ñược hoàn thành, Ngài ñược các Sư Hành Cơ v.v... suy cử làm đạo Sư trong lễ “Khai Nhãn cúng dường” (tức lễ Yểm tâm ñiểm nhãn). Năm Thiên Bình Bảo Tự thứ 4, Ngài dặn dò các ñệ tử rồi thị tịch trong tiếng niệm Phật, thọ 57 tuổi (760). Người ñời gọi Ngài là Bà La Môn Tăng Chánh, Bồ đề Tăng Chánh; hoặc gọi tắt là Bồ đề”. (Trích Phật Quang đại Từ điển trang 666). (Xem đại An tự Bồ đề truyền lai ký; đường đại Hòa Thượng ñông chinh truyện; đông đại tự yếu lục quyển 1, quyển 2, quyển 6; Nhật Bản Cao Tăng truyện yếu văn sao quyển 1). Ở ñây có nhiều vấn ñề cần ñặt ra. Ví dụ như nhân duyên nào mà Ngài Bồ đề Tiên Na cùng với Ngài đạo Tuyền và Ngài Phật Triết người Lâm Ấp (Việt Nam) ñến Ấn độ rồi Trung Quốc và qua Nhật Bản ? Họ ñến Việt Nam chăng ? hay chỉ ñi Trung Quốc và vị Sư Phật Triệt người Lâm Ấp ấy ñóng vai trò gì trong lễ khánh thành chùa đông đại cũng như ñối với văn học Phật Giáo Nhật Bản thuở bấy giờ ? v.v... “Theo Phật Quang đại Từ điển (trang 4293) cho biết thì Ngài Phật Triết hay Phật Triệt là danh Tăng người Lâm Ấp (Việt Nam) sống vào khoảng thế kỷ thứ 8. Sư sang Thiên Trúc (Ấn độ), thờ Ngài Bồ đề Tiên Na làm Thầy, thông suốt mật chú. Sau, Sư theo Ngài Bồ đề Tiên Na ñến Trung Quốc. Năm Khai Nguyên 24 (736), hai Thầy trò cùng ñến Nhật Bản, trọ ở chùa đại An, dạy tiếng Phạn, rất ñược triều ñình và dân chúng kính trọng.

Năm Thiên Bình Thắng Bảo thứ 4 (752) chùa đông đại cử hành nghi thức Khai Nhãn cúng dường đại Phật, Sư tấu vũ nhạc, truyền Bồ Tát vũ, Bạt đầu vũ, Lâm Ấp vũ... Sư có tác phẩm: Tất đàm Chương 1 quyển”. Xem ra như vậy hai Thầy trò Ngài Bồ đề Tiên Na và Ngài Phật Triệt ñã có nhân duyên tại Ấn độ. Vào năm nào thì sử không cho biết rõ; nhưng căn cứ theo năm sinh và năm tịch của Ngài Bồ đề Tiên Na chúng ta có thể chia ra các giai ñoạn như sau: Giai ñoạn một - từ năm 704-724 - Ngài Bồ đề Tiên Na xuất gia và thọ giới Tỳ Kheo tại Ấn độ. Giai ñoạn hai - từ năm 724-728 Thầy trò gặp nhau tại Ấn độ, nhận nghĩa Thầy trò. Giai ñoạn ba - từ năm 728-730 hai Thầy trò ñi bộ hoặc ñi ñường biển từ Ấn độ về Lâm Ấp (Việt Nam). Giai ñoạn bốn - từ năm 730-735 ñến và ở lại Ngũ đài Sơn tại Trung Quốc ể ñảnh lễ đức Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát. Giai ñoạn năm -

từ 735-752 lưu trú tại Nhật Bản ñể dạy tiếng Phạn và các ñiệu vũ Phật Giáo cũng như nhận chức Tăng Chánh từ Tông Hoa Nghiêm chùa đông đại và năm 752 chính thức làm đạo Sư khai nhãn cúng dường đại Phật tại ñây. Giai ñoạn sáu - từ năm 752-760 giai ñoạn cuối ñời của Ngài Bồ đề Tiên Na tại Nhật Bản. Trên ñây là cách chia theo lối nhìn của chúng tôi dựa theo lịch sử, chưa hẳn ñã là ñúng hoàn toàn. Tuy

nhiên chúng tôi muốn dựa vào ñây ñể làm rõ những sự kiện dã sử về Ngài Phật Triệt và tạo ra một sử thật, dựa theo năm tháng của Ngài Bồ đề Tiên Na ñể ñiểm qua những ñiều quan trọng mà ngoài Ngài Bồ đề Tiên Na ñã ñóng góp cho Phật Giáo Nhật Bản ra thì Ngài Phật Triết cũng ñã ñóng góp nhiều vấn ñề không kém phần quan trọng cho Phật Giáo tại xứ nầy. Cứ theo sử truyện bên trên thì Ngài Phật Triết ñến Ấn độ và thờ Ngài Bồ đề Tiên Na làm Thầy. Dĩ nhiên là phải nhỏ tuổi hơn Ngài Bồ đề Tiên Na và trai trẻ mới có ñủ sức khỏe ra khơi từ Lâm Ấp ñể ñi ñến Ấn độ. Trong sử không chép rõ Ngài Phật Triết sinh năm nào vào thế kỷ thứ 8 tại Lâm Ấp; nhưng có thể cho rằng Ngài Phật Triết nhỏ hơn Ngài Bồ đề Tiên Na từ 5 ñến 10 tuổi thì Ngài sinh ñộ năm 709-714 tại Lâm Ấp. Từ 15 ñến 20 tuổi mới sang Ấn độ. Lúc ấy Ngài Bồ đề Tiên Na ñã ở vào giai ñoạn 2; tức giữa năm 724-728. Thời gian 4 ñến 5 năm nầy ñể kết nghĩa Thầy trò tu học và dĩ nhiên họ nói chuyện với nhau bằng tiếng Phạn chứ không thể là một ngôn ngữ nào khác. Sau ñó hai Thầy trò cùng xuống thuyền và chắc chắn phải ghé Lâm Ấp, quê hương của Ngài Phật Triết ñể nghỉ ngơi cũng như học hỏi thêm những ñiệu múa tại ñây; sau ñó giai ñoạn bốn (730-735) ñến và ở lại Trung Quốc ñể ñảnh lễ Ngài Văn Thù. Từ năm 735 ñến 752 là 17 năm họ cư trú tại Nhật Bản, dạy tiếng Phạn cho chư Tăng và dĩ nhiên các Ngài phải học tiếng Nhật ñể ñàm thoại nữa. Năm 752 là năm khánh thành chùa đông đại và Ngài Bồ đề Tiên Na ở cương vị Tăng Chánh thì Ngài Phật Triết không nhất thiết chỉ là một ñệ tử theo hầu. Vì lúc ñó Ngài ñã trưởng thành và còn dạy tiếng Phạn cho chư

Tăng cũng như Phật Tử nữa. đến năm 760 thì Ngài Bồ đề Tiên Na viên tịch tại Nhật, hưởng dương 57 tuổi. Trong khi ñó thì không biết Ngài Phật Triệt còn ở lại Nhật bao lâu và viên tịch ở ñâu. Do vậy chúng ta có thể tiên ñoán rằng Ngài Phật Triệt còn ở lại Nhật Bản một thời gian dài sau ñó ñể dạy tiếng Phạn và dạy những vũ ñiệu của Lâm Ấp cho người Nhật. Như vậy Sư có thể sinh vào giữa năm 609-614 và tịch vào khoảng 70. Nghĩa là năm 679 hoặc 684 chăng ? đây chỉ là giả thuyết do Tác giả tạo nên, ñể cho phù hợp với niên ñại của Ngài Bồ đề Tiên Na. Mong rằng về sau nầy sẽ có những sử liệu ñể soi sáng thêm. Sau ñây tìm hiểu một ít chứng cứ sử liệu về nước Lâm Ấp thời xa xưa ñã có mặt trên bản ñồ của thế giới; nhưng ngày nay thì không còn nữa. “Lâm Ấp quốc là tên một nước xưa nằm ở ñông bộ bán ñảo Trung Nam, nay là vùng Trung và Nam bộ Việt Nam. Vùng ñất nầy vốn là căn cứ ñịa của dân tộc Chàm. Nhà Tây Hán ñặt huyện Tượng Lâm, quận Nhật Nam, gọi là Tượng Lâm Ấp, gọi tắt là Lâm Ấp. Vào những năm cuối ñời đông Hán, có người tên là Khu Liêu, giết quan huyện, tự xưng là Lâm Ấp quốc vương. Từ ñời nhà Tấn về sau, Lâm Ấp thường triều cống Trung Quốc. Khoảng năm đại Nghiệp

ñời Tùy (605-616), tướng nhà Tùy là Lưu Phương ñánh chiếm nước nầy ñặt làm quận Lâm Ấp. Khoảng năm Chí đức (756-757) ñời đường, ñổi tên là Hoàn Vương, ñóng ñô ở Chiêm Thành (Cham thanh). Vì thế Lâm Ấp còn ñược gọi là Chiêm Ba (Champa); Chiêm Bà, Ma Ha Chiêm Ba, Chiêm bất lao (Champrura). Vào năm Thuần Hóa thứ 2 (791) ñời Bắc Tống, vị Sa Môn

nước nầy tên là Tịnh Giới ñến Trung Quốc dâng ngọc như ý, chuông ñồng và hương Long não. Ngoài ra, cứ theo văn bia Nhật Bản, Nam Thiên Trúc Bà La Môn Tăng Chánh và đại An tự Bồ đề truyền lai ký trong đông đại tự (Todaiji) yếu lục quyển 2 ghi chép, thì vào năm Khai Nguyên thứ 18 (730) ñời đường Sa Môn nước Lâm Ấp tên là Phật Triết (Phật Triệt) cùng ñi với Ngài Bồ đề Tiên Na ñến Nhật Bản, truyền vào vũ ñiệu Bồ Tát, Bạt đầu, Nhạc Lâm Ấp, v.v... đến ñời Minh, Chiêm Thành bị Việt Nam thôn tính. Vào năm Quang Tự 12 (1886) thì trở thành thuộc ñịa của nước Pháp. Phật Giáo ñược truyền vào Chiêm Thành thời nào không ñược rõ. Nhưng theo Tùy thư Nam man liệt truyện thứ 47, thì phần ñông nhân dân nước nầy tin theo Phật Giáo, văn tự giống như văn tự Thiên Trúc (Ấn độ). Còn cựu đường thư Nam man liệt truyện quyển thứ 147 cũng cho biết, nhân dân ñặc biệt tin Phật Pháp và rất nhiều người xuất gia. Như vậy ta có thể suy ñoán trước thời Tùy, Phật Giáo ñã ñược truyền vào Chiêm Thành rồi. Ngoài ra, cứ theo Nam Hải ký quy nội Pháp truyện quyển 1, thì tại Chiêm Thành Phật Giáo Tiểu Thừa, ñặc biệt là Kinh Lượng Bộ, rất thịnh hành". (Trích Phật Quang đại Từ điển trang 2731-2732). (Xem đại đường Tây Vức ký quyển 10; đại đường cầu pháp Cao Tăng truyện quyển hạ; Phật Tổ thống ký quyển 42; Lương thư Chư dị biệt truyện thứ 48). Căn cứ vào những sử liệu có thật của Trung Quốc và Nhật Bản bên trên thì có hai Thầy trò người Thiên Trúc tên là Bồ đề Tiên Na và người Lâm Ấp (Việt Nam) tên là Phật Triết ñã xuất hiện vào thế kỷ thứ 8. Tuy niên

ñại ñến Trung Quốc và Nhật Bản có sai khác ñôi chút; nhưng vào năm 752 tại chùa Todaiji ở Nara vẫn là một sự kiện lịch sử có thật và hai Thầy trò của Ngài ñã ñóng góp một vai trò chủ chốt trong lễ Khai Nhãn cúng dường tượng đại Phật tại ñó. Theo sử thì người Trung Quốc gọi những dân tộc Nam Phương như: Việt Nam, Chiêm Thành, Thái Lan là Nam man; nghĩa là giống dân man di mọi rợ ñến từ phía Nam. Còn các nước như Tây Vức, Mông Cổ v.v... là Tây Hồ; tức là những dân tộc kém văn hóa ở phía Tây. Nếu là Nam man mà làm ñược Tăng Chánh, chức nầy gần như là Quốc Sư của Triều ñình Nhật Bản lúc bây giờ, quả thật nước Ấn độ và Lâm Ấp cũng ñáng nở mặt nở mày ñấy chứ. Từ thế kỷ thứ 15 trở ñi, cả dãy ñất miền Nam từ Quảng Nam trở xuống ñều bị dân tộc Việt Nam chiếm cứ; cho nên Chiêm Thành, Phù Nam, Lục Chân Lạp v.v... ñã trở thành quê hương của người Việt. Do vậy người Việt Nam cũng có thể nói rằng Ngài Phật Triết cũng là người Việt Nam, người có công rất lớn trong thời gian ñầu mang những lễ nhạc, các ñiệu vũ và tiếng Phạn ñến dạy cho dân chúng cũng như chư Tăng tại ñây. điều quan trọng là mãi cho ñến thế kỷ thứ 21, chùa Todai vẫn còn tại Nara và những bài múa nhân lễ Vu Lan từ Lâm Ấp truyền ñến Nhật vào thế kỷ thứ 8 vẫn còn

biểu diễn trong những ngày lễ trọng ñại của Phật Giáo Nhật. Ba, bốn quốc gia có mặt trên bản ñồ thế giới từ những thế kỷ ñầu dương lịch. Thế mà ñến thế kỷ thứ 15 trở ñi, không còn sót lại một chút dấu vết nào trên bản ñồ thế giới, quả là một việc thương tâm; nhưng cái mất, cái ñược lâu nay vẫn là chuyện thường tình trên thế gian

nầy. Chỉ mong rằng những người cầm quyền và con cháu của các dân tộc nầy nếu còn tồn tại ñâu ñó cũng nên lấy một ngày nhất ñịnh ñể tưởng niệm về Tổ Tiên dòng giống của họ. đây là ñiều nên làm dầu cho chính thể hay triều ñại nào cũng nên nghĩ tới. Ngày nay những thế hệ trẻ sinh ra sau nầy khi nói ñến nước Lâm Ấp, Chàm, Phù Nam, Lục Chân Lạp v.v... họ không biết là những nước nào, và nằm ở ñâu. Nhưng ngày nay nhờ các chứng cứ sử liệu của ñời trước ñể lại, chúng ta ñã rõ ràng như ban ngày và từ ñó mỗi người trong chúng ta tự phải có bổn phận ñối với quê hương ñất nước của mình. Ngài Giám Chân Hòa Thượng (687-763) người Trung Quốc cũng ñã mang Luật Tông truyền vào Nhật Bản vào năm 753 và tiếp ñó có nhiều chư Tăng từ Nhật Bản sang Trung Quốc du học và sau khi thành tựu những pháp tu, các Ngài về lại Nhật Bản mở các ñạo tràng ñể cho dân chúng và Tăng Ni tu học.

A.- Ngài Nguyên Tín (Genshin) và Tư Tưởng Tịnh độ

“Ngài sinh năm 942 và viên tịch năm 1017. Là Cao Tăng Nhật Bản thuộc tông Thiên Thai, Tổ của dòng Huệ Tâm, thường gọi là Huệ Tâm Tăng đô, người đại Hòa (huyện đại Lương). Sư lên núi Tỷ Duệ thờ Ngài Lương Nguyên làm Thầy, học rộng nhớ dai, ñược nhiều người kính phục. Về sau, Sư sáng lập ra dòng Huệ Tâm rất có thế lực. Tác phẩm của Sư có ñến hơn 70 bộ 150 quyển, trong ñó, nổi tiếng hơn cả là Nhất Thừa yếu quyết, Vãng Sanh yếu tập, Quán Tâm Lược yếu tập... ñều ñược thu vào Huệ Tâm Tăng đô toàn tập. Ngoài ra, trong những sách về mỹ thuật Tịnh độ giáo, tương truyền có rất nhiều tác phẩm của Sư; nhưng không có chứng cứ ñể khảo sát. Sư thị tịch vào niên hiệu Khoan Nhân năm ñầu (1017) hưởng thọ 76 tuổi. (Trích Phật Quang đại Từ điển trang 3534). (Xem Thủ Lăng Nghiêm viện Nguyên Tín Tăng đô truyện; Huệ Tâm Tăng đô hành trạng ký; đại Nhật Bản quốc Pháp Hoa kinh nghiệm ký quyển hạ).

Ngài Nguyên Tín ñược Tịnh độ Chơn Tông Nhật Bản tôn xưng là ñệ nhất Tổ. Tuy rằng thời gian kế tiếp cả hơn 200 năm sau mới có ñệ nhị Tổ là Ngài Pháp Nhiên mới ra ñời. Phật Giáo ñồ Tông Tịnh độ của Nhật họ hãnh diện là Tịnh độ Tông của họ có sự truyền thừa mạch lạc như sau: - ñệ Nhất Tổ (Ngài Long Thọ người Ấn độ) - ñệ Nhị Tổ (Ngài Thế Thân người Ấn độ) - ñệ Tam Tổ (Ngài đàm Loan người Trung Quốc) - ñệ Tứ Tổ (Ngài đạo Xước người Trung Quốc) - ñệ Ngũ Tổ (Ngài Thiện đạo người Trung Quốc) - ñệ Lục Tổ và cũng là Sơ Tổ của Tịnh độ Tông Nhật Bản (Ngài Nguyên Tín người Nhật) - ñệ Thất Tổ và cũng là ñệ Nhị Tổ của Tịnh độ Tông Nhật Bản (Ngài Pháp Nhiên người Nhật) - ñệ Bát Tổ và cũng là Sơ Tổ của Tịnh độ Chơn Tông Nhật Bản (Ngài Thân Loan người Nhật).

Nhưng theo Tiểu Sử của Ngài Nguyên Tín ở trên, chúng ta thấy Ngài tu theo phái Thiên Thai ở núi Tỷ Duệ. Vậy phái Thiên Thai là phái gì và tư tưởng của Ngài Nguyên Tín có ảnh hưởng gì với Tịnh độ ? "Tông Thiên Thai Nhật Bản thì tôn Truyền Giáo đại Sư Tối Trừng làm Sơ Tổ. Sư từng ñến Trung Quốc vào ñời đường thụ pháp nơi các vị ñệ tử Ngài Trạm Nhiên như đạo Thúy, Hành Mãn ... Sau khi trở về Nhật Bản, Sư khai sáng yếu chỉ nhất trí giữa 4 Tông: Viên Giáo, Thiền,

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 189

Viên Giới và Mật Giáo ở núi Tỷ Duệ, khác với Tông Thiên Thai của Trung Quốc. Rồi ñệ tử của Ngài Tối Trừng là Sư Viên Nhân là ñệ tử của Ngài Nghĩa Chân là Sư Viên Trân cũng lần lượt ñến Trung Quốc vào ñời đường thờ các Ngài Tông Dĩnh, Lương Tư làm Thầy, học giáo pháp Thiên Thai, lại còn thụ học các pháp bí yếu của 3 bộ Kim, Thai, đại Pháp Tô Tất địa và các kinh quảng tân dịch, làm cho giáo học Mật Giáo Thiên Thai ñược phát triển phổ biến. đến thời Ngài An Nhiên thì tông Thiên Thai của Nhật Bản ñã ñược Mật Giáo hóa một cách cực ñoan. Thiên Thai thống trị một tông; nhưng ñến các Ngài Viên Nhân, Viên Trân trở ñi thì pháp hệ tách ra làm hai. đồ chúng của Ngài Viên Trân ñi ra khỏi núi Tỷ Duệ, trụ ở chùa Viên Thành (Chùa Tam Tỉnh) gọi Tự Môn; núi Tỷ Duệ thì gọi là Sơn Môn. Sơn Môn ñến thời Ngài Lương Nguyên, giáo học lấy Viên Giáo sẵn có làm tông chỉ, các ñệ tử ưu tú xuất hiện rất ñông và thế lực tông nầy nổi lên khá mạnh. đệ tử Ngài Lương Nguyên là Nguyên Tín thì cổ xúy tư tưởng Tịnh độ, lập ra dòng Huệ Tâm; một vị ñệ tử khác là Giác Vận thì lập dòng đàn Na; gọi chung là "Huệ đàn Nhị Lưu" (Hai dòng Huệ đàn). Cộng chung, hệ thống Thai Mật (Mật Giáo thuộc Tông Thiên Thai) ñến ñời sau,có tất cả 13 dòng phái thuộc Tông Thiên Thai. đến cuối thời kỳ Bình An về sau thì các dòng phái thuộc Tông Thiên Thai nói trên dần dần xem trọng khẩu truyền, do ñó sinh ra chủ trương "khẩu truyền pháp môn". Trái lại, phương tiện giáo học thì dần dần suy vi. Ngoài ra, sự vùng dậy của tăng binh, sự tranh cướp của chính quyền, cộng với việc ñốt phá của Chức điền Tín Trường... ñều ñã góp phần ñưa núi Tỷ Duệ ñến thời sụp ñổ. Cho mãi ñến thời ñại Giang Hộ, núi đông Duệ, núi

190 Tịnh độ Tông Nhật Bản

Nhật Quang lần lượt ñược khai sáng mới phục hồi ñược sự hưng thịnh như xưa. Lại nhờ Mạc Phủ ñương thời khuyến khích việc học vấn nên giáo học cũng dần dần phục hưng. Hiện nay có các Tông Phái như: Tông Thiên Thai (chùa Diên Lịch, núi Tỷ Duệ); Tông Thiên Thai Tự Môn (chùa Viên Thành); Tông Thiên Thai Chân Thịnh (chùa Tây Giáo) ... Giáo nghĩa của Tông Thiên Thai có thể lược chia ra các khoa: Tam đế viên dung, Nhất niệm tam thiên, Nhất tâm tam quán, Lục Tức... Tông nầy lại dùng 5 thời 8 giáo ñể phán thích Thánh giáo một ñời của đức Phật. Từ ñời Dân Quốc (1912) về sau, Thiên Thai học ñược phục hưng nhờ sự nỗ lực của đại Sư đế Nhàn (1858-1932), Ngài sáng lập Quán Tông Nghiên Cứu Xã, chuyên môn giáo dục người học Thiên Thai, nhân tài xuất hiện rất nhiều, như các vị Tôn Túc: Nhân Sơn, Thường Tỉnh, Bảo Tỉnh, Tỉnh Tu, đàm Hư, Thiên định, Khả đoan...". (Trích Phật Quang đại Từ điển trang 5764- 5765). (Xem Phật Tổ Thống Ký quyển 5-22; Thiên Thai Cửu Tổ truyện; Thiên Thai Sơn Phương ngoại chí; Bát Tông cương yếu quyển hạ; Yếu Giáo chưng thông lộ ký quyển 12). Xem

thêm: Sơn gia Sơn ngoại; Ngũ thời Bát giáo; Thai Mật; Tam đế; Nhất Niệm; Tam Thiên; Nhất Tâm Tam Quán; Lục Tức). Sở dĩ phải trích lại ñoạn trên có liên hệ với Tông Thiên Thai, vì lẽ ngay từ ban ñầu núi Tỷ Duệ vẫn là nơi phát xuất 4 tông phái chính gồm: Viên Giáo, Thiền, Viên Giới và Mật Giáo. Từ Viên Giáo, Ngài Lương Nguyên phát triển mạnh. đệ tử Ngài Lương Nguyên là Ngài Nguyên

Tín lại cổ xúy Tịnh độ riêng biệt và từ ñây trở thành tư tưởng chính của Ngài Nguyên Tín. Vì thế Tịnh độ Tông Nhật Bản suy tôn Ngài là đệ Nhất Tổ. Ngài Nguyên Tín có bộ "Vãng Sanh yếu tập" làm tông chỉ cho sự tu hành; nên ñây cũng có thể nói là tư tưởng về Tịnh độ chính yếu thuở ban sơ ấy. "Vãng Sanh yếu tập là một tác phẩm gồm 3 quyển; hoặc mỗi quyển chia phần ñầu, phần cuối, cộng chung là 6 quyển, do Ngài Nguyên Tín, vị Tăng Nhật Bản soạn (984-985), ñược thu vào đại Chánh Tạng tập 84. Sách nầy ñược biên soạn theo thể tài vấn ñáp, gom chép ý nghĩa vãng sanh trong hơn 160 bộ kinh ñiển, ñược chia ra làm 10 môn: - Chán lìa cõi uế - Thích cầu Tịnh độ - Chứng cứ Cực Lạc - Niệm Phật chính tu - Phương pháp trợ niệm - Biệt thời niệm Phật - Sự lợi ích của sự niệm Phật - Chứng cứ của việc niệm Phật - Các nghiệp vãng sanh và chọn lựa hỏi ñáp.

Nhờ thấy lẽ vô thường của cuộc ñời trước mắt mà phát nguyện sanh về Tịnh độ; nếu muốn vãng sanh Cực Lạc thì phải xem việc niệm Phật là quan trọng nhất. Về

việc niệm Phật thì lập ra 2 phương thức là Quán niệm và Xưng niệm. Ngài Nguyên Trí cho rằng: Quán niệm thù thắng hơn; còn Xưng niệm thì mọi người ñều có thể thực hành ñược. (Trích Phật Quang đại Từ điển trang 7059- 7060). Tư tưởng tín, nguyện, hạnh của pháp môn tu theo Tịnh độ là một chủ trương chung, chứ không riêng biệt của một vị Sư nào. Ngay như Trung Hoa, Nhật Bản hay Ấn độ cũng không ñược ñặc biệt nhắc ñến; nhưng khi Tông nầy ñược truyền sang Việt Nam; ñây là một tiêu ñề mà các vị giảng sư Phật học hay ñề cập ñến. Dĩ nhiên là nó không ñi ra ngoài tôn chỉ của Tịnh độ; nhưng nó không ñược một vị Tổ Sư nào chủ xướng cả. Riêng Ngài Nguyên Tín tụng Vãng Sanh yếu tập ñã làm sáng tỏ 10 vấn ñề khi thực hành theo phép tu nầy và Ngài còn cho rằng pháp quán niệm nghĩa là vừa niệm Phật vừa quán tưởng thù thắng hơn. Quán tưởng ở ñây có thể theo 16 phép quán trong kinh Quán Vô Lượng Thọ; hoặc giả quán cảnh giới Tịnh độ theo kinh A Di đà. Hành giả nào quán niệm ñược như vậy mới thù thắng. Còn xưng danh hiệu Phật và niệm lên thành tiếng thì ai cũng có thể thực hành ñược. Bất kể trong lúc ñi, ñứng, nằm, ngồi gì con người tu theo Tịnh độ cũng có thể hành trì một cách dễ dàng. Ngài Nguyên Tín gom chép và biên soạn quyển "Vãng Sanh Yếu Tập" nầy trong hơn 160 bộ kinh có liên quan về vấn ñề Tịnh độ thì phải nói rằng: đây là một công trình nghiên cứu ñồ sộ nhất, qua sự thể nghiệm bản thân của chính Ngài.

đầu tiên là “chán lìa cõi ô uế”. Vì sao vậy? Vì ñối lại với Tịnh độ là cõi dơ uế. Cõi ấy chính là cõi 5 trược ác thế nầy. Nơi ñây kẻ thân, người thù; kẻ giàu, người nghèo; kẻ trí, người ngu; kẻ ác, người hiền thường hay sống chung ñụng với nhau trong một nhà, một xã hội, một quốc gia v.v... nên ñã xảy ra không biết bao nhiêu là oan gia trái chủ. Do vậy phải có tâm chán ngán và phát tâm lìa khỏi thế giới nầy sau khi mạng chung ñể sanh về thế giới Tịnh độ của đức Phật A Di đà. Nơi ấy sẽ không còn ân, không còn oán, không còn sầu, không còn già, không còn chết nữa, thì làm gì có luân hồi sanh tử, ñể con người phải khổ ñau tục lụy ? điều thứ hai là ưa cầu sanh về Tịnh độ. Khi ñã có mục ñích rõ ràng, thì hành giả cứ thế mà nhắm hướng lên ñường. Con ñường giải thoát sanh tử ấy đức Phật Thích Ca Mâu Ni ñã chỉ dẫn rõ ràng và đức Phật A Di đà ñang ñứng chờ ñợi chúng ta nơi ngưỡng cửa Tây Phương Cực Lạc ấy. Nếu ai vui ưa thì có thể xuống thuyền Bát Nhã ñể vượt sông mê và nương vào ánh sáng Vô Lượng Quang ấy ñể lần về giải thoát. điều thứ ba là chứng cứ Cực Lạc. Cõi nầy tự mắt phàm của chúng ta chẳng thấy ñược; nhưng qua lời dạy của đức Phật Thích Ca Mâu Ni qua kinh A Di đà, kinh Vô Lượng Thọ và kinh Quán Vô Lượng Thọ mà chúng ta tin rằng có một thế giới như vậy. Việc nầy do đức Phật Thích Ca nói ra. Chúng ta tin tưởng tuyệt ñối nơi Ngài, vì Ngài chẳng bao giờ nói lời hư dối với chúng sanh. điều thứ tư là niệm Phật chính tu. Ai tu theo pháp môn nầy thì việc niệm Phật là việc chính của sự tu hành. Có thể niệm thành tiếng; cũng có thể niệm thầm; lại cũng có thể niệm trong vô niệm; hay ngồi trước tượng

194 Tịnh độ Tông Nhật Bản

Phật ñể quán tưởng rồi niệm. Ngày xưa chưa phát minh ra tràng hạt thì niệm bằng cách bỏ hạt ñậu vào trong hũ hay lấy hạt ñậu từ hũ ra và căn cứ vào ñó ñể ñếm số. Ngày nay cả máy ñiện tử cũng có thể dùng cho việc nầy. Vì trong hiện tại có nhiều cách tính ñếm rất là tiện lợi. điều thứ năm là phương pháp trợ niệm. Một người sắp lâm chung, phải ñể thi thể họ chỗ thông thoáng, ñầu xoay về hướng Bắc; mặt xoay về hướng Tây. Bên trên ñầu của họ nên ñể một hình hay tượng Phật. Những người trợ niệm nên niệm lớn cho người sắp lâm chung nghe ñược ñể khiến cho người ấy chỉ tập trung nơi câu Phật hiệu A Di đà, chờ Phật ñến tiếp dẫn về Tây Phương; không còn việc gì khác phải bận tâm nữa. Trước giờ phút lâm chung, trong khi trợ niệm chư Tăng, Ni hay người thân cũng chỉ nên nói những ñiều vui, những việc tốt của người sắp mất, ñể thần thức của họ thấy cao hơn khi lìa thể xác; không nên nói cái gì vấn vương, buồn tẻ hay khổ ñau cho họ nghe, hoặc giả cũng ñừng nên chọc họ giận tức qua những người họ không ưa mà ñến trợ niệm, có thể khiến cho họ dễ ñi vào cõi thấp hơn. điều ấy với những người trợ niệm cần nên lưu ý. điều thứ sáu là biệt thời niệm Phật. Nghĩa là niệm Phật trong một thời gian nhất ñịnh nào ñó. Có thể là trong một ngày niệm mấy lần hay trong một tuần lễ, 14 ngày, 21 ngày, 49 ngày v.v... Biệt thời niệm Phật trở thành Thời Tông của Phật Giáo Nhật Bản sau nầy do Ngài Nhất Biến chủ xướng. (1239-1289). điều thứ bảy là sự lợi ích của sự niệm Phật. Khi chúng ta niệm Phật thì miệng ñọc câu Phật hiệu, tâm nhớ nghĩ ñến đức Phật A Di đà hoặc cảnh giới Tây Phương Cực Lạc, tay lần tràng hạt v.v... Như vậy thân,

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 195

khẩu, ý ñều thanh tịnh; khiến ta khó suy nghĩ hay thực hành những việc ác. Niệm quen trở thành thuần thục. đây là một phản xạ có ñiều kiện, khi câu Phật hiệu ñược nghe ñến bên tai mình. Do vậy, niệm Phật là một ñiều lợi ích vô cùng, khi còn sống cũng như khi lìa trần. điều thứ tám là chứng cứ của việc niệm Phật. Gương niệm Phật của người xưa ñể lại quá nhiều. Từ Tăng, Ni cho ñến tục gia Phật Tử. Nhiều người ñã vãng sanh nhờ niệm Phật. đây là những chứng cứ ñể người ñời sau theo ñó mà tu hành. Vi dụ như người niệm Phật thường hay biết trước giờ lâm chung; khi chết thân thể mềm mại, thơm tho. Có ánh sáng từ Tây Phương dọi ñến; trong nhà có mùi thơm; người chết hơi ấm còn tồn tại nơi ñỉnh ñầu v.v... đây là những bằng chứng là hành giả niệm Phật ấy có thể vãng sanh. điều thứ chín là ñới nghiệp vãng sanh. Cõi Tây Phương Cực Lạc là cõi Phàm Thánh ñồng cư Tịnh độ; nên người ñồ tể buông dao, có thể thành Phật cũng là chuyện thường tình. Vì trong kinh Quán Vô Lượng Thọ cách quán thứ 16 về Hạ Phẩm Hạ Sanh có cho biết rõ về ñiều nầy. Nói tóm lại, pháp môn niệm Phật; nếu ai tin ưa, bất kể là người hiền, kẻ ác ñều ñược tái sanh về cõi giới Cực Lạc. Cuối cùng là việc chọn lựa hỏi ñáp. Ngài Nguyên Tín khuyên người Niệm Phật nếu có nghi ngờ ñiều gì thì nên tạo ra những nghi vấn và ñem ñiều nghi vấn nầy ñến những bậc thông thái, lão luyện trả lời cho. Từ ñó không còn thắc mắc nữa, khiến cho con ñường tu học, niệm Phật của hành giả không có gì có thể gây ra chướng ngại ñược.

196 Tịnh độ Tông Nhật Bản

B.- Ngài Nguyên Không (Pháp Nhiên) và Tư Tưởng Tịnh độ

Những người tu theo pháp môn niệm Phật, cầu sau khi lâm chung ñược vãng sanh Cực Lạc quốc; nên có nhiều vị Sư Trung Hoa chủ trương rằng:

Tín Phật
Niệm Phật
Có khả năng thành Phật đây là một mệnh ñề giống như Tam đoạn luận của
Triết gia Socrates:
Tất cả mọi người ñều phải chết Tôi là người Vậy tôi phải chết. Tin Phật là ñiều kiện ñầu tiên và cốt yếu nhất. Tin Phật cũng có nghĩa là tin vào tự lực của mình tin vào Phật; chứ không phải tin vào một ai khác. Kẻ nào ñó ở bên ngoài mình, thì không phải là mình. Khi tin xong chưa ñủ. Vì niềm tin ấy bị ñóng băng tại ñó. Ta phải phát khởi niềm tin ấy bằng cách phải ngày ñêm niệm Phật. Sở dĩ ta niệm Phật vì ta nhớ ñến ân ñức của đức Phật A Di đà mà ta niệm. Ngài, từ một thuở quá khứ xa xôi, ñã vì chúng sanh mà phát ra 48 lời

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 197

nguyện ñể tạo thành quốc ñộ thanh tịnh của Ngài và nơi ấy chính là chốn an lạc, tự tại ñể cho chúng sanh nương về. Nếu dụng công một cách miên mật như vậy thì ñiều chắc chắn có thể xảy ra là sự thành Phật. Thành Phật chỉ là kết quả của sự dụng công miên mật của một hành giả tu theo pháp môn Tịnh độ vậy. Pháp môn nầy ñược truyền khắp

Á Châu từ thời kỳ Chánh Pháp, ñến thời kỳ Tượng Pháp và qua thời kỳ ñầu của thời kỳ Mạt Pháp. Vào thế kỷ thứ 10 thứ 11 là một ñộng cơ rất lớn và có lý do vững chắc ñể chư vị Tổ Sư lập ra Tông Phái của mình ñể chuyên tu. Ví dụ như ở Nhật Bản là trường hợp ñiển hình nhất. “Ngài Nguyên Không (1133-1212) còn gọi là Pháp Nhiên Thượng Nhân, Hắc Cốc Thượng Nhân. Ngài là vị Cao Tăng Nhật Bản và là Tổ thứ hai Tịnh độ Tông Nhật Bản, người huyện Cương Sơn. Năm lên 9 tuổi Sư xuất gia, 15 tuổi lên núi Tỷ Duệ thờ Ngài Hoàng Viên và Duệ Không làm Thầy. Sư học tập giáo nghĩa Thiên Thai và ñọc nhiều kinh ñiển; Sư xem tất cả các kinh tới 5 lần mà vẫn chưa thấy ñược con ñường xuất ly, sau nhờ ñọc ñược bộ Quán Kinh sớ của đại Sư Thiện đạo mà khai ngộ. Sư bèn dựa vào tác phẩm “Vãng Sanh yếu tập” của Ngài Nguyên Tín mà sáng lập ra Tông Tịnh độ, chuyên tu pháp môn niệm Phật tại Cát Thủy thuộc đông Sơn. Trên từ triều ñình, công khanh, dưới ñến các tầng lớp vũ sĩ, thứ dân... ñều quy y Sư. Nơi ñạo tràng, tiếng xưng danh Niệm Phật của Tăng tục không dứt; nhưng bị giáo ñồ của phái bảo thủ gièm pha. Sau vì việc 2 cung nữ của Thượng Hoàng Hậu điểu Vũ tên là

Trùng Tùng và Linh Trùng xuất gia tu hành ở ñạo tràng Niệm Phật tại Lộc Cốc, ñã dẫn ñến việc tố cáo của Nam đô Bắc Lãnh; nên cuối cùng ñạo tràng niệm Phật của Sư bị ñình chỉ, 2 vị Tăng bị xử trảm, còn Sư lúc ñó ñã 75 tuổi thì bị lưu ñày ñến Tam Kỳ. Cùng năm ấy Sư ñược cho phép vào ở chùa Thắng Vĩ tại Nhiếp Tân (Phủ đại Phản) tạm trú 4 năm. Ở ñây Sư tiếp tục hoằng dương Tịnh độ, giáo hóa Tăng tục. đến niên hiệu Kiến Lịch năm ñầu (1211) Sư mới ñược phóng thích trở về Kinh đô (Kyoto). Năm sau, Sư tịch ở đại Cốc, đông Sơn, thọ 80 tuổi. Sư ñể lại các tác phẩm: Tuyển trạch bổn nguyện niệm Phật tập; Hắc Cốc Thượng Nhân ngũ ñăng lục, ñược thu vào Pháp Nhiên Thượng Nhân toàn tập”. (Trích Phật Quang đại Từ điển trang 3530). (Xem Pháp Nhiên Thượng Nhân truyện ký; Bản triều Tổ Sư truyện ký hội tù; Nguyên Hanh thính thư quyển 5). Ở ñây có nhiều sự kiện tiêu biểu ñể ñược trình bày. Sự kiện thứ nhất là sự truyền thừa của Tịnh độ Tông tại Nhật Bản. Theo Tịnh độ Chơn Tông của Nhật Bản thì Ngài Thân Loan, ñệ tử của Ngài Pháp Nhiên, lập Thầy mình làm Sơ Tổ của Tông nầy; nhưng theo lịch sử truyền thừa như chúng ta thấy, Ngài Pháp Nhiên không phải tự nhiên mà hiểu ñược Tịnh độ; nếu không có quyển “Vãng Sanh Yếu Tập” của Ngài Nguyên Tín. Tuy Ngài Nguyên Tín sống cách xa Ngài Pháp Nhiên cả 200 năm về trước; nhưng qua dữ liệu nầy các sử gia cho rằng Ngài Nguyên Tín làm Sơ Tổ của Tịnh độ Tông và Ngài Pháp Nhiên ñệ

Nhị Tổ và Ngài Thân Loan ñệ Tam Tổ. Thế nhưng ngày nay ở Nhật, Tịnh độ Tông hay Tịnh độ Chơn Tông khi ñược nhắc ñến, người ta chỉ còn biết ñến Ngài Pháp Nhiên với Ngài Thân Loan chứ không biết ñến Ngài Nguyên Tín nữa; nhiều khi Ngài Thân Loan là ñệ tử của Ngài Pháp Nhiên; nhưng vì chủ trương mới hơn Thầy mình; nên nhiều khi tư tưởng và sự ảnh hưởng còn nhiều hơn Thầy mình nữa. Như phần sử liệu truyền thừa của Trung Quốc bên trên, chúng ta thấy Ngài An Thế Cao mới là người ñầu tiên mang Thiền học vào Trung Quốc vào năm 148; nhưng Trung Quốc vẫn không lập Ngài làm Sơ

Tổ của Thiền Tông Trung Hoa, mà mãi cho ñến năm 520 khi Ngài Bồ đề đạt Ma từ Ấn độ qua Trung Quốc, Ngài mới chính thức ñược người ñời sau xưng là vị Sơ Tổ của Thiền. Có lẽ vì có sự truyền thừa liên tục. Còn Ngài An Thế Cao chỉ là người giới thiệu Thiền Học vào Trung Quốc thuở ấy mà thôi. Sự kiện thứ hai là sắc ñẹp và ñường tà; tiếng tăm và lợi dưỡng. Khi hai cung nữ Tùng Trùng và Linh Trùng của Thượng Hoàng Hậu điểu Vũ bỏ chốn hoàng cung ñể theo Ngài xuất gia tu học. Vì thuở ấy danh tiếng Ngài Pháp Nhiên ñã lẫy lừng, khiến nhiều người trên từ triều ñình, công khanh, dưới ñến bàng dân thiên hạ ai ai cũng quy kính, tin theo. Do vậy những phái Phật Giáo khác ở Nam đô Bắc Lãnh không thích thấy cảnh nầy; nên ñã dùng nữ sắc ấy ñể tố cáo Ngài Pháp Nhiên cũng như đệ tử của Ngài. Có lẽ vì vậy mà sau khi Ngài và Ngài Thân Loan ở tù về, ở tuổi gần 80 rồi; Ngài thấy Phật Pháp khó bền lâu; cho nên Ngài ñã cho phép và ñốc thúc Ngài Thân

200 Tịnh độ Tông Nhật Bản

Loan chính thức lập gia ñình. Có thể ñây là một lý do thầm kín bên trong chăng ? Sự kiện thứ ba là tư tưởng của Ngài Pháp Nhiên qua “Một tờ văn khởi thảo”. đây là những lời nói cuối cùng của Thượng Nhơn trước khi viên tịch. Ngài khuyên mọi người chỉ nhất tâm niệm Phật chứ không còn gì khác nữa và trên một tờ giấy quan trọng nầy, Ngài ñã lăn dấu tay của Ngài vào ñó ñể làm chứng tích. Năm ấy là năm Kiến Lịch thứ 2 (1212) lúc ñó Ngài thọ thế 80 tuổi. Năm nay và sang năm (2011-2012) tại Nhật Bản kỷ niệm 800 năm vị Sơ Tổ của Tịnh độ Tông viên tịch và 750 Ngài Thân Loan. đây là sự kiện rất trọng ñại của phái Tịnh độ Chơn Tông nầy. Ở Nhật ña phần các chùa thờ Tổ khai sơn, khai Tông lớn hơn là thờ Phật. Vì họ nghĩ rằng: Phật ra ñời tại Ấn độ từ xa xôi rồi. Chỉ có các vị Tổ mới là những người truyền thừa tâm phúc cũng như lời dạy của Phật. Cho nên Tổ quan trọng hơn Phật. đây có lẽ chỉ là quan niệm của người Nhật; chứ không nhất thiết là của tất cả các Phật Tử ở các quốc gia khác”. “Tuyển trạch bổn nguyện niệm Phật tập gọi tắt là Tuyển trạch tập. Tác phẩm nầy gồm một quyển, do Ngài Nguyên Không người Nhật Bản biên soạn, ñược thu vào đại Chánh tạng tập 83. Sách nầy ñược soạn vào năm Kiến Cửu thứ 9 (1198) bằng Hán văn theo lời thỉnh cầu của Cư sĩ Quan Bạch Cửu điều Kim Thực. Nội dung sách nầy chia làm 16 chương, nói rõ ý chỉ nghiệp nhân vãng sanh, lấy niệm Phật làm gốc; ñồng thời, trong mỗi chương ñều có trích dẫn văn ñể giải thích. Nhưng việc chuyên tu niệm Phật ñược trình bày

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 201

trong sách bị chê bai, cho nên sau khi Ngài Nguyên Không qua ñời, sách nầy mới ñược ấn hành. Ngài Cao Biện có soạn Tồi tà luận - Cuốn sách vấn nạn nổi tiếng ñể bác bỏ tác phẩm nầy, mặc dầu vậy nhưng nó vẫn là tông ñiển căn bản của Tịnh độ Chân Tông ở Nhật Bản, cho nên có nhiều loại bản in”. (Trích Phật Quang đại Từ điển trang 6579). Nội dung của tác phẩm “Tuyển trạch bổn nguyện niệm Phật tập” nầy nói về lời nguyện thứ 18 của đức Phật A Di đà. Theo Ngài Pháp Nhiên thì cho rằng do tự lực niệm Phật mà ñược vãng sanh về Tịnh độ; trong khi ñó Ngài Thân Loan, ñệ tử của Ngài Pháp Nhiên thì cho rằng: Việc niệm Phật ñược vãng sanh là do bản nguyện lực của đức Phật A Di đà; ñó là tha lực chứ không thể là tự lực vãng sanh. đây có thể là ñiểm chính yếu

có sự sai khác giữa Thầy và trò. Do vậy sau khi Ngài Pháp Nhiên qua ñời, sách nầy mới ñược ấn hành là vậy. Tiếp ñến là tác phẩm "Hắc Cốc Thượng Nhân đăng Ngữ Lục". đây cũng là tư tưởng về Tịnh độ của Ngài Pháp Nhiên gồm 18 quyển, do Sư Liễu Huệ đạo Quang, người Nhật soạn. "Sau khi Ngài Pháp Nhiên, Tổ khai sáng của Tông Tịnh độ Nhật Bản, thị tịch ñược 62 năm, vào năm Văn Vĩnh 11 (1274), do trong môn phái phát sinh các kiến giải khác nhau; nên Sư Liễu Huệ đạo Quang mới căn cứ theo các bài giảng và lời khai thị của Ngài Hắc Cốc Thượng Nhân (Pháp Nhiên) mà soạn thành sách nầy ñể chỉnh ñốn lại môn phong.

202 Tịnh độ Tông Nhật Bản

Toàn bộ sách gồm Ngữ đăng Lục 15 quyển và Thập Di 3 quyển; trong ñó, chia làm 2 phần: chữ Hán và chữ Nhật. - Phần chữ Hán gồm Hán ngữ ñăng lục (17 chương) và Thập Di quyển thượng (3 chương). - Phần chữ Nhật gồm Hòa ngữ ñăng lục 5 quyển (24 chương) và Thập Di quyển trung, hạ (8 chương). Phần chữ Nhật ñược khắc in vào niên hiệu Nguyên Hanh năm ñầu (1321) là bản in Tịnh độ giáo sớm nhất trong các bản khắc chữ Nhật, do ñó rất nổi tiếng". (Trích Phật Quang đại Từ điển trang 2079). Thông thường sau khi Thầy mình tịch rồi thì ñệ tử mỗi người mỗi ý hướng khác nhau. đó là chưa kể những sự kiện ñau lòng, vì Ngài Pháp Nhiên mới ở tù về cùng các ñệ tử khác, trong ñó có Ngài Thân Loan. Ngoài ra có 2 vị ñệ tử còn bị xử trảm nữa. Quả là những sự kiện quá ñau lòng. Ngay như thời Phật còn tại thế, với uy ñức của Ngài, Ngài ñã quy tụ hằng trăm, hằng ngàn, hằng vạn, hằng trăm vạn người; trên từ Vua quan, dưới ñến thứ dân; nhưng sau khi Ngài viên tịch có những vị Tỳ Kheo trẻ vui mừng. Vì không còn Phật; nên không cần phải giữ gìn những oai nghi, tế hạnh nữa. Khi Ngài Ca Diếp nghe ñược như vậy mới suy nghĩ phải có kỳ kết tập kinh ñiển gấp rút sau 100 ngày, do Vua A Xà Thế bảo trợ cho 500 vị A La Hán trùng tuyên lại những lời dạy của đức Phật gồm cả 3 tạng: Kinh, Luật, Luận. Còn ở ñây, Ngài Pháp Nhiên sau khi viên tịch không những chỉ có những sự kiện ñau lòng ñã xảy ra bên trên mà còn những sự kiện tiếp theo của Ngài Thân Loan lúc bấy giờ nữa. Nào là

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 203

Ngài tự xưng là "Ngu ngốc Thân Loan" và lại có vợ, cả 5 người con nữa. đây có lẽ là những sự lủng củng nội bộ cần phải chấn chỉnh. Do "Hắc Cốc Thượng Nhân đăng Ngữ Lục" lúc bấy giờ là một chiếc phao duy nhất ñể duy trì Tông môn, nhất là với những ai còn muốn sống ñời tịnh hạnh như Thầy của mình ñể thực hành pháp môn Tịnh độ. Tại Nhật Bản, sau khi Ngài Pháp Nhiên viên tịch (1212) thì Tông phái Tịnh độ nầy ñã ñược hướng dẫn bởi Ngài Thân Loan. Ngài Thân Loan ñã dựa vào Thầy mình ñể lập ra một phái mới gọi là: Tịnh độ Chơn Tông. đây là một phái cải cách có từ thế kỷ thứ 13 tại Nhật; trong khi các nước Á Châu ở gần ñó, cho ñến thế kỷ thứ 20 vẫn chưa biết gì nhiều. Do vậy phần tiểu sử cũng như hành trạng và tư tưởng của Ngài Thân Loan chúng ta sẽ có cơ hội khảo sát rõ ràng hơn ở phần sau.

204 Tịnh độ Tông Nhật Bản

C.- Ngài Thân Loan (Shinran) và Tư Tưởng Tịnh độ

Dựa theo tiểu sử của Ngài Nguyên Không Pháp Nhiên thì Ngài tịch năm 1212 tại đại Cốc ở đông Sơn; lúc ấy Ngài 80 tuổi và trước ńó 4 năm; nghĩa là từ năm 1198-1211 Ngài ñược triều ñình cho phép về ở Chùa Thắng Vĩ tại Nhiếp Tân. Sau sự kiện hai cung nữ của Thượng Hoàng Hậu điễu Vũ tên là Tùng Trùng và Linh Trùng xuất gia tu hành ở đạo Tràng Niệm Phật tại Lộc Cốc ñã dẫn ñến việc tố cáo của Nam đô Bắc Lãnh (tức là kinh ñô phía Nam; ý nói những chùa thuộc vùng Nara và những người lãnh ñạo ở hướng Bắc; ý nói các Tông phái Phật Giáo khác phát xuất từ núi Tỷ Duệ); nên cuối cùng ñạo tràng Niệm Phật của Ngài bị ñình chỉ, 2 vị Tăng bị xử trảm và một số bị ở tù, trong ńó có Ngài Thân Loan; còn Ngài Pháp Nhiên lúc ấy ñã 75 tuổi, bị lưu ñày ñến Tân Kỳ. Như vậy sự kiện trên xảy ra vào năm 1207 tại Kyoto. Sự kiện nầy ñánh dấu một bước ngoặc quan trọng của Tịnh độ Tông tại xứ Nhật. Gồm những sự kiện như sau: Sự kiện thứ nhất. Vì uy tín của Ngài Pháp Nhiên quá lớn; nên trên từ Vua Chúa cho ñến thần dân ñều ngưỡng mộ quy y. Từ ńó những cung nữ trong triều ñình mới có

cơ hội làm quen với pháp môn niệm Phật. đây là cái cớ “một hòn ñá liệng chết 2 con chim cùng một lúc” ñể hạ uy tín của Ngài Pháp Nhiên. Kế ñầu tiên là vì các Tông phái khác tại Kyoto lúc bấy giờ hoạt ñộng không ñược triều ñình và dân chúng ủng hộ; cho nên sinh tâm ganh tị ńố kỵ, rồi viết tấu trạng lên triều ñình, cho rằng Pháp Môn Niệm Phật làm mê hoặc mọi người, mục ñích chỉ ñi dụ dỗ ñàn bà con gái. Do vậy nên cấm pháp môn nầy lưu hành và truyền bá trong dân chúng. Kế thứ hai là nữ sắc. Nhân việc hai cung nữ bỏ Thượng Hoàng ñể ñi xuất gia là một nỗi ñau lòng mất mát cũng như bẽ mặt của Thượng Hoàng. Do vậy có kẻ gièm pha thêm vào, thì ñây là một cách hay nhất ñể có thể triệt hạ uy tín của Ngài Nguyên Không Pháp Nhiên. Không những những người tiểu tâm tạo ñược cơ hội ấy rồi, mà còn cho ñám ñàn bà con gái ñến trước đạo Tràng Niệm Phật của Ngài chửi bới, vu khống, mạ lỵ chư Tăng ñệ tử của Ngài Pháp Nhiên. Do vậy mà có 2 vị bị xử trảm, 4 vị bị lưu ñày, trong ấy có Ngài Thân Loan. Khi Ngài Thân Loan bị ñày vào năm 1207 cùng với các vị huynh ñệ khác thì Ngài ñược một người con gái con quan ñem lòng yêu thương chăm sóc Ngài và cuối cùng ñã trở thành chồng vợ và vị nầy sau khi sinh ra 5 người con, cũng ñã xuất gia với pháp danh là Huệ Tín, cũng ñã nổi danh một thời. Sự kiện thứ hai là: Khi Ngài Pháp Nhiên 75 tuổi thì sự việc nầy xảy ra. Có lẽ Ngài ñã ngán ngẩm với việc ñời. Chuyện có nói không, chuyện không nói có; nên khi mối tình vương giả xảy ra giữa người con gái con quan và

người ñệ tử lớn của mình là Thân Loan, thì chính Ngài Pháp Nhiên ñã khuyên là Thân Loan nên lập gia ñình. Việc lập gia ñình ấy có lẽ theo Ngài Pháp Nhiên là một dấu ấn ghi lại sự chơn thật chứ không phải dối trá, ñiêu ngoa khi làm việc ñạo. Nghĩa là khi thương thì nói là thương, khi yêu thì cho cưới nhau, chứ không tránh né việc nầy. Có lẽ ñây cũng là một cuộc cách mạng trong thiền môn thuở ấy. Vì xưa nay, ai là người xuất gia, ñều phải cắt ái ly gia, không vướng bận thê nhi, tử tức; thế mà ñệ tử của Ngài Pháp Nhiên ñã khởi ñầu cho một giai ñoạn lịch sử như vậy; quả là một người có cái dũng và cái yếu kém của con người. Do cả hai sự kiện nầy ñi kèm cho nên Ngài Thân Loan tự

gọi mình là “kẻ trọc ñầu ngu ngốc Thân Loan” và là kẻ “Tăng chẳng ra Tăng, tục chẳng ra tục”. Thân Loan chấp nhận việc nầy và từ sự kiện nầy kéo theo liên tục không biết bao nhiêu sự kiện khác về sau nữa. Khi lập gia ñình thì sinh con ñẻ cái và con cái vẫn ở trong chùa. Cho ñến khi lớn lên lại kết hôn với những người có liên hệ với chùa và các vị trụ trì khác có gia ñình. đây là cái nhân ñầu tiên của Tịnh độ Chân Tông do Ngài Thân Loan chủ trương. Chỉ có Tông nầy là chính thức, còn các Tông phái khác vẫn còn vẫn nguyên quy củ của Thiền Môn như tự thuở nào. Mãi cho ñến năm 1868 là năm mà Vua Minh Trị Duy Tân ñất nước Nhật Bản theo ñà tiến bộ và phát triển khoa học, kinh tế của người Tây phương. Cho nên Vua Minh Trị, một ông Vua theo Thần đạo, vốn không có cảm tình nhiều với Phật Giáo, so với Thánh đức Thái Tử lúc ban ñầu; nên Vua Minh Trị ñã ra một sắc lệnh vào năm 1868 bắt buộc chư Tăng phải lập

gia ñình và sống ñời kinh tế tự túc ñể tăng gia việc sản xuất cho quốc gia. Từ ñó ñến nay (2011) hầu hết tất cả các Tông Phái khác như: Thiền, Mật, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa v.v... quý Thầy ñều lập gia ñình; giống như Tịnh độ Chơn Tông của Ngài Thân Loan từ ñầu thế kỷ thứ 13 vậy. Nếu kể từ năm 1207 ñến năm 1868 là 611 năm và nếu kể từ năm 1868 ñến năm 2011 là 143 năm. Nếu tính chung từ 1207 ñến nay (2011) là 804 năm chư Tăng Phật Giáo Nhật Bản ñã, ñương và sẽ sống một cuộc sống giữa thế tục và xuất thế. Họ làm nhiệm vụ giúp ñỡ về vấn ñề tâm linh cho người Phật Tử; giữa kẻ sống và người chết. Hầu hết họ không thọ giới Tỳ Kheo mà chỉ thọ giới Bồ Tát. Họ vẫn có chế ñộ xuất gia; nhưng là cha truyền con nối. Nếu vị Trụ Trì ấy không sinh con trai, chỉ sinh con gái; bắt buộc cậu rể phải xuất gia, học ñạo theo Tông phái ấy rồi mới ñược làm chồng cô con gái của vị trụ trì kia. Sau nầy khi vị Trụ Trì viên tịch thì người rể sẽ thay thế nhiệm vụ trụ trì ngôi chùa ấy. Vào ngày 22 tháng 2 năm 1972 lần ñầu tiên tôi ñặt chân ñến Nhật Bản ñể du học, thấy cái gì cũng quá mới mẻ, hiện ñại và ngỡ ngàng. đến cuối năm 1972 tôi thi ñậu vào đại Học Teikyo (đế Kinh) thuộc thành phố Hachioji. Lúc ấy tôi xin tá túc tại chùa Honryuji tại Hachioji thuộc phái Nhật Liên Tông. Từ ñó tôi hiểu nhiều hơn về thực trạng của Phật Giáo Nhật Bản so với lúc ban ñầu. Có lần tôi dùng tiếng Nhật ñể hỏi một vị Tăng trẻ Nhật Bản rằng: Ở Nhật Bản phái Tân Tăng bây giờ ra sao rồi ? Vị ấy ñáp rằng: Ở ñây ñâu có ai mới, ai cũng ñã cũ hết rồi. Ý vị ấy muốn trả lời rằng: Chư Tăng tại Nhật ñã lập gia ñình từ lâu rồi; ñâu có gì mà cũ với mới.

Khi tôi viết tác phẩm nầy là vào cuối năm 2011 trên núi ñồi đa Bảo tại Úc đại Lợi và năm 2012 tác phẩm thứ 59 nầy mới xuất bản ñánh dấu 40 năm tôi ở nước ngoài gồm hơn 5 năm sống ở Nhật và hơn 34 năm sống tại đức, tôi ñã chứng thực ñược lời nói của vị Sư trẻ tại chùa Honryuji thuở ấy là ñúng. Vì chỉ có mình là mới và bảo thủ cũng như lập dị, chỉ muốn ñi con ñường xưa theo truyền thống, chứ ñâu có ai cũ mới gì. Tôi ñọc ñược một bài phóng sự trên báo Sàigòn tại Úc vào cuối năm 2011 tại Seyney có ñăng một tin khá hài hước, khiến cho ai ñó có óc tò mò cũng muốn xem thử ra sao. đó là tin “Những nhà Sư Nhật Bản ñăng báo tìm vợ”. Tôi ñọc hết ñoạn văn trên và tự suy nghĩ rằng: Vậy thì những Tu sĩ Nhật Bản ñã ñược có quyền lập gia ñình từ thế kỷ thứ 13 ñến

nay ñã hơn 800 năm rồi mà cũng ñâu có thể giải quyết ñược hết những chuyện khó khăn của việc lập gia ñình ñể có thêm người nối dõi Tông Phong, Pháp Phái như các vị Tổ ñã chủ trương; hoặc như Vua Minh Trị ñã ñề xướng là chư Tăng lập gia ñình ñể tăng thêm ñơn vị sản xuất cho quốc gia. Vấn ñề ở ñây là vấn ñề sanh tử luân hồi; chứ không phải là vấn ñề có vợ hay không có vợ. đi xuất gia mà còn bận rộn con ñường tại gia thì làm sao có thể siêu thoát dễ dàng ñược. Do vậy Tịnh độ Chơn Tông ở Nhật do Ngài Thân Loan chủ trương rằng chỉ cần tu một ñời là thành Phật, không quản là tại gia hay xuất gia. Nếu ai tin niệm câu Phật hiệu Nam Mô A Di đà thì qua bổn nguyện lực của đức Phật nầy, người ấy sẽ siêu sinh về Tịnh Cảnh. Rồi Chơn Ngôn, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa v.v... hầu như tất cả các Tông Phái khác của Nhật ñều chủ trương như vậy (xem thêm các sách mà tôi ñã dịch từ tiếng

Nhật sang tiếng Việt như: Lâm Tế Tông xuất bản năm 2006; Tịnh độ Tông xuất bản năm 2007; Tào động Tông xuất bản năm 2008; Pháp Hoa Tông (Nhật Liên Tông) xuất bản năm 2009 và Chân Ngôn Tông xuất bản năm 2010); nghĩa là: tức thân thành Phật; một ñời tu chứng v.v... Giáo lý ấy có thể khế hợp với người Nhật; nhưng một số người theo Phật Giáo đông Phương khác chắc khó chấp nhận. Giáo Hội Thiên Chúa Giáo La Mã thuộc ñịa phận nước đức, mới ñây vào năm 2010 họ có ñại hội ñồng tại Fulda; nhằm giải quyết những khó khăn nội tại của Giáo Hội nầy; ñặc biệt là vấn ñề ñời sống ñộc thân của các Linh Mục. Vì suốt trong thời gian qua, Giáo Hội Thiên Chúa Giáo La Mã ñã bị những tín hữu của họ công bố công khai trên báo chí và các phương tiện truyền thông khác nhau về ñời sống không thanh tịnh của những chức sắc Tôn Giáo và các Giáo Hội tại Mỹ Châu, Úc Châu cũng như Âu Châu ñã bỏ ra số tiền quá lớn, trên cả bao nhiêu tỷ ñô la ñể ñền bù cho việc nầy. Do vậy có một số các nhà Thần Học và những vị thuộc tư tưởng cấp tiến ñề nghị hơi táo bạo là “nên chấm dứt ñời sống ñộc thân của Linh Mục”. Dĩ nhiên là cũng có người tán ñồng, bênh vực cho ý tưởng nầy; nhưng cũng còn lắm người bảo thủ chống ñối lại. Dĩ nhiên là Giáo Hội La Mã cũng xem dò dư luận và vẫn luôn giữ lập trường của mình như xưa nay. Vì họ lý luận rằng: Như Giáo Hội Tin Lành đức ñã ly khai và các Mục Sư ñã có gia ñình; người nữ cũng ñược quyền làm Giám Mục v.v... nhưng những vấn ñề tội phạm ñâu phải là không có. Ví dụ như uống rượu say khi lái xe, phạm pháp v.v... Do vậy họ kết luận rằng: đây là vấn về

tín lý, vấn ñề ñức tin chứ không phải là vấn ñề lập gia ñình hay không lập gia ñình. Trở lại vấn ñề nầy phần trên ñối với chư Tăng Nhật Bản cũng vậy thôi. Họ ñã ñược phép lập gia ñình hơn 800 năm nay nhưng họ vẫn thiếu người phối ngẫu ñể kết hôn, nhằm lo cho chùa viện. Như vậy vấn ñề chính nó không nằm ở ñiểm nầy. Ngoài ra chư Ni tại Nhật không lập gia ñình; nhưng các Ni Viện của Nhật Bản vẫn còn tồn tại và phát triển cho ñến ngày hôm nay. Vậy vấn ñề chính, ñó là vấn ñề ý thức cá nhân của những người làm việc Tôn Giáo; chứ không phải là vấn ñề nên lập gia ñình hay không nên lập gia ñình. Luôn dịp trình bày về hoàn cảnh cũng như hiện trạng của Phật Giáo Nhật Bản thời xưa và thời nay; chúng tôi cũng muốn trình bày một số quan ñiểm của mình về

vấn ñề nầy sau gần 50 năm xuất gia học ñạo; ngay cả khi còn sống ở trong nước và hoàn cảnh của người xuất gia ñang sinh sống tại ngoại quốc ngày nay. Trước năm 1975, sau khi Cố Hòa Thượng Thích Mãn Giác du học tại Nhật về; lúc ấy Ngài làm Phân Khoa Trưởng Phân Khoa Phật Khoa tại đại Học Vạn Hạnh Sàigòn có lần ñề nghị với Cố Hòa Thượng Thích Trí Thủ là nên cho chư Tăng Việt Nam lập gia ñình giống như chư Tăng Nhật Bản. Lúc ấy quý Thầy theo Tây học còn trẻ ña phần chấp nhận bằng cách làm thinh. Còn Ôn Trí Thủ bảo rằng: Tôi già rồi; còn quý Thầy trẻ muốn làm gì thì làm! Có vui gì ñâu khi dân mình còn khốn khổ mà quý Thầy lại chủ trương như vậy! Thế rồi chuyện cũ ñã chìm sâu vào dĩ vãng. Vì lúc ấy không có sự kiện nào quan trọng xảy ra như sự kiện vào năm 1207 tại Nhật. Như vậy Ngài Thân Loan không những ñược Thầy mình là

Ngài Pháp Nhiên chấp nhận một cách dễ dàng, mà còn khuyến khích Ngài Thân Loan tiến hành việc lấy vợ nữa. Còn ở Việt Nam chúng ta thuở ấy những Hòa Thượng lớn không tán ñồng, thì quý Thầy nhỏ ñâu dám chính thức. Mặc dầu ở Việt Nam cũng có một số Tông phái khác chính thức lập gia ñình như Cổ Sơn Môn và những Ông Lục ở miền Tây. Riêng tôi, khi ñộ ñệ tử xuất gia cũng gặp một vài trở ngại; nhất là những người trẻ xuất gia tại ngoại quốc nầy. đây là việc riêng của tôi; nhưng cũng có thể là việc chung của Giáo Hội. Vì lẽ hoàn cảnh ở ngoại quốc, nơi nào cũng giống nhau cả. đi từ vấn ñề căn bản là giáo dục. Nền giáo dục của Á Châu chúng ta, nhất là giáo dục Tôn Giáo; chúng ta chọn cách từ chương và mô phạm; nghĩa là ông Thầy dạy cái gì thì người học trò học cái ñó, không phản ñối, không tìm tòi thêm; nên cái học ấy có tính cách thụ ñộng. Trong khi ñó tất cả các trường tại ngoại quốc ngày nay từ Tiểu Học lên Trung Học; từ đại Học lên Hậu đại Học những nơi nầy họ ñều dạy những gì người học trò muốn học; chứ không phải dạy những gì như ông Thầy muốn dạy. Ở ngoại quốc họ trọng tư tưởng cá nhân. Vì vậy chủ nghĩa cá nhân tại học ñường là một chủ nghĩa chỉ ñạo cho mọi sinh hoạt trong ñời sống thường tình. Từ nhà, chùa, giáo ñường ra ñến học ñường, Tu viện v.v... tất cả ở Âu Mỹ ñều trọng cách giáo dục nầy. Dĩ nhiên ñây chẳng phải là một lối giáo dục hoàn hảo; nhưng những thế hệ sinh ra và ñược ñào tạo nơi ñây, tất cả ñều chịu ảnh hưởng như vậy. Nếu chúng ta không khéo giải quyết, sẽ tạo ra một sự tác dụng ngược lại, không cần thiết; từ ñó khiến cho thế hệ ñi

trước và thế hệ ñi sau khó bề mà cảm thông và gần gũi với nhau ñược. Ngày xưa tôi quan niệm rằng: “Tu thì phải tu cho trót; gọt thì phải gọt cho trơn”. đó là câu tục ngữ Việt Nam và ña phần quan niệm của người Việt Nam cũng vậy. Nghĩa là khi ñã phát tâm ñi xuất gia rồi thì phải trọn ñời tu niệm, ở trong chùa ñể hành ñạo và cầu giải thoát sanh tử luân hồi. điều nầy cũng ví như người ta gọt một quả cam hay quả dưa, phải gọt cho trọn vẹn; không bỏ lỡ giữa chừng. Thật ra ñây là lý tưởng; còn trên thực tế không phải vậy. Vì lẽ tất cả ñều do nhân duyên và nghiệp lực của mỗi người thành tựu và chi phối. Cho nên đức Phật nói trong kinh A Hàm rằng: Ai hiểu ñược pháp duyên khởi là hiểu Pháp; ai hiểu Pháp, tức người ấy hiểu Phật; hoặc ngược lại người nào hiểu

Phật; tức là người ấy hiểu Pháp và người nào hiểu Pháp; tức là hiểu pháp duyên khởi. Vậy duyên khởi là gì ? Phép duyên khởi Phật dạy rằng: “Tất cả các pháp ñều do nhân duyên sinh Tất cả các pháp ñều do nhân duyên diệt và tự tánh của các pháp ñều là không”.

Sanh và Diệt không ai sanh ra và không ai có thể tự làm cho mất ñi; ngoại trừ chính hiện tượng ấy tự sanh và tự diệt. Như vậy nhân duyên sẽ tạo ra sự sanh, diệt hay tồn tại của một pháp, mà pháp ấy tự tánh nó vốn là không. Nếu ñã là không, thì bám víu và chấp vào không ñể làm gì? Vì bản thể của vạn vật là không có tướng thật. Nếu hiểu ñược như vậy rồi thì cái nhìn của chúng ta về

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 213

sum la vạn tượng trong trời ñất nầy nó sẽ thông thoáng hơn. Ngay cả như lấy trường hợp những bạn ñồng tu của tôi làm ñiển hình. Trong gần 50 năm ấy ñã có biết bao nhiêu người tu không nổi nữa; nên ñã hoàn tục lập gia ñình. Có nhiều người cũng khốn ñốn, khổ sở chạy cơm từng bữa mà vẫn không trả nổi nợ áo cơm và thê tử. Cũng có người sau khi hoàn tục, lại xuất gia trở lại và có người cũng chẳng bén mảng ñến chùa; nhưng số ít vẫn còn tiếp tục tu học tại Thiền môn và trở thành Thượng Tọa, Hòa Thượng, Ni Sư cũng như ñi Trụ Trì một vài chùa to lớn ở trong cũng như ngoài nước. đây là một bằng chứng ñiển hình ñể chính tôi và tôi cũng mong rằng tất cả mọi người Việt Nam, Phật Tử cũng như không Phật Tử nên có cái nhìn thông thoáng hơn về việc xuất gia học ñạo của một người nào ñó. Do nhân duyên mà họ xuất gia tu học và cũng bị trở duyên mà họ phải về lại sống với cuộc sống thường tình, thì chúng ta cứ tự nhiên chấp nhận; không cưỡng ép và ñòi hỏi gì nhiều hơn nữa. Vì họ ñã không thể gánh một gánh nặng trên vai ñi tiếp tục nữa, thì người ấy có quyền ñể gánh xuống nghỉ và họ tiếp tục bước ñi trong kiếp sống của một con người bình thường. Chúng ta không vì thế mà khinh chê họ, coi thường họ, ñể họ có khi phải ñối mặt lại với đạo, thì chúng ta sẽ mất ñi một con người ñã có tâm với ñạo suốt một ñoạn ñường dài. Biết ñâu sống với cảnh ñời oái oăm ngang trái, họ có ñủ kinh nghiệm ñể họ trở lại ñường tu. Vì đức Phật có cho phép một người ñàn ông có thể vào ra 7 lần nơi cửa Phật; trong khi ñó người nữ chỉ một lần thôi.

214 Tịnh độ Tông Nhật Bản

Nếu chúng ta mở thoáng cánh cửa như thế, thì họ lui tới cửa chùa dễ dàng hơn và việc đạo chúng ta cũng có người phụ giúp. Bằng ngược lại, chúng ta chỉ thiếu người và không khéo còn tạo ra những thế bất lợi khác nữa. Do vậy chúng ta phải nên nhìn họ dưới con mắt bình thường. Còn nghiệp duyên của họ tự họ phải xoay xở lấy. Vì cửa chùa là cửa Từ Bi, bao giờ cũng mở rộng. Như vậy theo quan ñiểm của riêng cá nhân tôi về việc trên là: Vị nào muốn sống một cuộc sống Phạm hạnh suốt ñời ở Thiền môn; ñiều ấy quá tốt và ñáng trân quý, thì xin hãy là nơi mô phạm; nơi Phước ñiền ñể cho tín chúng quy ngưỡng vào và tiếp tục con ñường xuất gia có ý nghĩa của mình cho ñến khi nắp quan tài ñậy lại. Còn vị nào ñã phát tâm ñi xuất gia; nhưng giữa ñường gãy gánh vì bất cứ một lý do gì ñó như: Vướng nghiệp tình duyên, hoàn cảnh gia ñình, chán

ñời sống tu sĩ, nghiệp chướng, bệnh hoạn v.v... thì hãy về ñời lấy vợ sinh con; hoặc ở ñộc thân như thế ñể tiếp tục hộ trì Phật Pháp bằng nhiều hình thức khác nhau; không có gì trở ngại cả. Cho nên đức Phật ñã dạy rằng: đệ tử của ta gồm hai hạng. đó là người xuất gia và người tại gia. Người xuất gia sống không có gia ñình riêng, sống một cuộc ñời tịnh hạnh, nhằm giúp ñỡ cho nhân sinh thoát khỏi kiếp sanh tử luân hồi. Còn người tại gia sống có gia ñình. Xây dựng gia ñình thành một cuộc sống an lạc, hạnh phúc ñể hộ trì Tam Bảo. Nói tóm lại người nào muốn xuất gia thì vào chùa tu học; không muốn ñi tu nữa thì hoàn tục. Dầu có hoàn tục cũng còn có cơ hội ñi xuất gia lại nữa; không có gì ñể phải phân vân. Vì vậy các nước Nam Tông Phật Giáo như Thái Lan, Lào, Cam Bốt, Tích Lan ñều có tạo ra tục lệ tu

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 215

trả hiếu, tu tạo phước, tu gieo duyên cho những ai muốn sống với cửa chùa trong thời gian một tuần lễ, 3 tháng, một năm. Nếu thấy sống ở Thiền Môn thích hợp thì tiếp tục tu trì; nếu không, có thể gởi y áo lại chùa ñể hoàn tục. Tất cả ñều ñược chấp nhận theo truyền thống Nam Tông. Chỉ riêng truyền thống Bắc Tông còn giới hạn bởi quan niệm xưa cũ như trên ñã trình bày. Vậy chúng ta nên sửa ñổi lại. Vì thời gian ñã thay ñổi thì thế giới phải ñổi thay và quan niệm sống đạo cũng phải khế hợp với từng thời ñại và từng ñịa phương vậy. Dĩ nhiên là Tôn Giáo nói chung và Phật Giáo nói riêng, nó sẽ không bị tiêu diệt, dầu ở bất cứ hình thức nào. Nó chỉ biến dạng ñể thích nghi tùy theo từng thời ñiểm và từng quốc ñộ ñể lời Phật dạy vẫn còn có giá trị với khoảng không gian vô cùng và thời gian vô tận ấy. Nếu lỡ có những cư sĩ nam hay hay cư sĩ nữ; hoặc Tỳ Kheo hay Tỳ Kheo Ni phá giới thì họ phải tự sám hối về những hành vi tội lỗi của mình và nhất là luôn phải có những thiện hữu tri thức ñi cùng ñể khuyên răn giúp ñỡ người phạm giới ấy nhớ câu Phật hiệu A Di đà, ñể ít ra trạng thái lâm sàng xảy ñến, thì người nầy cũng sanh về Tịnh độ ở Thai Cung Biên địa trong Hạ Phẩm Hạ Sanh. đây chính là lời bổn nguyện của đức Phật A Di đà ñã ñược đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy cho Hoàng Hậu Vy đề Hy trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ cách quán thứ 16 ở Hạ Phẩm Hạ Sanh. Trên ñây không phải là môt sự bênh vực hay tán ñồng một xu thế hay trào lưu mới nào. Vì xu thế hay trào lưu nó chỉ có tính cách như một phong trào. Phong có nghĩa là gió; Trào có nghĩa là nước thủy triều. Mỗi ngày gió thay ñổi nhiều lần, nhiều hướng; còn thủy triều lên

216 Tịnh độ Tông Nhật Bản

xuống hai lần; mỗi lần mỗi khác, ñâu có lần nào giống nhau. Do vậy mà chúng ta phải ñứng lên trên tất cả những sự thay ñổi ñể dung hợp, sửa ñổi từ quan ñiểm cho ñến cách nhận thức v.v... có như thế đạo Phật mới ñược nhờ. đức Phật ñang ngự trị trên tòa sen, trên không trung khi Ngài nhìn xuống chúng sanh ở thế giới Ta Bà nầy ở vào thời kỳ mạt pháp như vậy; chắc Ngài cũng vận bi tâm nhiều lắm ñể soi ñường chỉ lối cho chúng sanh; nhưng nay là thời ma mạnh mà pháp Phật thì càng yếu dần; cho nên hiện tượng ma hại Phật, ma giả Phật ñã làm cho ñiêu ñứng cửa chùa và Phật Pháp không ít. Chỉ mong rằng ñời nào cũng luôn có những bậc chân nhân xuất thế, nhằm cứu đạo giúp ñời. Có như vậy cuộc ñời nầy mới có giá trị hơn. Bằng ngược lại, dầu chúng ta có

sống với bao nhiêu tiện nghi vật chất do con người và khoa học ngày nay ñem lại ñi chăng nữa, thì ñó cũng chỉ là những ảo ảnh của cuộc ñời. Vì mọi hiện tượng không thật có trên thế gian nầy. Ngay cả hiện tượng vui buồn; ñược, mất; hơn, thua; lợi, danh v.v... tất cả ñều vô nghĩa và dẫu cho con người có một tình yêu cao thượng, một ñịa vị giàu sang; một ngôi vị ñế Vương ñi nữa... thì tất cả nó cũng chỉ là một sự cảm thọ của ngũ uẩn gồm mắt, tai, mũi, lưỡi, thân mà thôi. Khi mắt không còn thấy ñẹp; tai không còn nhận ra tiếng hay, mũi không còn ngửi ñược mùi thơm, lưỡi không còn nếm ñược những vị ngon, ngọt và thân không còn cảm nhận ñược sự mịn màng, mềm dịu, tươi mát nữa thì lúc ấy không cũng lại hoàn không mà thôi. Trên ñây chỉ là ý kiến thô thiển riêng tư của chúng tôi; tự thấy ñối với bản thân mình, ñối với những người

ñồng liêu thuở nhỏ và ngay cả ñối với những người ñệ tử xuất gia của mình ở ngoại quốc ngày nay và tuyệt nhiên không ñại diện cho ai cả ñể ñi ñến một ñiểm chung, mà ñây chỉ là quan niệm cá nhân riêng lẻ. Nếu ai ñó cần thì cứ tham khảo. Việc nào chấp nhận ñược thì chấp nhận. Còn việc nào nếu thấy trái tai gai mắt; trái ý nghịch lòng, thì hãy xem ñây là việc gió thổi mây bay mà thôi. Xem ra chẳng có vấn ñề gì quan trọng cả. Sau ñây là Tiểu Sử của Ngài Thân Loan Thánh Nhơn (1173-1262). “Tổ khai sáng của Tịnh độ Chơn Tông Nhật Bản, người Kyoto, họ đằng Nguyên. Sư mồ côi cha mẹ từ thuở nhỏ, theo Ngài Từ Viên ở viện Thanh Liên cạo tóc xuất gia. Từ ñó Sư ñổi tên nhiều lần như: Phạm Yến, Xước Không (tức đạo Xước và Nguyên Không), Thiện Tín, Ngu Ngốc Thân Loan... Sau, Sư ñến núi Tỷ Duệ và Nam đô (Nara) học tập, nghiên cứu các Tông, nhưng chưa ñược thỏa mãn. Niên hiệu Kiến Nhân năm ñầu (1202), bấy giờ ñã 29 tuổi, Sư ñến tham vấn Ngài Pháp Nhiên ở Cát Thủy mới ñạt ñược túc chí và dốc toàn lực vào pháp môn niệm Phật tha lực. Nhưng pháp môn niệm Phật của Ngài Pháp Nhiên bị chê bai; nên Thầy trò ñều ñắc tội (xem thêm sự kiện năm 1207 ở trên). Sau, Ngài Thân Loan ñược phép trở về Kyoto, bèn ñến các vùng Tín Nùng (huyện Trường Dã), Hạ Dã (huyện Bản Mộc), Thường Lục (huyện Thứ Thành)... thuyết pháp giáo hóa, tín ñồ quy y rất ñông. Niên hiệu Nguyên Nhân năm ñầu (1224) Sư soạn Giáo, Hạnh, Tín, Chứng 6 quyển tại thảo am đạo điền ở Thường Lục, trở thành Thánh điển căn bản của Chân

Tông sau nầy. Sau, niên hiệu Nguyên Nhân năm ñầu ñược lấy làm kỷ nguyên khai Tông lập Phái. Năm 60 tuổi, trên ñường trở về Kyoto, Sư sáng lập chùa Cẩm Chức ở Mộc Bộ thuộc Cận Giang (huyện Tư Hạ). Sau khi ñến Kyoto, Sư ra sức giáo hóa và soạn thuật tại các chùa Cương Kỳ, Cát Thủy, Ngũ điều, Tây động Viện... Năm Hoằng Trường thứ 2 (1262), Sư thị tịch, thọ 90 tuổi. đệ tử an táng Sư ở Huệ Cốc, thụy hiệu là Kiến Chân đại Sư. Sau khi làm đệ tử Ngài Pháp Nhiên, ñược Thầy cho phép, Sư lấy Sư Huệ Tín làm vợ ñó là khởi nguồn cho chế ñộ lấy vợ của Tịnh độ Chân Tông. Con trai của Sư là Thiện Loan (Nghĩa Tuyệt) và con gái là Ni Giác Tín ñều nổi tiếng ở ñời. đệ tử của Sư có các vị: Chân Phật, Tính Tín, Duy Viên... Sư ñể lại các tác phẩm như: Giáo, Hành, Tín, Chứng; Tịnh độ Văn Loại tụ sao; Ngu Ngốc sao, Nhập Xuất nhị môn kệ tụng, Nhất niệm ña niệm văn ý, Duy Tín sao văn ý... và rất nhiều loại tán khác”. (Trích Phật Quang đại Từ điển

trang 5346). (Xem Thiện Tín Thánh Nhơn Thân Loan truyện hội; Thập Di cổ ñức truyện quyển 7, 9; Tịnh độ Chân Tông Thánh Giáo mục lục). Xem qua Tiểu Sử của Ngài Thân Loan và Ngài Pháp Nhiên chúng ta thấy những sự thật mà sử sách ñã ñược ghi. đó là việc các Ngài bị tù ñày và chuyện thị phi. Ngài Thân Loan lấy vợ (có lẽ là năm 1207, lúc ấy Ngài 34 tuổi) và sau khi Ngài lấy vợ và cũng là lúc Thầy mình sắp viên tịch; cho nên có nhiều vấn ñề trong huynh ñệ ñã xảy ra liên tục; cho nên Ngài mới viết thành Giáo, Hạnh, Tín,

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 219

Chứng ñể làm tài liệu tu học cho chư Tăng, Ni và Phật Tử, với những ai còn thích tu tập theo pháp môn Niệm Phật cũng như hoài vọng ñến Thầy mình. Thế nhưng sau nầy Ngài Duy Tín cũng sao lục lại 18 ñiều; 10 ñiều ñầu là lời dạy của Thánh Nhân; 8 ñiều sau là tư tưởng của Ngài và những người ñại diện ñương thời. đây có thể nói là một quyển sách bình luận về tư tưởng Tịnh độ của Ngài Pháp Nhiên và Ngài Thân Loan. Sự kiện tiếp theo là qua những tác phẩm sáng tác của Ngài Thân Loan; trong ấy Ngài ñã nói lên ñược tất cả những ñiều Ngài muốn tỏ bày dựa theo Bổn Nguyện lực của đức Phật A Di đà. Ví dụ như Ngài cho rằng: người ác dễ tu hơn người hiền và Phật; Bồ Tát thương những người ác hơn; tăng tục không có sự phân biệt khi tu theo pháp môn Tịnh độ và tư tưởng nhị hà bạch lộ dựa theo tư tưởng của Ngài Thiện đạo và Pháp Nhiên. Riêng Thân Loan, Ngài chủ trương muốn vãng sanh Tịnh độ thì phải có ñầy ñủ 5 ñiều kiện. đó là: Chí tâm, tín nhạo, dục sanh, nhiếp thủ và bất xả. đồng thời Ngài chủ trương việc vãng sanh có hai loại là hoàn tướng và vãng tướng. điều quan trọng và khác biệt nhất giữa hai Thầy Trò là việc vãng sanh ấy hoàn toàn dựa vào tha lực và do bổn nguyện của đức Phật A Di đà, chứ tự lực vãng sanh hầu như không thể thực hiện ñược. đó là những tư tưởng căn bản; chúng ta sẽ lần lượt ñiểm qua từng sự kiện một ñể làm sáng tỏ tư tưởng của Ngài. Những tài liệu tích góp, ngay cả những câu chuyện ñược kể lại ñể ñược ghi chép vào sách vở về sau nầy, công của Ni Huệ Tín không phải nhỏ. Giáo, Hạnh, Tín, Chứng là một bộ sách gồm 6 quyển. đây là bộ Thánh điển quan trọng của Tịnh độ

220 Tịnh độ Tông Nhật Bản

Chân Tông Nhật Bản ñược thu vào đại Chánh tân tu tập 83. Ở ñây Ngài muốn giải thích về Chân Phật ñộ và hóa thân ñộ. Năm quyển ñầu giải thích về việc giáo lý chân thật, quyển thứ 6 thì nói về giáo lý phương tiện. Những lời dạy ấy (giáo) dùng ñể chỉ cho Kinh đại Vô Lượng Thọ; Hành tức là thực hành niệm 6 chữ hồng danh Nam Mô A Di đà Phật; Tín là cái nhân chính của sự vãng sanh, cũng là lòng tin ñối với đức Phật A Di đà; Chứng nghĩa là nhờ Hành và Tín mà ñược chứng quả. Chân Phật ñộ nghĩa là Tịnh độ. Lại nói: Trong hóa thân ñộ tu hành giáo phương tiện ñể hiển rõ "chân" (Chân Phật ñộ) và "ngụy" (Hóa thân ñộ). Tư tưởng nầy ñược lặp lại qua tư tưởng: Giữa hai dòng sông có một con ñường trắng, do Ngài Thiện đạo chủ xướng, Ngài Pháp Nhiên lặp lại và bây giờ Ngài Thân Loan làm sáng tỏ hơn. Nghĩa là khi tâm thức của người chết ñang trôi lơ lửng giữa một dòng sông bên nầy hướng về sự sanh tử và một dòng sông bên kia hướng ñến sự ñọa lạc. Ở giữa lại xuất hiện một dòng sông màu trắng; nơi ấy có đức

Phật A Di đà xuất hiện ñể ñón tiếp chúng sanh qua tiếng niệm Phật nhất tâm của những thiện hữu tri thức và cả người ñang hấp hối. Sau khi bản dịch về Tịnh độ Tông của tôi dịch từ tiếng Nhật sang tiếng Việt thì nhạc sĩ Phi Long; tức là Thầy Viên Giác trụ trì chùa đôn Hậu tại Trondheim Na Uy ñã sáng tác một bản nhạc tên là "Giữa hai dòng sông" rất hay. đây là tư tưởng Tịnh độ của ba vị Tổ thuộc Tịnh độ Tông Trung Hoa và Nhật Bản. Năm 2012 tại Nhật có lễ kỷ niệm 750 năm của Ngài Thân Loan và 800 năm của Ngài Pháp Nhiên viên tịch. Tại ñó Tịnh độ Chân Tông cử hành những pháp hội ñặc

biệt ñể báo ân chư Tổ của họ và dĩ nhiên những tác phẩm ñặc biệt như trên sẽ xuất hiện rầm rộ ở tại Nhật và ngoại quốc ñể xiển dương tư tưởng của Tông phái mình. Tại sao Ngài cho rằng: Kẻ ác tu mau chứng ñạo hơn người hiền? Ngài Thân Loan lấy những ví dụ lịch sử như chuyện của Vô Não, của A Xà Thế ñể chứng minh. Ngài kể rằng: Khi Vô Não gặp Phật, Vô Não muốn giết hại Phật. Vô Não bảo rằng: Nầy ông Cồ đàm! Ông hãy dừng lại! đức Phật ñáp: Chính ngươi mới là người ñáng dừng lại; còn Như Lai ñã dừng lại từ lâu rồi! Chỉ nghe một câu ấy mà Vô Não buông dao giết người xuống, quy y Phật và chứng quả Dự Lưu. điều ấy chẳng phải là người ác, khi hồi ñầu, họ ñều có tính giác cao chăng? Ví dụ thứ hai mà Ngài ñưa ra là A Xà Thế, khi nghe Hoàng Hậu Vy đề Hy mẹ mình kể về cha mình; tức là Vua Tần Bà Xa La thuở A Xà Thế còn nhỏ bị bịnh nhọt ñầy mình. Bình Sa Vương vì không muốn con mình bị ñau nhức; nên ñã dùng chính miệng của mình ñể hút những mụt nhọt ấy, khiến cho A Xà Thế bớt ñau. Khi nghe ñến ñó, A Xà Thế hối hận vô cùng và bảo quân hầu hãy thả Phụ Vương ta ra. Nhưng lúc ấy thì Bình Sa Vương nhờ tu theo pháp Bát Quan Trai do đức Phật ñã chỉ dạy mà ông ñã băng hà, sanh thiên trước ñó mấy ngày. Ngay khi thức tỉnh như vậy A Xà Thế ñã chứng quả Dự Lưu và chính nhà Vua nầy ñã hỗ trợ chư Tăng ñể kết tập kinh ñiển lần thứ nhất sau khi đức Phật nhập diệt 100 ngày tại ñộng Thất Diệp do Ngài Ma Ha Ca Diếp làm thủ tọa.

222 Tịnh độ Tông Nhật Bản

Có lẽ ñó là vào thời chánh pháp. Bởi vì có nhờ uy lực của Phật, ñã nhiếp hóa những chúng sanh khó trị nầy; còn thời tượng pháp và thời mạt pháp này ít có người nào ñược như vậy. Tiếp ñến Ngài Thân Loan giới thiệu tư tưởng ñộc ñáo của mình về lòng từ của đức Phật A Di đà ñối với những người kém phước ñức như sau: Ngài bảo rằng: nếu cha mẹ nào ñó có mấy người con; trong số con cái ấy có người bệnh nặng, thì cha mẹ ấy quan tâm người con bị bệnh hơn là những người bình thường khác. Từ ñiểm nầy Ngài Thân Loan cho rằng: Phật sẽ cứu những kẻ tội lỗi, những người ác không khác hơn những người hiền; ngược lại còn cứu nhanh, cứu gấp nữa. Hoàn tướng có nghĩa là sau khi chúng sanh ấy ñã vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc; nhưng nếu còn tâm cứu ñộ chúng sanh ở thế giới Ta Bà nầy nữa, thì có thể phát nguyện trở lại thế gian nầy ñể ñộ sanh. Còn vãng tướng là tướng của một hành giả ñã ñược vãng sanh và ở nơi thế giới Tịnh độ ấy ñể tu cho ñến giải thoát, chứng quả vô thượng Bồ đề. đây cũng là tư tưởng Bồ Tát ñạo theo Tịnh độ Chân Tông mà Ngài Thân Loan ñã chủ trương. Tất cả những sự vãng sanh như vậy theo Ngài Thân Loan ñều là do tha lực và bổn nguyện lực

của đức Phật A Di đà; còn tự lực vãng sanh dưới cái nhìn khác với Thầy mình là hoàn toàn không thể thực hiện ñược. Dầu cho người ác hay người hiền, người lành hay kẻ dữ... ñều do đức Phật A Di đà qua bổn nguyện lực mà tiếp dẫn về Tây Phương Tịnh độ qua 48 lời nguyện của mình.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 223

để ñược vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, Ngài Thân Loan chia ra làm hai ñối tượng rõ ràng qua 5 việc như sau: đó là 3 việc của người cầu giải thoát sanh tử và 2 việc của Bồ Tát tiếp dẫn về Tây Phương. Ba việc ñầu ấy là: Chí tâm, tín nhạo và dục sanh. Hai việc sau là nhiếp thủ và bất xả. Một hành giả muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc phải một lòng chí tâm, chí thành cầu nguyện khi niệm Phật và phải vui tin theo câu Phật hiệu ấy thì việc niệm Phật mới linh ứng. Kế tiếp là người phát tâm sanh về thế giới ấy phải thực sự muốn vãng sanh. đây là 3 ñiều kiện căn bản ñể phát nguyện. Khi Bồ Tát Quan Âm và Bồ Tát Thế Chí ñến ñón về Tây Phương rồi thì hai Ngài nầy sẽ nắm giữ chúng sanh ấy khi ñã có ý vãng sanh và sự gìn giữ thật chu ñáo; không cho chúng sanh nầy bị ñọa lạc trong sanh tử luân hồi nữa. Ngài Thân Loan hành trì Pháp Môn Niệm Phật với tư cách nửa ñời, nửa ñạo. Vì lẽ Ngài có gia ñình con cái; nhưng Ngài không bỏ tư cách người tu. Do vậy Ngài hay tự gọi mình là "kẻ ngu ngốc trọc ñầu Thân Loan". Sau ñây chúng ta nên tìm hiểu về tác phẩm nầy ñể rõ biết tư tưởng của Ngài. "Cũng gọi là nhị quyển sao. Tác phẩm nầy gồm 2 quyển, do Ngài Thân Loan soạn, ñược thu vào đại Chánh tạng tập 83". Sách nầy có thể ñược xem là tác phẩm phán thích giáo tướng của Tịnh độ Chơn Tông Nhật Bản. Sách chủ trương thuyết Nhị Song tứ trùng; chia Phật Giáo thành đại Thừa Tiểu Thừa. đại Thừa lại ñược chia thành đốn

224 Tịnh độ Tông Nhật Bản

Giáo và Tiệm Giáo; đốn Giáo lại ñược chia ra làm Nan Hành, Dị Hành và Hoành Siêu, Thụ Siêu. Còn Tiệm Giáo thì ñược chia thành Nan Hành, Dị Hành và Hoành Xuất, Thụ Xuất". (Trích Phật Quang đại Từ điển trang 3329). Tư tưởng Nan Hành và Dị Hành xuất phát từ tư tưởng của Ngài Long Thọ trong Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận. Nghĩa là theo Ngài Long Thọ cho biết rằng: Nan hành là khó thực hiện vãng sanh một cách rốt ráo. Còn Dị hành nghĩa là trong thời mạt pháp chỉ cần nương vào câu Phật hiệu Nam Mô A Di đà Phật ñể niệm tụng, quán tưởng thì dễ ñược tiếp dẫn về thế giới Tây Phương Cực Lạc hơn. Bởi vì ñây chính là do lời thệ nguyện của đức Phật A Di đà mà các chúng sanh ñược như nguyện. Tư tưởng nầy ñược truyền qua Trung Hoa bởi Ngài đàm Loan, đạo Xước và Thiện đạo. đến Ngài Thiện đạo thì giáo nghĩa Tịnh độ ñã quá rõ ràng; nhưng khi Tịnh độ ñược truyền vào Nhật Bản qua Ngài Nguyên Tín, Pháp Nhiên rồi ñến Thân Loan lại càng tinh tế, tỉ mỉ hơn mữa. Nhật Bản có thể nói là nơi tiêu thụ và chuyển hóa tư tưởng Tịnh độ từ thời đức Phật còn tại thế và dẫn ñến ngày hôm nay. đây là cái hay, cái khôn khéo của người Nhật cũng như của Phật Giáo Nhật Bản vậy. Hoành Siêu nghĩa là siêu thăng ra khỏi chiều ngang. Có nghĩa là tâm thức của người mất ñi ñầu thai theo kiểu chiều ngang. Còn Thụ Siêu có nghĩa là thọ nhận sự siêu sanh qua việc cầu nguyện. Còn Hoành Xuất có nghĩa là ra thẳng ngay (ý nói không qua trung gian nào) và Thụ Xuất có nghĩa là vượt qua khỏi. đây cũng là tư tưởng mới về Tịnh độ của Ngài Thân

Loan chủ trương.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 225

Riêng trong phẩm “Nhập Thai Tạng Pháp Giới” trong kinh đại Bảo Tích, đức Phật dạy rất rõ về việc ñi ñầu thai nầy. Thông thường các vị Bồ Tát ở ñịa vị “Nhứt Sanh Bổ Xứ” thường chọn ngoài thai cung của một người mẹ ñể sanh vào. Vì Bồ Tát hạ sanh từ một cõi trời nào ñó xuống thế giới Ta Bà nầy là do nguyện lực. Do vậy Bồ Tát luôn luôn chủ ñộng trong lúc gá thai. điều ñặc biệt là gá vào hông bên phải của người mẹ và thai nhi ñứng chứ không ngồi. Do vậy khi sanh ra Bồ Tát biết ñi liền. Còn chúng sanh do nghiệp lực phải thọ sanh. Cho nên không có quyền lựa chọn, mà phải ñi ñầu thai qua ba cách sau ñây: - Cách thứ nhất - Tâm thức ñi ngang ñể chọn nghiệp. Nghĩa là nếu người ấy lúc còn sống biết làm lành, lánh dữ; giữ tròn 5 giới cấm của Phật chế, thì sau khi thần thức rời thể xác, tiếp tục ñi chọn nơi ñể ñầu thai làm người. Có khi là người thân trong gia ñình, dòng họ, mà cũng có khi là người ngoài, do nghiệp duyên ñã tạo ra trong nhiều ñời trước tích tụ lại. Kết quả ấy do nghiệp sai khiến ñể ñi ñầu thai. - Cách thứ hai – Tâm thức ñi thẳng lên bên trên. Những người nầy ña phần trong quá khứ ñã tạo mười thiện nghiệp; hoặc giả tu theo sáu Ba La Mật, thì tâm thức ấy sau khi rời thể xác, ñi thẳng theo con ñường màu trắng ñể ñi ñầu thai ở thế giới cao hơn. - Cách thứ ba – Tâm thức ñi thẳng xuống phía dưới. Nghĩa là nếu những chúng sanh trong ñời trước làm ác mà không có tâm tàm quý và cũng chẳng có thiện hữu tri thức giúp ñỡ khuyên răn, sau khi mạng chung, thần thức

226 Tịnh độ Tông Nhật Bản

tự ñộng theo vệt sáng màu ñen ñể ñi vào ñịa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Theo quan niệm xưa thì cách ñi ñầu thai có 3 loại như vậy; nhưng theo Ngài Thân Loan thì tâm thức ở trạng thái lâm sàng ñều xuất hiện theo những dự ñoán tuần tự theo như phái Tịnh độ Chân Tông nầy chủ trương. Ngài Thân Loan cũng còn viết tác phẩm khác, gọi là Nhất Niệm đa Niệm. “Tiếng dùng của Phật Giáo Nhật Bản. Nghĩa của một niệm và nghĩa của nhiều niệm. Nghĩa một niệm là chỉ cho một tiếng xưng danh cũng ñã ñủ làm nhân quyết ñịnh vãng sanh, bởi thế không cần nhiều niệm xưng danh. Còn nghĩa nhiều niệm thì chỉ cho người ñã phát tâm niệm Phật thì phải niệm liên tục cho ñến lúc lâm chung không dứt, mới ñược vãng sanh Tịnh độ. Nhưng Tịnh độ Chân Tông Nhật Bản lại giải thích khác. Một niệm là tín tâm, nhiều niệm là xưng danh; tức cho rằng nhân của sự vãng sanh quyết ñịnh ở một niệm tín tâm, còn nhiều niệm xưng danh sau ñó là biểu hiện sự báo ân đức Phật. Ngoài ra, còn có các ñiểm về vấn ñề nầy như: - Ngài Hạnh Tây ñề xướng Phật trí nhứt niệm, chủ trương Phật và phàm phu là cùng một thể, trong một niệm tín tâm của phàm phu ứng hợp với một niệm Phật trí, thì chắc chắn cũng vãng sanh Tịnh độ.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 227

- Ngài Long Khoan thì chủ trương nghĩa nhiều niệm, cho rằng phải tích lũy nhiều công phu niệm Phật, niệm liên tục, không ngừng nghỉ, mới có thể vãng sanh”. (Trích Phật Quang đại Từ điển trang 3678-3679). Thật sự ra không có vị Tổ Sư nào chủ trương sai

với ý của Phật cả; nhưng nó chỉ ñúng với ñiều kiện của phàm phu hay người trí mà thôi. Cũng có lúc đức Phật bảo thế nầy với người nầy, mà thế khác với người khác. Ví dụ như trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói rằng: "Nếu chúng sanh ở cõi giới Ta Bà nầy tu hành và giữ giới pháp trong một ngày một ñêm thanh tịnh thì bằng một năm ở thế giới Cực Lạc. Nếu chúng sanh tu bảy ngày bảy ñêm thanh tịnh ở thế giới Ta Bà nầy, bằng hằng trăm năm tại thế giới Cực Lạc". Nếu căn cứ theo lời dạy nầy thì ñâu có cần phát tâm sanh về Cực Lạc thế giới ñể làm gì; nhưng ý của đức Phật Thích Ca Mâu Ni muốn dạy chúng ta rằng: Ở thế giới Ta Bà nầy toàn là cảnh ác; nếu có ai ñó làm ñược như vậy thì sánh bằng ở Cực Lạc; nhưng mấy ai làm ñược ñiều nầy trong một ngày một ñêm thanh tịnh không có bợn nhơ của tâm ý, không có sự suy nghĩ, phán xét xằng bậy của nội tâm? Do vậy tu ở Ta Bà khó lắm, chứ không phải dễ. Ngài Thân Loan cũng nói rằng - Chỉ cần một niệm nhất tâm thôi! Nhưng nhất tâm của một con muỗi, nhất tâm của một con người, nhất tâm của một chư Thiên, nhất tâm của một vị Bồ Tát. Tất cả ñều giống nhau, mà cũng ñều khác nhau. Ví như Phật tánh là một; nhưng thể tánh chẳng ñồng: Do vậy nhiều niệm ñối với phàm phu vẫn là ñiều cần thiết ñể cho chúng ta có cơ hội luyện tâm cho ñến chỗ nhất tâm.

228 Tịnh độ Tông Nhật Bản

Một niệm biến tam thiên trong kinh Hoa Nghiêm lại khác với chủ trương nầy. Hoa Nghiêm cho rằng trong một niệm ấy ñều chứa cả 3.000 thế giới; nhưng một niệm nhất tâm ñối với những người tu theo pháp môn Tịnh độ có nghĩa là muốn thực hiện lời nguyện thứ 18 của đức Phật A Di đà trong "nhất tâm bất loạn" ấy. Sau Ngài Thân Loan, giáo nghĩa của Tịnh độ Tông ñã rõ ràng qua tư tưởng của Pháp Nhiên và Thân Loan nên không lập Tông nữa, mà chỉ có chia ra các phái Tịnh độ khác nhau ở các tỉnh xa xôi thuộc về miền Bắc hay miền Nam của nước Nhật ñể gìn giữ tín ñồ mà thôi. Từ ñó ñến nay (2011) cả Tịnh độ Chân Tông lẫn các Tông Phái khác tại Nhật Bản, tuy nội dung giáo hóa có khác nhau; nhưng hình thức cử hành những lễ trọng trong năm ñều giống nhau. Ví dụ ñây là những ngày lễ căn bản của Phật Giáo Nhật Bản. Các ngày Lễ ñản Sanh, xuất gia, thành ñạo, nhập Niết Bàn của đức Phật chùa nào ở Nhật cũng ñều cử hành ñể kỷ niệm vị khai sáng ra đạo Phật. Ngày lễ Thanh Minh trong tháng 3 và tháng 9; người Nhật gọi là lễ Bỉ Ngạn; nghĩa là lễ cầu nguyện cho người chết sớm siêu sinh qua bên kia bờ giải thoát. Ngày lễ Vu Lan rằm tháng bảy. Ngày nay người Nhật hay cử hành theo dương lịch, ít có nơi nào căn cứ vào âm lịch. Ngày nầy là ngày trọng ñại của các Tông Phái; nhằm cầu nguyện cho những người quá vãng ñược sanh về cõi Phật. Ngày kỵ các vị Tổ Sư khai sơn lập Tông như Ngài Nguyên Tín, Ngài Pháp Nhiên, Ngài Thân Loan v.v...

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 229

Rồi ngày Tết cổ truyền, ña phần các chùa ở Nhật ñều cử hành theo lệ cũ ñã có từ ngàn xưa như ở Trung Quốc hay Việt Nam. Ngày nay mặc dầu nước Nhật ñã Tây hóa gần trọn vẹn; nhưng bản sắc dân tộc của họ vẫn còn hầu như nguyên thủy. điều ấy phải nói rằng: Sở dĩ có ñược việc nầy là do các Tông Phái Phật Giáo của Nhật giữ một vai trò quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy nền văn hóa Tôn Giáo cổ truyền tại nơi ñây.

Ngày 11 tháng 3 năm 2011 vừa qua một trận Tsunami (Sóng Thần) hãi hùng ñã bủa vây và cào ñi 5 tỉnh miền đông Nhật Bản, khiến cho 25.000 người chết và mất tích, của cải, tài sản v.v... không còn sót một vật gì. Duy chỉ còn niềm tin của họ là trọn vẹn và từ ñó họ ñang phục hồi lại quê hương của họ qua những ñặc tính sau ñây: đặc tính thứ nhất là ñúng giờ. Người Nhật từ nhà chùa, nhà thờ ñến trường học, công tư sở, nhà gare xe lửa, máy bay v.v... hầu như ñúng giờ ñến 99,99%. đôi khi cũng có 0,01% sai giờ; nhưng ñó là chuyện ngoài ý muốn. Từ em bé cho ñến người lớn tuổi, người già cả ai ai cũng ý thức ñược ñiều nầy. Do vậy chữ tín có lẽ họ ñặt lên hàng ñầu giống như người Trung Hoa. Phàm hẹn cái gì với ai, ở ñâu, không bao giờ họ ñể cho người ñược hẹn phải chờ ñợi. Tất cả ñều tin tưởng nhau, tất cả ñều trông cậy vào nhau. Có lẽ nhờ vậy mà giờ nào việc ấy; không bị xen lẫn, trộn pha cái nầy qua cái khác. Cho nên xã hội của họ tiến bộ rất nhanh và rất nhịp nhàng. đặc tính thứ hai là sạch sẽ. Trên thế giơí nầy nếu nói có nước nào sạch nhất thì cũng khó nói. Vì mỗi nước

có một cách sạch sẽ riêng. Ví dụ như người Singapore thì giữ gìn nơi công cộng thật sạch; người Thụy Sĩ thì cảnh sắc thiên nhiên tuyệt vời, người đức siêng năng lau chùi kiếng cửa sổ, sạch nhất thế giới v.v... Còn người Nhật, nếu quý vị muốn biết cái sạch của họ như thế nào ở nơi công cộng thì hãy ñến nhà gare Tokyo ñể xem và thẩm ñịnh. Nhà gare nầy mỗi ngày lên xuống cả 2 ñến 3 triệu người; nhưng bạn ñi tìm những mảnh giấy vụn hay rác rưới vứt bừa bãi trên ñường rầy hay sân gare, hầu như không có. Ai ai cũng có bổn phận bỏ giấy vụn, giấy dơ vào thùng rác. Do vậy mà ñâu ñâu cũng thấy sạch sẽ. Nếu bạn tới một ngôi chùa, bạn sẽ quan sát từ chánh ñiện ñến nhà Tổ. Từ nhà khách ñến nhà bếp. Từ cầu tiêu ñến nhà tắm... Bạn có thể dùng ngón tay trỏ của mình ñể lên bất cứ nơi ñâu trên ngạch cửa, rồi kéo ngón tay ñi từng hàng dài như vậy, sau ñó bạn nhấc tay mình lên xem thử có bụi dính vào tay không. Nếu có tức là chùa ñó ở không sạch. Nếu không, bạn biết rằng chùa ấy mỗi ngày lau dọn ñến 2 lần; nên mới ñược sạch như vậy. Vì lẽ quét chùa, lau nền nhà cũng là lau tâm của một hành giả khi thể hiện việc công phu. Do vậy họ trân trọng trong việc làm và lễ phép khi chào hỏi; nên mới ñược như vậy. đặc tính thứ ba là tin tưởng nhau và ít khởi tâm tham – Là con người, dĩ nhiên vẫn còn tham ñắm là chuyện bình thường; nhưng qua trận Tsunami vừa qua thế giới chứng kiến rằng có khoảng 8.000 tủ sắt ñựng tiền bị trôi tứ tung ñó ñây. Người ta nhặt hết ñem về cơ quan chính phủ tại Sendai, Fukushima v.v... ai là chủ của những tủ sắt ấy họ tự ñến nhận lại. Có tủ sắt có cả hằng triệu ñô-la tiền mặt; nhưng vẫn không bị mất. Những tủ

sắt nào không ai nhận; chắc rằng thân nhân ñã qua ñời. Khoảng 3.000 tủ sắt vẫn còn niêm phong tại ñây. Hầu như không có ai ñến hôi của trong hoàn cảnh tang thương của dân họ. Do vậy mà họ tự tin ñể sống và ñể phát triển cho quê hương mình. Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Liên Châu gồm có các nước như: Hoa Kỳ, Canada, Úc và đức v.v... quý Thầy, quý Cô và quý Phật Tử tại các châu lục ñã quyên góp ñược 130.000 USD; ñây chỉ là số tiền nhỏ, chúng tôi ñã sang Nhật vào ñầu tháng 6 năm 2011

và ñến ủy lạo các nơi như Sendai và Fukushima. Phái ñoàn chúng tôi gồm 15 chư Tăng, Ni và 15 cư sĩ Phật Tử. Ở Nhật khó nhất là tìm tiệm bán ñồ chay. Tôi làm thông dịch và vào một quán bán Soba (mì sợi) ñể kêu 13 tô cho 13 vị (có 2 vị không dùng). Sau khi dùng xong, tôi ñưa 15 tờ 1.000 Yen ñể trả cho 13 tô mì Soba; trong ñó có ý tặng 2.000 Yen cho công phục vụ. Thế mà bà chủ bảo rằng: Tại sao Thầy tính sai vậy? Chúng tôi chỉ cần 13.000 Yen cho 13 tô; chứ ñâu có cần ñến 15.000 Yen làm gì? Tôi bảo rằng: Dư 2.000 Yen ấy xin tặng cho người phục vụ. Bà chủ quán ñáp rằng: - Thưa Thầy trong 13.000 Yen ấy ñó ñã có tiền phục vụ rồi. Xin cảm ơn Thầy và quý vị ñã quan tâm. Bây giờ người tặng lại cảm thấy thẹn lòng. Vì cho không ñúng chỗ; nên lấy 2.000 Yen trở lại. Tôi ñem câu chuyện nầy ñể kể cho các Phật Tử nghe. Ai cũng tấm tắc khen: “Tại sao người Nhật ít khởi tâm tham thế”. đây chỉ là một bằng chứng nhỏ vào ngày 01 tháng 6 năm 2011 tại một quán mì nhỏ ở Asakusa thuộc Tokyo. Nếu quý vị nhân lên 10 tiệm như vậy, rồi 100 tiệm và 1.000 tiệm ở Nhật cũng vậy thôi.

232 Tịnh độ Tông Nhật Bản

Quý vị ñến Nhật nếu lỡ ñể quên ñồ trong xe ñiện hay mất ví ở nơi công cộng; nếu trong giỏ xách và ví tiền ấy có ñể giấy tờ tùy thân thì bạn ñừng lo. Vì hầu như không bao giờ bị mất cả. Ngày mai, ngày mốt bạn sẽ ñược cảnh sát ở khu gần ñó báo tin cho bạn là ñồ ñánh rơi của bạn ñã có người nhặt ñược và hiện ñang ñược lưu giữ tại bót cảnh sát ñâu ñó. Bạn chỉ cần ñến nơi kia, nói ñúng hết những chi tiết thì bạn sẽ nhận lại ñược ñồ của bạn ñã ñánh rơi. Riêng người Nhật có một tục lệ hơi buồn cười mà trên thế giới nầy chắc chẳng có nước nào xảy ra cả. đó là khi họ sinh ra thường hay ở nhà thương và cầu nguyện nơi Thần Xã; lớn lên tại nhà; làm lễ cưới tại nhà thờ; khi chết mời quý Thầy ñi ñám và tro cốt ñược giữ tại chùa. Không biết có ai nghiên cứu về vấn ñề nầy chưa? Nhưng trên thực tế là như vậy. Ngày nay những thanh niên nam nữ theo hình thức mới; nên hầu như những ñám cưới họ ñều tổ chức ở nhà thờ. Vì ñây là tục lệ của người Tây Phương ñược du nhập vào. Còn ñám ma sở dĩ họ phải làm ở chùa, vì mồ mả Ông bà Tổ tiên, cha mẹ của họ ñược chôn cất trong vườn chùa. Ở Nhật ñất hẹp, người ñông. Chỉ có vườn chùa là nơi khả dĩ rộng rãi ñể bảo quản những huyệt mộ của gia ñình họ. Cho nên ñây là lý do duy nhất ñể họ phải ñi chùa, mặc dầu có thể họ theo ñạo khác. Người Nhật cũng có một ñạo chung; ñó là Shinto, Shinto nghĩa là Thần đạo. đạo nầy do vua chúa ngưỡng vọng và trị vì ñất nước nầy; nên họ ñã tạo ra một ñức tin như thế. điều nầy cũng như Anh Giáo tại Anh quốc. Tuy là Thiên Chúa Giáo; nhưng là ñạo riêng của Hoàng Gia và những ai ngưỡng vọng Nữ Hoàng; nên gọi là Anh Giáo.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 233

Tại Nhật Bản hiện có nhiều Tông và Phái khác nhau. Trên ñây duy chỉ nhắc ñến các vị Tổ của Tông Tịnh độ và tư tưởng của các Ngài. Do vậy mà không ñể cập ñến những Tông Phái khác. Nếu quý vị nào muốn nghiên cứu thêm về Tông Phái Phật Giáo Nhật Bản thì có thể ñọc những sách mà chúng tôi ñã dịch sang tiếng Việt như có lần ñã giới thiệu bên trên. Thực tế mà nói: Mỗi dân tộc, mỗi Tông Phái ñều muốn xiển dương ñiều hay ñiều tốt của quê hương mình, của Tông Phái mình. Có ai ñâu muốn ñem ñiều xấu, ñiều dở ra ñể trình bày. Do vậy, chúng ta là hậu học; khi nghiên cứu tìm hiểu về tư

tưởng của người xưa, xin chỉ nên mượn ý quên lời. Có như thế chúng ta mới thâu thập ñược những tinh túy của Phật Giáo tại nơi ñó. Không nên cố chấp và ganh tị hay ñố kỵ ñể phê phán một Tông Phái nào. Vì việc ấy chỉ có thể ñúng ở ñây mà không phải ở kia. Ví như tại Ấn độ là như thế, mà ở Nhật Bản không phải vậy thì chúng ta cũng không thể nào nói cái nào hơn cái nào ñược. Tất cả ñều do nhân duyên ñể thành tựu hoặc bị hủy hoại mà thôi!

234 Tịnh độ Tông Nhật Bản

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 235

V.- Tịnh độ Tông của Tây Tạng.

Trước ñây chúng ta ít quan tâm về Phật Giáo Tây Tạng; nhưng những năm cuối của thế kỷ thứ 20; những người Việt Nam nào ñã tiếp xúc trực tiếp ñược với đức đạt Lai Lạt Ma thứ 14 hay xem những sách vở ñược dịch ra tiếng Việt từ tiếng Anh, đức, Pháp của các nhà học giả Tây Phương; chúng ta thấy có cái gì ñó ñặc biệt mà chúng ta cần phải quan tâm nghiên cứu ñến. Ngày nay trên thế giới người ta hay làm những sự thống kê ñể biết về tư tưởng của cá nhân nầy, cá nhân nọ ñược bao nhiêu người ủng hộ hoặc sách vở của người ấy viết ra ñứng hàng thứ mấy v.v... thì đức đạt Lai Lạt Ma thứ 14 cũng ñứng vào hàng thứ tư trong 10 vị có uy tín nhất về lãnh vực tinh thần bằng lòng từ bi và trí tuệ và sách viết cũng như những lời giảng của Ngài ñã ñược thế giới ca tụng và những sách nầy cũng thuộc vào loại bán chạy nhất trên thị trường sách báo. Cá nhân chúng tôi ñã có mấy lần trực tiếp gặp Ngài tại Hamburg (1991), Chùa Viên Giác Hannover đức quốc (ngày 18.5.1995) hoặc tại Frankfurt (2009) v.v... Hoặc cũng có khi học ñạo với Ngài cả một tuần lễ tại Schneverdingen (đức). Tất cả ñều ñược mang ñến sự hỷ

236 Tịnh độ Tông của Tây Tạng

lạc vô biên. Do vậy chúng ta cũng nên tìm hiểu về Phật Giáo Tây Tạng cũng như hệ thống truyền thừa, phương pháp tu cũng như những gì có liên quan về vấn ñề Tịnh độ v.v... Năm 2010 chúng tôi và Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng, Phó trụ trì Tu viên Quảng đức tại Melbourne, Úc đại Lợi, ñã dịch chung một quyển sách bằng tiếng Anh ra Việt ngữ nhan ñề là “Peaceful Death and Joyful Rebirth (Chết An Lạc, Tái Sanh Hoan Hỷ) của đại Sư học giả Tulku Thondrup hiện ở tại Hoa Kỳ. Sách nầy ñặc biệt trình bày về trung ấm thân và cách trợ niệm vãng sanh theo phái Cổ Mật của Phật Giáo Tây Tạng. Về phần nầy chúng tôi xếp vào sau cùng, sau khi ñã ñiểm qua những việc chính của Phật Giáo Tây Tạng ñể chúng ta có một cái nhìn tổng quát về ñất nước nầy. “Phật Giáo Tây Tạng. Phật Giáo Tây Tạng thông thường người ta gọi là Lạt Ma giáo. Tây Tạng (Phạn: Bhota; Tạng: Bod, Bod-yul, Ganscan-yul), cũng gọi là Thổ Phồn, Thổ Bá đặc, Tây Phiên, Ô Tư Tạng, Tuyết Hữu quốc, Tuyết Cốc quốc, Xích Diện, nằm giữa rặng núi Côn Lôn và dãy Hy Mã Lạp Sơn; đông giáp tỉnh Tứ Xuyên và tỉnh Vân Nam của Trung Quốc; Tây giáp Ladak; Bắc giáp tỉnh Tân Cương và tỉnh Thanh Hải của Trung Quốc; Nam giáp Miến điện, Bhutan, Tích Kim, Népal và Ấn độ. địa thế cao dốc, khí hậu rất lạnh. đời Hán xứ nầy ñược gọi là Tây Khương, Thổ Phồn. Từ ñời đường về trước, người Tây Tạng chỉ

sống theo từng bộ lạc; ñến giữa thế kỷ thứ VII, Vua Khí Tông Lộng Tán (tức là Tùy Tán Cán Bố) lên ngôi, thống nhất các bộ tộc,

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 237

vũ lực hùng mạnh, mở rộng lãnh thổ, thậm chí thường xâm phạm biên cương nhà đường. Vua Thái Tông nhà đường cuối cùng quyết ñịnh dùng phương thức liên hôn ñể tranh thủ hòa bình ở biên thùy phía Tây. Năm Trinh Quán thứ 15 (641) nhà đường gả Công chúa Văn Thành cho vua Tây Tạng, trước ñó, vua Tây Tạng ñã cưới Công chúa Ba Lợi Khố Cơ của Népal. Hai bà Công chúa nầy ñều là những tín ñồ Phật Giáo thuần thành. Vua Tây Tạng ñược hai bà vợ khuyến hóa nên cũng rất kính tin Phật Giáo. Vua thỉnh các vị Cao Tăng từ Trung Ấn độ ñến Tây Tạng hoằng pháp; ñồng thời, gửi một phái ñoàn gồm 16 người, do đại Thần đoan Mỹ Tam Bồ đề (Tạng: Tho-Mi-Sambhota) dẫn ñầu, ñến Ấn độ du học. Sau khi trở về Tây Tạng, đoan Mỹ dùng tiếng Phạn làm nền tảng mà chế ra tự mẫu Tây Tạng, phiên dịch kinh Bách Bái Sám Hối; ñó là bản kinh ñầu tiên ñược dịch sang tiếng Tây Tạng. Niên hiệu Cảnh Văn năm ñầu (710), Vua Duệ Tông nhà đường lại gả Công chúa Kim Thành, người rất sùng tín Phật Giáo, cho Khi Lệ Súc Tán. Công chúa Kim Thành sanh ñược một Vương Tử, sau nầy lên ngôi; tức là Vua Cật Lật Song đế Tán (Tạng: Khri-Sron-Ide-btsan), người ñã lấy Phật giáo làm quốc giáo của Tây Tạng. đến khi Lãng đạt Ma kế vị Tán Phổ lên làm vua (ở ngôi 836-841), vì sùng tín đạo Bon; nên ñã phế bỏ Phật Giáo; bởi thế, khi Khất Ly Hồ lên ngôi thì Phật Giáo ñã bị diệt gần hết. Khi đế quốc Mông Cổ ñược kiến lập, Tây Tạng trở thành một phần lãnh thổ của đế Quốc Mông Cổ và Hốt Tất Liệt ñã dùng Phật Giáo ñể duy trì. May mắn cho Hốt

238 Tịnh độ Tông của Tây Tạng

Tất Liệt gặp ñược vị Tổ thứ 4 của phái Tát Ca là Ban Thiền đại Lạt Ma Văn Thù Tát Ca (Tạng: Sa-shya Pan- chen). Ban Thiền sai cháu là Bát Tư Ba ñến triều Nguyên, Hốt Tất Liệt tôn làm Quốc Sư. Sau, Bát Tư La (1229- 1280) kế vị làm Tổ thứ 5 của phái Tát Ca ở Tây Tạng và một thế cuộc mới ñược mở ra; ñó là: “Chính trị và Tôn Giáo hợp làm một”. Lịch sử Phật Giáo Tây Tạng lấy pháp nạn Lãng đạt Ma làm mốc; trước ñó gọi là Tiền truyền kỳ (thời kỳ truyền bá trước); sau ñó gọi là Hậu truyền kỳ (thời kỳ truyền bá sau). Việc dịch kinh Phật ở Tây Tạng bắt ñầu vào thời Vua Khí Tông Lộng Tán; Vua từng ban lệnh lập ra 10 ñiều thiện, 16 ñiều luật trọng yếu; lại lấy Lạp Tát (Lha-sa) làm trung tâm, xây dựng cung Bố đạt Lạp (Potala). Vua còn xây chùa đại Chiêu và chùa Tiểu Chiêu ñể thờ tượng Phật Thích Ca thỉnh từ Trung Quốc và tượng Phật A Súc thỉnh từ Népal. đây là thời kỳ hưng thịnh ñầu tiên của Phật Giáo Tây Tạng. Về sau, Vua Cật Lật Song đế Tán thỉnh 2 vị Tăng nhà đường là Ngài A Nan đà, người nước Ca Thấp Di La, phiên dịch kinh ñiển; ñồng thời phái Ngài Ba Sa (Tạng: Pahsa) ñến Népal. Năm 747, Ngài Ba Sa gặp đại Sư Thiệp Hải Tịnh Hộ (Phạn: Snata-raksita) thuộc học phái Trung Quán Thanh Biện, liền thỉnh Ngài ñến Tây Tạng. Ngài Tịnh Hộ mang theo những bộ luận của phái Trung Quán ñến Tây Tạng, rồi lại soạn “Nhị đế phân biệt thích” và tuyên giảng giáo pháp Trung Quán. Ngài Tịnh Hộ còn kiến nghị Vua Cật Lật Song đế Tán thỉnh đại Sư Liên Hoa Sanh (Phạn: Padma-Sambhava) ñến Tây Tạng. Ngài Liên Hoa

Sanh truyền đà La Ni và Chân Ngôn nghi quỹ, khởi ñầu cho Mật Giáo Tây Tạng. đồng thời, ñệ tử của Ngài

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 239

Tịnh Hộ như các vị Ca Ma La Thập (Phạn: Kamalasila; Liên Hoa giới), Tỳ Lô Giá Na Khiếp đát (Phạn: Vairocana- rasita)... cũng nhận lời ñến Tây Tạng dịch kinh, hoằng dương tư tưởng Trung Quán. Nhưng sau một thời gian tương ñối lâu, bỗng phát sanh cuộc tranh luận giữa Ngài Tịch Hộ và các ñệ tử với một vị danh Tăng của nhà đường là Hòa Thượng đại Thừa; sau ñó Hòa Thượng đại Thừa bị thua trong luận trường. Tuy nhiên, ảnh hưởng của Thiền Tông không vì thế mà dứt hẳn ở Tây Tạng. Về sau Tây Tạng lấy phái Phật Giáo Chủ Tri thời kỳ cuối ở Ấn độ làm dòng chính; phái nầy chuyên về luận lý; nên các bộ luận Nhân Minh ñược phiên dịch ñến hơn 66 loại. Thời kỳ nầy là thời kỳ kiến lập của Phật Giáo Tây Tạng. đến thời Vua Cật Lật Lai Ba Thiệm (Tạng: Khri-ralpa-can, ở ngôi 815-836) lại quy ñịnh "Thất hộ dưỡng Tăng", chư Tăng ñược tham dự việc chính trị trong nước; nếu ai khinh thường Tam Bảo sẽ bị hình phạt nặng nề. Thời kỳ nầy là thời kỳ tột ñỉnh của Phật Giáo Tiền truyền ở Tây Tạng. Thời kỳ nầy quy tụ nhiều bậc hiền tài, về phía học giả Ấn độ thì có các Ngài: Thắng Hữu, Giới đế Giác, Thí Giác, Giác Hữu...; về phía học giả Tây Tạng thì có các Ngài: Bảo Hộ, Chánh Tính Giới... Các vị nầy ñã biên soạn thành bộ "Phiên dịch danh nghĩa ñại tập" (Phạn: Maha-Vyutpatti) rồi căn cứ vào sách nầy mà hiệu ñính bổ túc cho các bản dịch cũ của Kinh Bộ; dịch thêm các bộ luận trọng yếu của các bậc đại Sư: Long Thọ, đề Bà, Mã Minh, Từ Thị, Vô Trước, Thế Thân... Sau ñó Lãng đạt Ma lên ngôi vua, vì ông nầy sùng tín đạo Bon nên hủy diệt Phật Giáo, không cho phiên dịch kinh luận, phá bỏ chùa viện, bắt Tăng, Ni hoàn tục, ñốt phá kinh ñiển,

240 Tịnh độ Tông của Tây Tạng

tượng Phật. Do ñó, Chúng Tăng ñương thời phải lánh nạn sang nước lân cận. Sau biến cố Lãng đạt Ma, Phật Giáo Tây Tạng bước vào thời kỳ Hậu truyền. Thời Hậu truyền là thời kỳ phục hưng của Phật Giáo; trước hết là Mật Thừa, kế ñến là Hiển Thừa. Cuối thế kỷ thứ XI, vị học giả bậc nhất của Mật Thừa là Ngài Lâm Thân Tạng Pha (Tạng: Rin-Chen Bzan-po) ñến Ấn độ; lúc trở về Tây Tạng, Sư thỉnh các học giả Ấn độ như: Tức đạt La Ca La Phạm Mạnh (Phạn: Sradha-kara- varman), Ba Dịch Ma Ca La Cấp đa (Phạn: Padma-kara- gupta)... mang theo về luận bộ và 4 bộ đát đặc La. Những kinh ñiển Phật Thừa trước kia chưa ñược phiên dịch, thì bây giờ ñược dịch thêm rất nhiều, như các bộ: Cát Tường Thượng Thừa lạc bản tục vương lược yếu; Hiện thuyết Vô Lượng bản tục; Du Già đại Giáo Vương Kinh... Giáo nghĩa mà chúng tăng Tây Tạng học tập tu trì là lấy Trung Quán hiển thừa làm chính; bấy giờ sau khi việc phiên dịch các kinh ñiển Mật Giáo ñược hoàn thành, thì Phật Giáo Tây Tạng bèn chia ra làm 2 môn là Hiển Môn và Mật Môn. Những kinh ñiển Mật Thừa ñược phiên dịch ở thời kỳ nầy khác với những kinh ñược dịch ở thời ñại Ngài Liên Hoa Sanh; cho nên Mật Thừa ở thời kỳ nầy ñược gọi là Tân Phái Mật Thừa; còn Mật Thừa ở thời ñại đại Sư Liên Hoa Sanh thì gọi là Cựu Phái Mật Thừa; hợp hai phái tân cựu lại, gọi chung là Ninh Mã Phái (Tạng: Rnin-ma-pa), hoặc gọi là đại Cứu Cánh phái (Tạng: Rdsogs-Chen-pa). Thời kỳ Phật Giáo

Hậu Truyền ñạt ñến ñỉnh cao là thời gian từ khi Ngài A đề Sa (Phạn: Atisa) ñến Tây Tạng (1035-1038) về sau. Các tác phẩm của Ngài như: Luận Bồ đề đạo đăng, kinh Thập Bất Thiện Nghiệp ñạo, Hành

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 241

Tập đăng... còn trong đại Tạng kinh Tây Tạng có tới hơn 30 loại; trong ñó luận Bồ đề đạo đăng là tác phẩm tiêu biểu; chọn lựa chỗ trọng yếu của Hiển (giáo) và Mật (giáo), biện biệt rõ giới hạn tà chánh, tận lực chấn hưng giáo pháp đại Thừa. Tư tưởng chủ yếu trong cuộc cải cách do Ngài Tông Khách Ba (1417-1478) tiến hành sau nầy chính ñã ñược khơi dậy bởi lý luận A đề Sa. Từ sau khi Ngài A đề Sa ñến Tây Tạng, Phật Giáo Tây Tạng mới chia dòng phái; tất cả có 7 hệ 21 phái; chỉ trừ các phái ñã truyền trước thời Ngài A đề Sa ñược gọi chung là phái Ninh Mã; các phái còn lại như Ca đương, Ca Nhĩ Cư, Hy Giải, Tát Ca, Tước Nam, Cách Lỗ... ñều có liên hệ với Ngài A đề Sa. Các phái nói trên, chỉ trừ phái Ca đương chuyên về việc giáo hóa, còn các phái khác thì ñều cấu kết với cường hào ñịa phương, tham dự việc chính trị, ñặc biệt là phái Tát Ca quan hệ rất mật thiết với chính quyền; chúng Tăng ỷ thế kiêu căng, thao túng lũng ñoạn, gây ra rất nhiều tệ nạn, công cuộc ñổi mới nền Phật Giáo Tây Tạng của Tông Khách Ba ñã diễn ra ñúng lúc. Ngài Tông Khách Ba khởi xướng phong trào vận ñộng cải cách tông giáo. Chúng Tăng thuộc các phái Phật Giáo Tây Tạng trước Tông Khách Ba ñều ñội mũ và mặc áo màu ñỏ, ñược gọi chung là Hồng Giáo. để phân biệt, Tông Khách Ba lập ra Hoàng Giáo (chúng Tăng ñội mũ và mặc áo màu vàng, cũng gọi là Cách Lỗ Phái (Ngạch Nhĩ đức phái). Hoàng giáo chủ trương tôn trọng kinh giáo, nghiêm trì giới luật, chọn lấy những ñiều tốt ñẹp của các phái; chỉnh ñốn lại Hiển Tông và Mật Tông, nêu rõ nghĩa chân thật của Phật Pháp, lập ra trình tự tu hành, khiến nền Phật Giáo Tây Tạng thay ñổi lớn lao. Phái nầy

242 Tịnh độ Tông của Tây Tạng

về sau sản sanh ra hai vị Lạt Ma là đạt Lai và Ban Thiền, lần lượt mở ra ñầu mối cho nền chính trị tông giáo ở Tây Tạng và 2 vị nầy ñược xem như là chuyển sinh của ñệ tử Ngài Tông Khách Ba. đạt Lai truyền nối ñến nay là ñời thứ 14, còn Ban Thiền thì là ñời thứ 10. Cùng thời kỳ với Hoàng Giáo của Ngài Tông Khách Ba có Bạch Giáo (chúng Tăng ñội mũ và mặc áo màu trắng) lưu hành ở Hậu Tạng; phái nầy giữ gìn giáo pháp trang nghiêm thanh tịnh (tượng trưng bằng màu trắng); hoằng dương cả Hiển giáo và Mật giáo; nhưng lấy Mật Thừa làm chính. Song, sau khi Hoàng giáo hưng thịnh thì Bạch giáo suy dần. Ngoài ra còn có Hắc giáo, vốn là ngoại ñạo Bon, vì ñội mũ và mặc áo màu ñen; nên gọi là Hắc giáo. Phái nầy chuyên việc cầu ñảo, chú thuật, chuyện ñồng bóng, cúng tế, thích giáng bút cầu cơ... Thời cận ñại, Phật Giáo Tây Tạng rất ñược trọng, học giả các nước Anh, Pháp, đức, Nga, Nhật, Ấn... ñều nghiên cứu, tìm hiểu về Vương thống, ngôn ngữ, kinh sách... của Tây Tạng và về giáo lý, sự thay ñổi của Lạt Ma giáo một cách sâu rộng". (Trích Phật Quang đại Từ điển trang 5136-5139). (Xem Thích Ca Phương Chí quyển thượng; đại đường Tây Vực cầu pháp Cao Tăng truyện quyển thượng; đương thư liệt truyện quyển thứ 141; Cựu ngũ ñại sử ngoại quốc liệt truyện thứ 2; Tống sử liệt truyện thứ 251; Nguyên sử liệt truyện thứ 89; Ấn độ tông giáo sử khảo; Tây Tạng Chi

Phật Giáo (đa điền đẳng Quan); đường Phồn Hội Bi Văn (Tự bản Uyển Nhã, đại Cốc học báo tập 3, số 10); Life of Buddha (W.W. Rockhill; Le Bouddhisme au Tibet (P.E. Foucaux); History of Indien and Easten Architecture, Vol. 1 (J. Fergusson); Tibetan

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 243

Temple Paintings (W.J. G. Van Meures); Tây Tạng Phật Giáo sử (Thánh Nghiêm). (Xem thên Tông Khách Ba, A đề Sa, Ban Thiền Lạt Ma, đạt Lai Lạt Ma, Ngạch Nhĩ đức Phái). Sau khi ñiểm qua lịch sử Phật Giáo Tây Tạng do Hòa Thượng Thích Quảng độ dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt bộ Phật Quang đại Từ điển thật là công phu và ñầy ñủ ý nghĩa. Chúng ta, hàng hậu học phải mang ơn Ngài và những người đài Loan, Tăng cũng như tục ñã có công soạn ra bộ tự ñiển 6 cuốn, tổng cộng từ vần A cho ñến Y là 7347 trang và do Hội Văn Hoá Giáo Dục Linh Sơn đài Loan đài Bắc xuất bản năm 1999. đây là một tài liệu Phật học rất ñầy ñủ và tương ñối chính xác nhất so với các bộ Tự điển Phật Học tiếng Việt ñã có lâu nay. Như vậy Phật Giáo Tây Tạng nói chung chia ra làm 2 thời kỳ. Thời kỳ thứ nhất từ khi ñược truyền vào ñất nước nầy vào thế kỷ thứ 7 bởi sự giới thiệu của hai bà Công chúa Trung Hoa và Népal cho vua Tây Tạng. Từ ñó nhà Vua khởi tâm tin Phật và cho người qua Ấn độ du học, ñể sau khi thành tài trở lại quê hương căn cứ chữ Phạn ñã học ñược ñể dịch kinh ra tiếng Tây Tạng và san ñịnh ngôn ngữ Tây Tạng có hệ thống. đây là công ñức không nhỏ của những người ñứng bên sau hậu trường chính trị. Một vị Tổng Thống Mỹ ñã có lần nói rằng: “Bên sau sự thành công của người ñàn ông là hình bóng của người ñàn bà”. Ở thâm cung khi gần gũi đức Vua, các Hoàng Hậu, Hoàng Phi ñóng một vai trò không nhỏ cho triều ñình cũng như sự thịnh suy của Phật Pháp. Họ không những chỉ tập trung vào mối tình vương giả riêng tư, mà còn thôi thúc đức Vua làm những ñiều ích quốc lợi dân, lợi ñời, lợi ñạo nữa.

244 Tịnh độ Tông của Tây Tạng

Thời kỳ truyền vào trước kéo dài từ thế kỷ thứ 7 ñến thế kỷ thứ 10. Ảnh hưởng của Ngài Liên Hoa Sanh, mãi cho ñến ngày nay vẫn còn rất lớn ñối với Tây Tạng và Bhutan. Ngài gần như là vị Tổ Sư khai sáng Phật Giáo Mật Tông tại hai quốc gia nầy. Thời kỳ hưng thịnh và cũng gọi là thời kỳ hậu truyền kể từ thế kỷ thứ 11 ñến thế kỷ thứ 15. đây là thời gian các ông Vua Phật tử thuần thành tâm ñạo; nên ñã cho mời các đại Sư học giả từ Ấn độ sang Tây Tạng ñể làm hiển thị Mật giáo tại ñây qua các Ngài Atisa (A đề Sa) và Ngài Tông Khách Ba. Sau thời kỳ Ngài Tông Khách Ba thì Mật Giáo ñã lên ñến cực ñiểm và phái mũ vàng lấy Ngài làm Tổ ñể phát triển Mật Tông, ñể sau ñó trở thành hai vị ñại diện cho linh hồn của Ngài Tông Khách Ba là đạt Lai Lạt Ma và Ban Thiền Lạt Ma. Như vậy ở Tây Tạng có tất cả là 7 hệ Phật Giáo và 21 phái. Tựu trung có 4 phái chính mà ngày nay người ta vẫn còn thực hành giáo lý của Mật Giáo là phái mũ vàng (phái giữ giới); phái mũ ñỏ (phái nầy có gia ñình và thuộc về trước thời Ngài Tông Khách Ba); phái Sakya và phái Cổ Mật. Các phái gọi các vị Tăng là Lama, Geshe, Tulku, Rimpoche. Lama nghĩa là Thầy, đạo Sư. Geshe là những vị học giả, Tulku là hóa thân; Rimpoche là tái sanh v.v... đây là cách gọi và cách thực hành của từng phái một. Tựu chung vẫn là Mật Giáo; trong ấy chân ngôn, lòng từ bi, trí tuệ luôn ñược coi trọng. Có phái giữ giới thanh tịnh; nhưng cũng có phái lập gia ñình. Theo như lịch sử ñã ñược

biết bên trên thì phái Hắc giáo tức là đạo Bon; giống như Thần ñạo ở Nhật hay ñạo thờ ông bà của Trung Hoa và Việt Nam; còn Bạch giáo thì hầu như ngày nay không còn hiện hữu nữa. Nay chỉ

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 245

còn phái mũ vàng và phái mũ ñỏ là ñại diện cho Phật Giáo Tây Tạng. Sau ñây chúng ta lần lượt tìm hiểu về Tiểu Sử cũng như những hành trạng của các vị Tổ Sư như: Liên Hoa Sanh, A đề Sa, Tông Khách Ba, Ban Thiền Lạt Ma và đạt Lai Lạt Ma. Sau ñó chúng tôi sẽ giới thiệu ñến quý vị ñộc giả về tư tưởng Tịnh độ của phái Cổ Mật. “Ngài Liên Hoa Sanh – Ngài sinh năm nào và viên tịch năm nào không ghi rõ. Tên Phạn là Padma-sambhava, Guru Padma, Urgyan-Padura. Tạng: Padma-hbyun-guas, Rinpoche. Hán âm: Ba đặc Mã Tát Mộc Ba Ngõa Tổ khai sáng của Phái Hồng Giáo Tây Tạng, sống vào khoảng thế kỷ thứ VIII, người nước Ô Trọng Na, Bắc Ấn độ (thuộc Pakistan ngày nay). Ban ñầu Sư trụ ở chùa Na Lan đà, học thông kinh ñiển đại Tiểu Thừa. Sư bẩm tính cẩn trọng, khéo dùng các phương tiện trong việc giáo hóa. Năm 747, nhận lời thỉnh của vua Khất Lật Song đề Tán (Tạng: Khri-sron Ide btsan, 742-797), Sư cùng với Ngài Tịnh Hộ (Phạn: Santa-raksita) và Liên Hoa Giới (Phạn: Kamalasila) cùng ñến Tây Tạng. Vua Tây Tạng liền xây chùa Tang Da (Tạng: Samyas) ở phía ñông nam thủ ñô Lạp Tát (Lhasa) ñể các Ngài ở. Sư truyền bá pháp môn Du Già bí mật ở Tây Tạng, phiên dịch kinh chú, ñồng thời thị hiện các kỳ tích thần bí ñể thu phục sự quy hướng của người Tây Tạng. Pháp

246 Tịnh độ Tông của Tây Tạng

môn Du Già bí mật là pháp quán ñạt ñến Thiền định đại Hỷ Lạc. Sư là người ñầu tiên truyền Mật Giáo vào Tây Tạng. Sư có 25 ñệ tử chuyên việc phiên dịch kinh ñiển Phật từ tiếng Phạn, Hán sang tiếng Tây Tạng, biên tập thành đại Tạng kinh Cam Châu Nhĩ của Tây Tạng. Sư có các tác phẩm: Ngũ Chủng Tam Ma Da, Thánh Kim Cương Thủ thanh y thành tựu pháp Ưu Ba đề Xá quảng thích chú; Kim Cương tồi phá đà La Ni thích kim cương ñăng, Cát tường thế gian tôn không thành tựu pháp, Bí Mật thư trạng”. (Trích Phật Quang đại Từ điển trang 2789). (Xem Luận Chương sở tri quyển thượng; the Buddhism of Tibet (L.A. Waddell). Lịch sử Phật Giáo Tây Tạng tương ñối khá rõ ràng. Cho nên việc nghiên cứu về lai lịch không có nhiều thắc mắc. Ai cũng biết rằng trước thế kỷ thứ 7 dân Tây Tạng vẫn còn sống ñời du mục và từ thế kỷ thứ 7 trở ñi họ ñã ở yên một chỗ, nhà Vua thống nhất các bộ lạc rồi xưng ñế và Phật Giáo ñã ñược truyền vào Tây Tạng giữa thế kỷ thứ 8. Tuy trong Tiểu Sử của Ngài Liên Hoa Sanh không có năm sinh; nhưng chúng ta có thể ñoán là Ngài ñến Tây Tạng ít nhất cũng ở tuổi từ 20 ñến 30. đây là tuổi thành tựu dễ dàng và có ñầy ñủ tư cách cũng như trí tuệ ñể chuyển hóa vua quan. Nghĩa là Ngài sanh vào giữa năm 717 ñến 727. Riêng việc thị tịch của Ngài thì không rõ ràng. Vì không ai biết Ngài viên tịch ở ñâu. Có người cho rằng Ngài sau khi truyền giáo tại Tây Tạng, ñã bay ñến Bhutan và trở về lại Ấn độ bằng thần thông; nên không ai rõ ñược năm viên tịch của Ngài. Như vậy Mật Giáo ñược truyền từ Ấn độ do Ngài Liên Hoa Sanh và các vị khác mang vào. Thuở ấy vào giữa thế kỷ thứ 8, đại Học Nalanda ñang trong thời kỳ

hưng thịnh, các pháp môn Duy Thức, Trung Quán và Du Già ñược các đại Sư tiền bối hướng dẫn, dạy dỗ, truyền thừa cho những vị nầy. Cho nên Tây Tạng trực tiếp thừa hưởng tông phái nầy ngay từ ñầu. Mật Giáo chủ trương tam mật tương ưng; tức là miệng tụng thần chú, tay bắt ấn và ý an ñịnh vào Tam Ma địa. Thân, khẩu, ý khi nào nhất như tức là hành giả ñạt ñược Thiền định đại Hỷ Lạc. Sau nầy Mật Giáo là một phần chính yếu của Kim Cang Thừa. Ai muốn tu học thừa nầy ñầu tiên phải học những giáo nghĩa của Tiểu Thừa trước, sau mới học đại Thừa; bước sau cùng hành giả mới vào ñược Kim Cang Thừa. Do Mật Giáo ñược truyền vào Tây Tạng trước; nếu Thiền hay Tịnh độ Tông ñược truyền vào ñây trước, thì có lẽ người Tây Tạng cũng sẽ tiếp thu những tông phái nầy dễ dàng vậy. Tuy nhiên, Tây Tạng là xứ có nhiều núi cao, khí hậu lạnh lẽo ác nghiệt về ñông; nên có lẽ Mật Giáo thích hợp với họ hơn là những tông phái khác. Bên ngoài trời lạnh dưới không ñộ mà hành giả vẫn luôn trì niệm thần chú thì với sức ñịnh ấy có thể tạo ra chất nóng ấm cho cơ thể, nhiều khi có thể làm tan ñi nước bị ñông ñá ở phía ngoài. đây có thể chỉ là hình thức của việc áp dụng trong sự tu luyện; nhưng ñiều chính yếu vẫn là khai thông trí tuệ và ñạt ñến sự giác ngộ, giải thoát, dầu cho hành giả ấy có tu pháp môn gì ñi nữa. Vào năm 2000 thành phố Hannover, đức quốc, có tổ chức triển lãm thế giới tại ñây. Vương quốc Bhutan xây một ngôi chùa quy mô trong khu triển lãm nầy và ngôi chùa nầy tồn tại ở ñó trong vòng 6 tháng. Tuy nhiên chỗ ăn, chỗ ở cho những người thợ và nhân viên của họ ñưa từ Bhutan ñến đức không có chỗ ở, do vậy họ mới

nhờ Chùa Viên Giác giúp cho việc nầy. Dĩ nhiên là chúng tôi rất hoan hỷ. Một năm sau, Bộ Ngoại Giao Bhutan có thư mời chúng tôi ñến thăm xứ nầy. Phái ñoàn 19 người ñến từ đức ñã ñược Hoàng Hậu và Chính phủ Bhutan tiếp ñón tại thủ ñô Thimphu rất long trọng. Chúng tôi cũng ñã ñược ñưa ñi thăm các tu viện tại ñây. Hầu hết ñều ảnh hưởng bởi Phật Giáo Tây Tạng và Ngài Liên Hoa Sanh. Những huyền thoại về Ngài Liên Hoa Sanh cũng giống như tại Tây Tạng vậy. Nước Bhutan trong hiện tại là một quốc gia có vấn ñề bảo vệ môi sinh tốt nhất trên thế giới. đã có lần ông Vua Bhutan bảo rằng: “Thế giới ngày nay ño ñộ tiến bộ của quốc dân bằng sự tăng trưởng của kinh tế; nhưng ñối với quê hương của ông, khi nào người dân làm ñược những việc ñạo ñức, thì ñó là sự tăng trưởng của nước ông”. đây là lời tuyên bố có tính cách lịch sử và mới ñây vào giữa tháng 10 năm 2011 ông Vua Wangchuch chưa ñến 60 tuổi; nhưng ñã trao truyền ngôi vua cho Thái Tử và ñám cưới của Thái Tử cử hành theo nghi lễ của Phật Giáo do các vị đại Sư chủ trì. Nhìn nhà Vua ăn vận lễ phục, không khác gì một vị Sư. Vì bên trên mình có khoác thêm một chiếc y màu vàng. đây có lẽ là truyền thống của Phật Giáo chăng? đến thế kỷ thứ 10 là một thế kỷ ñặc biệt ở Tây Tạng. Vì Tịnh độ Tông cũng ñược truyền vào ñây vào thời kỳ nầy. đồng thời thuở ấy ảnh hưởng của Ngài Atisa cũng không ít. Sau ñây chúng ta tìm hiểu về cuộc ñời và hành trạng của Ngài.

A đề Sa (982-1054); tiếng Phạn là Atisa, tên Tây Tạng: Phul-byun. Cũng gọi là A đế Giáp, A để Sa, A Thông Sa. Tổ khai sáng phái Ca đương (Phạn: Bkah- gdam-pa) của Phật Giáo Tây Tạng; người nước Tát Hạ (Zahora) ñông Ấn độ, con thứ của Vua Thiện Tường (Tạng: Dge-ahi-dpa), vốn tên là Nguyệt Tạng. Hai mươi chín tuổi, Ngài theo luật sư Giới Hộ (Phạn: Silaraksita) xuất gia. Sau khi xuất gia, Ngài học rộng các kinh ñiển của đại Chúng Bộ, Thượng Tọa Bộ, Chính Lượng Bộ, Nhất Thiết Hữu Bộ và Mật Giáo. Pháp danh của Ngài là Cát Tường Nhiên đăng Trí (Phạn¨Dipankarasrijnana, cũng gọi là Nhiên đăng Cát Tường Trí). Ngài từng tham học các đại Sư Mạt để Nhã Na Bồ đề (Phạn: Matijnana Bodhi), Trí Tường Hữu, Pháp Hộ (Phạn: Dhar-maraksita), A Phạ độ để Ba (Phạn: Avadhutipa), Bảo Sanh Tịch Tĩnh (Phạn: Ratnakarasantipa), Tiểu Cô Tát Lê, Nhật Tỉ Khô Cử (Tạng: Rigs-pahi khu-byug). Sau Ngài ñến chùa Siêu Giới (Phạn: Vikramasila) ở nước Ma Yết đà giảng dạy về đại Tất địa và các học thuyết đại Thừa. Năm 1038 Tây lịch, nhận lời mời của Vua Tây Tạng là A Lý Trí Quang và Bồ đề Quang, Ngài rời Ma Yết đà ñi Tây Tạng. Bấy giờ, tín ñồ Phật Giáo Tây Tạng ñều tu theo tà pháp, không trọng ñức hạnh, Ngài bèn soạn sách, lập thuyết nhằm khôi phục nền Phật Giáo Ấn độ chân chính, chấn hưng giới luật, thống nhất Phật Giáo Tây Tạng, sáng lập phái Ca đương, ñi giáo hóa khắp xứ Tây Tạng, cứu vãng phong tục ñồi trụy, ñặt ra phép tắc mới, bộ mặt Phật Giáo Tây Tạng nhờ ñó thay ñổi hoàn toàn. Trong thời gian ấy Ngài phiên dịch kinh ñiển và soạn thuật, hình thành cuộc phục hưng Phật Giáo Tây Tạng trước kia chưa từng có. Về sau, Ngài nhập tịch ở

250 Tịnh độ Tông của Tây Tạng

chùa Nhiếp đường (Phạn: Sni-than) phía Tây Nam Lạp Tát (Lhasa), thọ 73 tuổi. Những kinh ñiển do Ngài dịch gồm có: Luận nhị vạn quang minh, Nhiếp đại Thừa luận thích, Luận phân biệt nhiên, đại Thừa bảo tích luận thích. Ngài soạn thuật hơn ba mươi bộ, như: Luận Bồ đề ñạo ñăng, Kinh Thập bất thiện nghiệp ñạo, Hành tập ñăng, luận Nhập nhị ñế, Trung Quán giáo thọ, Vô Cấu bảo thư hàn... tất cả hơn 30 bộ. Trong số nầy Luận Bồ đề đạo đăng là trọng yếu hơn cả. Tác phẩm nầy ñã ñược Sư Pháp Tôn dịch ra Hán văn và xuất bản vào năm 1978. Về phương diện tu hành, Ngài cực lực ñề xướng gồm tu giữ giới, thiền ñịnh và quán pháp. Ngài còn lập giáo phán "Tam Sĩ Giáo" (Tạng: Skyed-bus gum-gyi lam- guyi rim-pa) chủ trương tu tập theo thứ tự phù hợp với ba căn thượng, trung, hạ. Ngoài ra, Ngài ñặc biệt tôn sùng tín ngưỡng hóa thân Văn Thù. Trong việc dạy học, truyền ñạo, vì Ngài ñặc biệt coi trọng "nghiệp quả"; nên người ñời còn tôn xưng Ngài là "nghiệp quả luận sư". Ngài suốt ñời giáo hóa, ñệ tử học pháp rất ñông, những người nổi tiếng hơn cả thì có: Khố đốn (Tạng: Khu-ses-rah brtson-hgrub), Lạc Mẫu đông (Tạng: Hbrom-ston) v.v... Trong tư tưởng Phật Giáo, Ngài một mực phản ñối việc trước nay lấy luận Trung Quán của Bồ Tát Long Thọ làm trào lưu chủ yếu của tư tưởng ñương thời, mà cổ xúy tư tưởng Du Già của Bồ Tát Di Lặc. Giáo nghĩa của Phật Giáo Tây Tạng vốn rất ñơn ñiệu, sau khi ñược tư tưởng mới nầy kích thích, thì ngoài phái Ca đương sẵn có, còn chia ra phái Tất Ca (Tạng: Saskya-pa) và phái Ca Nhĩ Cư (Tạng: Bkah-bagyud-pa).

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 251

Trong các ñệ tử, Sư Lạc Mẫu đông kế thừa thuyết của Ngài, mở rộng giáo thuyết của phái Ca đương, có ảnh hưởng rất lớn ñối với phái Phật Giáo Tây Tạng phát triển sau nầy. Ngài Tông Khách Ba khai sáng phái Ngạch Nhĩ đức (Tạng: Dge-Lugs-pa) lấy giáo nghĩa do Ngài A đề Sa ñề xướng làm trung tâm, vì thế phái Ngạch Nhĩ đức còn gọi là phái Ca đương mới". (Trích Phật Quang đại Từ điển trang 31-32). (Xem đa La Na Tha Ấn độ Phật Giáo sử; Lạt Ma giáo sử lược (Trần Thiên Âu); Biên Cương chính giáo chi nghiên cứu (Hoàng Phấn Sinh); Tây Tạng Phật Giáo sử (Thánh Nghiêm); Tây Tạng Phật Giáo ñích Ca đương phái (Hiện ñại Phật Giáo học thuật tùng san 75); Tây Tạng Phật Giáo (Túc Tùng ñơn truyện). Như vậy chúng ta thấy rõ ràng là Phật Giáo ñược truyền vào Tây Tạng lúc ban ñầu do Ngài Liên Hoa Sanh là lấy Mật Giáo làm chính và Trung Quán của Tổ Sư Long Thọ là phép tu từ thế kỷ thứ 7 ñến thế kỷ thứ 10. Ngài Long Thọ chủ trương bát bất Trung đạo. Nghĩa là: Không sanh, không diệt, không ñến, không ñi, không còn, không mất, không một mà chẳng khác một. đây là một tư tưởng, một giáo thuyết có tính cách trung dung, tu theo tinh thần Bát Nhã rất ñược tôn trọng tại Ấn độ cũng như Trung Quốc thuở bấy giờ; nhưng ñến ñầu thế kỷ thứ 11, khi Ngài Atisa hiện diện tại Tây Tạng thì Ngài chủ trương theo giáo lý Du Già của Ngài Di Lặc vào thế kỷ thứ 5 thứ 6, chủ trương theo các bộ Du Già Sư địa Luận, lấy thức làm sự biến hiện chính của mọi hành hoạt của chơn ñế và tục ñế. Thế là giữa hai phái nầy có sự ñối chọi nhau cả về lý thuyết lẫn thực hành. Vì vậy Phật Giáo Tây Tạng cũng phải chịu khốn ñốn một thời. Tuy rằng Ngài A đề Sa không bỏ những lập luận cũ của phái mũ

ñỏ; nhưng vẫn luôn ñề cao tư tưởng Du Già. Tuy sau nầy có một số vị đạo Sư muốn tổng hợp hai tư tưởng nầy lại; nhưng cuối cùng tư tưởng Trung Quán vẫn nổi bật; còn tư tưởng Du Già của Ngài A đề Sa thì bị tư tưởng kia chinh phục. Mãi cho ñến thế kỷ thứ 15 khi Ngài Tông Khách Ba xuất hiện, Ngài vẫn dùng tư tưởng của Ngài A đề Sa ñể phát triển và lúc ấy Phật Giáo Tây Tạng ñã tạo ra ñược một sự dung hòa và lập ra một phái mới. đó là phái mũ vàng và gồm cả hai truyền thống là: đạt Lai Lạt Ma và Ban Thiền Lạt Ma. Sau ñây là cuộc ñời và hành trạng của Ngài Tông Khách Ba. "Ngài Tông Khách Ba sinh năm 1417 và viên tịch năm 1478. (Tạng: Tson-kha-pa). Ngài là nhà cải cách Phật Giáo Tây Tạng sống vào thế kỷ thứ 15, cũng là Tổ khai sáng của phái Hồng Mạo (phái ñội mũ màu ñỏ) thuộc Lạt Ma giáo, người ở vùng Tông Khách tại Tây Ninh thuộc tỉnh Thanh Hải. Sư vốn có tên là Hiền Tuệ, Xứng Cát Tường, Pháp danh là La Bốc Tạng Trát Khắc Ba, La Tang Trát Ba (Tạng: Lozan-tak-pa), còn "Tông Khách Ba" là do người ñời sau tôn xưng theo ñịa danh, nơi sinh của Sư. Lúc Sư lên 3, Pháp Vương Cát Mã Ba Du Hí Kim Cương từ Tây Tạng ñến Nội ñịa thấy Sư có dung mạo phi phàm, liền cho Sư thọ cận sự giới, ban hiệu là Khánh Hỷ Tạng. Năm 7 tuổi, Sư y chỉ vào Ngài đôn Châu Nhân Khâm thọ giới Sa Di. Sư tu học pháp Liên Hoa Bộ ở chùa Tát Ca tại Trát Thập Luân Bố (Nhật Khánh Tắc), lãnh hội hết ý nghĩa sâu kín. Sư lại ñến tuyết sơn tu khổ hạnh trong mấy năm, người Tây Tạng tôn Sư là Giáp Lặc

Ngõa. Rồi Sư tu học giáo nghĩa của phái Ca đương (Tạng: Bkah-gdam-pa), ñồng thời ñi tu học các nơi. Bấy giờ phái Tát Ca (Tạng: Sa-skya-pa) ñã bị rơi vào tà giáo chú pháp của phái Hồng Mạo (phái mũ ñỏ), Sư rất thương cảm nên phát nguyện cải cách. Năm 36 tuổi, Sư ñề xướng chủ nghĩa nghiêm thủ ñộc thân theo ñúng giới luật của Phật Giáo, sáng lập giáo phái đâu Suất (Phạn: Dgah-Idan), sau ñổi thành phái Ngạch Nhĩ đức (Tạng: Dge-lugs-pa) nghĩa là phái đức hạnh. Người ñương thời thấy tình trạng ñồi bại của phái Hồng Mạo nên rất ngưỡng mộ giáo ñoàn của Sư. Nhưng cũng vì thế mà Sư bị các nơi áp bức nên phải ẩn trốn trong núi. Sư ñề xướng thuyết dung hợp giữa Bát Nhã Trung Quán và Bí mật Kim cương thừa; giáo lý của Sư thu hút phái Ca đương từ Ngài A đề Sa về sau và thực hành phương pháp khất thực, tọa cụ, phục trang, giới luật của Phật Giáo nguyên thủy; ñồng thời ñội mũ màu vàng ñể phân biệt với phái ñội mũ màu ñen (Tạng: Shwa-nag) của đạo Bon và phái ñội mũ ñỏ (Tạng: Shwa-dwar) ñã có từ xưa ñến nay, cho nên hệ phái của Sư ñược gọi là Hoàng Mạo phái (Tạng: Shwa-sen), Hoàng y phái (phái áo vàng). Giới luật và ñức hạnh của Sư lan tỏa trên toàn cõi Tây Tạng; phạm vi thế lực cũng dần dần ñược mở rộng và trở thành nguồn gốc của đạt Lai và Ban Thiền Lạt Ma ñời sau. Sư sáng lập Chùa Cam đan ở ngoại ô thủ ñô Lhasa, là bản sơn của phái Hoàng Mạo. Sau ñó Sư sai ñệ tử xây chùa Sắc Lạp và chùa Biệt Bạng ở gần Lhasa, ở các Chùa nầy, Sư chia ra giáo hóa, chỉ trong mấy năm ñã giành ñược tòa pháp của Hồng Y Lạt Ma. Tín ñồ ñều coi Sư là hóa thân của Phật A Di đà hoặc của Bồ Tát Văn

Thù và lại càng thêm sùng kính. Thông thường Sư cũng ñược mọi người tôn là: “đệ Nhị Năng Nhân”. Các ñệ tử nổi tiếng của Sư có: đạt Nhĩ Ma Nhân Khâm (Tạng: Dar-ma rin-chen, 1364-1436), Căn đôn Châu Ba (Tạng: Dge-hdun-grub-pa) 1390-1475), Khải Châu (Tạng: Mkhas-grub-rje, 1385-1435) ... Trong ñó, 2 vị Căn đôn Châu Ba và Khải Châu ñược Sư truyền ñại pháp. Ngài Căn đôn Châu Ba thì mở rộng hệ thống truyền thừa đạt Lai Lạt Ma, còn Ngài Khải Ba thì mở rộng hệ thống truyền thừa Ban Thiền Lạt Ma. đạt Lai và Ban Thiền ñời ñời chuyển sinh ñể hóa ñộ chúng sanh. Sư có rất nhiều tác phẩm, ñến hơn 200 loại lớn nhỏ, bao gồm các sách chú thích về Hiển Giáo và Mật Giáo, Văn Lễ tán, Văn Kỳ ñảo, sách giáo dục, thư hàn, giáo thư, bí mật nghi quỹ, thành tựu pháp... ñược biên chung thành Tông Khách Ba toàn thư (Tạng: Gsuns hbuus). Trong ñó có hai tác phẩm quan trọng nhất là: Bồ đề ñạo thứ ñộ luận (Tạng: Bya-Chub-lam-rim) nói khái quát về giáo nghĩa của phái Thậm Thân quán (Tạng: Zad-mo Ita-ba), Phái Quảng đại hành (Tạng: Rgya-chen Spyod-pa) thuộc Hiển Giáo và Bí Mật ñạo thứ ñệ luận (Tạng: Snag-rim, cũng gọi Mật Tông ñạo thứ luận) nói khái quát về giáo nghĩa của phái Gia Trì Kỳ đảo (Tạng: Nam-Ienbyin-Alabs) thuộc Mật Giáo. Trong hai bộ luận trên, Ngài Tông Khách Ba nói rõ về thứ tự tu hành của Hiển Tông và Mật Tông, ñồng thời nhấn mạnh chủ trương quan trọng là bất luận Hiển hay Mật ñều phải gìn giữ giới luật. Hai tác phẩm nầy ñều có bản nói rộng và nói lược. Bồ đề đạo thứ ñệ quảng luận gần ñây ñã ñược Ngài Pháp Tôn dịch ra Trung văn (bản in chụp của nhà xuất bản Văn Phong), lược luận phần lớn cũng ñã ñược

Ngài đại Dũng dịch và Ngài Pháp Tôn bổ túc (bản in chụp của Ấn kinh xứ ở đài Loan). Nhìn chung giá trị tư tưởng then chốt của Sư là ở chỗ liên kết Phật Giáo đại Thừa ở thời kỳ cuối tại Ấn độ với Phật Giáo Tây Tạng. Giáo chỉ của Phái Hoàng Y do Sư truyền thực ra ñã dựa vào Liên Hoa hộ pháp của A Di đà Như Lai do Ngài Long Thọ (Mãnh) truyền ñều tôn thờ Minh Phi bộ hộ của Bổn Tôn bộ mẫu, giống như phái Hồng Y, mà pháp tu nghiệm cũng không khác với phái Hồng Y. Chỉ vì chỉnh ñốn phái Hồng Y và chú trọng về "Cam Châu Nhĩ" nên giữ nghiêm giới luật, thăng hoa ñức hạnh, lấy việc thành tựu sự trong sáng của Liên Hoa bộ một cách chân chính làm yếu chỉ căn bản, còn giáo quy của Sư thì lấy sự hộ trì tâm Bồ đề làm chính. Ngay trong phái Hoàng y cũng có 2 phái lớn và ñều tôn sùng ñức hạnh giới luật, chân thực tu nghiệm, hình thức lý thú của 2 phái ñều không khác nhau. Tông Khách Ba thị tịch vào năm Vĩnh Lạc 15 (1478) ñời nhà Minh, thọ 61 tuổi. Các ñệ tử của Sư lấy ngày Sư thị tịch 25 tháng 10 làm ngày Tông giáo. Nhưng về năm sinh và ngày mất của Sư có nhiều thuyết khác nhau, như có thuyết cho rằng Sư sinh năm 1355 và thị tịch năm 1417; lại có thuyết chủ trương Sư sinh năm 1357 và thị tịch năm 1419 ...". (Trích Phật Quang đại Từ điển trang 6252-6254). (Xem Tây Tạng Phật Giáo Sử Lược (Lý Dực Chước); Lạt Ma Giáo giáo lý khải thuyết (Tự Bản uyển nhã); Tây Tạng Phật Giáo nghiên cứu (Trường Vĩ Nhã Nhân); Grammar of the Tibetan Language, by E. Schlagintweit); the Buddhism of Tibet, by L.A. Waddell; Tibetan English

Dictionary, by Candra Das; Tibetan Temple Paintings, by W.J.G. Van Meurs) xem thêm Thậm Thâm quán. đọc lịch sử của các vị Giáo chủ của các Tôn Giáo, chúng ta thấy có nhiều ñiều vi diệu khó lường. Vì lẽ ñó là những vị Phật; những vị Bồ Tát xuất hiện nơi ñời nên có những ñiềm lành như vậy. điều nầy trong kinh ñiển và sách vở vẫn còn ghi lại và tiên ñoán như thế. đến khi các vị Tổ Sư ra ñời cũng có nhiều hiện tượng lạ trước, trong và nhất là sau khi thành Tổ của một Tông Phái. đa phần ngày trước không ghi chép rõ ràng; nên người ñời sau chỉ dự ñoán, tiên liệu và từ ñó lại có thêm bớt nhiều ñiều. Ngay cả ngày sinh tháng ñẻ, ngày mất v.v... vẫn không rõ ràng thì làm sao những sự kiện khác lại có tính cách trung thực ñược. Những ñiều linh thiêng ấy chúng ta có thể gọi là một phép lạ ñi. Phép lạ ấy có một nhà thần học đức tên là Jonnhanes Lehmann ông ta viết quyển Buddha und seine Lehre (đức Phật và giáo lý của Ngài), ông ta viết rằng: "Thay vì người ta phải chịu khổ nạn bị ñóng ñinh trên thập tự giá như đức Chúa Jesus Chris, thì người ta hay tin vào những phép lạ mà đức Chúa ñã ñược thành tựu. Thay vì người ta phải chịu khổ hạnh và thiền ñịnh ñể tìm ra trí tuệ giác ngộ như đức Phật Thích Ca Mâu Ni, thì người ta hay tin vào những phép mầu và thần thông diệu dụng của Ngài". Nhận xét bên trên của một Mục Sư Tin Lành về đức Chúa và đức Phật quả thật không sai. Bởi vì ñời nay ña phần con người rất yếu ñuối; cho nên muốn có ñược những thần lực như thế; hoặc cách nầy hay cách khác ñể người ta thần thánh hóa những bậc giáo chủ của nhân loại lên một bậc cao hơn nữa.

Có lần báo chí phỏng vấn đức đạt Lai Lạt Ma thứ 14 rằng: Thưa Ngài! Có phải Ngài là hóa thân của Bồ Tát không ? Ngài ñáp: Không! Tôi chỉ ñơn thuần là một Tăng sĩ. đó là câu ñáp bằng tiếng Anh. Thế nào là ñơn thuần ? – Nó có nghĩa là bình thường thôi không có gì ñặc biệt cả. đôi khi Ngài cũng trào phúng nói rằng: Tôi ñâu có biết chữa bịnh; nhưng nhiều người nghĩ rằng tôi chữa bịnh ñược; nên ñem người bịnh ñến trước tôi. Thôi thì, tôi cũng ñọc cho họ vài câu chú vậy. Xem qua lịch sử của Ngài Tông Khách Ba quả thật Ngài là một bậc Tổ Sư ñại tài. Vì Ngài dung hợp ñược tất cả những dị biệt của phái Hồng Mạo có liên hệ và tin tưởng của Ngài A đề Sa (cả Trung Quán và Du Già) ñể Ngài an tâm các học phái cũ và mới thuở ấy. Nhưng Ngài cũng ñã không quên về Liên Hoa bộ của đức A Di đà Như Lai do Ngài Long Thọ, Tổ Sư thứ nhất Tịnh độ Tông Ấn độ; cho nên người ñời tôn sùng Ngài Tông Khách Ba là hiện thân của đức Phật A Di đà và ñôi khi là hóa thân của Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát nữa. Những tư tưởng của Ngài và những thành tựu theo phép tu của Ngài ñã sản sinh ra hai hệ phái lớn của Hoàng Mạo là đạt Lai Lạt Ma và Ban Thiền Lạt Ma. Hai phái nầy vẫn còn tồn tại trong và ngoài Tây Tạng từ cuối thế kỷ thứ 15 ñến nay (2011) qua 14 ñời của các vị đạt Lai Lạt Ma và 10 ñời của các Ngài Ban Thiền Lạt Ma.

258 Tịnh độ Tông của Tây Tạng

Năm 1949, Mao Trạch đông ñã chiếm cứ toàn cõi Trung Hoa và sau ñó xua quân qua chiếm Tây Tạng. đức đạt Lai Lạt Ma ẩn nhẫn sống với chế ñộ Cộng Sản Trung Quốc trong 10 năm, kể từ năm 1949 ñến năm 1959; nhưng sau ñó Ngài ñã tìm ñường vượt biên sang Ấn độ tỵ nạn tại Dharamsara từ ñó ñến nay (2011) cũng ñã hơn 50 năm rồi, chưa có lần nào quay về lại ñược quê hương cũ. Trong khi ñó đức Ban Thiền Lạt Ma muốn ở lại quê hương ñể sống hòa ñồng cùng người Trung Quốc; nhưng cuối cùng thì chính trị ñã biến tướng hình thức Tôn Giáo vốn có từ lâu ñời của xứ nầy; khiến cho phương Tây cũng ñau lòng; nhưng nhờ sự mất mát tại quê hương Tây Tạng như vậy, qua ảnh hưởng của đức đạt Lai Lạt Ma thứ 14 tại ngoại quốc từ năm 1959 ñến nay, khiến thế giới phải chú ý ñến cách tu học và hành trì của Phật Giáo Tây Tạng. Bằng nhiều cách khác nhau như qua sự diễn giảng, chủ trì những buổi ñại lễ, tiếp xúc báo chí, sách vở v.v... đức đạt Lai Lạt Ma thứ 14 ñã tạo nên một ấn tượng mạnh về lãnh vực tinh thần không những với người Phật Tử Á Châu mà cho cả hằng triệu người Tây phương trên thế giới nữa. Sau ñây chúng ta tìm hiểu về cuộc ñời và tiểu sử của đức đạt Lai Lạt Ma. “Dalai Lama vốn là tiếng tôn xưng những vị ñệ tử Phật vừa có trí ñức, vừa có thắng hạnh. “Dalai” là tiếng Mông Cổ, có nghĩa là biển; Lama là tiếng Tây Tạng, có nghĩa là Thượng Nhân. đạt Lai Lạt Ma là chỉ cho vị Pháp Vương thống trị Tây Tạng; tức là những vị nối tiếp sự nghiệp của Ngài Tông Khách Ba người phục hưng nền Phật Giáo Tây Tạng và là khai tổ của phái Hoàng Mạo (phái mũ vàng). đạt Lai Lạt Ma cũng chỉ cho một trong

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 259

hai hệ thống Hoạt Phật chuyển sinh, hệ thống kia là Ban Thiền Lạt Ma. Nhưng ở Tây Tạng danh hiệu đạt Lai Lạt Ma phần nhiều ñược dùng về mặt ngoại giao. Người Tây Tạng còn có nhiều tiếng tôn xưng khác như: 1.- Gia Mục Căn Nhân Ba Thiết (Tạng:

Sky-absmgon-rim-po-che), nghĩa là Cứu Hộ Tôn Giả. 2.- Cát Ba Nhân Ba Thiết (Tạng: Rgyal-ba-rim-poche), nghĩa là đắc Thắng Tôn Giả. 3.- đạt Mục Khâm Kham Ba (Tạng: T'ams-cadmk'yen-pa), nghĩa là Nhất Thiết Trí Giả Nhân viên Cận vệ đạt Lai Lạt Ma thì gọi là "Bố Cách" (Tạng: Sdbugs), nghĩa là đại Nội. Ngoài ra, đạt Lai Lạt Ma các ñời phần nhiều dùng danh hiệu "Gia Mục thố" (Tạng: Rgyo mtsho), nghĩa là "biển" ñặt sau tên. Về nguồn gốc của danh từ đạt Lai Lạt Ma thì có 2 thuyết: 1.- Khoảng năm Vạn Lịch thứ 6 (1578) ñời Vua Thần Tông nhà Minh, vị ñệ tử ñời thứ 3 của Ngài Tông Khách Ba là Tỏa Lãng Gia Mục Thố ñến Mông Cổ hoằng pháp, ñược An đáp Hãn (Altam Khan, Vua) của Mông Cổ phong tặng tôn hiệu "đạt Lai Lạt Ma Kim Cương Trì". Từ ñó về sau tôn hiệu nầy trở thành tên gọi của toàn thể hệ phổ. đạt Lai Lạt Ma. Nhưng có chỗ nói An đáp Hãn phong tặng tôn hiệu là Kim Cương Trì (Phạn: Vajradhara) chứ không phải là đạt Lai.

260 Tịnh độ Tông của Tây Tạng

2.- Khoảng năm Thuận Trị thứ 7 (1650) ñời vua Thế Tổ nhà Thanh, vị ñệ tử ñời thứ 5 của Ngài Tông Khách Ba là A Vượng La Bốc Tạng Gia Mục Thố (Tạng: Nag- dban blo-bzan rgya-mtsho, 1617-1682) ñược Cố Thủy Hãn (Tạng: Gu-sri Khan, Cố Thực Hãn) của Ách Lỗ đặc Mông Cổ cùng Thạc đặc Bộ phong tặng tên hiệu "đạt Lai". Cố Thủy Hãn từng giúp Gia Bốc Tạng Gia Mục Thố thống nhất toàn cõi Tây Tạng, hoằng dương Hoàng giáo. Từ ñó, những người truyền nối về sau ñều có tên gọi đạt Lai Lạt Ma. Phật Tử Tây Tạng rất tôn sùng Lạt Ma; cho nên rằng nếu cúng dường Lạt Ma về vật chất và tinh thần thì có thể thành Phật. đạt Lai Lạt Ma từ ñời thứ 1 ñến nay ñược coi là hóa thân của Bồ Tát Quan Thế Âm, ñược toàn thể dân chúng Tây Tạng tôn sùng là bậc Vô Thượng. Trải qua các ñời, những vị đạt Lai Lạt Ma giữ gìn nghiêm khắc chủ nghĩa ñộc thân và dùng pháp chuyển sinh (Phật sống) ñể quyết ñịnh người thừa kế. Ngoài ra, bộ sách thu gom những tác phẩm của các ñời Lạt Ma ñược gọi là: "Lạt Ma Lịch Thế Toàn Thư" (Tạng: Skyabs-mgon-rim-hbhyun gsun hbunu). Trong ñó bộ Luận Tùng của vị đạt Lai Lạt Ma ñời thứ 5 là một tác phẩm rất quan trọng, nó hàm nhiếp cả giáo lý Hiển, Mật và bao gồm lịch sử, kinh lục v.v... của Tây Tạng. Từ ñời đạt Lai Lạt Ma thứ 5 trở về sau, khi Tây Tạng tiếp nhận chính quyền toàn lãnh thổ của mình từ Mông Cổ, thì đạt Lai Lạt Ma trở thành người nắm quyền lực cao nhất cả về tôn giáo lẫn chính trị cũng như người ñứng ñầu phái Hoàng Mạo, cai quản hơn 3.000 ngôi Chùa viện và 400.000 Lạt Ma.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 261

Nay tường thuật sơ qua về sự truyền thừa các ñời đạt Lại như sau:
- đời thứ 1. đạt Lai Căn đôn Châu Ba (Tạng: Dgegdun-grub, 1391-1475).
- đời thứ 2. đạt Lại Căn đôn Gia Mục Thố (Tạng:
Dge-gdun-rgya-mtsho, 1476-1543).
- đời thứ 3. đạt Lại Tỏa Lãng Gia Mục Thố (Tạng:
Bsod-nams-rgya-mtsho, 1543-1588).
- đời thứ 4. đạt Lai Vinh đan Gia Mục Thố (Tạng:

Yon-tan-rgya-mtsho, 1589-1616).
- đời thứ 5. đạt Lai A Vượng La Bốc Tạng Gia Mục
Thố (Tạng: Nag-dban blo-bzan rgya mtsho, 1617-1682).
- đời thứ 6. đạt Lai Thương Ương Gia Mục Thố
(Tạng: Tshans-dbyans rgya mtsho, 1683-1706).
- đời thứ 7. đạt Lai Cách Tang Gia Mục Thố (Tạng:
Skal-bzan-rgya-mtsho, 1708-1758).
- đời thứ 8. đạt Lai Khương Bạch Gia Mục Thố
(Tạng: Hjam-dpal-rgya-mtsho, 1758-1805).
- đời thứ 9. đạt Lai Long đa Gia Mục Thố (Tạng:
Lun-stogs-rgya-mtsho, 1805-1816).
- đời thứ 10. đạt Lai Sở Xưng Gia Mục Thố (Tạng:
Tshul-khrim-rgya-mtsho, 1816-1837).
- đời thứ 11. đạt Lai Khải Châu Gia Mục Thố (Tạng:
Mkhas-sgrub-rgya-mtsho, 1837-1855).
- đời thứ 12. đạt Lai Xưng Lặc Gia Mục Thố (Tạng:
Sprin-Las-rgya-mtsho, 1856-1875).

- đời thứ 13. đạt Lai Thổ đan Gia Mục Thố (Tạng: Thuh-bstan-rgya-mtsho, 1876-1933). - đời thứ 14. đạt Lai Lạt Ma hiện nay là Lạp Mộc đăng Châu (Tạng: Nag-dban-blo-bzan-bstan-hdsin-rtgyamtsho, 1935-...). Năm 1959 sau cuộc nổi dậy của nhân dân Tây Tạng chống lại sự thống trị của cộng sản Trung Quốc thất bại, đức đạt Lai Lạt Ma phải lưu vong sang Ấn độ. Từ ñây, sự hưng suy của Phật Giáo Tây Tạng rất ñược thế giới quan tâm". (Trích Phật Quang đại Từ điển trang 1659- 1660). (Xem A. Waddell: The Buddhism of Tibet; W.W. Rockhill: The Dalai Lamas of Lhasa their relation with the Manchu Emperors of China). Vào ngày 18 tháng 5 năm 1995, chùa Viên Giác tại Hannover, đức quốc, cá nhân chúng tôi cũng như toàn thể ñồng bào Phật Tử Việt cũng như đức ñã có hân hạnh ñón tiếp đức đạt Lai Lạt Ma thứ 14 tại chánh ñiện Chùa Viên Giác từ 12 giờ trưa ñến 16 giờ chiều. Chỉ 4 tiếng ñồng hồ thôi; nhưng năm 1996 chúng tôi ñã viết thành một quyển sách nhan ñề là "Tiếp kiến đức đạt Lai Lạt Ma" bằng 2 thứ tiếng Việt và đức. Trong sách nầy chúng tôi ñã mô tả tất cả những sự kiện ñã xảy ra trước và sau khi Ngài ñv.de ñể xem. Ngoài ra các ñoạn phim quay thuở ấy cũng còn giữ lại nơi Thư viện và Website của Chùa. Ngày ấy cũng là ngày làm lễ ñặt viên ñá ñầu tiên xây Chùa Khánh Anh mới tại Evry (Paris) Pháp quốc, cho nên Hòa Thượng Thích Minh Tâm và Hòa Thượng Thích Tánh Thiệt ñã không ñến tham dự ñược. Chỉ có Cố Hòa

Thượng Thích Thiền định và Cố Hòa Thượng Thích Minh Lễ ñến dự mà thôi. đây là một niềm vinh dự lớn lao của Chùa Viên Giác. Vì sau lễ hoàn nguyện Chùa năm 1993, Chùa ñã cung ñón ñược một vị Phật sống như vậy, quả là phước ñức vô ngần. Gần gũi Ngài,

tiếp xúc với Ngài, dầu nhiều hay ít, chúng ta cảm nhận ñược lòng từ bi và trí tuệ của Ngài. Có những buổi giảng pháp tại Frankfurt, Hamburg, Schneverdingen (đức) quy tụ cả hàng vài chục ngàn người; nhưng sức nhiếp hóa của Ngài quá vi diệu; nên các sân vận ñộng và hội trường ñều im lặng như tờ. Mỗi ngày Ngài giảng từ 2 ñến 4 tiếng ñồng hồ và buổi chiều thì cho thảo luận, hỏi ñáp... lúc nào cũng có những câu trả lời thật là hài hước và sâu thẳm bằng trí tuệ thâm chứng của Ngài. Nhiều khi những tràng pháo tay bất tận ñã làm cho Ngài thật cảm ñộng. Ngài rất giản dị, thực tế, ñôi khi khôi hài tự nhiên, nhiều lúc như con trẻ. Vì ñó có lẽ là bản tính của Ngài từ thuở mới lọt lòng (quý vị có thể xem thêm 2 quyển sách tiếng Anh và tiếng Việt nhan ñề là: Freedom in Exil = Tự Do Trong Lưu ñày và My Land and My Poople = Nước Tôi và Dân Tôi) thì chúng ta sẽ ñọc ñược hết những gì Ngài muốn nói và muốn diễn tả về cuộc ñời của Ngài từ lúc tuổi thơ cho ñến ngày nay. Năm nay Ngài ñã 77 tuổi và ở ngôi vị đạt Lai Lạt Ma từ năm 1935 ñến nay. Như vậy Ngài ở ngôi vị nầy 75- 76 năm, là một trong những vị Lạt Ma trị vì Tây Tạng lâu năm nhất. Mặc dầu từ năm 1959 ñến nay Ngài không có mặt trong nước; nhưng tất cả nhân dân Tây Tạng ở trong cũng như ngoài nước ñều công nhận Ngài là người

lãnh ñạo của quốc gia ñang sống lưu vong tại xứ người và chờ ngày trở lại quê hương. Trong cuộc ñời của Ngài có nhiều sự kiện quan trọng xảy ra; nhưng sự kiện quan trọng nhất có lẽ là việc trao quyền lãnh ñạo chính trị lại cho một Thủ Tướng dân sự vào năm 2010 vừa rồi. Kết thúc một giai ñoạn dài của lịch sử từ thế kỷ thứ 15 ñến 21 là đạt Lai Lạt Ma kiêm cả 2 nhiệm vụ vừa Quốc Vương vừa Pháp Vương của ñất nước Tây Tạng. Người Trung Quốc vẫn muốn hăm he sắp ñặt cho sự tái sanh của Ngài như việc tái sanh của Ngài Ban Thiền Lạt Ma thứ 10 mới ñây; nhưng Ngài ñã khẳng ñịnh từ chối việc nầy và Ngài ñã khôn khéo tuyên bố với thế giới qua báo chí là ñến năm 90 tuổi Ngài sẽ công bố việc nầy. đây có thể là một ñòn tâm lý khiến cho người Cộng Sản Trung Quốc không có cớ chi ñể xen vào nội bộ Phật Giáo của Tây Tạng và bất cứ người nào dầu Tây Tạng hay Tây Phương không ñặt sự hy vọng nhiều về sự tái sanh nữa ñể Ngài yên tĩnh lúc tuổi ñã về chiều. Song song với đức đạt Lai Lạt Ma phái Mũ Vàng còn có đức Ban Thiền Lạt Ma nữa. Sau ñây chúng ta tìm hiểu về cuộc ñời và hành trạng của Ngài. Ban Thiền Lạt Ma, tên Tây Tạng là: Pan-Chen- lama. Nhà cải cách Phật Giáo Tây Tạng là Tông Khách Ba, người ñã sáng lập phái Hoàng Mạo (phái Mũ Vàng), có hai ñệ tử lớn là Căn đôn Châu Ba và Khải Châu; mỗi người ñều tự thành lập hệ thống riêng của mình, và ñời ñời dùng “Hô Tất Lặc Hản” (ý là hóa thân) ñể chuyển sinh; ñó tức là đạt Lai Lạt Ma và Ban Thiền Lạt Ma, loại tư tưởng Phật sống chuyển sinh nầy chỉ có Phật Giáo Tây

Tạng ñặc biệt phát triển. Từ đạt Lai Lạt Ma ñời thứ 5 là A Vượng La Bốc Tàng Gia Mục Thác (Tạng: Gu Srikhan) nắm quyền chính trị và Tôn Giáo trên toàn nước Tây Tạng, sau khi ñã xác lập chủ quyền tối cao chính trị Tôn Giáo hợp nhất, đạt Lai Lạt Ma trở thành Thủ Lãnh của phái mũ vàng, thống suốt hơn 3 ngàn mấy trăm ngôi Chùa và

khoảng hơn 400.000 Tăng Lữ. Còn giáo chủ của giáo ñoàn thuộc hệ thống chuyển sinh Khải Châu là Ban Thiền Lạt Ma, tuy là một trong hai Phật sống lớn, nhưng về phương diện chính trị, thì chỉ nắm quyền ở ñịa phương mà thôi. Ban Thiền, có nghĩa là nhà trí tuệ lớn, nhà Bác học lớn; Lạt Ma có nghĩa là người trên (Thượng nhân). Vào năm Thuận Trị thứ 2 (1645) ñời vua Thế Tổ nhà Thanh, Cố Thủy Hãn, Thủ lãnh của Mông Cổ Hòa Thạc đặc Bộ cai trị Vệ và Tạng, suy tôn người ñệ tử thứ 4 của Tông Khách Ba là La Tang Khước Tiếp làm "Ban Thiền Bác Khắc đa (Bác Khắc đa là tiếng Mông Cổ, là tiếng tôn xưng người anh tài xuất chúng) và mời Trụ Trì chùa Trát Thập Luân Bá, ñồng thời, cắt bộ phận Hậu Tạng sát nhập vào quản hạt của La Tang, ñó là Ban Thiền ñời thứ 4 (Ba ñời trước ñó do người Hậu Tạng suy tôn). đến Ban Thiền ñời thứ 5, Vua Thánh Tổ nhà Thanh phong hiệu là: "Ngạch Nhĩ đức Ni" (Ertini hoặc Erdeni), hàm ý là sáng sủa, sáng rỡ. Người Tây Tạng bảo Ban Thiền là hóa thân của Kim Cương; hoặc là hóa thân của Phật A Di đà. đại ñô của Ban Thiền qua các ñời ñều ñóng ở Chùa Trát Thập Luân Bá (Tạng: Bkra-sis Ihum-po) thuộc Nhật Khách Tắc, Hậu Tạng. Dưới ñây là Pháp danh và năm sinh năm mất của các ñời Ban Thiền:

266 Tịnh độ Tông của Tây Tạng

- đời thứ nhất, Khải Châu (Tạng: Mkhas-rah-rge, 1385-1438). - đời thứ hai, Tỏa Lãng Tiếp Ngang (Tạng: Bsodnauss-phyogs-glan, 1439-1504). - đời thứ ba, Ân Soái Ba (Tạng: Dbon-sa-pa, 1505- 1556). - đời thứ tư, La Tang Khước Tiếp (Tạng: Blo-bsachos-kyi rgyal-mtshan, 1567-1662). - đời thứ năm, La Tăng Ích Tây (Tạng: Blo-bsan Ya-ses, 1663-1737). - đời thứ sáu, Ban Hưu Ích Hi (Tạng: Dpal-Idan Yeses, 1738-1779). - đời thứ bảy, đặng Tất Ni Ma (Tạng: Blo-bsan bstan-pahi ni-ma), 1781-1852). - đời thứ tám, đặng Tất Vương Tu (Tạng: Chos-kyigrags-pa bstan-pahi Iban-phyug, 1854-1882). - đời thứ chín, La Tang Khước Kinh (Tạng: Blo-bas thub-bstan Chos-kyi nima, 1883-1935). - đời thứ mười, Cung Bảo Từ đan (Tạng: Blo-basb phrin-las Ihum-grub, 1938- ...).

Mối quan hệ giữa Ban Thiền và đạt Lai Lạt Ma chẳng phải hoàn toàn tốt ñẹp, như Ban Thiền ñời thứ 9 là La Tang Khước Kinh ñã từng ở lâu tại nội ñịa Trung Quốc, mãi ñến đạt Lai Lạt Ma ñời thứ 13 là A Vượng La Bốc, truyền ra từ đơn Gia Mục Thác Ngạc Hao, ñất Tây

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 267

Tạng, La Tang Khước Kinh mới trở về Tây Tạng; nhưng ñã qua ñời trên ñường về. Năm 1944, Ban Thiền ñời thứ 10 là Cung Bảo Từ đan bị ñưa ñến Hậu Tạng, chủ quyền thay ñổi. Sau khi Tây Tạng bị xâm chiếm, toàn quốc ñã trở thành một trong các chính quyền ñịa phương của Cộng Sản Trung Quốc, đạt Lai Lạt Ma ñời thứ 14 lưu vong sang Ấn độ, còn Ban Thiền Lạt Ma thì giữ thái ñộ dung hòa với cộng sản ñể tỏ bày lập trường vi diệu của sự phát triển Phật Giáo Tây Tạng từ xưa ñến nay". (Trích Phật Quang đại Từ điển trang 314-315). (Xem Mông Tạng Phật Giáo sử (Diệu Chu); Thế Giới Phật Giáo Thông Sử Thượng Sách (Thánh Nghiêm; Thanh Vũ Khí ñệ ngũ quốc triều phủ tuy Tây Tạng ký thượng; L.A. Waddell: Lhasa and its urysteries; W.W. Rockhill: The Dalai Lamas of Lhasa and their relations with the Manchu Emperors ofs China). Một ñời

Ngài Tông Khách Ba ñã làm ñược không biết bao nhiêu việc. Việc ñầu tiên ở thế kỷ thứ 15 là Ngài dùng ảnh hưởng và sự tu hành của mình ñể nối kết lại phái Phật giáo mũ ñỏ do Ngài Liên Hoa Sanh truyền vào vốn chủ trương lấy Trung Quán làm chuyển ñích cho sự tu hành từ thế kỷ thứ 7 ñến thế kỷ thứ 10. Sau ñó Ngài Atisa (A Sằn đà) cũng từ Ấn độ sang Tây Tạng vào thế kỷ thứ 11, tạo ra một ảnh hưởng mới, lấy Du Già Sư địa Luận làm gốc và chủ trương tất cả ñều do thức biến hiện và phái nầy ñối ñầu lại với phái trước. Bấy giờ dân Tây Tạng ủng hộ phái mới nầy nhiều hơn phái cũ. đến thế kỷ thứ 15 khi Ngài Tông Khách Ba xuất hiện, Ngài ñã nối kết cả hai truyền thống nầy lại; nghĩa là vẫn dùng tư tưởng Duy Thức của Ngài A Sằn đà mà cũng không bỏ quên

học phái Trung Quán của Ngài Liên Hoa Sanh ñã chủ trương từ thế kỷ thứ 7. Từ ñó Ngài Tông Khách Ba làm ñược một việc thứ hai quan trọng hơn là khai sáng ra phái Mũ Vàng ñể trở thành Tổ của cả truyền thống đạt Lai Lạt Ma và Ban Thiền Lạt Ma. Tất cả hóa thân của hai truyền phái nầy ñều là sự biến hóa của đức Quan Thế Âm Bồ Tát; nhưng mỗi bên ñều có một cách hành trì riêng và cách ñộ ñời riêng. Như vậy Ngài Tông Khách Ba ñã tạo dựng ñược một sự kết hợp ñáng trân quý và cả 2 truyền thống ấy ngày nay vẫn còn tồn tại ở Tây Tạng và ngoại quốc. Trong nước, thế chính trị của Trung Quốc ñã làm cho Ban Thiền Lạt Ma không thể nào tuyên bố gì hơn ngoài việc chịu sự lèo lái của Trung Cộng ñể ñược tồn tại và phát triển; trong khi ñó ở ngoại quốc từ năm 1959 ñến nay đức Lạt Lai Lạt Ma ñã giương cao ngọn cờ chánh pháp và chủ nghĩa tự do cho dân tộc Tây Tạng. Cả hai ñều bổ sung cho nhau ñể tranh ñấu cho một Tây Tạng ñược tự trị ở một ngày mai, như trong những ñời đạt Lai Lạt Ma trước ñây tại chính quê hương của họ. Như chúng ta biết Liên Hoa Bộ tôn xưng đức A Di đà Phật làm giáo chủ. Bộ phái nầy ñược truyền vào Tây Tạng từ thời Ngài Liên Hoa Sanh; nhưng mãi ñến thế kỷ thứ 10 mới phát triển mạnh tại Tây Tạng. Bộ phái nầy cũng dựa vào tư tưởng của Ngài Long Thọ nơi Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận và Ngài Atisa vẫn hành trì theo phương pháp niệm Phật nầy. Như trên ñã trình bày, vì lẽ Mật Giáo ñược truyền vào ñây trước; cho nên người Tây Tạng có cơ duyên với Mật Giáo. Còn những tông phái khác ñược truyền vào sau; hoặc giả ít ñược lưu tâm hơn; nên tông phái ấy

không ñược phát triển nổi bật tại Tây Tạng, trong ñó kể cả Thiền Tông và Tịnh độ Tông. Năm 2010 chúng tôi và Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng, Phó trụ trì Tu viện Quảng đức tại Melbourne Úc Châu ñã cùng nhau dịch chung một tác phẩm bằng tiếng Anh nhan ñề là: Peaceful Death and Joyful Rebirth (Chết An Lạc, Tái Sanh Hoan Hỷ) của đại Sư Tulku Thondup là một học giả Phật Giáo Tây Tạng ñang dạy học tại đại Học Haward Hoa Kỳ. Không ngờ tác phẩm nầy ñã mang ñến cho chúng tôi một niềm hỷ lạc vô biên và hy vọng các ñộc giả cũng như vậy. Bởi vì ñây là một tài liệu hiếm quý của Phật Giáo Tây Tạng nói chung và của phái Cổ Mật nói riêng; ñặc biệt là tín ngưỡng ñến đức Phật A Di đà và thân trung ấm cũng như cách chuyển di tâm thức (Phowa) ñi rất sát với thực tế với Tịnh độ Tông của các nước Phật Giáo khác.

Sau ñây chúng ta ñi vào nội dung của phái nầy:

270 Tịnh độ Tông của Tây Tạng

Tư Tưởng Tịnh độ của Phái Cổ Mật Tây Tạng.

Phật Giáo Tây Tạng gồm 4 Tông Phái chính. đó là: Phái Nyinmapa (phái Cổ Mật) do đại Sư Liên Hoa Sanh – Padmasambhava, người Ấn độ ñến Tây Tạng khai sáng và truyền Mật Giáo cũng như Liên Hoa Bộ tại ñây. Thứ hai là Phái Kagyupa (phía truyền khẩu, Sơ Tổ của phái nầy là đại Sư Tilopa, đạo sư Du Già người Ấn; Ngài Karmapa thứ 17 hiện nay thuộc về phái nầy). Thứ ba là phái Sakyapa (Thích Ca, vị Tổ khai sáng của phái nầy là đại Sư Sachen Kunga Nyingpo) và thứ tư là phái Gelugpa (phái Hoàng Mạo – Mũ vàng – phái giữ giới. Tổ khai sáng là đại Sư Tông Khách Ba (1417-1478). đức đạt Lai Lạt Ma thứ 14 và Ngài Ban Thiền Lạt Ma thứ 10 thuộc về phái nầy. Hầu hết tất cả các nước theo Phật Giáo như Trung Hoa, Nhật Bản, Tây Tạng, Việt Nam v.v... thời kỳ ñầu khi Phật Giáo ñược du nhập từ Ấn độ hay Trung Quốc vào; các nước nầy chưa chia thành Tông Phái, mà cốt yếu chỉ có tinh thần Tiểu Thừa ñược truyền vào các nước nằm ở phía Nam Ấn độ và đại Thừa cũng như Kim Cương thừa nằm ở phương Bắc Ấn độ. Sau 100 năm, 200 năm hay nhẫn ñến 500 sau mới chia ra những Tông Phái rõ rệt. Ví dụ như Trung Hoa phải 300 năm sau khi ñược truyền vào, Tịnh độ Tông mới hình thành thời Ngài Huệ Viễn hay 400 năm sau, thời Ngài đàm Loan. Thiền Tông lại trễ

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 271

hơn, ñến 520 năm thời Vua Lương Võ đế, Bồ đề đạt Ma mới ñến Trung Quốc. Từ ñó Thiền Tông ñã lấy tâm truyền tâm cho ñến ñời Lục Tổ Huệ Năng và những Tông Hoa Nghiêm, Pháp Tướng, Luật Tông mới hình thành Nhìn cách truyền thừa của Phật Giáo Tây Tạng cũng vậy. Tuy không có nhiều Tông Phái (7 hệ và 21 phái) như tại Trung Hoa hay Nhật Bản; nhưng mỗi phái như vậy có một thế ñứng riêng ñể mang đạo Phật vào quần chúng Phật Tử; người xuất gia lẫn kẻ tại gia tại quê hương tuyết phủ quanh năm ấy. Trong tình cờ chúng tôi và Thầy Nguyên Tạng ñã dịch chung với nhau quyển sách như ñã trình bày ở trên thuộc về phái Cổ Mật của đại Sư Liên Hoa. Sách chia làm 10 chương và hai bảng phụ lục. Thượng Tọa Nguyên Tạng dịch Lời Nói đầu và 5 chương kế tiếp. Còn tôi dịch từ chương thứ 6 ñến chương thứ 10 cũng như 2 phần phụ lục tương ñối khá quan trọng. Chương dẫn nhập nói về: Cái chết không phải là sự chấm dứt. Chương một: đời người quý báu. Chương hai: Hấp hối, thời khắc quan trọng của cuộc ñời. Chương ba: Chơn tánh tối thượng thoáng thấy tánh quang minh. Chương bốn: Cõi Trung Ấm Bardo. Chương năm: Chuyện kể về cõi Trung Ấm Bardo. Chương sáu: Tái sanh không thoát khỏi vòng nghiệp lực.

272 Tịnh độ Tông của Tây Tạng

Chương bảy: đức Phật Vô Lượng Quang và cõi Cực Lạc. Chương tám:Phương cách giúp người sắp lâm chung và người chết. Chương chín: Nghi thức cho người hấp hối và người chết. Chương mười: Những suy nghĩ sau cùng. Phụ lục: Một vài lễ nghi ñơn giản cho người Phật Tử khi qua ñời. Phụ lục A: Phụ lục B: Lời cuối sách. Sách dày 516 trang, ấn tống 5.000 cuốn trong năm 2011 tại Âu, Úc, Á và Mỹ Châu v.v... đây là một cuốn sách

cần nên tham khảo. Nhất là những ai tu theo Pháp Môn Tịnh độ, cầu nguyện đức Phật A Di đà khi thần thức vừa rời khỏi thể xác ñể ñược tái sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc. Nhìn tổng thể thì Tịnh độ của Tây Tạng do Ngài Liên Hoa Sanh mang ñến từ thế kỷ thứ 7 cũng là Tịnh độ do Ngài Long Thọ chủ trương, qua tác phẩm Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận. Trung Hoa, Việt Nam, đại Hàn, Nhật Bản và Tây Tạng cùng một vị Tổ Sư khai sáng về Tịnh độ; nhưng khi ñến Trung Hoa, Nhật Bản, Việt Nam và Tây Tạng v.v... Tịnh độ Tông tại ñó lại phát triển tương ñối khác hơn với lúc mới ñược du nhập vào. Ví dụ như ở Ấn độ thì còn nguyên thủy, ñến Trung Hoa ñã biến thái một phần; ñến Nhật Bản lại càng chi li hơn, sâu sắc hơn ñể

hòa nhập vào phong tục tập quán của người Nhật. Ngay cả Việt Nam cũng vậy. Bây giờ khi chúng ta nghiên cứu ñến "một cõi ñể ñi về" như Phật Giáo Tây Tạng lại có những ñiều mà Phật Giáo Tịnh độ của những nước khác chưa từng có; ví dụ như việc Phowa (chuyển di tâm thức) hoặc trạng thái Bardo (trung ấm thân) của Tây Tạng cũng tương ñối ñược chỉ dẫn rõ ràng và kỹ hơn Phật Giáo các quốc gia khác. Tất cả người Phật Tử chúng ta xuất gia cũng như tại gia ñều biết rằng: Chết không phải là hết; mà chết chỉ bắt ñầu lại một kiếp sống khác. Kiếp sống tiếp theo sau ñó liên hệ với kiếp quá khứ, mà cá nhân của người ấy ñã tạo nên. Sự sống giống như một bóng ñèn ñiện và tâm thức giống như dòng ñiện. Bóng ñiện dầu tốt bao nhiêu ñi chăng nữa, có một ngày nào ñó, bóng ñiện kia cũng phải hư; nhưng tuyệt nhiên dòng ñiện không bao giờ mất. Tuy ta không thấy ñược sự tồn tại, hiện hữu của ánh sáng (ví cho bóng ñèn hư); nhưng nếu chúng ta thay thế một bóng ñèn khác, thì ñiện sẽ sáng lên. Tâm thức cũng y hệt như vậy. Tâm thức không mất hẳn; chỉ biến thể tùy theo từng trường hợp, từng hoàn cảnh mà thôi. Cũng như bóng ñèn kia có thể sáng hơn hoặc tối hơn là do nghiệp lực của người ấy ñã tạo ra. Trước ñó là gì và sau ñó là gì nữa thì các khoa học gia không thể chứng minh ñược; nhưng đức Phật hay đạo Phật chứng minh cho chúng ta thấy rằng không có cái ñầu tiên và cũng chẳng có cái cuối cùng. Vì cái nầy sanh ra thì cái kia sanh; cái nầy diệt thì cái kia diệt. Cái nầy tồn tại thì cái kia phải thay ñổi vị trí; không mất hẳn, chỉ thay ñổi mà thôi. Từ vật nhỏ nhất như những vi phân tử, ñến vật lớn nhất như vũ trụ hay những vì tinh tú

hoàn toàn cũng lệ thuộc vào ñịnh luật nhân quả và sự thành, trụ, hoại, diệt mà thôi. Không một người nào, không một vật gì có thể thoát ra khỏi những sự chi phối ấy; ngoại trừ kẻ ấy ñã thoát ra ngoài sự sanh tử luân hồi. Ngày nay hành tinh nầy ñược thâu nhỏ lại trên màn ảnh truyền hình hay computer; nhưng ngoài vũ trụ nầy ra, còn không biết bao nhiêu vũ trụ khác tồn tại nữa; cho nên trong kinh Hoa Nghiêm gọi là: Trùng trùng duyên khởi và trùng trùng biến hiện. Có nghĩa là thế giới nầy giống như một vòng hào quang nhiều màu sắc, ñầy biến ảo vi diệu, không một họa sĩ nào có thể vẽ hoặc diễn tả hết ñược những hiện tượng ñang hiện có chung quanh ta. Do vậy khoa học hay nói ñến vũ trụ huyền bí; nhưng ñối với đức Phật và các bậc ñại giác ngộ không có cái gì là huyền bí cả. Bởi vì con người chưa có khả năng hiểu rõ hết tất cả mọi diễn

biến mà thôi. Do vậy ñời người rất quý báu. Nếu người ta tận dụng ñược tất cả thời gian ñể làm một cái gì ñó; chứ không phải chỉ ngồi ñó ñể nguyền rủa bng ñêm, tại sao lại ñến nhanh hay ñến chậm như thế. Con người ña phần không sống trong thực tế, mà chỉ sống trong ảo vọng. đôi khi người ta cảm thấy lạnh ñôi chân, vì thiếu ñôi vớ; nhưng ít ai nghĩ ñến những người không có chân thì sao? Vậy thì chúng ta quá hạnh phúc rồi, còn phải ñòi hỏi cái gì hơn thế nữa? Vì sự ñòi hỏi cho tư dục ấy nó không có cuối cùng. Từ tình yêu, sắc ñẹp, của cải... cho ñến ñịa vị, danh tiếng, lợi dưỡng... cái nào nó cũng chẳng có ñiểm dừng. Vậy thì con người cần phải làm chủ nó, phải tự dừng nó lại; chứ không phải ñể cho nó kéo mình theo. Vì tâm mình là chủ, chứ không phải sự sai khiến là chủ. Nếu hiểu ñược và tự chủ như

vậy thì ta sẽ là ta trong bao ñời. Bằng ngược lại, ta không phải là ta, vì cái ta ấy ñã bị biến thể rồi. Nhưng ai sinh ra trong ñời nầy rồi cũng phải chết cả. đâu có ai ở mãi lại với cuộc ñời nầy ñâu, dầu 100 năm hay hơn thế nữa; cũng sẽ có một ngày tàn của cuộc sống; nhưng mấy ai lo chuẩn bị cho một sự ra ñi ñược an ổn. đa phần con người chỉ muốn kéo dài sự sống bằng thuốc men; nhưng không ai lo cho vấn ñề tinh thần của mình nhiều như lo cho vấn ñề vật chất ấy. Một ñám cưới, người ta lo trước ñó cả năm; nhưng một sự chết, quan trọng lắm của một ñời người; nhưng có ñược mấy người tự chăm sóc kỹ càng cho cuộc sống tâm linh ấy? Do vậy ñối với sự sống quan trọng như thế nào, thì sự chết nó cũng như thế ấy. Vì ñàng sau sự chết, còn nhiều vấn ñề quan trọng hơn nhiều. Thông thường con người làm chủ một tấm thân và một tâm thức; nhưng ở giữa trạng thái của sự sống và sự chết gồm có 3 giai ñoạn. đó là tiền ấm thân, trung ấm thân và hậu ấm thân. Bởi vì Phật Giáo Tây Tạng chú trọng về việc tái sinh; nên giáo lý nầy họ phân tích, theo dõi rất kỹ càng cho giai ñoạn ñi ñầu thai của một hành giả tu theo pháp môn niệm Phật. Tất cả những gì chúng ta gặt hái ngày hôm nay ñều là do nguyên nhân của chúng ta ñã gây ra trong bao nhiêu ñời trước. Nhân quả nầy ñan xen với nhau như mắc cửi; nó không ñơn thuần như chúng ta nói một với một là hai ñược. ể ñược con số 2 ấy, theo nhân quả, có nhiều yếu tố nhân duyên và hành nghiệp quyết ñịnh lấy. Dĩ nhiên chúng ta có thể làm chủ vận mệnh của mình; nhưng yếu tố nhân duyên sanh luôn ñi kèm ñể tạo nên thuận duyên hay nghịch cảnh cũng là ñiều mà ít ai lường

ñược. Do vậy sự lễ bái cầu nguyện, cúng dường, bố thí, làm phước, tạo ra công ñức, khuyên người niệm Phật, phát tâm Bồ ề rồi hồi hướng những phước báu ấy về với pháp giới chúng sanh. Nhờ tâm ñại từ ấy mà có thể chuyển nghiệp ñược. Trong chương 5 của quyển sách nầy có những câu chuyện kể về thân trung ấm; nhưng có liên hệ với thân tiền ấm rất là hay. Dĩ nhiên nhiều dân tộc, nhiều quốc gia ñều có những hiện tượng như vậy; nhưng ở ñây Tây Tạng họ mô tả rõ ràng hơn và ñây là một ví dụ. Chuyện kể rằng: Có người sau khi tắt thở 10 tiếng ñồng hồ nhưng sau ñó ñược sống dậy và người ấy kể lại tất cả mọi chuyện ñã xảy ra trước, trong và sau khi người ấy tắt hơi. Ví dụ như người ấy không nghĩ rằng mình ñang chết; nhưng tại sao lại có nhiều người

vây quanh và người ấy cảm thấy mất liên lạc với những người chung quanh, rồi tâm thức bay bổng qua những nơi phán xét; nhưng ñột nhiên tâm người ấy không bị kêu vào ñể tra khảo như những người kia, mà bảo hãy chờ ñó. Sau một thời gian chờ ñợi thì ñược vị phán quan bảo rằng: Chưa ñến phiên ngươi; nên trở lại với xác cũ. Về sau các vị đại Sư chuyên lo cho những người ở trạng thái tiền và trung ấm thân giải thích rằng: Sở dĩ có việc như vậy; vì lẽ ở cõi thế, thân nhân, bà con bạn bè thấy người thân trong gia ñình mất quá nhanh, quá trẻ; nên ñã làm phước, bố thí, cúng dường v.v... nhờ vậy mà người kia ñược sống trở lại. Việc nầy nếu giải thích việc phước ñức căn cứ theo kinh địa Tạng thì cũng có thể chứng minh ñược. Trong kinh dạy rằng: “Nếu một người ñã chết mà trên thế gian ñã có người làm phước, bố thí, cúng dường thì người

chết sẽ hưởng ñược một phần bảy”. Như vậy sự làm phước cho người mất không phải là không có tác dụng; nhưng người sống lại hưởng ñược nhiều hơn và người chết chỉ hưởng ñược một phần nhỏ. Nếu giải thích theo hiện tượng của sự vật thể chúng ta cũng có thể chứng minh ñược. Ví dụ như chúng ta tạo nên âm thanh từ hai bàn tay, thì tai ta sẽ nghe tiếng ñộng từ xa dội ngược lại. Âm thanh dội ngược lại ấy tùy theo sức của ta ñã tạo ra mạnh bao nhiêu ñể ñược ñáp ứng lại. Vậy thì việc tạo phước là một hành ñộng cụ thể, nó cũng có kết quả nhất ñịnh như năng lực của người cầu nguyện, sự chí thành, sự gia trì v.v... Vì vậy vị đại Sư Tulku Thondrup, tác giả của quyển sách nầy ñịnh nghĩa về phước ñức như sau: “Nếu có ai ñó ñến Chùa ñốt một nén nhang, dâng Phật một cành hoa tươi, ñảnh lễ Phật một lạy chí thành, sám hối những tội lỗi ñã gây ra từ vô lượng kiếp. Cúng dường tiền của vào Chùa ñể chùa xây dựng và bảo trì ngôi Tam Bảo. Nhiều nhà dân Tây Tạng còn cúng trừu, trâu vào Chùa hoặc giả người nào giàu có cúng số tiền lớn ñể làm trường học, xây ñường sá, cầu cống, làm những việc từ thiện v.v... tất cả những hành ñộng ñó cũng giống như là những giọt nước mưa từ trên không trung rơi xuống mặt ñất; nước ấy sẽ tụ lại nơi ao hồ, rồi chảy ra suối, ra rạch, ra sông. Từ những con sông nhỏ, nước nầy sẽ chảy vào biển cả ñại dương kia. Chỉ khi nào trong biển cả không còn nước nữa thì giọt nước ban ñầu mới không cần thiết và không còn có giá trị nữa”. Như vậy phước và ñức là những việc rất cần thiết ñối với chúng ta, ngay cả người tại gia hay xuất gia. Bởi vì nó là những dòng nước luân lưu trong cuộc ñời, trong nhân

thế, giúp ta tồn tại và phát triển ở ñây hay ở kia; ở cõi nầy hoặc cõi khác. Trong chương thứ tám và thứ chín của quyển sách nầy tác giả cũng ñã hướng dẫn rất tỉ mỉ về cách chuẩn bị cho người sắp ra ñi như thế nào. Ví dụ như phải mời chư Tăng, Phật Tử ñến trợ niệm như quy y cho người bệnh, giảng pháp cho người bệnh nghe. Tránh nói những việc dở, xấu của người bệnh, e rằng họ sẽ buồn và nên nhắc nhở những chuyện vui trong quá khứ ñể thần thức của người sắp lâm chung có thể sanh về thế giới cao hơn, nhất là nương theo sự cầu nguyện và câu Phật hiệu Nam Mô A Di đà. điều ñặc biệt mà tác giả sách nầy lưu ý là: Những ai không thân thiện với người sắp lâm chung, ví dụ như lúc bình sanh hay cãi nhau, thù hận, ghét bỏ v.v... thì khi sắp lâm chung không

nên gần kề; nếu như người kia ñến gần ñể an ủi vỗ về, thay vì người ấy ñang chuẩn bị nhập vào cảnh giới cao hơn; khiến cho người sắp lâm chung ấy nhớ lại chuyện xưa, khiến cho tâm họ giận dữ, sân hận. Từ ñây họ sẽ ñi vào ba ñường dữ. đây là kinh nghiệm bản thân của vị Tulku nầy cũng như của Phật Giáo Tây Tạng, chúng ta cần quan tâm và thực hành theo. Sau khi tắt thở, tức là thân hậu ấm. điều nầy Phật Giáo Tây Tạng cũng ñã chỉ cho chúng ta nhiều việc cần thiết tỉ mỉ, rõ ràng hơn. đa phần khi chúng ta gặp một người ñã mất, trạng thái của mọi người là buồn thương, sầu não, khóc lóc thảm thương; nhưng việc nầy chẳng có ích lợi gì với người mất. Do vậy hãy bình tĩnh và sau khi người ấy tắt thở rồi, người sống cần ít nhất là 8 tiếng ñồng hồ ñể hộ niệm, trì tụng danh hiệu của đức Phật A Di đà, ñồng thời ñây cũng là thời gian ñể thần thức của

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 279

người mất ra khỏi thân ngũ uẩn nầy. Theo sự chỉ dẫn của vị đại Sư nầy thì những người ñến hộ niệm cũng như thân nhân chỉ nên ñứng hai bên giường bệnh ñể hộ niệm; tuyệt nhiên không nên ñứng ở phía dưới hai bàn chân. Vì phần dưới của cơ thể là nơi thần thức xuất ra. Nếu chúng ta ñứng ñó có thể làm cản trở tâm thức kia ñi ñầu thai. Phần phía trên ñầu giường của người chết dành cho việc thiết trí hình tượng Phật, Bồ Tát và cũng là nơi ñể cho vị đạo Sư giảng pháp vô thường cho người mất ấy nghe và ñây cũng là thời gian ñể làm lễ Phowa (chuyển di tâm thức của người mất). điều ñặc biệt hơn nữa là thân nhân hay bất kỳ ai ñó, không nên sờ mó vào phần bên dưới cơ thể của người ñã mất. Vì chính lúc nầy họ vẫn còn luyến tiếc thể xác và nhất là những nơi nhạy cảm. Do vậy những người còn sống nên lưu ý vấn ñề nầy. Nghi Phowa (chuyển di tâm thức) dùng cho những vị Phật Tử thuần thành và các đại Sư ñến lo tang lễ. Nghi nầy nằm ở phần phụ lục của quyển sách. Quý vị có thể ñọc ñể tham cứu. đây là một nghi lễ chỉ có Phật Giáo Tây Tạng thực hiện; còn ña phần các xứ Phật Giáo khác không làm. Nhưng việc chuyển di tâm thức nầy không nhất thiết thực hiện ñối với người quá cố, mà người còn sống vẫn có thể thực hiện ñược. đầu tiên vị đại Sư ñọc những bài thần chú ñặc biệt và bắt ấn, tẩy uế cũng như giảng pháp cho người chết nghe. Vị ấy ñóng vai trò trung gian giữa đức Phật A Di đà và người quá cố. Do vậy vị đạo Sư ñóng một vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn tâm thức của người chết ñi theo ánh sáng chiếu rọi của đức Phật A Di đà ñể ñược vãng sanh.

280 Tịnh độ Tông của Tây Tạng

Người Nhật bất kể Tông Phái nào, lúc nhập liệm họ có một nghi lễ là “cắt tóc” ý nói người nầy bây giờ ñã ñược xuất gia theo Phật. Có lẽ ñây là quan niệm chung của Phật Giáo Nhật Bản là chỉ cần tu một ñời thì thành Phật; nên Tông Phái nào cũng chủ trương giống như vậy. đây cũng là một lễ nghi khác, mà chỉ có Phật Giáo Nhật Bản cử hành lúc tẩn liệm; còn các nước Phật Giáo khác trên thế giới không thực hiện. Bổn Tôn là một vị Phật, ñôi khi là một vị Bồ Tát, ñôi khi là một vị đại Sư và ñôi khi là chính mình nữa. đây là hình thức cầu nguyện theo Mật Giáo. Chỉ có Phật Giáo Tây Tạng mới có; chứ những nước khác theo Phật Giáo trên thế giới không hành trì và không chủ trương. Riêng phần cầu nguyện ñể ñược vãng sanh thì Phật Giáo Tây Tạng cũng khác hơn Phật Giáo

Nhật Bản, Trung Quốc hay Việt Nam. Họ chủ trương phải có bốn ñiều kiện căn bản sau ñây: điều thứ nhất là niệm Phật và quán tưởng. đa phần cách niệm Phật thành tiếng như của Trung Hoa và Việt Nam cho người ñang nằm trong trạng thái lâm sàng thì ít có nêu lên vấn ñề quán tưởng; chỉ thuần niệm danh hiệu A Di đà Phật trong nhiều lần và nhiều giờ liên tục. Nhưng Phật Giáo Tây Tạng hướng dẫn cho chúng ta trong khi niệm danh hiệu đức Phật A Di đà hãy quán tưởng cảnh giới Cực Lạc giống như trong kinh A Di đà diễn tả. Ví dụ như nơi ñó có những hao sen lớn như bánh xe. Hoa sen xanh phóng ra ánh sáng xanh, hoa sen ñỏ phóng ra ánh sáng ñỏ, hoa sen trắng phóng ra ánh sáng trắng... Trong ao lại có nước 8 công ñức; có chim nói pháp; có gió thổi, linh reo... Tất cả ñều do công ñức và bản nguyện của đức Phật A Di đà hóa hiện ra và thành tựu ñược như

vậy. Khi ta quán tưởng cảnh giới Cực Lạc của đức Phật A Di đà, miệng ta niệm Phật và hồi hướng hướng về người mất thì người mất cũng thọ nhận ñược những gì chúng ta hướng ñến họ. điều nầy có thể giải thích về hiện tượng vật lý và tâm lý như sau: Người chết ñang nằm ñó cũng giống như một cái cây vô thức ñang trồng trong một phòng tối, không có ánh sáng chen vào ñược; nhưng khi cây ñâm chồi nảy lộc ra hoa, hầu hết cây nào cũng hướng ra ánh sáng ñể tiếp nhận ánh sáng của mặt trời ñể tạo thành diệp lục tố, nuôi sống cho cây. Ở ñây câu Phật hiệu cũng vậy. Trong câu nầy ñã hàm chứa ánh sáng vô lượng của đức Phật A Di đà soi rọi khắp mười phương vô biên quốc ñộ. Do vậy một bên có cảm thì bên kia sẽ có ứng. Người nằm ñó sẽ ñược thư thái nhẹ nhàng qua người trợ niệm và người ñược niệm cũng như oai lực của câu Phật hiệu Nam Mô A Di đà Phật. Về ñiều kiện tâm lý trong giờ phút một mất một còn ấy, tâm thức của người chết rất cô ñơn, họ rất cần người thân ñến an ủi niệm Phật ñể trợ niệm cho họ; vì trong giây phút ấy họ không thể tự một mình mình làm ñược. Như vậy cả người sống và người chết ñều giao hòa với nhau qua một mục ñích là mang tâm thức của người kia về thế giới giải thoát sanh tử luân hồi. Việc thứ hai là tu tạo những phước ñức. đối với Phật Giáo Tây Tạng việc nầy rất quan trọng. Vì nhờ người còn sống thực hiện những việc phước ñức như ñược kể bên trên thì tâm thức của người mất sẽ ñi ñầu thai ở một nơi chốn cao hơn thường lệ. Nếu trong gia ñình thiếu người làm việc nầy thì hương linh sẽ quạnh hiu, nhất là những cô hồn không có người thân cúng

quảy, quả còn ñáng thương hơn nhiều. Quả vậy khi còn sống nên lo tu tạo những phước ñức, ñến khi lâm chung tự mỗi người ñã có sẵn một ít vốn liếng rồi. điều thứ ba tức là phát Bồ đề tâm. Theo ý của Thầy của Ngài Tulku Thondrup thì cho rằng ñiều kiện thứ ba nầy có cũng ñược mà không cũng không sao. Vì việc phát tâm Bồ đề khi còn sống sẽ là lối mòn ñể dẫn tâm thức ấy cho ñến khi ñi ñầu thai; nhưng nếu có thì vẫn tốt hơn là khôhg tạo nên tạo nhân duyên thù thắng nầy với chư Phật và chư vị Bồ Tát. điều thứ tư và cũng là ñiều cuối cùng. đó là hồi hướng tất cả những phước báu ấy lên mười phương chư Phật ñể tâm thức của người mất ñược trượng thừa công ñức. Mới nghe ñến việc nầy những người không quen sống với niềm tin Tôn Giáo khó chấp

nhận; nhưng những ai ñã và ñang hay sẽ thực tập lối hồi hướng nầy thì cảm thấy an lạc hơn, hạnh phúc hơn. Ví dụ: Tôi có ý may cho người ấy một chiếc áo mới hay tôi có ý giúp cho một làng người nghèo v.v... ñầu tiên là tâm tôi vui và niềm vui ấy không chấm dứt tại ñó. Niềm vui ấy cứ kéo dài mãi cho ñến khi tôi thực hiện ñược việc may chiếc áo mới ñó ñến cho người kia và khi nào tôi làm ñược việc bố thí xong, thì tâm tôi mới không áy náy. Như vậy người nhận chiếc áo hay nhận của bố thí kia dầu có nằm trong trạng thái trông ñợi hay trạng thái ngẫu nhiên cũng ñều ñược lợi lạc như thường. Vì kết quả là một niềm vui, mà hồi hướng chính là nhắm ñến những ñối tượng mình muốn ñạt ñến.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 283

Trên ñây là những ñiểm chính yếu của Phật Giáo Tịnh độ Tây Tạng ñối với vấn ñề sanh tử. Dĩ nhiên trong sách nầy còn hướng dẫn nhiều ñiều cần thiết cho chúng ta khi gặp trường hợp một người thân, một người bạn ñạo sắp ra ñi, mà chúng ta có thể nghiệm với tự thân qua việc truyền ñạt giáo lý bởi những vị đại Sư ñi trước thì cả hai ñều ñược lợi lạc vô cùng. Khi cả người sống lẫn người chết mà có ñược một ñiểm chung nào ñó, chẳng khác nào hai người cùng khiêng chung trên vai một vật,cùng nhau tiến bước, rồi cùng nhau thảo luận, chia xẻ, nghỉ ngơi hay tiếp tục v.v... thì mục ñích tới không phải là vấn ñề xa xôi nữa, mà ngay cả dẫu cho mục ñích ấy có xa bao nhiêu, thì đức Phật A Di đà cũng có thể hóa ra hóa thành ñể cho những chúng sanh nầy nghỉ ngơi tại ñó. Sau khi nghỉ rồi, cả hai người sẽ ñi ñến bảo sở qua việc khuyến tấn, khích lệ, chỉ bảo của chính đức Phật A Di đà và hai vị trợ thủ là Bồ Tát Quan Thế Âm và đại Thế Chí. Như vậy ở phía bên trên ñã có ánh sáng Vô Lượng Quang của đức Phật Vô Lượng Thọ chiếu ñến tiếp dẫn, bên cạnh ñã có Quan Thế Âm và Thế Chí cùng ñem tràng phan bảo cái ñến nghinh tiếp người sắp vãng sanh và bên sau cũng như bên dưới mình có những thiện hữu trí thức và những người thân quen hộ niệm ñể tiễn ñưa tâm thức của người mới lìa trần về cảnh giới Tây Phương Cực Lạc của đức Phật A Di đà thì còn gì hay hơn nữa ! Phần tiếp theo, chúng tôi xin trích nguyên chương thứ 7 trong quyển sách “Chết An Lạc, Tái Sanh Hoan Hỷ” do chúng tôi dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt về đức Phật Vô Lượng Quang cũng như cõi Cực Lạc qua cái nhìn của Tịnh độ Tông Tây Tạng.

284 Tịnh độ Tông của Tây Tạng

“Một niềm tin tuyệt ñối vào đức Phật Vô Lượng Quang Chắc chắn tái sanh về Cực Lạc Một tâm thức giác ngộ với phẩm chất Phật đà Bất cứ nơi ñâu cũng chiêu cảm Tịnh độ. Vũ trụ quan Phật Giáo chỉ rõ một số lượng to lớn không thể nghĩ bàn về hệ thống thế giới bên ngoài quả ñất của chúng ta. Thế giới vũ trụ bên ngoài ñó, ngoài cả sáu vòng luân hồi, nơi mà tồn tại nhiều cõi Tịnh độ không tính hết ñược, kéo dài trong mười phương của vũ trụ (gồm 8 hướng chung quanh, bên trên và bên dưới). Những cảnh giới trong sạch nầy là những nơi chốn cư ngụ của những chúng sanh tình thức tiến bộ, kể cả những đức Phật của những cõi Trời và những vị đại Bồ Tát. Trong vô số cõi Tịnh độ, phần nhiều là ñặc biệt quan trọng bao gồm những cõi Tịnh độ của những vị như Tỳ Lô Giá Na, Kim Cương Tát đỏa, Bạch Y Quan Thế Âm, Quán Thế Âm Bồ Tát, Di Lặc và đạo Sư Liên Hoa Sanh. Thế giới Cực Lạc là cõi Tịnh độ ñược biết ñến nhiều nhất, nằm về

hướng Tây, ở ngoài rất nhiều vũ trụ khác. Thế giới lý tưởng ấy là trụ xứ của đức Phật Vô Lượng Quang (A Di đà); Ngài giáo hóa vô số người tìm cầu ñến ñể giác ngộ, gồm nhiều hành giả và những ñệ tử khác. Bởi vì ánh quang minh của toàn thân Ngài ñồng khắp tất cả các cõi Tịnh độ Phật chẳng có gì ngăn ngại; tên của Ngài tiếng Sanskrit gọi là Amitabha. Nghĩa là Vô Lượng Quang.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 285

đức Phật A Di đà là trung tâm ñiểm của nhiều truyền thống tin tưởng vào cõi Tịnh độ của Phật Giáo như các dân tộc Trung Hoa, đại Hàn, Nhật Bản và Việt Nam. Ở Tây Tạng, cõi Cực Lạc là ñối tượng ñể mong mỏi cầu nguyện, quán chiếu và Thiền định; ñặc biệt, trong nghi lễ cho người chết. Trong nhiều kinh ñiển, đức Phật lịch sử Thích Ca Mâu Ni ñã xác nhận một cách chắc thật rằng: đây là một cõi Tịnh độ dễ dàng nhất ñể ñược tái sanh về ñó, có nhiều niềm hỷ lạc và là nơi có nhiều năng lực hướng dẫn ñến sự giác ngộ. Ai ñã sanh về thế giới Cực Lạc rồi thì sẽ ñược hoàn toàn giác ngộ, trong một ñời sống sau cùng. Bởi vì chất lượng của cõi Tịnh độ ñược gia trì bởi đức Phật Vô Lượng Quang (A Di đà) cũng như phước ñức của những người ñược sanh về ñó.

Khởi nguyên của truyền thống Tịnh độ . đa phần những kinh ñiển của Phật Giáo là những nguồn gốc căn bản của những truyền thống về cõi Phật Tịnh độ. Cả kinh (cộng với những lời giáo huấn) và Thần Chú (giáo lý Kim Cang Thừa) bao gồm cả danh hiệu cũng như có nhiều kinh ghi lại về Tịnh độ; nhưng đức Phật Thích Ca ñã chỉ cho chúng ta chú ý nhiều hơn ñể mô tả về cõi Cực Lạc của đức Phật A Di đà trong sự sống ñộng và những chi tiết tuyệt vời. Hai kinh đại Thừa quan trọng có tính cách ñặc thù ñược biết ñến như là kinh đại Bản A Di đà và kinh Tiểu Bản A Di đà. Những lời dạy nầy ñược nói bởi đức Phật ở những nơi sau: Ngài dạy kinh đại Bản A Di đà tại đỉnh Gridhakuta (Linh Thứu Sơn) gần thành Rajagriha (Vương Xá) (ngày nay là Rajgir thuộc Tiểu Bang Bihar, Bắc Ấn độ

286 Tịnh độ Tông của Tây Tạng

cho Ngài Ananda (A Nan) và Ngài Ajita (A Thuyết Thị) cũng như số ñông tập hợp thuộc những người ñệ tử khác. Ngài dạy kinh Tiểu Bản A Di đà tại Jeta Grove (Cấp Cô độc Viên) (ngày nay thuộc nước Xá Vệ, Tiểu bang Uttar Pradesh, Ấn độ) cho Ngài Xá Lợi Phất và số ñông ñệ tử của Ngài. Hai kinh nầy xuất hiện trong nhiều bản dịch kể cả tiếng Trung Hoa (kể từ thế kỷ thứ 3 sau Tây lịch) đại Hàn và Nhật Bản (kể từ thế kỷ thứ 7, riêng Việt Nam bản chữ Hán xuất hiện có lẽ vào thế kỷ thứ 4 và các ñại dịch giả Tây Tạng ñã dịch vào thế kỷ thứ 9). Chương nầy lấy phần căn bản chính của bản dịch tiếng Tây Tạng, ñồng thời cũng có một vài tài liệu cũng như những bình luận khác nữa.

Ba nét riêng biệt về cõi Tịnh độ Như chúng ta ñã rõ là đức Phật Vô Lượng Thọ (A Di đà) và cõi giới Cực Lạc của Ngài như ñã ñược thuật lại trong quyển sách nầy thuộc về ứng thân của một trong ba nét ñặc thù hoặc là thân thể của Phật quả. đầu tiên là thân tối hậu (Pháp thân), nó không có hình tướng, toàn là Phật quả tự nhiên, ñược nhìn nhận với tính chất thực tế của chính nó. đây là thuộc về trạng thái tuyệt ñối của sự quảng ñại và rỗng không, tự tại khắp nơi, ñặc thù và cực hạn. Thứ hai là báo thân, nó ở trạng thái

không phải nhị nguyên và ñồng nhất tánh. đây là cõi Tịnh độ với hình thức của thân thể, trong sáng và không thể phân ly với

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 287

chính trí tuệ của Phật. Nó rộng rãi, vĩnh viễn, chẳng hề thay ñổi và niềm an lạc vô hạn. Cõi Tịnh độ tối hậu và cõi Tịnh độ an lạc có thể chỉ gặp bởi những ai ñã giác ngộ. Nét riêng biệt thứ ba của Phật quả là Ứng Thân. đây là một hình thức vật lý như ở đức Thích Ca Mâu Ni và những vị Phật khác có hóa thân ở trong cõi người của chúng ta. Cõi Tịnh độ của Ứng (hóa) thân là hình thể tương ñối, mà có thể nhận ra bởi những chúng sanh bình thường hay có tính cách thế tục giống như chúng ta, nếu chúng ta chứa nhóm những hành vi phước ñức. Nếu chúng ta ñược sanh vào một trong những sự hoan hỷ, hòa bình ở cõi hóa thân Tịnh độ thì chúng ta sẽ tiến lên ñể ñạt ñược trí tuệ của chúng ta và sẽ ñến tận cõi Tịnh độ tuyệt ñối.

Như tôi (tác giả Tulku Thondrup) ñã nhấn mạnh nhiều lần về sự nhận biết và kinh nghiệm của chúng ta ñã có khác nhau trong giai ñoạn của cuộc sống, ñặc biệt vào thời ñiểm lâm chung, là kết quả của sự hiểu biết thuộc về thói quen mà chúng ta ñã phát sinh và ñược cắm rễ sâu vào trong dòng chảy tâm thức của chúng ta trong quá khứ. Nếu tâm thức của bạn ñã ñược ñốt cháy và quay vào nung ñốt những nguyên nhân của sự giận dữ, sân hận và sự nhận biết chẳng lành, rồi thì những sự xuất hiện và kinh nghiệm của cuộc sống cũng như ñặc biệt về ñời sống tương lai của chúng ta sẽ khơi dậy trong chúng ta về thế giới của ñịa ngục. Nếu tâm thức của chúng ta ñược gieo trồng bởi sự hòa bình, an lạc và mang tư tưởng cũng như những hành ñộng tốt và nếu

288 Tịnh độ Tông của Tây Tạng

chúng ta ñã vui với sự nhận biết thiện, giống như hình thức và sự cảm nhận về thế giới Cực Lạc, rồi thế giới ấy sẽ khơi dậy nơi chốn mà chúng ta sẽ tái sanh, có thể là ở thế giới tốt ñẹp của sự hòa bình và an lạc, giống như cõi Cực Lạc vậy. Tiêu ñiểm chính của sự luyện tập ñược tường thuật trong quyển sách nầy là sự tái sanh ở hình thức hóa thân của cõi Cực Lạc. Rất dễ dàng ñể sanh về ñó hơn là một vài cõi Tịnh độ khác, bởi do lời thệ nguyện sâu rộng của đức Phật Vô Lượng Quang (A Di đà) mang ñến cho tất cả chúng sanh trong cảnh giới Cực Lạc của Ngài và giúp cho họ ñạt thành sự giác ngộ.

Năng lực lời nguyện của đức Phật . Trong kinh đại Bản A Di đà kể về sự tích và cảnh giới Cực Lạc như thế nào ? Vào một thuở xa xưa có một vị Tỳ Kheo tên là Dharmakare (Pháp Tạng), Ngài ñã ñược thọ ký ñể trở thành đức Phật A Di đà – Phát Bồ đề tâm và lập lời thệ nguyện trước vị Thầy của Ngài. đó là Phật Lokeshvara (Thế Tự Tại) mà Ngài sẽ phụng sự cho tất cả chúng sanh. Ở vào thời gian ấy Ngài Pháp Tạng ñã có năm mươi mốt lời nguyện (tiếng Sanskrit có 46 lời nguyện và ñược dịch ra tiếng Trung Hoa và tiếng Việt 48 lời nguyện) hứa dẫn dắt những chúng sanh sanh về cõi Tịnh độ của Ngài. Dưới ñây là năm lời nguyện cho chúng ta một ý niệm về lời thệ nguyện tự nhiên ấy cũng như cõi Tịnh độ của Ngài.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 289

Ở lời nguyện ñầu tiên, Ngài Pháp Tạng nguyện không thành quả vị Phật, nếu một vài chúng sanh vào nước của Ngài mà vẫn còn ñau khổ bởi ñường A Tu La, súc sanh, ngạ quỷ hay cảnh giới ñịa ngục. Như vậy ñể thí dụ ngay từ khi một chúng sanh trong ñịa ngục sanh về thế giới Cực Lạc, thì tất cả sự khổ ñau của chúng sanh ở ñịa ngục ấy sẽ dừng lại và người ấy sẽ trở thành chúng sanh hạnh phúc của cõi Tịnh độ (xin nhắc lại rằng sự khác biệt giữa chúng sanh ở cõi thấp và chúng sanh ở cõi Tịnh độ họ sẽ thấy và cảm thấy như thế nào về ñối tượng của sự hiểu biết ñược khơi dậy bởi tâm thức). Ở lời nguyện thứ hai của Ngài, Ngài phát nguyện rằng sẽ không thành Phật cho ñến khi nào mà tất cả những chúng sanh sanh về cõi Tịnh độ của Ngài thì sẽ ñặc biệt hơn những nơi khác ở cõi người và chư Thiên. Ngài muốn nói rằng cõi Tịnh độ của Ngài hoàn toàn trọng sạch, nhưng cũng có những chất lượng tương tự tốt ñẹp như ở cõi người và cõi chư Thiên.

Ở lời nguyện thứ mười chín của Ngài, Ngài phát nguyện rằng, sẽ không thành Phật quả cho ñến khi nào tất cả những ai mong mỏi ñược tái sanh vào cõi Tịnh độ của Ngài và ai thực hành niệm danh hiệu của Ngài cũng như hồi hướng công ñức cho việc vãng sanh, trên thực tế sẽ ñược sanh về cõi Tịnh độ. Cầu nguyện cho ñiều nầy ngay cả nếu người ấy lặp lại sự suy nghĩ sanh về thế giới Tịnh độ của ta chỉ trong 10 lần, mà người ấy chẳng hề phạm "năm tội vô gián hay bất tín nơi Phật Pháp". Những ñiều kiện nầy chẳng chọn lựa ñược ở đức Phật; nếu những chúng sanh ấy không mở ra cánh cửa tự giải

thoát, thì đức Phật cũng không thể ra lệnh vớt họ lên ñược. Ở lời nguyện thứ ba mươi, Ngài phát nguyện rằng sẽ chẳng ở ngôi chánh giác cho ñến khi nào những chúng sanh của cõi Tịnh độ trong tương lai chẳng những ñược khỏi cảnh khổ mà còn có tài sản với phẩm lượng tinh thần như là trí tuệ không giới hạn và lòng tự tin. Những lời nguyện của đức Phật A Di đà ñược thể hiện thật là mạnh mẽ. Thế nhưng chỉ riêng những lời nguyện không thể hứa cho chúng ta sanh về cõi Tịnh độ nầy. Chúng ta phải thực hiện bổn phận của chúng ta, chúng ta phải chắc rằng ñừng ñóng kín những cơ hội, do sự phạm ngũ trọng tội hay chẳng tin nơi giáo pháp và chúng ta phải mở ra con ñường ñể ñi ñến cõi Tịnh độ với "bốn nguyên nhân" của sự sanh về thế giới Cực Lạc nầy. (Xem lại phần phía trước ñể rõ việc nầy). Năng lực của danh hiệu Phật . đức Phật A Di đà ñã lập lời thệ nguyện sẽ dẫn dắt tất cả những ai niệm danh hiệu của Ngài ñể cầu về Tịnh độ. Tên của Ngài trở thành cánh cửa xuyên suốt mà chúng ta có thể quan sát ñược đức Phật Vô Lượng Quang và cõi Cực Lạc của Ngài. Phật Giáo đại Thừa dạy cho chúng ta thể ñắc ñược mọi vật như là hình tướng, âm thanh và những kinh nghiệm của sự giác ngộ. Tuy nhiên ñể ñến ñược mục tiêu nầy chúng ta cần phải ñi vào ngang qua cánh cửa quan yếu ấy như thế nào là hình ảnh của một vị Phật, sự cảm giác hòa bình hay âm thanh với tính chất tốt ñẹp. Một cánh cửa như vậy chính là hồng danh A Di đà; ñiều

mà chính Ngài ñã gia hộ ñể giúp chúng ta ñến ñược với Ngài và có thể từ Ngài sẽ ñến với chúng ta. Hồng danh của đức Phật A Di đà là sự hiện hữu trong từng mỗi phút giây như trí tuệ, lòng từ bi và năng lực. Trong từng khoảnh khắc chúng ta sẽ trở thành ý niệm về danh hiệu Ngài, Ngài lúc nào cũng ở trong ta và ñang ở với ta. Như vậy nếu chúng ta tập trung tư tưởng vào cũng như nối kết danh hiệu của Ngài ở một ñiểm và với sự hết lòng tin tưởng, chúng ta bắt ñầu cảm nhận trong biển giác ngộ có chất lượng ấy. Sự quy y và sự tin tưởng ở đức Phật sẽ như một bông hoa ñang nở tự nhiên. Chẳng bao lâu chúng ta sẽ không tìm ñược nơi nào ñể chứa sự hiểu biết bất thiện và sự cảm nhận giống như sự phiền não dục vọng, si mê và sự chấp trước. Giống như chúng ta sẽ trở thành một cái lò chứa ñầy năng lực của chư Phật. Chúng ta sẽ phụng sự cho người khác có tính cách tự phát. Bất cứ ñiều gì mà chúng ta thấy, nghe cũng như cảm nhận sẽ trỗi dậy trong sự hiện hữu ấy. Sự tái sanh về cảnh giới Cực Lạc kia như là một bước tiếp theo tự nhiên. Rồi sự ñạt thành Phật quả là mục ñích cuối cùng, nơi mà trí tuệ ñạt ñến ñược. Nếu sự gia hộ trở thành tư tưởng và hơi thở của chúng ta cũng như sự quy kính và những lễ nghi thì ngay cả trong khi chúng ta nhận biết ñược những hình ảnh thông thường, tâm thức hay cảm giác – ngay cả khi chúng ta sống, chết như thế nào; hoặc ở thân trung ấm – chúng ta sẽ luôn luôn ñược tiếp cận với đức Phật xuyên qua danh hiệu của Ngài. đây là một năng lực ñặc thù mà bạn có thể gọi tên hay niệm tên Ngài khi cầu nguyện bằng ngôn ngữ

292 Tịnh độ Tông của Tây Tạng

nguyên thủy bằng tiếng Sanskrit hoặc trong một ngôn ngữ nào mà ñã ñược gia trì bởi nhiều bậc giác ngộ, như tiếng Sanskrit và Tây Tạng. Nhưng nếu sự cầu nguyện bằng chính ngôn ngữ của bạn thì rất là linh ứng cho bạn. Nên xử dụng ngôn ngữ của bạn, bởi vì việc quan trọng là mở cửa tâm hồn với sự quy kính Ngài cũng như phát triển sự tin cậy vào Ngài. Chúng ta nên niệm hồng danh gia hộ của đức Phật Vô Lượng Quang càng nhiều càng tốt.

Cõi Tịnh độ như thế nào ? Hóa thân của thế giới Cực Lạc ñược thể hiện ra trong nhiều cách giống như so với những tính cách cao nhất của loài người và cảnh giới chư Thiên. Như vậy thì có thể so sánh rằng những chúng sanh sanh về nơi kia sẽ giống những hình dáng của những chúng sanh loài người và chư Thiên ở ñó ? Tuy rằng cõi Tịnh độ hóa thân thể hiện như là một ñối tượng của khái niệm nhị nguyên cùng với sự cảm nhận. Nó thực sự mở ra với sự mở cửa và những năng lượng tốt ñẹp. đây là một cảnh giới của chư Thiên, tọa lạc nơi bầu trời ở trên hư không (không phải nằm trong biển hay trên quả ñất) và chứa ñầy những vật thể quý giá. Nhiệm vụ của thế giới kia với một vị Thánh và chia ra từng bực giữa các vị Thầy và ñệ tử của Ngài. Tất cả những chúng sanh ấy ñã sanh vào ñược cõi Tịnh độ nầy ñều là ñệ tử và trong số những ñệ tử nầy lại có các vị Bồ Tát, họ phụng sự cho kẻ khác như là một vị Thầy.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 293

Cõi Cực Lạc thế giới giống như cảnh giới của con người và chư Thiên ñược cấu trúc theo lối lập thể, riêng biệt của kích thước và khoảng cách cũng như trong vùng thời

gian tương ñối. Tuy nhiên không phải là sự khổ ñau của con người như sự khổ về sanh, già, bệnh và chết. Lại cũng chẳng có cái khổ của chư Thiên, ñể phải chết và rơi vào lại cảnh giới thấp hơn. để giải thích tại sao ñược gọi là Cực Lạc ấy thân tướng chúng sanh không khổ ñau. Nơi ấy cũng không có cái khổ về tinh thần. Nơi ñó cũng không thể tính ñếm ñược nguyên do của hạnh phúc. Do vậy tại sao gọi nơi nầy là Cảnh Giới Cực Lạc". đất ñai ở cõi Cực Lạc thì mềm mại và bằng phẳng giống như những bàn tay của trẻ thơ. Không có giới hạn, tươi trẻ, mát mẻ nhu nhuyến và rất dễ chịu khi sờ vào, không có gai sỏi ñá hay ñồi dốc. Cõi ấy thanh tịnh, an bình, vui vẻ và không ô nhiễm. Nó ñược cấu tạo bởi bản chất báu (vàng, bạc, lưu ly, pha lê, trân châu, xa cừ, mã não) và ñược trang sức bởi những chất bằng vàng ở các lối ñi thật trang nghiêm, vĩ ñại, lồng lộng, bất nhiễm và chẳng khô héo. Cõi ấy ñược chiếu sáng bởi những màu sắc và những tia ánh sáng. Trong cõi giới thanh tịnh nầy có vô số vị Phật Tịnh độ khác hiện ra giống như sự tương phản lại trên mặt những tấm kính sáng rỡ. Chúng sanh ở ñó có thể nhìn thấy sự tương phản của các cõi Tịnh độ giống như là bạn ñang xem một lục ñịa khác trên truyền hình ở trong phòng của bạn. Cõi Tịnh độ nầy không có bóng tối hay những núi non thường tình, nhưng lại ñược trang sức với nhiều loại núi non bằng phẳng của những loại ñá quý trên ñỉnh và dưới chân núi. đó ñây ở những ngọn núi ấy ñược trang sức bởi sự chất chồng những ngọc thạch quý giá, những

loại ngọc ngà và những hang ñộng bằng cẩm thạch hiếm có cũng như những căn nhà ñược làm bằng những cây nhỏ tuyệt ñẹp. Những hàng cây tuyệt diệu ấy nhiều màu sắc và ñược trang trí làm phong cảnh. Nơi ñó có loại cây ñược tạo nên bởi một, hai hay ba loại vật thể quý hiếm. Nhiều loại cây khác ñược tạo nên bởi bảy loại ñá quý như: Rễ cây bằng vàng ròng, những thân cây bằng bạc, nhành cây bằng lưu ly pha lê, lá cây màu hổ phách, cánh hoa màu hồng ngọc, bông hoa màu trân châu và trái cây màu ngọc thạch. Những cây nầy mềm mại và dịu dàng khi va chạm ñến, mùi hương ngọt ngào tỏa rộng ñến mọi nơi. Âm thanh trong trẻo ñược chuyển ñi khi bị gió lay ñộng. Cõi Tịnh độ ñược trang sức bởi những hàng rào chắn chung quanh và ở bên trên có ao, nước chảy, sông suối; nơi ñó nhiều chúng sanh chơi ñùa trong sự an lạc thoải mái. Những bậc thềm thoải mái ñược làm bằng những loại ñá quý báu dẫn bạn ñến nơi khe suối ñang chảy và hồ kia chứa ñầy nước công ñức. Mặt ñất ñược tạo nên bởi những ngọc thạch quý hiếm ñược phủ lên ñó một lớp cát vàng. Ao ấy cũng ñầy nước với ñầy ñủ tám công ñức ñó là: Trong sạch, mát mẻ, sáng sủa, hảo hạng, mềm mại, trong suốt, khỏe khoắn cho cuống cổ, lành mạnh cho bao tử. Những hoa sen ở cõi nầy chiếu sáng, hương thơm bay khắp bầu trời cũng như trên mặt nước. Nhiệt ñộ của nước ấy thay ñổi tùy theo ước muốn của bạn. Nước sông chảy với hàng trăm hàng ngàn những hình ảnh âm thanh mà âm nhạc của cõi Trời chẳng thể so sánh ñược. Bờ hồ và những dòng sông ấy ñầy dẫy những hương thơm lan tỏa bao phủ. Những con

sông chấn ñộng mạnh và những tiếng nói pháp vang lừng ở nơi bạn cư ngụ. Những con chim ở ñây ñược biến hóa bởi đức Phật ở cõi Tịnh độ. Giống như núi sông và hình dáng

của nước nầy cùng với những con chim ấy ñều là do sự biến hóa của đức Phật, chúng cũng chính là Ngài. Hơn thế nữa; chúng còn là nguồn gốc của sự hòa bình, an lạc, trí tuệ và giác ngộ; chẳng phải là nguyên nhân của sự hỗn tạp, chấp thủ, tham lam hay sân hận. Giống như người ở cõi giới bình thường thì thường nghe chim hót và ở cõi Tịnh độ bạn sẽ ñược nghe chim hót với tiếng của Pháp âm. Tuy nhiên nếu bạn thích sự yên tĩnh thì những gì mà bạn muốn nghe sẽ chỉ ñơn thuần là âm thanh của sự yên tĩnh. Tất cả những bông hoa ñều ñược tạo nên bởi những vật thể giá trị trong những màu sắc khác thường. Chúng thường lớn bằng một nữa, một hay 10 do tuần (một do tuần bằng 4.000 tầm). Từ những hoa ấy phóng ra vô số ánh sáng màu vàng. Trong mỗi tia sáng ấy có vô số hóa Phật hiện ra. Sự xuất hiện của chư Phật ñầy dẫy ở khắp các thế giới chẳng thể ñếm hết ñược, tuyên nói tán dương những lời dạy ñến với tất cả chúng sanh, cho những ai sẵn sàng ñể ñón nhận những lời dạy ấy.

Những ñệ tử ở cõi Tịnh độ không chú trọng những loại thực phẩm ñầy dẫy ở ñó. Tuy nhiên, nếu họ cần, một vài ñồ thượng thặng sẽ hiện ra trước họ như họ mong muốn và mời họ nếu cần thì có thể dùng ñến. đồng thời bất cứ cái gì họ muốn như: hương thơm, nước hoa, ñồ xoa mình, cờ xí, dụng cụ âm nhạc, y phục hoặc

ñồ trang sức sẽ hiện ra trước họ giống như họ mong cầu. Thế nhưng những vật nầy sẽ chẳng hiện ra cho những ai không nghĩ ñến chúng. Với những vị nầy ai muốn có nhà ở thì ở ñây sẽ hiện ra lầu các với nhà nhiều tầng ñược làm bởi những vật liệu quý giá, ñầy ñủ những chỗ ngồi giá trị; giường nằm với ñồ trang sức của cõi Trời, ñồng thời có những ñồ trang sức thật là tuyệt vời. Cứ mỗi lầu các như vậy ñược chứa ñầy cả hàng ngàn chúng sanh thượng thặng không dứt tiếng ca hát và vui với sự cung ứng ấy. Những chúng ñệ tử ấy ñi dạo xuyên qua các cõi Trời khác cùng với những ngôi nhà phi phàm như thế, với vườn tược, rừng cây, sông ngòi và những ao nước. Vào mỗi buổi sáng, trưa, chiều, chạng vạng, nửa khuya, gió thoảng từ bốn phương thổi ñến tận mọi người. Chúng mang ñến những cơn mưa hoa từ những cây và ñược phủ lên trên mặt ñất với những hoa ñang nở và mềm mại như lụa là. Nếu bạn sờ vào chúng thì có hương thơm nhẹ bay ra, bạn sẽ cảm nhận sự an lạc giống như bạn ở trong trạng thái thiền ñịnh. Chẳng bao lâu thì tất cả những hoa cũ ấy nằm trên mặt ñất và sẽ biến ñi, hoa mới thay thế vào ñó và trở lại tươi mát như cũ. Rồi thì hương thơm khắp nơi bay ñến bao trùm những hoa quý ấy như trang sức thêm, cộng vào ñó là những ñiệu nhạc cùng sự nhảy múa của những chúng sanh cao quý ấy. Ở nơi cõi Tịnh độ có tất cả mọi hình thức, âm thanh và những cảm giác về hình ảnh; âm thanh ấy là những sự thể hiện kinh nghiệm của giáo pháp. điều nầy không

có nghĩa là những hình thức ấy trở thành hình thức của chư Phật hay âm thanh ấy trở thành ngôn ngữ của những kinh ñiển Phật Giáo. Tuy vậy trên tất cả, ñều là căn nguyên hay sự hiện hữu của sự hòa bình, an lạc và giác ngộ. Trục chính của cõi Tịnh độ là cây giác ngộ. Cây nầy cao 600.000 do tuần, ñược bao phủ với cành lá sum sê, hoa, trái và

ñược trang trí bởi những chất liệu quý giá cũng như những tràng phan hoa bằng vàng. Khi gió lay ñộng thì chúng phát ra những âm thanh của tiếng ca hát hay ñến cả nhiều thế giới khác nữa. Tất cả những ai ñược nghe, thấy ñược hay ngửi ñược cây giác ngộ nầy hoặc ai nếm ñược mùi vị của trái cây. Rờ vào ánh sáng hay suy nghĩ về sự hiểu biết thì sẽ ñược miễn trừ những khái niệm trôi nổi và những sự cảm nhận khổ ñau nữa. Kích thước và hình thức của cây giác ngộ ñược ghi lại ở ñây một cách phù hợp cho con ñường của những người bình thường phải gặp nó, thế nhưng trên thực tế không thể suy nghĩ ñược. Ở dưới chân của cây nầy có những hoa sen thật lớn. đây chính là tòa ngồi của đức Phật Vô Lượng Quang (A Di đà); từ ñây Ngài dạy dỗ và giải thoát cho tất cả. đức Phật Vô Lượng Quang (A Di đà) và những vị đệ Tử của Ngài như là vị vua của núi rừng phủ trùm lên tất cả những ñồi núi, đức Phật A Di đà vượt qua tất cả những vị Vua chúa trong hiện tại. Thân thể của Ngài trong suốt và không nhiễm ô, ñược trang trí với 32 tướng tốt cùng 80 vẻ ñẹp tuyệt vời của bậc ñại nhân. Thân thể của Ngài trong suốt và không giới hạn, cao lớn như bầu trời, ñược chiếu sáng với ánh sáng không thể nghĩ bàn ñược, chiếu sáng ñến nhiều cõi Tịnh độ khác trong mười

phương. Ánh sáng của Ngài là những ñức hạnh, sự thể ñắc và trí tuệ. Sự tỏa ngời ánh sáng này ñẹp ñẽ và tròn ñầy giống như ánh sáng của pha lê, chiếu toàn thân thể và tâm thức của bất cứ ai va chạm ñến ánh sáng ấy thì sẽ ñược trí tuệ và nhiều niềm an lạc. Như thế ñó, Ngài ñược biết ñến là vị Phật Vô Lượng Quang. Bởi vì thọ mạng của Ngài không thể suy lường ñược, Ngài cũng ñược biết như là vị Phật Vô Lượng Thọ (A Di đà – Amithayus). Lời giáo huấn của Ngài mang ñến khắp nơi những âm thanh bất tuyệt của giáo pháp. Tâm thức giác ngộ của Ngài là biển cả bao la, sâu thẳm an bình và trí tuệ. Ngài hiểu rõ tất cả những chủ tể xuyên qua trí tuệ toàn tri của Ngài không có giới hạn. Tâm nguyện của Ngài chứa ñầy tình thương và lòng từ bi cho tất cả những ai ñau khổ, giống như một người mẹ chỉ lo cho ñứa con duy nhất của mình. Với sự tự tin to lớn Ngài vô cùng hoan hỷ với mọi tâm thức của chúng sanh và những sự thành tựu mà họ cần ñến với sự lưu xuất liên tục của những thức ăn của chư Thiên không bao giờ hết, giống như những lời giáo huấn của Ngài. Với nhiệt tình hồi hướng, Ngài ñã chia xẻ với mọi người những chất cam lồ ấy, giống như sự ñạt ñược tuyệt ñối những ñiều mà Ngài ñã thệ nguyện. Như là một vị chủ chăn cừu, Ngài dạo ñi chậm chạp nhưng rất vững chắc, hướng dẫn sự nhóm họp của các đệ Tử nhiều như biển cả mênh mông. Nơi cõi Tịnh độ của Ngài, đức Phật Vô Lượng Quang là chủ nhân của vô số ñệ tử không thể tưởng tượng ñược hết. Họ là những người thân ñến tham cầu sự giác ngộ cho chính mình và sự giác ngộ cho kẻ khác nữa. Trong những vị Bồ Tát có 8 vị Bồ Tát quan trọng

như: Quán Thế Âm (Avalokiteshvara), đại Thế Chí (Mahasthamapata), Văn Thù Sư Lợi (Manjinshri), địa Tạng (Kshitigarbha), Hư Không Tạng (Sarvanivaranaviskambini, Akashagarbha), Di Lặc (Maitreya) và Ngài Phổ Hiền (Samantabhadra). Những vị Bồ Tát nầy sở hữu gấp 5 lần sự hiểu biết phi thường sau ñây: 1) Các Ngài sở hữu những việc bất khả tư nghì như dạo chơi trong khoảnh khắc mà có thể xuyên qua ñược nhiều thế

giới ñể ñi ñến dạy cho những chúng sanh khác tại ñó. Cứ mỗi sớm mai những vị ñệ tử nầy du hành qua nhiều cõi Tịnh độ ñể gặp gỡ và ñảnh lễ các đức Phật ở tại ñó và nghe những vị nầy thuyết pháp, trước khi trở về lại thế giới Cực Lạc. 2) Các Ngài có khả năng nhớ lại những sự kiện từ những kiếp trong quá khứ ñể dùng cho mục ñích là tu học và giáo hóa. 3) Những cặp mắt thần của các Ngài là những cái nhìn hiền minh về vô tận thế giới ñể ñoái hoài ñến những chúng sanh bị nhiễm ô, ñược các vị Bồ Tát phụng sự. 4) Những lỗ tai thần của các Ngài có thể nghe ñược lời dạy của vô số của những vị Phật giống như những chúng sanh ñang cầu nguyện. 5) Các Ngài ñược biết ñến những trạng thái thuộc về những chúng sanh trong vô số cõi nước và thuận theo giúp ñỡ họ. Qua những năng lực bất khả tư nghì nầy, những vị Bồ Tát ấy dụng ý vui vẻ và hữu ích cho vô số chúng sanh ở trong nhiều thế giới khác nhau.

300 Tịnh độ Tông của Tây Tạng

Không phải tất cả chúng sanh ñược sanh về cõi Cực Lạc ñều ñủ những năng lực như những vị nầy. Bởi vì họ ñã có sự nghi hoặc về việc tái sanh ở thế giới Tịnh độ; hoặc thiếu sự tin tưởng về năng lực của đức Phật Vô Lượng Quang và lời thệ nguyện của Ngài. Những chúng sanh khác khi sanh về cõi Tịnh độ này có thể còn sanh lại vào lòng của hoa sen trong 500 năm nữa và chẳng thể gặp ñược Phật suốt cả trong thời gian ấy. Họ sẽ an ổn và hạnh phúc ở trong những bông hoa bất khả tư nghì ấy. Thế nhưng vì họ là những người còn nghi ngờ, phức tạp; cho nên những cánh hoa ấy vẫn ñóng lại sau khi ñược tái sanh tại ñây và họ chưa thấy ñược cảnh giới Tịnh độ cũng như đức Phật (những người sanh về phẩm Hạ). Không phải tất cả những vị ñệ tử ở cõi Tịnh độ ñều là những vị Bồ Tát Thập địa hay cao hơn nữa. Nhưng cho tất cả những ñệ tử nào muốn kiếp sống sau cùng của họ sẽ ñạt ñược Phật quả và cho tất cả mọi người ở ñây sẽ ñược giác ngộ. Ngoại trừ họ chọn mục tiêu khác và nhờ năng lực lời nguyện của đức Phật. Không có những chúng sanh nào tại ñó là những người hướng dẫn cho gia tộc về con ñường của cuộc sống với người phối ngẫu và gia ñình; bởi vì tất cả ñều tự do từ những sự phụ thuộc ñể cho ñối tượng của nhục thể. Ở ñây chẳng có một người nào rời khỏi từ chánh niệm, sự cảm kích và sự huấn luyện vật thể con ñường của cuộc sống là sự hoàn hảo nơi Tịnh độ. Những chúng sanh ở cõi Cực Lạc là những người trí thức, có tình thức và tính cách vật lý ñược tinh luyện nhiều hơn những chúng sanh ở những cảnh giới có tính cách thế tục. Họ vượt qua khỏi sự phân loại về ñàn ông và ñàn bà. Tuy

nhiên theo các kinh ñiển và giáo lý về cõi Cực Lạc thì ở ñó chẳng có những người ñàn ông hay những người ñàn bà bình thường; giữa những chúng sanh ấy khi họ ñược sanh về cõi Tịnh độ, nơi mà giống cái hay giống ñực thuộc về sự ứng hóa thần kỳ của đức Phật Vô Lượng Quang ñể phụng sự cho những chúng sanh ấy. đây không phải là sanh vào tử cung, mà tất cả những sự sanh này bởi sự quảng ñại bất khả tư nghì, cao quý, hương thơm ngào ngạt ở giữa những bông hoa ñủ màu sắc. Chẳng một người nào sản xuất ra nước tiểu, bài tiết hay nước dải. Vì những chúng sanh ở ñây không có những thân thể to lớn và ăn những thức ăn như ở quả ñất nầy. Theo những bài vở trong A Tỳ đạt Ma (Xem N. 183 a/2 và CND 3018) ở buổi ban sơ của thời ñại chúng ta,

những kiếp số trước, loài người có mặt trên quả ñịa cầu nầy không phân biệt những người ñàn ông hay những người ñàn bà nổi tiếng. Họ không làm tình với nhau và mọi người ñược sanh ra qua những cách huyền bí. Con người chẳng cần phải ăn nhiều thực phẩm, lẫn việc họ chẳng cần ñến ánh sáng của mặt trời hay mặt trăng, mà họ có ánh sáng tự chiếu ra bởi những tia sáng nơi chính thân thể của họ. Họ bay ñi trong bầu trời như những con chim, họ không có cánh. Dần dần qua thời gian, con người bắt ñầu vui với những vật thể trên mặt ñất và rồi qua kinh nghiệm to lớn của những tình thức. đây là nguyên nhân làm cho họ mất ñi khả năng bay và chiếu sáng của tự thân họ. Chẳng bao lâu họ bắt ñầu trở nên những người ñàn ông và những người ñàn bà nổi tiếng và có sự sinh ra từ tử cung của người mẹ. đức Phật dạy rằng:

302 Tịnh độ Tông của Tây Tạng

Ở cõi Cực Lạc của đức Phật Vô Lượng Quang. đã từ lâu tất cả vui với sự hấp thụ thực phẩm mặc nhiên. Ở ñây ngay cả tên các loại thức ăn bình thường cũng không có nữa. Mọi người ñều hoan hỷ ở cõi Tịnh độ và nhan sắc họ giống như sắc ñẹp của vàng ròng. Thân thể của tất cả những vị ñệ tử ở cõi Tịnh độ rất mạnh mẽ và ñầy ñủ năng lực ñược biểu hiện qua 32 tướng tốt tuyệt vời của những bậc đại Nhân. Ánh sáng trí tuệ của thân thể họ chiếu sáng trùm khắp cõi ñịa cầu. đức Phật nói tiếp: Ở cõi Tịnh độ của đức Phật Vô Lượng Quang. Ánh sáng trí tuệ của một bậc chân nhân là luôn luôn ñược lưu xuất. Ở ñây không có bóng tối. Và cũng chẳng có sự khác nhau giữa ngày và ñêm. Tâm thức của họ luôn an lạc như họ ñược chứa ñầy bởi sự tự tin và trí tuệ. Họ hoan hỷ bởi vì bất cứ cái gì họ cũng vui; họ vui vẻ tự nhiên, không có sự chấp thủ, hay bị phiền não bởi những sự khổ sở. Ngay cả với những ai vẫn chưa vượt khỏi sự khổ ñau. Nguyên nhân của sự khổ ñau; nhưng họ vẫn cảm nhận ñược niềm vui, chính mình tạo ra sức mạnh của thế giới Tịnh độ. Chẳng có ai là chủ thể của sự già nua hay bịnh hoạn. Cuộc ñời là vô hạn, bởi vì sức mạnh của phước ñức, khi họ sanh về cõi Tịnh độ. Tất cả những kinh nghiệm của sự khổ ñau sẽ ñược dừng lại. Ở nơi ñó không là hiện trường của sự khổ ñau tại Tịnh độ.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 303

Tái sanh về thế giới Cực Lạc Sự mô tả về cõi Cực Lạc ñơn thuần cục bộ về ánh sáng ñược thấy ở ñó là giàu chất lượng bất khả tư nghì. Trong thực tế, ngay cả con mắt thần cũng không thể thấy ñược tất cả mọi chất lượng, mà ñiều ấy là vô hạn. Ngay cả đức Phật, Ngài cũng chẳng thể giải thích ñược tất cả về chúng. Ngôn ngữ thì chẳng ñầy ñủ ñược.

Theo nhiều kinh sách thì lời nguyện của đức Phật Vô Lượng Quang có một năng lực phi phàm, nếu bạn luôn nhớ nghĩ ñến Ngài, bạn sẽ chẳng những ñược sanh về thế giới Tịnh độ của Ngài mà bạn sẽ còn ñược gặp Ngài như là một con người trong cuộc ñời của bạn, ngay cả trong giấc ngủ hoặc dưới cái nhìn cũng vậy. Vào thời ñiểm bạn qua ñời đức Phật Vô Lượng Quang sẽ hiện ra trước bạn ở giữa số ñông ñệ tử nhiều như biển cả. đặc biệt nếu bạn nhớ ñến đức Phật Vô Lượng Quang ở trong tình trạng trung ấm thân thì sự tưởng nhớ cũng sẽ là nguyên nhân ñể bạn ñược sanh về thế giới Tịnh độ

của Ngài. Bởi vì chính ñiều ấy trong khi ở trung ấm thân sẽ dễ dàng thay ñổi tình huống của bạn. để ñược vãng sanh về thế giới Tịnh độ chẳng cần bạn phải ñạt thành ở một vài sự thể ñắc mặc nhiên cao cả. Bởi vì với năng lực của lời thệ nguyện của đức Phật, những gì bạn cần là sự thực hành bốn nguyên nhân ñể mở cánh cửa tâm linh của bạn và hãy thể hiện nó ở sự cảm thọ càng nhiều càng tốt. điều kiện duy nhất là bạn chẳng phạm vào một trong năm tội ngũ nghịch hay chẳng tin tưởng nơi Phật Pháp. đức Phật Thích Ca ñã dạy về bốn nguyên nhân ấy như sau:

304 Tịnh độ Tông của Tây Tạng

“Nầy A Nan! Có những hạng người một là suy nghĩ chi tiết về đức Phật (Vô Lượng Quang và cõi Tịnh độ của Ngài) cứ lặp ñi lặp lại mãi như vậy; hai là những người ấy sáng tạo ra vô lượng phước ñức và chân thành cầu nguyện vãng sanh về thế giới Cực Lạc. Khi họ mất họ sẽ ñược tái sanh về cõi giới Cực Lạc ấy”. Việc gieo trồng sự quy hướng về và sự tưởng niệm ñến đức Phật Vô Lượng Quang, chúng ta xác nhận ñược sự tái sanh của chúng ta vào cảnh giới bất tư nghì của Cực Lạc, một cõi giới hoàn toàn hòa bình và an lạc tuyệt ñối và trở thành nguồn gốc của sự bình tĩnh và sự chờ ñợi của những người khác. Cơ hội vi diệu nầy là lời hứa của đức Phật Vô Lượng Quang ñối với mỗi chúng ta vậy. Sự thật của lời nguyện nầy ñã ñược tuyên bố bởi chính đức Phật lịch sử (đức Phật Thích Ca Mâu Ni). đây chính là con ñường ñã ñược xác nhận ñể du hành bởi những người Phật Tử hiền minh và sự nương tựa xuyên qua thời ñại. Một vài người Phật Tử nhìn những việc nầy như là “vô thần” phải phụ thuộc vào cảnh giới Cực Lạc, chỉ là sự quy kính với nhiều vị Thần tiếp cận. Tuy nhiên khi khảo sát kỹ nên ñể ý ví dụ của Ngài Long Thọ: Ngài chính là vị chủ xướng quan trọng nhất về nguồn gốc tánh Không của Phật Giáo đại Thừa rằng: Trường phái vô thần ấy là cự tuyệt sự hiện hữu các cực ñoan; vô trụ; cả sự hiện hữu và không hiện hữu; chẳng tồn tại lẫn không tồn tại. Bây giờ thì đức Phật lịch sử ñã huyền ký rằng: “Sẽ có một vị Tăng tên là Naga (rjuna)… sẽ ñược tái sanh về cõi Cực Lạc”. Như vậy thì, nếu một vị đại Sư quan trọng, to lớn về truyền phái tánh Không (vô thần) mà còn ñược sanh về Tịnh độ, thì một vài người theo Phật Giáo, hữu

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 305

thần hay không thần, bất cứ cái nào cũng sẽ có thể ñược sanh về nơi cõi kia. để sự tái sanh dễ dàng về cõi Tịnh độ là ñiều quan trọng cho người sắp chết, phải nên giúp ñỡ cả hai hệ thống ấy trong và chung quanh họ… (đoạn trên trích ra từ sách “Chết An Lạc, Tái Sanh Hoan Hỷ” của Hòa Thượng Thích Như điển và Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt của đại Sư Tulku Thondrup từ trang 331 ñến trang 354). đoạn trên ñây ñã ñược đại Sư Tulku Thondrup người Tây Tạng, là một Tăng sĩ học giả ñang dạy tại đại Học Havard Hoa Kỳ dịch và viết từ tiếng Tây Tạng ra tiếng Anh và đức Phật Vô Lượng Quang (A Di đà) cũng như cảnh giới của Ngài. đọc toàn bộ ñoạn văn trên, chúng ta thấy tác giả dùng lối văn mới hoàn toàn ñể diễn giải về đức Phật A Di đà và cảnh giới Tây Phương Tịnh độ; thật không ñi ra ngoài hai bản kinh chính là: Kinh Vô Lượng Thọ và kinh A Di đà do đức Phật Thích Ca Mâu Ni ñã nói ra khi Ngài còn tại thế, cách ñây hơn 2.500 năm về trước. Như vậy ñiều khả tín nhất của

chúng ta là dẫu cho có theo Tịnh độ thuộc truyền thống nào thì ba bộ kinh trên (kể cả kinh Quán Vô Lượng Thọ) và vị Sơ Tổ của Tịnh độ Tông (Ngài Long Thọ) căn cứ nơi Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận là những luận ñiểm vững vàng nhất ñể dung nạp những tư tưởng Tịnh độ về sau nầy. Mặc dầu chỉ có một chút khác biệt về Lời Nguyện của đức Phật A Di đà qua sự phiên dịch của ngôn ngữ. Tiếng Sanskrit chỉ có 46; trong khi ñó tiếng Trung Hoa, Việt Nam, Nhật Bản, đại Hàn là 48 và tiếng Tây Tạng lại ñến 51. Ví dụ như lời nguyện thứ 18 trong tiếng Việt thì trở thành thứ 19 trong tiếng Tây Tạng. Có thể ñây là kết quả của việc dịch thuật ñể các ngôn ngữ như: Trung

Hoa, đại Hàn, Nhật Bản, Việt Nam trở thành nhiều hơn so với ngôn ngữ gốc bằng tiếng Sanskrit, chứ không phải ít hơn. Theo chúng tôi nghĩ: ñây chỉ là cách dịch rộng và dịch cặn kẽ ñể người ñời sau dễ hiểu hơn. Chứ ngoài ra không có ý gì khác. Ví dụ như kinh Bát Nhã nguyên chữ Hán ñược Ngài Huyền Trang dịch từ tiếng Phạn, có tất cả 262 chữ; nhưng khi ñọc ñến bảng tiếng Hán Việt thì thiếu 2 chữ "nhứt thiết" ở một ñoạn văn (xin xem thêm những ghi chú và giải thích về việc thiếu nầy trong các quyển sách dịch về Pháp Hoa Tông, Chân Ngôn Tông và Tào động Tông của tác giả). đây là một thiếu sót chắc chắn của những vị dịch giả ñầu tiên. Có lẽ vì bỏ quên; vì trong khi Trung Hoa, đại Hàn, Nhật Bản thì ñủ 262 chữ, trong khi ñó Việt Nam chúng ta lâu nay chỉ tụng có 260 chữ. Sai ñúng ai rõ biết ñược! nhưng những gì ñã trở thành thói quen thì chỉ hiểu như thế trong việc nghiên cứu. Còn cái gì ñã trở thành tập quán, khó mà một sớm một chiều dễ sửa ñổi ñược. Kinh hay Thần Chú đại Bi cũng vậy. Việt dịch từ Hán văn thiếu ñi một ñoạn mấy chữ. Tuy rằng âm tiếng Phạn; nhưng lâu nay ñọc ñã quen miệng như vậy rồi. Bây giờ ai ñó thêm vào một ñoạn nữa, hóa ra bị ngượng. Lỗi nầy có thể do phiên dịch thiếu, vì có quá nhiều chữ "Ta Bà Ha" trong thần chú đại Bi; hoặc cách thứ hai ñể hiểu cho việc nầy là người ñánh máy, sắp chữ không quen với mặt chữ ấy cho nên ñã bỏ sót. Thế rồi cứ in ñi in lại nhiều lần chẳng ai so lại với bản chính và cứ thế tiếp tục. Do vậy vẫn tiếp tục sai; nhưng mà không biết. Cho nên người xưa nói rằng: "Ba lần sao chép lại, mất ñi cái gốc chính" của nó là phải rồi.

Riêng tinh thần của ba bản kinh chính của những người tu theo pháp môn Tịnh độ, tác giả ñã có cơ hội làm quen hoặc trực tiếp hay gián tiếp qua các ngôn ngữ như: Hán văn, Anh văn, đức ngữ, Nhật ngữ, Việt ngữ v.v... không có ñiểm nào là ñáng nói. Nếu có, chỉ là chuyện chuyên nghiệp, ñào sâu hơn, tỉ mỉ hơn, rõ ràng hơn ñể người ñi sau dễ tìm hiểu về cội nguồn hơn. đây là ñiểm cần yếu và rất quan trọng ñối với những người tu theo pháp môn vốn khó thể tin tưởng nầy. Thật ra nghiên cứu về Phật Giáo Tây Tạng, ñặc biệt là tư tưởng của Tịnh độ cũng quá mới mẻ ñối với chúng tôi; nhưng ñúng là duyên may gặp phải tác phẩm: "Chết An Lạc, Tái Sanh Hoan Hỷ" nầy nên ñã giúp cho chúng tôi rất nhiều trong việc nghiên cứu và tìm hiểu. đây cũng là cơ hội ñể cho những người tu theo Pháp Môn Tịnh độ tìm lại cội nguồn của Tịnh độ. đó là chúng ta chỉ có một đức Phật lịch sử Thích Ca Mâu Ni ñã tuyên nói ba bộ kinh trên và chỉ có một vị Tổ Sư Tịnh độ duy nhất ñược truyền thừa qua luận Thập Trụ Tỳ Bà Sa của Ngài Long Thọ.

Ngài chính là vị Tổ Sư của Tịnh độ thuộc tất cả các nước theo Phật Giáo Tịnh độ như: Ấn độ, Trung Hoa, đại Hàn, Nhật Bản, Việt Nam và Tây Tạng. Khi ñã thấu rõ ngọn ngành rồi, các dị biệt nếu có ở các nước khác về pháp môn nầy, trước sau chúng ta cũng sẽ tìm ra một cách thích nghi dễ dàng. đây chỉ là vấn ñề thời gian và vấn ñề sắp lại niên ñại cũng như việc truyền thừa cho hữu lý. Còn vấn ñề đức Tin về Tịnh độ cho ñến nay, hầu như các Phật Tử Á Châu ít có ai thắc mắc về đức Phật A Di đà giáo chủ cõi Tây Phương Cực Lạc cả. Nếu có, thì ñó chỉ là những nghi vấn của những người theo Tông phái khác mà thôi.

308 Tịnh độ Tông của Tây Tạng

Thực sự ra niềm tin Tôn Giáo ñến với nó, không phải ñể mổ xẻ như những nhà tôn giáo học, mà ñến ñể tin ñược gì mà mình ñã kinh qua trong khi thực tập và niềm tin ấy sẽ giúp cho chúng ta thực chứng như thế nào trên phương diện giải thoát sanh tử luân hồi; ñó mới là ñiều ñáng quan tâm hơn.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 309

VI. PHẬT GIÁO THỜI KỲ đẦU CỦA NGƯỜI ÂU MỸ

Trong những năm ở đức từ 1977 ñến năm 2011, trên 30 năm như vậy; mỗi lần có dịp hướng dẫn những người đức tu học trong các khóa chuyên khoa học kinh bằng tiếng đức như: Kinh Pháp Hoa, Kinh Dược Sư, Kinh Di đà, Kinh Vu Lan v.v... hay những khóa của các sinh viên, học sinh đức ñến Chùa Viên Giác tại Hannover ñể tìm hiểu Phật Pháp; hoặc giả các Tổ chức Từ Thiện của Caritas hay Lion Club v.v... và những nơi mà tôi có cơ hội ñến ñể thuyết trình về giáo lý đạo Phật; nhờ ñó tôi quan sát cách hiểu của họ về Phật Giáo như thế nào, ñể từ ñó tôi hướng dẫn họ thực tế hơn. Nhiều lúc tôi cũng khôi hài; nhưng cũng không thiếu tính cách thực tế và trình bày với người đức rằng: “Nếu đức Phật sinh ra tại Âu Châu, thì tất cả quý vị ñã là Phật Tử rồi. Vì đức Phật sinh ra tại Ấn độ; cho nên giờ nầy người đức và người Âu Mỹ mới tìm hiểu ñến giáo lý của đạo Phật”. Mọi người cười và tỏ ý gật ñầu. Tôi tiếp tục chứng minh cho những người đức hiện diện thấy rằng: Hầu như các bậc Giáo Chủ lớn của các Tôn Giáo ñều phát xuất từ Á Châu. Ví dụ như: đức Phật lịch sử Thích Ca Mâu Ni, đức Khổng Tử, Lão Tử và ngay cả đức

310 Phật Giáo thời kỳ ñầu của người Âu Mỹ

Chúa Jesus cũng sinh ra tại Israel, là một phần ñất nằm ở miền Trung Á Châu. Lý do tại sao thì ñể cho những nhà nghiên cứu về Tôn Giáo trả lời. Nhưng theo tôi: Sở những nhà Hiền Triết và các bậc Giáo Chủ của các Tôn Giáo ñều xuất phát từ Á Châu, vì Á Châu có núi cao và sông dài, trong khi ñó ở Âu Mỹ không có những thuận duyên ấy. Riêng người Á Châu ñã rõ biết Âu, Úc, Mỹ Châu theo đạo gì từ thế kỷ thứ 16, khi mà những nhà thám hiểm Âu Châu ñặt chân ñến Á Châu và các châu lục khác về sau nầy. Khi họ ñến chúng tôi, họ mang theo niềm tin của họ. đó là quyển Thánh Kinh và cây Thập Tự Giá. Ban ñầu khi họ ñến Á Châu, với tư cách là những thương nhân theo nhũng thuyền buôn bán trao ñổi hàng hóa; nhưng sau ñó dẫn ñến việc truyền ñạo và làm bàn ñạp ñể dẫn ñến chủ nghĩa thực dân như tại Việt Nam, Lào, Cao Miên người Pháp ñã chiếm làm

thuộc ñịa từ giữa thế kỷ thứ 19 ñến giữa thế kỷ thứ 20. Tại Ấn độ, Tích Lan người Anh ñã chiếm làm thuộc ñịa cũng cùng thời gian như vậy. Rồi người Hòa Lan ở Indonesia; người Tây Ban Nha ờ Phi Luật Tân v.v... Tất cả ñều khởi ñi từ tham vọng của con người; nhưng Tôn Giáo không phải vậy. Tôn Giáo là chỗ dựa tâm linh của con người, khi con người gặp hoạn nạn, khổ ñau hay những mục tiêu cao cả hơn về sự sống và sự chết. Người Âu Mỹ hiểu về đạo Phật có nhiều nguyên nhân và ñộng lực khác nhau khi mà những người nầy có cơ hội ñến Ấn độ, Tích Lan, đông Dương, Trung Hoa, Nhật Bản ñể tìm hiểu qua các việc khảo cổ hay hội họa, ngôn ngữ v.v... từ ñó họ có cảm tình với đạo Phật. Sau ñây là một vài ví dụ ñiển hình.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 311

Ví dụ như trường hợp tại Ấn độ. Sau khi Vua A Dục trở thành một Phật Tử, ông Vua nầy ñã cho xây 84.000 ngọn tháp khắp nơi trên xứ Ấn độ và ñặc biệt nơi nào có những sự kiện ñặc biệt như đản Sanh, xuất gia, thành ñạo, thuyết pháp lần ñầu tiên; hay nơi thị tịch Niết Bàn của đức Phật v.v... ông ñều cho xây những trụ ñá với 4 ñầu sư tử xoay theo 4 hướng và trên trụ ñá ấy có khắc những chỉ dụ của đức Vua. Ví dụ như tại Lâm Tỳ Ni, ngày nay chúng ta còn thấy trên trụ ñá có khắc những dòng chữ như sau: “đây là nơi đản Sanh của đức Phật, Trẫm miễn một phần bảy thuế cho dân làng nầy”. Những bia trụ ñá ấy qua bao nhiêu biến thiên của lịch sử trải qua hơn 2.300 năm tại Ấn độ ñã bị thiên nhiên hủy hoại như ñộng ñất, thiên tai; hoặc giả bị quân Hồi Giáo từ Thổ Nhĩ Kỳ tiến quân ñánh chiếm Ấn độ vào thế kỷ thứ 10 thứ 11 v.v... rồi bằng ñi một thời gian dài, Phật Giáo Ấn độ ñã trải qua thời kỳ suy vong, không ai còn tin theo giáo lý của đức Phật nữa; cho nên ít người tìm hiểu cội nguồn làm gì. Mãi cho ñến khi người Anh chiếm Ấn độ làm thuộc ñịa vào cuối thế kỷ thứ 19 và ñầu thế kỷ thứ 20 những nhà khảo cổ học mới tìm tòi nghiên cứu lịch sử của đức Phật và ñến những nơi lịch sử ấy ñể khai quật bao nhiêu năm tháng mới rõ ñược ngọn ngành. đấy là nhờ vào những bia ký của Vua A Dục còn ghi lại trên những trụ ñá. Ngay như đại Tháp Bồ đề; nơi đức Phật Thành đạo; ngày nay nằm ở Bang Bihar thuộc miền Bắc Ấn độ cũng ñã nhờ những nhà khảo cổ học người Anh tìm ra đại Tháp nầy bị chôn vùi dưới lòng ñất; từ ñó dần khai quật lên và tái tạo thành một bảo tháp nguy nga như ngày nay là nhờ công lao của những nhà nghiên cứu Âu

312 Phật Giáo thời kỳ ñầu của người Âu Mỹ

Mỹ và những Phật Tử hảo tâm trên thế giới. Sau khi khảo sát, nghiên cứu, tìm hiểu, ñào xới những di tích lịch sử ấy thành công, họ trở lại quê hương họ, viết những bài tường thuật, phân tích v.v... từ ñó khiến cho những học giả khác ñương thời quan tâm ñến Phật Giáo, rồi họ nghiên cứu tiếng Pali, tiếng Sanskrit ñể sau nầy tại Anh thành lập cả một cơ sở xuất bản tiếng Pali và ngay cả 3 Tạng Thánh Giáo Nam Truyền cũng ñược in ấn tại London. Những nhà học giả ban ñầu của Anh như ông bà Rhys David hay triết gia đức Schopenhauer v.v... là những nhà tiên phương của Âu Châu nghiên cứu về lãnh vực nầy. Ví dụ trường hợp tại Tích Lan. Khi người Tây Ban Nha ñi thì người Anh ñến và khi họ ñến thì họ lo xây nhà thờ Thiên Chúa và họ lo cải ñạo người ñịa phương ñể trở thành con chiên ngoan ñạo ñể phụng sự cho Tôn Giáo nầy. Tích Lan là một xứ Phật

Giáo từ thế kỷ thứ 3 trước Tây Lịch do Công chúa Sanghamita và Hoàng tử Mahinda con Vua A Dục mang cây Bồ đề từ Ấn độ vào trồng tại ñây, cũng như giáo pháp của đức Phật ñã ñược nhà vua Tích Lan thuở ấy chấp nhận một cách dễ dàng và giáo lý ấy phát triển tại ñảo quốc nầy ñể sau nầy Phật Giáo trở thành quốc giáo; nhưng ñến khi những người Âu Châu cai trị xứ nầy từ thế kỷ thứ 18, 19 thì họ ñã triệt hạ Phật Giáo bằng nhiều hình thức khác nhau; ñến nỗi Phật Giáo không còn một trường học, một tờ báo nào cả. Do vậy các học giả người Mỹ như ông bà đại tá Henry Olcott có cơ hội ñến thăm viếng ñảo quốc nầy và ông ta muốn chủ trương phục hưng lại Phật Giáo. điều ñầu tiên là ông ta về Mỹ viết những bài báo có lợi cho Phật Giáo ñể cổ xúy cho Tăng Già và Phật Tử Tích Lan nắm lại vị trí của mình

qua việc truyền thông và giáo dục. Ông bà ñứng phía sau vận ñộng các chính phủ Mỹ, Anh và tìm nguồn tài chánh giúp ñỡ ñể cho những cơ quan ngôn luận của Phật Giáo tái phục hồi và ñiều ñặc biệt là vào năm 1904 nghĩa là cách ñây hơn một thế kỷ, ông Henry Olcott nhận thấy vầng hào quang trên ñầu của đức Phật có 5 màu gồm: xanh, vàng, ñỏ, trắng, cam; nên ông ñề nghị với Hội đồng Tăng Già Tích Lan là nên chọn làm lá cờ Phật Giáo chung cho cả thế giới. Thế là ñi ñến kết quả ñược biểu quyết chung tại đại Hội Phật Giáo Thế Giới vào năm 1951 và ñã thực hiện ñược ñiều nầy và Việt Nam là một thành viên cũng như một lá phiếu ñã ñược tham dự trong việc thành tựu quan trọng ấy. Từ những năm 1948 ñến 1954 là những năm sau đệ nhị thế chiến (1939-1945) các thế lực chủ ñộng như Pháp, Anh, Tây Ban Nha, Bồ đào Nha v.v... ñã trao trả ñộc lập lại cho các xứ Á Châu và Phi Châu. Từ ñó những người có liên hệ với Á Châu, ñặc biệt là Tôn Giáo, chính họ ñã ñi ñến Á Châu ñể xuất gia học ñạo và ở luôn tại ñó nghiên cứu về Phật Học, ví dụ như Hòa Thượng Nanaponika người đức, là một học giả tiếng Pali, ñã dịch ra tiếng đức tam tạng tiếng nầy. Do vậy người đức theo Nam Tông ngày nay có ñầy ñủ tài liệu ñể nghiên cứu về Phật Học. Ngài xuất gia tại Tích Lan, hành ñạo tại Tích Lan và viên tịch cũng tại Tích Lan. Riêng Nhật Bản là một xứ ñặc biệt, ñã có rất nhiều thương thuyền của người Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Bồ đào Nha ñến xứ sở nầy từ thế kỷ thứ 16, 17 giống như trường hợp Việt Nam; nhưng mãi ñến nay (2011) sau hơn 400 năm truyền ñạo tại xứ nầy mà thành phần Thiên Chúa Giáo chỉ có khoảng 0,03% trên 130 triệu dân tại

ñảo quốc nầy, quả là ñiều rất hy hữu. Ngược lại những nhà truyền giáo Dòng Francisco họ còn ñến những Trung tâm Thiền viện lớn của Nhật học Thiền và họ mang Thiền ấy trở về lại Âu, Mỹ ñể dạy cho tín ñồ của họ. Trước năm 1975 ở Việt Nam cũng có một vài vị Sư người đức ñến xuất gia và tu học tại Sàigòn như Ngài Anurudha, tên đức là Dr. Peter Petri; chính chúng tôi ñã gặp Ngài tại Hannover vào năm 1978 sau khi Ngài ở tù tại Việt Nam 2 năm và ñược trở về lại đức. Ngài có tường thuật lại ñời sống của Ngài trước và sau 1975 trên báo Viên Giác; nhưng chẳng bao lâu sau thì Ngài viên tịch tại Hamburg. Nêu lên những ví dụ như trên ñể chúng ta thấy rằng đạo Phật không có một cơ quan truyền giáo nào cả. Chỉ do những người Âu Mỹ, qua việc thôi thúc bởi nghề

nghiệp hay cảm tình, họ ñã ñến với đạo Phật; không những chỉ tìm hiểu qua loa, mà còn ñi xuất gia tại các nước Á Châu rồi ở luôn tại ñó; hoặc về lại quê hương của họ ñể gây dựng nên những ñạo tràng ñể cho người bản xứ cùng tu học giáo lý của đạo Phật. Cuộc Cách Mạng Tân Hợi năm 1911 tại Trung Hoa ñã chấm dứt chế ñộ Vua Chúa nhà Thanh. Tôn Dật Tiên chủ trương chủ nghĩa Tam Dân. đó là Dân sinh, Dân tộc và Dân quyền. Tiếp theo cách mạng của Tôn Dật Tiên, Tưởng Giới Thạch là người lãnh hội tư tưởng nầy và năm 1949 khi Mao Trạch đông chiếm toàn cõi Trung Hoa thì Tưởng Giới Thạch và những người tùy tùng ñã bỏ lục ñịa qua đài Loan ñể lập quốc. Trên những con ñường nhiều ngõ ngách và ñổ nát ấy từ năm 1911 ñến năm 1949 ñã có không biết bao nhiêu người Trung Hoa chạy sang Hoa Kỳ và Úc Châu ñể tỵ nạn. Trên ñường ñi tìm tự do ấy

cũng không thiếu những bậc tu hành danh tiếng cùng ñi chung và sau khi ñi ñến những nơi nầy họ ñã lập chùa, quy tụ quần chúng cả người Hoa lẫn người ñịa phương ñể nghe pháp, cúng bái, cầu nguyện. Từ ñó những Chùa, Viện ñược lập ra và người xuất gia có nơi ñược kế thừa mà cũng có nơi ñã thay ngôi ñổi chủ. Từ đại Lục Trung Hoa chạy sang Việt Nam và Mã Lai có Ngài Diễn Bồi; chạy qua Hồng Kông có ngài Tuyên Hóa, sau ñó Ngài Tuyên Hóa sang Hoa Kỳ ñể tiếp tăng ñộ chúng. Ngài Tuyên Hóa là một trong những chư tăng thành công việc cấy hạt giống Bồ đề tại Mỹ quốc qua việc truyền thọ giới Tỳ Kheo cho những người Mỹ và chính những vị Sư người Hoa Kỳ nầy là gạch nối tương ñối khá quan trọng cho việc dịch đại Tạng Kinh từ chữ Hán sang tiếng Anh tại Vạn Phật Thánh Thành gần San Francisco Hoa Kỳ ngày nay. Từ Trung Hoa đại Lục ñến đài Loan gồm các Ngài Bạch Thánh, Ngộ Minh, Tinh Vân, Ấn Thuận, Thánh Nghiêm v.v... Các vị nầy ñã mang tư tưởng Phật Giáo Trung Hoa ñến đài Loan và từ đài Loan ñến Nhật Bản rồi Hoa Kỳ (như Ngài Thánh Nghiêm). Riêng Ngài Tinh Vân sau khi ñã xây dựng cơ sở Phật Quang Sơn tại đài Nam đài Loan rồi; Ngài cho các ñệ tử qua Nhật Bản và Âu Mỹ du học. Sau khi thành tài trở về lại đài Loan và Ngài tiếp tục gây dựng cơ sở từ 1949 ñến năm 2011; qua hơn 60 năm ấy ñã có hơn 160 ngôi chùa lớn nhỏ trên khắp các lục ñịa Âu, Á, Mỹ, Phi và Úc Châu. Nơi nào cũng có trường đại Học ñi kèm ñể dạy ngôn ngữ Phổ Thông, tiếng Anh cho người ñịa phương hay con em của những người Hoa sinh ra tại ñó mà không rành tiếng mẹ ñẻ. Ví dụ như Nam Thiên Tự ở Woolongong Úc Châu, Tây Lai

Tự ở Los Angeles Hoa Kỳ v.v... là những nơi ñào tạo ở cấp bậc đại Học và Hậu đại Học của Phật Giáo. Xem tự truyện và tiểu sử của các Ngài Ấn Thuận, Tinh Vân, hầu như không có một vị nào có một bằng cấp nào cả, mà qua một cuộc ñời tận tụy với Phật Pháp, các Ngài ñã làm cho bông hoa giác ngộ nầy tỏa ngát hương thơm khắp bốn phương trời. Quả là Phật Pháp nhiệm mầu và vi diệu. Ngay cả Ngài Thánh Nghiêm sáng lập Pháp Cổ Sơn tại đài Loan và đông Sơ Thiền Tự ở Mỹ cũng vậy, theo trong tự truyện của Ngài kể là Ngài chưa hề tốt nghiệp Trung Học và đại Học; nhưng nhờ có nhân duyên viết nhiều bài nghiên cứu về Phật Pháp, Ngài ñược qua Nhật du học 7

năm, từ năm 1969 ñến năm 1976 thì tốt nghiệp Tiến Sĩ Phật Học tại đại Học Risso (Lập Chánh) ở Tokyo thuộc Nhật Liên Tông. Khi sang Hoa Kỳ Ngài cũng ñã sống một cuộc ñời thuở ban ñầu thật vất vả; nhiều khi không có nhà cửa ñể ở, Ngài phải sống ngoài nhà gare xe lửa chung với những kẻ bụi ñời. Thế mà ở vào cuối ñời Ngài, Ngài ñã làm ñược vô số công việc tại đài Loan và tại ngoại quốc. Ví dụ như Pháp Cổ Sơn tại đài Loan ngày nay cũng có đại Học Phật Giáo ñi kèm và Tăng Ni Chúng tại Bổn Bộ nầy không dưới 400 người. đa phần những người Âu Mỹ tin và học theo Phật Giáo ñều bắt nguồn từ truyền thống Nam Tông như Tích Lan, Miến điện, Thái Lan v.v... là do những ñộng cơ như trên ñã trình bày. Nhưng ñến ñầu thế kỷ thứ 20 Phật Giáo ñược du nhập vào các nước Âu Mỹ do những tư tưởng chủ ñạo sau ñây: đầu tiên là Thiền Học Nhật Bản do đại Sư Suzuki Daietz người Nhật chủ trương qua các tác phẩm: Easy

Zen and Easy Practice, Japanese Zen v.v... ñã làm cho nhiều người Âu Mỹ lưu tâm ñến tinh thần Thiền đại Thừa nầy. Như trên ñã trình bày rằng: Thiền vốn bắt nguồn từ Ấn độ, qua Trung Hoa rồi ñược truyền sang Nhật Bản; nhưng khi ñến Nhật, Thiền ấy ñã trở thành Zen của người Nhật và ít ai quan tâm ñến Ch'an của Trung Hoa hay Dhyana của Ấn độ nữa. đây là một thành công lớn của người Nhật. Năm 1904 ở vào ñầu thế kỷ thứ 20, sau chiến tranh Nhật Nga; thế giới ñể tâm vào sự chuyển hướng và tiêu thụ văn hóa Tây Phương của người Nhật qua công cuộc duy tân của Vua Minh Trị (Meiji) vào năm 1868. Ông Vua nầy là một Ông Vua Cách Mạng của Nhật; ông chủ trương nước Nhật phải học hỏi văn hóa và kỹ nghệ của Tây Phương và ñem tư tưởng nầy vào canh tân xứ sở Nhật Bản. Từ năm 1868 ñến năm 1904 chưa ñầy nửa thế kỷ qua việc canh tân mà Nhật ñã thắng Nga, khiến cho thế giới phải lưu tâm. Dĩ nhiên là Tôn Giáo của Á Châu không nhờ những ñoàn quân viễn chinh ñi trước ñể truyền ñược ñạo vào quê hương sở tại, mà ñiều quan trọng chính là do người Âu Mỹ thích tìm hiểu ñến Phật Giáo nên ñã tự ñộng ñến với Phật Giáo bằng nhiều hình thức khác nhau, thế thôi ! Ông Suzuki ñược một cái lợi ñiểm là ông có vợ người Anh; nên những gì ông diễn thuyết hay viết thành sách vở, ñều nhờ người vợ nầy chỉnh ñốn lại bài vở trước khi thuyết trình hay in ấn thành sách ñể xuất bản; cho nên người Âu Mỹ ñến với Thiền Học dễ dàng hơn. Rõ ràng là Thiền không cần nhiều ngôn ngữ; nên những vị Thiền Sư hay dùng sự im lặng trong tỉnh thức ñể dạy học trò là vậy. Với hình thức nầy ngày xưa các vị Tổ Sư

thường lấy tâm truyền tâm. Còn bây giờ ña phần là lấy pháp ñể truyền tâm. Theo Ngài Ấn Thuận, một đại Sư, một đại học giả của Phật Giáo đài Loan thì Ngài cho rằng: khi Thiền ñến Trung Quốc, thiền ñã biến dạng quá nhiều. Ví dụ như quán thoại ñầu hay nghi tình v.v... vốn trong thiền nguyên thủy không có. Các Ngài ñã ñi xa quá rồi. Lúc ñến Nhật lại càng xa với cội nguồn hơn nữa; nhưng dẫu sao ñó cũng là những ñề tài khiến cho những thiền sinh phải lưu tâm nhiều hơn ñể ñi sâu vào nội tâm của mình và từ ñó có thể tập trung tư tưởng một cách dễ dàng hơn. Khi người Âu Mỹ ñến với Thiền qua các buổi diễn thuyết của ông Suzuki tại London, New York hay một vài ñịa phươhg

khác tại Âu Châu; người Âu Mỹ bây giờ có một cái nhìn mới về Phật Giáo đại Thừa qua việc thực tập thiền nầy, tương ñối với thiền Tiểu Thừa Vipassana, vốn lâu nay họ ñã hành trì. Thiền Vipassana dựa theo An Bang Thủ Ý Kinh, là thiền quán niệm hơi thở. đây là căn bản ñể thực tập Thiền nầy ñi sâu vào trong chánh ñịnh. Nhưng căn bản của Tiểu Thừa là chỉ có người xuất gia mới chứng nhập quả vị A La Hán; còn người tại gia dầu cho có thực tập thiền ở mức nào ñi chăng nữa thì ñiểm cao nhất mà họ ñạt ñược chỉ ở quả Dự Lưu mà thôi. Mục ñích họ làm phước, bố thí trong ñời nầy chỉ ñể cho kiếp sau ñược sanh Thiên, sống ñời giàu có hơn và ñược làm chư Thiên hay loài người ñẹp ñẽ hơn ñể hưởng phước lạc, do cái nhân ở kiếp trước mình ñã trồng. Trong khi ñó đại Thừa thì khác hẳn. đại Thừa là con ñường Bồ Tát ñể ñi ñến Phật quả. Quả vị Bồ Tát và ngay cả quả vị Phật ñối với đại Thừa không có phân biệt là Cư sĩ hay Tăng sĩ.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 319

Từ ñây có một lối nhận ñịnh mới với người Phật Tử Âu Mỹ, vốn họ là những người ñang lãnh ñạo Hội Phật Giáo; hoặc tự tu cho cá nhân mình có cái nhìn khác hơn. Do vậy kể từ ñầu thế kỷ thứ 20 trở ñi, người Âu Mỹ ñã bắt ñầu thực tập Thiền Nhật Bản và một ít Thiền Trung Hoa và sau nầy thì còn Thiền đại Hàn và Việt Nam nữa. Từ năm 1959 trở về sau nầy, khi mà có sự hiện diện của đức đạt Lai Lạt Ma thứ 14 tại Ấn độ và rồi những sách vở bằng tiếng Anh về Kim Cang Thừa xuất hiện và nhất là những năm sau nầy khi đức đạt Lai Lạt Ma trực tiếp ñi diễn giảng tại Âu Châu, Mỹ Châu, Úc Châu và Á Châu thì phong trào học Phật lại còn cao hơn nữa. Cao nhất vẫn là Trung Quán, Bồ đề Tâm, Tánh Không. Thế nhưng một số các bậc Kỳ Lão của Phật Giáo Việt Nam và ngay cả Phật Giáo đài Loan (ví dụ như Ngài Ấn Thuận) vẫn không tin tưởng vào Mật Tông mấy, nhất là phái mũ ñỏ. Phái nầy như chương về Phật Giáo Tây Tạng chúng ta ñã thấy, thuộc phái Cổ Mật do Ngài Liên Hoa Sanh truyền vào, sau ñó Ngài Atisa (A đề Sa) tiếp tục; nhưng giữa hai phái nầy ñối chọi nhau qua tư tưởng của Trung Quán và tư tưởng của Du Già Sư địa Luận. Việc nầy ñã xảy ra từ thế kỷ thứ 11 ñến thế kỷ thứ 15 tại Tây Tạng; khiến cho cách hành trì của phái mũ ñỏ nầy ñi vào chỗ mê tín, cầu ñảo và ñiều huyền bí khó hiểu hơn là Vô Thượng Du Già ñã ñưa ñến chỗ thật bí hiểm giữa sự giao cấu nam nữ với nhau, tạo ra những khoái cảm về dục lạc, thay vì chứng ñạo giải thoát và thoát ly sanh tử luân hồi (quan ñiểm nầy có Ngài Ấn Thuận và Ngài Tịnh Hạnh không ñồng ý). Nhưng ñến thế kỷ thứ 15 Ngài Tông Khách Ba xuất hiện tại Tây Tạng và Ngài ñã tổng hợp hai khuynh hướng Trung Quán của Ngài Long Thọ, Du Già

320 Phật Giáo thời kỳ ñầu của người Âu Mỹ

Sư địa Luận của Ngài Atisa ñể trở thành chỗ kết hợp phần cao thâm nhất của 2 phái nầy và loại trừ những mê tín, dị ñoan của Vô Thượng Du Già ñể Ngài Tông Khách Ba trở thành vị Tổ Sư của phái Mũ Vàng và đức đạt Lai Lạt Ma thứ 14 thuộc về truyền thống giữ giới nầy. Ngoài ra Ngài Ban Thiền Lạt Ma thứ 10, ñang ở bênTrung Hoa cũng thuộc hàng ñệ tử nối pháp của Ngài Tông Khách Ba. Phật Giáo Tây Tạng còn phái mũ trắng cũng xuất hiện cùng thời với phái mũ vàng nữa. Chỉ còn phái mũ ñen; tức là đạo Bon, vốn là tín ngưỡng nhân gian của Tây Tạng thờ thần, thì phái nầy vẫn còn tồn tại. Khi nghiên cứu về Phật Giáo mỗi nước, chúng ta cố gắng thận trọng vấn ñề nầy. Ví dụ

như Phật Giáo Việt Nam có các phái Cổ Sơn Môn và Ông Lục; họ vẫn có gia ñình vợ con và ăn mặn v.v... không sống ñời sống tịnh hạnh như những vị theo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Như vậy không có nghĩa là chúng ta loại bỏ giáo hội truyền thống nầy khi thấy Giáo hội Cổ Sơn Môn có gia ñình. Ở ñây đức đạt Lai Lạt Ma cũng vậy; chính bản thân chúng tôi ñã có nhiều lần tiếp xúc và học ñạo với Ngài tại Hannover, Hamburg, Frankfurt, Schnever- dingen v.v... khi nào Ngài cũng lấy những kinh ñiển của Ngài Nagarjuna (Long Thọ), Tông Khách Ba; ñôi khi có những tác phẩm của Ngài Atisa ra hướng dẫn người Âu Mỹ trong ñó có cả người Việt Nam nữa. Bây giờ thì sách vở viết và dịch về Phật Giáo Tây Tạng quá nhiều; người ta có thể lên NET hay ra tiệm sách ñể tìm xem. điều quan trọng là chúng ta học ñược gì nơi lòng từ bi và trí tuệ của chính Ngài ñã truyền dạy mới là ñiều quan trọng, chứ không phải chỉ là hình tướng

ở bề ngoài. Ví dụ như một hôm có một ký giả hỏi Ngài rằng: Thưa Ngài: Thế nào là hạnh phúc ? Hạnh phúc hả! đó là ñiều mà bạn phải tìm bên trong bởi chính bạn; chứ nó không có ở bên ngoài. điều nầy người ta không thể ñi mua ngoài siêu thị ñược. Rõ ràng ñây là tinh thần Phật Giáo qua sự thực tập Thiền định bởi chính Ngài. Theo truyền thuyết và truyền thống, Ngài là hóa thân của Bồ Tát Quan Thế Âm; nhưng với Ngài, chuyện ấy không quan trọng. Quan trọng là vấn ñề làm sao tiêu thụ ñược lời Phật dạy ñể chuyển hóa nội tâm của mỗi người; ấy mới là ñiều quan trọng. Vào năm 2007 tại Hamburg có một đại Hội chư Tăng Ni và những truyền thống luật tạng có sẵn ñể bàn về vấn ñề: “Có hay không nên cho chư Ni Tây Tạng thọ giới Tỳ Kheo Ni”. đại Hội ñược tổ chức tại đại Học Hamburg. Hôm ñó chính chúng tôi cũng ñã tham dự. Ngôn ngữ chính ñược dùng trong đại Hội nầy là tiếng Anh và tiếng đức. đại Hội cũng tán ñồng là nên như vậy. Vì có nhiều người nữ Tây Phương khi xuất gia theo truyền thống Tây Tạng; nhưng họ không ñược thọ giới Tỳ Kheo Ni; nên họ phải qua truyền thống Việt Nam hay đại Hàn hoặc đài Loan ñể thọ giới; do vậy có nhiều khó khăn khi ñộ cho người nữ Tây Phương ñi xuất gia và thọ giới. Khi nghe những sự khó khăn và ñiều có thể ấy rồi, Ngài gãi ñầu và nói rằng: “Phải chi có đức Phật ở ñây thì ñỡ biết mấy”. Câu nói nầy khẳng ñịnh một ñiều, chính Ngài là vị Pháp Vương của Phật Giáo Tây Tạng; nhưng Ngài vẫn không tự sửa ñổi giới luật ñược; ngoại trừ đức Phật và

phải có sự ñồng thuận của Hội đồng Tăng Già Trưởng Lão của Tây Tạng. Vào buổi ăn trưa cùng ngày của năm 2007 ấy tôi ñược ngồi chung cùng bàn với đức đạt Lai Lạt Ma, vị Bộ Trưởng Bộ Ngoại Giao Tây Tạng, một vài chánh khách đức và Thượng Tọa Thích Quảng Ba, tôi có hỏi thăm Ngài rằng: Tại sao Tây Tạng lại không cho người nữ xuất gia ? Ngài bảo rằng: Từ xưa ñến nay Tây Tạng chưa có truyền thống truyền giới cho Tỳ Kheo Ni. Do vậy Ngài cũng không thể làm gì khác hơn ñược. Theo tôi nghĩ: Có lẽ ñây là một đại Hội Thế Giới ñể tìm cách ñồng thuận của chư Tăng, Ni ngoại quốc và ñây cũng là cái nhân tố ñể đức đạt Lai Lạt Ma truyền lại cho Hội đồng Tăng Già Tây Tạng biết rằng ñã có bao nhiêu truyền thống ñồng thuận cho tinh thần thọ giới của Tỳ Kheo Ni

theo Tứ Phần Luật vốn ñã có từ lâu ñời tại các nước Á Châu. Mãi từ năm ấy ñến nay ñã trải qua 4 năm hơn rồi; nhưng chúng ta vẫn chưa thấy ñược một dấu hiệu nào tích cực cho vấn ñề truyền thọ Tỳ Kheo Ni giới cho Tây Tạng. Hy vọng sẽ có một ngày Tây Tạng sẽ tiếp nối con ñường luật tạng theo truyền thống của những nước đại Thừa ñã ñi trước như: Trung Hoa, đại Hàn và Việt Nam. Từ năm 1954 ñến năm 1975, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (trước năm 1963 là Tổng Hội) ñã gởi một số chư Tăng Ni ra ngoại quốc du học gồm các nước sau ñây: Tại Ấn độ có những vị ñã tốt nghiệp Tiến Sĩ như: Hòa Thượng Thích Minh Châu, Cố Hòa Thượng Thích Huyền Vi, Cố Hòa Thượng Thích Trí Chơn, Cố Hòa

Thượng Thích Thiện Thanh, Hòa Thượng Thích Pháp Nhẫn, Cố Hòa Thượng Thích Thiện Châu, Thầy Huyền Diệu v.v... Ở ñây chúng tôi không ñề cập về tư tưởng hay chính kiến khác của những vị nầy, mà chúng tôi chỉ muốn ghi lại những dữ kiện có tính cách lịch sử về công ñức truyền bá Phật Pháp cho người Việt cũng như người ngoại quốc, sau khi ñã tốt nghiệp thành tài mà thôi.

- Hòa Thượng Thích Minh Châu năm nay (2011) ñã ngoài 90 tuổi. Ngài có công rất lớn trong việc phiên dịch Tam Tạng Thánh điển tiếng Pali sang tiếng Việt. Năm 1964 khi Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất thành lập đại Học Vạn Hạnh tại ñường Trương Minh Giảng Sàigòn thì Hòa Thượng ñược Giáo Hội và chính quyền miền Nam Việt Nam thuở ấy bầu làm Viện Trưởng Viện đại Học Vạn Hạnh. đại Học nầy ñã cho ra trường nhiều ngàn sinh viên gồm nhiều phân khoa như: Phật khoa, Giáo dục, Nhân văn, Kinh tế v.v... Cho ñến năm 1975 thì ñóng cửa. Sau nầy Viện Nghiên Cứu Phật Học Vạn Hạnh hay Học Viện Phật Giáo Việt Nam tại Sàigòn là hậu thân của đại Học Vạn Hạnh ngày xưa. Tuy Hòa Thượng không có công nhiều trong việc truyền bá tư tưởng Phật Giáo Việt Nam ra ngoại quốc; nhưng học trò, ñệ tử của Ngài ñược ñào tạo tại đại Học Vạn Hạnh ngày trước, bây giờ họ có mặt khắp năm châu. Do vậy tư tưởng của Ngài cũng ñã gián tiếp giúp cho người Âu Mỹ biết ít nhiều về Phật Giáo Việt Nam.

- Cố Hòa Thượng Thích Huyền Vi sau khi tốt nghiệp Tiến Sĩ tại Ấn độ, Ngài về nước năm 1968, có dạy

tại đại Học Vạn Hạnh và năm 1975 Ngài sang Pháp, sáng lập và trụ trì Chùa Linh Sơn tại Paris và sau nầy Ngài trở thành Tăng Thống của Giáo Hội Phật Giáo Linh Sơn trên thế giới. Giáo Hội nầy có rất nhiều cơ sở trên thế giới (hơn 50 chùa viện và 100 Tăng Ni) và có một số vị ñang trực hay gián tiếp mang Phật Giáo Việt Nam ñến cho người Mỹ, người Pháp v.v... Năm 2010 Học Viện Huyền Vi ñược thành lập tại Paris, Pháp quốc; Hòa Thượng Thích Tịnh Hạnh ñương kim Viện Trưởng Viện đại Học nầy. đây là nơi ñào tạo và giao lưu văn hóa Phật Giáo đông Tây, nhằm giới thiệu cho người Tây Phương biết về Phật Giáo đông Phương. Cố Hòa Thượng Thích Huyền Vi ñã thuyết giảng và sáng tác rất nhiều sách vở rất có giá trị (xin vào trang nhà quangduc.com ñể tham khảo) Ngài là vị đại Pháp Sư của Việt Nam của thế kỷ thứ 20. Chi nhánh của Linh

Sơn cũng có mặt tại Phi Châu; ngoài Mỹ Châu, Âu Châu, Úc Châu và Á Châu. đây là kết quả một ñời hoằng pháp của Cố Hòa Thượng. Tuy khi còn sanh tiền Ngài không chủ trương tu theo pháp môn nào rõ nét; nhưng con ñường Thiền Tịnh song tu và căn cứ vào giáo lý cả đại lẫn Tiểu Thừa ñể tấn tu ñạo nghiệp.

- Cố Hòa Thượng Thích Trí Chơn là một vị đại Sư ñặc biệt. Sau khi tốt nghiệp Tiến Sĩ tại Ấn độ, Ngài không về nước mà qua lời mời của Cố Hòa Thượng Thích Thiện Ân, Ngài sang Hoa Kỳ từ thập niên 80. Từ ñó cho ñến ngày viên tịch, Ngài ñi chu du khắp Hoa Kỳ và các nơi trên thế giới ñể hoằng pháp lợi sanh. Những ñặc ñiểm ñáng lưu ý của Ngài là Ngài không chủ trương lập Chùa, không nhận ñệ tử xuất gia ñể có thời giờ rảnh rỗi

lo phiên dịch và trước tác. Những dịch phẩm của Ngài từ tiếng Anh ra tiếng Việt rất có giá trị. Không những chỉ ở ngoại quốc, mà trước khi ñi du học Ấn độ, Ngài cũng ñã dịch và viết trên tập san Liên Hoa tại Huế nhiều bài vở về Phật Giáo rất quý giá. Ngài không chủ trương tu theo pháp môn nào; nhưng cuối ñời Ngài vẫn khuyên Phật Tử niệm Phật ñể cầu vãng sanh. Ngài ñã viên tịch; nhưng những kinh sách và những biên khảo, dịch thuật của Ngài bao giờ cũng là kim chỉ Nam cho những người muốn nghiên cứu về Phật Pháp bằng ngoại ngữ Anh-Việt.

- Cố Hòa Thượng Thích Thiện Thanh sau khi tốt nghiệp Tiến Sĩ tại Ấn độ, Ngài cũng ñến thẳng Hoa Kỳ. Sáng lập Chùa Phật Tổ tại Long Beach, California. đời Ngài trụ thế tuy ngắn ngủi; nhưng Ngài cũng ñã soạn dịch ñược bộ "Kinh Tụng Hằng Ngày" hoàn toàn bằng tiếng Việt, là một trong những vị đại Sư chủ trương Việt hóa những kinh ñiển, mà lâu nay Giáo Hội ở trong cũng như ngoài nước chưa hoàn thành.

- Cố Hòa Thượng Thích Thiện Châu sau khi tốt nghiệp Tiến Sĩ tại Ấn độ và Anh quốc, Ngài sang Paris, Pháp quốc ñể hành ñạo và sáng lập Chùa Trúc Lâm tại ngoại ô Paris từ những năm 1978, Ngài có dạy học tại đại Học Sorbonne và có một số sáng tác biên khảo bằng tiếng Anh và tiếng Pháp có giá trị. Tuy Ngài không có ñệ tử xuất gia nào nổi bật; nhưng những công việc giảng dạy và biên khảo của Ngài cũng ñã giúp cho những người Pháp hiểu ít nhiều về tư tưởng Phật Giáo Việt Nam.

Riêng đài Loan trước năm 1975 chỉ có 3 vị Hòa Thượng du học tại ñó. đó là Hòa Thượng Thích đức Niệm, Hòa Thượng Thích Chánh Lạc và Hòa Thượng Thích Tịnh Hạnh. Tất cả 3 vị nầy ñều ñỗ Tiến Sĩ; một vị ñã viên tịch; một vị ñang ở Hoa Kỳ và một vị ñang ở đài Loan và ở Pháp.

- Cố Hòa Thượng Thích đức Niệm có công rất lớn trong việc in ấn lại những sách vở Phật học Việt Nam ñã ñược xuất bản trước năm 1975 và một số sáng tác mới ñược biên soạn tại ngoại quốc sau nầy. Phật Học Viện Quốc Tế nằm ở vùng North Hills California là nơi ñã xuất bản những kinh sách giá trị trong suốt 3 thập niên như vậy. Ngoài ra Cố Hòa Thượng cũng ñã biên tập, hiệu ñính, dịch giải rất nhiều kinh sách từ chữ Hán sang tiếng Việt hoặc ngược lại. Tuy tư tưởng của Ngài, người Âu Mỹ chưa trực tiếp nhận

ñược lợi lạc mấy; nhưng những thế hệ kế thừa sẽ diễn dịch và tiếp thụ những lời giáo huấn của Ngài và sẽ làm lợi lạc cho những thế hệ trẻ trong tương lai.

- Hòa Thượng Thích Tịnh Hạnh trong hiện tại Ngài là ñương kim Tăng Thống của Giáo Hội Phật Giáo Linh Sơn trên thế giới, kế vị Cố Hòa Thượng Thích Huyền Vi. Sau khi tốt nghiệp Tiến Sĩ tại đài Loan, Ngài không về lại quê hương hay ñi các nước khác, mà vẫn ở lại đài Loan ñể kiến lập đạo tràng Linh Sơn tại đài Bắc ñể tiếp Tăng ñộ Chúng. đệ tử của Ngài ña phần là người đài Loan. Nay Ngài là Viện Trưởng Học Viện Phật Giáo Huyền Vi tại Paris, Pháp quốc. Học viện nầy tương ñương với

một đại Học; nơi dạy dỗ và huấn luyện cho những người Pháp và ngoại quốc muốn tìm hiểu về Phật Giáo. Hòa Thượng Thích Tịnh Hạnh là người có công lớn nhất trong việc chủ trương phiên dịch, in ấn bộ đại Tạng Kinh Việt Nam. đây là lần ñầu tiên trong lịchh sử Việt Nam, kể từ thời lập quốc ñến nay chưa có triều ñại nào hay cá nhân nào thực hiện ñược việc ấy. Nay có Hòa Thượng Thích Tịnh Hạnh thực hiện ñược việc nầy, quả là công ñức bất khả tư nghì. Những vị du học tại Hoa Kỳ trước năm 1975 như Cố Hòa Thượng Thích Thuyền Ấn, Pháp Sư Thích Giác đức, Giáo Sư Trí Siêu Lê Mạnh Thát, Cố Ni Trưởng Thích Nữ Trí Hải, Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh, Hòa Thượng Thích Tịnh Từ v.v... ñã ñương và sẽ có nhiều vị ñược ñề cập ñến. Riêng Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh ñóng một vai trò ñặc biệt với những người Phật Tử Âu Mỹ hiện nay; cho nên chúng tôi chỉ xin tóm tắt một vài ñiều qua cái nhìn phiến diện của mình. Nếu quý vị nào muốn tìm hiểu thêm về Ngài thì nên vào trong langmai.com ñể rõ hơn.

- Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh tốt nghiệp Cao Học đại Học Wisconsin Hoa Kỳ từ năm 1966 và sau ñó ñược Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất trong nước cử Ngài làm đại diện cho Giáo Hội tham gia những cuộc Hội Nghị và thuyết trình ở những tổ chức tại ngoại quốc về ñường lối của Giáo Hội ñối với ñất nước. Ngài chủ trương thành lập đại Học Vạn Hạnh và Trường Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội ở trong nước. Tổ chức nầy ña gây ñược tiếng vang một thời trong nước trong quần chúng; nhưng chính quyền miền Nam thuở ấy không ưa

chuộng mấy. Vì tư tưởng cũng như mục ñích của tổ chức xã hội hóa bằng tư tưởng Phật Giáo; cho nên những người lãnh ñạo khác tôn giáo và khác chánh kiến họ không thích mấy. Trong khi ở ngoại quốc Ngài chủ trương phong trào tiếp hiện và chế ra 14 giới căn bản cho những người vừa như xuất gia, vừa như cư sĩ nầy. đây là cái nhân ñể chư Tôn đức Việt Nam vốn theo khuynh hướng đạo Phật truyền thống khó chấp nhận. Nếu người ta theo dõi tư tưởng của Ngài thì thấy rằng ban ñầu Ngài không muốn ñộ cho người xuất gia; nhưng mãi ñến những năm 1989, 1990 phong trào tiếp hiện nầy vẫn không thành công mấy ở tại ngoại quốc; cho nên Ngài ña nhận người xuất gia ñể nối dõi việc Tông Môn và truyền thừa. Sư Cô Chơn Không Cao Ngọc Phượng là người ñầu tiên ñược Ngài cho xuống tóc tại núi Linh Thứu từ năm 1988. Sau ñó Ngài mới tiếp tục nhận những ñệ tử Âu Mỹ xuất gia. Cho ñến nay sau hơn 20 năm thâu nhận ñệ tử xuất

gia, Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh có hơn 1.000 người như vậy. Còn ệ tử tại gia và giới Tiếp Hiện thì vô số. Ngài ã viết, dịch, chú giải nhiều kinh sách cho ến nay (2011) trên 100 ầu sách và sách của Ngài ược dịch ra nhiều ngôn ngữ khác nhau. Do vậy người ngoại quốc rất gần gũi với tư tưởng của Ngài. Ngôn từ bình dị, dễ hiểu và dễ thực tập; nhất là lối thiền quán niệm hơi thở của Ngài chủ trương. Lợi thế của Ngài là giỏi tiếng Anh, tiếng Pháp và dĩ nhiên rất thành thạo tiếng Việt và chữ Hán. Do vậy mà những thế hệ thanh niên nam nữ Việt Nam trước 1975 ở trong nước ảnh hưởng cũng không phải là ít. Ngày nay tại ngoại quốc thì khác, có lẽ Ngài chú tâm hướng dẫn Thiền cho người ngoại quốc

nhiều hơn; nên ảnh hưởng của Ngài ối với hơn 2 triệu người Việt Nam tại ngoại quốc không nhiều bằng thuở xưa. Ngài lập phái, lập tông riêng, gần như là một Tổ Sư Thiền; loại mới, không giống với Thiền Nguyên Thủy và Thiền đại Thừa ể hợp với căn cơ của người Tây Phương. Do vậy phái Thiền nầy ít có liên hệ với những tông phái khác của Phật Giáo Việt Nam hiện có mặt khắp nơi trên thế giới. Ai chấp nhận lối tu của Ngài thì vào tu học ể trở thành học trò, ệ tử. Ngoài ra Ngài không chủ trương liên kết với những tổ chức Phật Giáo khác, ngay cả tổ chức của người Âu Mỹ. Xấu, tốt, ún, sai của một ời người thật là quá ngắn ngủi ể luận bàn. Khi nào nắp quan tài ậy lại và cả hằng trăm, hàng ngàn năm sau nữa, nếu pháp môn ấy còn tồn tại trên thế gian nầy; tức là pháp môn ấy có nhiều người theo; có kẻ nối truyền và là giềng mối cho tông phong, tổ chức. Bằng ngược lại, phong trào ấy chỉ nổi lên một thời, rồi qua thị hiếu của con người ược áp ứng, có rất nhiều người theo và sau nầy nếu người sáng lập khuất bóng, tư tưởng ấy quần chúng không theo và không còn tồn tại với ời, thì nó cũng chỉ là một phong trào học Phật ở trong một thời gian nhất ịnh nào nó mà thôi. Lịch sử ã chứng minh iều ó. Từ Ấn độ qua Trung Hoa; từ Tây Tạng qua Nhật Bản rồi Việt Nam, đại Hàn v.v... có không biết bao nhiêu triều ại lẫy lừng lấy Phật Giáo làm Quốc Giáo. đã có không biết bao nhiêu vị Tổ Sư khai sáng tông môn muốn làm hiển hách cho Tông Phái của mình; nhưng thời gian trôi qua, một số ã trở về quên lãng, ngay như những Tông Thiền nổi tiếng ở

Trung Hoa hay Việt Nam cũng vậy. Dĩ nhiên, mỗi một vị Bồ Tát, một vị Tổ Sư ni vào ời cũng chỉ có một nhiệm vụ nhất ịnh ở vào một thời iểm nào ó mà thôi. Khi thế sự thăng trầm, lòng người thay ổi, quốc ộ chẳng bền, nhân tâm thế sự nhiễu nhương v.v... thì các pháp cũng ều phải bị chi phối bởi vô thường, khổ, không và vô ngã cũng như sự thành, trụ, hoại, không bởi sự biến thiên của lịch sử và nhân thế. Cho hay việc nầy đức Phật ã tiên liệu từ lâu rồi. Nhưng phải công tâm mà nói rằng Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh là người có công to lớn nhất ã em tư tưởng Thiền của Phật Giáo Việt Nam ến với người Âu Mỹ. Ngài chỉ sắp hàng theo thứ tự của những nhà lãnh ạo tinh thần trên thế giới và ứng sau đức ạt Lai Lạt Ma mà thôi. Như thế trước và sau năm 1975, Thiền Việt Nam qua Thiền Sư Thích Nhất Hạnh ã thu hút hằng ngàn, hằng vạn người ngoại quốc tham gia tu học và xiển dương pháp môn nầy là một dấu ấn khó

quên ñối với những người Phật Tử Việt Nam tu theo pháp môn khác, nhìn về Làng Mai tại Pháp vậy. Sau ñây chúng tôi xin giới thiệu một số chư Tôn đức Tăng Ni ñã du học Nhật Bản từ năm 1954 ñến 1975, ñã và ñương ñóng góp cho Phật Giáo tại ngoại quốc từ xưa ñến nay có liên hệ trực hoặc gián tiếp với người Âu Mỹ ñể quý vị lãm tường. Dĩ nhiên có một số vị chúng tôi không giới thiệu nhiều, vì vấn ñề của thời cuộc và những vị không ñược ñề cập ñến trong sách nầy vì lẽ chúng tôi không ñược biết ñến lai lịch của những vị ñó; hoặc giả còn thời gian ñể lại giới thiệu sau v.v... Kính mong chư Tôn đức và quý vị hoan hỷ cho ñiều nầy.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 331

Những vị ñi du học tại Nhật Bản ña phần ñã tốt nghiệp Tú tài 2 tại Việt Nam hoặc Cử nhân Phật học. Sở dĩ những người Tăng Sĩ Việt Nam chọn ñi Nhật; vì lẽ Nhật là một quốc gia Phật Giáo nằm tại Á Châu và ñặc biệt có nhiều ñại học Phật Giáo. Hầu như mỗi Tông Phái ñều có từ 1 ñến 7 trường đại Học; ñó là chưa kể những trường Trung Học, Tiểu Học và nhà trẻ. Nền giáo dục tại Nhật Bản nói chung và giáo dục Phật Giáo nói riêng phải nói là tuyệt vời nhất. đa phần chư Tăng Nhật Bản ñều phải tốt nghiệp đại Học của Tông Phái họ rồi mới ra Trụ Trì. Có những vị nghiên cứu tiếp lên Cao Học hoặc Tiến Sĩ. Họ nói ngoại ngữ tương ñối không nhanh nhẹn như người Việt Nam; nhưng những ñề tài nghiên cứu của họ bằng tiếng Anh, tiếng Pháp hay tiếng đức v.v... làm cho các học giả trên thế giới phải cúi ñầu trước họ. Lâu nay chúng ta hay thấy ñược rằng cứ mỗi năm vào ngày 10 tháng 12, ngày Kỷ niệm bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền thì Hoàng gia Thụy điển ñều phát những giải thưởng Nobel về vật lý, y khoa, hóa học, khoa học, hòa bình v.v... ña phần là người Âu Mỹ Úc; chứ ít thấy người Phi Châu hay Á Châu. Nếu có cũng rất hiếm. Vì lẽ các chính phủ Âu Mỹ có ngân khoản rất lớn ñể tài trợ cho những người chuyên nghiên cứu về những lãnh vực trên. Còn các nước Á Châu chúng ta tương ñối còn nghèo; cho nên những nhân tài nổi tiếng như thế rất hiếm. Riêng ngành Phật Học và Tôn Giáo học tại Nhật rất có giá trị. Do vậy chư Tăng Ni Việt Nam, đại Hàn, đài Loan, Trung Quốc ñều chọn Nhật Bản ñể ñến tu học và nghiên cứu là vậy.

332 Phật Giáo thời kỳ ñầu của người Âu Mỹ

Tuần tự theo thời gian năm tháng từ 1954 ñến 1975 có chư vị Hòa Thượng, Thượng Tọa, đại đức, Ni Sư ñến du học tại Nhật như sau: đầu tiên ñại diện cho 3 miền có Cố Hòa Thượng Thích Tâm Giác (Bắc), Cố Hòa Thượng Thích Thiên Ân (Trung), Thượng Tọa Thích Quang Minh (Nam). Kế tục theo ñó có các: Cố Hòa Thượng Thích Thanh Kiểm, Cố Hòa Thượng Thích Mãn Giác, Cố Hòa Thượng Thích Thiền định, rồi Hòa Thượng Thích Trí Tâm, Hòa Thượng Thích Trí Quảng, Hòa Thượng Thích Minh Tâm, Cố Hòa Thượng Thích Minh Lễ, Hòa Thượng Thích Minh Tuyền, Cố Hòa Thượng Thích Trí Hiền, Hòa Thượng Thích Trí đức, Thượng Tọa Thích Chơn Minh, Hòa Thượng Thích Chơn Thành, Hòa Thượng Thích Nguyên đạt, Hòa Thượng Thích Như điển, Cố Thượng Tọa Thích An Thiên, Hòa Thượng Thích Bảo Lạc, Thượng Tọa Thích Minh Tuấn, Cố Ni Trưởng Thích Nữ Như Chính, Ni Trưởng Mạn đà La. Ngoài ra cũng có một số quý vị không còn tiếp tục tu nữa như: Giáo sư Nguyên Hồng, Giáo sư Long Nguyệt, Giáo sư

Lâm Như Tạng, Thầy Giác Thiện v.v... Kể ra trước năm 1975 chư Tăng Ni ñi du học ở Nhật nhiều nhất so với các nước khác như Ấn độ, Tích Lan, Hoa Kỳ và đài Loan. đây là nhân tố lúc ban ñầu của Giáo Hội. Sau năm 1975 tuy Giáo Hội gặp rất nhiều khó khăn trên mọi lãnh vực; nhưng số Tăng Ni ra ngoại quốc du học rất nhiều; sau khi thành tài, cũng như lớp ñi trước của chúng tôi, họ có người ở lại ngoại quốc và có nhiều vị trở lại Việt Nam ñể làm việc cho Giáo Hội.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 333

Cố Hòa Thượng Thích Tâm Giác sau khi tốt nghiệp Cao Học Phật Giáo tại Nhật, Ngài về lại Việt Nam làm Giám đốc Nha Tuyên Úy Phật Giáo từ năm 1963 và sáng lập Trung Tâm Nhu đạo Quang Trung cũng như khai sơn Chùa Vĩnh Nghiêm tại Sàigòn. Năm 1973 Ngài ñã viên tịch tại Việt Nam; nhưng những môn sinh Nhu đạo tại Quang Trung thuở ấy với Ngài, bây giờ vẫn còn nhiều người ñang mở trường dạy Nhu đạo cho người Việt Nam và người ngoại quốc ở các quốc gia Âu Mỹ không phải là ít.

Riêng Cố Hòa Thượng Thích Thiên Ân là một vị Thầy rất ñặc biệt. Vì ñây là vị Tăng Sĩ Việt Nam ñầu tiên tốt nghiệp Tiến Sĩ tại đại Học Waseda, Tokyo vào năm 1964 Ngài ñã về nước. Ngài ñã dạy Thiền và Phật học tại đại Học Vạn Hạnh Sàigòn cho ñến năm 1966. Kể từ năm ñầy trở ñi, Ngài làm thỉnh giảng viên của các đại Học tại Hoa Kỳ. Những năm tháng ñầu tiên Ngài ñến Hoa Kỳ dạy Thiền Học cho người Mỹ. Mãi cho ñến bây giờ vẫn còn những người Tăng sĩ Tây Phương xuất gia thọ giới với Ngài theo truyền thống Phật Giáo Việt Nam. đó là Hòa Thượng Bodhi, Hòa Thượng Ân Từ, Ni Sư Karuna v.v... đây là những người Mỹ có văn bằng Tiến Sĩ, ñã xuất gia và thọ giới với Cố Hòa Thượng Thích Thiên Ân từ những năm ñầu khi Ngài ñến Hoa Kỳ. Có thể nói rằng Cố Hòa Thượng Thích Thiên Ân là người ñầu tiên khai sơn Chùa Việt Nam tại Los Angeles và các chùa khác tại Hoa Kỳ kể từ năm 1975. đến năm 1976 Ngài thành lập Viện đại Học đông Phương (Oriental University) tại Los Angeles và Thiền Viện Quốc Tế. Học trò, ñệ tử của Ngài ña phần là người Hoa Kỳ. Bây giờ mỗi lần ñi hội nghị hay tham dự

334 Phật Giáo thời kỳ ñầu của người Âu Mỹ

diễn thuyết ở nơi nào trên thế giới, những Hòa Thượng Bodhi hay Ni Sư Karuna ñều không ngại ngùng gì với thính chúng và tự giới thiệu mình là ñệ tử của Cố Hòa Thượng Thích Thiên Ân và tu tập theo truyền thống Phật Giáo Việt Nam. Cố Hòa Thượng Thích Thiên Ân ñã viên tịch tại Hoa Kỳ vào năm 1979 ở tuổi ñời chưa tới 60 là một mất mát rất to lớn ñối với người Phật Tử Việt Nam cũng như người Hoa Kỳ. Hòa Thượng cũng ñã ñể lại một số tác phẩm bằng Anh ngữ như Zen and Buddhism in Vietnam, Japanese Zen v.v... Ngài là một trong những học giả có tên trong tự ñiển danh nhân thế giới.

Cố Hòa Thượng Thích Mãn Giác tức nhà thơ Huyền Không. Ngài trước năm 1975 ñã làm Khoa Trưởng Phân Khoa Phật Học Viện đại Học Vạn Hạnh Sàigòn, sau ñó năm 1978 Ngài tỵ nạn sang Pháp và cuối cùng ñến Hoa Kỳ ñể cộng tác với cố Hòa Thượng Thích Thiên Ân và làm Phó Viện Trưởng Viện đại Học đông Phương tại Los Angeles, California Hoa Kỳ. Ngài là một nhà văn, nhà thơ, dịch giả rất nổi tiếng bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau như: Nhật ngữ, Anh ngữ, Hán văn và Việt ngữ. Thơ văn và sách vở của

Ngài vẫn còn ñó. Hậu thế có cơ hội ñể tham khảo và tưởng niệm về một bậc Thầy vừa là Tăng nhân vừa là thi sĩ nổi tiếng một thời trên thế gian nầy.

Cố Hòa Thượng Thích Thiền định sau khi tốt nghiệp Cao Học Phật Giáo tại Nhật, Ngài về lại Việt Nam năm 1969, dạy ở đại Học Vạn Hạnh và đại Học Cần Thơ.

đến năm 1975 Ngài tỵ nạn sang Pháp, sáng lập Chùa Pháp Hoa tại Marseille từ năm 1976. Sau khi Ngài viên tịch, vì không có ñệ tử Tăng xuất gia, cho nên chùa của Ngài sáng lập ñã trao quyền cho ñệ tử Ni. Tuy Ngài không có ñể lại tác phẩm nào nổi tiếng; nhưng cuộc ñời và sự nghiệp hoằng pháp của Ngài tại Pháp, Âu Châu và Mỹ Châu là một tấm gương sáng ñể cho hậu thế noi chung.

Hòa Thượng Thích Trí Quảng sau khi tốt nghiệp Cao Học tại Nhật, Ngài về lại Việt Nam năm 1973 và Ngài ở lại quê hương mãi cho ñến ngày hôm nay (2011). Trong hiện tại Hòa Thượng Thích Trí Quảng là Viện Trưởng Học Viện Phật Giáo Việt Nam tại Sàigòn và là người chủ trương lấy kinh Pháp Hoa làm tiêu ñề chính trong sự giáo hóa chúng sanh tại Việt Nam; giống như Ngài Nhật Liên ở Nhật Bản chủ trương vào thế kỷ thứ 13 tại Nhật.

Hòa Thượng Thích Minh Tâm là một trong những vị Thầy ñặc biệt. Vì lẽ suốt gần 45 năm xa quê hương Việt Nam, chưa một lần trở lại. Ngài là ñệ tử y chỉ của Cố Hòa Thượng ðệ Tứ Tăng Thống Thích Huyền Quang. Ngài sang du học tại Nhật vào năm 1968 ñến năm 1973, Ngài ñược Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất cử Ngài sang Pháp ñể thay thế cho Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh. Nhưng Tòa đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa lúc bấy giờ không cho Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh về lại Việt Nam; nên Hòa Thượng Thích Minh Tâm

ñã ra thành lập Niệm Phật đường Khánh Anh và tờ báo Khánh Anh từ năm 1974 tại Acceuil, Paris, Pháp quốc. Vào lễ vía Quan Thế Âm Bồ Tát 19.2.1979 Chùa Khánh Anh ñã chính thức dời về Bagneux và ñến ngày 18.5.1995 thì làm lễ ñặt viên ñá ñầu tiên xây chùa Khánh Anh mới tại Evry. Cho ñến nay gần 20 năm xây dựng với kinh phí gần 20 triệu ñô-la Mỹ; nhưng vẫn chưa hoàn thành. đây là một công trình thế kỷ, là một công trình có một không hai của Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại ngày nay. Ngài là chiếc ñầu tàu của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Âu Châu ngay từ những buổi sơ khai và vẫn tiếp tục cho ñến ngày hôm nay. Tuy Ngài không có một sáng tác nào ñặc biệt; nhưng những quan ñiểm và tư tưởng của Ngài bàn bạc trên các số báo Khánh Anh, sau nầy các ñệ tử tập họp lại cũng sẽ trở thành những tác phẩm của Ngài. Bản thân chúng tôi ñã làm Tổng Thư Ký cho Ngài từ năm 1972 tại Nhật cho ñến nay (2011) ñúng 40 năm vẫn chưa một lần gián ñoạn. Ngài là một người rất kiên tâm trì chí và phải nói rằng: Nếu Âu Châu không có Ngài lãnh ñạo, thì Phật Giáo tại các quốc gia Âu Châu không có ñược như ngày hôm nay. Từ những hoạt ñộng năng nổ ñó, qua sự giới thiệu của Thượng Tọa Seelawansa, người Tích Lan, ñang dạy tại đại Học Wien, Áo quốc, giới thiệu Ngài với Hội đồng Tăng Già và Chính phủ Tích Lan nên ngày 8 tháng 7

năm 2011 vừa qua Ngài ñã nhận ñược phần thưởng danh dự cao quý nhất của quốc gia nầy ñã trao ñến Ngài, là người ñã có công mang ánh sáng Phật Pháp ñến cho người Âu Mỹ. đây là danh dự riêng của Ngài và là một niềm hãnh

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 337

diện chung cho tất cả Phật Tử Việt Nam của chúng ta ở trong cũng như ngoài nước.

Hòa Thượng Thích Bảo Lạc là bào huynh của chúng tôi, ñã du học tại Nhật từ năm 1974. đến năm 1980 sau khi tốt nghiệp tại đại Học Komazawa, Ngài sang Sydney, Úc đại Lợi ñể hành ñạo. Năm 1984 bắt ñầu xây dựng ngôi Tự viện Pháp Bảo tại Smithfield và ñến năm 2001 thành lập thêm Tu viện đa Bảo tại Capelltown (cũ) và Blue Mountains (mới). Song song với việc xây chùa, ñộ ñệ tử xuất gia và tại gia Ngài ñã sáng tác, dịch thuật, làm thơ, biên khảo cho ñến nay cũng gần 40 tác phẩm bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau. Ngoài ra Hòa Thượng cũng là người sáng lập báo Pháp Bảo từ năm 1981 ñến nay. đây là một trong những tờ báo Phật Giáo sống lâu nhất nhì tại hải ngoại nầy. Về tư tưởng và cách tu hành của Ngài, quý vị có thể tìm ñọc các sách vở của Ngài ñể hiểu biết tường tận hơn.

Hòa Thượng Thích Như điển, về cá nhân chúng tôi, thiết nghĩ không cần phải viết nhiều. Quý vị có thể xem sách hoặc ñọc trên Internet sẽ rõ; nhưng cũng có ñiều cần phải nói. Vì nếu bây giờ không viết, ngày sau những người sao chép lại, chưa hẳn ñã ñúng với ý của tác giả. Trong 60 tác phẩm mà tôi ñã sáng tác, dịch thuật, biên khảo từ năm 1974 ñến nay (2011) bằng nhiều ngôn ngữ như: Việt, Anh, Hán văn, Nhật, đức ngữ cũng như hằng trăm bài viết khác gồm ñoản văn, dịch thuật, tùy bút v.v... ñã ñăng trên báo Viên Giác hay các báo khác cũng là những tư tưởng chủ ñạo của chính

338 Phật Giáo thời kỳ ñầu của người Âu Mỹ

mình. Tư tưởng của tôi ñược tóm gọn trong một số pháp ngữ như sau: “Con nguyện mình là một dòng sông, chuyên chở những trong ñục của cuộc ñời và con xin nguyện mình làm mặt ñất ñể hứng chịu những sạch nhơ của nhân thế”. Hoặc: “Sự học nó không làm cho người ta giải thoát; nhưng muốn mở cánh cửa giải thoát kia không thể thiếu sự tu và sự học ñược”. Hay: “Ngày xưa các vị Thiền Sư ña phần tu trên núi, tối ñến không có ñèn; nhưng hào quang của họ sáng rực một phương trời sau khi ñã chứng ñạo. Còn bây giờ chúng ta tu học ña phần sự rực sáng ấy ñều nhờ ñèn ñiện; trong khi nhìn người tu nào cũng chưa ñược tự sáng như người xưa”. Sau nầy nếu tôi ñã ra ñi; xin nhắc lại một ñiều chính yếu qua những pháp môn mà tôi ñã hành trì ñể làm gương cho những người kế tục. Tôi không sáng lập ra một tông phái mới nào cả, mà tôi chỉ thực hành Phật Giáo truyền thống. Nghĩa là chư Tổ ñã sắp ñặt như thế nào; tôi vẫn theo như thế ñể hành trì theo Thiền Môn quy cũ; mỗi ngày 2 thời công phu sáng tối; nhất là thời Kinh Lăng Nghiêm vào mỗi sáng mai. Kể từ khi xuất gia năm 1964 ñến nay (2011) cũng gần 50 năm rồi, mỗi sáng tôi vẫn hành trì miên mật Thần Chú nầy. Ngoài ra lạy kinh văn mỗi chữ mỗi lạy như: Hồng Danh Sám Hối, Ngũ Bách Danh, Tam Thiên Phật Danh, Vạn Phật, Kinh Pháp Hoa, Kinh đại Bát Niết Bàn. Khi lạy mỗi chữ mỗi lạy như vậy, chúng ta có cơ hội ñể sám hối tự thân và tin sâu vào lời Phật dạy.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 339

Tôi tu theo Pháp môn Tịnh độ, niệm Phật A Di đà; ngoài tín, hạnh, nguyện ra tôi thực hành Pháp môn niệm Phật như Ngài Thân Loan dạy ñể cầu vãng sanh Tịnh độ sau khi lâm chung. Nghĩa là việc niệm Phật không phải do tự lực của mình niệm mà ñược vãng sanh. Sự vãng sanh ấy chính là do Bổn Nguyện Lực của đức Phật A Di đà khiến cho chúng ta thành tựu ước nguyện ấy và ñó cũng là lời nguyện thứ 18 của Ngài ñã phát ra như vậy. Khi mới ñến đức, tôi ñã chỉ Thiền cho người đức. Vì người đức nào cũng ham học Thiền. Tôi ñã dịch quyển Thiền Học của Ngài Yosioka ở Fukushima ra tiếng Việt ñể hướng dẫn người đức theo lối Thiền Mặc Chiếu của Tào động Tông Nhật Bản. Nghĩa là khi ngồi Thiền cứ ñể cho những vọng niệm khởi lên; không cần phải tìm cách tránh né những vọng niệm ấy, mà cứ mặc nhiên quán chiếu những gì ñang xảy ra, từ từ chúng ta sẽ thấy rõ bản thể chơn như và tự tánh; nhưng càng về lâu về dài ngoài tọa thiền ra, tôi lấy câu Phật hiệu làm ñầu. Dầu ở bất cứ hoàn cảnh nào cũng nhớ ñến từ dung và những lời nguyện của đức Phật A Di đà, ñặc biệt là những lời nguyện thứ 18, 19 và 20. Ngày nay nếu có ai ñó ñi lễ bái Chùa Viên Giác tại Hannover đức quốc khi gặp người Việt Nam họ sẽ chắp hai tay lại ñể chào Nam Mô A Di đà Phật là chuyện ñã ñành, mà hàng ngàn người đức ñến tham dự lễ, họ vẫn biết chào và niệm câu Phật hiệu nầy nữa. Dĩ nhiên Phật Giáo tại nước đức cũng mới có mặt chừng 200 năm; nên ñây là thời gian quan trọng ñể cho người đức chọn pháp môn ñể tu. Ngay cả các nước Á Châu khác cũng vậy; sau khi Phật Giáo du nhập vào nước sở tại, ít nhất cũng từ

340 Phật Giáo thời kỳ ñầu của người Âu Mỹ

300 ñến 500 năm sau các Tông Phái mới ñược thành hình. Do tôi là người ñến ñầu tiên tại xứ đức ñối với người Phật Tử Việt Nam và truyền Tịnh độ Tông cho người đức có lẽ cũng là người ñầu. Vì lẽ ở tại đức ña phần theo Thiền Học Nhật Bản hoặc Phật Giáo Nguyên Thủy hay Kim Cang Thừa. Tuy việc hành ñạo tại ñây cũng khá vất vả, vì ngôn ngữ, văn hóa, tập quán, tôn giáo v.v... cái gì cũng mới lạ; nhưng tôi vẫn cố công trì chí ñể mong cho cái rễ của Phật Giáo ñược mọc sâu vào mảnh ñất nầy. Do vậy quan niệm về Tôn Giáo của tôi cũng có phần khác với nhiều người khác, vì tôi ñang hành ñạo tại ngoại quốc, chứ không phải tại một quốc gia Phật Giáo nào ñó. Tôi quan niệm về Tôn Giáo cũng giống như những bông hoa nhiều màu sắc; nếu trong một vườn hoa mà có hoa nhiều màu cùng trổ một lúc thì vườn hoa ấy ñẹp ñẽ biết bao! Hơn là chỉ có một cành ñơn ñộc ñang nở. Do vậy tôi mong rằng: Trong vườn hoa văn hóa của Tôn Giáo tại xứ đức nầy cũng như vậy, mà Phật Giáo sẽ là một bông hoa sen, mang hương sen thơm ngát từ Á Châu ñến ñây ñể hòa quyện cùng với những hoa hồng hoa cúc vốn ñã nở từ lâu ñời tại ñây rồi. Chính nhờ những hoạt ñộng từ bên trong lẫn bên ngoài ñối với người Việt cũng như người đức; người Âu cũng như người Mỹ nên vừa qua vào ngày 8 tháng 7 năm 2011, qua sự giới thiệu của Thượng Tọa Seelawansa người Tích Lan ñang dạy tại đại Học Wien, Áo Quốc; nên Hội đồng Tăng Già và Chính phủ Tích Lan ñã trao tặng bằng danh dự cao quý nhất cho chúng tôi và Hòa Thượng Thích Minh Tâm là những người có công mang ánh sáng giáo lý Phật Giáo ñến với người Âu Mỹ.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 341

đây không phải là bằng Tiến Sĩ danh dự. Vì bằng Tiến Sĩ danh dự chỉ có Viện Trưởng của một Viện đại Học trao, mà ñây là bằng tưởng thưởng của một quốc gia cho một Tăng Sĩ ngoại quốc có công với đạo Phật. Buổi lễ ñặt dưới quyền chủ tọa của vị Tăng Trưởng của Tăng Già Tích Lan, Thủ Tướng, Phó Thủ Tướng chính phủ; vị Chủ tịch Hội Phật Giáo Tích Lan và hằng trăm chư Tăng học giả, cư sĩ nổi tiếng ñến ñể tham dự lễ nầy tại Hội Trường Lễ Tân của chính phủ vào lúc 16 giờ chiều ngày 8 tháng 7 năm 2011 vừa qua. Về phía Việt Nam có chư Tăng ñại diện từ Tổ đình Chúc Thánh Hội An, chư Tăng ñang du học tại Ấn độ, Ban Biên Tập Báo Viên Giác ở đức, Thụy Sĩ, đan Mạch cùng những khách của Hòa Thượng Thích Minh Tâm ñến từ Trung Hoa và Pháp. Về những diễn tiến chi tiết của buổi lễ nầy, quý vị có thể xem trên báo Viên Giác số 185 phát hành vào tháng 10 năm 2011 và báo Khánh Anh xuất bản tại Pháp, số 89 - Bản Tin tháng 10 năm 2011. Riêng phần cá nhân chúng tôi chỉ mong rằng những ngày còn lại trên cuộc ñời nầy sẽ mang tình thương ñến cho mọi người, không phân biệt màu da, chủng tộc, ngôn ngữ và dùng trí tuệ của Phật Giáo ñể quán xét nội tâm và từ ñó sẽ làm lợi lạc cho mình và cho người ở nhiều hình thức và lãnh vực khác nhau.

342 Phật Giáo thời kỳ ñầu của người Âu Mỹ

TƯ TƯỞNG ĐẠI THỪA và TỊNH ĐỘ TÔNG

Nước Hoa Kỳ từ khi lập quốc ñến nay ñã trải qua 44 ñời Tổng Thống trong hơn 200 năm lịch sử và ñã không có một vị Vua hay một Hoàng Hậu nào tại vì. Khác với lịch sử của Trung Hoa, Việt Nam, Pháp hay đức. Vì Hoa Kỳ còn là một lục ñịa quá mới mẻ, là vùng ñất hứa của nhân tài và những người triệu phú. Tất cả những gì trên thế giới có, Hoa Kỳ ñều có hết, mà thật nổi bật nữa kia; nghĩa là cái gì ở Hoa Kỳ cũng ñều nhất cả. đã có lần có người nào ñó hỏi tôi rằng: “Thầy ñi chu du khắp các châu lục Âu, Mỹ, Á, Úc, Phi và trải qua hơn 70 nước. Vậy thì nước nào làm Thầy thích nhất và mỗi châu lục, dưới mắt nhìn của Thầy ra sao?” - Quả là một câu hỏi khó; nhưng có nhiều cách trả lời khác nhau. Tôi trả lời rằng: - đứng về phương diện Khoa học kỹ thuật thì Á Châu không thể nào so sánh với Âu Châu và Hoa Kỳ ñược; nhưng ñứng về phương diện Văn hóa thì Á Châu hơn Hoa Kỳ chứ! Vì Hoa Kỳ chỉ có văn minh mà không có văn hóa. Văn hóa là những gì ñã trải qua hằng ngàn năm lịch sử. Còn Hoa Kỳ chỉ có hơn 200 năm lập quốc làm sao sánh với văn hóa Á Châu chúng ta ñược.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 343

- Tôi ví von rằng: Á Châu giống như một bà cụ già 70 tuổi. Âu Châu giống như một người ñàn bà trung niên từ 40 ñến 50 tuổi; trong khi ñó Hoa Kỳ là một cô gái 18 tuổi. Người già rồi ñâu còn phát triển gì nữa. Chỉ có những người trẻ mới có một tương lai lâu dài. Thế còn Úc Châu và Phi Châu ? - Phi Châu tôi mới chỉ ñi Ai Cập, Tunésie chưa ñi Trung và Nam Phi; nhưng ñây là một châu lục thiên nhiên không ưu ñãi mấy; nhưng họ cũng có nền văn hóa lâu ñời mấy ngàn năm; họ hãnh diện lắm. Mới ñây có một cô gái Phi Châu 10 tuổi, sáng tác một bài văn xuôi bằng tiếng Anh rất ngắn gọn; nhưng ñã ñược UNESCO phát giải thưởng ñặc biệt. đầu ñề của bài văn là: Người Da Màu. Khi tôi sinh ra tôi màu ñen Khi tôi lớn lên, tôi màu ñen Khi tôi ñi dưới ánh sáng mặt trời, tôi

màu ñen Khi tôi bịnh, tôi màu ñen Khi tôi chết, tôi cũng màu ñen. Còn họ là người da trắng Khi họ sinh ra, họ màu ñỏ Khi họ lớn lên, họ màu trắng Khi họ ñi dưới ánh sáng mặt trời, họ màu nám Khi họ bịnh, họ màu xám Khi họ chết, họ màu tím Thế mà họ gọi chúng tôi là người da màu. Câu kết nầy là câu quan trọng nhất, nó ñã nói lên tất cả mọi ý tưởng và ñánh ñổ quan niệm của người da

trắng lâu nay. Vì họ chỉ nghĩ rằng: Người da trắng mới là văn minh, còn người da ñen là thấp kém. Họ nghĩ rằng họ mới là người nguyên chất; nhưng thật sự ra người da trắng mới là người mau ñổi màu nhất. Còn người da ñen, ở bất cứ dưới hình thức nào, họ vẫn là người da ñen mà thôi. Do vậy quan niệm về ñúng, sai, tốt, xấu... nó khó có thể hiểu một chiều ñược. Ví dụ như người quen ñi bên tay trái thì cho rằng tôi ñi bên trái mới ñúng luật lệ lưu thông; nhưng những dân tộc lưu thông bên tay mặt lâu nay quen rồi, thì không thể nói rằng ñi bên trái là ñúng luật ñược. Cho nên ông bà mình thường hay nói: Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài là vậy! Cái gì nó cũng chỉ tương ñối thôi, không có tuyệt ñối bao giờ, ngoại trừ chân lý. - Thế còn Úc Châu ? - đã có lần tôi viết về nước Úc rồi. Quý vị ñọc trên Viengiac.de hoặc quangduc.com sẽ hiểu rõ hơn. đây là một lục ñịa rộng mênh mông, tương ñương với Hoa Kỳ; nhưng dân số chỉ trên dưới 20 triệu; trong khi ñó Hoa Kỳ ñã có trên 300 triệu người ñang sinh sống tại ñó. Từ năm 1979 ñến 2011, trên 30 năm ñó, tôi ñã ñến xứ Úc ít nhất mỗi năm một lần. độ dài và xa của mỗi lần ñi về là 34.000 cây số. Nghĩa là bằng vòng quanh một quả ñịa cầu. Nếu ai ñó có hỏi tôi rằng: Thầy thích sống ở ñâu nhất? Tôi sẽ trả lời rằng: Ở đức tôi thích sống tại ñó nhất. Vì lẽ trên 30 năm sống tại ñó rồi. Ngôn ngữ ñã quen, phong tục, tập quán và nhất là ơn nghĩa ñã có quá nhiều tại xứ sở nầy. Tôi thích ñi thăm viếng, hoằng pháp tại Hoa Kỳ. Còn ẩn tu thì nên chọn Úc. Còn nơi nào ñẹp nhất trên thế giới ? – đó là quê hương Việt Nam; nơi tôi

ñã ñược sinh ra cách ñây gần 63 năm về trước (1949 – 2011). Dĩ nhiên là quê hương tôi nghèo; nghèo hơn nhiều nước cả Phi Châu nữa; nhưng càng về già và càng ở ngoại quốc lâu năm thì người ta càng nhớ quê hơn bao giờ hết. Có lẽ núm ruột của mình ñã ñược chôn ở ñó. Cho nên sợi tơ lòng cứ mãi vấn vương trong muôn thuở chăng ? Một đại Sư Thái Hư vào những thập niên 1920, 1930 ñã muốn làm cách mạng Phật Giáo tại Trung Hoa; cho nên Ngài ñã ñưa ra tiêu ñề là nên cách mạng về: giáo chế, giáo sản và giáo hội. Ngài là một bậc Tôn Túc rất nổi tiếng lúc ñương thời và là Thầy cũng như nhà mô phạm của đại Sư Ấn Thuận ở đài Loan. Khi còn tại tiền, Ngài lấy tinh thần Trung Quán, Tánh Không và Bát Nhã của Ngài Long Thọ ñể ñi diễn giảng khắp nơi trên thế giới. Cách ñây gần 100 năm trước, việc ấy ñâu phải dễ làm; còn ngày nay việc di chuyển, hoằng pháp không khó như xưa; nhưng ít người làm ñược. Có lẽ thế giới nầy là thế giới của vật chất. Người học Phật cũng trọng vật chất hơn là tâm linh; cho nên con người vẫn còn trầm luân khốn khổ. Người đức rất hãnh diện về nền triết học của họ. Vì họ có những triết gia tiêu biểu như: Schopenhauer, Hermann Hesse, Nietzsche, Freud v.v... Những triết gia nầy có tư tưởng rất gần với Phật Giáo. Vì từ thế kỷ ñầu Tây lịch

ñến thế kỷ thứ 17, 18 họ chỉ quen sáng tác theo lối trừu tượng và nhìn thế giới nầy dưới cái nhìn của một vị Thần linh sáng tạo; nhưng khi họ bắt gặp luồng tư tưởng mới từ Á Châu du nhập vào qua tác phẩm "Ánh Sáng Á Châu" của người Anh viết, họ ñã biết thế nào là Bản ngã, thế nào là Vô ngã, thế nào là Tứ Diệu đế, thế

nào là Bát Chánh đạo, thế nào là Pháp duyên sinh, Tam pháp ấn, Tứ pháp ấn v.v... Cách ñây 200 năm về trước một Hội Phật Giáo ñầu tiên ñược thành lập tại thành phố Leipzig; nhưng từ năm 1949 ñến năm 1989 nước đức bị chia cắt đông Tây. Miền đông theo chủ nghĩa Cộng Sản và miền Tây theo chủ nghĩa quốc gia. đến ngày 9 tháng 11 năm 1989 cả hai miền đông Tây ñã thống nhất và nay là nước Cộng Hòa Liên Bang đức gồm 11 Tiểu Bang và 3 thành phố tự trị (Berlin, Hamburg, Bremen). Trong thời gian Cộng Sản trị vì tại đông đức các Hội Phật Giáo cũng chịu ảnh hưởng chung với các Tôn Giác khác như Thiên Chúa, Tin Lành, Chính Thống Giáo mà thôi. Sau ngày bức tường Bá Linh sụp ñổ, Tôn Giáo tại miền đông đức mới có cơ ngơi phục hồi lại. Ở phía Tây đức, tại thành phố Berlin có một ngôi chùa Theravada do Phật Giáo Tích Lan quản lý. Chùa nầy trước ñây của một ông Bác Sĩ người đức tên là Paul Dahlke ñã cúng cơ sở nầy cho Phật Giáo Tích Lan làm chùa. Sau gần 100 năm chùa vẫn còn ñó; nhưng không ñược phát triển mấy, vì thiếu chư Tăng Tích Lan và đức quản lý trông coi; nên chùa nầy chỉ còn là một biểu tượng, nhiều hơn là một chốn sinh hoạt Tôn Giáo sống ñộng. Tại đức có ít nhất là 700 ngôi Chùa, Niệm Phật đường, Thiền đường, các cơ sở dạy về Phật Pháp; nhưng ña phần do Cư sĩ Phật Tử hướng dẫn; còn chư Tăng rất ít. Như trên ñã ñược trình bày - Phật Giáo ñầu tiên ñược du nhập và đức, Anh, Pháp hay nói chung các nước

Âu Châu là Phật Giáo Nam Tông. đến ñầu thế kỷ thứ 20, đại Thừa Thiền Nhật Bản ñã có mặt tại Âu Châu, rồi từ năm 1959 trở lại ñây Kim Cang Thừa ñã phát triển mạnh tại các quốc gia Âu Mỹ nầy. Trong ñó có sự ñóng góp của Phật Giáo Việt Nam cả Thiền lẫn Tịnh độ. đa phần chư Tăng, Ni ngoại quốc ñến một nước nào ñó, ñầu tiên là phải học ngôn ngữ của nước sở tại. Nếu ngôn ngữ không rành thì khó mà ñi vào quần chúng tại xứ sở ñó ñược; nhưng những thế hệ ñi trước ña phần ñến ñây là những người lớn tuổi; cho nên học tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng đức không phải là ñiều ñơn giản. Họ chỉ là nhịp cầu ñể bắc qua thế hệ ñi trước ñể tiếp nối với thế hệ ñi sau mà thôi. Thế nhưng những thế hệ ñi sau ñược sinh ra, lớn lên và chịu sự giáo dục tại các quốc gia Âu Mỹ nầy cũng có những vấn ñề nhất ñịnh của nó. Ví dụ như các em rất giỏi tiếng ñịa phương; trong khi ñó ngôn ngữ tiếng mẹ ñẻ thì không rành. Vì các em không có cơ hội ñể thực tập. đây là vấn ñề quan trọng trong việc hội nhập vào xứ người. Lối giáo dục của Á Châu là giáo dục truyền thống; nghĩa là Thầy, trò, sư, ñệ rõ ràng. Trên nói dưới nghe, không cãi lại, dầu cho việc ấy có sai quấy ñi chăng nữa. Học trò ña phần chỉ học lại sự hiểu biết của ông Thầy, dầu cho là Thầy dạy ñời hay Thầy dạy đạo. Cái học của Á Châu là cái học từ chương và trọng bằng cấp. Lấy bằng cấp làm thước ño vị trí của con người. Bao nhiêu thế hệ như thế trôi qua, ñã trở thành một thói quen cố hữu. Trong khi

ñó lối giáo dục của Âu Mỹ thiên về sự phát triển cá nhân. Ông Thầy chỉ dạy những gì người học trò muốn học; chứ không phải dạy những gì ông Thầy muốn dạy. Ở Âu Mỹ tinh thần cá nhân chủ nghĩa rất ñược coi

trọng; trong lúc ñó tại đông Phương, ngay cả học ñường và nhất là ở Chùa hay ở trong một ñại gia ñình, tinh thần nầy không ñược chấp nhận và không ñược khuyến khích. Vì cho ñó là cá nhân chủ nghĩa, chỉ biết sống cho mình chứ không nghĩ ñến người khác. Cả hai quan niệm đông và Tây, cũ và mới, cá nhân và ñại thể, cái nào nó cũng có cái ñúng và cái sai của nó. Ví dụ như ñời sống của người Á Châu vì không có trợ cấp xã hội cho người lớn tuổi; cho nên khi cha mẹ về già hay ở chung với con cái. Con cái ñi làm ñể phụng dưỡng cho cha mẹ. đó là ñền ñáp chữ Hiếu. Ở Á Châu, nếu người con trai nào không làm như vậy ñược, cho là bất hiếu. Ngược lại, tuy mất tự do cá nhân nhưng ñược sự ñùm bọc che chở của gia ñình, của người lớn tuổi; thường không bị cô ñơn hay trầm cảm. Trong khi ñó ñời sống tự do qua lối giáo dục của Âu Mỹ như tự do luyến ái, tự do kết hôn, tự do phát biểu, tự do ăn nói v.v... Tất cả chừng ấy thứ tự do; nhưng thực sự ra người ta ñã mất ñi sự tự do rất nhiều. Vì lẽ tự do luyến ái và tự do kết hôn; chỉ ñể dẫn ñến tự do ly hôn và tự do ly dị. Trong khi ñó ở các xã hội Á Châu ngày xưa và ngay cả ngày nay cũng vậy, khi con cái lớn lên, ña phần quyền dựng vợ gả chồng là của cha mẹ, của người lớn. Con cái có bổn phận là ñồng ý hay không; chứ không phải như ở Âu Mỹ muốn làm gì thì làm. Thế mà cuộc sống hôn nhân của người Á Châu ña phần họ ở với nhau suốt ñời chứ ít khi ly dị hay ly hôn. Tự do ăn nói, tự do tư tưởng, tự do phát biểu... điều ấy tốt với xã hội Âu Mỹ; nhưng Á Châu thì rất giới hạn. Ví dụ như cha mẹ nói thì con cái phải lắng nghe, không ñược cãi lại. Trong khi ñó với sự tự do của Âu Mỹ,

nhiều khi cha mẹ nói với con cái như anh em ñối xử với nhau. Còn Thầy trò cư xử với nhau như là bạn; chứ không là Thầy và trò rõ rệt như ở Á Châu. Ở Việt Nam có truyền thống là ñi học, học trò phải học thuộc lòng, ñặc biệt trong Chùa kỷ luật nầy lại càng gắt gao hơn nữa. Vì có không biết bao nhiêu bài kinh, luật và luận bắt buộc người Tăng Sĩ phải rập tâm, học thuộc lòng. Nếu ñến giờ trả bài mà không thuộc thì phải chịu hình phạt như Thầy cho trò ñiểm zéro (ñiểm không) hay quỳ gối v.v... trong khi ñó ở Âu Mỹ, nếu Thầy hỏi bài trò, trò không biết thì bảo rằng không biết, không thuộc. Thế là xong, không có một hình phạt nào ñược thể hiện cả. Do vậy ở ñây; nơi cấp bậc đại Học người ghi danh vào học rất ñông; nhưng ra trường rất ít; trừ những người có ý thức cá nhân thật cao mới thành công ñược. Trong khi ñó ở Nhật Bản khi ñậu vào đại Học tức là biết rằng mình sẽ có ngày ra trường. Bây giờ ở tại ngoại quốc nầy có hơn 2 triệu người Việt Nam ñang sinh sống. Ở Hoa Kỳ ñã có trên dưới một triệu. Số còn lại chia cho nhiều quốc gia trên thế giới. Ví dụ như Pháp 300.000 người; đức 100.000 người; Anh 70.000 người; Canada 200.000 người; Úc 200.000 người v.v... Bây giờ người Việt Nam hầu như có mặt trên 2 phần 3 của thế giới nầy. Nghĩa là khoảng 150 quốc gia ñều có người Việt Nam cư ngụ. Thế hệ thứ hai ñược sinh ra, lớn lên ở Âu Mỹ rất thành công về việc học hành, thi cử, ñỗ ñạt. Ví dụ như ở đức ông Dr. Philip Rösler vốn là một cô nhi sinh ra tại

Việt Nam, ñến đức vào năm 1973 với 9 tháng tuổi, ñược giáo dục và tốt nghiệp Bác sĩ Y khoa tại đại Học Hannover. Năm 2010-2011 hiện là đảng Trưởng

của đảng FDP (đảng Tự Do Dân Chủ) và là Phó Thủ Tướng của nước đức. Trước ñây ông là Bộ Trưởng Bộ Y Tế, lo cho hơn 80 triệu người đức. đây là một thành quả thật bất ngờ cho cả người đức lẫn người Việt. đâu phải dân tộc đức hết người, mà trong Quốc Hội lại có một người tóc ñen ñang ngồi ghế thứ hai; chỉ sau Bà Thủ Tướng Merkel mà thôi. Giả sử nếu Philip Rößler ñược ñưa sang Phi Châu hay vẫn còn ở tại Việt Nam thì giờ nầy Philip là ai, nào ai biết ñược. đồng thời ở Úc, ở Mỹ, ở Canada và nhiều nước trên thế giới nữa, nhờ vào lối giáo dục tự do của Âu Mỹ và cũng phải nói cho ngay rằng nhờ vào truyền thống hiếu học của người Việt Nam, do cha mẹ ñứng phía sau ñốc thúc, an ủi, ñộng viên nên mới ñược như vậy. Nếu không có thế hệ tỵ nạn ñi trước, chắc gì thế hệ thứ 2 ñã ñược thành công như vậy. Mới ñây Bộ Giáo Dục đức có một sự thống kê về những người tốt nghiệp Tú Tài 2 ể vào đại Học thì người đức chiếm tỷ lệ 49 phần trăm; trong khi ñó người tỵ nạn Việt Nam là 54% và người Thổ Nhĩ Kỳ ñang sinh sống tại đức 14%. Thế nhưng bước sang thế hệ thứ 3 từ 15 ñến 20 tuổi là thế hệ ñáng quan tâm. Vì các em hầu như ñược ñào tạo hoàn toàn theo Âu Mỹ. Tuổi trẻ sớm biết yêu ñương, sớm tự tử, sớm bỏ học ñi làm ể kiếm tiền. Vì cái khổ của thế hệ thứ 2 không có như thế hệ thứ nhất ñã kinh qua. Do vậy ñây là một vấn ề thử thách to lớn trong gia ình của người Việt Nam ñang sống tại ngoại quốc ngày nay. đó là vấn ề hội nhập vào cuộc sống mới. Vậy thì Tôn Giáo như thế nào ?

Giới biệt của Tôn Giáo, nhất là Phật Giáo kể từ ngàn xưa rất nghiêm khắc. đức Phật chia ệ tử của Ngài ra làm hai hạng. đó là người tại gia và chúng xuất gia. Người tại gia sống có gia ình, có nhiệm vụ hộ trì Tam Bảo. Người xuất gia sống không có gia ình riêng và có nhiệm vụ hoằng pháp lợi sanh. Trong chúng xuất gia lại chia ra 5 thành phần. đó là: Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Thức Xoa, Sa Di và Sa Di Ni. Tất cả ều phải tuân theo giới luật ã quy ịnh sẵn. Không ai ược vượt khỏi thành trì nầy. Ngoài ra còn giới Bồ Tát, chung cho cả người tại gia và xuất gia nữa; nhưng quý Thầy, những bậc đại Sư khi ến các xứ Châu Âu, Châu Mỹ nầy thấy việc hành ạo khó khăn và muốn hội nhập vào văn hóa tại ây ể ạo Phật sớm có chân tại xứ nầy qua tinh thần tự do sẵn có; nên Phật Giáo tại các nước Tây Phương ngày nay quả thật khó khăn vô cùng. Vì thiếu những người lãnh ạo ầy ủ từ bi, trí tuệ và giới ức. Ví dụ tinh thần đại Thừa hay nói chung Phật Giáo chủ trương bình ẳng. Giữa nam nữ, lớn nhỏ không có phân biệt. Vì ai cũng có Phật tánh và với Phật tánh nầy ai ai cũng có khả năng thành Phật. Do vậy mà có một số vị đại Sư chủ trương Tăng lạy Ni và chế ra những giới luật hơi khó coi nữa. đây thật là một lỗi lầm. Vì đức Phật dạy trong Bát Kỉnh rằng: Ni dầu bao nhiêu tuổi hạ ñi nữa cũng phải ảnh lễ thưa hỏi chư Tăng, dầu cho vị Tăng ấy mới thọ giới và Tăng luôn có quyền cử tội Ni theo giới luật; chứ Ni không có quyền cử tội Tăng. đây là giới, ây là luật; nhưng bây giờ một số vị đại Sư làm sai rồi; biết làm sao ăn nói với những người Tây Phương ây ? Vốn họ là những người chọn theo lối giáo dục tự do;

cho nên tu cũng tự do nữa.

352 Phật Giáo thời kỳ ñầu của người Âu Mỹ

đó là chưa nói ñến việc trong Tăng thì không thể có Cư sĩ ñược; trong Cư sĩ không thể có chư Tăng trong ñó. Tăng thì ra Tăng, Cư sĩ thì ra Cư sĩ; chứ không thể có hình thức thứ ba ở trong ấy. Thế mà vẫn có những vị đại Sư chấp nhận một thành phần thứ ba như vậy. Khi đức Phật thành lập Giáo đoàn, Ngài ñã khẳng ñịnh rõ ràng vấn ñề nầy trong các bộ luật như: Tứ Phần, Ngũ Phần, Thập Tụng, Ma Ha Tăng Kỳ luật, Thiện Kiến, Luật Pali v.v... ngay cả Ngài Ma Ha Ca Diếp và đức đạt Lai Lạt Ma còn không tự ñộng sửa luật trong kỳ kết tập kinh ñiển lần thứ nhất, sau khi đức Phật nhập diệt 100 ngày và ở vào ñầu thế kỷ thứ 21 nầy cũng vậy. Thế mà có những vị chủ trương mới mẻ như vậy; nên người Âu Mỹ tin theo một cách dễ dàng và họ sẽ tiếp tục ứng dụng trong cuộc ñời Tăng không ra Tăng, tục không ra tục của họ vậy. Năm 1979 có một phiên họp ñặc biệt của DBU (Liên Hội Phật Giáo đức) tại Wachendorf gần Bonn, chính chúng tôi ñã ñề nghị là Hội nầy phải chia ra hai Tổ Chức rõ ràng. đó là Tổ Chức của Tăng Ni và Tổ Chức của Phật Tử. Tăng Ni sẽ lãnh ñạo Tăng Ni, Phật Tử sẽ lãnh ñạo Phật Tử; thế nhưng tinh thần ấy vẫn trì trệ cho ñến 30 năm sau mới thành tựu ñược: Tổ chức Tăng Ni nầy gọi là DBO (Những người xuất gia Phật Giáo đức). Tuy nhiên chư Tăng ít người tham gia; trong hiện tại ña số chư Ni lãnh ñạo. Vì nhiều lúc họ quá tự do; ví dụ như Cư sĩ và Tu sĩ chung chạ trong thảo luận; chung chạ trong tu học; chung chạ nơi công cộng v.v... chúng tôi hoàn toàn không ñồng ý vấn ñề nầy. Nếu nhìn cao hơn ở cấp bậc quốc tế thì cũng có 2 cơ quan như vậy. Một Tổ Chức của Tăng Già gọi là World

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 353

Buddhist Shanga Counsil (WBSC) trụ sở chính ñặt tại đài Loan, mà chúng tôi là Ủy viên Hoằng pháp của thế giới. Trong Tổ Chức nầy chỉ toàn là Tăng Sĩ và hầu như không có ai là Cư sĩ cả. Một Tổ Chức thứ 2 do Cư sĩ lãnh ñạo. đó là World Buddhist Fellowship (WBF) trụ sở ñặt tại Thái Lan. Tổ Chức nầy có cả những vị Tăng Sĩ tham gia. đó là nói về quốc tế. Còn nói về quốc gia như Việt Nam cũng có 2 Viện. Viện Tăng Thống và Viện Hóa đạo. Viện Tăng Thống chỉ toàn là Chư Tôn Trưởng Lão ñạo cao ñức trọng từ 60 tuổi ñời trở lên và hơn 40 tuổi ñạo mới ñược có mặt trong tổ chức nầy. Rồi Viện Hóa đạo; trong tổ chức nầy có cả Tăng Sĩ lẫn Cư Sĩ cũng giống như hai Tổ Chức của Thế giới vừa nêu trên. Khi ñến đức vào năm 1977, tôi vẫn còn chân ướt chân ráo tại quê hương mới nầy; nên chưa biết phải tính sao, vì thiếu nhân sự; nhưng ñến năm 1979 Hội Sinh Viên và Kiều Bào Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại đức ñã ra ñời. đến năm 1980 Chi Bộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Tây đức ñược thành lập. Tổ chức nầy cũng toàn là Tăng Ni ñang sinh sống tại đức, chứ không có Cư sĩ và tổ chức ñầu tiên toàn là Cư sĩ chứ không có Tăng sĩ. Tôi muốn cống hiến hình thức tổ chức của Thế Giới, của Việt Nam và của ngay người Phật Tử Việt Nam ñang ở đức sinh hoạt cho Hội Phật Giáo đức. Thế mà sau hơn 30 năm mới có kết quả. Xin niệm ân tất cả những ai ñã lưu tâm cho việc nầy. Riêng Tổ Chức DBU của người đức ña phần gồm nhiều Tông Phái khác nhau như: Theravada, Nhật Bản, Tây Tạng (gồm nhiều phái), đại Hàn, Thái Lan, Trung Quốc v.v... nhiều người đức chấp nhận lấy vị Thầy của

mình ñể sinh hoạt. Do vậy DBU chỉ là một Tổ Chức Tổng Hợp của Phật Giáo chứ không là một Tổ Chức chỉ ñạo Cư sĩ như các nước tại Á Châu. Ở ñây cũng do tinh thần tự do bên trên mà ñưa ñến kết quả như vậy. Trong khi nước Áo bên cạnh đức và nước Ý, Phật Giáo ñã ñược công nhận là một Tôn Giáo có quyền lợi giống như các Tôn Giáo ñịa phương Tin Lành và Thiên Chúa Giáo; còn nước đức tuy là tín ñồ Phật Giáo ñông hơn 2 nước kia, có nhiều chùa viện mà cho ñến nay sau hơn 50 năm thành hình của DBU mà vẫn chưa thực hiện ñược ñiều nầy. Quả là một vấn ñề cần quan tâm ñến. Hy vọng rằng: đây là quyền lợi của tín ñồ Phật Giáo của chúng ta tại đức, những người có trách nhiệm trong DBU nên thực thi việc nầy. Thực ra các chính quyền Tiểu Bang chỉ ñòi có 3 ñiều kiện cho việc nầy. đó là: - Một phần ngàn trên số dân ñang sinh sống tại Tiểu Bang ấy phải là Phật Tử. Ví dụ như Tiểu Bang Niedersachsen có 8 triệu người đức, chỉ cần 8.000 người Phật Tử đức và các sắc dân khác là ñược rồi. - điều kiện thứ hai là Tổ chức ấy phải hoạt ñộng ít nhất là 30 năm, và - điều kiện thứ ba là phải ñược sự tin tưởng của Bộ Tài Chánh sở tại. đây là 3 ñiều căn bản ñể ñược công nhận là một Tôn Giáo tại xứ đức; nhưng ñã bao nhiêu lần bàn qua tính lại, bao nhiêu phiên họp; nhưng cho ñến nay ñã ñi vào quên lãng. Tôi mong rằng việc nầy không sớm thì muộn cũng sẽ ñược thành tựu ñể tiếng nói của Phật Giáo chúng ta tại đức ñược quan tâm; không những tại những

nơi có Chùa, Viện, mà còn ở học ñường và những nơi công cộng nữa. Người Phật Tử Việt Nam ở tại đức trong hiện tại là số ñông, so với Phật Tử đức; nhưng trong tương lai gần, người Phật Tử đức sẽ ñông hơn. Do vậy ñể người đức ñứng chủ ñạo lo vấn ñề nầy; còn những người Phật tử ñến từ Á Châu nên tán ñồng và hỗ trợ cũng như tham gia là ñược rồi. Vì lẽ ngôn ngữ, luật pháp, ñịa lý v.v... có nhiều vấn ñề phức tạp lắm. Những người Phật Tử đức có tâm nên ñứng ra gánh vác trách nhiệm nầy. đây cũng là tinh thần đại Thừa Phật Giáo, tinh thần xả kỷ vì người quên mình; tinh thần của Bồ Tát đạo... Hơn 30 năm qua theo chỗ chúng tôi quan sát, Phật Giáo đức phát triển rất nhanh. Qua luận án Tiến Sĩ của Giáo sư Baumman hay những tạp chí Tibet Buddhismus; Buddhistische Aktuelle v.v... ñây là những thành quả nhất ñịnh ñáng trân quý ñối với những sự thành tựu của Phật Giáo tại phương Tây. Ví dụ như ngày nay hầu như ở tất cả những đại Học lớn nhỏ của nước đức cũng ñều có Phân khoa Phật Học hoặc Tôn Giáo Học ñể cho sinh viên có thể học cho ñến hết cấp bậc Tiến Sĩ. đây là một thành quả tri thức mà Bộ Giáo Dục đức ñã chủ xướng, là một vấn ñề tốt ñẹp vô cùng cho việc mang niềm tin Phật Giáo ñến cho người bản xứ. Ví dụ như ở đại Học Hamburg có Phân khoa Phật Học. Nơi ñó người ta có thể học tiếng Sanskrit, tiếng Tây Tạng, tiếng Tàu, tiếng Nhật hay Phân khoa đông Nam Á, sinh viên có thể chọn tiếng Việt v.v... Ở đại Học Marburg, Heildenberg, trước ñây đại Học Göttingen ñều có Phân khoa Phật Học. đại Học Berlin, Hannover, München, Freiburg v.v... ñều có Phân khoa Tôn Giáo Học; nơi ấy các sinh viên có thể chọn ngành

Tôn Giáo mình muốn học như: Phật Giáo, Thiên Chúa Giáo, Do Thái Giáo, Hồi Giáo v.v... đây là một lợi ñiểm, một thế ñứng vô cùng quan trọng ñối với giới trí thức đức cũng như sinh viên ngoại quốc. Ở đức hầu như thành phố nào cũng có những tiệm Reform Haus (Nhà cải cách); nơi ñó bán toàn là những ñồ chay, sản xuất từ ñậu nành. Nếu tính tổng quát từ Nam lên Bắc đức chắc cũng không dưới 3.000 tiệm như vậy. Trong hiện tại người đức rất mến mộ việc ăn chay, vì ñể tránh sát sinh và tôn trọng sự sống của kẻ khác. đối với một ñất nước như vậy, quả thật rất khó tìm ñược trên quả ñịa cầu nầy. đây không phải tôi bênh vực nước đức, vì tôi có quốc tịch đức hay ñược chính phủ đức ñãi ngộ; nhưng ở ñây tôi muốn chứng minh cho việc thực hiện tinh thần lục ñộ Ba La Mật cho mọi người thấy và từ ñó có nhiều ñiều ñể ñi xa hơn nữa trong lãnh vực tinh thần nầy. Khi tôi nói ñến nước đức cũng có nghĩa là ý tôi muốn nói ñến nước Pháp, nước Nga, Ba Lan, Tiệp Khắc, Ý, Tây Ban Nha, Na Uy, đan Mạch, Hoa Kỳ, Canada, Úc và các nước khác của Á cũng như Phi Châu. Vì hầu như các nước nầy ñều có hoàn cảnh tương tự như ở nước đức. Bởi vì tôi không thường xuyên sinh hoạt tại các nước trên; nên không thể viết về những nước ấy. Chỉ có nước đức là nước mà tôi ñã sống hơn 30 năm tại ñó; nên mới nói lên những tiếng nói trung thực như vậy. Từ ngày 18 ñến ngày 26 tháng 6 năm 2011 vừa rồi, Chùa Viên Giác tại Hannover có triển lãm Phật Ngọc hòa bình thế giới. Có 17.000 người ñến chiêm bái, cầu

nguyện và có nhiều việc chúng tôi muốn kể với quý vị như sau: Nhờ ñài truyền hình ARD và các báo xuất bản hằng ngày bằng tiếng đức như: Hannoversche Allgemeine Zeitung, Neue Presse v.v... nên ñã có rất nhiều người đức ñến thăm viếng Phật Ngọc vào những ngày trong tuần. Vào 2 cái cuối tuần ngày 16-17 và 25-26 tháng 6 năm 2011 thì ña phần là người Việt. Thỉnh thoảng mới có những cặp vợ chồng đức-Việt; Việt-đức ñi cùng. điều tôi muốn trình bày với quý vị ñộc giả hôm nay ở ñây là hiểu và thực hành tinh thần đại Thừa Phật Giáo của người đức như thế nào. Tôi quan sát cứ mỗi buổi sáng sớm có một người ñàn ông đức dẫn chó ñi dạo, sau ñó ông mang ñến một bó bông hồng thật lớn, ñộ 25 cành; ngày nào cũng vậy chứ không phải chỉ một ngày, mà ngày nào cũng ñúng giờ vào buổi sáng như thường lệ. Tôi chào ông ta và hỏi rằng: Tại sao ông không tự mang bông hồng ấy lên cúng Phật? Ông ñáp rằng: Nếu tôi cúng hết 25 bông nầy thì chỉ một mình tôi có công ñức mà thôi. Chi bằng tôi ñể bông ñây, mấy bà phát hành bông, cắm vào mỗi chậu bông mỗi cành hồng thì công ñức của tôi ñược chia cho 25 người khác nữa. Quả là người đức! Khi nghe xong câu trả lời bằng tiếng đức ấy tôi mới nói: À! Thì ra là vậy! người đức bây giờ ñã hiểu ñạo và ñã thực hành con ñường bố thí Ba La Mật như vậy. Quả là tốt ñẹp biết dường bao!

Rồi một hôm tôi ñi dạo ngoài vườn hoa gần Chùa Viên Giác có một người đức chắp hai tay xá và chào: Nam Mô A Di đà Phật! Tôi cúi chào và ông ta tiếp: - Nghe nói Hòa Thượng ñịnh làm vườn hoa Nhật Bản và xây tượng Phật A Di đà bên cạnh chùa phải không ? - Sao ông biết ? - Tôi có nghe quý Thầy trong chùa nói như vậy; nhưng Hòa Thượng có cần Kiến trúc sư hoa viên không ? - Dĩ nhiên là cần; nhưng tôi chưa biết nên

nhờ ai. - Tôi có một người Kiến trúc sư vẽ hoa viên rất ñẹp và họ phát nguyện sẽ cúng dường công phác họa hoa viên, không lấy tiền. - Xin cảm ơn! Khi có dịp tôi sẽ liên lạc lại với ông. Cứ thế và cứ thế, hằng ngày, hằng tháng rồi hằng năm... Ở xứ đức, tôi ñã nhận không biết bao nhiêu là ân huệ từ Chính phủ đức trong vòng 25 năm trời. Kể từ năm 1981 ñến 2005. Thời gian chừng ấy, nhân dân và chính quyền Liên Bang đức ñã giúp cho chúng tôi thành tựu ñược nhiều mặt trong vấn ñề bảo tồn và phát huy văn hóa Phật Giáo tại xứ người. Trong quyển sách bằng hai thứ tiếng Việt-đức tôi ñã kể hết những vấn ñề nầy rồi; nhưng có một ñiều ñặc biệt nữa là cách ñây chừng 5 năm, có một bà người đức ở Hoa Kỳ viết thư gởi qua Bưu ñiện về Hannover cho tôi và bà khoe là ñã ñọc xong quyển Danke Deutschland do một người bạn Việt Nam ñã tặng cho bà. điều bà muốn nói là:

- Trong ðệ nhị thế chiến, bà ñã bỏ đức qua Hoa Kỳ tỵ nạn. đi ñâu bà cũng bị người ta chê đức, ít thấy ai khen bao giờ. Nay thì có người Á Châu ñến sống tại xứ đức mà ñã viết ñược một tác phẩm như vậy quả là có giá trị. Rồi một hôm tôi từ ngoại quốc về, Thầy Hạnh Giới, Trụ trì Chùa Viên Giác báo tin cho tôi biết là có một gia ñình người đức ñã làm giấy Di Chúc lại cho Sư Phụ. Tôi mới hỏi ñầu ñuôi câu chuyện, thì Thầy ấy thưa rằng: - Cách ñây mấy hôm ở Bệnh viện có gọi ñiện thoại vào Chùa mình và ñòi Chùa trả tiền bệnh viện phí cho Bà B...; chúng con hỏi tại sao phải trả, thì họ bảo rằng: Vì Chùa của ông ñược nhận quyền thừa kế tài sản của hai ông bà và bây giờ bà ñã chết; cho nên Chùa phải lo vấn ñề nầy. đúng là chuyện từ ñâu ñưa ñến thật bất ngờ. Thế rồi, mấy Thầy trò mới lo thủ tục nơi Luật sư ñể chuyển những tài sản ấy vào tài khoản của Giáo Hội. Tôi có bảo Thầy Hạnh Giới là nên thờ hình hai ông bà tại bàn linh cho ñàng hoàng và nên làm một cái cầu thang máy dẫn lên chánh ñiện cho người tàn tật và nên ñể tên ông bà ấy cúng dường, ñể nhớ về những người ñã âm thầm giúp Chùa mình. Những gì tôi ñã làm cho người Việt và người đức trong hơn 30 năm qua ở xứ đức, tôi chẳng ñể ý và cũng chưa bao giờ mong sự ñền ñáp; nhưng nay thì kết quả là vậy. đúng là tinh thần đại Thừa, tinh thần Bồ Tát đạo người đức ñã hiểu thật sâu và âm thầm thực hiện như việc bố thí Ba La Mật chẳng cần ai biết ñến mình nữa và

cuối cùng của cuộc ñời, sau khi chết; kẻ chịu ơn và người thi ân mới nhận diện ra. Vào ngày 23 tháng 6 năm 2011 vừa rồi cũng là một ngày ñáng ghi nhớ. Thầy Hạnh Giả, ñệ tử xuất gia của tôi ñang dạy cho những sinh viên đức và ngoại quốc tại đại Học Hannover về Phân khoa Tôn Giáo Học. Thầy ấy có mời tôi và Thầy Hạnh Giới (anh ruột Thầy Hạnh Giả và cũng ñã tốt nghiệp Tiến Sĩ tại đại Học Hannover nầy vào năm 2003) ñến lớp dạy của Thầy ấy thuyết trình về Phật Giáo Việt Nam tại đức. đây là một thành quả mà bao nhiêu năm tôi ñã mong ñợi qua thế hệ ñệ tử, học trò của mình. điều tôi mong mỏi là người đức nên hiểu Phật Giáo ở một cấp ñộ cao hơn và hiểu rõ về thế nào là Tịnh độ ? Thế nào là Thiền ? Thế nào là Kim Cang Thừa ? Thì bây giờ tôi ñã có thế hệ kế thừa ñể lo cho vấn ñề ấy. Quả là vi diệu. Thầy ấy soạn giáo trình trong 10 Semester cho 5 năm Cử Nhân của Sinh viên học về Phật Học, có trình qua tôi xem và tôi thấy rất

hài lòng. Vì lâu nay ñọc sách vở phương Tây bằng tiếng Anh, tiếng đức, tiếng Pháp v.v... Ít thấy nhắc ñến Phật Giáo Việt Nam; nay có ñệ tử của mình ñứng trên bục giảng của giảng ñường đại Học ñể nói về Phật Giáo Việt Nam và Tịnh độ Tông Việt Nam làm sao không vui ñược. Ngoài ra những sách của tôi viết và dịch từ các ngôn ngữ khác nhau như: Anh, đức, Việt, Hán văn, Nhật ngữ trong 60 tác phẩm ấy ñã là nguồn tài liệu quan trọng ñể trích dẫn cho các luận án Tiến Sĩ người đức; trong ñó có ông Dr. Baumman và nhiều sinh viên đức khác học về khoa Phật Học hay Tôn Giáo Học tại các đại Học ở đức. Ngoài ra những luận án Tiến Sĩ của Thầy Thích Hạnh

Giới, Thích Như Tú, Thích Hạnh Giả v.v... cũng ñã dùng những tài liệu sống từ cá nhân tôi, hay những sách vở của mình ñã viết ñể hoàn thành cho những luận án Tiến Sĩ của mình. Tôi xin cảm ơn tất cả mọi người. Vì ñây là một sự tương tức cần thiết cho cuộc sống tâm linh của con người. Từ năm 1977 ñến năm 2011, hơn 30 năm tôi ñã lưu ngụ ở đức, có cơ hội ñi thuyết trình nhiều nơi và quan sát chung thì thấy rằng: Ở ñâu và Hội đoàn nào hay đại Học nào mời mình tới thuyết trình, họ cũng chỉ muốn biết ñiều họ cần biết mà thôi. Do vậy tôi chỉ trả lời theo những câu hỏi của họ muốn hỏi. Riêng ở Áo có một người Phật Tử tên là Fenzl; ông ta tu theo Pháp môn Tịnh độ Chân Tông của Nhật Bản. Ông là Hội Trưởng Hội Phật Giáo Tịnh độ tại Salzburg, Áo quốc. Năm 1980 tôi ñã có dịp ñến ñây ñể hội thảo và thuyết trình về Tịnh độ Tông Việt Nam. Nay thì ông ñã qua ñời rồi; nhưng Hội Tịnh độ Chơn Tông nầy vẫn còn hoạt ñộng mạnh ở Áo. Vừa rồi ngày 8 tháng 7 năm 2011, Chính phủ và Hội đồng Tăng Già Tích Lan ñã phát giải thưởng cao quý cho những người có công mang ánh sáng Phật Pháp vào Âu Mỹ có ông Chánh Hội Trưởng Hội Phật Giáo Áo và ông Phó Hội Trưởng. Ông Hội Trưởng là một Tiến Sĩ và ông Phó là một Bác Sĩ ñương kiêm Dân Biểu Quốc Hội của Áo. đây là một niềm hãnh diện chung của những người Phật Tử phương Tây. Có một ñiều ñặc biệt, nếu so sánh cách hấp thụ tinh ba Phật Giáo từ ngoại quốc truyền vào như các nước Á Châu thì ña phần quần chúng theo ñông ñảo nhất, bất

kể là pháp môn nào như: Hoa Nghiêm, Duy Thức, Pháp Hoa và ngay cả Tịnh độ; nhưng ở Âu Châu nầy Phật Giáo ñến ñây qua ngã trí thức trước khi ñi vào quần chúng. Muốn ảnh hưởng giới nầy người giảng giáo lý phải thâm sâu Phật Học và khả năng ngôn ngữ phải giỏi cũng như phải thông suốt những phong tục, tập quán tại xứ người. Ở vùng Düsseldorf nước đức là nơi có khoảng 4.000 người Nhật Bản cư ngụ. Khi người Nhật ñi ñến ñâu, cũng giống như người Việt Nam vậy; nghĩa là họ mang theo một quê hương nhỏ thu gọn ñến ñó. Từ ẩm thực cho ñến văn hóa, các cách sinh hoạt, ñều tìm ñủ mọi cách ñể phỏng theo cho giống như nơi mình ñược sinh ra. Do vậy tín ngưỡng cũng ñóng một vai trò rất quan trọng. Những lễ lộc như cưới hỏi, ma chay, học hành, văn hóa, thơ ñạo, trà ñạo, nghiên cứu v.v... ñều phải tổ chức tại Chùa. Ở vùng nầy có một ngôi Chùa Nhật Bản rất nổi tiếng tên là Eko Haus (Nhà Huệ Quang); tôi không biết tại sao họ không dùng chữ Chùa mà gọi là nhà? Có lẽ ñể giữ tính cách trung dung chăng? Vì Chùa thì chỉ ñể cho Phật Tử tới lui. Còn nhà thì ai cũng ñến ñược. Ngôi Chùa thuộc

Tịnh độ Tông Nhật Bản; họ có xuất bản ñịnh kỳ tạp chí Phật Giáo gọi là Horin (Pháp Luân). Tất cả ñều ñược viết bằng tiếng đức. đa phần là những Giáo sư, học giả nghiên cứu về Phật Giáo viết bài. Khi mới nhìn vào, chúng ta phải cúi ñầu khâm phục. Vì người đức hiểu tinh thần đại Thừa thuộc Tông Tịnh độ không phải là ít.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 363

Tại Chùa Viên Giác Hannover mỗi năm có nhiều khóa tu khác nhau như: Khóa tu học cho Gia đình Phật Tử, khóa tu cho Hội Phật Tử, khóa Tu Gieo Duyên, khóa Tu Bát Quan Trai vào cuối tuần, Huân Tu Tịnh độ vào cuối năm v.v... Cứ mỗi lần như vậy quy tụ cả hằng trăm cho ñến 400 Phật Tử về tham dự trong nhiều ngày. đôi khi cũng có những người đức ñến tham gia cả tuần lễ dưới sự hướng dẫn của Thầy Hạnh Tấn thuở xưa và bây giờ là Thầy Hạnh Giới. Nhiều lúc thấy những người đức cùng ñi kinh hành niệm Phật theo nhịp ñiệu chuông mõ tiếng Việt mà cảm thấy chạnh lòng. Tôi không biết là họ có muốn hiểu hay có thể hiểu hết ñược tiếng Việt chăng! nhưng dẫu sao ñi nữa thì ñó vẫn là một hình ảnh ñẹp. Nhiều khi tôi trình bày cho người đức nghe rằng: Quý vị cần tu và học theo lời dạy của đức Phật qua ngôn ngữ bằng tiếng đức, tiếng Việt hay Tây Tạng; nhưng quý vị không cần phải học văn hóa của Dân Tộc ấy. Dân Tộc ñó chỉ ñại diện ñể giới thiệu cho quý vị về tinh thần Phật Học mà thôi! Thế nhưng có nhiều người đức vẫn lầm lẫn vấn ñề nầy. Thật ra cái khó của buổi giao thời là phải làm sao tiêu thụ ñược giáo lý đạo Phật cho người đức; chứ không phải chúng ta truyền tư tưởng của Việt Nam hay Nhật Bản, Tây Tạng vào ñây; ñiều ấy hẳn không cần thiết lắm. Vào tháng 7 năm 1991 chúng tôi làm lễ Khánh Thành Chùa Viên Giác tại Hannover, tôi ñã thỉnh ñược Hòa Thượng Bổn Sư Thích Long Trí từ quê hương xứ Quảng ñến tham dự. Thuở ấy ñi ñứng khó khăn, giấy tờ phức tạp. Khi Ngài ñến thì lễ khánh thành ñã xong. Ngài

ở lại đức một tháng; Thầy trò hàn huyên tâm sự cũng nhiều. Có một hôm Ngài lên Chánh điện và bảo tôi rằng: - Tại sao không tạc hình đức Phật người đức, mà cứ giữ hình tượng Phật Việt Nam như vậy ? Khi mới nghe câu hỏi, tôi chưa trả lời ngay; nhưng ngẫm nghĩ cho sâu thì thấy Thầy mình thật có lý. Không ngờ Thầy hiện ñại và cởi mở như vậy. Vả lại Ngài có một cái nhìn thông thoáng như thế không phải là ai cũng nghĩ ñược. đoạn tôi trả lời rằng: - Bạch Thầy: Ban ñầu là vậy; nhưng nước chảy từ nguồn ra, rồi ñổ ra sông và giữa sông với biển bắt buộc phải có một thời gian giao thoa như vậy, ñể nước sông không còn là nước sông nữa. Lúc ấy giữa biển cả mênh mông ít ai còn nghĩ rằng có sự luân lưu của nước sông! Nhưng trên thực tế thì trong sự hiện hữu của nước biển vẫn tồn tại nước sông trong ấy. Năm 2011 là năm tôi hoàn thành 2 tác phẩm thứ 59 và thứ 60 nầy. Tác phẩm thứ 59 dịch từ tiếng đức sang tiếng Việt nhan ñề là: Những Bản Kinh Căn Bản Của Tịnh độ Tông (A Di đÀ) Nhật Bản. Sách do ông Christian Steineck viết tiếng đức và dịch những bản kinh từ tiếng Nhật sang tiếng đức. đọc sách xong, gấp sách lại và sau khi dịch sang tiếng Việt, mới thấy người đức qua phần nghiên cứu về Tịnh độ, phải nói rằng quá tuyệt vời. Một người Tây phương hiểu ñược về Tịnh độ như thế thì còn gì nữa! Ông Hatara, Giáo sư Piano trường đại Học Hildesheim là ñệ

tử tại gia của tôi. Ông là người Nhật và lúc nào cũng sẵn sàng cung cấp sách tiếng Nhật, gởi từ Nhật Bản qua. Do vậy mà những sách của các Tông Phái

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 365

bằng tiếng Nhật tôi có ñầy ñủ. Kỳ nầy dịch sách tiếng đức; nhưng tôi muốn tra cứu nguyên bản tiếng Nhật về Giáo, Hạnh, Tín, Chứng của Ngài Thân Loan, Tuyển Trạch Bổn Nguyện Niệm Phật của Ngài Pháp Nhiên và Duy Tín sao văn ý v.v... vừa dịch vừa ñối chiếu cả tiếng đức và tiếng Nhật thì thấy rằng khả năng tiếng Nhật của ông Christian Steineck quá tuyệt vời. Dịch rõ nghĩa ra tiếng đức ñể người đức khi ñọc vào là hiểu liền. Ví dụ như Bổn Nguyện của đức Phật A Di đà thì ông dịch tiếng đức là Urspruengliches Geloebnis des Amitabha Buddha. Hoặc Tuyển Trạch Bổn Nguyện thì ông dịch tiếng đức là: Urspruengliches Geleobnis der Erwählung. Dịch như thế là hết ý, là quá tuyệt vời. Tuy nhiên chữ tuyển trạch theo âm Hán-Việt là tuyển chọn và trích ra; nhưng chữ đức thì chỉ có một chữ là lựa ra (Erwählung) hay chọn ra. Ngôn ngữ thì khó nói cho hết và cũng không có ñiểm cuối cùng. Nhưng ñiều tôi muốn nói ở ñây là Tinh Thần đại Thừa và Tư Tưởng Tịnh độ. Ngay cả chính bản thân mình qua bao nhiêu việc hành trì, nghiên cứu sách vở về Tịnh độ mà vẫn còn những ñiều cần phải học thêm. Ví dụ như những người đức gọi tín ngưỡng A Di đà là tín ngưỡng theo Bái Hỏa Giáo của Ba Tư. đây là phát minh lạ của người đức; nhưng có chứng cớ rõ ràng. Sau ñó tôi tìm ñọc sách vở của Ngài Ấn Thuận ở đài Loan thì Ngài Ấn Thuận cũng nhận ñịnh giống như ông Christian Steineck vậy. Ngoài ra Ngài Ấn Thuận cũng còn cho biết thêm là trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, cách quán thứ nhất về mặt trời lặn là ảnh hưởng Thần Mặt Trời của Bà La Môn và Bái Hỏa Giáo. đây cũng là một lối nhận xét mới. Vì lâu nay chưa có đại Sư nào tu theo Tịnh độ phát biểu như vậy. Nhưng nay thì có một người đông Phương (đại Sư Ấn Thuận) và một người Tây Phương (Christian

366 Phật Giáo thời kỳ ñầu của người Âu Mỹ

Steineck) qua bao nhiêu nghiên cứu ñã trình bày ñược vấn ñề trên qua lịch sử và tiến trình thành lập của Tịnh độ Tông qua từng giai ñoạn và quốc ñộ khác nhau; chúng ta nên quan tâm về việc nầy.

Người đức hay người Âu Mỹ ñến với Thiền Học dễ hiểu và ñơn giản hơn. Nếu ñến với Tịnh độ hay Kim Cang Thừa có thêm nhiều vấn ñề phức tạp khác nữa. Ví dụ như người Âu Mỹ lâu nay vốn theo Tôn Giáo nhất thần; còn Phật Giáo thì vô thần hay cũng có thể nói là siêu thần. Vì Thần nào Phật Giáo cũng không bác bỏ (Kinh Pháp Hoa là ví dụ). Từ một vị Thần sáng tạo ra tất cả vũ trụ, con người. Bây giờ họ gặp ñức tin A Di đà (Tịnh độ) nhiều người cũng nghĩ là một vị Thần không chừng. Vì vị nầy cũng có khả năng chuyên chở họ về cảnh giới khác. đức Phật Di đà là một vị Phật có tính cách siêu việt (Tranzendent Buddha); không phải là một đức Phật lịch sử như đức Phật Thích Ca Mâu Ni; Ngài không sinh ra, lớn lên, thành ñạo và nhập đại Bát Niết Bàn ở cõi Ta Bà nầy; nhưng qua Ba Kinh Tịnh độ như ñã ñược trình bày ở trên, chúng ta tin qua lời dạy của đức Phật Thích Ca Mâu Ni ñã nói là có một thế giới gọi là Cực Lạc và có một vị Phật tên là A Di đà cùng với các vị Bồ Tát Quan Thế Âm và đại Thế Chí. Nhưng đức Phật A Di đà

không phải là một vị Thần hay một vị Chúa Tể có quyền ban ơn giáng họa cho người khác, mà Ngài chỉ là một vị Phật thực hành theo bổn nguyện của mình ñể giúp cho chúng sanh thoát ly sanh tử luân hồi. Sau khi về ñược cảnh giới Tây Phương Cực Lạc rồi mỗi chúng sanh phải tự tu và tự chứng lên ñến bậc giác ngộ giải thoát hoàn toàn; chứ

đức Phật A Di đà không thay thế cho chúng ta ñể giải thoát. Từ những năm 1981 ñến năm 1995 gần 15 năm như thế có hai Phật Tử người đức tu theo Pháp môn Tịnh độ. Họ ở tại Berlin và là những người Bác sĩ. Một ông tên là Roland Berthold và một ông tên là Günstler Hälfte. Hai ông ñã giúp cho tôi rất nhiều trong thời gian ban ñầu về việc xem xét bài vở bằng tiếng đức cũng như những bản kinh tôi ñã dịch từ tiếng Việt sang tiếng đức như Kinh A Di đà và Kinh Vu Lan Bồn về văn phạm cũng như cách hành văn. Hai vị nầy do đạo Hữu Trực Ngộ Phạm Ngọc đảnh giới thiệu. Trong khoảng thời gian trên, bất cứ lễ Phật đản hay Vu Lan nào của Chùa Viên Giác Hannover tổ chức, hai ông ñều về tham dự; nhưng từ năm 1995 ñến nay khi Chi nhánh Phật Quang Sơn của Hòa Thượng Tinh Vân ñã ñược thành lập tại Berlin thì hai vị nầy ñã sang ñó ñể cộng tác những công việc Phật sự của Chùa nầy. đây có lẽ là hai người Phật Tử đức tu theo pháp môn Tịnh độ có thời gian lâu dài ñáng kể. Họ theo truyền thống Trung Hoa cho nên rất gần gũi với Phật Giáo Việt Nam. Cách ñây chừng 15 năm; nghĩa là từ năm 1995, 1996 các thanh niên ñược sinh ra và lớn lên tại đức ñọc kinh tiếng Việt Hán hay Hán Việt không hiểu. May sao có một người đức tên là Dr. Günzel, học Phân khoa Phật Học tại đại Học Göttingen có làm một luận án Tiến Sĩ về quyển Thiền Môn Nhựt Tụng từ chữ Hán dịch ra tiếng đức. Thầy Hạnh Hảo, ñệ tử người đức xuất gia với tôi thuở ấy, liên lạc ñược với ông nầy và xin phép ñể in thành song ngữ Việt đức nghi thức nầy ñể cho những thế hệ trẻ bớt bỡ ngỡ khi ñi ñến Chùa tham gia những

thời khóa tụng. Từ thời kinh Lăng Nghiêm buổi sáng cho ñến kinh Di đà, Hồng Danh, Mông Sơn Thí Thực buổi chiều ñược dịch ra tiếng đức và hầu như 99% ñúng tiêu chuẩn của bản kinh xưa khi tôi ñem ra ñối chiếu lại. Thiền Môn Nhựt Tụng hay Nhị Thời khóa tụng là một cuốn kinh tại Trung Hoa, Chư Tổ ñã soạn cho người xuất gia và tại gia hành trì hằng ngày. Sau ñó ñược truyền vào Việt Nam và đài Loan. đây là kinh ñiển ñược soạn lại theo pháp môn Tịnh độ. Trong ñó còn các kinh khác như: Dược Sư, Vu Lan, Kim Cang, Báo Ân Phụ Mẫu v.v... tất cả những kinh nầy hầu như ñã ñược dịch sang tiếng đức. Do vậy ở ñây tôi có thể tạm kết luận rằng: Về phương diện nghiên cứu, dịch thuật, học thuật thì người đức nói riêng, người Âu Mỹ nói chung là quá tuyệt vời. Họ có trách nhiệm tuyệt ñối với tác phẩm dịch của họ. Ví dụ như muốn dịch ra tiếng đức từ ngôn ngữ Pali, Sanskrit, Nhựt, Hán, Việt v.v... họ ñến tận những nước ấy học hỏi hay học tại các đại Học đức và họ dịch trực tiếp sang tiếng đức chứ không qua một trung gian ngôn ngữ nào cả. đây là việc làm ñáng tin cậy ở xứ đức nầy. Về phương diện tu học và hành trì dĩ nhiên là rất khó ñịnh nghĩa. Vì hơn 30 năm qua tôi quan sát bao nhiêu người đức ñến xuất gia với Chùa Viên Giác, tu theo pháp môn Tịnh độ; nhưng họ

không thể tu hơn 15 năm với tư cách là một Tăng Sĩ; mặc dầu họ rất rành tiếng Việt như Thiện Nam, Hạnh Hảo, đồng Hòa v.v... Cái khó của người đức không phải chỉ riêng với truyền thống của Phật Giáo Việt Nam, mà ngay cả những truyền thống Phật Giáo khác nữa. Ví dụ như Trung Tâm Phật Giáo Tây Tạng tại Hamburg khi Ngài Geshe Thubten Ngawang ñến đức từ

năm 1977, cùng thời với tôi, và Ngài ấy ñã viên tịch cách ñây 10 năm về trước; Ngài là người ñã rất thành công cho việc truyền thừa Phật Giáo Tây Tạng vào đức lúc ban ñầu. Tuy Ngài không rành tiếng Anh và tiếng đức mấy; nhưng nhờ người đức tận tâm học tiếng Tây Tạng ñể dịch những bản kinh văn thẳng qua tiếng đức. Có 2 ñệ tử nam người đức rất giỏi là Christop và Oliver; mỗi người tu tại Trung Tâm nầy trên 10 năm; nhưng cuối cùng vẫn trở lại ñời thường. Không biết ñời sống xuất gia có cái gì ñó rất khó khăn với người Tây Phương. Tôi vẫn không rõ hết. Có lẽ họ khó khăn về giới luật, chuyện ăn uống, chuyện ñời thường chăng? Vì ở ñây họ quen tự do rồi. Thế nhưng những người nữ đức xuất gia thì tương ñối bền hơn. Ví dụ như Sư Cô Carola bây giờ là Tiến Sĩ Phật Học, ñệ tử của Ngài Geshe Tubten Ngawang, ñang dạy tiếng Tây Tạng tại đại Học Hamburg và Trung Tâm Phật Giáo Tây Tạng ở Schneverdingen cũng chỉ toàn là chư Ni đức coi sóc, chứ hầu như không có một Tăng Sĩ người đức nào xuất gia gần ñây tại Trung Tâm nầy. Tại Hannover có một người nữ tu đức y chỉ với tôi mấy năm nay. Sư Cô nầy tu theo Thiền Tào động Nhật Bản; nhưng khi thọ giới Tỳ Kheo Ni thì nương theo luật Tứ phần. Sư Cô ñã dịch luật Tỳ Kheo Ni từ tiếng Anh sang tiếng đức và Cô cũng viết nhiều sách tiếng đức nổi tiếng về Thiền. Tên Sư Cô là Dagma Wasskönig. Hiện tại những vị Ni nầy ñang lãnh ñạo Hội DBO của người xuất gia như có lần tôi ñã giới thiệu ở trên. Năm 1980 Thượng Tọa Seelawansa người Tích Lan ñến Áo du học. Sau ñó Ngài ñậu Tiến Sĩ tại đại Học Wien và trong hiện tại Ngài ñang dạy Phật Học cho các Sinh viên Áo tại đại Học nầy. Suốt trong mấy chục năm qua

tôi ñã quen biết với Thượng Tọa và ñược biết rằng: Từ ñó ñến nay cũng chẳng có người Áo nào xuất gia cả. Thượng Tọa cũng có bảo lãnh 5, 7 Thầy từ Tích Lan qua; nhưng chẳng ai ở nổi tại Áo; cuối cùng lại về nước hoặc ra ñời. Có lẽ tại Âu Châu lạnh quá, khí hậu không thích hợp, ngôn ngữ khó khăn, không có Phật Tử thuần thành v.v... đó có lẽ là lý do chính. Riêng bản thân chúng tôi từ năm 1982 ñến năm 2003 ñúng 22 năm như thế, tôi ñã ñộ cho 45 người xuất gia kể cả Việt và đức. Sau một thời gian dài tu học như vậy ñã có 4 Sư Cô viên tịch trong khi vẫn còn tu. Có 8 Thầy, Chú ra ñời. Số còn lại 33 người cả nam lẫn nữ ñương trụ trì các chùa các nơi; hoặc giả ñang hành ñạo các chốn khác, tương ñối là một thành quả lớn. Vì lẽ người xuất gia bây giờ hiếm lắm; hiếm nhất là những người phát tâm dõng mãnh ñể tiếp tục ñi cho hết cuộc ñời còn lại của mình. Bởi vì cuộc sống nầy có rất nhiều cám dỗ và quá tự do ở nhiều phương diện; nếu người nào không biết tự làm chủ mình, sẽ bị bánh xe thời gian sẽ vô tình nghiền nát chí nguyện xuất trần thượng sĩ lúc ban ñầu; mặc dầu biết rằng khi trở về lại với cuộc sống thế tục cũng không phải là lối thoát ñúng nghĩa; nhưng biết nói sao hơn, nhân duyên là

vậy. Có duyên thì còn gắn bó với Chùa; không duyên thì làm một Cư sĩ. Rồi áo cơm, chồng vợ; rồi con cái, nghiệp duyên... Con ñường mòn của sanh tử ñã sẵn lối; chẳng chừa một ai cả. đến khi về già trở lại cô ñơn, nuối tiếc vì ñã quá vụng về khi quyết ñịnh cho một chuyện quan trọng của ñời mình. (Xem thêm phần Ngài Thân Loan bên trên).

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 371

Tóm lại việc Phật Pháp ñược truyền sang Âu Mỹ là một việc tốt ñẹp. Vì lâu nay họ chỉ thấm thuần có một vị thuốc khi ñau ốm bệnh tật, trị bằng thuốc Optalidon; nhưng bây giờ có thêm thuốc Aspirin là loại giải cảm mới qua tinh thần giáo lý giải thoát của đạo Phật, họ uống vào cũng có thể chữa ñược thân bịnh. Tuy nhiên phải thành thật mà nói rằng: Giáo lý ấy mới chỉ thích hợp với người Cư sĩ tại gia về Thiền cũng như Tịnh hay Kim Cang Thừa. Còn con ñường cho người xuất gia ñối với người Tây Phương chắc phải cần thời gian năm tháng lâu dài hơn thế nữa.

372 Phật Giáo thời kỳ ñầu của người Âu Mỹ

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 373

VII. Tịnh độ Tông của Việt Nam

Quyển sách này tôi viết với hai mục ñích chính: Mục ñích thứ nhất là muốn hệ thống hóa lại tư tưởng Tịnh độ cho có lề lối và rõ ràng. Vì lâu nay những người tu và thực hành theo Tịnh độ Tông tuy có thực hành ñó; nhưng chưa rõ nguồn gốc; cũng như tôi mong mỏi những người Phật tử Việt Nam, ñọc thêm cách hành trì về Tịnh độ của các nước Phật Giáo khác và từ ñó bổ sung thêm cách thực hành lâu nay của mình ñể ñược thành tựu hơn. Mục ñích thứ hai, tôi muốn giới thiệu tác phẩm nầy ñến với những người Phật tử đức, lâu nay vốn theo Phật giáo; nhưng không biết Phật Giáo Việt Nam một cách rõ ràng; nhất là pháp môn niệm Phật. Sau khi sách tiếng Việt ñược ấn tống xong, Thầy Hạnh Giới, Trụ trì Chùa Viên Giác Hannover, đức quốc, sẽ dịch sách nầy ra tiếng đức ñể quý Phật tử đức có cơ hội nghiên cứu thêm. Hai mục ñích nêu trên rất rõ ràng; cho nên tôi mong mỏi quý ñộc giả trước tiên nên hiểu sơ qua về lịch sử Phật Giáo ñược truyền vào nước Việt Nam của chúng ta qua các nhà sử học, Phật học và qua kinh sách. để từ

374 Tịnh độ Tông của Việt Nam

ñó chúng ta dễ nhận diện chỗ ñứng của chúng ta vốn có tự ngàn xưa trong vấn ñề vận hành bánh xe pháp ấy vào quê hương đại Việt vậy. Nguồn sử liệu thứ nhất khi tôi ñọc ñược là quyển "Phật Giáo Việt Nam sử lược" của cố Hòa Thượng Thích Mật Thể. Quyển sách tuy khiêm tốn; nhưng cũng ñã nói lên ñược những ñiều cần yếu cho người muốn tìm hiểu, học hỏi, có ñược sách vở ñể nghiên cứu. Quyển này Ngài cũng ñã dựa vào quyển viết bằng tiếng Pháp của ông Trần Văn Giáp viết về "Lịch sử Việt Nam từ thời kỳ khởi nguyên cho ñến thế kỷ thứ 13". Quyển sách ñã chia rõ từng giai ñoạn lịch sử và các triều ñại trong suốt 1.300 năm ấy. Riêng cá nhân chúng tôi, chỉ muốn minh ñịnh về sự truyền vào và nhất là Tịnh độ Tông mà thôi, chúng tôi không có tham vọng viết về lịch sử Phật Giáo Việt Nam, vì cho ñến nay ñã có bốn người viết rồi. đó là ông Trần Văn

Giáp, cố Hòa Thượng Thích Mật Thể, Nguyễn Lang tức Thiền Sư Thích Nhất Hạnh và Giáo Sư Tiến Sĩ Trí Siêu Lê Mạnh Thát và ngoài ra ông Nguyễn Hiền đức cũng ñã có viết thêm về lịch sử Phật Giáo Việt Nam đàng Trong nữa. Cố Hòa Thượng Thích Mật Thể thì cho rằng: đạo Phật dược du nhập vào Việt Nam chúng ta vào năm 198 sau Tây lịch; nghĩa là cuối thế kỷ thứ 2. Có các Ngài Khương Tăng Hội, Mâu Bác và Chi Cương Lương là những người ñầu tiên hành ñạo tại Giao Chỉ. Thuở ấy Việt Nam chúng ta bị Bắc Thuộc lần thứ 2; cho nên ña phần kinh ñiển hay cách tu ñều rập khuôn theo Trung Quốc. Chỉ riêng Thiền Tông là có ghi chép sự truyền thừa rõ ràng từ Ngài Tỳ Ni đa Lưu Chi (? - 594) ñến Giao Chỉ vào năm 580; nghĩa là cuối thế kỷ thứ 6 và Ngài ñã ñến

Trung Hoa gặp Tổ Tăng Xán (529 - 613) và Tổ bảo hãy xuôi Nam ñể truyền giáo. Do vậy Thiền Tông ñã chính thức có mặt tại Việt Nam từ thuở ấy. Rồi Vô Ngôn Thông, Thảo đường, Trúc Lâm Yên Tử, Lâm Tế, Tào động v.v...; nhưng tuyệt nhiên không có ñề cập ñến ai là vị Tổ truyền Tịnh độ Tông ñến Việt Nam. đây là một nghi vấn lớn, vì lẽ trong hiện tại những Phật tử Việt Nam tuy nói rằng thuộc Thiền Lâm Tế hay Tào động; nhưng ña phần lại tu theo pháp môn Tịnh độ, lý do vì sao thì chưa có ai trả lời thích ñáng. Vào giữa thập niên 80, 90 ở ngoại quốc chúng tôi ñã ñọc ñược bộ sách của tác giả Nguyễn Lang tức là Thiền Sư Thích Nhất Hạnh viết về "Việt Nam Phật Giáo sử luận 1, 2 và 3". đây là những tài liệu thật quý hiếm, vì ở ngoại quốc; nên Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh có nhiều cơ hội sưu tập tài liệu bằng chữ Hán và tiếng Pháp, tiếng Anh rất dễ dàng. điều ñặc biệt của sách nầy chứng minh rằng: Phật Giáo Việt Nam không phải ñược truyền vào trực tiếp từ Trung Hoa, mà trước khi Phật Giáo đến Trung Hoa, Phật Giáo ñã có mặt tại Giao Châu rồi. Thay vì thế kỷ thứ 2 thì Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh chứng minh là Phật Giáo từ Ấn độ trực tiếp ñược truyền vào Giao Châu từ thế kỷ thứ nhất. Ngài lý luận rằng: Những thương thuyền Ấn độ ngày xưa trước khi sang buôn bán với người Trung Quốc tại kinh ñô Bành Thành thì các tàu buôn phải ghé qua kinh ñô Luy Lâu của Giao Chỉ trước. Khi ñi họ có mang theo Tăng sĩ Ấn độ ñể cầu nguyện cho mưa thuận gió hòa và khi ñến ñược ñất Giao Châu họ phải ở lại ñây mấy tháng chờ gió nồm mới có thể giăng buồm ñể tiếp tục

sang Trung Quốc. đây là thời gian ñể người Giao Chỉ làm quen với các nhà Sư và Phật Giáo lúc ban ñầu. Lý do khác mà nhà Sử học Nguyễn Lang ñã ñưa ra rằng: Ngày xưa ñường bộ rất nguy hiểm, vì núi cao và thú dữ; cho nên những ñoàn lái buôn không ai dám ñi ngang qua rừng và sa mạc cả. Ngoài những sự hiểm trở của thiên nhiên ra còn có cả trộm cướp, lục lâm, thảo khấu nữa. Do vậy những người ñi buôn giữa hai nước chẳng ai dại gì vừa bị mất mạng vừa tiêu tan tài sản nữa; nên họ ñã chọn con ñường biển. Từ những lý do chính ñáng trên, Thiền Sư Nhất Hạnh ñã khẳng ñịnh rằng: Phật Giáo trước khi ñến Trung Hoa ñã có mặt tại Việt Nam rồi và ñiều chứng minh khác hơn cố Hòa Thượng Thích Mật Thể là không phải cuối thế kỷ thứ 2, mà là thế kỷ thứ nhất. Nhưng nếu ñọc cho kỹ thì trong 3 quyển sử luận nầy cũng không chứng minh ñược về Tịnh độ bắt nguồn phát xuất tại Giao Châu lúc nào và ai là vị Tổ Sư ñầu tiên? Khoảng

giữa thập niên 90 có một tập sách ñặc biệt về lịch sử Phật Giáo Việt Nam ra ñời. đó là "Lịch sử Phật Giáo Việt Nam tập I, II và III" do Giáo Sư Lê Mạnh Thát biên soạn. đây là một tài liệu ñáng tin cậy, vì lẽ Giáo Sư tốt nghiệp Tiến Sĩ tại Hoa Kỳ và thông thạo nhiều ngôn ngữ cũng như có công tra cứu thật là tỉ mỉ, nhất là "Lục độ Tập Kinh" có mặt trong đại Chánh Tân Tu đại Tạng Kinh. Căn cứ vào bộ kinh cổ nhất của Giao Châu, Giáo Sư ñã lập luận rằng: Phật Giáo Việt Nam ñã ñược truyền vào thế kỷ thứ nhất trước Tây lịch và 2 người Phật tử ñầu tiên là Chử đồng Tử và công chúa Tiên Dung thuộc ñời vua Hùng Vương thứ 18.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 377

điểm thứ hai ñối với chúng tôi rất quan trọng. đó là câu chuyện của Ngài đàm Hoằng ñã tu theo kinh Quán Vô Lượng Thọ và cuối ñời tự thiêu ở núi Tiên Du Bắc Việt và mọi người trong thôn thấy toàn thân Ngài sáng chói và ñi về hướng Tây. Dữ liệu nầy là một dữ liệu rất quan trọng ñể chúng ta có thể tìm ra manh mối của Tịnh độ Tông bắt nguồn từ lúc nào. điều thứ ba mà Giáo Sư Lê Mạnh Thát muốn chứng minh cho chúng ta thấy rằng: Vua A Dục thuở ấy vào thế kỷ thứ 3 trước Tây lịch có thể ñã cho xây tháp tại xứ Giao Châu của chúng ta. Nếu Phật Giáo Việt Nam ñược truyền qua ngả Ấn độ từ thời vua Hùng Vương thứ 18; có nghĩa là trước cả Trung Hoa. Vì dưới thời vua Hán Minh đế Phật Giáo mới ñược truyền vào Trung Hoa và vào năm 67 sau Tây lịch, kinh Tứ Thập Nhị Chương mới ñược hai vị Sư Ấn độ là Ca Diếp Ma đằng và Trúc Pháp Lan dịch ra tiếng Trung Hoa tại kinh ñô Lạc Dương. điều nầy cũng có thể, vì ngày xưa nước Lâm Ấp có diện tích khá rộng, bao phủ cả nước Việt Nam, Thái Lan, Cao Miên và có biên giới giáp với Ấn độ. Do vậy người Ấn độ ñến Lâm Ấp (tức là Chiêm Thành cũ) dễ dàng hơn là ñi qua Trung Hoa cả ñường bộ lẫn ñường thủy, cho nên Phật Giáo ñược truyền vào Giao Châu sớm hơn Trung Quốc vào thời vua Hùng Vương thứ 18 cũng là ñiều có thể tin ñược. Từ ñiểm nầy liên hệ với ñiểm thứ ba như ñã ñược trình bày ở trên là nước Lâm Ấp (Chiêm Thành cũ) ña phần theo Ấn độ giáo vì dòng văn tự giống như chữ Phạn, mà ngày nay một số người Chiêm Thành còn sót lại tại Nha Trang, Phan Rang họ vẫn còn theo ñạo nầy và dùng ngôn ngữ ấy. Từ ñó chúng ta có thể tin ñược rằng

378 Tịnh độ Tông của Việt Nam

một trong 84.000 ngọn tháp mà vua A Dục cho dựng lên vào thế kỷ thứ 3 trước Tây lịch cũng có thể ñã có mặt tại Lâm Ấp chăng? Thế nhưng trong đại đường Tây Vức Ký, chúng tôi ñã có cơ hội dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt cách ñây mấy năm không thấy Ngài Huyền Trang ñề cập ñến có phù ñồ (Stupa) nào ñược Vua A Dục cho dựng xây tại Lâm Ấp cả. Vì vào thời Ngài Huyền Trang ở thế kỷ thứ 7, Lâm Ấp vẫn còn có mặt trên bản ñồ thế giới, cho nên Ngài Phật Triệt mới có thể mời Thầy mình là người Ấn độ là Ngài Bồ đề Tiên Na ñến Lâm Ấp dừng chân mấy năm trước khi qua Trung Quốc và sau ñó sang Nhật Bản làm Khai nhãn Sư tượng đại Phật chùa đông đại ở Nara vào năm 752 ! Khi ñọc ñến câu chuyện của Ngài đàm Hoằng tự thiêu, tôi lại liên tưởng ñến Ngài đàm Loan, Sơ Tổ Tịnh độ Tông của Trung Hoa chắc có cái gì ñó liên hệ chăng? do vậy mới tìm Phật Quang đại Từ điển của Hòa Thượng Thích Quảng độ dịch tra cứu thì thấy như sau:

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 379

A- Ngài đàm Hoằng và tư tưởng Tịnh độ

"đàm Hoằng (? - 455) Vị Tăng ở ñời Lưu Tống thuộc Nam Triều, người Hoàng Long. Sư xuất gia từ nhỏ, chuyên tinh giới luật. Trong năm Vĩnh Sơ (420 - 422), Sư ñến Quảng đông, dừng chân ở đài tự. Sau ñó Sư ñến chùa Tiên Sơn ñất Giao Chỉ, thường tụng kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ, phát nguyện vãng sanh Tây Phương. Năm Hiếu Kiến thứ 2 (455) Sư Vào núi tự thiêu rồi tịch. Mọi người trong thôn ñều thấy toàn thân Sư sáng chói, ngồi trên lưng con nai bằng vàng ñi về phương Tây. Thâm cảm sự lạ lùng ấy, mọi người thu nhặt tro xương của Sư, dựng tháp cúng dường". (Phật Quang đại Từ điển trang 1587). (Xem Lương Cao Tăng truyện quyển 12). Căn cứ vào truyện trên ta có thể ñoán rằng Ngài đàm Hoằng sinh ít nhất là vào cuối thế kỷ thứ 4 và ñầu thế kỷ thứ 5; nghĩa là khoảng từ 390 - 400. Như vậy thời gian nầy là thời gian mà Ngài Huệ Viễn (334 - 416) có mặt tại Lô Sơn và ñang chủ trương thành lập Bạch Liên Xã tại ñó. Không biết lúc ñương thời tại Trung Quốc, Ngài đàm Hoằng có thọ giáo với Ngài Huệ Viễn ñể học kinh Vô Lượng Thọ và Quán Vô Lượng Thọ không? ñể ñến năm (420 – 422) ít ra Ngài đàm Hoằng cũng ñã 20 - 30 tuổi mới có thể một mình hay cùng bạn hữu Tăng

380 Tịnh độ Tông của Việt Nam

nhân ñi ñến ñất Giao Chỉ và trú tại chùa Tiên Sơn ñược. Khi Ngài ñến có lẽ Ngài không nói ñược tiếng Việt; nhưng Ngài tụng kinh Vô Lượng Thọ và Quán Vô Lượng Thọ bằng chữ Hán thì chắc rằng người Giao Châu hiểu nội dung nhưng không nói ñược (vì thuở ấy Giao Châu ñang thời kỳ Bắc thuộc lần thứ 2 của Trung Quốc). Nhưng trong quyển "Lịch sử Phật Giáo Việt Nam tập 1" của Giáo Sư Lê Mạnh Thát thì còn diễn tả tỉ mỉ hơn như tiểu sử ñã ghi trên rằng: Ngài đàm Hoằng có ý ñịnh tự thiêu nên ñã vào núi tìm củi ñể ñó, chờ ngày phát nguyện thiêu thân cúng dường; nhưng dân làng Tiên Du Bắc Việt biết ñược ý ñịnh của Ngài; nên họ ñã cho cất giấu tất cả củi ñi. Thế rồi nhân ngày hội lớn của làng. Tất cả mọi người ñều ñi dự lễ, một mình ngài vào núi tìm củi tiếp, rồi tự hỏa thiêu, lúc dân làng phát hiện ñược thì sự việc ñã xảy ra như ñã trình bày ở trên. Còn Ngài đàm Loan (476 - ?) tuy cùng pháp danh với ngài đàm Hoằng; nhưng khi Ngài đàm Loan sinh ra thì ngài đàm Hoằng ñã viên tịch (455) cũng có thể hai vị này cùng thờ chung một vị Thầy chăng? vì lẽ Ngài đàm Loan nhận ñược kinh Quán Vô Lượng Thọ từ Ngài Bồ đề Lưu Chi tại kinh ñô Lạc Dương (xem Phật Quang đại Từ điển trang 1589) và cũng tu theo pháp môn nầy có nguồn gốc liên tục từ Ngài Long Thọ ñến Ngài Thế Thân; cho nên Phật Giáo Nhật Bản chọn Ngài đàm Loan của Trung Quốc làm Sơ Tổ Tịnh độ Tông Trung Quốc và ñệ tam Tổ Tịnh độ Tông của Nhật Bản, mà không chọn Ngài Huệ Viễn. Như vậy chúng ta có thể khẳng ñịnh rằng Tịnh độ Tông ñược truyền vào Việt Nam vào năm 420 sau Tây lịch. Ngài có thể là vị Sơ Tổ Tịnh độ

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 381

Tông của Việt Nam chăng? nếu ñược vậy thì Tịnh độ Tông ñược truyền vào Việt Nam còn trước cả Thiền Tông 160 năm; nghĩa là năm 580 Ngài Tỳ Ni đa Lưu Chi mới ñến Việt Nam và từ ñó Thiền Tông mới bắt ñầu truyền thừa. Nhưng trước Ngài đàm Hoằng

là vị nào tu Tịnh độ hay chỉ có Ngài đàm Hoằng tu theo kinh Vô Lượng Thọ và kinh Quán Vô Lượng Thọ mà thôi và sau Ngài đàm Hoằng là vị nào ñã tu theo pháp môn Tịnh độ? ở ñây cũng có thể ñem ra một kết luận sơ khởi là chúng ta nên chọn Ngài Long Thọ làm Sơ Tổ Tịnh độ Tông, Ngài Thế Thân ñệ nhị Tổ và khi Phật Giáo truyền thẳng vào Giao Châu ở thế kỷ thứ 5 (420) thì Ngài đàm Hoằng chúng ta tạm tôn xưng là Sơ Tổ Tịnh độ Tông Việt Nam và là đệ tam Tổ Tịnh độ (sau Ngài Long Thọ, Thế Thân) như người Nhật ñã chọn Ngài đàm Loan làm đệ tam Tổ Tịnh độ cho Phật Giáo Nhật Bản vậy. điều này không phải chúng ta thấy sang bắt quàng làm họ, mà có chứng cứ lịch sử và kinh ñiển rõ ràng. đây chỉ là sự phát hiện tình cờ của chúng tôi thôi và mong rằng các bậc cao minh có thể chỉ giáo thêm. Về phần tư tưởng và cách lập Tông của các Ngài Long Thọ và Ngài Thế Thân chúng ta không cần phải ñề cập ñến ở ñây nữa; nhưng riêng vị Tổ Sư đàm Hoằng tương ñối ñặc biệt ñối với những người Phật tử Việt Nam tu theo pháp môn Tịnh độ; nên chúng ta cần nghiên cứu sâu xa thêm một ít nữa. Ngài đàm Hoằng ñến Việt Nam tu trên chùa Tiên Sơn núi Tiên Du thuộc tỉnh Bắc Ninh ngày nay. đây là tỉnh lỵ mà ñược nhiều triều ñại vua chúa Việt Nam sau

382 Tịnh độ Tông của Việt Nam

khi ñộc lập giành tự chủ cho ñất nước (năm 938) ñến thời vua Lý Thái Tổ (1010) ñã cho chọn làm kinh đô. Do ñịa thế thuận lợi và qua lại dễ dàng với Trung Quốc vì trước ñó từ năm 43 trước Tây lịch ñến năm 938 sau Tây lịch gần 1000 năm như thế Việt Nam bị Bắc thuộc lần thứ 2. Cho nên người Trung Quốc có mặt thường xuyên tại Giao Châu; giống như người Trung Quốc có mặt tại Tây Tạng từ năm 1959 ñến nay (2011). Người Tây Tạng vẫn giữ văn hóa và Tôn Giáo của Tây Tạng; còn người Trung Quốc thì cai trị, muốn cho dân Tây Tạng bị ñồng hóa như họ ñã muốn thực hiện chính sách nầy ñối với người Việt Nam gần 1000 năm nhưng vẫn không thành công. Vì lẽ dân tộc nào cũng có quyền tự trị của họ cả. Họ có văn hóa riêng, ngôn ngữ riêng, tập quán riêng... thì không thể ñồng hóa họ ñược. Như vậy Ngài đàm Hoằng ñã ñến Giao Châu (Bắc Ninh) từ Quảng đông (biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc). Lúc ấy có lẽ không phải Ngài ñến ñể tỵ nạn mà ñến ñể hoằng pháp lợi sanh cho người Trung Quốc và người Việt Nam ñang sinh sống tại Giao Châu thuở ấy. Việc này cũng tương tự như tình hình của người Việt Nam trong hiện tại. Trước và sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 ñã có hơn 2 triệu người Việt Nam có mặt khắp nơi trên thế giới. đi ñến ñâu, sau khi ñã ñược sống an cư, lạc nghiệp thì người Việt Nam ñều xây dựng Chùa chiền ñể làm chỗ dựa tinh thần trong lúc gia ñình có quan, hôn, tang, tế v.v... ñây là ñiều cần thiết. Do vậy Phật tử có thể thỉnh những vị Thầy cùng ñi chung với mình ñến ñất nước ấy, Chùa ấy trú ngụ; hoặc giả liên lạc về Việt Nam ñể thỉnh chư Tăng, Ni sang hoằng hóa tại các nước có người Việt Nam.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 383

Câu chuyện hơn 1.500 năm trước tại Giao Châu chắc cũng như vậy thôi, không khác gì bây giờ mấy. Nghĩa là Ngài đàm Hoằng ñã có mặt tại Việt Nam vào năm 420 - 422. Thời gian nầy ñất Giao Châu chắc chỉ rộng ñến Nghệ An, Thanh Hóa là cùng và người Giao Châu cũng có tín tâm với ñạo Phật nên ñã xây Chùa trên núi cho Sư ở; nên gọi là Tiên

Sơn tự. Chùa núi thì chắc rằng ñơn giản hơn chùa ở phố thị. Nơi ấy hằng ngày Sư đàm Hoằng vào núi ñốn củi, hái rau, trái cây rừng về ñể dùng bữa qua ngày. đêm ñến tụng kinh A Di đà. Nếu những ngày vía lớn thì kinh Vô Lượng Thọ và trước khi ñi ngủ cũng như sau khi ngủ Ngài đàm Hoằng ngồi tọa thiền ñể quán 16 phép quán như đức Phật ñã dạy cho Hoàng Hậu Vy đề Hy thuở Phật còn tại tiền. đến năm 455 thì Ngài đàm Hoằng tự thiêu. Trong các kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ và kinh A Di đà chúng ta không thấy ñề cập ñến vấn ñề tự thiêu; nhưng trong kinh Pháp Hoa phẩm thứ 23 nói về Ngài Dược Vương và Dược Thượng Bồ Tát khi muốn cúng dường Phật, ñã tự ñốt cánh tay và thân của mình. đây là hạnh nguyện cúng dường bố thí Ba La Mật. Trong kinh Kim Cang cũng có ñoạn nói về việc khi đức Thế Tôn còn là một vị Bồ Tát cũng ñã hy sinh thân ñầy mà không trụ vào chỗ nào cả; nên bị Tiên Nhơn xẻ thịt; nhưng Ngài không chấp vào ñó. Như vậy hình thức cúng dường bằng thân thể của mình lên chư Phật và chư Bồ Tát ñã có từ lâu; nhưng không phải là một việc thường ñược khuyến khích, mà là việc ñáng quan tâm. Sau khi tự thiêu xong dân làng thấy Ngài ngồi trên lưng con nai vàng ñi về hướng Tây. Hướng Tây có nghĩa là Tây Phương Cực Lạc. Vì trong kinh Quán Vô Lượng

Thọ đức Phật ñã chỉ cho Hoàng Hậu Vy đề Hy và những chúng sanh ñời sau ñầy nên quán như thế ñầy, nên quán như thế kia ... và việc quán ấy ñã ñược thành tựu; cho nên chư Thánh chúng ñến ñón về Tây. Con nai vàng tượng trưng cho hào quang của đức Phật A Di đà. Vì Vô Lượng Quang (A Di đà) là ánh sáng màu vàng chiếu khắp cả vô lượng thế giới, ñến khi niệm niệm ñã thành thục khi thân trung ấm ñã lìa khỏi thân tứ ñại thì tâm thức ñược sanh lên thế giới Tây Phương Cực Lạc và chứng vào quả vị Thượng Phẩm Thượng Sanh. Lúc ấy ngồi trên hoa sen, sẽ nghe đức Phật A Di đà thuyết pháp. Hình ảnh con nai vàng và hình ảnh hướng về Tây là hình ảnh giải thoát sanh tử của Ngài đàm Hoằng ñể sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc. đây chỉ là biểu hiện qua hình tướng, mà là kết quả một ñời tu hành, thanh tịnh giữ giới của Ngài. Nếu Ngài viên tịch năm 455, tức là Ngài ñã ở Việt Nam ñược 35 năm. Trong 35 năm ấy chắc Ngài ñã giáo hóa không ít ñồ chúng tại Chùa Tiên Sơn tu theo pháp môn Tịnh độ. Tuy rằng trước ñó và sau ñó không có vị Tổ Sư nào ñã cho ta thấy rõ ràng là ñã tu pháp môn ñầy; nhưng ñiều ấy không quan trọng. Nếu chúng ta xem lại lịch sử thì chúng ta sẽ thấy từ vị Tổ thứ nhất ñến vị Tổ thứ 2 cách xa rất nhiều thế kỷ. Ví dụ như: Sau khi đức Phật nói kinh A Di đà (tiểu bổn) cho Ngài Xá Lợi Phất nghe tại nước Xá Vệ; nơi vườn cây của Thái Tử Kỳ đà và Trưởng giả Cấp Cô độc; sau ñó đức Phật nói kinh Vô Lượng Thọ (ñại bản A Di đà) cho Ngài A Nan và ngài A Thuyết Thị nghe tại núi Kỳ Xà Quật và cuối cùng đức Phật ñã nói kinh Quán Vô Lượng Thọ cho Hoàng Hậu Vy đề Hy và Ngài A Nan nghe tại núi Linh

Thứu. Kể từ ñó cho ñến sau khi đức Thích Tôn nhập diệt và trải qua 4 thời kỳ kết tập kinh ñiển khác nhau, chúng ta không nghe vị Tổ nào ñề cập ñến 3 kinh căn bản ñầy cả. Mãi cho ñến khi Ngài Long Thọ ra ñời tại miền Nam Ấn độ (thế kỷ thứ 2 sau Tây lịch);

nghĩa là sau đức Phật nhập diệt gần 900 năm, Ngài Long Thọ mới xiển dương pháp môn Tịnh độ qua Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận và Ngài không phải chỉ là Sơ Tổ của Tịnh độ Tông tại Ấn độ mà còn là Tổ Sư của 8 Tông phái khác nữa. Rồi ñến Ngài Thế Thân em ruột Ngài Vô Trước là Tổ thứ 2 của Tịnh độ Tông Ấn độ, Nhật Bản, Việt Nam và Trung Hoa cũng cách nhau hàng 200 năm. Vì Ngài Thế Thân sinh vào thế kỷ thứ 4, thứ 5 sau Tây lịch. Từ Vãng Sanh Luận trong Du Già Sư địa Luận, người ta biết rằng Ngài Thế Thân ñã dùng Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận của Ngài Long Thọ làm căn bản ñể phát triển Tịnh độ. Do vậy mà Tịnh độ Tông Nhật Bản mới dễ dàng chấp nhận như vậy và dĩ nhiên là Ngài Thế Thân cũng như Ngài Long Thọ ñã dựa theo 3 kinh Tịnh độ làm tư tưởng của pháp môn nầy. Từ Ngài Thế Thân qua Ngài đàm Hoằng hay Ngài đàm Loan rất hữu lý, vì chỉ cùng nhau trong thế kỷ thứ 5 hay trễ hơn là vài ba chục năm sau, tư tưởng Tịnh độ nầy ñược truyền vào Trung Quốc ñể ñến cuối thế kỷ thứ 5, ñầu thế kỷ thứ 6, Ngài đàm Loan ñã trở thành Sơ Tổ Tịnh độ Tông của Trung Hoa. Rồi từ Ngài Thiện đạo (613 - 681) Tổ thứ 3 của Tịnh độ Tông Trung Hoa truyền tư tưởng nầy cho Ngài Nguyên Tín của Nhật Bản (942 - 1017) cách xa nhau ñã là trên dưới 300 năm. Trong 300 năm ấy là thời gian cần thiết ñể tư tưởng của ba kinh Tịnh độ thâm nhập vào xứ mặt Trời ấy. Rồi từ Ngài Nguyên Tín ñến Ngài Nguyên Không Pháp Nhiên (1133 -

1212) cũng cách nhau trên dưới 200 năm như vậy, Ngài Pháp Nhiên mới có thời gian nắm bắt ñược sự truyền thừa và Tông chỉ của Tịnh độ Tông. Chỉ trừ Ngài Thân Loan và Ngài Pháp Nhiên là Thầy trò trực tiếp truyền cho nhau về Tông Tịnh độ nầy, ngoài ra giữa các vị Tổ với nhau, thời gian xa nhau như muôn vạn dặm. Ở ñây không gian không quan trọng bằng tư tưởng. Vị nào có tư tưởng khế hợp với khế cơ và khế lý của vị ñi trước hay ñúng với tinh thần của 3 kinh Tịnh độ, thì vị ấy ñời sau sẽ ñược suy tôn làm Tổ. Ít có vị nào khi còn sống ñược vinh hạnh nầy; chỉ trừ Ngài Ca Diếp lãnh hội trực tiếp tâm thiền từ đức Phật cũng như nhiều vị Tổ Sư Thiền Tông khác. Từ ñó chúng ta có một cái nhìn thông thoáng hơn về Tịnh độ Việt Nam cũng vậy. Nghĩa là sau khi ñã tạm thiết lập ñược các vị Tổ Sư Tịnh độ ban ñầu rồi, thì những vị sau, chúng ta sẽ lần lượt dò tìm theo sử liệu ñể ñề nghị và nếu có nhiều vị Tôn Túc hoan hỷ, ñúng theo lịch sử thì chúng ta sẽ có một sự truyền thừa rõ rệt. Dẫu cho vị Tổ thứ 2 của Tịnh độ Tông Việt Nam cách Ngài đàm Hoằng 1.000 năm hay 1.500 năm cũng không có gì quan trọng cả. đọc lịch sử Nhật Bản nói về Việt Nam, họ cũng chỉ bắt ñầu vào năm 938 khi Ngô Quyền dẹp tan quân Nam Hán và xưng Vương. Như vậy Bà Trưng, Bà Triệu (thế kỷ thứ nhất trước Tây lịch) Lý Nam đế (thế kỷ thứ 6) ñi ñâu hết rồi? ngoài ra còn 18 ñời Hùng Vương nữa? nếu ñọc sử Trung Quốc lại còn thê thảm hơn nữa. Họ xem ñất nước Giao Châu, Lâm Ấp là những nước chư Hầu, triều cống họ thì trước sau cũng thuộc về họ thôi ! đây là mộng ñế vương của Tần Thủy Hoàng, của Thành Cát Tư

Hãn vẫn còn hiện diện trong ñầu óc của những người Trung Quốc bảo thủ ngày nay. Quý vị nào có cơ hội ñi Trung Quốc ñến Hàng Châu tại chùa Bạch Ẩn, quý vị sẽ thấy

một dãy núi họ gọi là "Thiên Trúc Tây lai phùng" có nghĩa là "núi từ phía Tây ñến - Thiên Trúc (Ấn độ). đâu có núi nào bay ñược. Thế mà người Trung Quốc còn làm cho núi bay ñược. đó là chưa kể tứ ñại danh sơn của Phật Giáo như: Phổ đà Sơn nơi thị hiện của đức Quán Thế Âm Bồ Tát; Cửu Hoa Sơn nơi thị hiện của đức địa Tạng Vương Bồ Tát; Nga Mi Sơn nơi thị hiện của đức đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát và Ngũ đài Sơn nơi thị hiện của Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát. Nghĩa là: Bi, trí của các vị Bồ Tát ñều dồn về hết Trung Quốc; trong khi ñó tại Việt Nam, đại Hàn, Ấn độ v.v... các vị Bồ Tát ấy ở chỗ nào? Thế kỷ thứ 20, khi Ngài Tuyên Hóa ñến hoằng pháp tại Hoa Kỳ, Ngài cũng ñã dùng tinh thần của Trung Quốc ñể lập nên 4 ñạo tràng cho 4 vị Bồ Tát nầy tại Mỹ Quốc như sau: San Diego: Nơi thị hiện của đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Los Angeles: Nơi thị hiện của đức đại Thế Chí Bồ Tát. San Francisco: Nơi thị hiện của đức Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát. Seattle: Nơi thị hiện của đức đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát.

388 Tịnh độ Tông của Việt Nam

Rồi 100 năm sau, 200 năm sau hay nhẫn ñến 1.000 năm sau nữa những nơi nầy sẽ trở thành những ñạo tràng linh hiển của những vị Bồ Tát nầy. Nhìn lịch sử Việt Nam từ sau thời Lý Nam đế khởi nghĩa vào thế kỷ thứ 6 ñến thế kỷ thứ 10 chúng ta rất ñau lòng. Vì dân tộc vốn bị ách ñô hộ lầm than của các Thái Thú ngay cả ñời đường là ñời văn minh nhất của lịch sử Trung Hoa và lịch sử thế giới; nhưng tìm ñâu ra ñược những đỗ Thuận giả làm người chèo ñò ñể ñối ñáp với Lý Giác sứ giả của Trung Hoa về con ngỗng ñang bơi lội trên sông ấy. Rồi tới Khuông Việt Thái Sư ñời vua Lê đại Hành. Vào năm 981 Ngài là vị Tăng Thống ñầu tiên của đại Việt nhưng cho tới giờ này chúng ta cũng không còn ñược lưu truyền những gì thuộc về phương pháp tu hành của Ngài và ngay như cả Thiền Sư Vạn Hạnh làm Quốc sư cho triều nhà Lý cũng vậy. Dĩ nhiên nhờ bài thơ: Thân như ñiện ảnh hữu hoàn vô Vạn mộc xuân dinh, thu hựu khô Nhậm vận thịnh suy vô bố úy Thịnh suy như lộ thảo, ñầu phô.

Hòa Thượng Mật Thể dịch:
Thân như bóng xế chiều tà
Cỏ xuân tươi tốt, thu qua rụng rồi
Sá chi suy thạnh cuộc ñời
Thạnh suy như hạt sương rơi ñầu cành.
Tư Tưởng Tịnh độ Tông 389

Nhờ ñó chúng ta biết ñược quan ñiểm về cuộc ñời, thế thái nhân tình, ngôi cao chức trọng v.v... rồi cũng chỉ là sương rơi trên ñầu ngọn cỏ theo tinh thần Thiền Học mà thôi. Còn Tịnh độ thì sao? Dĩ nhiên cho tới các ñời sau vẫn thường không thấy nhắc ñến. Mãi cho ñến cuối thế kỷ thứ 19 ñầu thế kỷ thứ 20, khi mà Thiền Tông không còn thịnh hành như những thế kỷ trước ở Việt Nam nữa, thì Tịnh độ bắt ñầu khởi sắc; nhưng chưa biết vị Sư nào vừa tu Thiền vừa tu Tịnh, rồi cổ xúy Tịnh độ ñể Tịnh độ phát huy ñược như ngày hôm nay. Mong rằng những nhà nghiên cứu sẽ tiếp tục làm việc ấy. Ví dụ như Ngài Nguyên Tín ở Nhật vào thế kỷ thứ 10, 11 (942 - 1017) Ngài tu ở núi Tỉ Duệ; một mặt Ngài cổ xúy Tịnh độ Tông; nhưng Ngài vẫn tu Thiền tại ñó. Vì núi Tỉ Duệ là nơi tổ hợp

các Tông phái của Thiên Thai. Sau này nhờ ñó mà Ngài Nguyên Không Pháp Nhiên mới dựa vào lời nguyện thứ 18 của đức Di đà qua Ngài Nguyên Tín mà Ngài Thiện đạo ñã truyền ñạt. Từ ñó Tông Tịnh độ tại Nhật mới phát triển mạnh mẽ và rõ ràng ñược. Hoặc giả Ngài Vĩnh Minh Diên Thọ Thiền Sư (904 - 975) cũng vậy. Ngài là Tổ Sư Thiền và chủ trương rằng: "Dù cho có nghìn thuyết khác nhau, rốt cuộc cũng quy về một pháp và muôn pháp quy về một tâm; các kinh như: Pháp Hoa, Bát Nhã, Tư Ích, Hoa Nghiêm, Viên Giác, Lăng Nghiêm, đại Tập... cũng chỉ là nhiều tên của một pháp mà thôi. điều quan trọng là ở chỗ quán xét tâm và ñạt ñược nhất tâm...". (Trích Phật Quang đại Từ điển trang 7138). Một tâm ấy là gì? ñó là giác ngộ, tâm giải thoát sanh tử luân hồi.

390 Tịnh độ Tông của Việt Nam

Trong 13 vị Tổ Thiền Tông của Trung Hoa ñã có 7 vị Tổ cuối ñời nghiêng về Tịnh độ và người ta cho rằng Ngài Vĩnh Minh Diên Thọ Thiền Sư ñã nói ra những ñiều nầy: - "đời mạt pháp, mười người tu Thiền chỉ chứng có một người. - Mười người tu Tịnh độ ñều chứng cả mười. - Nếu người nào vừa tu Thiền lẫn tu Tịnh độ thì chẳng khác nào chúa tể Sơn lâm còn có thêm móng vuốt. - đời mạt pháp mà Thiền cũng không tu, Tịnh độ cũng không tu; chết xuống chỉ có cột ñồng và nước sôi". đây là lời dạy rất quan trọng; nhưng mới ñây, tôi có ñọc sách ngữ lục của cố Hòa Thượng Thích Ấn Thuận do Hạnh đoan dịch ra tiếng Việt thì ñược biết rằng: Ngài Ấn Thuận không nghĩ là những lời bên trên là của Ngài Vĩnh Minh Diên Thọ Thiền Sư chủ trương. Thế kỷ thứ 10 là thế kỷ Thiền và Tịnh tại Trung Quốc ñều phát triển mạnh và dĩ nhiên lúc ấy cũng ñã bắt ñầu ñến gần kề thời mạt pháp rồi; nếu có một Thiền Sư nào ñó chủ trương việc trên, quả là lợi lạc cho cả Thiền và Tịnh độ. Ví dụ như trường hợp của chúng tôi thuộc thế hệ truyền thừa thứ 41 của dòng Thiền Lâm Tế, Chúc Thánh của Ngài Minh Hải, Pháp Bảo. Thế mà có ñược bao nhiêu Chùa thuộc môn phái này tại Việt Nam cũng như hải ngoại chuyên tu Thiền, mà trong hiện tại chỉ thấy tu Tịnh độ là chính; Còn Thiền phụ thuộc mà thôi. đây là một bằng chứng cụ thể ñể chúng ta có thể tham khảo thêm

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 391

việc thay ñổi từ Thiền sang Tịnh độ hay từ Tịnh độ sang Thiền ñể những thế hệ ñi sau dễ bề hành xử hơn. Nếu những người tu theo Tịnh độ Tông của Việt Nam chúng ta chấp nhận Ngài đàm Hoằng làm Tổ Sư khai sáng Tông này thì chúng ta nên nghiên cứu thêm về pháp tu của Ngài. Theo lịch sử cho biết thì Ngài hay tụng Kinh Vô Lượng Thọ và Quán Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ có hai phần Thượng và Hạ. Phần Thượng Kinh này nói về nội dung của 48 lời nguyện của đức Phật A Di đà khi Ngài còn là một Pháp Tạng Tỳ Kheo ñã lập nguyện dõng mãnh trước Ngài Thế Tự Tại Vương Như Lai. Trong 48 lời nguyện này quan trọng nhất là lời nguyện thứ 18, 19 và 20. Lời nguyện này có nội dung như sau: Giả sử khi thành Phật, chúng sanh mười phương hết lòng tin ưa, mong muốn sanh về cõi nước tôi, xưng danh hiệu tôi cho ñến mười niệm mà chẳng ñược sanh, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác, chỉ trừ những kẻ tạo tội ngũ nghịch, chê bai chánh pháp. Lâu nay các vị đại Sư và Phật tử Trung Hoa cũng như Việt Nam ñều chú trọng ñến "10 niệm nhất tâm" mới ñược vãng sanh; nhưng ña phần ñã

quên ñi vấn ñề quan trọng về bản nguyện lực của đức Phật A Di đà. Bản nguyện ñó là gì? ñó là mệnh ñề ñầu và mệnh ñề cuối của tất cả 48 lời nguyện. Nghĩa là: "Giả thử khi thành Phật... mà chẳng ñược sanh, tôi không giữ ngôi chánh ñẳng chánh giác". đây chính là việc quyết ñịnh ñể hành giả ñược vãng sanh. Chữ giả sử có nghĩa là lúc

392 Tịnh độ Tông của Việt Nam

chưa thành Phật mà còn như vậy; nhưng bây giờ thì đức Phật A Di đà ñâu còn là Pháp Tạng Tỳ Kheo nữa; mà Ngài ñã giữ ngôi chánh giác từ lâu rồi, từ vô lượng kiếp kia. Cho nên việc sanh về theo lối ñới nghiệp vãng sanh của các chúng sanh trong 10 phương vô biên quốc ñộ là do tha lực của Ngài, do bản nguyện lực của Ngài giúp cho chúng ta về ñó; chứ không phải do tự lực niệm Phật hay trong 10 niệm nhất tâm. Nói như Ngài Thân Loan rằng: Chỉ cần niệm Phật là ñược vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc. Vì việc vãng sanh ấy không phải do tự mình làm mà do bổn nguyện lực của đức A Di đà ñã phát nguyện ra như vậy. Tôi, một Tăng sĩ Việt Nam sinh ra giữa thế kỷ thứ 20 (1949) và ñang sống vào ñầu thế kỷ thứ 21 này (2011) hoàn toàn ñồng ý với lối lập luận của Ngài Thân Loan Nhật Bản và Ngài Thiện đạo Trung Hoa. Có nghĩa là cứ niệm Phật; Ấy là nhân. Còn Quả, tự nhiên chúng ta sẽ ñược tha lực của đức Phật A Di đà ñưa về cảnh giới Tây Phương Cực Lạc. Bổn nguyện lực ấy cũng giống như những loại chim nói Pháp, gió thổi, hoa sen nở, nhạc trời chúc tụng... nơi cõi Tây Phương Cực Lạc trong Kinh Tiểu bản A Di đà ñã diễn tả. Tất cả ñều do đức Phật A Di đà hóa hiện nên. Vậy thì việc dùng tha lực và bổn nguyện ñể ñưa một chúng sanh sau khi lâm chung từ Ta Bà về Tịnh độ ñối với đức Phật A Di đà ñâu có gì là khó khăn mà lâu nay chúng ta chỉ quanh quẩn ở 10 niệm nhất tâm hay không nhất tâm?

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 393

Về quyển Hạ của Kinh Vô Lượng Thọ đức Phật Thích Ca Mâu Ni cho biết rằng ai tu Pháp gì, giữ giới gì thì sanh về nơi chín phẩm liên hoa ở thế giới Cực Lạc. đồng thời Ngài cũng nhắc cho chúng sanh biết về ñời ác năm trược; chúng sanh, ñã phạm nhiều lỗi lầm, phải biết ăn năn sám hối thì không bị sanh vào thai cung biên ñịa nơi Hạ phẩm Hạ sanh. Tuy rằng niệm Phật có thể Phật ñến tiếp dẫn về Tây Phương ñược; Nhưng 500 tiểu kiếp nằm trong Hạ phẩm Hạ sanh quả là thời gian không phải là ngắn. Chỉ có một ñiều duy nhất là không bị luân hồi sanh tử trở lại Ta Bà mà thôi. Việc tiếp theo chúng ta thấy như lịch sử cho biết rằng: Ngài đàm Hoằng tu theo Kinh Thập Lục Quán tức là Kinh Quán Vô Lượng Thọ. Ngài quán 16 phép tuần tự như sau: - Quán mặt trời sắp lặn - Quán tưởng nước như băng ñá - Quán tưởng mặt ñất - Quán tưởng cây báu - Quán tưởng nước tám công ñức - Quán tưởng cõi Cực Lạc toàn là sự quý lạ - Quán tưởng tòa sen báu - Quán tưởng hình tượng - Quán khắp tướng toàn sắc thân của Phật - Quán tưởng sắc thân chơn thật của Bồ Tát Quan Thế Âm - Quán tưởng sắc thân của đức đại Thế Chí

394 Tịnh độ Tông của Việt Nam

- Quán tưởng cùng khắp khi ñược sanh về thế giới Cực Lạc - Quán tướng Phật A Di đà cùng nhị vị Bồ Tát và chúng sanh ñều có thân giống nhau - Quán tưởng vãng sanh của

những người thuộc bậc Thượng phẩm - Quán tưởng vãng sanh của những người thuộc bậc Trung phẩm - Quán tưởng vãng sanh của những người thuộc bậc Hạ phẩm. Chữ quán có nghĩa là xem xét, soi rọi, chiếu ñến, nhất tâm, tập trung chú ý v.v... trong khi quán tưởng bà Vy Đề Hy ñã thành tựu. Ngài Đàm Hoằng cũng thành tựu; nên sau khi Ngài Đàm Hoằng tự thiêu vào năm 455 tại núi Tiên Du Bắc Việt Nam mới ñược vãng sanh. Như vậy là trong Thiền luôn luôn có Tịnh và trong Tịnh luôn luôn có Thiền. Nếu chỉ tụng kinh niệm Phật mà không quán tưởng thì tâm ta sẽ loạn ñộng. Do vậy 16 cách quán trên theo kinh Quán Vô Lượng Thọ là giúp cho hành giả tu theo pháp môn vãng sanh Tịnh Độ có cơ hội tập trung tư tưởng vào một nơi ñể việc quán sát ñược thành tựu. Kinh A Di Đà là một bản kinh cổ. Ngày nay các học giả Âu Mỹ ñã tìm ra ñược cả bản tiếng Sanskrit và Hán Văn. Riêng bản kinh Quán Vô Lượng Thọ thì chỉ còn Hán Văn chứ không có bản chữ Phạn. Do vậy có nhiều người nghi ngờ. Nhưng ñiều nầy không quan trọng. Vì có lẽ sau khi bản kinh Quán Vô Lượng Thọ từ Ấn Độ truyền qua Trung Quốc và sau khi ñã ñược dịch sang chữ Hán rồi thì

bản gốc mất ñi. Nếu cần, các học giả tiếng Sanskrit bây giờ cũng có thể dịch ngược lại từ chữ Hán sang tiếng Sanskrit cũng không có gì khó khăn. Vì lịch sử ñã chứng minh 3 bản kinh trên là kinh gốc của những người tu theo pháp môn Tịnh Độ và kinh nầy do chính Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói ra, chứ không phải chư Tổ về sau tạo ra 3 kinh nầy. Ngay như Tịnh Độ và Tánh Không vẫn có trong kinh A Hàm (Phật Giáo Nguyên Thủy); chứ không phải là không có. Sau nầy vào thế kỷ thứ 2 sau Tây lịch, Ngài Long Thọ mới chú thích rõ ràng hơn qua Trung Quán và Tánh Không hay Tịnh Độ; nhưng vẫn dựa vào căn bản từ ban ñầu ñể phát triển. Ví dụ, Phật bảo rằng: Ai hiểu ñược pháp duyên sanh là hiểu Phật và ai hiểu ñược Phật thì người ấy hiểu pháp. Vậy pháp duyên sanh là gì vậy? Đó là: “Các pháp ñều do nhân duyên sanh, các pháp ñều do nhân duyên diệt và tự tánh của các pháp là không”. Theo Ngài Ấn Thuận cho biết rằng cái không qua nhân duyên sanh ấy là cái không của Trung Quán và Bát Nhã sau nầy; không phải tự nhiên mà không ñược. Cái không nầy ngay từ buổi ban ñầu Ngài Xá Lợi Phất mới nghe qua từ Ngài A Thuyết Thị ñã chứng quả dự lưu; mà chưa phải cần gặp trực tiếp với Đức Phật, ñể từ ñó Ngài Xá Lợi Phất về rủ Ngài Mục Kiền Liên cùng dẫn 1.000 ñệ tử của 2 Ngài ñến quy y với Đức Phật. Vì lâu nay Ngài Xá Lợi Phất vốn là thủ lãnh của nhóm mình và ñã ñi cầu học khắp Đông Tây; nhưng chưa nghe hoặc thấy một vị Đạo Sư nào nói ñược như vậy. Sau ñó Ngài Xá Lợi Phất và

Ngài Mục Kiền Liên ñến trực tiếp ñảnh lễ xin xuất gia thọ pháp cùng với 1.000 vị Đệ Tử của mình với Đức Phật. Điều căn bản ở ñây là hành trì lễ bái, tụng kinh A Di Đà và niệm Phật. Ở chốn u tịch của núi rừng Tiên Du thuộc chùa Tiên Sơn ấy Ngài Đàm Hoằng tuy là người Trung Quốc; nhưng ở ñó suốt 35 năm (từ 420-455) Ngài ñã gây ñược ảnh hưởng lớn trong quần chúng người Việt Nam. Do vậy chắc chắn ñã có rất nhiều người ñến tu và học pháp môn Tịnh Độ với Ngài; nhưng vì lẽ Tịnh Độ không trực tiếp truyền từ Thầy qua trò như Thiền Tông cho nên việc truyền thừa không trở thành một

dòng kệ liên tục; nhưng hy vọng rằng từ ñây về sau chúng ta có nhiều phương tiện hơn ñể làm cho sáng tỏ vấn ñề nầy. Việc niệm Phật cũng vậy. Có lẽ Ngài niệm theo tiếng Trung Hoa là: Nam Mô A MI TÀ FO. Đây là âm vận của tiếng Quảng Đông và ngay cả tiếng Phổ Thông ngày nay cũng vậy. Sở dĩ người Trung Hoa niệm như vậy, vì trong những chữ cái của Hán ngữ không có vần D và không có vần Đ như tiếng Việt Nam. Trong khi Việt Nam chúng ta niệm là: Nam Mô A Di Đà Phật thì Trung Quốc niệm là: Nam Mô A MI TÀ FO. Trong khi ñó người Nhật thì niệm rằng: Namu Amida Butsu. Chữ Butsu sau cùng có nghĩa là Phật và Amida có nghĩa là A Di Đà. Dầu cho có niệm theo nguyên thủy tiếng Sanskrit Namo Amitabha Buddha thì cũng không sao cả. Vì trong chữ: Amitabha, A Di Đà, A MI TÀ, Amida v.v... tất cả nó cũng chỉ có nghĩa là Vô Lượng Quang. Chúng ta không cần phải phân tích là niệm ñúng hay sai âm ñiệu. Vì lẽ người nước nào thì

niệm theo nước ấy. Chư Phật và Chư Bồ Tát vẫn hiểu như thường. Chúng ta nên hiểu cặn kẽ về Tịnh Độ và Tịnh Độ Tông ñể có một cái nhìn cụ thể hơn. “Tịnh Độ gọi ñủ là Thanh Tịnh Độ, Thanh Tịnh quốc ñộ, Thanh Tịnh Phật sát cũng gọi là Tịnh Sát, Tịnh giới, Tịnh phương, Tịnh vực, Tịnh thế giới, Tịnh Diệu Độ, Diệu Độ, Phật sát, Phật quốc. Đối lại với Tịnh Độ là uế ñộ, uế quốc. Chỉ cho cõi nước thanh tịnh, là nơi an trụ của Phật. Trái lại, những nơi mà chúng sanh cư trú có các phiền não ô uế nên gọi là uế ñộ, uế quốc. Tịnh Độ là giáo thuyết nói trong các kinh Đại Thừa, còn Tiểu Thừa thì lấy Niết Bàn Vô Dư thân tro trí bặt làm lý tưởng; nên không có thuyết nầy. Vì Phật Giáo Đại Thừa cho rằng Niết Bàn có tác dụng tích cực, chư Phật ñã ñược Niết Bàn, mỗi vị ñều ở Tịnh Độ của mình ñể giáo hóa chúng sanh, cho nên hễ nơi nào có Phật an trụ thì ñó là Tịnh Độ. Kinh A Súc Phật Quốc quyển thượng, kinh Phóng Quang Bát Nhã quyển 19, kinh Vô Lượng Thọ quyển thượng... ñều cho rằng Tịnh Độ là thế giới thanh tịnh trang nghiêm do Chư Phật kiến lập bằng những công ñức ñã ñược tích lũy trong vô lượng vĩnh kiếp khi các Ngài hành ñạo Bồ Tát ở ñịa vị tu nhân, ñã khởi thệ nguyện tịnh Phật quốc ñộ, thành tựu chúng sanh. Phẩm Phật quốc trong kinh Duy Ma quyển thượng thì cho rằng hễ tâm tịnh thì ñộ tịnh, thế giới Ta Bà tức là Tịnh Độ Thường Tịch Quang. Nếu tâm chúng sanh bất tịnh thì cõi nầy chính là cõi uế ác bất tịnh, còn chỗ Phật thấy thanh tịnh thì trở thành vô lượng công ñức trang nghiêm. Tịnh Độ Linh Sơn của kinh Pháp Hoa, thế giới Liên Hoa Tạng

của kinh Hoa Nghiêm, Tịnh Độ Mật Nghiêm của kinh Đại Thừa Mật Nghiêm... ñều lấy thuyết Tâm Tịnh Độ tịnh làm gốc. Còn kinh Vô Lượng Thọ thì nói rằng ngoài thế giới Ta Bà ra còn có các Tịnh Độ khác, cũng có Tịnh Độ ở vị lai ñược thành tựu mỗi khi có vị Bổ xứ Bồ Tát thành Phật; hai loại Tịnh Độ nầy ñều là các cõi nước ñược hoàn thành sau khi có vị Bồ Tát Bổ xứ thành Phật qua giai ñoạn tu nhân theo bản nguyện của mình, là nơi chúng sanh nguyện sanh về. Còn các Tịnh Độ ở các phương khác thì có thế giới Cực Lạc ở phương Tây của Đức Phật A Di Đà, thế giới Diệu Hỷ ở phương Đông của Đức Phật A Súc, thế giới Tịnh Lưu Ly ở phương Đông của Đức Phật Dược Sư... vì các Tịnh Độ của

Chư Phật nói trên cách thế giới Ta Bà với một phương vị nhất ñịnh nên gọi là Thập Phương Tịnh Độ. Thế giới Cực Lạc (Phạn: Sukhavati) cũng ñược gọi là Diệu Lạc, An Lạc, An Dưỡng, Lạc Bang, là Tịnh Độ ở phương Tây rất ñược Tông Tịnh Độ xem trọng. Tịnh Độ nầy là chỉ cho báo ñộ do Bồ Tát tu nhân hạnh mà cảm ñược quả báo; hoặc chỉ cho ứng Hóa Độ mà Đức Phật giả hiện ra ñể cứu ñộ chúng sanh hoặc chỉ cho Tịnh Độ có thật ở phương Tây cách thế giới Ta Bà hơn 10 vạn ức Phật ñộ; hoặc lại chỉ cho Tịnh Độ hiện ra trong tâm chúng sanh. Ngoài ra Tịnh Độ còn có biên ñịa, nghi thành, Thai cung giải mạn giới... là Hóa ñộ dành cho những người còn hoài nghi Phật trí ñược sanh ñến. Tông Tịnh Độ cho rằng Báo ñộ thực tại ở phương Tây, những người sanh về cõi nầy sẽ ñược hưởng 10 ñiều lợi lạc sau ñây.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 399

1. Thánh chúng ñến ñón: Lúc lâm chung ñược Đức Phật A Di Đà và hai vị Bồ Tát Quan Âm, Thế Chí ñến ñón về Tịnh Độ. 2. Hoa sen vừa mới nở: Gá sinh trong hoa sen sinh về Tịnh Độ, cho nên lúc hoa sen vừa mới nở thì liền ñược thấy cõi Tịnh Độ rất trang nghiêm thanh tịnh. 3. Thân tướng có thần thông: Thân ñược 32 tướng tốt ñẹp và 5 thứ thần thông như Thiên nhãn... 4. Năm cảnh giới vi diệu: Được năm cảnh thù thắng sắc, thanh, hương, vị, xúc. 5. Vui sướng vô lượng: Được hưởng các niềm vui vô tận. 6. Tiếp dẫn kết duyên: Được những ân nhân kết duyên từ trước thân ñến Tịnh Độ ñón tiếp. 7. Thánh chúng cùng hội họp: Các chúng Bồ Tát ñều ñến nhóm họp ở một chỗ. 8. Thấy Phật nghe pháp: Sinh về Tịnh Độ ñược thấy Đức Phật và nghe Ngài nói pháp. 9. Tùy tâm cúng dường Phật: Tùy tâm cúng dường chư Phật ở 10 phương. 10. Tăng tiến Phật ñạo: Tu hành tinh tấn, cuối cùng chứng quả thành Phật.

Về vị trí Tịnh Độ, sự trang nghiêm, chủng loại dân cư... các kinh nói không giống nhau, vì khi còn ở ñịa vị tu nhân, các vị Bồ Tát phát nguyện không ñồng. Nếu ñứng

400 Tịnh độ Tông của Việt Nam

trên lập trường sử học mà nhận xét sự miêu tả khác nhau giữa Tịnh Độ của Phật A Súc và Tịnh Độ của Phật A Di Đà thì có thể thấy ñược sự biến thiên của một loại phát triển; như cõi Phật A Súc có người nữ, nhân dân ñều mặc y phục ñược lấy ra từ cây, có 3 ñường thềm báu ñi suốt ñến cõi trời Đao Lợi, có thể xem ñây là tư tưởng tương ñối sớm. Tịnh Độ của Đức Phật A Di Đà thì không có người nữ, ñều là hóa sanh, ñược thân thể hư vô tự nhiên. Luận Nhiếp Đại Thừa quyển hạ thì cho Tịnh Độ là xứ sở vi diệu ở ngoài 3 cõi. So sánh sự hơn, kém khác nhau giữa các Tịnh Độ của chư Phật, trong các kinh ñều có ghi chép. Về chủng loại Tịnh Độ, ở thời ñại Ngài Vô Trước (khoảng thế kỷ thứ IV, V) có thuyết 3 thân là Tự tính thân, Thọ dụng thân và Biến hóa thân. Thân biến hóa của Phật thị hiện 8 tướng ở uế ñộ; thân thọ dụng trụ trong thế giới Liên Hoa tạng có 18 thứ viên mãn thanh tịnh; tức tùy theo Báo thân, Hóa thân của Phật mà có thanh tịnh, ô uế khác nhau. Luận Duy Thức quyển 10 có thuyết tứ thân tứ ñộ (4 thân 4 cõi); Đại Thừa nghĩa chương quyển thứ 19 chia Tịnh Độ làm 3 loại là Sự Tịnh Độ, Tướng Tịnh Độ và Chân Tịnh Độ; Duy Ma kinh lược sớ quyển 1 thì lập 4 loại Tịnh Độ; Phàm Thánh ñồng cư ñộ; Phương Tiện Hữu Dư ñộ; Thật Báo vô chướng ngại (Trang Nghiêm)

ñộ và Thường Tịch Quang ñộ. Hoa Nghiêm kinh thám huyền ký quyển 3, y cứ vào sự bất ñồng giữa Tam Thừa và Nhất Thừa mà nói các Tịnh Độ khác nhau". (Trích Phật Quang Đại Từ Điển trang 6142- 6144). (Xem thêm Phật ñộ, Cực Lạc Thế Giới)

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 401

Như vậy Tịnh Độ thì có rất nhiều cõi, mà Cực Lạc chỉ có một mà thôi. Vì cõi nầy là cõi do Đức Phật A Di Đà làm giáo chủ ở phương Tây và khi còn là một Pháp Tạng Tỳ Kheo, Ngài ñã phát ra 48 lời nguyện ñể trang nghiêm cõi Phật ấy. Cõi Cực Lạc còn gọi là cõi: Phàm Thánh ñồng cư ñộ. Vì lẽ có những kẻ thai cung biên ñịa cũng ñược sanh vào ñây phải chờ trong hoa sen ñến 500 Tiểu Kiếp mới nghe ñược chư vị Bồ Tát thuyết pháp Cõi Cực Lạc là cõi hóa sanh. Tất cả ñều do sự hóa hiện của Đức Phật A Di Đà. Vì ñây là bổn nguyện lực của Ngài. Do tha lực ấy mà những chúng sanh ở thời kỳ mạt pháp nầy nương vào danh hiệu của Ngài ñể nhớ nghĩ, tụng niệm thì Ngài sẽ ñưa về cảnh giới Cực Lạc sau khi lâm chung. Cõi Tịnh Độ của Phật A Súc lại có người nữ trong khi cõi Tịnh Độ của Đức Phật A Di Đà thì không. Vì lời nguyện thứ 35 của Đức Phật A Di Đà ñã xác nhận như vậy. Chư Tổ ra ñời ở cõi Ta Bà nầy ña phần nối tiếp tư tưởng nầy của Đức Phật A Di Đà và nương theo pháp trì danh hay quán tưởng ñể ñược sanh về cõi Cực Lạc sau khi lâm chung. Vì là cõi hóa sanh và hóa thân; nên ở ñó dự ñược 10 niềm vui thù thắng như trên vừa kể. Còn Phương Tiện Hữu Dư Độ thì ñó là cõi Tịnh Độ mà chư Phật dùng phương tiện ñể hóa hiện ra và còn những ñiều kiện cần thiết nữa, ñể ñược sanh về cõi Tịnh Độ chân thật. Điều nầy hay cõi nầy cũng giống như Hóa Thành Dụ trong kinh Pháp Hoa vậy. Thường Tịch Quang ñộ là cõi Tịnh Độ nơi ñó chỉ có ánh sáng chiếu suốt. Các chúng sanh sanh về ñây toàn

402 Tịnh độ Tông của Việt Nam

những bậc có trí tuệ, thượng căn thượng trí, ñã thoát ly sanh tử luân hồi. Thật Báo trang nghiêm hay Thật Báo vô chướng ngại ñộ là cõi Tịnh Độ chân thật trang nghiêm thanh tịnh bình ñẳng, không có gì làm chướng ngại cho con ñường tu hành cả. Trên ñây chỉ là cách gọi cõi giải thoát sanh tử mà thôi và cũng tùy theo từng thời gian, trường hợp và môn phái khác nhau mà gọi về cõi giải thoát nầy. Ví dụ như Ngài Thánh Nghiêm gọi có 4 cõi Tịnh Độ là: Nhân gian Tịnh Độ, Thiên quốc Tịnh Độ, Phật quốc Tịnh Độ và Tự tâm Tịnh Độ. Trong khi ñó những vị Thiền Sư thì gọi rằng: Tịnh Độ là ñây, chốn nầy v.v... nghĩa là tất cả ñều tùy thuộc vào cách gọi của mỗi Tông riêng biệt ñể chỉ về cõi thanh tịnh giải thoát ấy. Từ khi Phật Giáo ñược truyền vào Việt Nam vào ñầu kỷ nguyên Tây lịch cho ñến nay (2011) kể ra cũng ñã trên dưới 2.000 năm lịch sử. Chỉ có Thiền Tông là tương ñối có sự truyền thừa rõ ràng; nay Tịnh Độ Tông cũng ñang bắt ñầu nối kết lại; còn những Tông khác như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Thiên Thai, Luật Tông, Mật Tông v.v... chưa thấy có nơi nào hoàn thành ñược sử liệu truyền thừa nầy. Mong rằng trong mai hậu những người thuộc những Tông phái trên thực hành ñược việc nầy. Trong khi Trung Quốc và Nhật Bản từ khi Phật Giáo ñược truyền vào, họ ña lập thành 13 Tông rõ rệt và mỗi Tông ñều có những vị Tổ kế tiếp nhau truyền thừa cho môn phái của mình. Đây là một bức tranh phối cảnh rất ñẹp cho Phật Giáo mỗi nước. Vì vậy sau ñây chúng ta thử

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 403

tìm hiểu về Tịnh Độ Tông của Trung Hoa và Nhật Bản như thế nào. “Tịnh Độ Tông là Tông Phái Phật Giáo lấy việc vãng sanh Tịnh Độ Cực Lạc làm mục ñích. Một trong 13 Tông của Trung Quốc và một trong 13 Tông của Nhật Bản. Tịnh Độ là chỉ cho cõi nước thanh tịnh, cõi nước trang nghiêm, tức là xứ sở ñược trang nghiêm bằng các công ñức thanh tịnh. Tịnh Độ Tông cũng gọi là Liên Tông, vì Ngài Huệ Viễn ñời Đông Tấn kết Bạch Liên Xã (Hội sen trắng) ở Lô Sơn, lấy ý nghĩa người sanh về Tịnh Độ phương Tây ñều hóa sinh trong hoa sen, do ñó cõi nước Cực Lạc cũng gọi là Liên Bang (cõi nước hoa sen). Tông nầy ñặc biệt lấy việc xưng niệm Phật làm pháp tu hành, chủ yếu nhờ vào tha lực của bản nguyện Di Đà, cầu mong ñược sanh về Tịnh Độ Cực Lạc phương Tây, vì thế nên còn ñược gọi là Niệm Phật Tông. Tư Tưởng Tịnh Độ là y cứ vào 3 bộ kinh do Đức Phật Thích Ca giảng thuyết. Đó là kinh Vô Lượng Thọ do Phật giảng nói ở núi Kỳ Xà Quật; kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói ở thành Vương Xá và kinh A Di Đà Phật nói ở vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Sau khi Đức Phật nhập diệt khoảng 900 năm, Ngài Thế Thân soạn luận vãng sanh Tịnh Độ, rồi ñến các luận sư Mã Minh, Long Thọ trình bày ý nghĩa then chốt của 3 bộ kinh trên mà hoằng truyền tông Tịnh Độ. Niên hiệu Vĩnh Bình năm ñầu (508) ñời Bắc Ngụy, Ngài Bồ Đề Lưu Chi ñến Trung Quốc, dạy kinh Quán Vô Lượng Thọ cho Ngài Đàm Loan, trao truyền ñầy ñủ kinh luận Tịnh Độ, mở ra một thời ñại mới cho sự tiến triển của pháp môn Tịnh Độ ở Trung Quốc.

404 Tịnh độ Tông của Việt Nam

Về việc truyền dịch kinh ñiển Tịnh Độ ở Trung Quốc thì ñầu tiên là các Ngài Chi Câu Ca Sấm và Trúc Phật Sóc cùng dịch kinh Bát Chu Tam Muội (năm 179); Ngài Chi Khiêm ñời Tam Quốc dịch kinh Đại Bản A Di Đà 2 quyển (kinh Vô Lượng Thọ); Ngài Trúc Pháp Hộ ñời Tây Tấn dịch kinh Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác 2 quyển. Ngoài ra còn có kinh Tuệ Ấn Tam Muội và kinh Vô Lượng Môn Ni Mật Trì do Ngài Chi Khiêm dịch; kinh Đức Quang Thái Tử, kinh Quyết Định Tổng Trì và A Di Đà Phật kệ... do Ngài Trúc Pháp Hộ dịch. Năm Hoàng Thủy thứ 3 (401) ñời Diêu Tần, Ngài Cưu Ma La Thập dịch kinh A Di Đà, luận Thập Trụ Tỳ Bà Sa... nói qua về sự trang nghiêm Tịnh Độ Cực Lạc, là các bộ kinh luận ñược ñọc tụng thịnh hành nhất xưa nay. Về sau tiếp tục có Ngài Đàm Vô Sấm ñời Bắc Lương dịch kinh Bi Hoa 10 quyển (năm 419); Ngài Bảo Vân ñời Lưu Tống dịch kinh Tân Vô Lượng Thọ 2 quyển (năm 421); Ngài Cương Lương Da Xá ñời Lưu Tống dịch kinh Quán Vô Lượng Thọ 2 quyển (424). Người ñời sau gọi chung là Kinh Quán Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ và kinh A Di Đà là Tịnh Độ tam bộ kinh. Đến ñây, sự truyền dịch kinh ñiển ñã ñược hoàn bị. Pháp môn Tịnh Độ ở Trung Quốc chủ yếu là Di Lặc Tịnh Độ và Di Đà Tịnh Độ. Về tín ngưỡng Tịnh Độ Di Lặc thì ñầu tiên là Ngài Đạo An ñời Tây Tấn; Ngài có soạn luận Tịnh Độ 6 quyển, nguyện sanh Tịnh Độ Di Lặc ở cõi Đẩu Suất; các Ngài Huyền Trang và Khang Cơ ñời Đường cũng hành trì và quy y Tịnh Độ Di Lặc. Nhưng từ ñó về sau, vì ít người tu và người hoằng dương cũng ít nên Tịnh Độ Di Lặc dần dần suy vi, nhường chỗ cho sự hưng thịnh của tín ngưỡng Di Đà và Tịnh Độ Di Đà bèn trở

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 405

thành ñại biểu cho Tịnh Độ của chư Phật. Người hoằng dương Tịnh Độ Di Đà mạnh nhất là Ngài Huệ Viễn ñời Đông Tấn; Ngài kết Bạch Liên Xã ở Lô Sơn, cùng với mọi người chuyên tu tam muội Niệm Phật, theo yếu chỉ kinh Bát Chu Tam Muội ñể mong ñược vãng sanh thấy Phật. Đây là tổ chức kết ñoàn niệm Phật ñầu tiên ở Trung Quốc và cũng là dòng chính của Tịnh Độ Trung Quốc. Thời Tuyên Vũ Đế nhà Bắc Ngụy, Ngài Bồ Đề Lưu Chi dịch Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Ba Đề Xá nguyện sinh kệ của Ngài Thế Thân, Ngài Đàm Loan chú giải, soạn thuật vãng sanh luận chú, lại y cứ vào luận Thập Trụ Tỳ Bà Sa của Ngài Long Thọ mà nêu rõ sự khác nhau giữa Nan hành ñạo (ñạo khó thực hành) và Dị hành ñạo (ñạo dễ thực hành); giữa tự lực và tha lực; cho rằng nương nhờ vào bổn nguyện tha lực là ñạo phương tiện dễ thực hành trong cõi ñời có 5 thứ nhơ nhớp, xấu ác, bắt ñầu mở ra nghĩa căn bản của việc lập giáo Tịnh Độ, ñồng thời chuyên chú trong việc trì danh niệm Phật ñể cầu sinh Tịnh Độ. Đến ñời Đường các Ngài Đạo Xước, Thiện Đạo... noi theo giáo chỉ của Ngài Đàm Loan hết sức ñề cao năng lực bản nguyện, lại chủ xướng tư tưởng mạt pháp ñể vạch ra con ñường then chốt thích ứng với thời giáo. Ngài Đạo Xước soạn An Lạc tập, bác bỏ kiến giải sai lầm của những người khác, mở ra con ñường trọng yếu cho chúng sanh trong thời mạt pháp, ñồng thời căn cứ vào thuyết Dị hành ñạo và Nan hành ñạo của Ngài Đàm Loan mà lập giáo phái Tịnh Độ môn và Thánh Đạo môn. Ngài Thiện Đạo soạn Quán Vô Lượng Thọ Phật kinh sớ, nêu rõ các kiến giải sai lầm xưa nay, xác ñịnh giáo nghĩa và giáo tướng Tịnh Độ; ñồng thời theo các Ngài Đàm Loan, Đạo Xước mà lập Chính Hạnh, Tạp Hạnh ñể ñặt vững nền tảng cho hệ thống giáo nghĩa ñộc lập của Tịnh Độ. Về

sau, Ngài Hoài Cảm soạn luận Thích Tịnh ñộ quần nghi; Ngài Thiếu Khang mở rộng Tông nầy. Từ Ngài đàm Loan ñến Ngài Thiếu Khang ñược gọi là: “Chấn đán ngũ Tổ” (5 vị Tổ Sư Tịnh độ Trung Quốc). Thời bấy giờ, các vị đại Sư ở Trường An mỗi vị cũng có soạn chú sớ các kinh A Di đà, Quán Vô Lượng Thọ... sự nghiên cứu kinh ñiển Tịnh độ ñã ñạt ñến ñiểm cao. Vào ñầu năm Khai Nguyên ñời đường, Ngài Tuệ Nhật từ Ấn độ trở về Trung Quốc, thấy các Thiền gia ñương thời coi Tịnh độ là “Thuyết Phương Tiện” ñể dẫn dắt người ngu; nên ñã cực lực phản ñối và ñề xướng sự cần thiết phải niệm Phật cầu vãng sanh. Ngài Tuệ Nhật chủ trương trì giới và niệm Phật cùng thực hành, Thiền định và Tịnh độ ñều tu, Giáo và Thiền hợp nhất, hồi hướng tất cả công ñức tu hành nguyện cầu vãng sanh Tịnh độ. Các Ngài Thừa Viễn, Pháp Chiếu, Phi Tích... kế thừa thuyết nầy, lấy Tam Muội niệm Phật làm pháp môn Thiền định sâu xa mầu nhiệm không gì hơn, cực lực bài xích sự tọa thiền ñể lòng trống rỗng của Thiền Tăng. Do ñó, tông Tịnh độ Trung Quốc ở ñời đường có thể chia làm 3 hệ thống, ñó là hệ thống Ngài Huệ Viễn (phái luận lý, có tánh thường thức); hệ thống Ngài Thiện đạo (phái Phật nguyện, ñặt nặng tín ngưỡng) và hệ thống Ngài Từ Mẫn Tuệ Nhật (phái Diệu Hữu, không bỏ môn hạnh). Bấy giờ, Thiền Tăng có những vị chủ trương gần giống với phái Ngài Tuệ Nhật, như Ngài Tuyên Thập học trò Ngũ Tổ ñề xướng phái Nam Sơn niệm Phật môn Thiền Tông, Ngài Nam Dương Tuệ Trung ñệ tử Lục Tổ ñề xướng Giải Hành kiêm tu (hiểu và làm cùng tu). đến Ngài Vĩnh Minh Diên Thọ là cháu ñích tôn của Ngài Pháp Nhãn ñời Hậu Chu lại tận lực hoằng dương Thiền Tịnh song tu, Tăng

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 407

tục ñời Tống ñều kế thừa di phong nầy của Ngài Diên Thọ. Tông Thiên Thai cũng có nhiều vị kỉnh tin Tịnh độ và hiểu nghĩa Tịnh độ, trong ñó Ngài Tứ Minh Tri Lễ ñời Tống là nổi tiếng nhất với bộ Quán kinh sớ diệu tông sao do Ngài soạn, thuyết "Ước tâm quán Phật" của Ngài chính là "Thai Tịnh dung hợp luận" vốn ñược các nhà Thiên Thai xem trọng. Từ ñời Nguyên về sau, phong cách Thiền Tịnh song tu lại càng thịnh hành hơn, các Ngài Trung Phong Minh Bản, Thiên Như Duy Tắc... ñều quy tâm Tịnh độ. đến ñời Minh, các vị như Sở Sơn Thiệu Kỳ, Không Cốc Cảnh Long, Nhất Nguyên Tông Bản, Vân Thê Châu Hoành, Hoành Sơn đức Thanh, Cổ Sơn Nguyên Hiền... nối tiếp nhau ñề xướng thuyết "Thiền Tịnh hợp hành". Nhất là Ngài Vân Thê Châu Hoành chuyên tu tam muội niệm Phật, chú giải kinh Di đà, soạn các sách hoằng dương ý chỉ Thiền Tịnh nhất trí, cảm hóa ñược giới Phật Giáo nói chung rất rộng rãi. Các nhà Thiên Thai cũng có những vị như Cừ Am đại Hựu, U Khê Truyền đăng, Linh Phong Trí Húc ñề xướng luận thuyết Tam học nhất nguyên, chủ trương tam học Thần, Giáo, Luật ñều quy về pháp môn Tịnh độ. Bấy giờ, các vị Cư sĩ như Trang Quảng Hoàn, Viên Hoành đạo... cũng ñều soạn sách ñể hoằng truyền Tịnh độ. đến ñời Thanh, tín ngưỡng Tịnh độ phần nhiều do các Cư sĩ ñề xướng. Bành Thiệu Thăng, cha con Hi Tốc, biên soạn văng sinh truyện và chỉ tán Tây Phương. Khoảng các năm Khang Hy, Càn Long, Ngài Thật Hiền Tư Tề, kế thừa di phong của Ngài Châu Hoành, kết liên xã ở Hàng Châu, giáo hóa rất rộng, tôn các Ngài đàm Loan, đạo Xước, Thiện đạo là 3 vị Tổ Sư Tịnh độ ñầu tiên, ñược mọi người tín ngưỡng. Vào ñầu ñời Dân Quốc, trừ Cư sĩ Dương Nhân Sơn tận lực ñề xướng, Ngài Ấn Quang còn chủ trương pháp môn Tịnh

408 Tịnh độ Tông của Việt Nam

độ là bản hoài xuất thế của đức Phật, ra sức làm các việc cứu giúp xã hội, tăng trụ các nơi lần lượt làm sống lại phong trào kết xã niệm Phật. Tại Nhật Bản Ngài Nguyên Không (1133-1212) có soạn bộ Tuyển trạch bổn nguyện niệm Phật tập, trong sách nầy Ngài ñã dự ñịnh tuyên ngôn khai tông. đặc biệt tôn sùng tam kinh nhất luận (ba bộ kinh Tịnh độ và luận Tịnh độ) và giáo thuyết của Ngài Thiện đạo thuộc Tịnh độ giáo Trung Quốc, cho nên ñề cao luận thuyết "Thiên y Thiện đạo" (Nương riêng vào Ngài Thiện đạo). Trong ba cặp ñối lập: Nan hành và Dị hành; Thánh đạo và Tịnh độ; Tự lực và Tha lực thì chỉ chọn lấy Dị hành, Tịnh độ và Tha lực niệm Phật. Năm Thừa An thứ 5 (1175) Ngài Nguyên Không từ núi Tỷ Duệ dời ñến ở Các Thủy, ñề cao chuyên tu niệm Phật, chủ trương hạnh tu an tâm (lòng tin), sau ñó khởi hành (trong 5 chánh hạnh lấy hạnh niệm Phật làm chủ yếu) rồi ñến tác nghiệp (tứ tu), ñồng thời nhấn mạnh tính chất quan trọng của việc xưng niệm danh hiệu Phật. Tông phái nầy tuy phủ ñịnh công ñức của giới luật và việc xây Chùa, Tháp, nhưng nói chung vẫn xem trọng giới hạnh. Sau khi Ngài Nguyên Không thị tịch, ñệ tử chia ra làm 5 phái: 1. Phái Trấn Tây của Ngài Biện A: Chủ trương nghĩa chư hạnh văng sanh. 2. Phái Tây Sơn của Ngài Chứng Không: Chủ trương nghĩa các hạnh bản nguyện. 3. Phái chùa Trường Lạc của Ngài Long Khoan: Chủ trương nghĩa văng sanh hóa sinh.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 409

4. Phái chùa Cửu Phẩm của Ngài Trường Tây: chủ trương nghĩa các hạnh bản nguyện.
5. Phái Nhất Niệm của Ngài Hạnh Tây: chủ trương nghĩa Nhất niệm hiệp thành.

Tông Tịnh độ lấy 3 kinh một luận (kinh A Di đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ và luận Vãng Sanh) làm ñiển cứ trọng yếu ñể thành lập tông. Về chú thích ba kinh một luận thì có lược luận an lạc tịnh ñộ nghĩa (giải thích sơ lược kinh Vô Lượng Thọ), Vãng sanh luận chú (chú thích luận vãng sanh) do Ngài đàm Loan soạn, An Lạc tập (căn cứ theo kinh Quán Vô Lượng Thọ trình bày nghĩa cốt yếu của việc vãng sanh Tịnh độ) do Ngài đạo Xước soạn, Quán Vô Lượng Thọ kinh sớ (phát huy nghĩa sâu kín của Quán kinh và giải thích câu văn trong kinh nầy), do Ngài Thiện đạo soạn. Ngoài ra, Pháp sự tán, Vãng sanh lễ tán, Quán niệm pháp môn bát chu tán cũng do Ngài Thiện đạo soạn, quy ñịnh hành nghi vãng sanh Tịnh độ, ñều là căn cứ vào yếu ñiểm của tông nầy và cũng nổi tiếng một thời. Tông nghĩa của Tông nầy là lấy hành nghiệp trong tâm hành giả (người tu Tịnh độ) làm nhân bên trong, lấy nguyện lực của Phật Di đà làm duyên bên ngoài; nếu nhân trong duyên ngoài ứng hợp nhau thì sinh về cõi nước An Lạc. (Trích Phật Quang đại Từ điển trang 6153- 6156) (xem thêm: Niệm Phật, đâu Suất Vãng Sanh, Tịnh độ)

410 Tịnh độ Tông của Việt Nam

Xem về ý nghĩa của Tịnh độ và lịch sử Tịnh độ Tông của Trung Hoa và Nhật Bản, chúng ta người Việt Nam không khỏi mủi lòng. Vì lẽ họ có những vị Tổ Sư Tịnh độ khai Tông lập giáo rõ ràng. Còn chúng ta có cả 2.000 năm làm quen, tiếp xúc tu học với pháp môn nầy mà hầu như vắng bặt những bậc hiền nhân ấy. Có lẽ ñây là những lý do chính ñáng chăng? Lý do thứ nhất về ngôn ngữ văn tự. Chữ Phạn và tiếng Hán hoàn toàn khác nhau. Cho nên muốn cho người Trung Quốc hiểu ý kinh, bắt buộc các vị đại Sư ban ñầu ñến Trung Hoa phải học tiếng Trung Quốc ñể dịch những kinh, luật, luận ấy ra tiếng Hoa. Ví dụ như Ngài Cưu Ma La Thập, Ngài Bồ đề Lưu Chi v.v... Sau một thời gian Phật pháp ñược truyền vào sâu rộng của ñất Trung Hoa rồi, các đại Sư như: An Thế Cao, Pháp Hiển, Huyền Trang, Khuy Cơ v.v... tự dịch thẳng từ tiếng Phạn sang tiếng Trung Quốc. đây là những cái mốc của lịch sử lúc ban ñầu. Lý do thứ hai mà người Việt Nam dễ dàng chấp nhận trong thời gian 1.000 năm ñô hộ của người Trung Quốc (từ năm 43 trước Tây lịch ñến năm 938) những kinh sách nào ñã ñược dịch ra tiếng Trung Hoa rồi thì người Việt Nam cứ lấy ñó làm kinh sách gối ñầu ñể ñọc tụng, hành trì và hầu như không cần sáng tạo nữa. Vì ñã có người làm sẵn rồi. Mặc dầu tiếng Hán Việt có khác tiếng Hán Nôm. Cũng là chữ Nho; nhưng chỉ có người Việt Nam ñọc hiểu; trong khi ñó người Trung Quốc ñọc không hiểu. Tại sao các bậc đại Sư Việt Nam chúng ta thuở ấy không dùng loại văn tự nầy ñể khai tông lập giáo? Ngay như Nhật Bản và đại Hàn, chữ Hán họ còn dùng cho ñến ngày hôm

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 411

nay (2011); trong khi ñó Việt Nam chúng ta ñã chính thức không còn dùng chữ Hán ở học ñường cách nay chừng một trăm năm; nhưng so với Nhật và đại Hàn chúng ta có tiến xa hơn họ hay chăng? Ngài Hoằng Pháp, Chơn Ngôn Tông Nhật Bản là cha ñẻ của

tiếng Hiragana và Katakana từ thế kỷ thứ 13 và những Kinh, Luật, Luận nào ñược truyền vào Nhật Bản hầu hết ñã ñược dịch, chú giải ra tiếng Nhật ñể ñọc cho dễ hiểu. Vì cách phát âm và văn phạm của Nhật ngữ và Hán ngữ hoàn toàn khác nhau. Trường hợp đại Hàn cũng tương tự như Nhật. Trong khi ñó Việt Nam chúng ta nếu cái gì nơi Trung Quốc sản xuất ra thì chỉ cần ñem về Việt Nam tiêu thụ, chứ không cần phiên âm, giải thích, lập tông gì cả thì quả là một mất mát quá lớn lao cho lớp người sinh sau muốn tìm ra cội nguồn của Tịnh Độ tại quê hương Đại Việt nầy. Ngay cả trong Chùa, Viện Phật Giáo Việt Nam cho ñến ngày nay (2011) ña phần cũng còn tụng kinh bằng âm Hán Việt, chỉ một ít kinh ñiển ñược dịch ra hẳn tiếng Việt như: Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Lương Hoàng Sám thì ñược tụng hoàn toàn bằng ngôn ngữ tiếng Việt từ giữa năm 1950 trở lại ñây; nhưng rất tiếc ñây không phải là những bộ kinh chính yếu của những người tu theo pháp môn Tịnh độ. May thay cách ñây hơn 10 năm có Thượng Tọa Thích Thiện Thông sang đức thăm người em ruột ñang ở Koblenz, đức quốc, sau ñó ghé thăm Chùa Viên Giác tại Hannover. Thầy ấy gặp tôi 2 lần và mỗi lần gặp ñều mang theo những bản thảo ñã dịch và ñánh máy xong và có ý trao lại cho tôi ñể ñược xuất bản ở ngoại quốc. Tôi lấy ñó làm vui và nhờ vậy mà bây giờ Ba Kinh Tịnh độ

412 Tịnh độ Tông của Việt Nam

chúng ta ñã có hoàn toàn bằng tiếng Việt. Ba kinh nầy Thầy ñã dịch ra Việt ngữ từ năm 1983 - Phật lịch 2526 tại Việt Nam và năm 2005 xuất bản lần ñầu tiên tại đức ñể năm 2008 - Phật lịch 2552 lại tái bản một lần nữa. Văn Thầy dịch rất hay, trong sáng, dễ hiểu. Thường thường Thầy dịch theo lối 4 chữ rất dễ ñọc và dễ tụng. Thầy tâm sự với tôi rằng: Trình ñộ văn hóa của Thầy mới học tới lớp 9 thôi; nghĩa là chưa xong Trung Học; con nhà nghèo phải nghỉ học sớm và sau ñó ñi xuất gia; nhưng mắt kém cũng chẳng học ñược bao nhiêu; nên Thầy ñã học Thiền với Hòa Thượng Thích Thanh Từ; nhưng sau ñó Thầy ñau phổi nặng; nhất là thời kỳ sau năm 1975 Việt Nam chúng ta chẳng có ñủ phương tiện ñể chữa trị. Thầy bảo rằng: Tôi phát tâm niệm Phật, thay vì ngồi Thiền. Thế mà bịnh lại hết. Từ ñó Thầy tin sâu pháp môn Tịnh độ cũng như bắt ñầu dịch những kinh căn bản thuộc Tông nầy. Có như thế chúng ta ngày hôm nay mới có cơ hội ñọc, tụng bằng tiếng Việt. Một ñiều ñặc biệt nữa là Thầy tự học chữ Hán; nhưng Hán văn Thầy rất giỏi. Trong đại Tạng Kinh 10 chữ, Thầy ñọc thông hết cả 10. Quả là một vị Thầy có chí và ñã ñóng góp cho Tịnh độ Tông Việt Nam không ít trong thời buổi ban ñầu ấy. Chẳng may giữa chừng của chuyến thăm lần thứ hai tại đức quốc, Thầy ñã ra ñi ở tuổi ñời và ñạo còn quá trẻ; chỉ trên dưới 60, sau khi Thầy ñã giảng xong 48 lời nguyện đức Di đà vào ngày 30 tháng 6 năm 2000 lúc 10 giờ 30 phút. Cố Thượng Tọa còn ñể lại Chùa Viên Giác một số bản thảo nữa, tôi sẽ cố gắng in thành sách và ñây là những tài liệu cần thiết cho những người học Phật sau nầy khi muốn nghiên cứu hoàn toàn bằng chữ quốc ngữ.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 413

Nhìn vào Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại chúng ta tìm ñược Cố Hòa Thượng Thích Thiện Thanh, Trụ trì chùa Phật Tổ tại Long Beach, California, Hoa Kỳ, cũng là người có tâm Việt hóa kinh ñiển ñể lớp sau khỏi bỡ ngỡ khi chữ Hán Việt càng ngày càng ít người

biết ñọc, biết viết; nhất là lớp người ñược sinh ra ở ngoại quốc ngày nay. Nhưng Hòa Thượng Thích Thiện Thanh cũng chủ trương dịch các kinh căn bản ra tiếng Việt chứ không phải riêng cho Tông Tịnh độ. Nhìn toàn bộ kinh sách Việt Nam ñã, ñương xử dụng ngày nay hầu hết ñược trích dịch, tham cứu, tra khảo theo tinh thần của kinh ñiển Trung Hoa và ngay cả người Việt Nam tu Tịnh độ cũng lấy 13 vị Tổ Tịnh độ Trung Hoa làm Tổ của mình. Quả là ñiều hơi chướng. Vì 13 vị Tổ nầy không có vị nào ñến hoằng pháp giáo hóa tại Việt Nam cả. Do vậy chúng tôi ñề nghị nên lấy Ngài đàm Hoằng (? – 455) làm Sơ Tổ Tịnh độ Tông Việt Nam. Vì Ngài ñã ở Giao Châu từ năm 420 ñến 455, cả 35 năm như thế, Ngài là người có công không nhỏ cho việc truyền thừa pháp môn Tịnh độ cho người Việt Nam thuở ấy. Nếu chúng ta chấp nhận ñược Ngài Tỳ Ni đa Lưu Chi là Sơ Tổ của Thiền Tông Việt Nam thì chúng ta cũng có thể chấp nhận Ngài đàm Hoằng là Sơ Tổ của Tịnh độ Việt Nam vậy. Vì Ngài Tỳ Ni đa Lưu Chi người Ấn độ, ñến Trung Quốc và gặp Tổ thứ 3 Tăng Xáng, Ngài bảo Ngài Tỳ Ni nên xuôi Nam. Do vậy Ngài Tỳ Ni đa Lưu Chi mới trở thành Sơ Tổ Thiền Tông tại Việt Nam. Ở ñây Ngài đàm Hoằng cũng người Trung Quốc, mà cũng ñã ở tại Giao Châu trong một thời gian lâu, tu theo

pháp môn Tịnh độ. Vậy, tại sao chúng ta không thể dễ dàng chấp nhận cho vấn ñề nầy ? Một lộ trình sâu xa và dài thăm thẳm ñể tìm lại căn nguyên của 2.000 năm lịch sử nó không ñơn thuần chỉ trong một vài quyển sách như thế nầy. Vậy chúng tôi mong rằng những vị nào quan tâm ñến Tịnh độ Tông Việt Nam từ lúc mới ñược truyền vào cho ñến thế kỷ thứ 21 nầy thì xin bổ túc cho những ñề nghị của chúng tôi cũng như tìm thêm sử liệu và dẫn chứng, ñể người ñi sau dễ dàng tra cứu hơn. Ngay cả bây giờ, nếu có hỏi một người tu Tịnh độ Việt Nam nào ñó, bất cứ ở trong hay ngoài nước, hỏi: Ai là Tổ Tịnh độ Tông Việt Nam? thì họ sẽ không ngần ngại trả lời là Hòa Thượng Thiền Tâm hay Hòa Thượng Trí Tịnh. Vậy những phần sau chúng tôi ñể dành cho những nghiên cứu nầy về hai vị Hòa Thượng ñương ñại và sau khi tìm hiểu chúng ta thử ñưa ra một nhận xét về việc phiên dịch, trước tác cũng như tư tưởng của các Ngài về Tịnh độ Tông như thế nào?

B.- Ngài Thiền Tâm và tư tưởng Tịnh độ

Năm 1979 tôi chủ trương xuất bản báo Viên Giác và cho ñến nay 2011, trải qua gần 33 năm, Viên Giác ñã ra ñược 6 số bộ cũ của năm 1979-1980 và bắt ñầu từ năm 1981 ñến nay ra bộ mới khổ A4 gồm 100 trang ñánh máy và ñã xuất bản ñến số 186. Mỗi năm ra 6 số và mỗi lần phát hành ñộ 5.000 ñến 6.000 số, gởi ñi 42 nước trên thế giới. Riêng số Xuân mỗi năm có số lượng in nhiều hơn và số trang cũng gấp ñôi số thường. đây là một trong những tờ báo Phật Giáo ở ngoại quốc có số phát hành nhiều và sống lâu ñời nhất. Ban ñầu chúng tôi rất khan hiếm bài vở. Vì lẽ cái gì cũng mới mẻ; nên phải viết thư xin bài; hay có ai ñó quen biết cũng gợi ý ñể cho họ viết bài ñóng góp cho Viên Giác. Ban Biên Tập thuở ban ñầu chỉ có một vài người và năm nay kỷ niệm 33 năm Báo Viên

Giác, số người cộng tác trực và gián tiếp cho Báo Viên Giác ñã lên ñến hằng trăm. Do vậy bài vở rất dồi dào, súc tích. Thuở ban ñầu Viên Giác chỉ trích ñăng những bài giáo lý thuộc về đạo Phật; một vài bài viết về quê hương và một ít tin tức của Giáo Hội ở trong cũng như ngoài

nước.; nhưng sau nầy khi Viên Giác ñược nhiều người ñọc ủng hộ thì Viên Giác chia ra nhiều mục rõ ràng như: Thư Tòa Soạn, mục về Tôn Giáo, mục về sáng tác thơ văn, tùy bút, trang tiếng đức, trang Thiếu Nhi, Tin Thế Giới, Tin Việt Nam, trang Y Học, Hộp Thư Viên Giác, Phương Danh Cúng Dường, Cáo Phó, Tin Vui v.v... Một Ban Biên Tập ñã hình thành và vị nào có trách nhiệm cho phần của mình thì lo cho phần ấy. Riêng tôi vừa làm Chủ Nhiệm và vừa phải lo phần Tôn Giáo cho tờ báo; nên tôi ñã ñi tìm sách vở ñể có ñăng hằng kỳ. May sao lúc ấy, ñộ năm 1981, 82, 83, 84 tôi ñã trích ñăng "Lá Thư Tịnh độ" của Liên Du và nhiều ñộc giả rất thích về mục nầy. Trong thời gian ấy báo Viên Giác cũng gởi ñến cho các trại tỵ nạn tại đông Nam Á Châu ñể cho ñồng bào Việt Nam chờ ñi ñịnh cư tại các nước thứ ba có cơ hội ñọc. Một hôm tôi nhận ñược một lá thư từ ñảo gởi qua, cho biết là có dịp ñọc ñược báo Viên Giác và có xem qua mục "Lá Thư Tịnh độ" của Liên Du và Thầy Hải Quang xưng là cháu của Hòa Thượng Thiền Tâm. Còn sách ấy nhan ñề là "Long Thơ Tịnh độ" chứ không phải là "Lá Thư Tịnh độ". Tôi ñọc vậy thì biết vậy, chứ thật ra trước khi tôi ñi du học Nhật Bản vào năm 1972 cũng chưa có dịp gặp Ngài Thiền Tâm ở Việt Nam; nên ñã chẳng rõ biết bút hiệu của Ngài. Từ ñó về sau Viên Giác ñã cho ñăng hết tập sách nầy. đây là cái duyên ban ñầu ñể chúng tôi biết về Hòa Thượng Thích Thiền Tâm. Sau nầy có ñọc những sách dịch của Ngài như: "Tịnh độ Thập Nghi Luận"; "Niệm Phật Thập Yếu; "Kinh Niệm Phật Ba La Mật" v.v... và nhất là sau nầy Thượng Tọa Hải Quang ñã ñến Hoa Kỳ, trú tại chùa Pháp Hoa ở Arizona thì có liên lạc nhiều hơn và ñã nhận ñược nhiều

sách vở in lại của Cố Hòa Thượng Thích Thiền Tâm cho Thư Viện chùa Viên Giác Hannover. Thuở ấy và ngay cả bây giờ, ñây là những tài liệu rất quý giá bằng Việt ngữ ñể cho những ai tu theo pháp môn Tịnh độ có tài liệu ñể nghiên cứu. Trên trang nhà quangduc.com có ñăng Tiểu Sử và công trạng của Ngài; tiện ñây tôi xin tải ñăng ñể tất cả chúng ta cùng ñọc. "Hòa Thượng pháp danh là Thiền Tâm, Pháp hiệu Liên Du, Pháp tự Vô Nhất, quý danh Nguyễn Nhựt Thăng, xuất gia vào năm Ất Dậu (1945) với đại Lão Hòa Thượng Thích Thành đạo tại chùa Sắc Tứ Linh Thứu (Xoài Hột, Mỹ Tho) thuộc dòng Lâm Tế Chánh Tông ñời thứ 43. Hòa Thượng sanh vào năm Ất Sửu (1925) tại xã Bình Xuân, quận Hòa đồng, tỉnh Gò Công (hiện nay là tỉnh Tiền Giang). Thân phụ là Cụ Ông Nguyễn Văn Hưng, thân mẫu là Cụ Bà Giác Ân Trần Thị Dung. Ngài là người con trai thứ ba trong số bốn con trai của gia ñình. Năm 1948 thọ giới Sa Di; năm 1950 thọ Cụ Túc giới tại giới ñàn "Ấn Quang " Sàigòn. Năm 1951 Ngài hoàn tất chương trình Trung ñẳng Phật Học tại Phật Học đường Liên Hải và Ấn Quang. Năm 1954 Ngài hoàn tất Cao ñẳng Phật Học tại Phật Học đường Nam Việt với hạng "tối ưu". Năm 1955-1964 Ngài nhập thất tịnh tu qua các trụ xứ tại Cái Bè (Mỹ Tho) và Vang Quới (Bến Tre). Năm

1964 Ngài tuân lệnh triệu hồi của Giáo Hội, Ngài trở về Sàigòn ñảm nhận việc thành lập và giữ chức

418 Tịnh độ Tông của Việt Nam

vụ Giám đốc viện “Cao đẳng Chuyên Biệt Phật Học” tại An Dưỡng địa, Phú Lâm (tức là Chùa Huệ Nghiêm hiện nay). đồng thời Ngài phụ trách Phân khoa Phật Học tại đại Học Vạn Hạnh (Giáo Sư dạy Duy Thức học). Cũng như làm Giáo Thọ sư tại các Ni Trường Dược Sư, Từ Nghiêm. Năm 1967 Hòa Thượng về đại Ninh kiến lập Hương Quang tịnh thất, chuẩn bị ẩn tu. Năm 1968 Hòa Thượng chính thức hoàn trả chức vụ lại cho Viện Hóa đạo, về hẳn tại Ấp Phú An, xã Phú Hội, huyện đức Trọng, tỉnh Lâm đồng, bế quan tịnh tu. Năm 1970-1974 qua sự tha thiết thỉnh cầu của tứ chúng, Ngài tạm thời ra thất, kiến lập Hương Nghiêm Tịnh Viện (cho chư Tăng) và Phương Liên Tịnh Xá (cho chư Ni). Mở khóa tu học “Tịnh độ Chuyên Biệt” tại 2 ñạo tràng nầy trong 3 năm liên tiếp. Năm 1975-1992 Hòa Thượng hoàn toàn viễn ly với bên ngoài, bế quan tịnh tu “vô thời hạn”. Ngài dự biết trước ngày giờ vãng sanh hơn 6 tháng. đến 4 giờ sáng ngày 21 tháng 11 âm lịch năm Nhâm Thân (1992) Hòa Thượng cho gọi Thị Giả và cũng là Trưởng Tử của Hòa Thượng là Ni Sư Thích Nữ Thanh Nguyệt, triệu tập các môn ñồ, pháp quyến vào trong tịnh thất hộ niệm. đúng 6 giờ 15 phút sáng Ngài lưu lại bài kệ sau cùng và an nhiên thị tịch ngay trên bản tọa (chỗ ngồi). Ngài hưởng thọ tuổi ñời 68 và Tăng lạp 48; hạ lạp 42. Ngài là một bậc Cao Tăng ñắc ñạo và ñược vãng sanh về Cực Lạc trong thời cận ñại nầy. Ngoài các công

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 419

nghiệp Tịnh độ ra, Hòa Thượng còn có lưu lại một hạt “ngũ sắc Kim Cang nha xỉ xá lợi” (một răng cấm 5 màu còn nguyên vẹn cứng như kim cương, ñược bảo toàn kỹ lưỡng). Hòa Thượng ñã lưu lại cho ñời một số kinh sách (ñại lược như sau):

A.- Phẩm dịch:
- đại Bi Tâm đà La Ni kinh
- Quán Vô Lượng Thọ kinh - đại Nhựt kinh
- Hương quê Cực Lạc
- Tịnh độ Thập Nghi Luận
- Thiện ác Nhân quả Báo ứng kinh
- Nhân quả Luân hồi tạp lục ký
- Tam Bảo cảm ứng yếu lược lục
- Lá Thư Tịnh độ
- Niệm Phật Ba La Mật kinh
- Liên Tông Thập Tam Tổ
- Tịnh độ Hoặc Vấn
B.- Soạn Thuật: - Duy Thức học cương yếu - Phật học tinh yếu (1, 2,3)

420 Tịnh độ Tông của Việt Nam

- Tịnh học tân lương (1, 2, 3)

- Niệm Phật Thập Yếu
- Mấy ñiệu sen thanh (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7)
- Tây phương Nhật khóa
- Tịnh độ Pháp Nghi
- Mật Tạng Phật Giáo Việt Nam
- Niệm Phật Tam Muội
- Những Ngày Chay ...

Riêng quyển "Niệm Phật Thập Yếu" ñược xem như là quyển sách gối ñầu - hoằng dương Tịnh độ có giá trị bậc nhất hiện thời.

C.- Trứ tác: - Thiền Tâm thi tập (gồm hơn 1.000 bài thơ ñạo ñủ các thể loại) - Ẩn tu ngẫu vịnh, bá bát thi (108 bài "Vịnh ẩn tu"). Hòa Thượng là một vị đại Tôn Sư hoằng dương cả hai pháp môn Tịnh độ cùng Mật Tông lừng lẫy nhất của Phật Giáo Việt Nam thời hiện ñại...". đọc qua Tiểu Sử của Ngài chúng ta thấy ñược những ñiểm chính yếu như sau: điểm thứ nhất là trong 48 năm xuất gia hành ñạo của Ngài, Ngài ñã dành ra 3 lần tịnh tu nhập thất, tất cả là 20 năm. Lần thứ nhất 10 năm; kể từ năm 1955-1964.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 421

Lần thứ 2 ba năm từ năm 1968 ñến 1970 và lần thứ 3 Ngài ñã quyết bế quan vô thời hạn trong thời gian 7 năm kể từ 1975 ñến năm 1992. Gần phân nửa ñời tu, Ngài ñã ở trong thất. Chắc chắn ñây là thời gian Ngài tịnh tu, dịch kinh, viết sách, hạ thủ công phu, cho ñến ngày viên mãn. Nếu Ngài không có 20 năm trong thất ấy, chúng ta ngày nay chắc không ñược lợi lạc gì nhiều. Vì chính công hạnh tu hành của Ngài cũng như những sáng tác của Ngài là một giá trị tâm linh cao cả, khó gì có thể sánh ñược. Thứ hai là Ngài ñã chuyên tu về pháp môn Tịnh độ; cho nên những kinh ñiển Ngài phiên dịch từ chữ Hán ñều có liên quan ñến Pháp nầy. Ngay cả những sáng tác, soạn thuật, Ngài cũng ñã chọn những danh từ ñều có liên hệ với hoa sen, cũng như cảnh giới Tây Phương Cực Lạc. Thứ ba là Ngài không từ nan trọng trách Giáo Hội ñã giao phó ñể dạy dỗ Tăng Ni, Phật Tử và tạo lập ñạo tràng ñể cho Tăng Ni có nơi tu học. đây có thể gọi là ba trách vụ chánh, khi hành hạnh Bồ Tát ở thế giới khó ñộ nầy, Ngài ñã ra tay tế ñộ quần sanh ñể ñến ngày viên mãn, Ngài ñã biết trước ñược giờ ra ñi cả 6 tháng và còn lưu lại xỉ nha xá lợi nữa. Sau khi Ngài viên tịch có người ñệ tử hiệu là Bảo đăng ở Hoa Kỳ có ghi lại những ñiều cảm ứng và hành trạng của Ngài trong sách "Vô Nhất đại Sư". Nếu quý vị nào cần tham khảo, xin vào mạng ñể truy cập. Theo Tiểu Sử của Ngài như trên ñã cho biết, chúng ta tìm hiểu về quyển "Niệm Phật Thập Yếu" ñược xem là sách gối ñầu giường cho những người tu Tịnh độ. Vậy

422 Tịnh độ Tông của Việt Nam

chúng ta hãy dành thời gian ñi vào nội dung của sách như sau:

LỜI PHI LỘ Bản thảo quyển nầy vừa viết xong, có vài ba đại đức hỏi mượn luân phiên nhau xem, rồi cật vấn: - Chúng tôi thấy chư vị hoằng dương về Thiền Tông, dường như có ý bài xích Tịnh độ. Chẳng hạn như trong quyển "Sáu Cửa Vào động Thiếu Thất" có

câu: Niệm Phật tụng kinh ñều là vọng tưởng. Còn trong ñây lại bảo: Môn Tịnh độ hợp thời cơ, gồm nhiếp ba căn, thông cả Thiền, Giáo, Luật, Mật. Xem ra cũng dường như có ý cho rằng Tịnh độ là ñộc thắng, sự việc ấy như thế nào ? đáp: Không phải thế ñâu. Mỗi môn ñều có tông chỉ riêng. Các bậc hoằng dương tùy theo chỗ lập pháp của mình, bao nhiêu phương tiện thuyết giáo ñều ñi về những tông chỉ ấy. Như bên Thiền lấy: Chỉ thẳng lòng người, thấy tánh thành Phật, làm Tông chỉ. Tịnh độ môn lấy: Một ñời vãng sanh, ñược bất thối chẳng làm tông. Bên Hoa Nghiêm lấy: Lìa thế gian, nhập pháp giới làm tông. Thiên Thai giáo lấy: Mở, bày, trung ñạo làm tông. Pháp Tướng môn lấy: Nhiếp môn pháp về Chân Duy Thức làm tông. Mật Giáo lấy: Tam mật tương ưng, tức thân thành Phật làm tông. Và Luật môn lấy: Nhiếp thân ngữ ý và Thi La tánh (giới tánh) làm tông. Cho nên lời nói bên Thiền ở trên, không phải bác Tịnh độ, hay bác niệm Phật tụng kinh, mà chính là phá sự chấp kiến về Phật và Pháp của người tu. Nếu niệm

Phật và tụng kinh là thấp kém, sai lầm, tại sao từ đức Thế Tôn cho ñến chư Bồ Tát, Tổ Sư ñều ngợi khen khuyên dạy tụng kinh niệm Phật ? Nên biết, Vĩnh Minh Thiền Sư, tương truyền là hóa thân của Phật A Di đà, mỗi ngày ñều tụng một bộ Pháp Hoa. Lại, Phổ Am đại Sư cũng nhân tụng kinh Hoa Nghiêm mà ñược ngộ ñạo. Sự thuyết giáo của Tịnh độ cũng thế, không phải bác bỏ phái Thiền Tông, chỉ nói là chỗ ñặc sắc thiết yếu của bản môn, ñể cho học giả suy xét tìm hiểu sâu rộng thêm, mà tùy thích tùy cơ, chọn ñường thu nhập. Lại, mỗi môn tuy tông chỉ không ñồng, nhưng ñều là phương tiện dẫn chung về Phật tánh. Như một ñô thành lớn có 8 ngõ ñi vào, mà ngõ nào cũng tập trung về ñô thị ấy. Các tông ñại khái chia ra làm hai, là Không môn và Hữu môn. Không môn thì phương tiện lý tánh ñi vào. Hữu môn từ phương tiện sự tướng ñi vào. Nhưng ñi ñến chỗ tận cùng thì dung hội tất cả. Sự tức lý, lý tức sự; tánh tức tướng, tướng tức tánh. Nói cách khác: Sắc tức là không, không tức là sắc; không và sắc chẳng khác nhau. Cho nên khi xưa có một vị đại Sư tham thiền ngộ ñạo; nhưng lại mật tu về Tịnh độ. Lúc lâm chung Ngài lưu kệ phó chúc cho ñại chúng, rồi niệm Phật vãng sanh. Một vị Thiền giả bỗng lên tiếng hỏi: Cực lạc là cõi hữu vi, sao Tôn đức lại cầu về làm chi ? đại Sư quát bảo: Ngươi nói vô vi ngoài hữu vi mà có hay sao ? Thiền giả nghe xong chợt tỉnh ngộ. Thế nên Thiền và Tịnh ñồng về một mục tiêu. Hữu môn cùng Không môn tuy dường tương hoại mà thật ra tương thành cho nhau vậy. đến khi nói: Tịnh độ hợp thời cơ, gồm nhiếp ba căn và thông cả Thiền, Giáo, Luật, Mật chính là lời khai thị của chư cổ ñức như: Liên Trì, Triệt Ngộ, Ngẫu Ích, Kiên

Mật. Các đại Sư nầy là những bậc long tượng trong một thời, sau khi tham thiền ngộ ñạo, lại xưng minh về lý mầu của Tịnh độ pháp môn. Như Triệt Ngộ ñại sư, trong tập Ngũ Lục bảo rằng: Một câu A Di đà, tâm yếu của Phật ta. đọc quán suốt 5 thời, ngang gồm thâu 8 giáo. Và Kiên Mật ñại sư sau khi quán sát thời cơ, trong Tam đại Yếu cũng bảo: đời nay tham thiền chẳng nỡ không kiêng Tịnh độ, phòng khi chưa chứng ñạo bị thối chuyển, há chẳng kinh sợ lạnh lòng? Một câu A Di đà, nếu không phải là bậc thượng căn, ñại triệt, ñại ngộ, tất không thể hoàn toàn ñề khởi. Nhưng với câu nầy, kẻ

hạ căn tối ngu vẫn chẳng chút chi kém thiếu. Thế nên, thuốc không quý tiện, lành bệnh là thuốc hay; pháp chẳng thấp, hợp cơ là pháp diệu. Tịnh độ với Thiền Tông thật ra chẳng thấp cao hơn kém. Nhưng luận về căn cơ, thì Thiền Tông duy bậc thượng căn mới có thể ñược lợi ích; còn môn Tịnh độ thì gồm nhiếp cả ba căn, hạng nào nếu tu cũng ñều dễ thành kết quả. Luận về thời tiết thì thời mạt pháp nầy, người trung, hạ căn nhiều, bậc thượng căn rất ít. Nếu muốn ñi ñến thành quả giải thoát một cách chắc chắn, tất phải chú tâm về Tịnh độ pháp môn. đây do bởi lòng ñại bi của Phật, Tổ; vì quán thấy rõ thời cơ muốn cho chúng sanh sớm thoát nỗi khổ luân hồi; nên trong các kinh luận ñã nhiều phen nhắc nhở. điều nầy là một sự kiện rất quan yếu và hết sức xác thật. Tuy nhiên, như trong kinh nói: Chúng sanh sở thích và tánh dục có muôn ngàn sai biệt không ñồng, nên chư Phật phải mở vô lượng pháp môn mới có thể thâu nhiếp hết ñược. Vì vậy Tịnh độ tuy hợp thời; song chỉ thích ứng một phần, không thể hợp với sở thích của tất cả mọi người, nên cần phải có Thiền Tông và các môn khác ñể

cho chúng sanh ñều nhờ lợi ích và Phật Pháp ñược ñầy ñủ sâu rộng. Cho dù ñã tùy căn cơ, sở thích của mình mà chọn môn Tịnh độ, thâm ý của Tác Giả vẫn mong cho Thiền Tông và các môn khác ñược lan truyền rộng trên ñất nước nầy. Còn những môn khác, nếu ñem lại cho chúng sanh dù một ñiểm lợi ích nhỏ nhen nào, bút giả cũng xin hết lòng tùy hỷ. Tóm lại, Hữu môn và Không môn nói chung, Thiền Tông và Tịnh độ nói riêng, ñồng cùng ñi về chân tánh. Tuy hai mà một, ñều nương tựa ñể hiển tỏ thành tựu lẫn nhau và cũng ñều rất cần có mặt trên xứ Việt Nam, cho ñến cả thế giới. Mấy vị đại đức sau khi nghe xong ñều tỏ ý tán ñồng. Nhân tiện, bút giả lại trần thuật bài kệ của Tây Trai lão nhơn ñể kết luận và chứng tỏ người xưa cũng ñã từng ñồng quan ñiểm ấy:

Tức tâm là ñộ lý không ngoa
Tịnh khác Thiền ñâu, vẫn một nhà
Sắc hiển trang nghiêm miền diệu hữu
Không kiêm vô ngại cõi hằng sa
Trời Tây sáng ñẹp màu châu ngọc
Nguyện Phật bao la ñức hải hà
Ngoảnh lại ñường tu, ai sớm tỉnh ?
Nỗi thương ác ñạo mỗi vào ra
Thích Thiền Tâm cẩn chí

đây là lời tựa của cuốn „Niệm Phật Thập Yếu“. Cuối lời tựa không ñể năm tháng; nhưng ở „Lời sau cùng“ của sách thì ghi là Ngày Phật đản 2515. Tức cách ñây 40 năm (2555-2515) nghĩa là sách nầy ñược viết và in hoàn thành năm 1971. đây là quyển sách tương ñối quan trọng. Vì là thời gian thứ 2 sau 13 năm nhập thất tất cả của cố Hòa Thượng Thích Thiền Tâm. Trong lời tựa nầy chúng ta thấy rõ rằng: Ngài chọn pháp môn Tịnh độ là chánh; nhưng những pháp môn khác, Ngài vẫn dung hòa ñể ñi ñến một ñiểm chung là giác ngộ và thoát ly sanh tử luân hồi. điều nầy cũng dễ hiểu thôi. Vì thuở

ấy vào năm 1971, 1972 Việt Nam chúng ta bị chiến tranh loạn lạc, Thiền Tông ñang trong thời kỳ khôi phục lại và Mật Tông cũng vậy. Do ñó Ngài không muốn làm phật lòng những pháp hữu của Ngài ñương ñại; cho nên mới trung dung như vậy; nhưng nếu chúng ta nhìn lịch sử phát triển Tịnh độ Tông của Trung Hoa thời đường hay Tịnh độ Tông Nhật Bản thời Ngài Thân Loan thì khác hẳn. Các vị đạo Sư là Tổ Sư Tịnh độ chủ trương phát triển không ngừng nghỉ, ñến ñiểm cao tột của Tịnh độ, khiến cho các Tông Phái khác ganh tị nên mới tấu lên triều ñình (Nhật); do vậy Tịnh độ Tông phải ñiêu ñứng một thời vào thế kỷ thứ 13 (xin xem chương về Ngài Thân Loan và Ngài Pháp Nhiên). Từ ñó các vị đạo Sư nầy chủ trương rõ ràng rằng: Thiền là Thiền; Tịnh là Tịnh. Chứ không có cái chung ñược. Chủ trương như thế nó cũng có cái lý do của nó; nhưng xin thưa, mỗi người sinh ra trong ñời nầy tùy theo trong từng thời gian hiện thế ñể mang ñạo vào ñời; cho nên quý Ngài mới phương tiện nói ra những ñiều như thế. Vậy thì ñúng, sai nó chỉ có tính cách tương

ñối và tuyệt nhiên không có vấn ñề tuyệt ñối qua nhận thức trên. Sau ñây là mục lục chi tiết

Chương 1: Niệm Phật phải vì giải thoát sanh tử
Mục A. Môn Tịnh độ, một pháp hợp thời cơ
Tiết 1. Bắc Phương Phật Giáo với nhân duyên Tịnh độ
Tiết 2. Những huyền ký về Tịnh độ
Tiết 3. Sự chuyển hướng từ Thiền sang Tịnh
Mục B. Môn Tịnh độ với vấn ñề sanh tử
Tiết 4. Niệm Phật thế nào mới hợp với bản ý của
Phật ?
Tiết 5. Tám mối khổ lớn
Mục C. Biết khổ phải ý thức ñến sự giải thoát Tiết 6. Quán về sự khổ luân hồi Tiết 7. Muốn sớm thoát khổ, nên tu Tịnh độ

Chương 2: Niệm Phật phải phát lòng Bồ đề Mục A. Luận về Bồ đề tâm Tiết 8. Ý nghĩa của Bồ đề tâm

Tiết 9. Bồ đề tâm với môn Tịnh độ

Mục B. Những công hạnh của Bồ đề tâm Tiết 10. Làm thế nào ñể phát lòng Bồ đề Tiết 11. Những huấn thị về Bồ đề tâm

Mục C. Ba sự kiện thiết yếu ñối với Bồ đề tâm
Tiết 12. đường sanh tử nhiều nguy hiểm
Tiết 13. Cầu giải thoát ngay trong hiện kiếp
Tiết 14. Làm thế nào ñể thành mãn Bồ đề tâm
Chương 3: Niệm Phật phải dứt trừ lòng nghi

Mục A. Lòng tin cửa vào Tịnh độ
Tiết 15. Sự trọng yếu của lòng tin
Tiết 16. Những ñiều làm giảm phá niềm tin
Mục B. Giải thích các ñiều nghi
Tiết 17. Những mối nghi thông thường về Tịnh độ
Tiết 18. Những mối nghi thiệp lý
Tiết 19. Những mối nghi căn cứ theo Kinh điển
Tiết 20. Cần phá lối chấp nhị biện
Tư Tưởng Tịnh độ Tông 429

Chương 4: Niệm Phật phải quyết ñịnh nguyện
Mục A. Nguyện thiết, ñộng lực chánh của sự vãng sanh
Tiết 21. Tánh cách trọng yếu của sự phát nguyện
Tiết 22. Kinh văn khuyên phát nguyện
Tiết 23. Thử xét qua những tâm nguyện cầu vãng sanh
Mục B. Giới thiệu lời văn phát nguyện của tiền nhơn
Tiết 24. Văn phát nguyện của Ngài Liên Trì và Từ
Vân
Tiết 25. Phát nguyện cần phải khẩn thiết
Chương 5: Niệm Phật phải hành trì cho thiết thật vãng sanh
Mục A. Môn niệm Phật với Tứ đoạt và Tứ Hạnh
Tiết 26. Hạnh tinh chuyên cũng là ñiểm không thể thiếu
Tiết 27. Niệm Phật với Tứ đoạt
Tiết 28. Niệm Phật với Tứ Hạnh
Mục B. Khái luận về các phương pháp niệm Phật Tiết 29. Bốn môn niệm Phật Tiết 30. Mười phương thức trì danh

430 Tịnh độ Tông của Việt Nam

Mục C. đi vào ñường lối thực hành
Tiết 31. Bốn môn Tam Muội
Tiết 32. Ba phần hành trì
Tiết 33. Cách ñối trị hôn trầm tán loạn.
Chương 6: Niệm Phật phải ñoạn tuyệt phiền não
Mục A. Lược ñàm về tham phiền não
Tiết 34. Phương diện khai tâm
Tiết 35. đối trị dục nhiễm
Tiết 36. đối trị tham vi tế
Mục B. Lược ñàm về sân phiền não
Tiết 37. Phương pháp ñối trị sân
Tiết 38. Cách ñoạn tuyệt thị phi

Tiết 39. Những lời khuyên răn về việc thị phi
Mục C. Lược ñàm về si phiền não
Tiết 40. Nói chung về nghiệp si
Tiết 41. Phải diệt niệm buồn chán
Tiết 42. Cách ñối trị tổng quát
Tư Tưởng Tịnh độ Tông 431
Chương 7: Niệm Phật phải khắc kỳ cầu chứng nghiệm
Mục A. Nên ñịnh kỳ kiết thất
Tiết 43. Sự sống chết lớn lao
Tiết 44. Ý nghĩa kiết thất
Tiết 45. Cách ñả thất
Mục B. Quyết ñịnh cầu nguyện
Tiết 46. Sự và lý
Tiết 47. Sự trì, lý trì
Tiết 48. Sự nhứt tâm, lý nhứt tâm
Mục C. Cảnh giới phát hiện
Tiết 49. Nội cảnh giới
Tiết 50. Ngoại cảnh giới
Tiết 52. Biện ma cảnh
Tiết 52. Các loại ma
Chương 8: Niệm Phật phải bền lâu, không gián ñoạn
Mục A. Yếu ñiểm của môn Tịnh độ
Tiết 53. Phải nhớ chí nguyện ñể tinh tấn
Tiết 54. Pháp môn thoát sanh tử trong một ñời
432 Tịnh độ Tông của Việt Nam
Tiết 55. Niệm Phật chớ sợ cười, ñừng chờ hẹn
Mục B. Làm thế nào niệm ñược bền lâu ?
Tiết 56. Phải tuần tự tiến tu
Tiết 57. Nên cầu tinh thuần, ñừng tham nhiều
Tiết 58. Chớ ñể mất phần nhập phẩm
Mục C. Tịnh độ, môn giải thoát ñặc biệt
Tiết 59. Niệm Phật, phương pháp dễ tu
Tiết 60. Từ tán tâm sẽ ñi ñến tịnh tâm
Tiết 61. Mười phương Tịnh độ và đâu Suất Tịnh độ
Chương 9: Niệm Phật phải an nhẫn các chướng duyên
Mục A. Nói lược về các duyên khảo
Tiết 62. Vài nguyên nhân của các chướng duyên
Tiết 63. Các duyên ma khảo

Mục B. Phương thức hóa giải chướng duyên Tiết 64. Lời khuyên dạy của Cổ đức Tiết 65. Cách giữ vững tâm không thối chuyển

Mục C. Những gương về sự an nhẫn

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 433

Tiết 66. Sự an nhẫn của Cư sĩ Trần Vạn Dật

Chương 10: Niệm Phật phải dự bị lúc lâm chung
Mục A. Những dự bị cần thiết cho lúc lâm chung
Tiết 67. Dự bị về ngoại duyên
Tiết 68. Dự bị về tinh thần
Mục B. Sự khẩn yếu lúc lâm chung Tiết 69. Thỉnh bậc tri thức khai thị Tiết 70. Cách thức trợ niệm

Mục C. điều khẩn yếu sau khi mãn phần Tiết 71. Khi tắt hơi cho ñến lúc truy tiến Tiết 72. Những gương ñược mất về sự trợ niệm

Sách nầy tổng cả là 388 trang, gồm 10 Chương, 28 Mục A, B, C và 72 Tiết. đây là một quyển sách tương ñối ñược Cố Hòa Thượng Thích Thiền Tâm hướng dẫn cho hành giả tu theo Pháp môn niệm Phật người Việt Nam một cách rõ ràng, khúc chiết và hầu như ñược tổng hợp các tư tưởng của các vị Tổ Tịnh độ Trung Hoa. Dĩ nhiên trong 10 ñiều cần yếu Niệm Phật ñể vãng sanh nầy nó không ra ngoài những gì chư Phật và chư Tổ ñã dạy. Vì Cố Hòa Thượng Thích Thiền Tâm rất giỏi chữ Hán; cho nên nhờ những sách dịch ấy mà Ngài ñã tạo thành tư

434 Tịnh độ Tông của Việt Nam

tưởng của mình. Vả lại trong 20 năm tịnh tu, nhập thất, hành trì ấy; nhất là thời gian từ năm 1975 ñến 1992, thời gian 7 năm sau cùng của ñời Ngài ở đại Ninh rất quan trọng. Thời gian ấy là thời ñiểm khó khăn nhất về mọi mặt, ñã xảy ra trên quê hương Việt Nam của chúng ta; nhứt là về phương diện Tôn Giáo. Do vậy sự nhập thất, bế môn "vô thời hạn" ấy rất có giá trị cho việc vãng sanh biết trước giờ ra ñi của Ngài. Ở ñây hậu học muốn cần biết một tư tưởng Tịnh độ của Tịnh độ Tông Việt Nam khác với Tịnh độ Tông Trung Quốc, Nhật Bản, Tây Tạng như thế nào; nhưng vẫn chưa tìm ra tư tưởng lớn ấy như Ngài Thân Loan, Pháp Nhiên (Nhật), đàm Loan, đạo Xước (Trung Hoa); Thầy của Ngài Tulku Thondrup (Tây Tạng) v.v... Do vậy Việt Nam chúng ta cần phải có một tư tưởng về Tịnh độ ñặc biệt như vậy. Tuy nhiên người Phật Tử Việt Nam vẫn lầm rằng: Ngài Thiền Tâm là Sơ Tổ của Tịnh độ Tông Việt Nam; nhưng nếu kể từ Ngài đàm Hoằng (455) ñến Ngài Thiền Tâm (1992), giữa hai Ngài cách xa nhau là 1.537 năm lịch sử. Dĩ nhiên giữa thời gian ấy, nay mai những người tu theo pháp môn Tịnh độ Việt Nam sẽ tìm ra ñược những vị khác ñã kế thừa và có khai tông lập giáo rõ ràng trong khoảng hơn 1.500 năm lịch sử ấy thì lúc bấy giờ việc tôn phong các vị Tổ như Ngài Thiền Tâm cũng không muộn. Dẫu sao ñi nữa trong thế kỷ thứ 20, riêng nước Việt Nam chỉ có Cố Hòa Thượng Thích Thiền Tâm là người xiển dương Tịnh độ theo khuôn mẫu của người Trung Quốc ở Việt Nam rất là rõ ràng và thành công hết mực. Nhờ vậy mà

hậu thế mới có cơ hội tìm hiểu, tra cứu v.v...

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 435

Ba Kinh Tịnh độ vẫn là 3 bản kinh gốc mà các vị Tổ Sư như Ngài Long Thọ, Thế Thân (Ấn độ); đàm Loan, đạo Xước, Thiện đạo (Trung Hoa); Nguyên Tín, Nguyên Không Pháp Nhiên, Thân Loan (Nhật Bản) hay Ngài Dodrupchen (TâyTạng) v.v... mỗi vị Tổ Sư của các quốc gia ấy ñã rút tỉa ra ñược những phương pháp tu hay niệm Phật quán tưởng cho Phật Tử của họ. Riêng Việt Nam chúng ta chưa thấy ñược một vị Tổ Sư Tịnh độ nào có ñược một cái nhìn rõ ràng như vậy, mà hầu như chỉ rập khuôn theo lối cũ của người Trung Quốc. Vì Trung Quốc không phải là Việt Nam. Hy vọng chúng ta sẽ tìm ñược tư tưởng nầy ở những nhà nghiên cứu khác. Sau ñây chúng ta ñiểm lại “Lời Sau Cùng” của sách Niệm Phật Thập Yếu của Cố Hòa Thượng Thích Thiền Tâm ñã soạn sách ñây 40 năm về trước vậy. “Người xưa bảo: Trứ thơ nghi tại vãn niên". đây ý nói: Viết sách nên ñợi lúc tuổi già, tuổi càng lớn càng ñầy ñủ hiểu biết kinh nghiệm, quyển sách viết ra giá trị mới có thể ñược thành toàn. Bút giả chưa phải tuổi già mượn chỗ kinh nghiệm cùng sự hiểu biết tất còn nhiều thiếu sót; song vì cấp thiết trong sự lợi tha, lại chẳng biết vô thường sẽ ñến ngày nào, nên gắng gượng xin ñem chút ngu thành kiến dâng bày thức giả. đây xin nói là trứ tác, song phần lớn ñều rút lời trong kinh Phật, ý kiến của chư Cổ đức cùng các bậc thiện tri thức mà góp thành. Nên thiết tưởng cũng có thể ñem lại lợi ích phần nào cho bạn ñọc. Khi xưa Sở Thạch đại Sư có hai câu thi : Nhơn sanh bá tuế thất tuần hy Vãng sự hồi quan tận giác phi !

436 Tịnh độ Tông của Việt Nam

Lời nầy thốt ra trong lúc Ngài ñã thất tuần, ý than: Kiếp người tuy nói trăm năm; nhưng sống ñược 70 tuổi cũng rất ít có. Và tuổi ñời 70 như Ngài khi quay nhìn việc cũ, thấy mình ñều lỗi lầm. Một bậc Cao Tăng mà còn tự phê kiểm dường ấy, thì hạng người phàm thường sự lầm lỗi biết là bao nhiêu? Cho nên khi bút giả nghĩ mình tội chướng còn dẫy ñầy, tự ñộ chưa xong mà nói ñến chuyện khuyên nhắc người, ñôi lúc cũng hổ thẹn bàng hoàng ngập ngừng không muốn viết. Nhưng nghĩ lại danh từ khuyến hóa thật ra mình chẳng dám giương; nhưng lấy tánh cách người trong biển khổ gắng kêu nhắc ñồng bạn cùng vượt qua biển khổ, ñể mong cho mình nhờ chút ảnh hưởng ñó tiêu bớt phần nào tội chướng nên mới không ngần ngại. Nhớ lại thuở ñời nhà Minh bên Trung Hoa, ông La điện có soạn bài thi Tỉnh Thế như sau: Vội vội vàng vàng khổ nhọc cầu Mưa mưa nắng nắng trải xuân thu. Hôm hôm sớm sớm lo sinh kế, Lãng lãng quên quên thấy bạc ñầu. Thị thị phi phi không kết liễu, Phiền phiền não não những bi ưu. Rành rành rõ rõ một ñường ñạo Vạn vạn ngàn ngàn chẳng chịu tu.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 437

Lời văn trên tuy thô sơ, dường như không có ñạo lý chi sâu sắc; nhưng ñã ñem tất cả hành vi và chướng nghiệp trong ñời sống của kiếp người mô tả ra rất rõ ràng. Ai có thể tránh khỏi khuôn khổ của bài thi trên ñây và cố gắng tu hành, mới gọi là người ñi trên ñường giải thoát.

Ông La điện sở dĩ có lời than trên ñây, bởi thấy biển tục dễ chìm, ñường tu khó bước.
Trong kinh Tứ
Thập Nhị Chương, đức Phật dạy nhơn sanh có 20 việc
khó :
- Nghèo khổ bố thí là khó
- Giàu sang học ñạo là khó
- Xả thân quyết chết là khó
- Xem ñược kinh Phật là khó
- Nhịn sắc lìa dục là khó
- Sanh gặp ñời Phật là khó
- Thấy tốt không cầu là khó
- Bị nhục chẳng giận là khó
- Có thế không ỷ là khó
- Gặp việc vô tâm là khó
- Học rộng nghiên tầm nhiều là khó
- Trừ bỏ ngã mạn là khó
- Không khinh kẻ chưa học là khó
- Tâm hành bình ñẳng là khó
- Chẳng nói việc thị phi là khó - được gặp thiện tri thức là khó
- Thấy tánh học ñạo là khó
- Tùy duyên ñộ người là khó
438 Tịnh độ Tông của Việt Nam

- Thấy cảnh không ñộng là khó - Khéo biết dùng phương tiện là khó.

Trong 20 ñiều trên, nơi ñây chỉ xin nói lược qua ít chi tiết. Như nghèo khổ bố thí là khó; bởi nghèo khổ dầu muốn bố thí; nhưng ngặt vì có lòng mà thiếu sức. Nếu gắng gượng bố thí, tất ảnh hưởng ñến sự sống của mình; nên mới thành khó. Hoặc như giàu sang học ñạo khó; bởi giàu sang tu có sức bố thí, song lại bị cảnh dục lạc lôi cuốn, khó buông bỏ thân tâm ñể tu hành. Sau gặp ñời Phật là khó, như luận Trí độ nói: Ở thành Xá Vệ gồm 9 ức dân mà chỉ có 3 ức người ñược gặp thấy Phật, ba ức người tuy nghe danh tin tưởng nhưng không thấy Phật và 3 ức người hoàn toàn không ñược nghe biết cũng không ñược thấy. đức Phật ở tại xứ nầy giáo hóa trước sau 25 năm, mà còn có 3 ức người (tức là 300.000 người) không thấy gặp nghe biết, thì những kẻ sanh nhằm ñời Phật nhưng vẫn ở cách xa; hoặc sanh trước hay sau khi Phật ra ñời, tất cơ duyên gặp Phật hoặc nghe Phật Pháp là ñiều không phải dễ. Nhưng tuy không gặp ñược Phật mà y theo chánh pháp tu hành, thì cũng như gặp Phật. Nếu không theo lời Phật dạy, dù ở gần Phật; vẫn là cách xa. Như khi xưa đề Bà đạt đa là em họ của Phật, Tỳ Kheo Thiện Tịnh làm thị giả cho Phật 20 năm, vì không giữ ñúng theo ñường ñạo, nên kết cuộc ñều bị ñọa ñịa ngục. Bà Lão ở phía đông thành Xá Vệ, sanh ñồng năm tháng ngày giờ với Phật; nhưng vì vô duyên nên không muốn thấy gặp Phật. Cho nên ñược thấy Phật nghe pháp, y theo lời dạy phụng hành, phải là người có nhiều căn lành phước ñức nhơn duyên.

Nay Như Lai ñã nhập diệt; các bậc thiện tri thức thay thế Phật ra hoằng

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 439

dương ñạo pháp, nếu thân cận nghe theo lời khuyên dạy tu hành, tất cũng ñược giải thoát. Nhưng kẻ căn lành sơ bạc, gặp thiện tri thức cũng khó. Dù có duyên ñược thấy mặt nghe pháp, song nếu không hiểu nghĩa lý, hoặc chấp vào hình thức bên ngoài mà chẳng chịu tin theo, thì cũng ñều vô ích. Theo kinh Phạm Võng và Hoa Nghiêm, muốn tìm cầu thiện tri thức, ñừng câu nệ theo hình thức bên ngoài; như chớ chấp kẻ ñó trẻ tuổi, nghèo nàn, ñịa vị thấp, hoặc dòng dõi hạ tiện, tướng mạo xấu xa, các căn chẳng ñủ, mà chỉ cầu nguyện thông hiểu Phật Pháp, có thể làm lợi ích cho mình. Lại ñối với bậc thiện tri thức chớ nên tìm cầu sự lỗi lầm, bởi vị ñó có khi vì mật hạnh tu hành, vì phương tiện hóa ñộ, hoặc ñạo lực tuy cao song tập khí còn chưa dứt; nên mới có hành ñộng như vậy. Nếu chấp nê hình thức, tìm cầu lỗi lầm, tất không ñược lợi ích trên ñường ñạo. Khi Phật còn tại thế, Ngài Ca Lưu đà Di có thói quen miệng nhơi qua nhơi lại như trâu; Tỳ Kheo Ni Liên Hoa Sắc tánh ưa soi gương trang ñiểm; một vị Tỳ Kheo thích leo lên cây nhảy chuyền; một vị Tỳ Kheo khác nói với ai hay lên giọng xưng mi tao lớn lối. Nhưng sự thật 4 vị nầy ñều ñã chứng quả A La Hán cả. Bởi kiếp trước một vị làm thân trâu, một vị là kỷ nữ, một vị làm thân khỉ và một vị là dòng quý tộc Bà La Môn; nhiều ñời ở trong hoàn cảnh ñó, ñến nay tuy ñắc quả, song tập quán dư thừa hãy còn. Lại như đức Lục Tổ vì thấy người học Phật thời ấy ưa chấp nói theo kinh văn, không nhận ngay Phật tánh; nên mới thị hiện làm kẻ dốt; nên mới giả người ñiên cuồng, quần áo lôi thôi, ăn nói không chừng ñộ. Hư Vân Hòa Thượng vì thấy người thời mạt pháp, phần nhiều

440 Tịnh độ Tông của Việt Nam

thân xuất gia, mà tâm không xuất gia; nên tuy ñã ngộ ñạo mà thường ñể râu tóc. Mật ý chỉ cho ñạo không phải ở nơi ñầu tròn áo vuông. Nhưng ñương thời của các vị ấy, cũng có nhiều kẻ chê bai chỉ trích đức Lục Tổ là dốt nát, Ngài Ngọc Lam là ñiên khùng, Hư Vân thượng nhân là người phạm quy luật thiền môn. Cho nên nhìn tìm bậc thiện tri thức khó là như thế. Mấy ñiều nầy người học Phật cũng nên hiểu, ñể bớt sự cố chấp và tránh lỗi khinh báng Tăng Ni. Còn các việc khó kia có thể suy ra ñể hiểu. Tuy nhiên, khó và dễ là pháp ñối ñãi, trong khó có dễ, trong dễ có khó. Nếu nhận hiểu và quyết tâm thì các việc khó chẳng phải không thể làm ñược. Như thuở ñời Phật Tỳ Bà Thi, có hai vợ chồng ông Kế La Di, nghèo ñến ñỗi mặc chung một chiếc khố, khi chồng ñi làm vợ phải lõa thể ñóng cửa ở nhà, vợ thay phiên ñi làm thì chồng cũng y như vậy. Nhưng khi nghe chư Tăng ñi khuyến hóa, bảo bố thí sẽ có phước tránh cảnh nghèo khổ, hai vợ chồng bàn luận nhau ñem chiếc khố duy nhất ấy trao qua cửa sổ bố thí, ñành cam cùng chịu lõa thể ñóng cửa nằm chết trong nhà. Do sự quyết tâm làm lành ñó, khiến cho vị Quốc Vương hay ñược, ñem y phục và tiền của giúp ñỡ. Từ ñó về sau, mỗi ñời sanh ra, hai vợ chồng ñều có y phục che thân và sau cùng ñều chứng ñạo quả. Cho nên tuy nghèo khổ, bố thí là khó; nhưng nếu hiểu cái nhân nghèo nàn do bởi không bố thí, rồi quyết tâm cam chịu thiếu kém khổ cực, ñem của riêng ñể tu phước, tất việc bố thí cũng có thể làm. Lại như vua Thuận Trị nhà Thanh, lên ngôi hồi 6 tuổi, 24 tuổi từ bỏ

vương vị, theo Ngọc Lâm quốc sư ñầu Phật xuất gia. Làm một vị Hoàng ñế giàu sang tột bực, ở lầu rồng gác phượng, ăn hải vị sơn hào, phi tần có cả

hàng ngàn trang tuyệt sắc giai nhân, quyền lực nắm cả thần dân trong một nước, sự phú quý còn chi hơn ? Nhưng nếu nhận rõ sự phước lạc thế gian vô thường như mộng huyễn, cảnh chân như thường tịch mới thật là vui, thì tuy nói giàu sang học ñạo khó, song ñã quyết tâm, tất cũng có thể thực hành. Ngoài ra, nghèo khổ quá tu hành vẫn thật khó; nhưng nếu có chí cũng chẳng phải không làm ñược. Như thuở Phật Thích Ca còn ở ñời, có một bà lão rất nghèo khổ, ở mướn cho người từ hồi 13 tuổi, ñến 80 tuổi vẫn còn vất vả. Ban ngày làm việc không ngơi nghỉ, ñêm nào cũng phải giã gạo ñến canh hai; gà gáy sáng ñã thức dậy quây quần bên cối xay bột. Hoàn cảnh cực nhọc không rảnh rỗi như thế, muốn tu hành là một sự vạn nan. Nhưng nhờ tôn giả Ca Chiên Diên khuyến hóa, nên mỗi buổi tối sau khi giã gạo xong, bà tắm rửa thay ñổi y phục, ngồi tu niệm ñến quá nửa ñêm mới ñi nghỉ. Nhờ sự quyết tâm cố gắng ñó, mà sau khi chết bà ñược sanh lên làm vị Thiên Tử ở cung trời Dạ Ma. Kính thưa quý vị! Thân người khó ñược, pháp Phật khó nghe. Nay quý vị ñược thân người và có duyên xem ñến quyển nầy, tức là ñã gặp ñược pháp môn thành Phật mầu nhiệm. Dù gặp phải hoàn cảnh khó khăn, xin quý vị nhận rõ duyên trời khổ mộng, quyết chí tu hành, ñể hoa sen báu bên trời Tây ñược nở thêm những hàng thượng thiện. Ngày Phật ñản 2515 Thích Thiền Tâm Kính phụng.

442 Tịnh độ Tông của Việt Nam

Phật ñản năm 2515 tức nhằm năm 1971. Nghĩa là cách ñây 40 năm về trước. Lúc ấy Cố Hòa Thượng Thích Thiền Tâm ñược 46 tuổi ñời và 26 tuổi ñạo với 2 lần nhập thất tổng cộng 13 năm. đây là một vị đại Sư ñặc biệt lỗi lạc của Việt Nam chúng ta thuở ấy. Nếu ai ñó ñọc lời phi lộ, rồi 10 chương của sách cũng như lời cuối sách nầy thì thấy có cái gì ñó cách xa thời gian. Vì lẽ ở lời cuối sách người ta muốn xem kết luận của tác giả như thế nào ? nhưng ña phần tác giả ñã ñem chuyện bên Tàu và Ấn độ về 20 việc khó làm ñể chấm dứt quyển sách thật là tiếc. Ước gì tác giả nói thêm về tư tưởng của Tịnh độ Tông Việt Nam ñể người ñọc nhận chân về giá trị tuyệt vời của quyển sách nầy. Do ñó ñộc giả cảm thấy hụt hẫng sau khi gấp sách lại. Có lẽ lời cuối nầy viết vào thời gian năm 1971 là thời gian đại Sư ña ñoan với công việc kiến tạo Hương Nghiêm Tịnh Viện cho chư Tăng và Phương Liên Tịnh Xứ cho Ni; nên ít có thời gian ñể nhuận lại bản chính. Còn 10 ñiều cần yếu cho pháp môn niệm Phật ấy có lẽ đại Sư ñã viết trong thời gian nhập thất lần thứ 2 từ năm 1968 ñến năm 1970; nên nội dung rất là sâu sắc. Từ những ñiểm căn bản bên trên ở vào Chương thứ 8 tác giả sách nầy sẽ chọn ra một pháp tu cho riêng Phật Tử Việt Nam chúng ta khi phát tâm tu theo Pháp Môn Tịnh độ; ñể từ ñó chúng ta có cái nhìn thực tiễn cho một Việt Nam Phật Giáo ở vào thế kỷ thứ 21 nầy.

B. Tư Tưởng Tịnh độ thời hiện tại

Tôi ñược cái phước là tuy sinh ra giữa thời kỳ chiến tranh của Việt Nam; nhưng không bị ảnh hưởng bởi chiến tranh nhiều như bao nhiêu người khác. Vì lẽ khi tôi ñi xuất gia (1964) ñã không bị ñộng viên ñi lính, và ñược hoãn dịch với lý do Tôn Giáo. Nhờ kết quả của học trường đời và trường đạo mà tôi ñược ñi du học Nhật Bản (1972). Trong khi ñó ở tại quê hương mình, có không biết bao nhiêu người ñã nằm xuống ñể bảo vệ mảnh ñất hình cong như chữ S ấy. Rồi 30 tháng 4 năm 1975 ñến; khi ấy tôi ñang ở tại Tokyo, mỗi ngày nhìn bản ñồ trên truyền hình Nhật, thấy những vệt ñỏ cứ lan dần hết miền Nam Việt Nam, lòng quặn ñau không kể xiết, ñể rồi cho ñến 1976, 77, 78, 79 v.v... những năm Việt Nam ñóng cửa với thế giới bên ngoài. Khi ấy ở ngoại quốc tâm trạng của tôi cũng như của bao nhiêu người Việt khác ly hương không biết diễn tả sao cho hết nỗi nhớ thương trong muôn thuở. Trong khi cái khổ ở quê nhà từ ñời sống tinh thần ñến vật chất, thì tôi ñang ở Âu Châu. Do vậy ân ñức nầy tôi chẳng biết chia xẻ cùng ai. Chỉ biết rằng mình là người ñang có phước hơn nhiều người khác. Cho nên phải luôn luôn cố gắng ñể làm một cái gì ñó, ñược lợi lạc cho quần sanh, là ñiều mà tôi luôn nghĩ tới.

444 Tịnh độ Tông của Việt Nam

Tôi ñi xuất gia ở chùa Viên Giác và chùa Phước Lâm tại Hội An từ năm 1964-1968. Sau ñó vào Sàigòn tu học tại chùa Hưng Long, ñể ngày 22 tháng 2 năm 1972 rời Việt Nam ñi du học Nhật Bản; cho ñến nay khi quyển sách nầy nằm trên tay quý vị (2012) là ñúng 40 năm tôi ñã sống trên xứ người, có ñầy ñủ phương tiện và tự do ñể tu, học và thực hành giáo lý từ bi, trí tuệ, giải thoát của đức Phật. Tôi sinh ra vào giữa thế kỷ thứ 20 và bây giờ là ñầu thế kỷ thứ 21. Ở vào lứa tuổi 63 như thế nầy ñã là tuổi thọ trong cuộc ñời và gần 50 năm xuất gia tu học ấy ñã cho tôi có một cơ hội ñể ñi chỗ nầy, ñến chỗ kia, học việc nầy, nghiên cứu vấn ñề kia v.v... ñể rồi ngồi nhìn lại tiến trình của mình ñã ñi qua, giáo lý ấy, cuộc sống ấy ñã giúp ñược gì cho mình và từ ñó ñem kết quả của sự tu học và hiểu biết ấy dâng lên Tam Bảo và trang trải tấm lòng của mình cho tha nhân, nhằm giúp ñỡ cũng như bổ sung những gì xưa nay còn thiếu, hầu tạo nên một phong trào tu học lành mạnh vững vàng hơn. Khi phát tâm ñi xuất gia, tôi chẳng biết chọn lựa là gì. Vì thuở ấy chỉ nương theo Thầy Bổn Sư ñã quy y ngũ giới cho từ năm 1963 và cứ thế, cứ thế lầm lủi mãi trên dặm trường thiên lý ấy; chứ không cần biết Tịnh độ là gì hay Thiền, Mật là gì cả. Vì ai làm sao, mình làm vậy. Thuở ấy khi mới vào Chùa, các Chú Tiểu Sa Di lớn tuổi hơn và vào Chùa trước thì chỉ bày lại cho các Chú mới vào. ñầu tiên là học Kinh, mà khó nhất là Kinh Lăng Nghiêm. Khi học, chẳng biết nghĩa ñã ñành, mà cũng chẳng có ai giải thích cho mình tại sao phải tụng kinh nầy vào buổi sáng. Còn kinh A Di đà, Sám Hối, Mông Sơn Thí Thực lại tụng vào buổi chiều. Tối thì tụng nghi thức Tịnh

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 445

độ. Người vào Chùa sau, luôn luôn xem người ñi trước là thần tượng hay kẻ hiểu biết hơn mình. Do vậy có thứ lớp vô hình nào ñó ñể giúp cho kẻ sơ cơ có ñược cái ñà ñể tiến. Dĩ nhiên bên trên còn Thầy Trụ Trì nữa; nhưng những gì ñến ñược với Ngài Trụ Trì phải qua 5, 7 lớp rào cản, ñâu phải dễ dàng trực tiếp thưa thỉnh ñiều gì. Ngay cả khi

gặp Ngài Trụ Trì ñi qua, Tăng Chúng phải cúi rạp mình xuống, im lặng chắp hai tay xá chào. Chỉ vậy thôi. Còn ý nghĩa kinh ñiển thì sau nầy học trong những mùa An Cư Kiết Hạ mới rõ; chứ thuở ban ñầu chỉ biết chấp nhận mà thôi. Tôi vào chùa Viên Giác Hội An xin Bổn Sư của tôi là Cố Hòa Thượng Thích Long Trí ñể ñi xuất gia. Ngài lúc ấy sau năm 1963 tranh ñấu với nhà Ngô bị thương tích ñầy người; nên Ngài phải vào Sàigòn chữa trị; nên Ngài ñã viết thư cho Hòa Thượng Như Vạn, Trụ trì Tổ đình Phước Lâm cũng ở tại Hội An và cho tôi ở ñó, ñến ngày 19 tháng 6 âm lịch năm 1964 (Giáp Thìn) là ngày vía Quan Thế Âm, sau khi Thầy tôi ñi chữa bệnh ở Sàigòn về, cho người ra Phước Lâm kêu tôi về chùa Viên Giác tại Hội An ñể xuống tóc. Viên Giác là một Chùa cũ của làng Minh Hương ñể lại. Người Hoa vào năm 1640 ñã từ bỏ quê hương của họ, vì họ chống lại nhà Thanh mới lên ngôi và có ý phục Minh; cho nên rất nhiều người bỏ nước ra ñi ñến Việt Nam chúng ta. Thuở ấy Chúa Nguyễn Phúc Chu ñã giao thương với người ngoại quốc từ những năm trước ñó tại cửa biển Hội An nầy; nên việc ñón tiếp người Trung Quốc chạy lánh nạn ở đàng Trong nầy không có gì khó khăn mấy. Thế là 5 Bang của Trung Quốc gồm: Phước Kiến, Triều Châu, Quảng đông, Hải Nam và Hẹ là những Bang

nằm gần biên giới miền Bắc Việt Nam, lại tiếp cận với biển; nên họ ñã di chuyển dễ dàng ñến cửa biển Hội An. Thuở ấy đàng Ngoài do Vua Lê, Chúa Trịnh sợ uy danh của nhà Thanh nên không cho người Minh Hương ñến tỵ nạn. Chữ Minh có nghĩa là nhà Minh và Hương ñây là hương thơm của nhà Minh. Ý họ muốn vọng về cố hương, luyến tiếc một triều ñại như vậy; nhưng sau nầy vào thế kỷ thứ 19, khoảng 1821 trở ñi vua Minh Mạng ñã ñổi chữ Hương là hương thơm, thành chữ Hương có nghĩa là quê hương, làng mạc của người nhà Minh. Nhưng cả hai cách phát âm, tiếng Việt ñều gọi là Minh Hương; nhưng chữ Hán lại viết khác. Họ ñi ñến ñâu cũng buôn bán, lập chùa, miếu v.v... Trong quyển Hải Ngoại Ký Sự của Ngài Thạch Liên Thích đại Sán khi ñến Hội An và đàng Trong ñã viết rất rõ về ñịa danh, phong tục cũng như chùa viện tại xứ nầy. Ngày nay tại thành phố cổ Hội An ñã ñược Liên Hiệp Quốc (cơ quan Văn Hóa) công nhận Hội An, thành phố cổ nầy là di sản Văn hóa Thế giới. Vì tính chất ñặc thù của nó như ñã ñược trình bày ở trên. Chùa thì còn có Thầy trụ trì; chứ đình thì mỗi năm xuân thu nhị kỳ tế lễ; hoặc những ngày rằm, mồng một mới có hương chức, làng xã ñến; còn những ngày thường thì ít ai trông nom; nên vào khoảng năm 1950 Hương Hào Cẩm Phô và Minh Hương ñã cúng chùa nầy cho Sư Phụ tôi về trụ trì (xem thêm Châu Ngọc Hồi Ký). Sau khi nhận đình nầy, Thầy tôi chắc cũng khổ công lắm. Vì đình chỉ thờ Thần chứ ñâu có thờ Phật và họ cúng mặn chứ ñâu có cúng chay. Do vậy ñưa Phật lên thờ và cải ñổi từ chuyện ăn mặn sang ăn chay ñâu phải là một vài năm.

Sau ngày 20 tháng 7 năm 1954, ngày chia ñôi ñất nước ở sông Bến Hải, vĩ tuyến 17, miền Nam có cơ hội ñể xây dựng lại ñất nước. Trong ñó có niềm tin Tôn Giáo; nhưng ñến năm 1963; thời gian chỉ 9 năm thôi cũng chưa củng cố, sửa sang ñược gì nhiều thì bao nhiêu cuộc tranh ñấu ñã xảy ra. Cho nên việc phát triển Phật Giáo thuở ấy cũng

chẳng phải là ñiều ñơn giản. Khi tu học tại chùa Phước Lâm, tôi ñược nghe Hòa Thượng trụ trì Thích Như Vạn kể lại cho nghe về Thiền Sư Minh Giác; chuyện đại Lão Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết, đệ nhất Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất thọ giới Tỳ Kheo với Cố đại Lão Hòa Thượng Vĩnh Gia tại Chùa nầy. Tôi cũng hãnh diện lây. Vì mình ñược tu học dưới mái Chùa nầy từ năm 1964 ñến năm 1966 là ñiều hạnh phúc vô cùng. Chuyện ñược kể rằng: Chùa Phước Lâm nầy là Tổ đình quan trọng thứ 2 sau Tổ đình Chúc Thánh. Vì Ngài Thiệt Dinh là ñệ tử của Tổ Minh Hải ra thành lập chùa nầy. Ngài Thiệt Dinh ñối với Lâm Tế Chúc Thánh cũng quan trọng như Ngài Liễu Quán ñối với Lâm Tế Nguyên Thiều vậy. Ngài Nguyên Thiều là người Trung Quốc ñến Việt Nam truyền ñạo và Ngài Liễu Quán là vị Tổ Việt Nam ñược truyền thừa qua hệ phái nầy. Ngài Thiệt Dinh cũng như vậy, là người Việt Nam và nhận ñược sự truyền thừa trực tiếp từ Ngài Tổ Sư Minh Hải người Trung Quốc từ cuối thế kỷ thứ 17 ñến ñầu thế kỷ thứ 18. Tất cả ñều là Thiền Lâm Tế hết; nhưng ñiều ñặc biệt là chúng tôi ít thấy Chùa nào ngồi Thiền mà ña phần là theo nghi thức Tịnh độ. Tuổi thơ chúng tôi lúc bấy giờ chỉ biết chấp nhận chứ ít tọc mạch. Sau nầy lớn lên mới có những câu hỏi như vậy ñược ñặt ra.

448 Tịnh độ Tông của Việt Nam

Ngài Minh Giác người Quảng Ngãi ra chùa Phước Lâm tại Hội An ñể xuất gia. Sau một thời gian có giặc Mọi xâm lấn bờ cõi phía Nam; cho nên Ngài xin Tổ Sư trụ trì chùa Phước Lâm về Quảng Ngãi ñể dẹp giặc. Sau khi ñánh giặc yên, Ngài trở lại Hội An và phát nguyện quét chợ 20 năm ñể sám hối những tội lỗi khi ra chiến trường cầm quân ñánh giặc. Do vậy sau nầy vua Tự đức mới có 2 câu ñối phong cho chùa Phước Lâm, hiện nay vẫn còn thờ. đối rằng: Bình Man, tảo thị lưỡng ñộ gian nan, xuất gia kỳ, phát nguyện tu kỳ, Bát vật sanh thiên thành chánh giác Tạo tượng, chú chung, nhị thung công ñức, cách cựu hảo, ñảnh tân cố hảo, thiên thu giác thế vĩnh truyền ñăng. Nghĩa: Dẹp giặc, quét chợ, cả hai khó nhọc, thời xuất gia, thời kỳ tu học, tám mươi tuổi vãng sanh giác ngộ. đúc tượng, tạo chuông, cả hai công ñức, bỏ xưa ñi, tạo mới tốt, nghìn năm soi sáng ñời, ánh ñèn kia. Quả là tuyệt vời. Tuổi 15, 16 vào Chùa ñược nghe những mẩu chuyện như vậy thật là oai hùng. đặc biệt là con dân của xứ Quảng. Rồi việc xưa ñược truyền lại, thuở Cố đại Lão Hòa Thượng Vĩnh Gia còn sanh tiền, Ngài ñã làm đàn đầu Hòa Thượng cho Giới đàn năm 1911 (Tân Hợi) lúc ấy cả đức đệ Nhất Tăng Thống Thích Tịnh Khiết và đức đệ

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 449

Nhị Tăng Thống Thích Giác Nhiên cũng ñã thọ giới Tỳ Kheo tại giới ñàn nầy. Quả là vinh dự biết bao nhiêu. điều ấy chứng tỏ rằng: Vào ñầu thế kỷ thứ 20, Hội An Phật Giáo ñã giữ một vai trò quan trọng và Cố Hòa Thượng Vĩnh Gia vì ñạo cao ñức trọng nên mới ñược những giới tử từ Huế gởi vào ñây thọ giới. đây là sự hãnh diện của người xứ Quảng. Do vậy có một vài Thầy tuyên bố rằng: “Xứ Quảng Nam không có Tăng Thống; nhưng ñã ñào tạo ra Tăng Thống”. điều ấy hẳn có lý, với những lý do ñã nêu trên. Ngài Minh Hải thuộc dòng Lâm Tế thứ 34, ñến Việt Nam truyền cho Ngài Thiệt Dinh ở thế hệ thứ 35 và ñến chúng tôi với pháp danh chữ NHƯ ñứng ñầu thuộc Lâm Tế Chúc Thánh

ñời thứ 41. đây là truyền pháp thôi. Chứ thời nay không còn truyền tâm nữa. Nay trở lại một chút xa xưa ñể tìm lại cội nguồn của Tông Phong nầy.

“Lâm Tế Nghĩa Huyền (? - 867) Là Thiền Sư Trung Quốc, Tổ khai sáng của Tông Lâm Tế, sống vào ñời đường, người Nam Hoa, Tào Châu (Hà Nam) họ Hình. Ngài xuất gia từ thuở nhỏ và rất hâm mộ Thiền Tông. Sau khi thọ giới Cụ Túc, Ngài ñến Giang Tây tham yết Ngài Hoàng Bá Hi Vận, sau ñó tham lễ Ngài Cao An đại Ngu, Ngài Qui Sơn Linh Hựu v.v... cuối cùng trở về Hoàng Bá và ñược ấn khả. Năm đại Trung thứ 8 (854) ñời vua Tuyên Tông nhà đường, Ngài ñến trụ ở Lâm Tế tại Trấn Châu thuộc tỉnh Hà Bắc, ñặt ra cơ pháp tam huyền, tam yếu, tứ liệu

giản v.v... ñể tiếp dắt người học, Ngài thường dùng tiếng hát ñể hiển bày ñại cơ ñại dụng. đối với hành giả tham Thiền, Ngài rất nghiêm khắc; nhưng người học lại theo về rất ñông. Môn phong hưng thịnh, gây thành một phái Thiền Lâm Tế nổi tiếng ở Trung Quốc. Ngài tịch vào năm 867 Tây lịch, không rõ tuổi thọ. Vua bang thụy hiệu là “Tuệ Chiếu Thiền Sư”. đệ tử nối pháp gồm có 22 vị như: Hưng Hóa Tồn Trưởng, Tam Thánh Tuệ Nhiên, Quán Khê Chí Nhàn v.v... ñều là những bậc tông tượng trong Thiền Lâm”. (Trích Phật Quang đại Từ điển trang 2737). (Xem Lâm Tế Tuệ Chiếu Thiền Sư tháp ký; Tống Cao Tăng truyện quyển 12; Cảnh đức truyền ñăng lục quyển 12; Truyền Pháp chánh tông ký quyển 7). Ngài Lâm Tế Nghĩa Huyền là Sơ Tổ của Tông Lâm Tế tại Trung Hoa, truyền xuống ñời thứ 34 là Ngài Minh Hải Pháp Bảo. đó là thời gian từ thế kỷ thứ 9 ñến thế kỷ thứ 16. Cuối thế kỷ thứ 16 Ngài Minh Hải sang Việt Nam và từ ñó ñến nay ñã truyền ñến ñời 41 (Như), 42 (Thị), 43 (đồng), 44 (Chúc), 45 (Thánh), 46 (Thọ) v.v... Như vậy kể từ khi truyền thừa tông nầy ñến bây giờ gần 1.200 năm vẫn chưa gián ñoạn. Sau nầy thì hình thức quy cũ Thiền Lâm Tế không còn tồn tại như thuở xưa nữa, mà ngay cả quê hương của Tổ Lâm Tế bây giờ cũng vậy, ñã biến dạng rất nhiều. Riêng tại Việt Nam từ bao giờ chẳng rõ, Lâm Tế Tông ñã chấp nhận Tịnh độ một cách dễ dàng và bây giờ Tông nầy tuy nói là Thiền; nhưng ña phần thực hành pháp môn Tịnh độ. Ở Việt Nam từ bao giờ Chư Sơn Thiền đức trong các Thiền Lâm tự gọi mình là Thiền Tịnh song tu cũng

chưa rõ. Vì lẽ không có vị Thiền Sư nào chủ trương như Vĩnh Minh Diên Thọ Thiền Sư của Trung Hoa vào cuối ñời đường ñầu nhà Tống cả. Vả lại cũng không có vị Tổ Sư nào của Tịnh độ xuất hiện trong các thế kỷ nầy một cách rõ ràng, ñể cho chúng ta thấy rằng: Tại sao lại chuyển Thiền qua Tịnh độ dễ dàng như vậy ? Theo thiển nghĩ của chúng tôi, sau khi các vị Thiền Sư có gốc gác từ Trung Quốc ñến truyền tông Thiền cho người Việt Nam và nhất là sau ngày các Ngài viên tịch, thì tại bản ñịa Việt Nam ñã có cái gốc là Tịnh độ rồi. Do vậy Pháp Môn nầy tương ñối dễ tu và dễ khế hợp với người Việt Nam hơn; cho nên trong Chùa Thiền ñã ảnh hưởng hầu hết là Tịnh độ. Ngay như Cố Hòa Thượng Thích Thiền Tâm chủ trương tu theo pháp môn Tịnh độ; nhưng Ngài thuộc dòng Thiền Lâm Tế chánh tông ñời thứ 43 và Hòa Thượng Thích Trí Tịnh năm

nay ñã 95 tuổi, Ngài là người chủ trương Việt hóa kinh ñiển sớm nhất trong thế kỷ thứ 20, Ngài tu theo pháp môn Tịnh độ, niệm Phật A Di đà; nhưng trong Tiểu sử của Ngài, Ngài vẫn thuộc dòng Thiền Lâm Tế Gia Phổ ñời thứ 41. Như vậy, dầu là Lâm Tế Chúc Thánh, Lâm Tế Nguyên Thiều, Lâm Tế Chánh Tông, Lâm Tế Gia Phổ v.v... cũng ñều bắt nguồn từ Ngài Lâm Tế Nghĩa Huyền bên Trung Quốc và truyền mãi cho ñến ngày nay. Sau 1.200 năm lịch sử, sự truyền thừa ấy vẫn không gián ñoạn. Chỉ có vấn ñề truyền theo dòng kệ của mỗi vị Tổ, do vậy mà các ñời lại chênh lệch nhau. Vào ñầu thập niên 60, khi tôi vào xuất gia, tại các chùa miền Trung vẫn còn tụng kinh chữ Hán, sau nầy thì có kinh Hán Việt theo quyển "Thiền Môn Nhựt Tụng" từ chữ Trung Quốc dịch ra âm Việt ngữ. Thuở ấy có ít bài

văn kinh tụng bằng tiếng Việt; ngoại trừ những kinh Pháp Hoa, Dược Sư, Vu Lan ñã ñược dịch ra Việt ngữ trước ñó. Năm 1965 tôi ñã thuộc lòng bài "quy mạng nghĩa" của Thầy Nhất Hạnh dịch ra tiếng Việt và sau nầy có Ni Trưởng Thích Nữ Trí Hải cũng dịch bài nầy sang tiếng Việt rất hay và có mang ñầy ñủ ý nghĩa Tịnh độ của nó. Ví dụ câu: Rừng thơm hương biến từ sỏi ñá địa ngục bừng khai ñóa bạch liên Người trong hỏa ngục hiện tiền Nhờ nương thần lực sanh liền Lạc Bang ...

Ni Trưởng Trí Hải ñã dịch những câu nầy từ chữ Hán là : ... biến tác hương lâm ẩm ñồng, thực thiết chi ñồ hóa sanh Tịnh độ ...

Những câu nầy trong bài của Hòa Thượng Nhất
Hạnh không dịch ñược như vậy mà Ngài dịch là:
... Những nơi khổ thú trầm luân
Hào quang chiếu diệu hiện thân tốt lành
Chỉ cần thấy dạng nghe danh
Muôn loài thoát khỏi ngục hình ñớn ñau ...

Dĩ nhiên văn dịch của Hòa Thượng Nhất Hạnh rất hay; nhưng Ngài tránh chữ Lạc Bang hay Hoa Sen. Vì ñó là cảnh giới của "Phàm Thánh đồng Cư Tịnh độ"; nhưng Ni Trưởng Trí Hải ñã dịch ñược ñiều nầy quả là một việc làm bất khả tư nghì. Tuy nhiên 4 câu cuối của bài Sám Quy Mạng nầy Hòa Thượng Nhất Hạnh dịch hay hơn Ni Trưởng Trí Hải nhiều. đó là: Hư không dù có chuyển di Nguyện con muôn kiếp chẳng hề lung lay Nguyện cầu vạn pháp xưa nay Hoàn thành trí nghiệp ñến cây Bồ đề

Nguyên văn chữ Hán Việt là :
Hư không hữu tận
Ngã nguyện vô cùng
Tình dữ vô tình đồng viên chủng trí
Ni Trưởng Trí Hải dịch là :
Cùng chúng sanh ñồng lên bến giác
Tánh hư không dầu mất vô biên

Nguyện con vô tận triền miên
Mong cho tất cả ñồng nên Bồ đề
454 Tịnh độ Tông của Việt Nam

Thật sự ra về việc dịch, có vô số cách dịch; nhưng thế nào là một sự dịch hay? đó là dịch thoát ý và không sai với ý chánh nhiều, khiến cho người ñọc dễ hiểu và dễ lãnh hội. Nếu dịch ñúng chữ và ñúng ý hoàn toàn với câu văn xưa thì ngày nay người ñọc sẽ chẳng hiểu gì cả. Ngay cả ñoạn văn của bài Sám Quy Mạng ở trên, người tu Thiền dịch khác, mà người tu Tịnh độ dịch khác. Vào cuối thế kỷ thứ 20, ñầu thế kỷ thứ 21 nầy ñã có nhiều bản kinh dịch rất thoát. Vì lẽ tiếng Việt ñã thành thạo từ học ñường cũng như trong các Tăng học viện. Ngày xưa, ñầu thế kỷ thứ 20, Việt Nam chúng ta vẫn còn thi Tú Tài, Cử Nhân, Tiến Sĩ bằng chữ Nho và sau nầy là tiếng Pháp, trong khi ñó tiếng Việt là tiếng mẹ ñẻ mà trở thành sinh ngữ 2, chứ không còn là quốc ngữ nữa. Do vậy Cố Hòa Thượng Thích Thiện Hoa, Viện Trưởng Viện Hóa đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất hay Thầy của Ngài là Cố Hòa Thượng Thích Khánh Anh là những người tiên phuông trong vấn ñề Việt hóa chữ quốc ngữ nầy. Kế tiếp có đại Lão Hòa Thượng Thích Trí Tịnh, là nhà phiên dịch kinh tạng Việt Nam từ chữ Hán sang tiếng Việt. Vậy chúng ta thử tìm hiểu cuộc ñời của Ngài cũng như công việc phiên dịch trước tác của Ngài, nơi trang nhà quangduc.com như sau:

“Hòa Thượng Thích Trí Tịnh thế danh Nguyễn Văn Bình, sinh ngày 2 tháng 9 năm đinh Tỵ (17.10.1917) tại làng Mỹ An Hưng (Cái Tàu Thượng), huyện Châu Thành, tỉnh Sa đéc (đồng Tháp). Thân phụ là ông Nguyễn Văn Cân và thân mẫu là Cụ bà Nguyễn Thị Truyện. Cụ ông qua ñời lúc Hòa Thượng lên ba; Cụ bà cũng theo ông lúc Ngài vừa lên bảy.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 455

….. Nhờ ñã gieo căn lành từ nhiều kiếp, sớm giác ngộ ñời là huyễn, thế sự phù du; nên sau một thời gian ñi chiêm bái khắp chốn Thiền môn trong tỉnh ñều không hài lòng. Sau ñó mới tìm lên Núi Cấm, vì nghĩ ở ñó sẽ có những bậc chân tu. Hòa Thượng bèn tìm lên núi, lần lượt ñến chùa Vạn Linh cầu xin xuất gia. Hòa Thượng trụ trì ở ñây Pháp Húy là Hồng Xứng. Khi vừa trông thấy, Tổ liền ấn chứng “Các ông ñừng khinh ông nầy, vì ñời trước ổng ñã từng làm Hòa Thượng; nhưng có tội hay nhìn con gái; nên nay bị bệnh con mắt suốt ñời”. Sau khi ñược Tổ cho phép xuất gia, ban cho Pháp danh là Thiện Chánh, hiệu Hân Tịnh, húy Nhật Bình, tiếp nối dòng Lâm Tế Gia Phổ ñời thứ 41. Sau khi xuất gia Hòa Thượng chuyên lo niệm Phật tịnh tu, ñược một thời gian Hòa Thượng xin ñi tham học với Chư Sơn Thiền đức trong Tỉnh, và nghiên cứu những tài liệu về Phật Pháp in trong tạp chí Từ Bi Âm do Hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học chùa Linh Sơn Sàigòn ấn hành, rồi ñi ra miền Trung tham học ở chùa Liên Tôn, Bình định. Năm 1936, Hòa Thượng ra Huế gặp quý Hòa Thượng Thiện Hòa, Thiện Hoa vừa mãn khóa tại chùa Tây Thiên do Hòa Thượng Giác Nhiên, là Tăng Thống thứ hai của Giáo Hội PGVN Thống Nhất làm trụ trì và Hòa Thượng Thiền Tôn làm Giám đốc. Khi Hòa Thượng ñược vào học thì lớp nầy ñang học năm thứ 6 Sơ Cấp, Hòa Thượng tiếp tục học lên Trung Cấp và học lớp Cao đẳng tại Phật Học đường Báo Quốc do Ngài Tường Vân

(Hòa

456 Tịnh độ Tông của Việt Nam

Thượng Thích Tịnh Khiết) làm Giám đốc, Hòa Thượng Trí độ làm đốc Giáo. Năm 1941, Hòa Thượng thọ Sa Di giới tại chùa Quốc Ân và ñược Sư Cụ Trí độ cho pháp tự là Trí Tịnh. Năm 1945, mãn khóa Cao đẳng Phật Học, lúc ấy tình hình chiến cuộc leo thang, vật giá khó khăn. Lớp học dời về Tòng Lâm Kim Sơn, sau nầy vì nạn ñói Huế cũng như ở miền Bắc, trường không thể duy trì ñược; nên Ban Giám đốc cũng như Hội An Nam Phật Học quyết ñịnh giao trách nhiệm cho Hòa Thượng hướng dẫn một số chư Tăng vào Nam ñể tiếp tục mở trường cho chư Tăng tu học. ..... để viên mãn tam ñàn Cụ Túc, năm 1945 Hòa Thượng ñược ñăng ñàn thọ giới Tỳ Kheo Bồ Tát tại chùa Vạn An, Sa đéc do Hòa Thượng Kim Huê làm đàn đầu Hòa Thượng. Năm 1952, Giáo Hội Tăng Già Nam Việt ñược thành lập tại Sàigòn, Hòa Thượng ñược giữ chức Trưởng Ban Giáo Dục và Trưởng Ban Giám Luật, kiêm Ủy viên phiên dịch Tam Tạng và Phó Trị Sự Trưởng. ..... Năm 1955, với chí nguyện hoằng dương Tịnh độ, Hòa Thượng lại thành lập Cực Lạc Liên Hữu khuyên người niệm Phật cầu nguyện vãng sanh tại chùa Vạn đức. .....

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 457

Năm 1962, Hòa Thượng ñược Giáo Hội Tăng Già Trung Phần cử làm Phó Viện Trưởng Viện Phật Học Trung Phần Nha Trang, thay cho Hòa Thượng Trí Quang vì bận Phật sự ở Sàigòn. Năm 1964, Hòa Thượng ñược Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất cử làm Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Tăng Sự. Năm 1968-1971 Hòa Thượng làm Ban giảng huấn Phật Học Viện Huệ Nghiêm và dạy cho lớp nầy 3 năm. Năm 1970 Hòa Thượng ñược Hòa Thượng Thích Minh Châu mời làm Khoa Trưởng Phân Khoa Phật Học thuộc đại Học Vạn Hạnh ñến năm 1975. Năm 1971, sau khi Giáo Hội thành lập Viện Cao đẳng Phật Học Huệ Nghiêm, Hòa Thượng ñược cử làm Viện Trưởng từ năm 1971 ñến năm 1991. Ngày 5.7.1973 Hòa Thượng ñược cử làm Chủ Tịch Hội ñồng Phiên dịch Tam Tạng thuộc Viện Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. ..... Từ năm 1960 ñến 2002 hơn 40 năm ấy Hòa Thượng ñã ñược cung thỉnh vào các Giới đàn trong cương vị của: Tuyên luật sư, Yết Ma, Giáo Thọ A Xà Lê, Hòa Thượng đàn đầu v.v... Riêng về việc phiên dịch trước tác từ chữ Hán sang tiếng Việt, Hòa Thượng là một trong những vị ñi ñầu trong lãnh vực nầy. Ví dụ như: 1. Kinh Pháp Hoa 2. Kinh Hoa Nghiêm trọn bộ 8 cuốn

458 Tịnh độ Tông của Việt Nam

3. Kinh đại Bát Niết Bàn trọn bộ 9 cuốn
4. Kinh đại Bát Nhã (600 cuốn chữ Hán)
5. Kinh đại Bảo Tích trọn bộ 9 tập
6. Kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyện
7. Kinh địa Tạng
8. Kinh Tam Bảo
9. Kinh Pháp Hoa Cương Yếu tóm tắt

10. Kinh Pháp Hoa Thông Nghĩa tóm tắt
11. Luật Tỳ Kheo giới bổn
12. Luật Bồ Tát giới bổn
13. đường về Cực Lạc
14. Cực Lạc liên huân tập
15. Ngộ tánh luận
16. Pháp Hoa Cương Yếu
17. Kinh A Di đà
18. Kinh Quán Phật Vô Lượng Thọ
19. Kinh Vô Lượng Thọ

Khi ñọc xong Tiểu Sử của Hòa Thượng Thích Trí Tịnh, chúng ta có những nhận xét như sau: Sau khi Ngài ñi tham học tại các Phật Học Viện ở miền Trung (Bình định và Huế) về Nam năm 1945, lúc ấy Ngài 28 tuổi. đây là lứa tuổi năng nổ nhất ñể làm những công việc Phật sự như thành lập cơ sở ñể Chư Tăng có

nơi tu học và ñào tạo Tăng tài. Khi Hòa Thượng ở Bình định và Huế ñã ñược thọ giáo với các bậc đạo Sư như đức đệ Nhất Tăng Thống Thích Tịnh Khiết; đức đệ Nhị Tăng Thống Thích Giác Nhiên; Hòa Thượng Thiền Tôn (Huế); Pháp Sư Thích Trí độ (Bình định) ñều là những bậc danh Tăng thuở bấy giờ; cho nên sở học của Ngài càng uyên thâm hơn nữa. Do vậy Giáo Hội Tăng Già Nam Việt mới cung thỉnh Ngài vào Ủy viên phiên dịch Tam Tạng. đây có thể là lần ñầu tiên Việt Nam chúng ta mới thành lập Ủy Ban nầy. Thời ñiểm ấy vào năm 1952; tức là vào giữa thế kỷ thứ 20. đến năm 1955 trong khi Cố Hòa Thượng Thích Thiền Tâm chuẩn bị vào thất lần ñầu 10 năm cho ñến năm 1964 thì Hòa Thượng Thích Trí Tịnh ñã bắt ñầu hoằng dương Tịnh độ và thành lập Cực Lạc Liên Hữu. Có lẽ Hòa Thượng cũng dựa theo những tông chỉ của chư Tổ Trung Hoa, khuyến người phát tâm niệm Phật, cầu vãng sanh; chứ ñã không lập ra một Tông Phái Tịnh độ riêng như Nhật Bản hay Tây Tạng. Tuy nhiên ñây cũng là những tiếng nói quan trọng cho việc phát triển cũng như thành lập Tịnh độ Tông tại Việt Nam vào giữa thế kỷ thứ 20 như thế. điều kế tiếp là ở vào thời ñiểm nào Hòa Thượng cũng hướng về Tăng Ni và Giáo Hội ñể bồi ñắp nhân tài. Vì nếu Giáo Hội không có người truyền thừa và kế nghiệp các bậc đại Sư ñi trước thì ai là người lo giềng mối cho đạo Phật bây giờ. điểm thứ ba rất quan trọng là Hòa Thượng ñã dịch những bộ kinh cần yếu cho hàng Tứ Chúng tu học, hoàn toàn bằng chữ quốc ngữ. Dường như kinh ñầu tiên là kinh Pháp Hoa. Kinh nầy có 7 quyển và gồm 28 phẩm.

Chữ Hán nguyên thủy do Ngài Cưu Ma La Thập dịch từ tiếng Phạn vào ñời nhà Diêu Tần ñộ chừng hơn 60.000 chữ; nhưng khi Hòa Thượng Thích Trí Tịnh dịch ra tiếng Việt thì trên 77.000 chữ. Vì bản thân tôi và đại Chúng chùa Viên Giác Hannover, đức quốc, ñã phát nguyện lạy kinh Pháp Hoa mỗi chữ mỗi lạy trong những mùa An Cư Kiết Hạ vào cuối thế kỷ thứ 20, mỗi ñêm từ 300 ñến 350 lạy; nên mới rõ ñược như vậy. đây là

bộ kinh ña phần người Việt Nam rất ưa chuộng trì tụng và lễ bái. Rồi những bộ kinh khác cũng ñược lần lượt ra ñời trong hoàn cảnh khó khăn của ñất nước như vậy. Cho ñến nay, tuy Hòa Thượng ñã hoàn thành 19 ñề kinh; nhưng tổng cộng chắc không dưới 100 quyển. Mỗi quyển dày ñộ 700 trang. đây là công việc phải miệt mài suốt cả một ñời người chứ không phải chỉ năm mười năm mà có thể ngồi phiên dịch ñược như vậy. đặc biệt về Tịnh độ, Hòa Thượng ñã dịch 3 kinh căn bản và còn dịch thêm đường Về Cực Lạc cũng như Cực Lạc Liên Huân Tập nữa. điều ấy ñã nói lên ñược tầm quan trọng trong việc tu tập cũng như hành trì về pháp môn Tịnh độ của Ngài. Năm nay (2011) Ngài ñã 95 tuổi. Tuy không còn dịch thuật trước tác gì nữa; nhưng Ngài vẫn luôn niệm danh hiệu A Di đà Phật và nếu có vị Tăng nào ñó ñến hỏi Ngài pháp môn tu thì Ngài bảo rằng: “hãy niệm Phật ñi” hay “mấy ông cứ tụng kinh, lễ bái ñi”. Như vậy người xưa ñã nhờ niệm Phật và tụng kinh lễ bái mà sống gần một thế kỷ với ñời với ñạo. Nhờ niệm Phật mà trí tuệ khai thông, minh mẫn, sáng suốt. Tuy mắt Hòa Thượng không tỏ lắm, như Tổ Hồng Xứng ñã ấn chứng cho Hòa Thượng từ năm mới tầm Sư học ñạo; nhưng tâm của

Hòa Thượng bừng sáng qua công ñức phiên dịch và chú giải những kinh sách quan trọng của đại Thừa. điều nầy chẳng khác nào Ngài A Na Luật thuở xưa, khi đức Thế Tôn còn tại thế. Trình ñộ tu và học ngày xưa so với bây giờ khác nhau nhiều lắm. Ví dụ như ngày xưa tốt nghiệp Cử Nhân thì bây giờ tương ñương với Tiến Sĩ. Ngày xưa tốt nghiệp Trung Học so với bây giờ là Cử Nhân. Ngày nay người tốt nghiệp rất nhiều; nhưng vì không trọng sự tu chỉ mong cầu sự học; cho nên bằng cấp chẳng làm nên ñược con người là vậy. Do vậy chúng ta phải cảm ơn những bậc tiền bối. Nếu không có người phát nguyện lúc ban ñầu như thế thì cho ñến bao giờ chúng ta mới có ñược một đại Tạng kinh tiếng Việt Nam. Nhìn lịch sử chúng ta thấy khi Phật Giáo ñược truyền vào Tây Tạng ở thế kỷ thứ 7 thì các đạo Sư, các nhà phiên dịch chú giải ñã bắt ñầu gom thành Tam Tạng Thánh điển ngay từ lúc ấy. Nghĩa là cách ñây hơn 1.300 năm Tây Tạng ñã có đại Tạng kinh bằng ngôn ngữ mẹ ñẻ của họ rồi. Trung Hoa cũng vậy, họ có không biết bao nhiêu đại Tạng bằng chữ Hán từ ñời đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh hay Nhật Bản có đại Tạng từ thời vua đại Chánh cũng như trước ñó nữa. Còn chúng ta vẫn ñể nguyên chữ Hán thì làm sao thế hệ ñi sau có thể hiểu ñược ? Nếu không nhờ vào những bậc phiên dịch chú giải kinh ñiển như các Ngài: Cố Hòa Thượng Thích Khánh Anh, Hòa Thượng Thích Thiện Hoa, Hòa Thượng Thích Hành Trụ, Hòa Thượng Thích đổng Minh, Hòa Thượng Thích Huyền Vi, Hòa Thượng Thích đức Niệm, Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh, Hòa Thượng Thích Trí Chơn,

Hòa Thượng Thích Thanh Kiểm, Hòa Thượng Thích Thiên Ân, Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Hòa Thượng Thích Quảng độ ... Sư Bà Thích Nữ Diệu Không, Sư Bà Thích Nữ Như Thanh, Ni Trưởng Thích Nữ Trí Hải v.v... thì biết bao giờ chúng ta mới có ñược một đại Tạng kinh bằng tiếng Việt hoàn toàn. May thay! Hòa Thượng Thích Tịnh Hạnh ở đài Loan là người ñã chủ xướng việc in ấn và phát hành đại Tạng tiếng Việt nầy. Hy

vọng trong vài năm nữa mọi việc sẽ hoàn tất. Công ñức thật không có gì có thể so sánh ñược. Riêng phần tư tưởng của Tịnh độ Tông Việt Nam, chính tác giả ñang có hoài bão tìm ra tông tích và hệ thống thành một sự truyền thừa rõ rệt, ñể thế hệ ñi sau khỏi bỡ ngỡ khi muốn tìm về nguồn cội của mình. Sau ñây chúng ta thử tìm hiểu cách tu Tịnh độ của Việt Nam như thế nào, ñể từ ñó chúng ta mới có thể so sánh với Tịnh độ của những nước khác. Nói Tịnh độ có nghĩa là chỉ cho một phương khác rồi; không phải là phương nầy. Vì phương nầy là uế ñộ. Do vậy tu theo Tịnh độ tức là phát nguyện vãng sanh về thế giới Cực Lạc của đức Phật A Di đà sau khi thân trung ấm ñã sẽ tái sanh về ñó. Thế nhưng chư Tăng Ni Việt Nam ñã hành trì những gì ñể lo cho người sống và người sắp vãng sanh ? đa phần nếu một bệnh nhân ñang ñau nặng thì thân nhân thỉnh chư Tăng Ni ñến nhà; hoặc giả thân nhân sắm sửa lễ vật ñi về Chùa ñể dâng cúng Tam Bảo và tụng kinh cầu nguyện. Nếu cầu cho bình an thì tụng Pháp Hoa hay Dược Sư; nếu thấy nghiệp dĩ nặng nề thì tụng Thủy Sám, Lương Hoàng Sám. Nếu thấy sắp lâm chung thì tụng kinh A Di đà và sau khi lâm chung thì

tuần thất, tại tư gia hay chùa thường tụng kinh địa Tạng. Chính bản thân chúng tôi sinh ra và lớn lên trên quê hương ấy; nhưng ít thấy chư Tăng Ni tụng kinh Vô Lượng Thọ và kinh Quán Vô Lượng Thọ bao giờ. Về sau nầy ở trong nước và ngoại quốc có những ñạo tràng tu theo Pháp môn Tịnh độ mới thấy có trì tụng 2 trong 3 bộ kinh quan trọng của Tịnh độ Tông nầy. Việc niệm Phật, ñối với Phật Tử Việt Nam thì thường hơn; nhưng ít có quán tưởng ñi cùng. Niệm là niệm thôi, không có cái gì khác ñi kèm theo như Tây Tạng hay Trung Quốc. Việt Nam Phật Giáo hay chủ trương lễ nghi cúng kiến nhiều hơn là giảng thuyết cho Phật Tử nghe về ý nghĩa vô thường hay ñi ñầu thai hoặc kiếp khác như thế nào, mà ña phần ñám tang cầu nguyện cho người chết các Ban Hộ Niệm ê a suốt ngày, khiến cho buổi lễ trở thành tế lễ nhiều hơn là sự lợi lạc về tâm linh cho cả người sống lẫn người mất. Lẽ ra ngoài việc tụng niệm rồi, chư Tăng Ni nên giảng pháp cho Phật Tử nghe ñể họ hiểu về thế nào là niệm Phật? Thế nào là cận tử nghiệp? Thế nào là luân hồi, tái sanh? Thế nào là 25 cõi hữu tình v.v... Ở ñây chỉ thấy thuần là chuông, mõ, linh, tang và ê a tán tụng. Tôi không phản ñối vấn ñề tán tụng. điều ấy rất quý; nhưng xin dành một nửa thì giờ cúng kiến, thỉnh một vị Pháp Sư giảng pháp cho gia ñình thì lợi lạc hơn nhiều. Vì trong cơ hội ñau buồn, mất mát như vậy người thân trong gia ñình dễ cảm nhận ñược hơn. Từ ñó họ mới phát tâm tu học, làm phước, bố thí, cúng dường v.v... Ngoài ra ña phần chư Tăng Ni chỉ tụng chữ Hán hoặc âm Hán Việt, khiến cho thế hệ trẻ không hiểu, do vậy chúng sẽ chán nản. Từ những ñiểm nầy khiến cho

nhiều người ít quan tâm với đạo Phật. Vả lại những buổi lễ thường kéo dài từ 1 ñến 2 tiếng ñồng hồ mà nghe chẳng hiểu gì cả. Quả là chẳng có tác dụng tích cực nào. Như vậy tại sao chư Tăng Ni vẫn tiếp tục như thế ? Những lễ chẩn tế, vớt vong v.v... thường tổ chức ít nhất là một ngày và nhiều nhất là 3 ngày ñến 7 ngày; tùy theo hoàn cảnh của mỗi gia ñình. Tuy nhiên cũng giấy sớ, tụng kinh, ñề phan, vớt vong, tiến linh... nhưng ít

thấy thuyết giảng giống như trường hợp của Tây Tạng. Do vậy thần thức của người mất lẫn người còn sống thiếu ñịnh hướng. Ngay cả bây giờ vẫn còn nhiều người tu theo Pháp môn Tịnh độ; nhưng chẳng hiểu ý nghĩa của câu Nam Mô A Di đà Phật là gì? Do vậy làm sao có thể tạo thêm người hiểu biết về giáo lý đạo Phật, khi nhà Chùa cần ñến việc hộ niệm hay tống táng cho những người thân hoặc bạn ñạo của mình. Chẳng có vị nào hướng dẫn ñược một cách rõ ràng là trước khi mất phải làm sao, sau khi mất phải làm gì hay trong khi mất phải làm thế nào ñể cho ñược lợi lạc cả người sống lẫn người chết. Lúc sống ña phần ít ai lo việc nầy, vì ai cũng kiêng cử và sợ chết. Thế nhưng khi việc chết xảy ra cho người thân, cho gia ñình thì trở nên quýnh quáng, phải chạy ñầu nầy hỏi cái nầy, ñầu kia hỏi cái kia. Mỗi người bày mỗi cách, chẳng biết ñâu mà theo. Do vậy mới bảo là "tang gia bối rối". Nếu có chuẩn bị trước, chắc chắn không có vấn ñề nầy. điều ñầu tiên là người còn sống, nhất là lúc tỉnh táo nên viết di chúc rõ ràng. Nếu có hai người chứng cùng ký tên trước mặt Luật sư thì quá quý. Ví dụ trong khi người mẹ muốn rằng khi mất thì nên thiêu; nhưng người chồng

hoặc con trai thì ngược lại. Do vậy phải cần làm di chúc trước khi mất. Vì nếu không làm theo di chúc thì người mất sẽ khó an lạc ñể ñi ñầu thai ở cảnh giới cao hơn. Hoặc giả người chết muốn hiến các cơ quan còn tốt của mình cho y khoa; nhưng gia ñình không chịu. Nếu làm ngược lại với di chúc, chắc rằng người chết rất phiền não. Vì họ không thực hành ñược Bồ Tát hạnh của họ; cho nên cần phải làm di chúc là vậy. đó là chưa nói ñến việc ở ngoại quốc về vấn ñề bất ñồng ngôn ngữ nữa, làm thế nào ñể giải thích cho nhân viên y tế của bệnh viện biết rằng: Theo truyền thống của Phật Giáo sau khi tắt thở 8 tiếng ñồng hồ, không ai ñược ñộng ñến tử thi của người mất, kể cả người thân; nếu không làm tờ giao kết trước bằng tiếng Việt và tiếng Anh, đức hay Pháp ngữ thì khó thể thực hiện vấn ñề nầy; nếu không chuẩn bị trước ñó. Riêng ở đức hay phạm vi của những nước Âu Châu có xử dụng tiếng đức thì nên tham cứu tài liệu có sẵn nầy nơi luận án Tiến Sĩ của Thầy Hạnh Giả, là ñệ tử xuất gia của chúng tôi ñang dạy về Phân khoa Tôn Giáo học tại đại Học Hannover, đức quốc, thì rõ hơn. Tiêu ñề của luận án nầy viết bằng tiếng đức và ñược chính Thầy ấy dịch ra tiếng Việt gọi là: "Tang lễ của người Phật Tử Việt Nam ở đức & Sự duy trì và thích nghi tại Hải Ngoại"". đây là một luận án hay ñã ñược hai ông Professor của đại Học Hannover (Dr. Dr. Antes) cho ñiểm một - tối ưu, và ngay cả bản thân chúng tôi cũng vậy ñã giúp Thầy ấy cùng dịch ra tiếng Việt cũng như giảo chánh những ñiều cần thiết thì thấy rằng luận án nầy quý hóa vô cùng cho những ai là Phật Tử ñang sinh sống tại đức quốc cũng như những vùng lân cận.

Riêng ở trong nước, cho tới giờ nầy việc tang chế, ma chay vẫn còn rất phức tạp. Vì mỗi ñịa phương bày ra mỗi cách khác nhau; càng giàu có chừng nào thì càng làm rình rang chừng ấy; nhưng nội dung thì ít có lợi lạc cho người mất. Cốt chỉ ñể làm thỏa lòng người sống mà thôi. Ví dụ như ai muốn thiêu thì thiêu, chôn thì chôn. Dựng bia, làm mả mồ như thế nào cũng ñược; nhưng ở ngoại quốc thì không thể làm như vậy. Tất cả

ñều là luật. Ví dụ như ở Việt Nam một nghi lễ tống táng cho một người giàu có có thể ñi rình rang ở ngoài ñường làm cản trở giao thông công cộng; trong khi ñó ở ngoại quốc việc nầy tuyệt ñối không xảy ra; chỉ trừ những quan chức lớn như Tổng Thống, Vua, Hoàng Hậu qua ñời, mới có những nghi lễ công cộng như vậy; còn ña phần thì ñơn giản. Bất cứ là ai, nhiều lắm là ñược cử hành 2 tiếng ñồng hồ ở nghĩa ñịa mà thôi. Vì trước ñó và sau ñó còn nhiều ñám tang khác họ cũng cần thì giờ như mình nữa. Do ñó tang chế ở Tây Phương càng ngày càng ñơn giản thì chư Tăng Ni cũng chỉ có một số thời gian nhất ñịnh như vậy phải làm sao vừa thuyết giảng, vừa làm lễ, tụng kinh, cúng vong, chia buồn trong vòng 1 ñến 2 tiếng ñồng hồ mà thôi. Sau ñó về Chùa hay về nhà có thì giờ nhiều hơn thì có thể du di; nhưng ở tại nơi công cộng lễ nghi cho người chết chỉ ñược phép như vậy; ngoài ra ít có trường hợp ngoại lệ, dẫu cho có phải trả thêm tiền. Có lẽ thời buổi hiện tại con người dùng ñến máy bay, hỏa tiễn, xe hỏa, xe hơi v.v... cho nên mọi công việc trong ñời thường ñều bị trói buộc bởi chiếc ñồng hồ ñang ñeo nơi tay. Ví dụ như ngày xưa nếu có người giàu có mất; người ta thường mua quan tài thật tốt và liệm

người chết ñể trong nhà cho ñến 49 ngày hay 100 ngày ñể làm lễ cầu nguyện và cũng sẽ cho mọi người biết rằng gia ñình mình là như thế như thế; nhưng ngày nay mọi việc ña không còn như xưa nữa. điều quan trọng chúng tôi muốn trình bày ở ñây là chính người mất, khi còn sống phải lo tu tạo phước ñức, tụng kinh niệm Phật, cầu ñới nghiệp vãng sanh, ñể khi giờ cận tử nghiệp ñến không còn bỡ ngỡ nữa và cũng khuyên gia ñình làm lành lánh dữ, không tạo ác nghiệp trong khi người chết ñi chọn nghiệp ñể ñầu thai, ít nhất là trong thời gian 49 ngày. Bởi vì thời gian nầy là thời gian quyết ñịnh cho tâm thức kia ñi ngang, ñi lên hay ñi xuống. Riêng phần chư Tăng Ni cố gắng dành nhiều thời gian giảng pháp cho người sống lẫn người chết trong thời gian ma chay cũng như tuần thất thì quý hóa vô cùng. Vì có như vậy người chưa hiểu ñạo trong gia ñình sẽ sớm hiểu, biết ñâu chừng sau nầy những người ấy sẽ quy y Tam Bảo. Vì họ hiểu rõ lý duyên sanh cũng như vô thường, sanh diệt v.v... Dĩ nhiên khi tang chủ muốn có ñược phước báu cho người mất lẫn người còn sống thì cần cúng dường Tam Bảo tùy theo khả năng của gia ñình ñể giúp ñỡ Chùa và chính gia ñình của người quá vãng cũng ñược lợi lạc nữa. Chư Tăng Ni, nhất là những người ñại diện cho Tịnh độ Tông có thể giảng giải kinh A Di đà, kinh địa Tạng v.v... trước và sau khi làm lễ cho người quá cố thì tốt biết dường bao. Vì người ñi tham dự lễ và chính thân nhân cũng cần biết chư Tăng Ni ñang tụng kinh gì. Không giải thích, có thể họ cũng cảm nhận ñược rằng chư Tăng Ni

ñang tụng kinh; nhưng ý nghĩa ra sao thì làm sao rõ hết ñược. Ví dụ như trong hiện tại có nhiều người tin theo hiện tượng vãng sanh hoặc tổ chức tam thời hệ niệm v.v... chư Tăng Ni phải biết rõ ñiều nầy ñể giải thích, không mang tính mê tín cầu sanh, mà phải theo nguyên tắc ñi ñầu thai theo kinh ñiển mà chư Phật, chư Tổ ña dạy. Ví dụ như người lâm chung có ñiểm nóng sau cùng nằm nơi ñỉnh ñầu; tức người ấy sẽ ñược thác

sanh về Tịnh độ. Nếu ñiểm nóng ấy nằm ở miệng trở lên trán thì người chết sẽ sanh Thiên. Nếu ñiểm nóng ấy từ ngực lên miệng thì thành A Tu La. Nếu ñiểm nóng vẫn còn ở nơi ngực thì người chết ấy chắc chắn sẽ trở lại làm người. Cuối cùng ñiểm nóng nằm ở bụng, ở ñầu gối và dưới lòng bàn chân thì người ấy sẽ bị ñọa vào 3 ñường dữ. đó là ñịa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Vì sao biết ñược ? Vì lẽ mỗi một loại chúng sanh như thế tương ưng với một loại ánh sáng khác nhau. Cho nên khi đức Phật còn tại thế Ngài phóng hào quang ñộ cho loại nào, ánh sáng thường hay hiện ra nơi thân của Phật như thế ñể ñộ. Do vậy ñây là kết quả căn bản cần thiết ñể người thân lưu ý hộ niệm, theo dõi. Chứ không phải chỉ niệm Phật sau 8 tiếng ñồng hồ, thấy thi thể mềm mại mà bảo ñấy là hiện tượng vãng sanh thì không ñúng. Như vậy ñối với những người tu theo pháp môn Tịnh độ không phải chỉ lúc chết mới tu hay mới mời Thầy ñến làm ñám, mà ngay khi còn sống, khi là một người Phật Tử tại gia mọi người ñã phải thực hiện niệm câu Phật hiệu Nam Mô A Di đà Phật nằm lòng rồi, ñể ñến khi lâm chung không còn bỡ ngỡ nữa.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 469

Ở chương cuối chúng tôi cố gắng sẽ trở lại vấn ñề nầy một cách có chương cú hơn và hy vọng người Phật Tử Việt Nam khi tu theo Pháp môn Tịnh độ, chúng ta biết rõ ràng là con ñường nào chúng ta ñang ñi và con ñường nào chúng ta sẽ ñến. Ai ăn thì cũng phải no. Ai tu thì cũng sẽ chứng; nhưng no như thế nào và chứng như thế nào thì ñó là câu hỏi, mà câu trả lời ñã có sẵn nơi mỗi người của chúng ta và chỉ cần khơi dậy một niềm tin, một cách thực tập rõ ràng thì ai ai trong chúng ta cũng sẽ ñược lợi lạc vô cùng.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 471

VIII. CON đƯỜNG TỊNH ĐỘ

Tịnh độ thì có rất nhiều cõi của nhiều vị Phật ñang thuyết pháp giáo hóa chúng sanh tại ñó; nhưng cõi Cực Lạc thì chỉ có một, cõi nầy do lời nguyện của Ngài Pháp Tạng Tỳ Kheo mà thành tựu. Ví dụ như đẩu Suất Tịnh độ, đông Phương Dược Sư Tịnh độ, A Súc Phật Tịnh độ v.v... Trong kinh A Di đà cho biết rằng: Cõi Phương đông có Phật A Súc Bệ, Phật Tu Di Tướng, Phật đại Tu Di, Phật Tu Di Quang, Phật Diệu Âm và hằng hà sa số Phật như vậy. Cõi Phương Nam thì có đức Phật Nhật Nguyệt đăng, Phật Danh Văn Quang, Phật đại Diệm Kiên, Phật Tu Di đăng, Phật Vô Lượng Tinh Tấn v.v... Cõi Tây Phương lại có Phật Vô Lượng Thọ, Phật Vô Lượng Tướng, Phật Vô Lượng Tràng, Phật đại Quang, Phật đại Minh, Phật Bảo Tướng, Phật Tịnh Quang... Cõi Bắc Phương có Phật Diệm Kiên, Phật Tối Thắng Âm, Phật Nan Trở, Phật Nhựt Sanh, Phật Võng Minh... Cõi Phương Dưới có Phật Sư Tử, Phật Danh Văn, Phật Danh Quang, Phật đạt Ma, Phật Pháp Tràng, Phật Trì Pháp... Cõi Phương Trên lại có Phật Phạm Âm, Phật Tú Vương, Phật Hương Thượng, Phật Hương Quang, Phật Diệm Kiên, Phật Tạp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân, Phật Ta La Thọ Vương, Phật Bảo Hoa đức, Phật Kiến Nhứt Thiết Nghĩa,

472 Con đường Tịnh độ

Phật Như Tu Di Sơn... có hằng hà sa số đức Phật như vậy. Qua kinh Hồng Danh Sám Hối, kinh 3.000 vị Phật, kinh 10.000 vị Phật v.v... Chúng ta thấy ñược rằng: Phật không

phải chỉ có một vị. Do vậy cõi Phật cũng không phải chỉ một cõi, mà có vô lượng cõi thế giới như vậy. Mỗi thế giới tùy theo lời nguyện ước của vị Phật ấy mà thế giới kia sẽ thành tựu như vậy. Có thế giới chỉ toàn ánh sáng, có thế giới chỉ toàn là hóa sanh, có thế giới chỉ toàn là màu sắc, có thế giới giống như những mắc cửi... như trong kinh Hoa Nghiêm hay Phạm Võng mà đức Phật lịch sử Thích Ca Mâu Ni ñã giới thiệu cho các vị Bồ Tát và chúng sanh trong cõi giới Ta Bà nầy rõ biết. Ví dụ như vào ñời đường nhằm thế kỷ thứ 7, sau khi Ngài Huyền Trang ñi lưu học 19 năm ở Ấn độ về, Ngài trú ở chùa Từ Ân dịch kinh, viết sách, diễn giảng và ñặc biệt Ngài chú trọng về Duy Thức. Cho nên sau khi có người nối truyền, đệ Tử là Ngài Khuy Cơ, chùa nầy ñược lấy tên ñể ñặt nên Tông phái của Duy Thức thuở ấy là Từ Ân Tông hay Pháp Tướng Tông. Tông nầy tu chuyển thức thành trí và phát nguyện vãng sanh về Nội Cung đẩu Suất của đức Di Lặc. Nơi ñây ñược gọi là Tịnh độ đẩu Suất hay cõi Nhứt Sanh Bổ Xứ. Nghĩa là ai ñược sanh về ñây thì chờ trong một ñời nữa ñể ñược bổ xứ ñi làm Phật ở một nơi khác. Ví dụ như đức Phật Di Lặc trong tương lai sẽ hạ sanh từ nội cung đẩu Suất nầy xuống thế giới Ta Bà ñể làm Phật, sau khi giáo lý của đức Phật Thích Ca Mâu Ni không còn hiện hữu nơi ñây nữa. Ngoại Cung đẩu Suất toàn những niềm vui tuyệt diệu. Nếu có vị nào ñó lỡ sanh vào ngoại cung đẩu Suất

khi hưởng hết phước lạc của cõi Trời rồi thì cũng bị chi phối bởi sanh tử. Bởi vì Trời đao Lợi vẫn còn nằm trong cõi Dục Giới nầy. Khi xem truyện Tây Phương Du Ký của Ngài Quán Khâm Hòa Thượng người đài Loan, chúng ta rõ biết ñược việc nầy. Bình sinh Ngài tu Tịnh độ hay niệm Phật, tụng kinh Lăng Nghiêm và Pháp Hoa; nhưng ý nguyện của Ngài lúc nào cũng phải về cho ñược thế giới Tây Phương của đức Phật A Di đà. Một hôm Ngài nhập thất và trong khi nhắm mắt lại ñể niệm Phật thì thấy có một lão bà hiện ra và hỏi Ngài rằng: Bình thường Ngài tụng kinh gì? Ngài trả lời như trên và sau khi nhắm mắt lại chẳng bao lâu thì Ngài ñã lên ñến Nội Cung đẩu Suất; nơi ñó Ngài ñã gặp Hư Vân Hòa Thượng, Ấn Quang đại Sư rồi các vị đại Sư bạn của Ngài thuở còn sanh tiền. Sau ñó thì thần thức của Ngài Quán Khâm ñược Lão Bà ñưa lên cõi Sắc rồi cõi Vô Sắc; khi ra ngoài cõi Vô Sắc rồi, Lão Bà hiện hình thành Quan Thế Âm Bồ Tát và ñưa thần thức Ngài vào bái yết đức Phật A Di đà. Sau khi Ngài về lại cõi trần nầy, Ngài diễn tả rằng: Chỉ cái móng chân của đức Phật A Di đà cũng lớn hơn cả các nước đông Nam Á Châu của chúng ta vậy. Ngoài ra Ngài nhớ lại trong 3 kinh Tịnh độ còn diễn tả ở cõi Tây Phương Cực Lạc nếu muốn ăn thì ñồ ăn liền hiện ra. Do vậy Ngài Quán Khâm ñã khởi tưởng lên việc nầy, tự nhiên ñồ ăn bay ñến trước Ngài, Ngài xấu hổ quá. Vì nghĩ rằng ở cõi Cực Lạc các vị Bồ Tát ñâu có ăn uống bình thường và Ngài ñã rút tâm niệm tưởng nghĩ của mình lại, tự nhiên ñồ ăn biến mất. Quả thật ñây là cõi hóa sanh như trong kinh A Di đà, đức Phật Thích Ca Mâu Ni ñã dạy.

Cõi Phương đông có Phật A Súc Bệ. Tiếng Phạn gọi là Aksobhya Buddha. Tiếng Tây Tạng gọi là: Sans- rgyas-mi-hkrugs Pa. là tên đức Phật hiện tại ở đông Phương. Gọi tắt là A Súc. Cũng còn gọi là A Súc Bệ Phật, A Sô Tỳ Da Phật, A Khất Sô Tỳ Dã Phật. Dịch ý là

Bất động Phật, Vô động Phật, hoặc là Vô Nộ Phật, Vô Sân Huệ Phật. Cứ theo kinh A Súc Phật Quốc quyển thượng phẩm Phát ý thọ tuệ và phẩm Thiện Khoái chép, thì ở quá khứ, cách ñây 1.000 cõi Phật về Phương đông, có thế giới A Tỳ La đề (Phạn: Abhirati), trong ñó có đức đại Mục Như Lai xuất hiện, Ngài vì các Bồ Tát mà nói pháp tu hành sáu ñộ cao tột. Lúc bấy giờ, có một vị Bồ Tát, sau khi nghe pháp, phát tâm ñạo vô thượng chánh chân, nguyện dứt sân hận, ñoạn dâm dục, cho ñến thành ñại chánh giác, đại Mục Như Lai vui mừng và ban hiệu là A Súc. Bồ Tát A Súc liền thành Phật trong thế giới A Tỳ La để ở Phương đông và hiện nay vẫn ñang thuyết pháp ở cõi ñó. Lại cứ theo kinh Pháp Hoa quyển 3 phẩm Hóa Thành Dụ chép, thì đức Phật đại Thông Trí Thắng, khi chưa xuất gia, có 16 vị vương tử, sau ñều xuất gia làm Sa Di. Người con thứ nhất tên là Trí Tích, tức là A Súc thành Phật tại nước Hoan Hỷ ở phương đông. Kinh Bi Hoa quyển 4 chép, Phật A Di đà ở ñời quá khứ là vua Vô Tránh Niệm có 1.000 người con; người con thứ 9 là Mật Tô, tức A Súc thành Phật tại phương đông, tên nước là Diệu Lạc. Mật Giáo lấy đức Phật nầy làm một trong 5 vị Phật ở Kim Cương giới, tượng trưng cho đại Viên Cảnh Trí. Ngài ñược tôn trí ở giữa nguyệt luân chánh ñông, trong 5 luân giải thoát; phía trước là Kim Cương Tát đỏa, phía phải là Kim Cương Vương Bồ Tát, phía trái là Kim Cương

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 475

Ái Bồ Tát, phía sau là Kim Cương Hỷ Bồ Tát. Hình tượng màu vàng ròng, tay trái nắm lại ñặt ở trước rốn, tay phải thòng xuống chạm ñất, tức là A Súc xúc ñịa ấn (Ấn A Súc chạm ñất). Mật hiệu là Bất động Kim Cương. Chủng tử là Hum. Hình Tam Muội Da là chày năm chẽ (chày kim cương năm chẽ). Chân ngôn là: „Án Á Khất Sơ Tỳ Dã Hồng“. (Trích Phật Quang đại Từ điển trang 68-69). (Xem kinh đại Bảo Tích Hội Bất động Như Lai; kinh đạo Hành Bát Nhã quyển 6; quyển 9; kinh Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội quyển thượng; kinh Duy Ma quyển hạ; Tịnh độ dử Thiền (Ấn Thuận, Diệu Vân tập hạ biên 4). Cõi của Phật A Súc ở thế giới đông Phương vẫn có người nữ hiện diện tại ñó và chúng sanh trong nước nầy mặc bằng vỏ cây; cho nên giữa cõi nầy và cõi Tây Phương Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà không giống nhau. Lý do là tùy theo nguyện lực của mỗi vị Bồ Tát ấy trước khi thành Phật muốn phát nguyện cõi mình sẽ thành tựu như thế nào. Nếu kể ra hết các cõi Tịnh Độ thì vô số; nhưng chừng ấy cõi cũng ñể cho chúng ta thấy rằng: phàm có uế ñộ ở ñây thì ở kia sẽ có Tịnh Độ. Tùy theo ai muốn sanh về ñâu thì sanh, ñi về ñâu thì ñi. Nhưng theo các vị Tổ Sư Tịnh Độ như Long Thọ, Thế Thân ñều cho rằng có 2 con ñường ñể chọn. Đó là Nan Hành và Dị Hành. Đời mạt pháp nầy chỉ có pháp môn Niệm Phật cầu sanh Tây Phương của Đức Phật A Di Đà là dị hành (dễ làm) mà chư Phật trong 10 phương ñều tán thán việc làm nầy của Đức Phật A Di Đà (kinh A Di Đà). Cho nên ở cõi Ta Bà nầy nhất là vào thời kỳ mạt pháp, các vị Tổ Sư ñã chấp nhận Tịnh Độ môn hơn là Thánh Đạo môn ñể cầu sanh Tây Phương sau khi lâm chung.

476 Con đường Tịnh độ

Dưới ñây là Đồ Biểu do chúng tôi thiết kế các nước theo Tịnh Độ Tông và chư Tổ Sư truyền thừa. Mong rằng ñây mới chỉ là khởi thảo tài liệu lịch sử nầy riêng cho Việt Nam ñể Phật Tử Việt Nam có một cái nhìn toàn bộ hơn. Riêng về bình diện thế giới chúng tôi

không mong ñợi gì hơn, ñây cũng là sự cần có của những người tu theo pháp môn Tịnh Độ. Sau khi thiết lập ñược biểu ñồ nầy rồi, chúng ta sẽ gạn lọc ra phương pháp tu học của từng vị Tổ Sư Tịnh Độ và sẽ hệ thống hóa theo từng quốc ñộ khác nhau ñể những người sau nầy dễ tra cứu tìm hiểu hơn về chư vị tiền bối của mình. Có như thế chúng ta mới không hổ danh là những người thừa kế.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 477

đồ Biểu Truyền Thừa Tịnh độ Tông Ấn độ

Thích Ca Mâu Ni Phật
Sinh 624 trước Tây lịch
Và nhập diệt năm 544 trước
Tây lịch
Long Thọ đệ Nhất Tổ Sư (khoảng thế kỷ thứ 2 Tây lịch)

Thế Thân đệ Nhị Tổ Sư (khoảng 320 – 380)

Tây Tạng Việt Nam Trung Quốc Nhật Bản đại Hàn

Liên Hoa Sanh đàm Hoằng đàm Loan đàm Loan Thế kỷ thứ 7 (? – 455) (476 - ?) (476 - ?) Sơ Tổ Tây Tạng Sơ Tổ Việt Nam Sơ Tổ Trung Quốc đệ Tam Tổ Sư đệ Tam Tổ Sư đệ Tam Tổ Sư đệ Tam Tổ Sư

đạo Xước đạo Xước (562 - 645) (562 - 645) Nhị Tổ Trung Quốc đệ Tứ Tổ Sư đệ Tứ Tổ Sư

Thiện đạo Thiện đạo (613 - 681) (613 - 681) Tam Tổ Trung Quốc đệ Ngũ Tổ Sư đệ Ngũ Tổ Sư

Nguyên Tín (942 - 1017) Sơ Tổ Nhật Bản đệ Lục Tổ Sư

Pháp Nhiên
(1133 - 1212)
Nhị Tổ Nhật Bản đệ Thất Tổ Sư
Tịnh độ Tông
Thiền Tâm
(1925 - 1992) Thân Loan
(1173 - 1262)
Tam Tổ Nhật Bản
Trí Tịnh Tổ Sư Tịnh độ
(1917 -) Chân Tông
478 Con đường Tịnh độ

Mỗi vị Tổ Sư xuất hiện trong ñời nầy ñều có một trọng trách khác nhau ñể làm cho mối ñạo ñược phát triển. Sau khi Đức Phật viên tịch, cả hằng 9 thế kỷ sau Ngài Long Thọ mới xuất hiện tại miền Nam Ấn Độ, ñược người ñời xưng là Đệ Nhị Thích Ca. Như vậy phải biết rằng trí tuệ và sự ñắc chứng của Ngài như thế nào rồi. Sau nầy 8 Tông Phái như: Trung Quán, Hoa Nghiêm, Mật Tông, Tịnh Độ ñều tôn xưng Ngài là Tổ Sư. Riêng

Tịnh Độ Tông, theo các nhà học giả Tôn Giáo Đông Phương và Tây Phương, Ngài chỉ ñề cập về Tịnh Độ trong luận Thập Trụ Tỳ Bà Sa trong phẩm Dị Hành trong thiên thứ 9 thuộc 35 chương của luận nầy là phần trọng yếu của pháp môn Tịnh Độ. Dị Hành là dễ làm. Đối lại với Nan Hành (khó làm). Nghĩa là, trong hai pháp tu Nan Hành và Dị Hành ñể ñạt ñến giai vị không trở lui, thì Dị Hành là pháp tu mau ñược mà dễ thực hiện. Ngài Long Thọ cho pháp tu xưng niệm danh hiệu Phật là không trở lui, mau thành mà dễ làm; nhưng tu pháp môn nầy, ñiều kiện tiên quyết là phải có lòng tin vững mạnh. Vãng Sanh luận chú quyển thượng của Đàm Loan (Đại 40, 826 giữa), nói: „Dị hành ñạo, nghĩa là chỉ cần nhân duyên tin Phật, phát nguyện vãng sanh, nương nhờ nguyện lực của Phật, ñược sanh về cõi thanh tịnh“. Tông Tịnh Độ Nhật Bản cho rằng xưng niệm danh hiệu Phật với ñầy ñủ ba tâm (trực tâm, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm) là Dị Hành; chân Tông thì không những cho niệm danh hiệu Phật là Dị Hành mà còn cho niệm danh hiệu với niềm tin sâu xa vào tha lực

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 479

hồi hướng của Phật A Di Đà cũng là Dị Hành. (Trích Phật
Quang Đại Từ Điển trang 1247).
(Xem luận Thập Trụ Tỳ Bà Sa quyển 5, phẩm Dị
Hành)
Ở ñây chúng ta thử tạo ra một biểu ñồ của mỗi vị
Tổ Sư thực hành theo pháp môn Tịnh Độ như sau:
Tổ Sư Long Thọ (sinh khoảng thế kỷ thứ 2 sau Tây lịch ệệ Nhất Tổ Tịnh độ Tông

Pháp môn tu: Dị Hành

Nhân duyên Phát nguyện Nương nguyện tin phật vãng sanh lực của Phật

được sanh về cõi thanh tịnh của đức Phật A Di đà

Theo Tổ Sư Long Thọ, người muốn ñược sanh về cõi Tịnh Độ của Đức Phật A Di Đà phải cần ba ñiều kiện căn bản bên trên, mà Ngài gọi là Dị Hành. Đó là: Có nhân duyên ñể tin Phật, sau ñó phát nguyện vãng sanh về Tây Phương và phải nương vào nguyện lực của Đức Phật A Di Đà. Đây chính là tín, nguyện và tha lực.

480 Con đường Tịnh độ

Lòng tin là mẹ sinh ra chư Phật như trong kinh Hoa Nghiêm nói. Với Đức tin nầy con người có thể thành tựu mọi sở nguyện, nhưng ñiều quan trọng là mình phải hướng niềm tin ấy về ñâu và sau cùng phải nhờ ñến thần lực của Đức Phật A Di Đà. Nếu không có tha lực ấy thì chắc chắn chúng ta sẽ khó vãng sanh về thế giới Tây Phương ñược.

Tổ Sư Thế Thân – ệệ nhị Tổ Sư (Khoảng 320 - 380)

Vô Lượng Thọ kinh Ưu Ba ề Xá (Dị hành ñạo)

1. Nguyện Kệ đại Ý

2. 3. 4. 5. 6. 7. 8. 9. Khởi quán Quán hành Tịnh nhập Thiện xảo Ly Bồ đề Thuận Bồ Danh nghĩa Nguyện sự sanh tín thế tướng nguyện nhiếp hóa chướng đề môn nhiếp ñối thành tựu tâm

10. Lợi hành mãn túc

Lợi mình và lợi người dựa theo lời nguyện thứ 11, 18 và 22 trong 48 lời nguyện

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 481

Đệ nhị Tổ Sư Tịnh Độ Tông ở Ấn Độ là Ngài Thế Thân cũng dựa theo Dị hành ñạo của Ngài Đệ Nhứt Tổ Sư Long Thọ; nhưng ở ñây vị Đệ Nhị Tổ Sư nương vào kinh Vô Lượng Thọ (kinh Đại Bản A Di Đà) ñể chỉ ra 10 ñiều căn bản, dựa theo lời nguyện thứ 11, 18 và 22 ñể ñược vãng sanh về Tịnh Độ. Có 10 cặp ñối ñãi nghĩa là: Tụng ñại ý các bài kệ; khi khởi sự quán tưởng thì sanh tín tâm; quán tưởng về thể tướng của Phật; ñi vào nguyện tâm an ổn; lành thay nhiếp hóa chúng sanh; xa lìa tâm chướng ngại giải thoát; thuận theo tâm giác ngộ; tâm và nghĩa cân ñối nhau; nguyện cho công việc ñược thành tựu và cuối cùng là làm việc lợi lạc cho mọi người ñược ñầy ñủ. Tất cả 10 việc trên ñều nương vào lời nguyện thứ 11, 18 và 22 của Đức Phật A Di Đà ñể ñược vãng sanh về Cực Lạc quốc.

482 Con đường Tịnh độ

Trung Hoa Phật Giáo

đàm Loan đạo Xước Thiện đạo (476 - ?) (562 - 645) (613 - 681)

1. Lễ Bái đức Di đà 1. Kinh Vô Lượng 1. Diệt tội tăng Thọ thiện duyên

2. Tán thán ca ngợi 2. Thánh đạo môn 2. Hộ niệm ñắc danh hiệu trường mệnh tăng thiện duyên

3. Phát lời thệ 3. Tịnh độ môn 3. Kiến Phật tăng nguyện sanh về thượng duyên Tịnh độ

4. Quán tưởng đức 4. Niệm Phật 4. Nhiếp sanh tăng A Di đà và cảnh thượng duyên giới của Ngài

5. Hồi hướng công 5. Chúng sanh tăng ñức ñến tất cả thượng duyên chúng sanh

Vãng sanh Cực Lạc quốc

Phật Giáo Trung Quốc có ñược 13 vị Tổ Tịnh Độ Tông theo như xưa nay chúng ta ñã ñược biết; nhưng theo Phật Giáo Tịnh Độ Nhật Bản người ta chỉ công nhận

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 483

Ngài Đàm Loan, Đạo Xước và Thiện Đạo. Do vậy chúng ta thử truy tìm lại pháp môn tu của các vị nầy vậy. Trên căn bản ba vị nầy cũng dựa vào 3 kinh căn bản của Tịnh Độ và dựa theo Vãng Sanh luận của Ngài Thế Thân ñể lập nên hạnh nguyện và Tông chỉ của mình khi phát tâm niệm Phật, cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc quốc. Như Ngài Đàm Loan sau khi dựa theo việc Dị Hành của Ngài Long Thọ ñể lại, Ngài ñã soạn Vãng Sanh luận và nơi luận nầy Ngài ñã hướng dẫn những người niệm Phật theo 5 cách sau ñây.

Thứ nhất là lễ bái Đức Phật A Di Đà. Khi chúng ta ñứng trước kim thân Phật Tổ, chúng ta nên gieo năm vóc sát ñất ñể ñảnh lễ Đức Phật nầy. Vì lẽ Ngài là một bậc vô Thượng Y Vương; một vị Phật cao tột trong ba ñời chư Phật. Thứ hai là phải tán thán ca ngợi danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, có nghĩa là vị Phật có hào quang vô lượng và có ñời sống vô lượng. Thứ ba là phải phát lời thệ nguyện sanh về Tịnh Độ. Khi thấy ở uế ñộ nầy, chúng sanh bị trầm luân trong sanh tử; nên phải phát nguyện sau khi lâm chung ñược vãng sanh về thế giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà. Thứ tư là Quán Tưởng Đức A Di Đà và cảnh giới của Ngài. Trong kinh Tiểu Bổn A Di Đà ñã diễn tả rất rõ ràng. Người phát tâm niệm Phật, cần phải quán tưởng về thân tướng của Ngài và cảnh giới ấy. Thứ năm là hồi hướng công ñức ñến tất cả chúng sanh. Khi thực hành bất cứ một ñiều gì cũng nên hướng

về những người khác, thì việc làm của mình ñược tạo thêm tăng thượng duyên cho chính mình và những chúng sanh khác trong thế giới nầy cũng như thế giới khác và ngay cả người còn lẫn kẻ mất cũng ñược lợi lạc vô ngần. Khoảng hơn 100 năm sau vào ñầu thế kỷ thứ 7, thời Ngài Huyền Trang thì ñã có Ngài Đạo Xước hoằng dương pháp môn Tịnh Độ tại Trung Quốc bằng cách ñếm từng hạt ñậu khi niệm Phật cũng như lúc tụng kinh A Di Đà. Đây quả là một công việc thật bất khả tư nghì, khó diễn tả hết bằng lời nói ñược. Ngài nương theo kinh Vô Lượng Thọ ñể soạn ra 2 tập An Lạc tập, ñể chứng minh cho nhân thế thấy rằng trong thời buổi Vũ Đế nhà Bắc chu bài Phật trọng Nho giáo. Cho nên tác phẩm nầy ñã biện luận rất nhiều về ý kiến của Tam Luận cho rằng Vãng Sanh Tịnh Độ là kiến chấp hữu tướng. Đồng thời Ngài ñã lập ra Thánh Đạo môn và Tịnh Độ môn. Thánh Đạo môn có nghĩa là người ở vào thế giới nầy nhờ vào tự lực tu hành mà ngộ ñạo thành Thánh, gọi là thử ñộ thành Thánh, ñó gọi là Thánh Đạo môn. Còn Tịnh Độ môn có nghĩa là người nương nhờ vào nguyện lực của Đức Phật A Di Đà, sinh về Tịnh Độ mà ngộ ñạo, gọi là bỉ ñộ nhập chứng; ñó gọi là Tịnh Độ môn. Tư tưởng nầy của Ngài Đạo Xước ñược Ngài Nguyên Không Pháp Nhiên của Tịnh Độ Nhật Bản triển khai mạnh vào thế kỷ thứ 13; nhưng Ngài Thân Loan, ñệ tử thân tín của Ngài Pháp Nhiên hoàn toàn chỉ tin vào tha lực cũng như bổn nguyện lực của Đức Phật A Di Đà; tức là Tịnh Độ môn, chứ không tin rằng tự lực tu học có thể sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc ñược.

Ngoài ra là niệm Phật một cách miên mật. Mỗi ngày niệm nhiều câu Phật hiệu. Niệm niệm liên tục trong ñi ñứng nằm ngồi, ăn uống, tụng niệm v.v... Đây chính là việc thực hành pháp môn Tịnh Độ vậy. Đến khi Ngài Thiện Đạo thực hành pháp môn Tịnh Độ thì ñã qua những giai ñoạn khai tông lập giáo rồi; nhưng với Ngài thì lời thệ nguyện thứ 18 của Đức Phật A Di Đà là quan trọng nhất, ñể từ ñó soạn ra những kinh sách chỉ dẫn cho những người tu theo pháp môn nầy như sách 5 loại tăng thượng duyên vậy. Khi niệm Phật một cách miên mật với danh hiệu A Di Đà là làm tăng thượng duyên ñể diệt trừ tất cả bao nhiêu nghiệp chướng từ trong vô lượng kiếp trở lại ñây. Khi niệm Phật tức thì Đức Phật A Di Đà, Quan Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát lúc nào cũng gìn

giữ, che chở cho người phát tâm niệm Phật. Khi hành giả niệm Phật một cách miên mật thì nhờ sức bổn nguyện của Đức Phật A Di Đà mà ñược gặp Phật và thấy Phật. Cõi Cực Lạc là cõi hóa sanh và việc chúng sanh thành tựu việc sanh về ñó là do tha lực bổn nguyện của Đức Phật mà thành tựu, chứ không phải do tự lực của chính mình. Tất cả chúng sanh trong 10 phương vô biên thế giới nhờ nguyện lực của Đức Phật A Di Đà mà ñược vãng sanh về Tịnh Độ. Cuối cùng trong 5 tăng thượng duyên nầy là nương vào nguyện lực của Đức Phật A Di Đà mà chúng sanh ñược sanh về nước Cực Lạc.

486 Con đường Tịnh độ

Nhật Bản

Nguyên Tín Pháp Nhiên Thân Loan (942 - 1017) (1133 - 1212) (1173 - 1262)

Thiên Thai Tông - Sáng lập Tịnh độ - Sáng lập Tịnh độ

{ Tịnh độ Tông vãng Sanh Yếu
Tông
- Tuyển Trạch Bổn
Nguyện Niệm Phật
Chân Tông
- Chính thức lập gia ñình tập
- Niệm Phật tha lực
1. Chán lìa cõi ô uế - Nghiệp nhân vãng - Bản nguyện lực của
2. Thích cầu Tịnh độ sanh đức Phật A Di đà
- Niệm Phật - Giáo
3. Chứng cứ Cực Lạc
4. Niệm Phật chánh - Hạnh
- Thánh đạo môn tu - Tín
5. Phương pháp trợ - Tịnh độ môn - Chứng niệm
6. Biệt thời niệm Phật
7. Sự lợi ích của việc niệm Phật
8. Chứng cứ của việc niệm Phật
9. Các nghiệp vãng sanh
10. Chọn lựa hỏi ñáp
Vãng sanh Cực Lạc quốc

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 487

Đây là ba vị Tổ Sư rất quan trọng của Tịnh Độ Tông Nhật Bản. Tuy rằng Ngài Nguyên Tín không phải là người khai tông lập giáo; nhưng nếu không có Ngài Nguyên Tín viết Vãng Sanh Yếu Tập thì Ngài Nguyên Không Pháp Nhiên không thể dựa vào ñó ñể chính thức lập tông. Dầu cho Ngài Nguyên Tín vẫn tu theo Thiên Thai Tông nhưng là một gạch nối rất quan trọng ñể sau nầy Ngài Pháp Nhiên khai tông lập giáo. Tư tưởng Tịnh Độ ñã quá rõ ràng qua nội dung gồm 10 ñiều của Vãng Sanh Yếu tập; tức là 10 ñiều cần

yếu cho việc vãng sanh như sau: Chúng sanh phải chán lìa cõi nầy là cõi ô uế. Vì lẽ chúng sanh ở ñây chỉ luôn tạo ra các nghiệp ác của tham, sân, si. Do vậy phải có tâm chán lìa cõi nầy. Kế ñến là phải hướng về Tây Phương ñể thỉnh cầu Tịnh Độ; một cõi giới thanh tịnh, không còn bị luân hồi sanh tử chi phối. Điều thứ ba là giới thiệu cảnh giới Cực Lạc qua kinh A Di Đà như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ñã từng thuyết giảng nơi nước Xá Vệ. Phải siêng năng hành trì việc niệm Phật. Vì ñây là công phu cần thiết ñể thể hiện lời nguyện của mỗi chúng sanh. Khi một hành giả sắp lâm chung, việc trợ niệm rất cần thiết. Vì lẽ lúc thần thức sắp rời khỏi thân trung ấm phải cần có những thiện hữu tri thức trợ niệm. Niệm Phật phải ấn ñịnh thời gian nhất ñịnh trong ngày; mỗi ngày từ 3 ñến 6 lần niệm Phật như vậy.

488 Con đường Tịnh độ

Chứng minh cho những hành giả niệm Phật thấy rằng niệm Phật là việc rất lợi ích cho người còn sống cũng như kẻ ñã qua ñời. Tất cả những người niệm Phật, khi ra ñi ñược an toàn. Do Phật và chư vị Thánh Chúng ñến tiếp dẫn. Đó là những chứng cứ cần thiết ñể ñặt ñức tin vào việc hành trì pháp môn nầy. Vãng sanh về cõi Tịnh Độ của Đức Phật A Di Đà ñược gọi là ñới nghiệp vãng sanh và sẽ sanh về thai cung biên ñịa; nếu người ñó vẫn còn bị các nghiệp như 5 tội lớn; hoặc giả không tin mà còn chê bai chánh pháp nữa. Cuối cùng của 10 việc trong Vãng Sanh Yếu Tập là những câu hỏi về việc sanh tử và Ngài Nguyên Tín nhân ñó giải ñáp cho những tín ñồ ñể ñược hàm triêm lợi lạc. Ngài Nguyên Không Pháp Nhiên nương vào quyển Vãng Sanh Yếu Tập của Ngài Nguyên Tín cũng như nhờ ñọc bộ Quán Kinh Sớ của Ngài Thiện Đạo mà ñược khai ngộ. Từ ñó Ngài sáng lập Tông Tịnh Độ và chuyên tu pháp môn Niệm Phật. Sau sự kiện 2 cung nữ của Thượng Hoàng Hậu Điểu Vũ tên là Trùng Tùng và Linh Trùng xuất gia ở ñạo tràng Lộc Cốc nên ñã dẫn ñến việc tố cáo của Nam Độ Bắc Lãnh. Cuối cùng Đạo Tràng Niệm Phật bị ñình chỉ, 2 vị Tăng bị xử trảm. Còn Ngài Pháp Nhiên lúc ấy ñã 75 tuổi; nên ñược ñưa về lưu ñày ở Tán Kỳ trong vòng 4 năm. Năm sau (1212) Đại Sư viên tịch. Trong ñời của Ngài ñã làm ñược những việc mà lịch sử khó có người thực hiện ñược. Đó là việc cho ñệ tử của mình là Ngài Thân Loan trong và sau khi ở tù về

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 489

chính thức thành lập gia ñình. Lấy một người con gái của quan làm vợ và vị nầy sau ñi xuất gia có tên là Huệ Tín. Qua tác phẩm „Tuyển Trạch Bổn Nguyện Niệm Phật“ Ngài Pháp Nhiên có giải thích rất rõ ràng về những nguyên nhân nghiệp lực mà ñược vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà cũng như việc niệm Phật cần yếu như thế nào của một hành giả phát tâm sanh về ñó. Tuy nhiên cách nhìn của Ngài Pháp Nhiên về việc niệm Phật theo Thánh Đạo môn ñã bị Ngài Thân Loan sau nầy không tán ñồng. Thánh Đạo có nghĩa là người tu pháp môn niệm Phật trong cõi nầy và nhờ tự lực mà thành Thánh. Trong khi ñó người Đệ Tử Thân Loan quyết tin tưởng hoàn toàn vào tha lực của Đức Phật A Di Đà và ñặc biệt hơn là Bổn Nguyện Lực của Đức Phật A Di Đà mà tất cả chúng sanh ñều ñược sanh về thế giới Cực Lạc kia. Khi Ngài Pháp Nhiên viên tịch rồi (1212) thì giáo ñoàn phân tán; nhưng nhờ Ngài Thân Loan tái gầy dựng trở lại qua pháp môn niệm Phật tha lực cũng như chủ trương người vãng sanh

tuần tự theo 5 cách sau ñây: Đầu tiên là chí tâm. Có nghĩa là người cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ phải một lòng tha thiết với tâm mình là mong mỏi ñược sanh về ñó. Kế ñến là tín nhạo. Nghĩa là vui vẻ, hoan hỷ tin tưởng nơi pháp môn niệm Phật ñể ñược sanh về. Thứ ba là dục sanh. Đây có ý nói hành giả niệm Phật sau khi lâm chung mong mỏi ñược sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Ba tâm nầy do chúng sanh phải lập nguyện và phát nguyện ñể ñược vãng sanh. Còn 2 tâm sau là do chư vị Bồ Tát thực hiện. Đó là: Nhiếp thủ: Nghĩa là gìn giữ chúng sanh ñã sanh về nước Cực Lạc một cách cẩn thận. Bất xả: Khi chúng sanh ấy ñã ñược các vị Bồ Tát tiếp dẫn về Tây Phương rồi thì không buông bỏ người ñó, mà một lòng hộ trì ñể chúng sanh ấy tu hành tiếp tục và ñược sanh vào các phẩm vị cao hơn ñể ñược giác ngộ hoàn toàn. Với Ngài Thân Loan sáng tổ Tịnh Độ Chân Tông Nhật Bản chủ trương rằng chỉ trong một ñời là ñược vãng sanh cũng giống như Chân Ngôn Tông ñã chủ trương vậy; nhưng với Ngài Thân Loan thì có một số ñiểm khác hẳn với Ngài Pháp Nhiên là: - Kẻ ác dễ tu chứng hơn là người hiền. Qua ví dụ của A Xà Thế, Vô Não v.v... Ngài chứng minh là khi người ác ñã phản tỉnh thì ñộ giác ngộ cao hơn là người hiền. - Phật thương những chúng sanh tội lỗi nhiều hơn. Lý do như người mẹ có 3 người con. Trong khi ñó có một người bịnh nặng thì người mẹ quan tâm hơn. Do vậy chúng sanh nào bị khổ não bức bách nhiều thì ñược Đức Phật ñoái hoài thương cảm gấp bội. Ngài chính thức thành lập gia ñình (có thể là vào giữa năm 1207 ñến 1211). Việc nầy chính do Sư phụ của Ngài là Ngài Pháp Nhiên cho phép và thúc ñẩy. Có lẽ do sự kiện 2 cung nữ của Thượng Hoàng Hậu Điểu Vũ là ñiều không có gì mà bị vu khống cũng như chẳng qua là sự ganh ghét gièm pha giữa Tông nầy và Tông khác; nên

Ngài Pháp Nhiên ñã thấy thời cơ ñã ñến và chứng minh cho người Nhật thấy rằng Thân Loan sẽ là một người ñệ tử ñại tài, sẽ trở thành người lãnh ñạo của một phái Tịnh Độ mới sau nầy. Điều quan trọng nhất của Ngài Thân Loan là việc niệm Phật ñể ñược vãng sanh không phải là do tự lực của hành giả niệm Phật, mà là do tha lực, do bản nguyện lực của Đức Phật A Di Đà. Bản nguyện ấy là gì? Là cái nguyện căn bản khi Ngài ñã thành Phật thì thế giới của Ngài phải như vậy như vậy. Lâu nay chúng ta chỉ chú ý về 10 niệm nhất tâm cho ñến lúc lâm chung trong lời nguyện thứ 18 của Đức Phật A Di Đà; nhưng theo Ngài Thân Loan thì không cần thiết. Bởi vì nhờ cái nguyện lực căn bản và tha lực của Đức Phật mà chúng sanh ñược sanh về cảnh giới ấy, chứ không phải do tự lực trong 10 niệm không tán loạn. Qua tác phẩm giáo, hạnh, tín và chứng chúng ta ñã thấy ñược thâm ý của Ngài Thân Loan muốn dẫn dắt chúng sanh ñời sau ñi vào thế giới Tịnh Độ của Đức Phật A Di Đà không thể không nương vào 3 kinh căn bản của Tịnh Độ ñược. Đó là kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ và kinh A Di Đà. Việc thực hành niệm Phật là bổn phận của hành giả tu theo pháp môn nầy. Dầu ở ñâu hay ở bất cứ hoàn cảnh nào, người niệm Phật cũng phải chuyên tâm thực hành câu Phật hiệu Nam Mô A Di Đà Phật. Niềm tin với Phật, với sự vãng sanh là một năng lực, một sức mạnh nhằm ñưa hành giả trở về lại quê hương tịnh cảnh ấy.

492 Con đường Tịnh độ

Cuối cùng là chứng ñạo; chứng vào con ñường Tịnh Độ. Con ñường nầy thoát ly sanh tử luân hồi và ra khỏi bao nhiêu sự ràng buộc oan trái của thế gian ñầy ñau khổ nầy. Nhìn Tiểu sử của Ngài Pháp Nhiên và Ngài Thân Loan cho ta thấy ñược sự bền chí và khổ công của những người khai Tông lập giáo ngay từ lúc ban ñầu. Do vậy chúng ta cần trân quý những gì có thể hạ thủ công phu ñể thực hiện việc nầy. Đây mới là ñiều ñáng nói.

Tây Tạng
Ngài Liên Hoa Sanh
(Thế kỷ thứ bảy)
Tổ Sư khai sáng phái
Hồng Mạo (Mũ đỏ) Tây Tạng
Tịnh độ Tông có mặt tại Tây Tạng vào thế kỷ thứ 9, thứ 10

đại Sư Kyabje đại Sư Kyala Dodrupchen Rimpoche Khenpo Rimpoche (Thế kỷ thứ 20) (Thế kỷ thứ 20)

Vãng sanh Cực Lạc Quốc

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 493

Đạo Phật ñược truyền ñến Tây Tạng trực tiếp từ Ấn Độ và không qua ngã Trung Hoa. Ngài Liên Hoa Sanh ñóng một vai trò quan trọng trong phái Cổ Mật và các truyền thống Du Già Bí Mật, trong ñó kể cả Tịnh Độ Tông. Thật ra thì Tịnh Độ Tông của Tây Tạng cũng không khác Tịnh Độ Tông Trung Hoa, Nhật Bản hay Việt Nam bao nhiêu. Vì tất cả các vị Tổ Tịnh Độ ñều lấy 3 kinh Tịnh Độ làm chính. Tuy nhiên Tịnh Độ ñến mỗi quốc ñộ có thay ñổi ít nhiều ñể khế hợp với tình trạng văn hóa, phong tục tại xứ ñó; cho nên các vị Tổ Sư phải tùy theo hoàn cảnh và phương tiện ñể mang Đạo vào Đời. Phần bên trên chúng tôi ñã giới thiệu tương ñối khá rõ ràng về Phật Giáo Tây Tạng rồi. Đến phần nầy chúng tôi chỉ xin tóm lược lại cách hành trì pháp môn Tịnh Độ của Tây Tạng, nhằm hướng dẫn cho tín ñồ có một cái nhìn thực tiễn hơn khi thực hành pháp môn nầy. Theo Ngài Doprupchen, Thầy của Đại Sư Tulku Thondrup thì người tu theo pháp môn Tịnh Độ Tây Tạng cần quán triệt 4 phương pháp dưới ñây: Thứ nhất là Niệm Phật và quán tưởng cảnh giới Cực Lạc. Đa phần những người niệm Phật chỉ nghĩ về câu Phật hiệu ñể tạo sự nhất tâm; nhưng theo vị Đại Sư nầy và Phật Giáo Tây Tạng thì kèm thêm vấn ñề quán tưởng cảnh giới Tây Phương Cực Lạc giống như trong kinh A Di Đà ñã mô tả, nhằm giúp cho hành giả giữ tâm ñược an ñịnh hơn. Thứ hai là tích tụ những phước ñức. Chính nhờ việc làm phước bố thí cúng dường nầy mà ñương sự gặp ñược nhiều thắng duyên trong lúc sống cũng như khi ñi ñầu thai, dầu cho ñó là chư Tăng hay Phật Tử.

494 Con đường Tịnh độ

Phần thứ ba là phát triển tâm Bồ Đề. Phải phát nguyện một cái gì ñó cho thật là dũng mãnh, kiên cố dầu cho phải trải qua thời gian dài lâu ñi nữa; nhưng theo Đại Sư

Doprupchen thì cho rằng: điều kiện thứ ba nầy có càng tốt; nếu không có cũng không sao. Phần thứ tư là hồi hướng và phát nguyện. Đây là một công việc cần thiết của hành giả tu theo pháp môn Tịnh Độ, cốt làm cho quần sanh ñều ñược lợi lạc. Tóm lại Phật Giáo Tịnh Độ Tây Tạng vẫn lấy Ngài Long Thọ và Ngài Thế Thân làm đệ nhất và đệ nhị Tổ của Tông phái mình. Còn Ngài Liên Hoa Sanh là Tổ Sư thứ nhất của tất cả mọi Tông phái của Tây Tạng về phái Cổ Mật nầy. Cho ñến thế kỷ thứ 15 Ngài Tông Khách Ba mới thành lập phái mũ vàng.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 495

Việt Nam

Ngài đàm Hoằng (? - 455)

Cố Hòa Thượng Hòa Thượng Thích Thiền Tâm Thích Trí Tịnh (1925 - 1992) (1917 -)

Niệm Phật Thập Yếu Ba Kinh Tịnh độ

1. Tín
1. Niệm Phật phải vì giải thoát sinh tử
2. Niệm Phật phải phát lòng Bồ đề 2. Hạnh
3. Niệm Phật phải dứt trừ lòng nghi
4. Niệm Phật phải quyết ñịnh nguyện 3. Nguyện
5. Niệm Phật phải hành trì cho thiết thật vãng sanh
6. Niệm Phật phải ñoạn tuyệt phiền não
7. Niệm Phật phải khắc kỳ cầu chứng nghiệm
8. Niệm Phật phải bền lâu không gián ñoạn
9. Niệm Phật phải an nhẫn các chướng duyên.
10. Niệm Phật phải dự bị lúc lâm chung.
Vãng sanh Cực Lạc Quốc

496 Con đường Tịnh độ

Quê hương Việt Nam chúng ta vốn lâu ñời bị người phương Bắc ñô hộ; cho nên về văn hóa của Phật Giáo ña phần chúng ta cũng rập khuôn theo Trung Hoa. Dĩ nhiên cái gì tốt ñẹp chúng ta theo tu học, không có gì ể phải luận bàn; nhưng óc lệ thuộc quá nhiều, làm cho chúng ta mất ñi tinh thần tự chủ. Do vậy, nếu ngay từ bây giờ, chắc cũng không trễ lắm là tinh thần nầy chúng ta nên ñộc lập và thiết lập các vị Tổ Sư cũng ñộc lập cho Tông phái của mình có lẽ hay hơn nhiều. Tịnh Độ Tông Việt Nam chúng ta công nhận Ngài Long Thọ và Ngài Thế Thân là Đệ Nhất và Đệ Nhị Tổ. Ngài Đàm Hoằng sang Việt Nam vào năm 420 làm Đệ Tam Tổ. Đối với Tịnh Độ Tông Việt Nam thì Ngài là Sơ Tổ. Tuy Ngài là người ñến từ Trung Hoa; nhưng Ngài ñã ở Giao Châu 35 năm, từ năm 420 ñến năm 455 và viên tịch tại quê hương chúng ta. Do vậy chúng ta chắc chắn rằng Ngài ñã phải hội nhập vào văn hóa Phật Giáo của quê hương nầy. Ngay như Ngài Minh Hải Pháp Bảo, Tổ Sư của dòng phái Lâm Tế Chúc Thánh tại Hội An Quảng Nam. Tuy Ngài cũng là người Trung Quốc, nhưng Ngài ñến Việt Nam vào cuối thế kỷ thứ 16 lúc

trên 20 tuổi và Ngài ở tại Hội An cho ñến khi viên tịch tại chùa Chúc Thánh. Đối với quê hương Ngài, Ngài thuộc dòng Lâm Tế ñời thứ 34. Nhưng ñối với Thiền Lâm Tế Chúc Thánh, Ngài là Sơ Tổ vậy. Từ thế kỷ thứ 5 ñến thế kỷ thứ 20; một khoảng thời gian gần 1.500 năm như thế chưa tìm ra ñược tông tích của Tịnh Độ Tông Việt Nam. Hy vọng rằng những nhà Sử học Phật Giáo sau nầy sẽ làm sáng tỏ cho vấn ñề nầy.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 497

Phương pháp tu hành của Ngài Đàm Hoằng vẫn dựa theo 3 kinh Tịnh Độ làm chính ñể quyết ñịnh vãng sanh. Tuy lúc sinh thời Ngài không khai tông, lập giáo và có lẽ trước ñó và sau Ngài vẫn có những vị ñã tu theo pháp môn Tịnh Độ tại ñất Giao Châu thời bấy giờ; nhưng các Ngài không ñể lại dấu vết như việc sáng tác, chủ trương như các Tổ Sư Trung Hoa hay Nhật Bản. Do vậy chúng ta ñời sau khó hệ thống hóa việc nầy một cách dễ dàng ñược. Đến ñầu thế kỷ thứ 20, bước qua thế kỷ thứ 21 nầy, tại Việt Nam chúng ta có 2 vị Đại Sư chủ trương Tịnh Độ rất rõ nét. Đó là cố Hòa Thượng Thích Thiền Tâm và Hòa Thượng Thích Trí Tịnh. Tuy Hòa Thượng Thích Thiền Tâm sinh sau (1925) Hòa Thượng Thích Trí Tịnh (1917); nhưng vì Hòa Thượng Thích Trí Tịnh vẫn còn tại thế; cho nên chúng tôi sắp xếp cố Hòa Thượng Thích Thiền Tâm ở trên một bậc, vì là người ñã ra ñi trước. Hòa Thượng Thích Thiền Tâm sáng tác, dịch thuật kinh sách ña phần cũng dựa theo tư tưởng của các vị Đại Sư Trung Quốc. Tuy nhiên sách vở về Tịnh Độ Tông ñều nhờ Ngài dịch ra tiếng Việt hoàn toàn; cho nên những người tu Tịnh Độ Việt Nam có rất nhiều tài liệu ñể tham khảo, nghiên cứu và tu học, trong ñó có quyển Niệm Phật Thập yếu. Có nghĩa là 10 ñiều cần yếu niệm Phật ñể ñược vãng sanh. Đầu tiên là Niệm Phật phải vì giải thoát sanh tử. Chúng ta sinh ra trong thế giới Ta Bà nầy, vốn là chốn ngũ trược ác thế. Do vậy, dầu cho sống ở ñây có ñầy ñủ bao nhiêu ñi chăng nữa vẫn là nơi phiền lụy của một kiếp nhân sinh. Cho nên người niệm Phật phải mong cầu

498 Con đường Tịnh độ

thoát khỏi sự sống chết ñể sanh về một thế giới không còn luân hồi sanh tử nữa. Kế tiếp là niệm Phật phải phát lòng Bồ Đề. Lòng Bồ Đề là lòng thành, cầu quả vị giải thoát. Quả ấy phải ở ngoài sự tranh chấp thị phi, nhơn ngã và phải lập nguyện cao thượng vững vàng mới có thể ñạt ñến cảnh giới giải thoát ñược. Thứ ba là niệm Phật phải dứt trừ lòng nghi. Khi chúng ta tưởng nhớ ñến Đức Phật A Di Đà với hào quang vô lượng, với thọ mạng vô cùng, không có gì ñể ñáng nghi ngờ nữa. Vì ñây chính là hình ảnh mà ñức Phật Thích Ca Mâu Ni ñã giới thiệu. Thứ tư là niệm Phật phải quyết ñịnh nguyện. Mỗi người phải tự chăm sóc ñời sống tâm linh của mình. Còn chư Phật chư Tổ chỉ là những người ñưa ñường dẫn lối, chỉ vẽ cho chúng sanh bỏ ác hành thiện; nhưng phát nguyện sanh về ñâu là do tự chúng ta chứ không phải ở nơi các Ngài. Thứ năm là niệm Phật phải hành trì cho thiết thật vãng sanh. Vãng sanh là mục ñích chính của mỗi hành giả tu pháp môn Tịnh Độ. Chúng ta phải tha thiết khi niệm danh hiệu của Ngài trong mọi ñộng thái của cuộc sống như: đi, ñứng, nằm, ngồi v.v... Thứ sáu là niệm Phật phải ñoạn tuyệt phiền não. Phiền não vốn là những chướng duyên trong cuộc sống; nhưng phiền não cũng là Bồ Đề. Vì nếu không có phiền não thì Bồ Đề không có ñối tượng ñể tiến tu.

Khi phiền não ñoạn diệt thì Bồ Đề sẽ hiển hiện nơi nội tâm của mỗi hành giả.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 499

Thứ bảy là niệm Phật phải khắc kỳ cầu chứng nghiệm. Không phải chỉ niệm suông câu Phật hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, mà phải niệm vì thoát ly sanh tử và niệm Phật sẽ thấy ñược những hiện tượng nhẹ nhàng thanh thoát, không thấy ñiềm dữ khi ngủ nghỉ, mà lúc nào hình ảnh chư Phật và chư Bồ Tát vẫn hiện tiền. Điều kế tiếp là niệm Phật phải bền lâu không gián ñoạn. Điều nầy có nghĩa là mỗi ngày, mỗi tháng, mỗi năm chúng ta phải chia ra thời khóa rõ ràng, không ñược lười mỏi, trừ khi bịnh hoạn. Còn lúc nào cũng như lúc nào cũng phải tâm tâm niệm niệm lo cho việc giải thoát sanh tử vậy. Thứ chín là phải an nhẫn những chướng duyên. Khi không tu thì ma chướng không quấy phá mình. Vì mình là bạn của chúng. Ví dụ như ma buồn ngủ, ma phóng dật, ma tham, ma sân, ma si, ma ngã mạn, ma tà kiến v.v... Nhưng khi chúng ta tu, chúng ta quyết tâm hạ thủ công phu; có nghĩa là chúng ta bước ra khỏi hàng ngũ của chúng và bị lây nhiễm nhiều năm tháng rồi. Do vậy chúng ta phải an nhẫn trước những thử thách. Lúc ấy chỉ có câu Phật hiệu Nam Mô A Di Đà Phật là cần chí thành tha thiết mà thôi. Điều thứ 10 cũng là ñiều cuối cùng rất cần thiết và quan yếu cho người tu theo pháp môn Tịnh Độ là dự bị lúc lâm chung. Đây là một ñề tài cấm kỵ ñối với những người hay sợ chết; nhưng ñối với những người Phật Tử hiểu ñạo thì chết chỉ là một việc bình thường thôi. Ai sinh ra trong ñời nầy mà không bị chết. Chỉ khi nào chúng ta không sinh thì chúng ta mới không chết; nhưng sự chết ñối với Đạo Phật không phải là hết. Chết là bắt ñầu lại một kiếp số khác. Kiếp số ấy tốt ñẹp hay xấu xa ñều liên

500 Con đường Tịnh độ

hệ với quá khứ và hiện tại. Do vậy nên cần niệm danh hiệu của Đức Phật A Di Đà ñể cầu sanh Tây Phương sau khi thần thức ñã lìa xa thể xác ở thế giới Ta Bà nầy. Cố Hòa Thượng Thích Thiền Tâm ñã hướng dẫn một cách rõ ràng cho những vị muốn tu theo pháp môn Tịnh Độ. Do vậy, ñây là một tác phẩm quan trọng ñể hành trì khi muốn thực hành pháp môn nầy. Hòa Thượng Thích Trí Tịnh là một bậc danh tăng Việt Nam ở vào thế kỷ thứ 20 bước sang thế kỷ thứ 21 nầy. Nay Ngài ñã 95 tuổi (1917-2011) nhưng vẫn còn minh mẫn. Ngài là một ñại dịch giả chuyên về kinh Đại Thừa; dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt những bộ kinh lớn như: Bát Nhã, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Niết Bàn, Đại Bảo Tích v.v... Chỉ ñặc biệt về kinh, còn luật và luận, Ngài ít dịch. Có lẽ vì kinh nhiều người ñọc tụng; nên Ngài ñã chú tâm về phần nầy. Ngài cũng là một hành giả tu theo pháp môn Tịnh Độ. Chủ trương lập nên Cực Lạc Liên Hữu từ năm 1955. Đây là một tổ chức chuyên tâm niệm Phật cầu vãng sanh do Ngài sáng lập và chủ trì. Từ ñó ñến nay ñã trên nửa thế kỷ rồi, pháp môn nầy ngày càng lan tỏa khắp 3 miền ñất nước Việt Nam. Khi tôi vào Chùa (1964) tôi ñã nghe ba việc căn bản nầy (tính, hạnh, nguyện) rồi và ngay cả như tôi ñã nghe có nhiều vị Pháp Sư giảng nghĩa chữ Nam Mô A Di Đà Phật có 3 nghĩa là: Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ và Vô Lượng Công Đức. Nhưng nay tra cứu kỹ thì chỉ có 2 nghĩa là: Vô Lượng Quang (Amitabha), Vô Lượng Thọ (Amitayus); chứ tuyệt nhiên không có chữ Vô Lượng Công Đức trong ý nghĩa của chữ A Di Đà. Tuy vị Phật nầy

cũng như nhiều vị Phật khác ñều có những công ñức không thể suy lường ñược. Tôi muốn nhấn mạnh như vậy ñể ñời sau không lầm tưởng; nếu không, cứ tiếp tục ñịnh nghĩa như vậy thì không ñúng với ý nghĩa nguyên thủy của nó. Nếu Việt Nam chúng ta có vị Đại Sư nào lập ra tín, nguyện, hạnh như Ngài Ấn Quang tại Trung Quốc là 3 pháp tu dựa theo 3 kinh Tịnh Độ thì ñiều quá quý rồi, ngay cả Hòa Thượng Thích Trí Tịnh. Nếu Ngài ñã phát minh ra 3 từ nầy, chứng tỏ Ngài cũng là một vị Tổ Tịnh Độ Việt Nam ñược truyền thừa và khai tông lập giáo qua tư tưởng ấy. Tín tức là lòng tin. Chúng ta tin có một thế giới như vậy. Nơi ấy có đức Phật A Di đà và chư vị Thánh chúng ñang ñộ sanh. Chúng ta tin nơi cõi Cực Lạc kia có vô lượng chúng sanh ñang ở ñó giống như trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ và kinh A Di đà ñã diễn tả. đồng thời chúng ta tin rằng: Niệm Phật miên mật thì chắc chắn ñược vãng sanh. Nguyện ñây là phát nguyện một cách tinh tấn, dõng mãnh không thối tâm lùi bước. Biết chắc rằng: Sau khi lâm chung sẽ ñược thác sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc của đức Phật A Di đà. Vì vậy người phát tâm phải tin thật sâu, nguyện thật thiết và hành trì thật miên mật, thì việc vãng sanh không phải là ñiều khó thực hiện. Hạnh ở ñây chính là việc hạ thủ công phu với câu Phật hiệu Nam Mô A Di đà Phật. Do chính bản nguyện của của đức Phật A Di đà ñã phát ra 48 lời nguyện khi Ngài còn là một Pháp Tạng Tỳ Kheo và sau khi cõi Cực Lạc ñã thành tựu thì Ngài là giáo chủ tại cõi ấy. Niệm

Phật miên mật ñược vãng sanh là niệm Phật tha lực chứ không phải là niệm Phật tự lực. Vì tự lực niệm Phật chỉ có thể giác ngộ cho chính mình ở cõi nầy, còn nơi Tây Phương Cực Lạc phải do tha lực của đức A Di đà mới có thể thành tựu ñược.

Rút tỉa những kinh nghiệm và quán triệt tư tưởng Tịnh độ ñối với Phật Tử Việt Nam

Niệm Phật ñược vãng sanh thì ñã có không biết bao nhiêu là câu chuyện ñược kể. Từ Trung Quốc ñến Tây Tạng, từ Nhật Bản ñến Việt Nam, từ Trung Quốc ra hải ngoại ngày nay. Các gương „Niệm Phật vãng sanh lưu xá lợi“ là những thành quả của những người tu theo pháp môn nầy. Có nhiều người nói rằng: Ngày xưa đức Phật tu thiền chứng đạo; chứ Ngài có niệm Phật ñể thành Phật ñâu ? điều ấy không sai; nhưng ngoài Thiền không có Tịnh độ và ngoài Tịnh độ không có Thiền. Bởi vì thời đức Phật còn tại thế, căn cơ và nghiệp lực của chúng sanh còn dễ hướng thượng ñể tu Thiền. Ngày nay, nhất là trong thời kỳ mạt pháp nầy, theo như chư vị Tổ Sư vẫn thường hay ñề cập ñến, thì việc tu Thiền không phải ñơn giản ñể thành tựu quả vị Phật trong ñời nầy. Số nầy tương ñối ít, chỉ ñể dành cho những bậc Thượng Căn Thượng Trí. Còn Pháp môn Tịnh độ cũng chính do đức Phật lịch sử Thích Ca Mâu Ni nói ra và dành cho ñại ña số quần chúng, chứ không nhất thiết chỉ ñể dành riêng cho một hạng người nào. đây là cảnh giới giải thoát có xen tạp với ñủ hạng người; nhưng vì lòng bi mẫn của đức Phật A Di đà mà Ngài ñã phát ra 48 lời nguyện ñể trang nghiêm quốc ñộ của Ngài.

Ngay cả bản thân tôi, khi mới ñến xứ đức (1977) cũng vì phương tiện dùng Thiền Tào động (Thiền Mặc Chiếu) ñể ứng dụng cho mình và hướng dẫn những người đức tu học. Sau nầy tôi hướng dẫn họ vào Tịnh độ một cách dễ dàng; nhưng người Tây Phương nếu muốn tu Tịnh độ, chắc cần phải một thời gian lâu dài hơn nữa, họ mới có thể quán triệt hết pháp môn nầy. Riêng ñối với người Việt Nam tại đức, tôi là người ñầu tiên ñến khai sơn, truyền bá đạo Phật tại ñây; người mà xuất thân từ Lâm Tế của quê hương xứ Quảng Nam, học Nhật Liên Tông ở Nhật, ứng dụng Thiền Tào động tại đức và tu theo pháp môn Niệm Phật. Do vậy long vị của tôi ngày sau khi tôi ra ñi chắc nên viết như thế nầy:

Hán Việt Việt Ngữ

Việt Tông Nam Lâm Lâm Tế Tế Việt Tông Nam Viên đức Lai Ra Phương đến tịch Quốc Thế đi Trượng đây ư Khai Kỷ Ngày Khai Ngày : Sơn Sửu : Sơn Hai

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 505

Niên Phương Niên Tháng Chùa Tám
: Trượng Nhứt : Viên Tháng
Nguyệt Viên Củu Năm Giác Sáu
: Giác Tứ : Nước Năm
: Tự Cửu : đức Một
Nhựt Tứ Lục Sống đời Chín đạo Thập Nguyệt đạo Thứ Bốn
Thọ Nhứt Nhị : Bốn Mươi
: Thế Thập : Mốt Chín
: Thượng Bát Năm Pháp
Tuế Như Nhựt Danh
Hạ Như điển điển tự tự
Giải Giải
Minh Minh
Hiệu Hiệu
Trí Trí
Tâm Tâm
Hòa Hòa
Thượng Thượng
Liên Tòa
Tòa Sen
506 Con đường Tịnh độ

Sau khi tìm hiểu ngọn ngành của Tịnh độ Tông từ Ấn độ truyền sang Trung Quốc rồi đại Hàn, Nhật Bản, tôi thấy các nước nầy có sự truyền thừa rất rõ rệt và các vị Tổ Sư ñã vang bóng một thời, xây dựng nên ñạo nghiệp. Còn riêng Việt Nam chúng ta, quê hương nhiều bất hạnh; nhưng không phải là thiếu sự truyền thừa. Tôi chỉ mong ở những thế hệ sau nầy tiếp nối con ñường làm rạng danh Tổ đức. Còn với tôi trong hiện

tại (2011), tuổi ñời ña 63, tuổi ñạo 48, hạ Lạp 41. Do vậy mà những ñiều gì khó khăn hơn xin trao lại cho tương lai của tuổi trẻ và riêng phần mình, tôi chỉ xin ñơn cử những ñiều cần yếu như: Việc niệm Phật ñể cầu vãng sanh nên dựa vào ba kinh Tịnh độ làm chính. Từ ñó chúng ta lấy 3 bộ kinh nầy làm căn bản ñể phát triển việc vãng sanh. Theo tôi có 3 ñiều kiện cần yếu như sau: Thứ nhất: Niệm Phật chắc chắn ñược vãng sanh về cõi giới Cực Lạc. Vì lẽ qua bản nguyện của đức Phật A Di đà cũng như tha lực của Ngài, căn cứ theo lời nguyện thứ 18, tất cả chúng sanh ñều sanh về thế giới nầy. (Theo kinh Vô Lượng Thọ). Thứ hai: Niệm Phật chắc chắn ñược vãng sanh về cõi Cực Lạc. Vì lẽ qua kinh Quán Vô Lượng Thọ, đức Phật ña chỉ bày cho bà Hoàng Hậu Vi đề Hy quán tưởng cũng như đệ nhất Tổ Sư Tịnh độ Việt Nam Ngài đàm Hoằng ña thực hiện; nên việc niệm Phật và quán tưởng cảnh giới và hình ảnh chư Phật rất cần thiết cho việc vãng sanh. (Theo kinh Quán Vô Lượng Thọ). Thứ ba: Niệm Phật chắc chắc ñược vãng sanh về cõi giới Cực Lạc. Vì lẽ thế giới nầy do đức Phật

A Di đà biến hóa và thành tựu. Từ chim chóc, ao hồ, cảnh trí v.v... Thế giới biến hóa ấy ña làm cho chư Phật trong 10 phương phải ngợi khen. Do vậy khi niệm Phật nên nghĩ tưởng rằng: Cõi nầy là cõi hóa sanh. (Theo kinh A Di đà). Theo tôi, người ñời sau chỉ cần niệm Phật và việc ñược sanh về cõi giới Cực Lạc là do đức Phật A Di đà tiếp dẫn, không có gì ñể lo lắng cả. Vì niệm Phật chắc chắn ñược vãng sanh và sẽ thành Phật. điều nầy dựa theo 3 kinh căn bản trên của Tịnh độ Tông và theo phần quán về Hạ Phẩm Hạ Sanh trong kinh Quán Vô Lượng Thọ cũng như phẩm Phạm Hạnh trong kinh đại Bát Niết Bàn. đây là chứng cớ: Dẫu cho kẻ ấy có bị phạm tội ngũ nghịch hay nhứt xiển ñề, cuối ñời nếu phát tâm niệm Phật vẫn ñược sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc như thường. Nhưng ñiều kiện quan trọng là chúng sanh ấy phải biết tàm quý (xấu hổ) về những nghiệp cũ mình ña gây tạo ra trong bao ñời trước và phải nhờ có thiện hữu tri thức gần gũi trong lúc lâm chung, khuyên ta niệm Phật. Nếu thiếu 1 trong 2 ñiều kiện nầy thì thai cung biên ñịa của cõi Cực Lạc thế giới kia cũng khó sanh vào, dẫu cho đức Phật A Di đà và chư vị Thánh chúng Quan Thế Âm Bồ Tát và đại Thế Chí Bồ Tát vẫn có ý chờ ñợi ta nơi cõi Vô Sanh ấy. Thời gian sau 100 năm, 500 năm hay 1.000 năm có trôi qua ñi nữa, ñây chính là tư tưởng của tôi (Thích Như điển) về Tịnh độ, mà tôi muốn rút tỉa những kinh nghiệm ña nghiên cứu và mong rằng quý Phật Tử Việt Nam ở trong cũng như ngoài nước nên quán triệt ñiều nầy ñể thực hành thì quả là công ñức không nhỏ.

508 Con đường Tịnh độ

Sau ñây là phương pháp hành trì. A- Cho từng cá nhân : Nếu tự mình niệm Phật thì không phải là vấn ñề khó. Vì mình làm chủ việc nầy. Việc niệm Phật nầy có thể thực hiện nơi nhà riêng, trước bàn thờ Phật hay khi nằm (nếu bịnh hoạn). Trên tay cầm xâu chuỗi, miệng luôn luôn niệm thành tiếng hay niệm thầm 6 chữ Hồng Danh Nam Mô A Di đà Phật; nhưng phải chú ý về 3 ñiều kiện ña nên trên; nếu niệm chỉ ñể niệm thì việc niệm Phật cũng ích lợi; nhưng không sâu sắc và không thể vãng sanh về ở phẩm vị cao hơn nơi thế giới Tây Phương Cực Lạc. Cũng có thể niệm ñếm số (niệm Phật công cứ) ñể

biết rằng mỗi ngày mình ñã niệm ñược bao nhiêu và tổng kết hằng tháng, hằng năm có chư Tăng Ni chứng minh ñể ñược lợi lạc. B- Cho tập thể : Việc nầy có nhiều cách. Ví dụ như ở đạo Tràng Tu Bát Quan Trai, đạo Tràng Niệm Phật, niệm khi có người mất, tuần thất, khóa tu học nhiều người v.v... Việc nầy cần trang nghiêm và ñều ñặn từng trong ñộng tác một của ñi, ñứng, nằm, ngồi. Người Nhật, người Hoa thể hiện việc nầy rất ñồng bộ. Riêng Phật Tử Việt Nam ở trong nước chỉ mới thấy ñược đạo Tràng chùa Hoằng Pháp tại Hóc Môn là có quy củ nhất. Trong khi ñó ở ngoại quốc ngày nay chưa thấy nơi nào có ñược quy củ như vậy. Ví dụ đạo Tràng Tu Bát Quan Trai: Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, đức Phật dạy rằng: Nếu ở cõi Ta Bà

nầy có người nào tu tập thanh tịnh trong một ngày một ñêm thì công ñức ấy bằng một năm ở thế giới Tây Phương Cực Lạc. Nếu kẻ nào tu ñược nhiều ngày nhiều ñêm thanh tịnh, thì ở thế giới Cực Lạc bằng nhiều năm như vậy. Pháp tu nầy đức Phật ñã hướng dẫn cho Vua Tần Bà Sa La, thân phụ của Vua A Xà Thế, lúc bị con mình giam vào tù. Nhà vua ñã ñích thân thực hiện việc nầy trong nhiều năm tháng. Cho nên khi vua chết, ñã ñược sanh Thiên. Vì sao tu Bát Quan Trai giới ở thế giới Ta Bà mà ñược thành tựu như vậy ? – Vì lẽ cõi nầy là cõi ác, cõi không thanh tịnh... mà người nào có tâm thanh tịnh ñể giữ gìn 8 giới pháp ấy trong một ngày một ñêm, thì kết quả lại ñược như vậy. Thông thường Bát Quan Trai người ta cũng có thể tự thọ ở nhà; nhưng ngày nay thì thường hay tổ chức tại Chùa hay ở những nơi công cộng vào cuối tuần hay 14, rằm; hoặc 30, mồng một, ñể mọi người có thể dễ tụ họp và sám hối, tụng kinh, niệm Phật, lễ bái... trong những ngày chay tịnh ấy. điều chúng tôi muốn ñề cập ở ñây là làm sao cho thành nếp, mới là ñiều ñáng quý. Quý đạo Hữu, Phật Tử nên có những chiếc áo tràng màu lam thanh lịch. đây thuộc về lễ phục, mà chỉ riêng Phật Tử Việt Nam mới có; còn Phật Tử các nước khác trên thế giới không ăn mặc ñồng ñều như chúng ta. Tuy nhiên vấn ñề hàng ngũ không ngay ngắn và việc lễ bái, kinh hành niệm Phật lúc ñi cũng như lúc lạy xuống, lúc ñứng lên chưa ñều. Mặc dầu ñã có tiếng khánh, tiếng chuông dẫn lễ ñi kèm; nhưng người già kẻ trẻ lạy lên xuống chưa ñồng ñều. Do vậy từ ngoài nhìn vào thấy lổm chổm khó coi. Ngay cả tiếng tụng kinh và niệm Phật cũng vậy, phải

nên ñồng giọng; cao thấp ñều hòa thì mới trang nghiêm. Khi chúng ta ñi xem một buổi hòa tấu hay một ñiệu múa, chúng ta sẽ nhận ra ñược ñiều ấy. Chúng ta cho là ñiệu múa hay, vì những người múa ñều và chúng ta nghe hòa tấu cảm thấy thích thú, vì mọi âm ñiệu, tiết tấu, ñều hòa nhau, ăn khớp với nhau. Ở ñây niệm Phật cũng vậy. Có thể có nhiều cách niệm khác nhau; nhưng vấn ñề quan trọng là hòa. điểm nầy Phật Tử Việt Nam chúng ta ở trong cũng như ngoài nước cần lưu ý. đạo Tràng Niệm Phật thì số lượng người tham gia chắc chắn ñông ñảo và về ñây chỉ có một việc duy nhất là niệm Phật. Có thể kéo dài trong suốt một ngày, hai, ba cho ñến bảy ngày như vậy. Ở Âu Châu mỗi năm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại ñây tổ chức những khóa tu học Phật Pháp trong 10 ngày cho trên dưới 1.000 người ở mỗi nước khác nhau. Năm nay 2011 tổ chức tại Áo có 1.024 người tham dự trong kỳ thứ 23 nầy và kỳ thứ 24 sẽ tổ chức

tại Anh Quốc (Birmingham) từ ngày 26 tháng 7 ñến ngày 5 tháng 8 năm 2012. Cứ mỗi kỳ như vậy ñều dành ra một ngày niệm Phật miên mật từ sáng cho ñến chiều tối. Mỗi lần niệm chừng 2 tiếng ñồng hồ và chia ra làm 4 nhóm khác nhau. Việc niệm Phật có thể thực hiện các việc như : - Tụng kinh Tịnh độ - Kinh hành nhiễu Phật - Lễ bái 48 lời nguyện của đức Phật A Di đà. Trong khi tại Việt Nam, đạo Tràng tu niệm Phật ở chùa Hoằng Pháp mỗi lần như thế quy tụ cả 5,7 ngàn người. đây là một ñạo tràng tương ñối có quy củ, có tổ

chức. Từ việc ăn uống, ngủ, nghỉ cho ñến việc tụng kinh, bái sám v.v... Những đạo Tràng Niệm Phật như vậy chủ yếu việc tu hành niệm Phật là chính. Còn nghe pháp cũng như tọa ñàm thì không cần nhiều. Vì lẽ ở những khóa học khác ñã nghe rồi. Còn đạo Tràng Niệm Phật nên chuyên tu nhiều hơn. Tại chùa Viên Giác Hannover cũng như các Chùa khác tại xứ đức và Âu Châu mỗi năm ñều căn cứ vào các ngày lễ vào cuối năm, hay hè hoặc lễ vía cũng tổ chức những tuần lễ Phật thất như vậy. Mỗi lần quy tụ ñược cả mấy trăm người; nhưng vấn ñề ñều nhau ở mọi phương diện vẫn chưa thực hiện ñược. Tôi không biết tại sao? đâu là lý do chính ? Bây giờ mọi người Phật Tử ở trong cũng như ngoài nước ñều ham tu; nhất là môn niệm Phật. Vì lẽ ñây là pháp hành. Nếu thực hành pháp niệm Phật một cách miên mật thì âm thanh ấy, hình ảnh trang nghiêm cả ngàn người ấy chư Thiên sẽ ngoảnh tai lại ñể nghe. Chư vị Bồ Tát sẽ nở nụ cười hoan hỷ và đức A Di đà ở xa xa phóng quang ñến và Ngài sẽ bảo rằng: „Một hoa sen nơi cõi Tây Phương Cực Lạc ñang chờ ñợi con ñó!“. Niệm Phật mà chư Thiên, chư vị Bồ Tát Thánh Chúng, chư Phật trong 10 phương thế giới còn phải quan hoài ñến thì huống chi là loài người. Dầu cho vị ấy có tu Thiền hay tu Mật ñi nữa mà nghe tiếng niệm Phật của cả 1.000 người ñều ñặn, trầm bổng và khi nhìn thấy hàng lối thẳng tắp hoặc lúc quỳ ñảnh lễ thấy nhịp nhàng thì tim của Thiền Sư sẽ ñập nhịp khác; mắt Thiền Sư sẽ nhìn khác về những người ñang quyết tâm tu học cầu giải thoát nầy.

Việc hộ niệm khi có người sắp lâm chung là vấn ñề quan trọng. Phần nầy ñối với Phật Tử Việt Nam tại ngoại quốc ít có cơ hội thực hiện miên mật, vì người mất ở xa nơi mình cư ngụ; nhưng ở Việt Nam thì có thể dễ dàng hơn. Các vị đại Sư ñến hộ niệm cho người sắp lâm chung nên giảng về vô thường, vô ngã, khổ, không v.v... Vì lúc cận tử nghiệp ñến người ấy ñang ở trong trạng thái lâm sàng rất cần những lời khuyên nầy và lúc ấy họ nghe dễ hiểu cũng như chấp nhận những gì vị đạo Sư khuyên dạy dễ dàng hơn. Dẫu sao ñi nữa thì người sắp mất cũng phải học buông xả ngay lúc nầy. Riêng phần những người Phật Tử ñến hộ niệm chỉ nên ñứng hai bên giường người sắp mất ñể niệm Phật và không nên ñứng phía dưới chân giường. Vì phía dưới cơ thể là nơi tâm thức của người ấy xuất ra ñể ñi ñầu thai hoặc vãng sanh. Chỉ riêng vị đạo Sư nên ñứng bên trên ñầu của người sắp mất ñể giảng pháp hoặc hộ niệm khi đại Chúng niệm Phật. Riêng phần nghi lễ ma chay của Việt Nam ở trong nước vẫn còn rườm rà; nhưng ở ngoại quốc ngày nay ña phần ñã ñược ñơn giản hóa theo những tục lệ và hoàn cảnh ñịa lý nơi có người Việt Nam cư ngụ; nhưng ñiều thiết yếu là những lễ nghi căn bản truyền thống

không làm cho nó mất ñi, mà cố gắng giữ lại ñược phần căn bản nào thì hay phần ấy. Hơn 3 triệu người Việt Nam ñang có mặt trên thế giới ngày nay ñang sinh sống thì cũng sẽ có hơn 3 triệu cái chết như thế. đó là chưa kể ñến việc sinh sôi nảy nở trong 10, 20 hay 30 năm nữa trên quả ñịa cầu nầy. Nếu là Phật Tử, chúng ta lo chuẩn bị trước cho sự ra ñi của mình, thì tang lễ và những ngày tuần thất của thân nhân chúng ta sẽ tương ñối ít bỡ ngỡ.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 513

Bằng ngược lại, chẳng có một sự lo toan nào cả, khi việc quan trọng của ñời người ñến, lúc ấy chẳng biết xoay xở làm sao cho hợp tình hợp lý ñây. đó là một trong những vấn ñề quan trọng của cuộc ñời. Khi ñến thăm nhà một người Nhật, một người đại Hàn hoặc giả ñến những ngôi Chùa hoặc những nơi trang nghiêm ñược thờ tự của họ, chúng ta thấy cảm mến. Vì lẽ không ai bảo ai, trước khi bước vào nhà hay vào chùa tất cả giày dép ñều tự ñộng cởi ra và họ tự ñộng sắp thành hàng ngay ngắn ñể chiếc giày hay ñôi dép quay mặt ra phía ngoài ñể khi lễ xong, cúi xuống xỏ chân vào giày dép ñược thuận chiều. Một người cũng vậy, 10 người cũng vậy, 100 người cũng thế hay dẫu cho 1.000 người cũng vậy thôi. đây là một nét ñẹp truyền thống. Vì lẽ người lớn, người già, con trẻ ai ai cũng tuân thủ theo quy luật tự nhiên nầy, trong khi ñó người Việt Nam chúng ta vẫn tôn trọng ngôi Tam Bảo, vẫn lễ bái nguyện cầu; nhưng nếu ai ñó có lưu tâm về những ñôi giày ñôi dép ñể ở phía trước hàng ba của Chùa hay trước cửa nhà tư nhân... thì chúng ta thấy chưa hoàn toàn lắm, vẫn còn thiếu trật tự và trách nhiệm tự thân của mỗi người. Như bên trên chúng tôi ñã có lần ñề cập ñến người Nhật họ xây dựng ñất nước họ bằng chỉ 3 ñiều tâm huyết mà thôi. đó là: - đúng giờ - Sạch sẽ - Tin tưởng với nhau

514 Con đường Tịnh độ

đây là những bài học căn bản của một ñại cường quốc Á Châu mà 130 triệu người ấy ñã có hơn 2 phần 3 hay nói ñúng hơn là gần như 100% ñều thực hiện ñược. Cho nên nước của họ mới giàu, dân của họ mới mạnh như vậy. Còn dân tộc ta ngày nay có mặt ở khắp nơi trên quả ñịa cầu nầy, so sánh về phương diện cá nhân giữa người nầy và người khác, chúng ta chẳng thua ai cả; nhưng so sánh một tập thể, kể cả tập thể của Tôn Giáo thì chúng ta cần phải học hỏi ở những dân tộc đông Phương và Tây Phương gấp nhiều lần hơn thế nữa thì chúng ta mới ñáng hãnh diện là người có ý thức cao trong thế giới tâm linh cũng như thế giới hữu hình nầy. Khởi ñi từ những ý niệm ñơn giản lúc ban ñầu là làm sao tạo ñược một hệ thống, nhất là hệ tư tưởng của Tịnh độ Tông Việt Nam. Cho nên sau bao nhiêu năm suy nghĩ, tìm ñọc các sách vở đông Tây, cũng như thể hiện cuộc ñời của mình như là một hành giả nhiệt thành với Tịnh độ Tông, tin tưởng tuyệt ñối vào pháp môn niệm Phật của chư Tổ ñã khai tông lập giáo tự ngàn xưa và ngay tự ngàn sau, những người tu theo pháp môn nầy cố gắng giữ gìn những nghiệp lành, tô bồi những phước ñức, thể hiện lòng từ bi, lợi tha ñối với muôn loài, nhằm hướng ñời mình ở tương lai có thể sanh vào thế giới cao cả hơn bây giờ; nơi ñó không có luân hồi sanh tử chi phối và nơi ấy không phải bị lòng tham vị kỷ của con người khuynh loát, mà chỉ toàn là ánh sáng chân lý, những lời pháp ngọt ngào êm dịu, nhằm ñưa nhân

sinh ñi vào cảnh giới rốt ráo giải thoát sanh tử luân hồi, thì ñó mới là ñiều ước nguyện của chính tôi, chư Tổ và các vị Bồ Tát trong ñời nầy. Nhờ vậy mà chúng ta mới có cơ hội ñể ñược dự phần trong ấy.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 515

Xin tặng người một ñóa sen giác ngộ giải thoát ở thế giới Tây Phương Cực Lạc và xin cùng người phát tâm niệm lớn câu Phật hiệu Nam Mô A Di đà Phật ñể tất cả chúng ta và chúng sanh ñều sớm thành Phật đạo. Xin chắp hai tay ngang ngực, thành kính hướng về cảnh giới phương Tây; nơi có đức Phật A Di đà ñang giáo hóa chúng sanh và nhị vị Bồ Tát Quan Thế Âm, đại Thế Chí ñể ñảnh lễ và trì niệm danh hiệu của các Ngài ñể hồi hướng những phước báu nếu có ñược cho những ai ñó có cơ duyên ñọc ñược tác phẩm nầy và hồi hướng cho họ sớm lìa xa ác trược nơi cảnh giới Ta Bà ñể ñược sanh về Tây Phương Cực Lạc sau khi ñã thành tựu những công hạnh tại thế gian nầy. Hồi hướng Công ñức sáng tác rất nhiệm mầu Vô biên thắng phước ñều hồi hướng Khắp nguyện chúng sanh trong pháp giới đều ñược vãng sanh về Cực Lạc.

Thích Như điển

Núi ñồi đa Bảo vùng Blue Mountains, New South Wales Úc đại Lợi ngày 2 tháng 12 năm 2011, nhân lần nhập thất, tịnh tu lần thứ 9 tại ñây.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 517

Cùng Một Tác Giả

1 Truyện cổ Việt Nam 1 & 2 * Nhật ngữ 1974, 1975 3 Giọt mưa ñầu hạ * Việt ngữ 1979 4 Ngỡ ngàng * Việt ngữ 1980 5 Lịch sử Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại Việt & đức ngữ 1982 trước và sau năm 1975 * 6 Cuộc ñời người Tăng sĩ * Việt & đức ngữ 1983 7 Lễ nhạc Phật Giáo * Việt & đức ngữ 1984 8 Tình ñời nghĩa ñạo * Việt ngữ 1985 9 Tìm hiểu giáo lý Phật Giáo * Việt & đức ngữ 1985 10 đời sống tinh thần của Phật Tử Việt Việt & đức ngữ 1986 Nam tại ngoại quốc 11 đường không biên giới * Việt & đức ngữ 1987 12 Hình ảnh 10 năm sinh hoạt Phật Giáo Việt & đức ngữ 1988 Việt Nam tại Tây đức 13 Lòng từ đức Phật * Việt ngữ 1989 14 Nghiên cứu Giáo đoàn Phật Giáo thời dịch từ Nhật ngữ nguyên thủy I, II *, III * ra Việt & đức ngữ 90, 91, 92 17 Tường thuật về đại hội Tăng già Phật Việt, Anh, Giáo thế giới kỳ 5 khóa I đức ngữ 1993 tại Hannover, đức Quốc 18 Giữa chốn cung vàng * Việt ngữ 1994 19 Chùa Viên Giác Việt ngữ 1994 20 Chùa Viên Giác đức ngữ 1995 21 Vụ án một người tu * Việt ngữ 1995 22 Chùa Quan Âm (Canada)* Việt ngữ 1996 23 Phật Giáo và con người * Việt & đức ngữ 1996 24 Khóa giáo lý Âu Châu kỳ 9 Việt & đức ngữ 1997 25 Theo dấu chân xưa * Việt ngữ 1998 (Hành hương Trung quốc I) 26 Sống và chết theo quan niệm của Phật Việt & đức ngữ 1998 Giáo * 27 Hội kiến với đức đạt Lai Lạt Ma Việt & đức ngữ 1999 28 Vọng cố nhân lầu Việt ngữ 1999 (Hành hương Trung Quốc II) 29 Có và Không Việt & đức ngữ 2000 30 Kinh đại Bi * Việt & đức ngữ 2001 (dịch từ Hán văn ra Việt văn) 31 Phật thuyết Bồ Tát Hành Phương Tiện dịch từ Hán văn 2001 Cảnh Giới Thần Thông Biến Hóa Kinh* ra Việt ngữ

518 Cùng Một Tác Giả

32 Bhutan có gì lạ? Việt ngữ 2001 33 Kinh đại Phương Quảng Tổng Trì * dịch từ Hán văn 2002 ra Việt ngữ 34 Cảm tạ xứ đức * Việt & đức ngữ 2002 35 Thư tòa soạn báo Viên Giác trong 25 Việt ngữ 2003 năm (1979 - 2003,2004) 36 Bổn sự kinh * dịch từ Hán văn ra 2003 Việt ngữ 37 Những ñoản văn viết trong 25 năm Việt & đức ngữ 2003 qua 38 Phát Bồ đề Tâm kinh luận * Dịch từ Hán văn 2004 sang Việt ngữ 39 đại đường Tây Vức Ký Dịch từ Hán văn 2004 sang Việt ngữ 40 Làm thế nào ñể trở thành một người Việt ngữ 2004 tốt 41 Dưới cội bồ ñề Việt ngữ 2005 42 đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận Dịch từ Hán văn 2005 sang Việt ngữ 43 Bồ đề Tư Lương luận * Dịch từ Hán văn 2005 sang Việt ngữ 44 Phật nói luận A Tỳ đàm về việc thành Dịch từ Hán văn 2006 lập thế giới sang Việt ngữ

45 Giai nhân và Hòa Thượng Việt ngữ 2006 46 Thiền Lâm Tế Nhật Bản Dịch từ Nhựt ngữ 2006 ra Việt ngữ 47 Luận về con ñường giải thoát Dịch từ Hán văn 2006 sang Việt ngữ 48 Luận về bốn chân lý Dịch từ Hán văn 2007 sang Việt ngữ 49 Tịnh độ tông Nhật Bản Dịch từ Nhật ngữ 2007 sang Việt ngữ 50 Tào động tông Nhật Bản Dịch từ Nhật ngữ 2008 sang Việt ngữ 51 Phật Giáo và khoa học Việt ngữ 2008 52 Pháp ngữ Việt ngữ 2008 53 Những mẩu chuyện linh ứng của đức Dịch từ Nhật ngữ 2009 địa Tạng Vương Bồ Tát sang Việt ngữ 54 Nhật Liên tông Nhật Bản Dịch từ Nhật ngữ 2009 sang Việt ngữ 55 Chân Ngôn tông Nhật Bản Dịch từ Nhật ngữ 2010 sang Việt ngữ 56 Chết an lạc, tái sanh hoan hỉ Dịch từ Anh ngữ 2011 sang Việt Ngữ với Thích Ngưyên Tạng 57 Chuyện tình của Liên Hoa Hòa Thượng Việt Ngữ 2011

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 519

- Xuất bản trong năm 2012 -

58 Tư tưởng Tịnh độ Tông Việt ngữ 2012

59 Những bản kinh căn bản của Tịnh độ Dịch từ đức ngữ 2012 Tông Nhật Bản sang Việt ngữ

60 Dưới bóng ña chùa Viên Giác Việt ngữ viết 2012 chung với Trần Trung đạo

Chú thích : (*) hết

Quý vị muốn download những bài giảng pháp của Hòa Thượng Phương Trượng Chùa Viên Giác Hannover thì xin vào trang :

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 521

Danh sách quý đạo Hữu & Phật Tử phát tâm ấn tống quyển Tư Tưởng Tịnh độ Tông

(USA/Westminster): Thiền đường Mây Từ 100US. Ẩn danh 40US. Ẩn danh 100US. (Fremont): NPđ Fremont 500US. Sư Cô TN Hạnh Trì 300US. Justin đỗ 50US. Nguyên Thanh Diệu Châu 20US. Quảng Ngọc (Sacramento) 40US. (San Jose): đồng Từ 40US. Thiện Hội 100US. Nhóm Phật Tử Phổ Hiền 100US. (Texas): Sư Chú Hạnh Hoa 200US. Gñ. đh Phúc đạt 60US. (Houston): Bạch Liên 50US. Trí Thanh & Diệu Huệ 100US. Các Chùa Việt Nam tại Houston 100US. Tâm Minh Lý 20US. Thiện Tâm & Thiện Giải 50US. (Oklahoma): Diệu Châu & Minh Lý 50US. Hiền Thảo, Quang Phú, Christy Kleinke, Stefan

Kleike 500US. Thanh Bảo 50US. Gñ. Chơn Hiền Thảo, Quang Phú, Richard Trần và Christy Kleinke & Stefan Kleinke 300US. Thầy Thích Trúc Thái Bảo 50US. Thanh Lưu Pd Phương Quả 200US. Gñ. Phương Thảo, Nguyễn Quốc Hưng, Nguyễn Thụy Thanh Hà & Nguyễn Thị Thanh Hiền 50US. Hoàng Lưu 50US. Diệu Thanh 30US. Gñ. Phương Hiển 100US. Tố Nguyễn & Lương Văn Ngọc 40US. Tâm Như 30US. Thiện Bổn & Ngọc Liên Hoa 20US. Viên Lạc 20US. Bửu Hiền 20US. Chơn Trí & đồng Lực 20US. Diệu Liên 40US. Yến Ngọc & Quang đạt 100US. Diệu Hạnh 20US. Hồng Liên 20US. Quang Hòa 100US. Từ Nhẫn 5US. Diệu Nữ 100US. Linda 20US. Gñ. Diệu Hoàng Nguyễn Bá Thuận 100US. Mỹ Hiếu 100US. Gñ. Phương Viên & Gñ. Nguyên Kế 100US. Phương An 20US. Phương Xuân 20US. Trần Thị Thanh Thu & Nguyễn Trần Lily 40US. Chơn Hiền Bảo 10US. Ẩn danh 5US. Chánh An & Chánh Tấn 50US. Phương Hòa 20US. Khánh Thê 50US. Nguyễn Dương Jack 50US. Viên Dung 20US. Phương Huyền 20US. Gñ. Quang Nhựt, Nhựt Hướng, Phương Hồng & Phương Ngọc 90US. Loan Huỳnh 40US. Phương Trí 20US. Ngụy Bích Vân 50US. Phương Hương 50US. (Wichita): Quảng đạo & Quảng Ngộ 100US. Diệu định & Minh Hỷ 30US. (Las Vagas): Ẩn danh 100US. Tâm Nguyện 200US. Ẩn danh 30US. Hiền Ngô (Long Beach) 100US. Nguyễn Xuân Mai Tâm Diệu Lạc (Santa Ana) 100US. Dr. Phạm Hiếu Trung (Tulsa) 50US. (Mineapolis): Diệu Giàu 50US. Diệu Kim & Nguyên đức 50US. HHHL Nguyễn Kim đức Pd. đồng Viên 50US. Tâm Cao Nguyễn Thị Lầu 30US. đồng Mai Trương Thị Kim Chi 50US. Ẩn danh 20US. Ẩn danh

200US. Thái Minh Huệ 50US. Tâm Thọ 30US. Nguyên Tú 30US. Thiện Giàu 100US. Bob Ness New 30US. Diệu Hồng Bạch 100US. đồng Hoa Lưu Thoại Anh 350US HH cho Trần Văn Long & các con. Trí Viên & Diệu Thủy 50US. đạo Ngọc 50US. Margaret 100US. đồng Lạc 50US. (Chicago): Thiện Giới Tạ Kim Hương 100US. Minh Thành & Diệu Phước 30US. Tâm Hân Huệ (Washington DC) 100US. (Philadelphia): Nguyễn Thúy Phượng 50US. Chơn Minh & Diệu Phúc 100US. Quảng Phước & Quảng Thuận 50US. (Virginia): Chánh Tâm Hiền & Chơn Tâm Phước Trần Văn Triết 300US. Diệu Pháp Hồ Thị Lan Phương 30US. Tâm Hóa 30US. Quý Phật Từ chùa Hoa Nghiêm 1.000US. Từ Ngọc (New York) 300US. (Jacksonville): Minh Quang & Châu Ngọc 1.000US. Sư Chú Thân Phụng 100US. đồng Ngọc 30US. Cô Bảy Bagdon và gia ñình 1.000US. Nguyễn Mỹ Diệu 100US. Nga Kiệt 100US. Nguyễn đông 50US. Gñ. đh Nguyên Hùng 500US HHHL Nguyễn Văn Kiêm Pd Thiện đức. Gñ. đh Nguyên Hựu 500US HHHL Nguyễn Văn Kiêm Pd Thiện đức. Quý Phật Tử ẩn danh 40US. Châu Ngọc Nguyễn Lê đức 1.000US. Lê Thanh Vĩnh 50US. Lý Bình Hòa 100US. Lý Thị Quỳnh Hương 40US. Trần Ngọc đóa 50US. Jodimy Strong 100US. Nguyễn Tuấn & Hồng 40US. Dương Thị Em 50US. Bùi Hữu Nghĩa 50US. Nguyễn Quyền Thọ 30US. Trần Kim Anh 50US. Quang Hồng Tiếng 50US. Phạm Mỹ Yến 20US. Nguyễn Quốc Quỹ 50US. Huỳnh Lý 50US. đào Thị Chín 20US. Nguyễn Thị Thái Bình 50US. Nguyễn Thị Khâm 50US. Phạm Văn đông 50US. Lê Thị Nga 50US. Lý Nguyệt Hương 20US. Viên Liên 20US. Phạm Thịnh 50US. Thiện Hiện & Thiện Vũ 500US. Dương Xuân Hồng 50US. Trương Chớ & Lê Yên 50US. Hà Ích 20US. Ngọc Phước 20US. Ngọc Trang 20US. Ngọc Thọ 20US. Phú Cúc 20US. Bùi Thị Tánh 20US. Trần Thị Quỳnh Nhi 50US. (Orlando): đđ Thích Giác Tâm, Tịnh Thất Viên Không 100US. Thành Tuệ & Diệu Phượng

100US. Minh Kính & Diệu Bửu (Gainesville) 50US HHHL Thân mẫu Diệu Quý & Diệu Pháp. Cộng: 15.430 USD

Canada: Thiện Tánh & Thiện Trí (Quách Thanh Dần & Nguyễn Tô Huệ) 100Can. Diệu Lợi 100Can. Diệu Bích 100Can. Sư Cô TN Hỷ Lạc 100Can. Cô TN Phước Bình 50Can. Cô Huệ Bửu 100Can. Quán Tu 100Can. Thiện Tài & Thiện Hiếu 300Can. PT Nguyên Quang & các con 500Can. Cộng: 1.450 CAD

Úc đại Lợi: Tâm Huệ 100Úckim. Gñ. Trần Minh Trí 50Úckim. Dung Thông 20Úckim. Diệu Ngọc 20Úckim. Thiện đăng & Huệ Ngọc 50Úckim. Như Huệ 50Úckim. Diệu Hạnh 20Úckim. Tiên Ngọc 50Úckim. Hương Ngọc 50Úckim. Ngọc Thảo 50Úckim. Quảng Thanh 200Úckim. Diệu Hồng 200Úckim HHHL Ông Bà Cha Mẹ và thân nhân quá vãng ñược vãng sanh. Lương Hải Bằng, Trần Bùi Sênh, Ý Ngọc & Ngô Cúc Hoa 100Úckim. Lê Tâm 50Úckim. Thiên Tường & Diệu Tịnh 50Úckim. đức Phương 50Úckim. Gñ. Hiếu Ngọc Nguyễn Thị Kim 10Úckim. Gñ. Kim Lov 10Úckim. Diệu Thức &

Thanh Mai 100Úckim. Bửu Trí 30Úckim. Thanh Tư 40Úckim. Thanh Vi 50Úckim. Diệu Sinh 50Úckim. Liễu Ngọc & Thanh độ 100Úckim. Từ Hội 40Úckim. Từ Thư 40Úckim. Thanh Tú & Thanh Diễm 100Úckim. Tâm Châu & Tịnh Phước 100Úckim. Chúc Bạch 50Úckim. đức Tài 20Úckim. Chúc Nhạn Lâm Thị Mỹ Dung 50Úckim. Chúc Lãm 50Úckim. Diệu đức 50Úckim. Chúc Vượng 10Úckim. Chúc Quyền 50Úckim. Chúc Quảng Hoa 50Úckim. Tâm Kỉnh 40Úckim. Lê Diệu 50Úckim. Sư Cô Giác Trí 100Úckim. Giác định 50Úckim. đồng Thích 100Úckim. Viên Hương 50Úckim. Ẩn danh 50Úckim. Viên Ngọc 20Úckim. Minh Thành & Diệu Hằng 100Úckim HHHL đh. Chúc Chơn Nguyễn Thị Tám. Cộng: 2.670 AUD

đức Quốc & các nước ở Âu Châu: Mạc Thị Ngọc Minh (Belgique) 200€ HHHL Thân mẫu Nguyễn Thị Thọ và Phu quân Tăng Phát Minh. Diệu Hiền Võ Thị Lành 50€. đồng Huệ Huỳnh Thị đại (Ravensburg) 50€. Trần Nhật Linh (Danmark) 127,25€. Hoa Tâm 50€. Thiện Từ (Metzingen) 20€. (France): Diệu Tịnh Trương Thanh Thủy 25€. Quảng Chánh Somas Rukmany 15€. Mme Phạm Văn Thâng 50€ HH khắp pháp giới chúng sanh và các HL Phạm Văn Thuật & Phạm Văn Thâng. Mlle Phạm Thị Mỹ 15€. Võ Văn Thắng 25€. Lý Tùng Phương (Schermbeck) 20€. Phan Quang, Phan Fu Xiang, Phan Tiểu Muội, Phan Michael & Phan Jasmin (Hagen) 10€. Hồ Thị Thu Hà (Münster) 50€. Nguyễn Thị Thu Nguyệt (Mayen) 50€. Hà Ngọc Thịnh & Tạ Thị Thanh Huyền (Sande) 20€. Li, Trần Thúy Phượng (Pforzheim) 15€. Lâm Kim Khánh & Lê Thị Phương Tâm (Mönchengladbach) 50€. Thiện Duyên Lê Thị Thân 20€. Nguyễn Văn Vũ & Nguyễn Thi T. Trinh (München) 50€. (Berlin): Nguyễn Chánh Trực 25€. Lê Tam 50€. Ân Viên Mã Yến Huê (Wuppertal) 50€. Thái Nguyệt Cung 100€. HL. Trần Duyệt Hùng Pd đồng Thoát 15€. Nguyên Thanh 76€. Lưu A Hương 76€. Ẩn danh 382€. Ẩn danh 76€. Nguyễn Truyện 23€. HHHL Cụ Nguyễn Tăng Mậu Pd Thiện Lâm 76€. đào Công Cần (Düsseldorf) 50€. Nguyễn Văn Chính (Biblis) 25€. đặng Giang Toàn (Ostfildern) 25€. Thương Ziegler (Bayreuth) 5€. Cam Kim Hường & Nguyễn Văn Phú (Reutlingen) 10€. Thiện Hảo Nguyễn Thị Viễn

Phương (Kruft) 30€. Trần Kim Phượng (Ingolstadt) 5€. đồng Giới Nguyễn Thị Thiên Hương (Italia) 25€. Diệp Thị Sơn (Aalen) 10€. (Laatzen): Viên Tuyết Trần Thị Hiền 15€. Thiện Giác Hồ Vĩnh Giang 5€. (Karlsruhe): Tịnh Trí Vũ Thị Minh Hằng 15€. Nguyễn Thị Ngọc Linh 50€. (Eisleben): Trí Thảo Huỳnh Thị Kim Nguyên 25€ HHHL Thân mẫu Diệu Hiền Vũ Thị Ngọc Lang. (Hamburg): Nguyên Hương Phạm Ngọc Quỳnh Hương 10€. Stefan Ngọc Phượng Pd. Thiện Tiên 10€. Diệu Khai Trần Thị Hồng Thu (Krefeld) 5€. Diệu Thanh Nguyễn Thị Thu Thủy (Nienburg) 5€. Liên Hương Vũ Thị Hiền (Renningen) 10€. Bành Vinh Hoa (Ludwigshafen) 15€. đặng Trần Thị Nga (Esslingen) 50€. Diệu Hòa Phạm Thị Tiết Hồng (Friedrichshafen) 10€. (Frankfurt/M): Trần Tú Anh 25€. Hà điền Long 20€. Thiện Thủy Nguyễn Thị Kim 20€ HHHL

524 Phương Danh Ấn Tống

Tả Nhuận. Thiện đức Huỳnh Lê Diệu Phước 10€. Nguyễn Thị Tâm (Lehrte) 5€. Hồ Quốc Cường & Trần Ngọc Ảnh (Hồ Lệ Sương) (Österreich) 10€. Thái Nguyệt Cầu (Moschheim) 10€. (Offenbach): Trần Thị Nghĩa 5€. Trần Thị Lan Phương 5€. Trần Thị Hải Yến (Stuttgart) 5€. Nguyễn Thị Thanh Hoa (Grossenkneten) 5€. Nguyễn Thị Hoàng Giang & Vũ Hồng Minh (Norderney) 20€. Lâm Ngọc Lan (Biel/Schweiz) 53€. Nguyễn Thị Mỹ Ngọc (Aldelhoren) 20€. Nguyễn Binh Dương (Erkrath) 10€. Mme Phạm Ngọc đảnh Pd đạt Huệ (Bruchköbel) 10€. Huỳnh Thị Tư (Celle) 10€. Nguyễn Cao (Bergkamen) 25€. Vương Khắc Vũ (Borkum) 20€.Lê Thị Thu (Bitburg) 5€. Trần Văn Danh & Trần Thị Phúc (Nürnberg) 5€. Mạc Sau Can (Speyer) 25€. Vũ Thị Xuyến (Würzburg) 10€. Thiện Liên Lâm Thị Maier và các con Daniel Minh Maier & Dieter Maier (Neu-Ulm) 10€ HH cho mẹ hết nghiệp chướng, bệnh tật tiêu trù. (Krefeld): Diệu Khai Phạm Thị Quyển 20€. Diệu Phúc Lý Hồng Diễm & Minh Phát Lý Tấn Vạng 50€. Nguyễn Mỹ Ly (Pforzheim) 10€. Diệu Ngọc & Quảng Tâm (Karlsbad) 20€. Trần Duyệt Sanh (Nordhausen) 30€. Trương Ngọc Phương (Ingelfingen) 15€. Nguyễn Thị Hương (Dortmund) 30€. Ngô Thị Thắng (Frankfurt) 50€. Phan Thị Như Hoa (Zwingenberg) 15€. (Hamburg): Nguyễn Thị Nhàn 10€. Van Han Tai 110€. Nguyễn Minh Thiện 40€. Diệu Nhẫn Giang Lệ Kiên Griem 10€. Hoàng Thị Thủy (Marburg) 5€. Nguyễn Thị Kim Yến (Essen) 15€. Bùi Ngọc Phước (Leverkusen) 10€. (Hannover): Gñ. Mai & Sử 20€. Trần Thị Minh Tâm 40€. đỗ Thị Mai 25€. Thiện Phú Lê Thị Bích Lan 10€. đoàn Sơn (đoàn Lê) (Winterbach) 100€ HHHL đoàn Sang và Trương Thị Luyến. (Düsseldorf): Hứa Thiện Thanh 10€. Trịnh Thị Tuyết Nga 5€. Nguyễn Thị Vẻ 5€. Elyne Kha 50€. Ô Thị Hai Pd Ngọc Bình (Meppen) 30€. (Duisburg): Lê Thị Lê 20€. Trương Phạm đẹp 25€. Nguyễn Việt Nga (Kaiserlautern) 5€. (Freiburg): Chan Man Tai 10€. Minh đức Trần Tuấn Hùng 20€. đinh Thị Hương (Stuhr) 10€. Diệu Minh Mai Thị Kim Thành (Berlin) 100€. Thiện Lai Hà Ngọc Diệp (Mönchengladbach) 50€. Phan Quỳnh Trâm (Mannheim) 5€. Nguyễn Thị Phượng (Delmenhorst) 50€. Nguyễn Văn Xiếu (Barntrup) 10€. Nguyễn Khắc Hiếu (Timmendorfer-Strand) 30€. Gñ. Huỳnh Lai Dân 50€ HHHL Trương Thu Phụng Pd. Diệu Giác. Chánh đức đinh 25€. Thiện Ấn Huỳnh Diệp Văn 20€. Giác Thư đặng Thị Vân Anh 15€. Diệu Ngọc Huỳnh Mỹ Anh (Aachen) 25€. Gñ. Minh Hải (SBL) 125€. Huệ Phương Trần Ngọc Huệ (Münster) 15€. (Wolfsburg): đồng Tịnh Trần Thị Lan 15€. đồng Tâm Lê Văn Việt 10€. Phan Hoài Thu 5€. Phạm Thị Lanh (Bielefeld) 10€. Huệ Hiền Lý Thanh Tân (Braunschweig) 5€.

Diệu Thịnh Trần Thu Thủy (Wilhelmshaven) 5€. Fam. Lý Giang Lăng Mai (Saarbrücken) 100 HHHL Trần Văn Của Pd Minh Phúc. (Wedel (Holstein)): đồng Liên Tạ Ngọc Hoa 20€. Nguyễn Thị Bích Thủy & đỗ Văn Nguyên 5€. Vũ Thị Nhinh (Eschwege) 55€. Trí Ngọc Mã Kim Quí (Nettetal-Breyell) 25€. (Magdeburg): Võ Thị Thủy 60€. Nguyễn Thị Phượng 10€. Trần Thể Huê (Coesfeld) 25€. Mã Diễm Anh (Oberhausen) 5€. (Sulingen): Giác đăng Nguyễn Thị Thanh Huyền 20€. Giác Thư đặng Thị Vân Anh 20€. Hoàng Văn Hồng (Offenbach) 15€.

Tư Tưởng Tịnh độ Tông 525

Diệu Hạnh Nguyễn Thị đức (Ingolsatdt) 10€. Trần Lệ Sương (Ronnenberg) 5€. Trần Thị Kim Doanh (Esslingen) 5€. Phạm Ngô Kim Anh (France/Metz Borny) 10€. Lê Thị Tuyết (Österreich/Wien) 10€. Nguyên Giác Nguyễn Tứ Ngọc Huyền (Groß-Zimmern) 40€. Nguyễn Thị Nhung (Homburg) 5€. (Chùa Viên Giác): Sư Cô Thích Nữ Hạnh Ân 20€. Sư Cô Thích Nữ Hạnh Ngộ 100€. Sư Cô Thích Nữ Hạnh Bình 20€. đồng Hoa Huỳnh Thị Lan (Seelze) 25€. Thiện Giới Trần Thị Ba (Böblingen) 50€. Cộng: 4.849,25 €

Tổng Cộng : 15.430 USD
1.450 CAD
2.670 AUD
4.669,25 €

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.